A-LIN



TOÀN TẬP – TẬP 6

VÔ SẢN TẤT CẢ CÁC NƯỚC, LIÊN HỢP LẠI !

STA - LIN

TOÀN TẬP

6

BẢN TIẾNG NGA ĐÃ ĐƯỢC XUẤT BẢN THEO NGHỊ QUYẾT CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN (B) TOÀN LIÊN - XÔ

ИНСТИТУТ МАРКСА — ЭНГЕЛЬСА — ЛЕНИНА
ПРИ ЦК ВКП (б)

И. В. СТАЛИН

СОЧИНЕНИЯ

ГОСУДАРСТВЕННОЕ ИЗДАТЕЛЬСТВО
ПОЛИТИЧЕСКОЙ ЛИТЕРАТУРЫ
МОСКВА — 1953

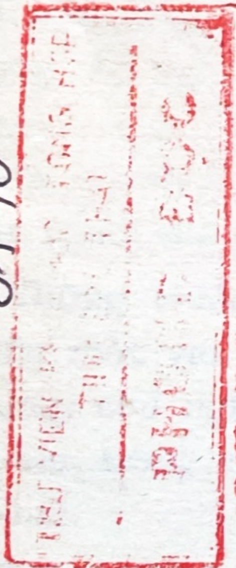
J. V. STA-LIN

TOÀN TẬP

TẬP

6

1924



NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

HÀ-NỘI—1969

LỜI TỰA

J. V. Sta-lin *Toàn tập* tập 6 gồm những trước tác viết năm 1924.

Năm 1924 là năm đầu tiên đảng bôn-sê-vích và nhân dân xô-viết đã tiếp tục công tác — có tính chất sáng tạo — xây dựng chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của đồng chí Sta-lin sau khi V. I. Lê-nin mất đi. Đồng chí Sta-lin đã đoàn kết đảng xung quanh Ban Chấp hành trung ương và động viên đảng đấu tranh cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô.

Những trước tác của đồng chí Sta-lin in trong tập này đóng một vai trò rất to lớn trong việc đánh bại, về mặt tư tưởng, chủ nghĩa Tơ-rốt-ski và những tập đoàn khác chống Lê-nin, trong việc bảo vệ, luận chứng và phát triển chủ nghĩa Lê-nin.

Tập sáu mở đầu bằng bài nói chuyện của đồng chí Sta-lin với phóng viên Thông tấn xã Nga: «Về cuộc tranh luận» và bản báo cáo ở hội nghị đại biểu XIII Đảng cộng sản (b) Nga: «Về những nhiệm vụ trước mắt trong công tác xây dựng đảng»; hai tác phẩm này là nhằm bóc trần chủ nghĩa Tơ-rốt-ski và đấu tranh cho sự thống nhất của đảng bôn-sê-vích về tư tưởng và về tổ chức.

Trong bài diễn văn «Truy điệu Lê-nin» đọc ở đại hội II các Xô-viết toàn Liên-xô, đồng chí Sta-lin đã thay mặt đảng bôn-sê-vích đọc lời thề vĩ đại, nguyện thành kính gìn giữ và thực hiện những lời di huấn của V. I. Lê-nin.

Trong tập này còn có tác phẩm nổi tiếng của J. V. Sta-lin «Về những nguyên lý của chủ nghĩa Lê-nin», trong đó chủ nghĩa Lê-nin được trình bày một cách tài tình và được lập luận về mặt lý luận.

Những tác phẩm: «Báo cáo tổ chức của Ban Chấp hành trung ương trước đại hội XIII Đảng cộng sản (b) Nga», «Về những kết quả chung của đại hội XIII Đảng cộng sản (b) Nga», «Bàn về tình hình quốc tế», «Về những nhiệm vụ trước mắt của đảng ở nông thôn» và những tác phẩm khác trong tập này đã đề cập đến những vấn đề: tình hình quốc tế, sinh hoạt trong nội bộ đảng và củng cố đảng, liên minh công nông, giáo dục và cải tạo quần chúng lao động theo tinh thần chủ nghĩa xã hội.

Tập này được kết thúc bằng trước tác «Cách mạng tháng Mười và sách lược của những người cộng sản Nga», trong đó đã khái quát về mặt lý luận kinh nghiệm của cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại, đã luận chứng và phát triển học thuyết Lê-nin về sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội trong một nước.

«Thư gửi đồng chí Đê-mi-an Bét-nư» lần đầu tiên được công bố trong tập này.

Viện Mác — Ăng-ghen — Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô

1924

VỀ CUỘC TRANH LUẬN

Nói chuyện với phóng viên Thông tấn xã Nga
9 tháng Giêng 1924

Chỉ có cuộc hội nghị đại biểu đảng toàn Liên-xô sắp họp sau đây một tuần lễ, mới sẽ tổng kết cuối cùng về cuộc tranh luận đã được tiến hành một cách rộng rãi trong Đảng cộng sản (b) Nga và trên báo chí của đảng. Ngay từ bây giờ, căn cứ vào những nghị quyết hiện có của các tổ chức đảng ở các nơi gửi đến, đã có thể thấy một điều không thể nghi ngờ gì nữa là hơn 90% toàn thể quần chúng đảng viên Đảng cộng sản (b) Nga tán thành lập trường của Ban Chấp hành trung ương.

Đảng biết rõ rằng những kẻ thù của chúng ta mưu toan lợi dụng cuộc tranh luận đã được tiến hành này để phao ra đủ mọi điều bịa đặt về sự tan rã của Đảng cộng sản (b) Nga, về sự suy yếu của Chính quyền xô-viết v.v.. Đánh giá như vậy về cuộc tranh luận của chúng ta thì chí ít cũng là đáng buồn cười. Thực ra, những cuộc tranh luận đã nhiều lần nổ ra trong đảng chúng ta đều luôn luôn dẫn tới kết quả là chấm dứt sự bất đồng ý kiến. Sau những cuộc tranh luận ấy, đảng bao giờ cũng trở nên đoàn kết hơn, và củng cố hơn. Cuộc tranh luận lần này biểu lộ sự trưởng thành về chính trị đến một mức độ hết sức cao của quần chúng công nhân là những người thể hiện quyền lực Nhà nước ở Liên-xô. Cần phải nói rằng — và bất cứ ai hiểu nội dung cuộc tranh luận cũng đều có thể thấy rõ điều này — tuyệt đại đa số trong đảng đều hoàn toàn thống

nhất ý kiến trên tất cả những vấn đề cơ bản về chính trị và kinh tế. Những cơ sở của chính sách đối ngoại và đối nội của chúng ta vẫn bất di bất dịch.

Thực chất của cuộc tranh luận rất hăng say trong tất cả mọi cuộc họp của các tổ chức đảng, là như sau:

1. Đảng chúng ta có cần phải là một cơ thể thống nhất độc lập, với một ý chí thống nhất, hay không, hay là trái lại, nên để cho thành lập ở trong đảng những phe phái riêng rẽ và những tập đoàn riêng rẽ với tư cách là những bên hiệp thương với nhau?

2. Cái gọi là chính sách kinh tế mới, về căn bản, đã được chứng minh là đúng hay còn cần phải xét lại?

Ban Chấp hành trung ương cùng tuyệt đại đa số trong đảng cho rằng đảng phải là một đảng thống nhất, rằng chính sách kinh tế mới không cần phải xét lại. Nhóm đối lập gồm một số người ít ỏi trong đó có đôi ba nhân vật có danh tiếng, thì lại giữ quan điểm khác với quan điểm của toàn đảng nói chung.

Thông qua cuộc tranh luận toàn diện và đồng thời hoàn toàn công khai, đảng cố gắng làm sáng tỏ tất cả những chi tiết của vấn đề này. Về vấn đề này, hội nghị đại biểu đảng ra một quyết định có uy lực và có tính chất bắt buộc toàn thể đảng viên phải chấp hành.

Đồng chí Sta-lin kết thúc: tôi tin chắc rằng, do cuộc tranh luận, đảng sẽ mạnh hơn và thống nhất hơn bao giờ hết và sẽ có thể hoàn thành tốt hơn nữa nhiệm vụ lãnh đạo đời sống của một nước rất to lớn trong điều kiện kinh tế và văn hóa đã bắt đầu phát triển nhanh chóng.

Báo «Bình minh phương Đông» số 473, 10 tháng Giêng 1924

HỘI NGHỊ ĐẠI BIỂU XIII ĐẢNG CỘNG SẢN (B) NGA

16 - 18 tháng Giêng 1924

Hội nghị đại biểu Đảng cộng sản (bôn-sê-vích) Nga lần thứ mười ba.
Bản tin, Mạc-tư-khoa, 1924

1. BÁO CÁO VỀ NHỮNG NHIỆM VỤ TRƯỚC MẮT TRONG CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

17 tháng Giêng

Thưa các đồng chí! Thông thường thì trong các cuộc hội nghị tranh luận những diễn giả của chúng ta hay bắt đầu từ lai lịch của vấn đề: vấn đề dân chủ trong nội bộ đảng đã nảy sinh như thế nào, ai là người đầu tiên đã nói điểm A, sau đó ai đã phát biểu điểm B và v.v.. Tôi cho rằng phương pháp này không thích dụng đối với chúng ta, vì nó chỉ mang lại yếu tố cãi lộn và trách cứ lẫn nhau chứ không đem đến một cái gì hay ho cả. Tôi cho rằng nếu chúng ta bắt đầu từ vấn đề sau đây thì sẽ tốt hơn nhiều: đảng đã có thái độ như thế nào đối với nghị quyết của Bộ Chính trị về dân chủ[2], là nghị quyết mà về sau đã được hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương phê chuẩn.

Tôi cần phải chỉ rõ rằng nghị quyết này có lẽ là nghị quyết duy nhất trong toàn bộ lịch sử đảng ta đã được toàn đảng hoàn toàn tán thành — tôi có thể nói: đúng là nhất trí tán thành — sau khi đã tranh luận kịch liệt về vấn đề dân chủ. Thậm chí cả những tổ chức và chi bộ đối lập và nói chung là có thái độ chống lại đa số trong đảng và chống lại Ban Chấp hành trung ương, thậm chí cả những tổ chức và chi bộ đó, mặc dầu hết sức muốn bới lông tìm vết nhưng cũng không tìm ra được cớ và lý do để bẻ họe; và thông thường trong những

nghị quyết của mình, những tổ chức và chi bộ này, một mặt thì thừa nhận sự đúng đắn của những luận điểm cơ bản trong nghị quyết của Bộ Chính trị về dân chủ trong đảng, nhưng mặt khác lại cố gắng tỏ ra khác với các tổ chức khác ở một điểm gì đó, họ thêm vào nghị quyết một cái đuôi cỏn con nào đấy. Chẳng hạn như: vâng, tất cả những điều các đồng chí nói đều tốt cả, nhưng xin đừng xúc phạm đến Tơ-rốt-ski; hoặc như thế này nữa: tất cả các điều những đồng chí nói đều đúng, nhưng hơi chậm, tất cả những điều đó nếu được nói đến sớm hơn thì tốt. Ở đây tôi không nêu vấn đề ai xúc phạm ai. Tôi cho rằng nếu phân tích kỹ càng, thì có thể thấy câu châm ngôn nổi tiếng về Tít Ti-tức* khá là thích hợp với Tơ-rốt-ski: «Ai xúc phạm nhà ngươi, Tít Ti-tức? Chính bản thân nhà ngươi xúc phạm mọi người đấy». *(Có tiếng cười)* Nhưng tôi đã nói là tôi sẽ không đi sâu vào vấn đề này. Thậm chí tôi cho rằng sự thực là có người nào đó xúc phạm Tơ-rốt-ski. Nhưng phải chăng vấn đề là ở đó? Vấn đề xúc phạm có cái gì là có tính nguyên tắc không? Vấn đề là ở mặt nguyên tắc của nghị quyết, chứ không phải là chỗ ai xúc phạm ai. Qua đó, tôi muốn nói rằng, ngay cả những chi bộ và những tổ chức đối lập một cách gay gắt và thô lỗ cũng không dám phản đối, về mặt nguyên tắc, một điều gì về nghị quyết của Bộ Chính trị Ban Chấp hành trung ương và của Đoàn chủ tịch Ban Kiểm tra trung ương. Tôi khẳng định sự thực đó để một lần nữa chỉ rõ rằng khó mà tìm thấy trong toàn bộ lịch sử đảng ta một trường hợp khác tương tự như vậy, tức là sau khi trải qua khói lửa của cuộc tranh luận kịch liệt, bản nghị quyết không những được đa số tán thành mà còn thật sự là được toàn đảng nhất trí tán thành.

---

* Tít Ti-tức: là tên một nhân vật chính trong vở kịch «Chịu tội thay người» của nhà viết kịch Nga A. N. Ốt-tơ-rốp-ki. Hắn là một tên phú thương. Đó là một nhân vật tư sản điển hình về tính tự tư tự lợi, dốt nát và ngang bướng. (*B.T.*)

Từ đó tôi rút ra hai kết luận. Kết luận thứ nhất : như vậy là nghị quyết của Bộ Chính trị và Ban Kiểm tra trung ương hoàn toàn đáp ứng với những nhu cầu và yêu cầu của đảng trong lúc này. Và kết luận thứ hai : như vậy là sau cuộc tranh luận đó về vấn đề dân chủ trong đảng, đảng sẽ vững mạnh và đoàn kết chặt chẽ hơn. Kết luận này có thể nói là một đòn đánh trúng vào những kẻ ngoại quốc không có thiện ý với chúng ta, đã từ lâu bọn chúng hí hửng đắc ý về cuộc tranh luận của chúng ta, tưởng rằng do cuộc tranh luận đảng ta sẽ yếu đi và chính quyền sẽ bị tan rã.

Tôi sẽ không nói nhiều về thực chất của chế độ dân chủ trong đảng. Những nguyên tắc của chế độ dân chủ này đã được trình bày trong nghị quyết, nghị quyết đã được thảo luận sâu rộng trong toàn đảng, — tôi nhắc lại ở đây để làm gì ? Tôi chỉ nói một điều là, một chế độ dân chủ rộng rãi và dân chủ hoàn toàn, rõ ràng là sẽ không có. Rõ ràng là chế độ dân chủ này sẽ là chế độ dân chủ trong khuôn khổ mà đại hội X, XI và XII của đảng đã quy định. Những khuôn khổ đó là gì, — về điểm này các đồng chí đều đã biết rất rõ, nên ở đây tôi cũng sẽ không nhắc lại. Tôi cũng sẽ không nói nhiều về vấn đề : tăng cường tính tích cực và tinh thần tự giác của quần chúng đảng viên là điều đảm bảo cơ bản để cho dân chủ trong đảng được thấm sâu vào xương máu của đảng ta. Điểm này cũng đã được nói tới một cách khá tỉ mỉ trong nghị quyết của chúng ta.

Bây giờ tôi chuyển sang vấn đề một số đồng chí và một số tổ chức trong đảng ta đã bái vật hóa vấn đề dân chủ, coi đó như một cái gì tuyệt đối, ở ngoài thời gian và không gian. Qua đó tôi muốn nói rằng dân chủ không phải là một cái gì cố định đối với mọi lúc và mọi điều kiện, vì có những lúc không thể và không có lý do thực hiện dân chủ. Muốn cho dân chủ trong đảng trở thành điều có thể thực hiện được thì cần phải có hai điều kiện hay là hai loại điều kiện, điều kiện bên trong

và điều kiện bên ngoài; không có hai loại điều kiện ấy mà nói đến dân chủ thì vô ích.

Thứ nhất, cần phải làm cho công nghiệp phát triển, làm cho tình hình sinh hoạt vật chất của giai cấp công nhân không xấu đi, làm cho giai cấp công nhân phát triển về số lượng, làm cho trình độ văn hóa của giai cấp công nhân được nâng cao, và làm cho giai cấp công nhân cũng phát triển cả về mặt chất lượng nữa. Cần phải làm cho đảng, với tư cách là đội tiền phong của giai cấp công nhân, cũng phát triển trước hết là về chất lượng và trước hết là dựa vào việc thu hút những phần tử vô sản trong nước. Những điều kiện có tính chất bên trong ấy là tuyệt đối cần thiết để có thể đặt vấn đề thực hiện thật sự, chứ không phải thực hiện trên giấy, chế độ dân chủ trong đảng.

Nhưng chỉ có những điều kiện ấy thôi thì chưa đủ. Tôi đã nói là còn một loại điều kiện thứ hai nữa, những điều kiện có tính chất bên ngoài; không có những điều kiện này thì không thể thực hiện dân chủ trong đảng được. Tôi muốn nói đến một số những điều kiện quốc tế nhất định, những điều kiện ấy ít nhiều đảm bảo được hòa bình và đảm bảo được việc hòa bình phát triển; không có những điều kiện ấy thì dân chủ trong đảng sẽ là điều không thể tưởng tượng được. Nói một cách khác, nếu có kẻ địch tấn công chúng ta và chúng ta buộc phải cầm vũ khí để bảo vệ đất nước thì không thể nói đến dân chủ, vì lúc đó chúng ta buộc phải hạn chế dân chủ. Lúc đó đảng sẽ được động viên, chắc chắn là chúng ta sẽ quân sự hóa đảng, như thế vấn đề dân chủ trong đảng tự nhiên sẽ không còn nữa.

Chính vì thế tôi cho rằng cần phải tùy theo điều kiện mà xem xét vấn đề dân chủ, không thể có chủ nghĩa bái vật trong những vấn đề dân chủ trong đảng, vì, như các đồng chí đều thấy, việc thực hiện dân chủ trong đảng phụ thuộc vào những điều kiện cụ thể về thời gian và địa điểm ở vào từng thời kỳ nhất định.

Để không còn có những sự say mê không cần thiết và những lời buộc tội vô căn cứ nữa, tôi cũng cần phải nhắc đến những trở ngại đang đứng trước đảng trong việc thực hiện dân chủ, những trở ngại này cản trở việc thực hiện dân chủ ngay cả khi có hai điều kiện thuận lợi cơ bản nói trên, tức là những điều kiện bên trong và những điều kiện bên ngoài. Thưa các đồng chí, những trở ngại đó đang tồn tại và ảnh hưởng một cách sâu sắc đến công tác đảng của chúng ta, cho nên tôi không có quyền bỏ qua không nói đến những trở ngại ấy. Những trở ngại đó là gì?

Thưa các đồng chí, những trở ngại đó gồm có, thứ nhất là: trong đầu óc một bộ phận cán bộ chúng ta còn có những tàn dư của thời kỳ chiến tranh trước kia, tức là khi đảng ta còn quân sự hóa, — những tàn dư đó đẻ ra một số quan điểm không mác-xít cho rằng đảng ta không phải là một cơ thể độc lập, có sinh hoạt tư tưởng và sinh hoạt thực tiễn độc lập, mà là một cái gì đó giống như một hệ thống những cơ quan cấp dưới, cấp giữa và cấp trên. Đành rằng quan điểm tuyệt đối không mác-xít này chưa hình thành hẳn hoi ở một nơi nào cả, chưa được trình bày hẳn hoi ở đâu cả, nhưng những nhân tố của quan điểm này thì lại tồn tại trong đầu óc một bộ phận cán bộ chúng ta hiện đang gánh những trách nhiệm trong đảng; những nhân tố ấy cản trở các cán bộ này thực hiện dân chủ trong đảng một cách triệt để. Chính vì vậy mà đấu tranh với những quan điểm ấy, đấu tranh với những tàn dư của thời kỳ chiến tranh ở trung ương cũng như ở các địa phương, là nhiệm vụ trước mắt của đảng.

Trở ngại thứ hai trên con đường thực hiện dân chủ trong đảng là áp lực hiện có của bộ máy Nhà nước quan liêu đối với bộ máy đảng, đối với những cán bộ đảng của chúng ta. Áp lực của bộ máy cồng kềnh này đối với những cán bộ đảng của chúng ta không phải bao giờ cũng thấy rõ và không phải bao giờ cũng đập vào mắt, nhưng áp lực đó không ngừng lại

một giây phút nào cả. Áp lực đó của bộ máy Nhà nước quan liêu cồng kềnh cuối cùng được biểu hiện ra ở chỗ là: hàng loạt cán bộ chúng ta ở trung ương cũng như ở địa phương đã xa rời — nhiều khi ngoài ý muốn và hoàn toàn không tự giác — nền dân chủ trong đảng, đi chệch khỏi đường lối mà họ tin là đúng nhưng nhiều khi không đủ sức thực hiện được đến cùng. Các đồng chí có thể hình dung một bộ máy Nhà nước quan liêu có ít nhất là một triệu viên chức, trong số đó đại bộ phận là những phần tử xa lạ đối với đảng, còn bộ máy của đảng chúng ta thì có không quá hai, ba vạn người có sứ mệnh làm cho bộ máy Nhà nước chịu sự chi phối của đảng, có sứ mệnh xã hội chủ nghĩa hóa bộ máy Nhà nước. Không có sự ủng hộ của đảng thì bộ máy Nhà nước của chúng ta có giá trị gì? Không có sự giúp đỡ, không có sự ủng hộ của bộ máy đảng của chúng ta thì, thật đáng tiếc, bộ máy Nhà nước có rất ít giá trị. Vì thế mỗi khi bộ máy đảng ta nhúng tay vào mọi ngành quản lý Nhà nước thì thường hay buộc phải làm cho công tác đảng trong các cơ quan này giống như công tác của những cơ quan Nhà nước. Cụ thể là: đảng phải tiến hành công tác giáo dục chính trị cho giai cấp công nhân, nâng cao sự giác ngộ của giai cấp công nhân, đồng thời cũng phải thu thuế lương thực, mở một cuộc vận động nào đó, vì không có sự vận động, không có sự giúp đỡ của đảng thì những cơ quan Nhà nước không thể hoàn thành được nhiệm vụ của mình. Ở đây, cán bộ của chúng ta đứng giữa hai hỏa tuyến: một mặt cần phải sửa chữa đường lối công tác của những cơ quan Nhà nước đang hoạt động theo kiểu cũ, mặt khác lại phải giữ mối liên hệ với công nhân. Cho nên ở đây bản thân cán bộ của chúng ta cũng thường hay bị quan liêu hóa.

Đó là trở ngại thứ hai; khắc phục trở ngại đó có khó khăn, nhưng dù thế nào cũng phải khắc phục cho bằng được để làm dễ dàng cho việc thực hiện dân chủ trong đảng.

Cuối cùng còn có trở ngại thứ ba nữa trên con đường thực hiện dân chủ, — đó là trình độ văn hóa thấp của cả một loạt tổ chức và chi bộ của chúng ta, đặc biệt là ở các vùng biên cương (ở đây không có ý xúc phạm đến các tổ chức và các chi bộ ấy); điều này cản trở những tổ chức đảng của chúng ta thực hiện triệt để dân chủ trong đảng. Các đồng chí đều biết rằng dân chủ đòi hỏi các đảng viên trong chi bộ và trong toàn cả tổ chức phải có một trình độ văn hóa tối thiểu nào đó, đòi hỏi phải có một số tối thiểu nào đó những cán bộ tích cực có thể được lựa chọn và đề bạt vào các cương vị công tác. Còn nếu trong một tổ chức nào đó không có một số tối thiểu những cán bộ tích cực như vậy, nếu trình độ văn hóa của bản thân tổ chức ấy cũng thấp, — thì phải làm thế nào? Lẽ tự nhiên là trong trường hợp này sẽ buộc phải xa rời dân chủ và dùng đến biện pháp chỉ định người phụ trách v.v..

Đó là những trở ngại đã đứng trước chúng ta và sẽ còn đứng trước chúng ta; chúng ta phải khắc phục những trở ngại ấy để thực hiện dân chủ trong đảng một cách thành thực và triệt để.

Sở dĩ tôi nhắc các đồng chí chú ý tới những trở ngại đang đứng trước chúng ta và nhắc đến những điều kiện bên ngoài và bên trong — không có những điều kiện này thì dân chủ sẽ biến thành một câu nói mị dân rỗng tuếch, — là vì có một số đồng chí đã bái vật hóa, tuyệt đối hóa vấn đề dân chủ, cho rằng dân chủ có thể thực hiện được trong mọi lúc và trong mọi điều kiện, và cho rằng chỉ có «ác» ý của «những cán bộ công tác ở các cơ quan» mới cản trở việc thực hiện dân chủ. Thưa các đồng chí, chính là để chống lại cái quan điểm duy tâm, quan điểm không phải của chúng ta, phi mác-xít, không lê-nin-nít ấy, mà tôi đã nhắc các đồng chí chú ý đến những điều kiện thực hiện dân chủ và những trở ngại hiện đang đứng trước chúng ta.

Thưa các đồng chí, đến đây tôi có thể kết thúc bản báo cáo của tôi, nhưng tôi cho rằng chúng ta phải tổng kết cuộc tranh luận và từ đó rút ra một số kết luận có thể có ý nghĩa quan trọng đối với chúng ta. Tôi có thể chia toàn bộ cuộc đấu tranh của chúng ta — về phương diện tranh luận — về vấn đề dân chủ, ra làm ba thời kỳ.

Thời kỳ thứ nhất: phái đối lập công kích Ban Chấp hành trung ương và buộc tội Ban Chấp hành trung ương là trong hai năm gần đây, trong suốt thời kỳ Chính sách kinh tế mới nói chung, toàn bộ đường lối của Ban Chấp hành trung ương không đúng. Đó là thời kỳ trước khi công bố quyết nghị của Bộ Chính trị và của Đoàn chủ tịch Ban Kiểm tra trung ương. Ở đây tôi sẽ không nói đến vấn đề ai đúng, ai sai. Những cuộc công kích này rất ác liệt và, như các đồng chí đã biết, không phải bao giờ những sự công kích ấy cũng có căn cứ. Nhưng có điều rõ ràng là có thể gọi thời kỳ này là thời kỳ phái đối lập công kích Ban Chấp hành trung ương nhiều nhất.

Thời kỳ thứ hai bắt đầu từ khi nghị quyết của Bộ Chính trị và của Ban Kiểm tra trung ương được công bố, từ khi phái đối lập ở vào hoàn cảnh phải đưa ra một cái gì hoàn chỉnh và cụ thể để đối lập với nghị quyết của Ban Chấp hành trung ương, và từ khi phái đối lập không có được một cái gì hoàn chỉnh và cụ thể cả. Đó là thời kỳ xích lại gần nhau nhất giữa Ban Chấp hành trung ương và phái đối lập. Có lẽ nếu phái đối lập có một sự điều hòa nào đó với đường lối của Ban Chấp hành trung ương thì vấn đề đã kết thúc hoặc đã có thể kết thúc rồi. Tôi nhớ rõ là ở Mạc-tư-khoa, trung tâm của cuộc luận chiến, hình như vào ngày 12 tháng Chạp, trong cuộc hội nghị ở Phòng họp Cột tròn, Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski đã đưa ra một nghị quyết án; không hiểu vì sao nghị quyết án đó đã bị bác bỏ, nhưng nó không khác với nghị quyết của Ban Chấp hành trung ương mấy. Về cơ bản, thậm chí ở cả một số điểm thứ yếu, nghị quyết án này hoàn toàn không trái với nghị quyết

của Ban Chấp hành trung ương. Lúc đó tôi cho rằng thật ra không còn gì để tranh cãi nữa : đã có nghị quyết của Ban Chấp hành trung ương, nó thỏa mãn tất cả mọi người, ít ra là thỏa mãn được chín phần mười, bản thân phái đối lập rõ ràng là cũng cảm thấy điều đó và tán thành nghị quyết này, do đó có thể là chúng ta sẽ chấm dứt những bất đồng ý kiến ở đây. Đó là thời kỳ thứ hai, thời kỳ điều hòa.

Nhưng rồi sau đó thời kỳ thứ ba đã đến. Thời kỳ này mở đầu bằng bài phát biểu của Tơ-rốt-ski, tức là việc Tơ-rốt-ski viết thư gửi các khu ; bài phát biểu của Tơ-rốt-ski chỉ trong nháy mắt đã xóa tan những xu hướng điều hòa và làm đảo lộn tất cả. Tiếp theo sau bài phát biểu đó của Tơ-rốt-ski là bắt đầu thời kỳ đấu tranh hết sức kịch liệt ở trong đảng, — cuộc đấu tranh ấy có thể đã không xảy ra nếu như Tơ-rốt-ski không đưa bức thư của mình ngay ngày hôm sau, sau khi Tơ-rốt-ski đã biểu quyết tán thành nghị quyết của Bộ Chính trị Các đồng chí đều biết rằng tiếp theo bài phát biểu thứ nhất của Tơ-rốt-ski là bài phát biểu thứ hai, và tiếp theo bài thứ hai là bài thứ ba, vì vậy cuộc đấu tranh càng trở nên gay gắt hơn.

Thưa các đồng chí, tôi cho rằng trong những bài phát biểu ấy, Tơ-rốt-ski đã phạm ít ra là sáu sai lầm nghiêm trọng. Những sai lầm đó làm gay gắt thêm cuộc đấu tranh trong đảng. Bây giờ tôi xin chuyển sang phân tích những sai lầm ấy.

Sai lầm thứ nhất của Tơ-rốt-ski biểu hiện ngay trong việc đưa ra bài báo vào ngày hôm sau, sau khi nghị quyết của Bộ Chính trị Ban Chấp hành trung ương và của Ban Kiểm tra trung ương được công bố ; bài báo này chỉ có thể coi là cương lĩnh hành động đối lập với nghị quyết của Ban Chấp hành trung ương. Tôi xin nhắc lại và nhấn mạnh rằng, bài báo đó chỉ có thể coi là một cương lĩnh hành động mới, đối lập với nghị quyết đã được nhất trí thông qua của Ban Chấp hành trung ương. Các đồng chí, hãy suy nghĩ một chút mà xem : vào một hôm nào đó, Bộ Chính trị và Đoàn chủ tịch Ban Kiểm tra trung

ương nhóm họp và nêu ra vấn đề nghị quyết về dân chủ trong đảng, nghị quyết này được hội nghị nhất trí thông qua, nhưng chỉ vẻn vẹn sau một ngày nào đó, Tơ-rốt-ski, không kể đến Ban Chấp hành trung ương, trái với ý chí của Ban Chấp hành trung ương, phớt lờ Ban Chấp hành trung ương, lại đem bài báo đó phân phát cho các khu ; đó là một cương lĩnh hành động mới, nó đặt lại vấn đề về bộ máy và đảng, về cán bộ và thanh niên, về những tổ chức bè phái và sự thống nhất đảng, v.v. và v.v. ; toàn bộ phái đối lập vớ lấy cương lĩnh hành động ấy và đem đối lập lại nghị quyết của Ban Chấp hành trung ương. Việc đó chỉ có thể coi là đối lập mình với Ban Chấp hành trung ương. Đó là Tơ-rốt-ski công khai và kịch liệt đối lập mình với toàn thể Ban Chấp hành trung ương. Một vấn đề được đặt ra trước đảng là : chúng ta có Ban Chấp hành trung ương với tính cách là cơ quan lãnh đạo không, hay là không còn có nó nữa ? Ban Chấp hành trung ương mà những nghị quyết đã được nhất trí thông qua đều được toàn thể các ủy viên trong Ban Chấp hành trung ương ấy tôn trọng, — có còn tồn tại hay không, hay là chỉ tồn tại bậc siêu nhân, đứng lên trên Ban Chấp hành trung ương, không chịu tuân theo một luật lệ nào, có thể cho phép mình hôm nay biểu quyết tán thành nghị quyết của Ban Chấp hành trung ương, nhưng ngày mai lại công bố và đề ra một cương lĩnh hành động mới chống lại nghị quyết ấy ? Các đồng chí ạ, không thể đòi hỏi công nhân phục tùng kỷ luật của đảng được, nếu như một trong những ủy viên Ban Chấp hành trung ương công khai, trước mặt mọi người, coi thường Ban Chấp hành trung ương và coi thường nghị quyết đã được nhất trí thông qua của Ban Chấp hành trung ương. Không thể thi hành hai thứ kỷ luật : một thứ đối với công nhân, còn một thứ đối với những người quyền cao chức trọng. Kỷ luật nhất định phải là chỉ có một thứ.

Sai lầm của Tơ-rốt-ski là ở chỗ Tơ-rốt-ski đã đối lập mình với Ban Chấp hành trung ương và tự coi mình là bậc siêu nhân,

đứng lên trên Ban Chấp hành trung ương, đứng lên trên những luật của Ban Chấp hành trung ương, đứng lên trên những nghị quyết của Ban chấp hành trung ương, do đó đã tạo ra cái cớ để cho một bộ phận đảng viên nào đấy tiến hành hoạt động phá hoại sự tín nhiệm đối với Ban Chấp hành trung ương đó.

Một vài đồng chí tỏ ra không hài lòng vì báo *Sự thật* và một số ủy viên Ban Chấp hành trung ương đã vạch ra trong một số bài báo cái hành vi chống đảng đó của Tơ-rốt-ski. Các đồng chí ạ, tôi cần phải trả lời các đồng chí ấy rằng không một đảng nào lại có thể tôn trọng Ban Chấp hành trung ương, nếu trong lúc khó khăn, trong khi có một ủy viên Ban Chấp hành trung ương mưu toan đứng lên trên toàn thể Ban Chấp hành trung ương, mà Ban Chấp hành trung ương đó không tỏ rõ khả năng bảo vệ được phẩm giá của đảng. Ban Chấp hành trung ương sẽ tự giết mình về mặt tinh thần, nếu như Ban Chấp hành trung ương bỏ qua mưu toan đó của Tơ-rốt-ski.

Sai lầm thứ hai mà Tơ-rốt-ski đã phạm phải là ở chỗ trong suốt thời kỳ tranh luận Tơ-rốt-ski đã tỏ ra lập lờ hai mặt, khinh thường một cách thô bạo ý chí của đảng muốn biết lập trường thực sự của đồng chí ấy, lẩn tránh theo kiểu ngoại giao vấn đề mà cả một loạt tổ chức đã đặt thẳng ra là : rốt cuộc thì Tơ-rốt-ski ủng hộ ai — ủng hộ Ban Chấp hành trung ương hay ủng hộ phái đối lập ? Tiến hành tranh luận không phải để nói quanh co, mà là để giãi bày một cách thẳng thắn và chân thành trước đảng toàn bộ sự thật, giãi bày giống như I-li-tsơ đã làm được, như mỗi người bôn-sê-vích đều có trách nhiệm phải làm. Người ta nói rằng Tơ-rốt-ski bị ốm nặng. Cứ cho là đồng chí ấy bị ốm nặng đi. Nhưng trong thời gian ốm, Tơ-rốt-ski đã viết được ba bài báo và bốn chương mới trong cuốn sách nhỏ của đồng chí ấy đã được xuất bản hôm nay. Chẳng phải rõ ràng là Tơ-rốt-ski hoàn toàn có khả năng viết được vài ba dòng, để thỏa mãn yêu cầu của các tổ chức đang chất vấn đồng chí ấy, nói rõ là đồng chí ấy *ủng hộ* phái đối lập

hay *phản đối* phái đối lập, hay sao? Thái độ khinh thường ý chí của nhiều tổ chức như thế không thể không làm gay gắt thêm cuộc đấu tranh trong đảng, điều đó không cần phải chứng minh cũng thấy rõ.

Sai lầm thứ ba mà Tơ-rốt-ski phạm phải là ở chỗ, trong những bài phát biểu của mình, đồng chí ấy đã đem đối lập bộ máy đảng với đảng, đề ra khẩu hiệu đấu tranh với «những cán bộ công tác ở các cơ quan». Chủ nghĩa bôn-sê-vích không thể chấp nhận việc đối lập đảng với bộ máy đảng. Bộ máy đảng của chúng ta thực tế gồm có những gì? Bộ máy đảng — đó là Ban Chấp hành trung ương, những khu ủy, tỉnh ủy, huyện ủy. Những ban chấp hành ấy có phục tùng đảng hay không? Tất nhiên là phục tùng, vì 90% những ban chấp hành ấy là do đảng bầu ra. Người nào nói rằng các ban chấp hành tỉnh đảng bộ được chỉ định ra, là nói sai. Họ nói như thế không đúng. Các đồng chí ạ, các đồng chí đều biết rằng các ban chấp hành đảng bộ tỉnh của chúng ta đều được bầu ra, cũng như các ban chấp hành đảng bộ huyện, cũng như Ban Chấp hành trung ương. Những ban chấp hành đảng bộ ấy đều phục tùng đảng. Nhưng sau khi đã được bầu ra thì những ban chấp hành ấy phải lãnh đạo công tác — vấn đề là ở chỗ đó. Nếu như Ban Chấp hành trung ương sau khi được đại hội bầu ra, nếu như ban chấp hành đảng bộ tỉnh sau khi được hội nghị đại biểu tỉnh bầu ra, mà lại không lãnh đạo công tác, thì liệu công tác đảng có thể tiến hành được không? Không như vậy thì công tác đảng của chúng ta không thể tiến hành được. Phải thấy rằng đấy là một thứ quan điểm khinh suất men-sê-vích vô chính phủ phủ nhận bản thân nguyên tắc lãnh đạo công tác đảng. Tôi e rằng Tơ-rốt-ski — đương nhiên là tôi không muốn xếp Tơ-rốt-ski vào cùng một duộc với bọn men-sê-vích — qua việc đem đối lập bộ máy đảng với đảng như vậy, sẽ gây cái đà làm cho một số phần tử thiếu từng trải ở trong đảng ta sẽ rơi vào quan điểm vô tổ chức kiểu men-sê-

vích — vô chính phủ và lỏng lẻo về mặt tổ chức. Tôi e rằng sai lầm đó của Tơ-rốt-ski sẽ làm cho toàn bộ bộ máy đảng của chúng ta bị những đảng viên thiếu từng trải đả kích, mà đảng thì lại không thể tồn tại nếu không có bộ máy như vậy.

Sai lầm thứ tư mà Tơ-rốt-ski phạm phải là ở chỗ đã đối lập thanh niên với cán bộ của đảng ta, đã buộc tội một cách vô căn cứ những cán bộ của chúng ta là đang thoái hóa. Tơ-rốt-ski đã đặt đảng ta vào một duộc với đảng của những người xã hội-dân chủ ở Đức, viện dẫn những trường hợp một số học trò của Mác, tức những người xã hội-dân chủ cũ, đã bị thoái hóa, và từ đó Tơ-rốt-ski rút ra kết luận là những cán bộ đảng của chúng ta cũng đang đứng trước nguy cơ bị thoái hóa như vậy. Thật là đáng chê cười một ủy viên trong Ban Chấp hành trung ương, một người ngày hôm qua còn kề vai sát cánh với bọn cơ hội chủ nghĩa và bọn men-sê-vích để đấu tranh chống chủ nghĩa bôn-sê-vích, thế mà bây giờ, ở năm thứ bảy của Chính quyền xô-viết, lại mưu toan khẳng định, dù là dưới hình thức giả định, rằng cán bộ của đảng ta, những người đã sinh ra, lớn lên và trở nên vững chắc trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa men-sê-vích và chủ nghĩ cơ hội, hiện đang đứng trước sự thoái hóa. Tôi xin nhắc lại, cái mưu toan như vậy thật đáng chê cười. Nhưng vì điều khẳng định này được nói ra không phải trong lúc bình thường mà là trong lúc tranh luận, và vì ở đây ta thấy có một sự đối lập nào đó những cán bộ có thể bị thoái hóa, với thanh niên dường như không đứng trước hoặc hầu như không đứng trước nguy cơ ấy, cho nên điều giả định ấy về thực chất thật đáng buồn cười và không nghiêm chỉnh, có thể có và đã có ý nghĩa thực tế nào đó. Chính vì thế tôi cho rằng chúng ta cần phải dừng lại nói về vấn đề này.

Đôi khi người ta nói rằng nên kính trọng những người già, vì họ đã sống nhiều hơn những thanh niên, biết nhiều hơn và chỉ bảo tốt hơn. Các đồng chí ạ, tôi phải nói rằng quan điểm ấy hoàn toàn sai. Không phải bất kỳ đối với người già nào cũng

đều phải kính trọng, và không phải bất kỳ kinh nghiệm nào cũng đều quan trọng đối với chúng ta. Kinh nghiệm gì — toàn bộ vấn đề là ở chỗ đó. Trong Đảng xã hội-dân chủ Đức có những cán bộ rất có kinh nghiệm như Sây-đơ-man, Nô-scơ, Ven-xơ, v.v., họ đều là những cán bộ hết sức giàu kinh nghiệm và dầy dạn trong đấu tranh... Nhưng là trong cuộc đấu tranh với cái gì? Trong cuộc đấu tranh với ai? Kinh nghiệm gì — toàn bộ vấn đề là ở đấy. Trong đảng ấy có những cán bộ đã trưởng thành trong cuộc đấu tranh chống lại tinh thần cách mạng, trong cuộc đấu tranh không phải vì chuyên chính vô sản mà là chống lại chuyên chính vô sản. Đó là kinh nghiệm rất lớn, nhưng kinh nghiệm ấy là kinh nghiệm xấu. Các đồng chí ạ, thanh niên có trách nhiệm phải đập tan loại kinh nghiệm ấy, phá hủy loại kinh nghiệm ấy và đuổi cổ những lão già ấy đi. Ở trong đảng xã hội-dân chủ Đức, thanh niên không có kinh nghiệm đấu tranh chống lại tinh thần cách mạng; ở đó, so với những cán bộ già thì lớp thanh niên này gần gũi với tinh thần cách mạng hơn hoặc là gần gũi với chủ nghĩa Mác hơn, vì những cán bộ già mang nặng kinh nghiệm đấu tranh chống lại tinh thần cách mạng của giai cấp vô sản, mang nặng kinh nghiệm đấu tranh cho chủ nghĩa cơ hội chống lại chủ nghĩa cách mạng. Cần phải đánh bại loại cán bộ như vậy, và tất cả cảm tình của chúng ta phải ở về phía lớp thanh niên là những người — tôi xin nhắc lại — không có kinh nghiệm đấu tranh chống lại tinh thần cách mạng và do đó càng dễ dàng tiếp thụ được những phương thức mới và những phương pháp mới trong việc đấu tranh cho nền chuyên chính của giai cấp vô sản chống lại chủ nghĩa cơ hội. Ở bên đó, tức ở nước Đức, đặt vấn đề như vậy thì tôi hiểu. Nếu như Tơ-rốt-ski nói về Đảng xã hội-dân chủ Đức và về những cán bộ của một đảng như thế thì tôi xin ký cả hai tay vào bản tuyên bố của đồng chí ấy. Nhưng ở đây chúng ta nói về một đảng khác — nói về Đảng cộng sản, về đảng của những người bôn-sê-vích;

những cán bộ của đảng này đã sinh ra trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, đã trở nên vững chắc trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, họ đã trưởng thành, đã giành được chính quyền trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, trong cuộc đấu tranh với mọi tên tay sai cơ hội chủ nghĩa của chủ nghĩa đế quốc. Chẳng phải rõ ràng là ở đây có sự khác nhau về nguyên tắc, hay sao? Làm sao lại có thể xếp những cán bộ đã trưởng thành trong cuộc đấu tranh cho tinh thần cách mạng, những cán bộ đã tiến hành cuộc đấu tranh cho tinh thần cách mạng, những cán bộ đã giành được chính quyền trong những trận chiến đấu với chủ nghĩa đế quốc, những cán bộ đang làm rung chuyển những cơ sở của chủ nghĩa đế quốc thế giới, — nếu nói theo lương tâm, không tự dối lòng, thì làm sao lại có thể xếp những cán bộ ấy vào cùng một hạng với những cán bộ như những cán bộ của Đảng xã hội-dân chủ Đức, là đảng trước kia đã câu kết với Vin-hem để chống giai cấp công nhân và giờ đây đang câu kết với Xéc-tơ, là đảng đã được vững mạnh và trưởng thành trong những trận chiến đấu chống lại tinh thần cách mạng của giai cấp vô sản, — làm sao lại có thể xếp vào cùng một hạng hai loại cán bộ khác nhau về nguyên tắc như thế, làm sao lại có thể lẫn lộn hai loại cán bộ đó được? Giữa hai loại cán bộ ấy có một vực thẳm không thể nào vượt qua được, phải chăng điều đó là khó hiểu? Sự xuyên tạc thô bạo ấy, sự xáo trộn thô bạo ấy, mà Tơ-rốt-ski phạm phải, là nhằm phá hoại uy tín của những cán bộ cách mạng của chúng ta, tức là phá hoại uy tín của hạt nhân của đảng chúng ta, phải chăng điều đó là khó hiểu? Chẳng phải rõ ràng là sự xuyên tạc đó chỉ có thể nhen lên lòng căm giận và làm gay gắt thêm cuộc đấu tranh ở trong đảng, hay sao?

Sai lầm thứ năm mà Tơ-rốt-ski phạm phải là ở chỗ trong những bức thư của mình, Tơ-rốt-ski đã viện lý và đưa ra khẩu hiệu lấy thanh niên học sinh, lấy «cái phong vũ biểu chính

xác nhất của đảng ta» ấy làm chuẩn. Trong bài báo thứ nhất của mình, Tơ-rốt-ski viết: «Thanh niên là cái phong vũ biểu chính xác nhất của đảng, nó phản ứng một cách nhậy bén nhất đối với chủ nghĩa quan liêu trong đảng». Và để người ta không còn hoài nghi rằng đây là nói về loại thanh niên nào, Tơ-rốt-ski bổ sung trong lá thư thứ hai: «Như chúng ta đã thấy, thanh niên học sinh phản ứng đặc biệt nhậy bén đối với chủ nghĩa quan liêu». Nếu xuất phát từ cái luận điểm tuyệt đối sai lầm, không đứng về mặt lý luận và có hại về mặt thực tiễn đó, thì cần phải đi xa hơn nữa, nghĩa là phải đề ra khẩu hiệu: «Trong đảng chúng ta cần có nhiều thanh niên học sinh hơn nữa, cần mở rộng cửa đảng hơn nữa đối với thanh niên học sinh».

Cho đến nay, tình hình là như sau: chúng ta hướng vào thành phần vô sản của đảng ta và nói: cần mở rộng cửa đảng hơn nữa đối với những phần tử vô sản, đảng ta phát triển lên là nhờ vào bộ phận vô sản. Hiện giờ Tơ-rốt-ski đã đảo ngược lại cái công thức đó.

Vấn đề trí thức và vấn đề công nhân trong đảng ta không phải là mới đối với chúng ta. Vấn đề này đã được đặt ra ngay từ đại hội II của đảng ta khi thảo luận chương thứ nhất của điều lệ nói về tư cách đảng viên. Mọi người đều biết rằng, hồi đó Mác-tốp yêu cầu mở rộng điều kiện vào đảng cho các phần tử phi vô sản, trái với đồng chí Lê-nin là người đã đòi kiên quyết hạn chế việc đưa những phần tử phi vô sản vào đảng. Về sau, trong đại hội III của đảng ta, vấn đề này lại được nêu ra một cách mạnh hơn. Tôi còn nhớ, ở đại hội này, đồng chí Lê-nin đã đặt ra một cách rất mạnh vấn đề công nhân và trí thức trong đảng ta. Hồi đó, đồng chí Lê-nin nói thế này:

«Có người đã vạch ra rằng cầm đầu những sự phân liệt thường là những người trí thức. Điều chỉ ra như thế rất quan trọng, nhưng không giải quyết được vấn đề... Tôi nghĩ rằng chúng ta nên xét vấn đề một cách rộng hơn. Đưa công nhân vào các ban chấp hành

không phải chỉ là một nhiệm vụ sư phạm mà còn là một nhiệm vụ chính trị. Công nhân có bản năng giai cấp và nếu họ có một ít thói quen chính trị, thì họ sẽ khá mau chóng trở thành những người xã hội - dân chủ kiên định. Tôi rất tán thành nếu trong các ban chấp hành của ta cứ hai trí thức thì có tám công nhân» (xem tập VII tr. 282)*.

Ngay từ 1905 vấn đề đã được đặt ra như vậy. Từ đó, chỉ thị này của đồng chí Lê-nin đã trở thành tư tưởng chỉ đạo đối với chúng ta trong sự nghiệp xây dựng đảng. Thế mà bây giờ về thực chất Tơ-rốt-ski lại đề nghị với chúng ta từ bỏ đường lối tổ chức của chủ nghĩa bôn-sê-vích.

Và cuối cùng, sai lầm thứ sáu của Tơ-rốt-ski biểu hiện ở chỗ đồng chí ấy tuyên bố chủ trương tự do lập nhóm. Đúng là tự do lập nhóm! Tôi còn nhớ, ngay trong tiểu ban khởi thảo dự án nghị quyết về dân chủ, chúng tôi đã tranh luận với Tơ-rốt-ski về vấn đề những tập đoàn và những tổ chức bè phái. Tơ-rốt-ski không phản đối việc cấm các tổ chức bè phái tồn tại, nhưng lại kiên quyết chủ trương cho phép những tập đoàn tồn tại ở trong đảng. Phái đối lập chính là đứng trên lập trường ấy đấy. Họ có lẽ không hiểu rằng cho phép tự do lập nhóm là họ đã mở ra một kẽ hở cho bọn buôn thịt**; làm cho chúng dễ dàng có thể lừa dối đảng, mạo nhận các tổ chức bè phái là các tập đoàn. Vì giữa tập đoàn và tổ chức bè phái thì có gì khác nhau? Chỉ có sự khác nhau bề ngoài thôi. Khi xếp hoạt động bè phái vào cùng một loại với tập đoàn, đồng chí Lê-nin đã xác định hoạt động bè phái như sau:

«Ngay từ trước cuộc tranh luận của toàn đảng về vấn đề công đoàn, trong đảng đã lộ ra một số dấu hiệu hoạt động bè phái, tức là đã sinh ra những tập đoàn có cương lĩnh hành động riêng

* Xem V. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1965 tập 8, tr. 471 - 472. (*B. T.*)

** Chỉ bọn người bịp bợm, lừa lọc. (*B. T.*)

và có khuynh hướng đóng khung lại trên một mức độ nào đó, và quy định kỷ luật của tập đoàn mình» (xem Báo cáo ghi tốc ký đại hội X của Đảng cộng sản (b) Nga, tr. 309).

Như các đồng chí đều thấy, về thực chất, giữa tổ chức bè phái và tập đoàn không có gì khác nhau cả. Ở đây, ở Mạc-tư-khoa, khi phái đối lập lập ra một ban thường vụ đặc biệt, đứng đầu là Xê-rê-bơ-ri-a-cốp, khi họ phái những diễn giả của họ đi các nơi, buộc những người này phải phát biểu trong những buổi họp nào đó, phải đề ra ý kiến phản đối như thế nào đó và khi những phần tử thuộc phái đối lập, trong quá trình đấu tranh, đã buộc phải rút lui và thay đổi nghị quyết của mình theo mệnh lệnh, thì đương nhiên đó là tập đoàn và là kỷ luật của tập đoàn. Người ta bảo đó không phải là tổ chức bè phái, nhưng nếu vậy thì tổ chức bè phái là gì, — Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski hãy giải thích đi. Những bài phát biểu của Tơ-rốt-ski, những bức thư và những bài báo của đồng chí ấy nói về vấn đề những thế hệ và những tổ chức bè phái, đều là nhằm thúc đẩy đảng phải chịu cho những tập đoàn tồn tại trong nội bộ đảng. Đó là mưu toan muốn hợp pháp hóa những tổ chức bè phái và trước hết là tổ chức bè phái của Tơ-rốt-ski.

Tơ-rốt-ski khẳng định rằng những tập đoàn xuất hiện là do chế độ quan liêu của Ban Chấp hành trung ương, rằng nếu trong đảng ta không có chế độ quan liêu thì đã không có các tập đoàn. Đó là cách nhìn nhận không mác-xít, các đồng chí ạ. Sở dĩ có những tập đoàn xuất hiện và sẽ xuất hiện trong đảng ta là vì ở nước ta có những hình thức kinh tế hết sức khác nhau — từ hình thức phôi thai của chủ nghĩa xã hội đến hình thức trung cổ. Đó là điểm thứ nhất. Sau nữa, chúng ta đang thi hành chính sách kinh tế mới, nghĩa là chúng ta đã cho phép chủ nghĩa tư bản tồn tại, cho phép khôi phục tư bản tư nhân và khôi phục những tư tưởng phù hợp với tư bản tư nhân, những tư tưởng ấy đã thâm nhập vào trong

đảng. Đó là điểm thứ hai. Thứ ba là vì trong đảng ta có ba thành phần: có công nhân, có nông dân, có trí thức. Nếu nhìn vấn đề một cách mác-xít thì đó chính là những nguyên nhân làm cho một số phần tử nào đó tách khỏi đảng, để tổ chức ra những tập đoàn; những tập đoàn này có khi chúng ta phải cắt bỏ đi bằng biện pháp mổ xẻ, hoặc có khi phải thông qua tranh luận để nặn bỏ đi bằng phương pháp tư tưởng.

Vấn đề ở đây không phải là ở chế độ. Nếu trong đảng ta có chế độ tự do tối đa, thì các tập đoàn sẽ lại còn nhiều hơn rất nhiều. Do đó, lỗi không phải là ở chế độ, mà lỗi là ở những điều kiện trong đó chúng ta sống, những điều kiện hiện có trong nước ta, những điều kiện phát triển của bản thân đảng.

Nếu trong tình hình như vậy, trong tình hình phức tạp như vậy, mà còn cho phép các tập đoàn tồn tại, thì chúng ta sẽ làm tiêu vong đảng, sẽ làm cho đảng từ chỗ là một tổ chức đoàn kết nhất trí biến thành liên minh của những tập đoàn và những tổ chức bè phái, những tập đoàn và tổ chức bè phái ấy hiệp thương với nhau và tạo nên những sự thống nhất và thỏa thuận tạm thời. Đó sẽ không phải là đảng, mà sẽ là sự tan rã của đảng. Chưa bao giờ, chưa một phút nào những người bôn-sê-vích lại hình dung đảng là cái gì khác hơn một tổ chức đoàn kết nhất trí được đẽo tạc từ một khối, có một ý chí và, trong công tác của mình, thống nhất tất cả mọi sắc thái tư tưởng vào trong một dòng những hành động thực tiễn.

Còn cái điều mà Tơ-rốt-ski đề nghị, lại hết sức sai lầm, đi ngược lại những nguyên tắc tổ chức bôn-sê-vích và dẫn đến sự tan rã tất yếu của đảng, làm xáo trộn đảng, làm suy yếu đảng, làm cho đảng từ chỗ là một đảng thống nhất biến thành một liên minh những tập đoàn. Trong hoàn cảnh chúng ta đang ở trong vòng vây tư bản chủ nghĩa, chúng ta cần phải có một đảng thậm chí không những thống nhất, không những đoàn kết nhất trí, mà còn phải là một đảng sắt thép

thật sự, có khả năng chịu được sự tiến công của những kẻ thù của giai cấp vô sản, có khả năng dẫn công nhân bước vào trận chiến đấu quyết định.

Ta đi đến những kết luận gì?

Kết luận thứ nhất là: chúng ta đã đưa ra được một nghị quyết rõ ràng cụ thể về việc tổng kết cuộc tranh luận này; chúng ta đã nói là chúng ta không thể chịu để cho những tập đoàn và những tổ chức bè phái tồn tại, đảng phải thống nhất và đoàn kết nhất trí, không được đối lập đảng với bộ máy, không được nói ba hoa là cán bộ có nguy cơ bị thoái hóa, vì những cán bộ đó là những người cách mạng, không được xoi mói tìm tòi những kẽ hở giữa những cán bộ cách mạng đó và thanh niên, vì thanh niên đang nhịp đều bước đi cùng với những cán bộ ấy và cả trong tương lai cũng sẽ vẫn nhịp đều bước đi cùng với những cán bộ ấy.

Chúng ta cũng rút được một số kết luận tốt. Kết luận thứ nhất và cơ bản là: từ nay trở đi, đảng cần kiên quyết hướng về bộ phận vô sản của đảng ta và lấy bộ phận vô sản đó làm chuẩn; hạn chế, thu hẹp cửa đảng đối với những phần tử phi vô sản hoặc hoàn toàn đóng cửa đảng, còn đối với những phần tử vô sản thì mở rộng cửa hơn nữa.

Còn về những tập đoàn và những tổ chức bè phái thì tôi cho rằng đã đến lúc chúng ta cần phải công bố một điều trong nghị quyết về sự thống nhất; điều này, theo đề nghị của đồng chí Lê-nin, đã được đại hội X của đảng ta thông qua, và không thuộc loại được công bố. Các đảng viên đã quên mất điều ấy. Tôi e rằng không phải tất cả mọi người đều nhớ. Điều ấy, cho đến nay vẫn được giữ bí mật, bây giờ cần phải được đưa ra công khai và đưa vào nghị quyết mà chúng ta sẽ thông qua về vấn đề tổng kết cuộc tranh luận. Nếu các đồng chí cho phép, tôi xin đọc. Điều ấy quy định:

«Để thực hiện được kỷ luật chặt chẽ trong đảng và trong toàn bộ công tác xô-viết, và để đạt được sự thống nhất ở trình độ cao nhất đồng thời trừ bỏ mọi hoạt động bè phái, đại hội trao cho Ban Chấp hành trung ương toàn quyền thi hành tất cả mọi biện pháp kỷ luật của đảng, kể cả việc khai trừ ra khỏi đảng trong trường hợp (trong những trường hợp) vi phạm kỷ luật hoặc khôi phục hay để cho có sự hoạt động bè phái; còn đối với những ủy viên Ban Chấp hành trung ương thì trong trường hợp đó hạ xuống làm ủy viên trung ương dự khuyết và thậm chí áp dụng cả biện pháp cuối cùng là khai trừ khỏi đảng. Điều kiện áp dụng biện pháp cuối cùng như vậy (đối với các ủy viên Ban Chấp hành trung ương, các ủy viên trung ương dự khuyết và đối với các ủy viên Ban Kiểm tra) là phải triệu tập hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương, có mời tất cả các ủy viên trung ương dự khuyết và tất cả các ủy viên của Ban Kiểm tra. Nếu trong cuộc họp toàn thể những cán bộ lãnh đạo có trách nhiệm cao nhất đó của đảng mà hai phần ba số biểu quyết công nhận là cần phải hạ một ủy viên nào đó trong Ban Chấp hành trung ương xuống làm ủy viên trung ương dự khuyết, hoặc cần phải khai trừ ủy viên đó ra khỏi đảng, thì biện pháp đó phải được thi hành ngay».

Tôi cho rằng chúng ta phải đưa điều ấy vào nghị quyết về việc tổng kết cuộc tranh luận và phải công khai hóa điều ấy.

Cuối cùng là câu hỏi mà phái đối lập luôn luôn đề ra, nhưng có lẽ không phải bao giờ họ cũng được trả lời thỏa đáng. Họ thường hỏi: chúng tôi, phái đối lập, phản ánh tâm trạng của ai? Tôi cho rằng phái đối lập phản ánh tâm trạng của bộ phận phi vô sản trong đảng ta. Tôi cho rằng phái đối lập — bản thân họ có thể không có ý thức về điều này và điều này là ngoài ý muốn của họ — đã làm người truyền đạt không tự giác tâm trạng của những phần tử phi vô sản trong đảng ta. Tôi cho rằng phái đối lập đã để cho tính tự phát tiểu tư sản tự do phát triển trong khi họ phóng tay tuyên truyền cho nền dân chủ mà họ thường tuyệt đối hóa và bái vật hóa.

Các đồng chí có biết tâm trạng của những đồng chí như các học sinh Mác-tư-nốp, Ca-da-ri-an, v.v. không? Các đồng

chí đã đọc bài báo châm biếm của Khô-đô-rốp-ski trên báo *Sự thật* chưa? (Trong bài báo này Khô-đô-rốp-ski đã trích dẫn những câu trong các bài diễn thuyết của những đồng chí ấy.) Thí dụ như câu nói của Mác-tư-nốp (đồng chí ấy, như người ta được biết, là một đảng viên); «việc của chúng ta là quyết định, còn việc của Ban Chấp hành trung ương là chấp hành và thảo luận ít hơn nữa». Đây là nói về chi bộ trường cao đẳng trực thuộc Bộ dân ủy Giao thông. Nhưng, các đồng chí ạ, trong đảng ta có tất cả ít nhất là 5 vạn chi bộ; nếu mỗi chi bộ đều đối với Ban Chấp hành trung ương như vậy, tức là công việc của chi bộ là quyết định, còn công việc của Ban Chấp hành trung ương không phải là thảo luận, thì tôi e rằng chúng ta sẽ không bao giờ có được một quyết nghị nào cả. Tâm trạng đó của những phần tử Mác-tư-nốp do đâu mà có? Ở tâm trạng đó có gì là vô sản? Mà những phần tử Mác-tư-nốp thì ủng hộ phái đối lập, — xin hãy chú ý điểm này. Giữa Mác-tư-nốp và Tơ-rốt-ski có gì khác nhau không? Có khác nhau chỉ là ở chỗ Tơ-rốt-ski mở đầu cuộc công kích bộ máy đảng, còn Mác-tư-nốp thì đang đánh bồi thêm vào bộ máy đảng.

Và đây là Ca-da-ri-an, một học sinh cao đẳng khác, anh ta, như người ta được biết, cũng là một đảng viên. Đồng chí ấy hỏi: «Cái đó là gì, là chuyên chính của giai cấp vô sản hay là chuyên chính của đảng cộng sản đối với giai cấp vô sản?» Các đồng chí ạ, người nói câu ấy không phải là tên men-sê-vích Mác-tốp, mà là «đảng viên cộng sản» Ca-da-ri-an. Sự khác nhau giữa Tơ-rốt-ski và Ca-da-ri-an là ở chỗ: theo ý kiến Tơ-rốt-ski thì cán bộ đang bị thoái hóa, còn theo Ca-da-ri-an thì cần phải đuổi cổ những cán bộ ấy đi, vì theo ý kiến của đồng chí này thì những cán bộ ấy đang cưỡi lên đầu lên cổ giai cấp vô sản.

Tôi xin hỏi: những phần tử Mác-tư-nốp và những phần tử Ca-da-ri-an phản ánh tâm trạng của ai? Có phải của giai cấp vô sản không? Tất nhiên là không phải. Thế thì của ai vậy? Đó là tâm trạng của những phần tử phi vô sản trong đảng và trong nước. Phải chăng là ngẫu nhiên mà những người phản ánh những tâm trạng phi vô sản ấy biểu quyết tán thành phái đối lập? Không, không phải ngẫu nhiên đâu. *(Vỗ tay.)*

2. KẾT LUẬN

18 tháng Giêng

Trong báo cáo tôi đã nói rằng tôi không muốn đề cập đến lịch sử của vấn đề; sở dĩ tôi không muốn làm như vậy là vì, như tôi đã nói, việc đó sẽ mang lại những nhân tố cãi lộn và buộc tội nhau. Nhưng một khi Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski đã muốn điều đó, một khi đồng chí ấy đã yêu cầu điều đó, thì tôi cũng sẵn lòng nhượng bộ và nói một vài lời về lịch sử của vấn đề dân chủ trong đảng.

Vấn đề dân chủ trong đảng dã xuất hiện như thế nào trong Ban Chấp hành trung ương? Lần đầu tiên nó xuất hiện ở hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương hồi tháng Chín; nó xuất hiện nhân có những cuộc xung đột nổ ra trong các xí nghiệp, và nhân có hiện tượng một số tổ chức đảng và công đoàn xa rời quần chúng, hiện tượng mà hồi đó chúng ta đã vạch ra. Dạo ấy Ban Chấp hành trung ương nhận định rằng đó là vấn đề nghiêm trọng, rằng trong đảng đã tích đầy những thiếu sót, rằng cần phải thành lập một ủy ban đặc biệt, có uy tín, để điều tra vấn đề ấy, nghiên cứu các sự việc và đưa ra những đề nghị cụ thể về việc cải thiện tình hình trong đảng. Cũng cần phải nói như vậy về vấn đề khủng hoảng tiêu thụ và vấn đề « cánh kéo». Cả khi nêu lên các vấn đề cũng như khi bầu cử tiểu ban điều tra về tình hình trong đảng và về vấn đề «cánh kéo», đều không có một sự tham gia nào của phái đối lập cả. Phái đối lập lúc đó ở đâu? Nếu tôi không nhầm thì lúc đó Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski ở Cơ-ri-mê,

Xa-pơ-rô-nốp ở Ki-slô-vốt-scơ, Tơ-rốt-ski thì đã viết xong ở Ki-slô-vốt-scơ những bài báo về nghệ thuật và chuẩn bị đi Mạc-tư-khoa. Ngay từ khi các đồng chí ấy chưa về, Ban Chấp hành trung ương đã đặt vấn đề đó ra trong hội nghị của Ban Chấp hành trung ương. Khi các đồng chí ấy đến thì mọi việc đã chuẩn bị xong, các đồng chí ấy không tham gia một câu nào, không có một ý kiến nào phản đối kế hoạch của Ban Chấp hành trung ương. Về vấn đề tình hình trong đảng, đồng chí Đơ-déc-gin-ski đã đọc báo cáo ở hội nghị các bí thư tỉnh ủy hồi tháng Chín. Tôi khẳng định rằng, cả ở hội nghị toàn thể hồi tháng Chín lẫn ở hội nghị các bí thư, những phần tử hiện nay trong phái đối lập đều không thốt ra một lời nào ám chỉ về «cuộc khủng hoảng kinh tế nghiêm trọng» hay là «sự khủng hoảng trong đảng» và về «dân chủ».

Như các đồng chí đều thấy, những vấn đề dân chủ và «cánh kéo» là do chính Ban Chấp hành trung ương nêu ra; sự chủ động hoàn toàn ở trong tay Ban Chấp hành trung ương, còn những phần tử thuộc phái đối lập thì im lặng, vì họ đã vắng mặt.

Có thể nói đó là màn thứ nhất, giai đoạn đầu trong lịch sử của vấn đề.

Màn thứ hai bắt đầu từ hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương và Ban Kiểm tra trung ương hồi tháng Mười. Phái đối lập, đứng đầu là Tơ-rốt-ski, khi thấy trong đảng có khuyết điểm, thấy Ban Chấp hành trung ương đã bắt tay vào giải quyết vấn đề ấy, đã lập ra các tiểu ban, — lạy trời đừng để quyền chủ động vẫn ở trong tay Ban Chấp hành trung ương, — thì họ mưu toan, có ý định giành lấy quyền chủ động từ tay Ban Chấp hành trung ương và họ đã mưu toan dùng cái bảo bối dân chủ, vì ai cũng biết rằng bảo bối này rất linh, có thể thử dùng để đánh lừa Ban Chấp hành trung ương được. Trên cơ sở ấy đã xuất hiện những văn kiện mà Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski nói đến rất nhiều ở đây, — văn

kiện của 46[3] người và bức thư của Tơ-rốt-ski. Cũng chính Tơ-rốt-ski, là người mà hồi tháng Chín, mấy ngày trước khi đưa ra bài phát biểu có tính chất bè phái, đã im lặng trong cuộc hội nghị toàn thể và ít ra cũng không hề có ý kiến phản đối quyết định của Ban Chấp hành trung ương, thì sau đó hai tuần lễ lại đột nhiên tuyên bố rằng đất nước và đảng đang bị diệt vong, và tuyên bố rằng đồng chí ấy, tức là Tơ-rốt-ski, vị đầu đàn ấy của những phần tử quan liêu, sẽ không thể sống được, nếu không có dân chủ.

Chúng ta hơi buồn cười khi nghe thấy câu nói về dân chủ thốt ra từ cửa miệng của Tơ-rốt-ski, của chính bản thân Tơ-rốt-ski, người mà trong đại hội X của đảng đã yêu cầu *rũ sạch* các công đoàn, *từ trên xuống*. Nhưng chúng ta biết rằng Tơ-rốt-ski thời kỳ đại hội X và Tơ-rốt-ski ngày nay không khác nhau mấy, vì cả hồi đó cũng như bây giờ đồng chí ấy đều chủ trương rũ sạch những cán bộ lê-nin-nít. Có khác nhau chỉ là ở chỗ: ở đại hội X, Tơ-rốt-ski rũ sạch những cán bộ lê-nin-nít, từ trên xuống *trong lĩnh vực công đoàn*, còn như bây giờ thì Tơ-rốt-ski rũ sạch cũng vẫn những cán bộ lê-nin-nít ấy, từ dưới lên *trong lĩnh vực đảng*. Đồng chí ấy cần đến dân chủ, coi đó là một bảo bối, là một thủ đoạn chiến lược. Toàn bộ thực chất là ở đó.

Vì nếu phái đối lập thực sự muốn giải quyết vấn đề, muốn đề cập đến vấn đề một cách thực sự cầu thị, trên tinh thần đồng chí, thì họ phải trình bày ý kiến của họ trước hết là ở các tiểu ban của cuộc hội nghị toàn thể tháng Chín và nói, chẳng hạn: «Chúng tôi cho rằng công tác của các đồng chí chưa làm cho người ta hài lòng, chúng tôi yêu cầu các đồng chí phải báo cáo với Bộ Chính trị những kết quả công tác của các đồng chí, chúng tôi yêu cầu triệu tập hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương, để chúng tôi được báo cho hội nghị biết những đề nghị mới của chúng tôi» v.v.. Nếu các tiểu ban không lắng nghe ý kiến của họ, hay là nếu Bộ

Chính trị không lắng nghe ý kiến của họ, nếu Bộ Chính trị coi thường ý kiến của phái đối lập hoặc từ chối triệu tập hội nghị toàn thể để xét những đề nghị của Tơ-rốt-ski và của phái đối lập nói chung, thì lúc đó, — và chỉ lúc đó thôi, — phái đối lập mới có toàn quyền vượt qua Ban Chấp hành trung ương mà phát biểu công khai với các đảng viên và nói với đảng là: «Đất nước đang đứng trước sự diệt vong, khủng hoảng kinh tế đang phát triển, đảng đang bị diệt vong, chúng tôi đã đề nghị các tiểu ban của Ban Chấp hành trung ương xem xét những vấn đề ấy, — họ đã từ chối không chịu lắng nghe ý kiến của chúng tôi, chúng tôi đã thử trình bày ý kiến với Bộ Chính trị, — nhưng hoàn toàn không có kết quả gì cả, bây giờ chúng tôi đành phải kêu gọi đảng, đề nghị đảng hãy tự mình bắt tay vào giải quyết lấy công việc». Tôi tin chắc rằng đảng sẽ trả lời: «Đúng, đấy là những nhà cách mạng thực sự cầu thị, vì họ đã đặt thực chất của vấn đề cao hơn hình thức của vấn đề».

Nhưng phải chăng phái đối lập đã làm như vậy? Phải chăng họ đã cố gắng nêu đề nghị của mình với các tiểu ban của Ban Chấp hành trung ương dù chỉ một lần thôi? Phải chăng họ đã có ý nghĩ, phải chăng họ đã cố gắng đặt và giải quyết các vấn đề trong phạm vi Ban Chấp hành trung ương hoặc những cơ quan của nó? Không, phái đối lập không có ý định làm như vậy. Rõ ràng là phái đối lập không muốn cải thiện tình hình trong đảng, không muốn giúp đảng cải thiện tình hình kinh tế, mà là muốn giành làm trước công việc của các tiểu ban và của hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương, giành lấy quyền chủ động của Ban Chấp hành trung ương, họ giở cái bảo bối dân chủ ra và, nếu chưa muộn thì làm ầm lên, hòng phá hoại sự tín nhiệm đối với Ban Chấp hành trung ương. Có lẽ phái đối lập đã vội vàng lập «những văn kiện» để chống lại Ban Chấp hành trung ương dưới hình thức lá thư của Tơ-rốt-ski và bản tuyên bố của 46 người để

có thể phân phát những thứ đó cho các sinh viên trường đại học Svéc-lốp, cho các quận, và nói rằng họ, tức là phái đối lập, tán thành dân chủ, tán thành việc cải thiện kinh tế, còn Ban Chấp hành trung ương thì cản trở, rằng họ cần được giúp đỡ để chống lại Ban Chấp hành trung ương v.v..

Sự thật là như vậy.

Tôi yêu cầu Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski hãy bác bỏ những ý kiến khẳng định đó của tôi. Tôi yêu cầu đồng chí ấy hãy bác bỏ những lời nói đó, dù là trên báo chí. Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski hãy bác bỏ sự thật sau đây: những tiểu ban là do hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương hồi tháng Chín lập ra, không có sự tham gia của phái đối lập và trước khi có những bài phát biểu của phái đối lập. Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski hãy bác bỏ sự thật sau đây: cả Tơ-rốt-ski và những phần tử đối lập khác đều không có ý định trình bày những đề nghị của mình với các tiểu ban ấy. Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski hãy bác bỏ sự thật sau đây: phái đối lập đã biết là có những tiểu ban ấy, nhưng họ đã coi thường công việc của các tiểu ban ấy, họ không có ý định giải quyết vấn đề trong phạm vi Ban Chấp hành trung ương.

Chính vì thế cho nên trong hội nghị toàn thể hồi tháng Mười, khi Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski và Tơ-rốt-ski tuyên bố rằng họ muốn thông qua dân chủ mà cứu đảng, còn Ban Chấp hành trung ương đã mù tịt mà không thấy gì cả, — thì Ban Chấp hành trung ương đã cười họ và bảo: không, các đồng chí ạ, chúng tôi, Ban Chấp hành trung ương, hoàn toàn tán thành dân chủ, nhưng chúng tôi không tin ở cái dân chủ của các đồng chí, vì chúng tôi cho rằng cái «dân chủ» của các đồng chí là một bước chiến lược chống lại Ban Chấp hành trung ương, xuất phát từ hoạt động bè phái của các đồng chí.

Hồi đó hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương và Ban Kiểm tra trung ương đã quyết nghị gì về vấn đề dân chủ trong đảng? Quyết nghị như sau:

«Các hội nghị toàn thể hoàn toàn tán thành phương châm dân chủ trong đảng mà Bộ Chính trị đã kịp thời đề ra, và cũng hoàn toàn tán thành cả về đề nghị của Bộ Chính trị nhằm tăng cường cuộc đấu tranh chống những hiện tượng quá trớn và những ảnh hưởng có tác dụng làm đồi bại của chính sách kinh tế mới đối với một số đảng viên cá biệt.

Các hội nghị toàn thể giao cho Bộ Chính trị làm tất cả mọi việc cần thiết để đẩy mạnh công việc của các tiểu ban đã được Bộ Chính trị và hội nghị toàn thể tháng Chín chỉ định: 1) tiểu ban về vấn đề «cánh kéo», 2) tiểu ban về tiền lương, 3) tiểu ban về vấn đề tình hình trong đảng.

Sau khi thảo ra những biện pháp cần thiết về những vấn đề ấy, Bộ Chính trị phải bắt đầu thực hiện ngay những biện pháp ấy và báo cáo việc thực hiện này ở hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương lần sau».

Ở một trong những bức thư gửi Ban Chấp hành trung ương, Tơ-rốt-ski đã viết: hội nghị toàn thể tháng Mười là «biểu hiện cao nhất của đường lối quan liêu máy móc». Chẳng phải rõ ràng lời tuyên bố đó của Tơ-rốt-ski là sự vu khống Ban Chấp hành trung ương hay sao? Chỉ có người nào mất trí và bị hoạt động bè phái làm cho mù quáng, mới có thể — sau khi văn kiện đã được công bố — nói rằng hội nghị toàn thể tháng Mười là biểu hiện cao nhất của chủ nghĩa quan liêu.

Thế thì hồi đó các hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương và của Ban Kiểm tra trung ương đã quyết nghị những gì về những thủ đoạn «dân chủ» của Tơ-rốt-ski và của 46 người? Quyết nghị như sau:

«Các hội nghị toàn thể của Ban Chấp hành trung ương và của Ban Kiểm tra trung ương họp cùng với đại biểu của 10 tổ chức đảng, thừa nhận rằng việc làm đó của Tơ-rốt-ski trong giờ phút nghiêm trọng nhất mà cách mạng thế giới và đảng đang trải qua, là một sai lầm chính trị nghiêm trọng, đặc biệt là vì sự công kích của Tơ-rốt-ski, nhằm vào Bộ Chính trị, khách quan mang tính chất hoạt động bè phái, là điều đang đe dọa đánh vào sự thống nhất của đảng và đang gây ra tình trạng khủng hoảng trong đảng. Các

hội nghị toàn thể lấy làm tiếc nhận thấy rằng Tơ-rốt-ski, trong cách đặt những vấn đề mà đồng chí ấy đề cập tới, đã chọn con đường đi nói riêng với một số đảng viên cá biệt, chứ không chọn con đường duy nhất được phép làm, — tức là trước tiên hãy đưa những vấn đề ấy ra thảo luận ở các ban mà Tơ-rốt-ski cũng là một ủy viên ở trong đó.

Con đường mà Tơ-rốt-ki lựa chọn là một dấu hiệu đi tới tập đoàn bè phái (bản tuyên bố của 46 người).

Các hội nghị toàn thể của Ban Chấp hành trung ương và của Ban Kiểm tra trung ương và những đại biểu của 10 tổ chức đảng kiên quyết lên án bản tuyên bố của 46 người, coi đó là một bước của chính sách chia rẽ - bè phái, mặc dù những người ký tên vào bản tuyên bố này không cố ý chính sách đó cũng vẫn có tính chất chia rẽ - bè phái. Bản tuyên bố này làm cho toàn bộ sinh hoạt đảng trong những tháng sắp tới đây có nguy cơ bị đặt vào tình hình của một cuộc đấu tranh trong đảng và do đó làm suy yếu đảng trong giờ phút hệ trọng nhất đối với vận mệnh cách mạng thế giới».

Thưa các đồng chí, như các đồng chí đều thấy rõ, những sự kiện trình bày trên đây hoàn toàn bác bỏ bức tranh tình hình mà Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski đã miêu tả ở đây.

Màn thứ ba hay là giai đoạn thứ ba trong lịch sử của vấn đề là thời kỳ sau hội nghị toàn thể tháng Mười. Hội nghị toàn thể tháng Mười đã quyết định yêu cầu Bộ Chính trị dùng mọi biện pháp để đảm bảo cho công tác được tiến hành một cách đồng tâm nhất trí. Thưa các đồng chí, tôi phải nói rõ rằng, suốt trong thời kỳ sau tháng Mười, chúng tôi đã áp dụng tất cả mọi biện pháp để cùng với Tơ-rốt-ski tiến hành được công tác một cách đồng tâm nhất trí, tuy nhiên cũng cần phải nói rằng việc đó hoàn toàn không phải thuộc loại dễ dàng. Chúng tôi đã có hai cuộc họp riêng với Tơ-rốt-ski, đã xem xét lại tất cả mọi vấn đề về kinh tế và về đảng, hơn nữa chúng tôi còn đi đến được một số ý kiến nào đấy không gây ra một sự bất đồng nào. Bước tiếp tục của những cuộc họp

riêng đó và những cố gắng đó nhằm làm cho nội bộ Bộ Chính trị đồng tâm nhất trí tiến hành công tác, đó là việc thành lập một tiểu ban ba người, — về điểm này tôi đã báo cáo hôm qua. Tiểu ban đó đã thảo được một bản dự thảo nghị quyết, bản dự thảo này về sau đã trở thành nghị quyết của Ban Chấp hành trung ương và Ban Kiểm tra trung ương về dân chủ.

Tình hình là như vậy.

Chúng tôi tưởng rằng sau khi nghị quyết đã được nhất trí thông qua thì không còn lý do gì để tranh cãi, không còn lý do để tiến hành đấu tranh trong đảng nữa. Đúng, trước khi có bài phát biểu mới của Tơ-rốt-ski, tức là trước khi Tơ-rốt-ski phát biểu với các quận, tình hình đúng là như vậy. Nhưng hành động của Tơ-rốt-ski vào hôm sau, sau khi công bố nghị quyết của Ban Chấp hành trung ương — hành động này được tiến hành một cách không phụ thuộc vào Ban Chấp hành trung ương và vượt qua Ban Chấp hành trung ương — đã làm rối loạn toàn bộ vấn đề, đã thay đổi tình hình một cách căn bản và đẩy đảng thụt lùi trở lại những cuộc tranh luận mới, một cuộc đấu tranh mới, gay gắt hơn trước. Có người nói rằng Ban Chấp hành trung ương lẽ ra phải cấm không cho đăng bài báo của Tơ-rốt-ski. Như thế không đúng, các đồng chí ạ. Đó sẽ là một bước hết sức nguy hiểm của Ban Chấp hành trung ương. Các đồng chí hãy thử cấm một bài báo của Tơ-rốt-ski đã được đem phổ biến trong các quận ở Mạc-tư-khoa mà coi! Ban Chấp hành trung ương không thể tiến hành một bước khinh suất như thế được.

Lịch sử của vấn đề là như vậy.

Từ những điều nói trên, cần rút ra kết luận là: phái đối lập quan tâm đến dân chủ không bằng quan tâm đến việc lợi dụng tư tưởng dân chủ để làm suy yếu Ban Chấp hành trung ương; phái đối lập không phải là những người muốn giúp đỡ đảng, mà là một bè phái vẫn rình Ban Chấp hành

trung ương, họ nói: «biết đâu Ban Chấp hành trung ương sẽ mắc sai lầm, sẽ có sơ sót, lúc ấy chúng mình sẽ đánh vào Ban Chấp hành trung ương». Khi có một nhóm đảng viên mai phục những cơ quan trung ương của đảng ở một ngõ ngách, lợi dụng lúc mất mùa hoặc lúc đồng tiền tséc-vô-ne-txơ bị sụt giá hoặc những khó khăn khác của đảng để rồi từ trong xó, từ nơi phục kích nhảy vọt ra và đánh vào đầu đảng, — thì đó chính là tổ chức bè phái. Đúng vậy, hồi tháng Mười, Ban Chấp hành trung ương đã đúng khi nói với các đồng chí thuộc phái đối lập rằng dân chủ là một việc, còn rình để chơi đảng một vố lại là một việc khác, dân chủ là một việc, còn lợi dụng những lời ầm ĩ về dân chủ để chống lại đa số trong đảng lại là một việc khác.

Đồng chí Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski ơi, lịch sử của vấn đề là như vậy, về điều này tôi không muốn nói đến ở đây, nhưng tuy vậy, vì nhượng bộ ý muốn kiên trì của đồng chí nên tôi đã bắt buộc phải kể lại.

Phái đối lập thường có thói quen ca ngợi đồng chí Lê-nin là người thiên tài nhất trong những người thiên tài. Tôi e rằng lời ca ngợi đó không thành thực, ngay trong lời khen đó cũng ẩn một mánh khóe chiến lược: họ muốn lấy những lời nói ầm ĩ về thiên tài của đồng chí Lê-nin để che giấu việc họ xa rời Lê-nin và để đồng thời nhấn mạnh sự non yếu của những học trò của Người. Đương nhiên, chúng ta, những học trò của đồng chí Lê-nin, chẳng lẽ lại không hiểu rằng đồng chí Lê-nin là người thiên tài nhất trong những người thiên tài, và chỉ có trải qua hàng mấy trăm năm mới sinh ra được những người như vậy. Nhưng đồng chí Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski ơi, xin hỏi đồng chí tại sao đồng chí lại bất đồng ý kiến với con người thiên tài nhất đó về vấn đề hòa ước Bơ-rét - Li-tốp? Tại sao trong giờ phút khó khăn, đồng chí lại rời bỏ con người thiên tài nhất đó và không nghe lời của con người đó? Lúc ấy đồng chí ở đâu, ở trong phe nào?

Còn Xa-pơ-rơ-nốp, người mà hiện nay đang tán dương một cách giả dối, một cách giả nhân giả nghĩa đồng chí Lê-nin, cũng chính Xa-pơ-rơ-nốp đã có hành vi càn bậy là trong một cuộc đại hội đã dám gọi đồng chí Lê-nin là «kẻ ngu dốt», là «kẻ chính trị quá đầu»! Nếu quả thật Xa-pơ-rơ-nốp cho rằng đồng chí Lê-nin là người thiên tài trong những người thiên tài thì tại sao Xa-pơ-rơ-nốp lại không ủng hộ Lê-nin thiên tài ở đại hội X, chẳng hạn, tại sao trong những giờ phút khó khăn Xa-pơ-rơ-nốp lại thường xuyên đứng ở trong phe đối lập? Xa-pơ-rơ-nốp có biết rằng Lê-nin, khi đưa ra đại hội X nghị quyết về sự thống nhất, yêu cầu khai trừ những phần tử bè phái ra khỏi đảng, cũng đã có ý nói đến cả Xa-pơ-rô-nốp, hay không?

Hoặc thế này nữa: tại sao Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski, không những chỉ trong thời kỳ hòa ước Bơ-rét - Li-tốp mà cả sau này trong thời kỳ tranh luận về vấn đề công đoàn, đều đã đứng về phe những người đối lập với Lê-nin thiên tài nhất. Tất cả mọi điều đó có phải là ngẫu nhiên không? Ở đây có tính quy luật nào không? (*Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski*: «Tôi đã cố gắng làm việc bằng trí óc của tôi»).

Đồng chí đã muốn làm việc bằng trí óc của mình, điều đó rất đáng khen, Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski ạ. Nhưng đồng chí hãy nhìn xem kết quả thế nào: về vấn đề Bơ-rét - Li-tốp đồng chí đã làm việc bằng trí óc của mình và kết quả là đã sai lầm; rồi trong cuộc tranh luận về vấn đề công đoàn đồng chí lại cố gắng làm việc bằng trí óc của mình và kết quả là lại sai lầm; bây giờ tôi không biết đồng chí có còn làm việc bằng trí óc của mình nữa không hay là bằng trí óc của người khác, nhưng hình như cũng vẫn lại bị sai lầm rồi đấy. (*Có tiếng cười.*) Tuy vậy tôi vẫn cho rằng nếu bây giờ Pơ-re-ô-bơ-ra-gien-ski làm việc bằng trí óc của mình nhiều hơn là bằng trí óc của Tơ-rốt-ski, — là cái đã thể hiện trong bức thư của Tơ-rốt-ski

ngày 8 tháng Mười, — thì đồng chí ấy sẽ gần với chúng ta hơn là với Tơ-rốt-ski.

Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski đã trách cứ Ban Chấp hành trung ương và nói rằng khi I-li-tsơ còn lãnh đạo chúng ta thì các vấn đề được giải quyết kịp thời, không chậm trễ, vì I-li-tsơ đã biết nắm được những sự biến mới ngay từ lúc nó còn ở dưới hình thức phôi thai và đã biết đề ra được những khẩu hiệu trước những sự biến ấy, còn bây giờ, theo đồng chí ấy nói, sau I-li-tsơ, Ban Chấp hành trung ương đã bắt đầu lạc hậu với sự biến. Qua đó Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski muốn nói gì? Có phải muốn nói rằng I-li-tsơ giỏi hơn những học trò của mình không? Nhưng chẳng lẽ lại có người nào đó còn hoài nghi về điều này hay sao? Chẳng lẽ còn có người nào đó còn chưa tin rằng so với những học trò của mình thì I-li-tsơ là Gô-li-áp*, hay sao? Nếu như nói về lãnh tụ của một đảng, không phải là lãnh tụ trên mặt báo với hàng đống điện mừng, mà là lãnh tụ chân chính, thì chúng ta chỉ có một lãnh tụ, — đó là đồng chí Lê-nin. Chính vì thế cho nên chúng ta đã nhiều lần nói rằng trong điều kiện hiện nay đồng chí Lê-nin tạm thời vắng mặt, thì cần phải giữ phương châm tập thể lãnh đạo. Còn về những người học trò của đồng chí thì có thể nêu ra, chẳng hạn, những sự biến có liên quan với bức tối hậu thư của Kéc-dôn[4]; những sự biến đó là một mẫu mực về thử thách và kiểm tra đối với họ. Hồi đó chúng ta đã thoát khỏi những khó khăn mà không làm cho sự nghiệp bị tổn thất, sự thật đó nói lên một cách rõ ràng rằng những người học trò của đồng chí Lê-nin đã học được một cái gì đó ở người thầy của mình.

Pơ-re-ô-bơ-ra-gien-ski khẳng định rằng đảng ta trong những năm trước đây đã không lạc hậu với các sự biến, — nói như

---

* *Gô-li-áp*: Theo truyện cổ tích trong kinh thánh thì Gô-li-áp là một người khổng lồ. (*B. T.*)

thế là không đúng. Không đúng vì sự khẳng định ấy không đúng về mặt thực tiễn và sai về mặt lý luận. Có thể dẫn ra nhiều thí dụ. Chúng ta hãy lấy, chẳng hạn, hòa ước Bơ-rét - Li-tốp ra mà xét. Phải chăng chúng ta đã không chậm trễ trong việc ký hòa ước Bơ-rét - Li-tốp? Chẳng phải là mãi sau khi xảy ra những sự kiện như việc bọn Đức mở cuộc tiến công và việc binh sĩ ta rút chạy ở khắp nơi, chúng ta, cuối cùng, mới hiểu được rằng ký hòa ước là cần thiết, đó sao? Tình trạng tan vỡ ở mặt trận, cuộc tấn công của Hốp-man[5], việc hắn tiến gần đến Pê-tơ-rô-gơ-rát, áp lực của nông dân đối với chúng ta, — chẳng phải là do tất cả những sự kiện đó chúng ta mới hiểu rằng: nhịp độ phát triển của cách mạng thế giới không nhanh như chúng ta muốn, quân đội ta chưa vững mạnh như chúng ta tưởng và nông dân không phải nhẫn nại đến mức như một số người trong chúng ta nghĩ, nông dân muốn hòa bình và họ sẽ giành lấy hòa bình bằng sức mạnh, — đó sao?

Hoặc là chúng ta hãy lấy việc hủy bỏ chế độ trưng mua lương thực thừa làm thí dụ. Phải chăng chúng ta đã không chậm trễ trong việc hủy bỏ chế độ trưng mua lương thực thừa? Chẳng phải là do những sự kiện như vụ Cơ-rôn-stát và Tam-bốp[6], chúng ta mới hiểu rằng không thể tiếp tục sống trong điều kiện chủ nghĩa cộng sản thời chiến được nữa, đó sao? Chẳng phải là chính bản thân I-li-tsơ đã thừa nhận rằng thất bại của chúng ta trên mặt trận ấy, nghiêm trọng hơn bất cứ thất bại nào trên những mặt trận chống Đê-ni-kin và Côn-tsắc, đó sao?

Trong tất cả những trường hợp ấy đảng đều không theo kịp các sự biến, đều bị chậm trễ chút ít, — sự thật đó có phải là ngẫu nhiên không? Không, không phải là ngẫu nhiên. Ở đây là tính quy luật. Rõ ràng là nếu vấn đề ở đây không phải là nói về những dự kiến chung về lý luận, mà là về sự lãnh đạo trực tiếp trong thực tiễn, thì một đảng chấp chính,

điều khiển tay lái và bị lôi cuốn vào những sự biến hàng ngày, không thể ngay lập tức nhận thấy và nắm được những quá trình xảy ra trong lòng cuộc sống, cho nên cần phải có sự thúc đầy từ bên ngoài và cần có một mức độ phát triển nhất định của những quá trình mới, đề cho đảng nhận thấy các quá trình đó và dựa theo các quá trình đó mà xác định phương châm. Chính vì vậy mà trong quá khứ đảng ta đã có khi lạc hậu với các sự biến một chút và trong tương lai đảng vẫn sẽ còn bị lạc hậu với các sự biến. Nhưng vấn đề ở đây hoàn toàn không phải là ở chỗ lạc hậu hay không, mà là ở chỗ hiểu được ý nghĩa của các sự biến, ý nghĩa của những quá trình mới, đề rồi điều khiển một cách khéo léo những sự biến và những quá trình đó cho phù hợp với xu thế phát triển chung. Nếu nhìn sự vật bằng con mắt của người mác-xít, chứ không phải bằng con mắt của kẻ bè phái chủ nghĩa tìm tòi người có lỗi ở khắp nơi, — thì vấn đề chính là như vậy.

Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski tức giận vì các đại biểu của Ban Chấp hành trung ương nói đến những khuynh hướng của Tơ-rốt-ski xa rời chủ nghĩa Lê-nin. Đồng chí ấy tức giận, nhưng về thực chất không có ý kiến phản đối gì cả và nói chung không có ý định luận chứng về sự tức giận của mình, quên mất rằng tức giận không phải là luận cứ. Vâng, đúng là Tơ-rốt-ski đã xa rời chủ nghĩa Lê-nin trong những vấn đề tổ chức. Chúng tôi đã khẳng định như thế và vẫn khẳng định như thế. Những bài báo nổi tiếng của Bu-kha-rin viết trên báo *Sự thật* dưới đầu đề «Đả đảo hoạt động bè phái» hoàn toàn bàn về vấn đề những khuynh hướng của Tơ-rốt-ski xa rời chủ nghĩa Lê-nin. Tại sao Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski lại không nêu ra những ý kiến phản đối, về thực chất, chống lại những tư tưởng cơ bản trong những bài báo ấy? Tại sao Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski không thử đưa ra những lý lẽ hoặc những điều giống như lý lẽ đề luận chứng cho sự tức giận của mình? Hôm qua tôi đã nói và hôm nay vẫn phải nhắc

lại rằng những việc làm của Tơ-rốt-ski như: đối lập mình với Ban Chấp hành trung ương, coi thường ý chí của rất nhiều tổ chức yêu cầu Tơ-rốt-ski phải trả lời rõ ràng, đối lập đảng với bộ máy của đảng, đối lập thanh niên với cán bộ của đảng, hướng đảng vào thanh niên học sinh và tuyên bố chủ trương tự do tổ chức tập đoàn, — những việc làm như vậy không thể tương dung với những nguyên tắc tổ chức của chủ nghĩa Lê-nin. Tại sao Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski lại không thử bác bỏ điều khẳng định ấy của tôi?

Người ta nói rằng Tơ-rốt-ski bị công kích, Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski, Ra-đếch đã nói điều này. Các đồng chí, tôi phải nói rõ rằng những lời tuyên bố của các đồng chí ấy về việc công kích là hoàn toàn không phù hợp với thực tế. Tôi nhắc các đồng chí nhớ lại hai sự kiện để các đồng chí có thể suy xét. Sự kiện thứ nhất là vụ xảy ra trong cuộc họp toàn thể Ban Chấp hành trung ương hồi tháng Chín: trong cuộc họp này, khi nghe thấy Ca-ma-rốp, ủy viên Ban Chấp hành trung ương, nói rằng những ủy viên Ban Chấp hành trung ương không thể khước từ việc chấp hành các quyết nghị của Ban Chấp hành trung ương, Tơ-rốt-ski đã đáp lại bằng cách đứng phắt dậy và bỏ phiên họp toàn thể. Các đồng chí nhớ rằng hồi đó hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương đã cử «một đoàn đại biểu» đến gặp Tơ-rốt-ski để yêu cầu Tơ-rốt-ski trở lại họp hội nghị toàn thể. Các đồng chí nhớ rằng Tơ-rốt-ski đã từ chối không thực hiện yêu cầu đó của hội nghị toàn thể, như thế là đã tỏ ra thiếu sự tôn trọng tối thiểu đối với Ban Chấp hành trung ương của mình.

Hoặc lại còn câu chuyện về một sự kiện khác nữa. Sự kiện đó là: Tơ-rốt-ski cương quyết từ chối không chịu làm việc trong các cơ quan xô-viết trung ương, trong Hội đồng Lao động và Quốc phòng, và trong Hội đồng dân ủy, mặc dù Ban Chấp hành trung ương đã hai lần thông qua quyết nghị là cuối cùng Tơ-rốt-ski phải làm việc trong các cơ quan xô-viết.

Các đồng chí đều biết rằng Tơ-rốt-ski đã cố ì ra không chấp hành quyết định của Ban Chấp hành trung ương. Thật vậy, tại sao Tơ-rốt-ski lại không muốn làm việc trong Hội đồng Lao động và Quốc phòng và trong Hội đồng dân ủy? Tại sao Tơ-rốt-ski, một người thích nói rất nhiều về kế hoạch, lại không ngó nhìn lần nào đến Ủy ban kế hoạch Nhà nước của chúng ta? Khi một ủy viên Ban Chấp hành trung ương coi thường quyết nghị của Ban Chấp hành trung ương thì có thể coi đó là điều bình thường được không? Tất cả những sự kiện đó chẳng phải đã nói lên rằng những lời bàn tán về việc bị công kích đều là chuyện bịa đặt trống rỗng, rằng nếu có buộc tội một người nào đó thì phải buộc tội chính bản thân Tơ-rốt-ski, vì hành vi của đồng chí ấy chỉ có thể coi là một sự nhạo báng Ban Chấp hành trung ương, — chẳng phải như thế hay sao?

Những điều nghị luận của Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski về dân chủ hoàn toàn không đúng. Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski đặt vấn đề thế này: hoặc là trong đảng ta có những tập đoàn, như vậy là có dân chủ, hoặc là các đồng chí cấm các tập đoàn, và như vậy là không có dân chủ. Theo đồng chí ấy, tự do tập đoàn và dân chủ gắn chặt với nhau. Chúng ta không hiểu dân chủ như vậy. Chúng ta hiểu dân chủ là nâng cao tính tích cực và tinh thần giác ngộ của quần chúng đảng viên, là thường xuyên thu hút quần chúng đảng viên không những tham gia thảo luận các vấn đề mà còn tham gia lãnh đạo công việc. Tự do tập đoàn, tức là tự do bè phái — hai việc đó chỉ là một — là một tai hại, có nguy cơ chia rẽ đảng và biến đảng thành câu lạc bộ để tranh luận. Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski, đồng chí đã tự bóc trần mình ra rồi đấy vì đồng chí bảo vệ quyền tự do tổ chức bè phái. Quần chúng đảng viên hiểu dân chủ là tạo điều kiện, đảm bảo cho đảng viên tham gia tích cực vào sự nghiệp lãnh đạo đất nước chúng ta, còn một vài người trí thức trong phái đối lập thì hiểu dân chủ là tạo cho phái đối

lập có khả năng tổ chức bè phái. Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski, đồng chí đã tự bóc trần mình ra rồi đấy.

Mà tại sao các đồng chí lại sợ điều thứ bảy nói về sự thống nhất đảng như vậy? Ở đó có gì là đáng sợ? Điều thứ bảy nói: «Để thực hiện được kỷ luật chặt chẽ trong đảng và trong toàn bộ công tác xô-viết và để đạt được sự thống nhất ở trình độ cao nhất nhờ việc xóa bỏ mọi hoạt động bè phái»... Nhưng phải chăng các đồng chí phản đối «kỷ luật chặt chẽ trong đảng và trong công tác xô-viết», thưa các đồng chí phái đối lập, phải chăng các đồng chí phản đối toàn bộ điểm đó? Các đồng chí ạ, tôi thật không biết rằng các đồng chí phản đối điều ấy đâu. Các đồng chí Xa-pơ-rơ-nốp và Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski, phải chăng các đồng chí phản đối việc đạt tới sự thống nhất ở trình độ cao nhất và «thủ tiêu hoạt động bè phái»? Các đồng chí cứ nói thẳng, — có thể là chúng tôi sẽ sửa chữa đôi chút. *(Có tiếng cười.)*

Chúng ta đọc tiếp: «Đại hội trao cho Ban Chấp hành trung ương toàn quyền thi hành tất cả mọi hình thức kỷ luật của đảng trong trường hợp vi phạm kỷ luật của đảng hoặc phục hồi hoạt động bè phái»... Chẳng lẽ các đồng chí lại sợ điều đó hay sao? Các đồng chí Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski, Ra-đếch và Xa-pơ-rơ-nốp, chẳng lẽ các đồng chí lại muốn vi phạm kỷ luật đảng, phục hồi hoạt động bè phái, hay sao? Còn nếu các đồng chí không muốn thế thì có gì đáng sợ? Các đồng chí, nỗi kinh hoàng bao trùm lên các đồng chí đang vạch trần bản thân các đồng chí. Rất rõ ràng là, một khi các đồng chí sợ điều thứ bảy trong nghị quyết về sự thống nhất, thì tức là các đồng chí tán thành hoạt động bè phái, tán thành việc vi phạm kỷ luật, chống lại sự thống nhất. Còn nếu các đồng chí không phản đối toàn bộ điều đó, thì tại sao các đồng chí lại hoảng sợ? Nếu các đồng chí có lương tâm trong sạch, nếu các đồng chí tán thành thống nhất, phản đối hoạt động bè phái và phản đối việc vi phạm kỷ luật, thì bàn tay trừng phạt của

đảng sẽ chẳng đụng đến các đồng chí, — điều đó há chẳng rõ ràng hay sao? Vậy thì sợ cái gì? *(Có tiếng nói:* «Nếu không có gì đáng sợ, thì tại sao đồng chí lại nêu ra?».)

Chúng tôi *nhắc nhở* các đồng chí. *(Có tiếng cười, vỗ tay. Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski nói:* «Đồng chí đe dọa đảng»).

Chúng tôi đe dọa những phần tử bè phái, chứ không đe dọa đảng. Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski, phải chăng đồng chí cho rằng đảng và những phần tử bè phái chỉ là một? Có lẽ là có tật giật mình. *(Có tiếng cười.)*

Chúng ta đọc tiếp: «Còn đối với những ủy viên Ban Chấp hành trung ương thì hạ xuống làm ủy viên trung ương dự khuyết và thậm chí áp dụng cả biện pháp cuối cùng là khai trừ khỏi đảng. Khi áp dụng biện pháp kỷ luật cuối cùng như vậy đối với các ủy viên Ban Chấp hành trung ương, các ủy viên trung ương dự khuyết và các ủy viên Ban Kiểm tra trung ương thì phải triệu tập hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương».

Trong đó có điều gì đáng sợ? Các đồng chí phái đối lập, nếu các đồng chí không phải là những phần tử bè phái, nếu các đồng chí phản đối tự do tập đoàn, nếu các đồng chí tán thành thống nhất, thì các đồng chí nhất định phải biểu quyết tán thành điều thứ bảy trong nghị quyết của đại hội X, vì nó đặc biệt nhằm chống lại những phần tử bè phái, đặc biệt nhằm chống lại những kẻ phá hoại sự thống nhất của đảng, uy lực của đảng, kỷ luật của đảng. Điều đó há chẳng rõ ràng hay sao?

Bây giờ tôi xin nói đến Ra-đếch. Có những người có lưỡi là để khống chế và điều khiển cái lưỡi của mình. Đó là những người bình thường. Nhưng lại có những người tự mình phục tùng cái lưỡi của mình và bị cái lưỡi của mình điều khiển. Đó là những người không bình thường. Ra-đếch thuộc hạng người không bình thường ấy. Một con người có lưỡi nhưng không điều khiển được cái lưỡi của mình mà lại tự mình

phục tùng chính cái lưỡi của mình, — một con người như thế sẽ không thể biết được là khi nào cái lưỡi của mình sẽ thốt ra điều gì. Nếu các đồng chí đã có dịp được nghe những bài diễn văn của Ra-đếch trong các cuộc họp khác nhau, thì các đồng chí sẽ ngạc nhiên trước bài phát biểu hôm nay của đồng chí ấy. Ở một trong những cuộc họp tranh luận, Ra-đếch đã khẳng định rằng vấn đề dân chủ trong đảng là một vấn đề không đáng kể, rằng đồng chí ấy, tức Ra-đếch, nói trắng ra, phản đối dân chủ, rằng vấn đề hiện nay thực ra không phải là vấn đề dân chủ, mà là vấn đề Ban Chấp hành trung ương suy nghĩ xem nên đối xử thế nào với Tơ-rốt-ski. Trong một cuộc họp tranh luận khác, cũng chính đồng chí Ra-đếch đã phát biểu rằng dân chủ trong đảng là vấn đề không quan trọng, mà dân chủ trong nội bộ Ban Chấp hành trung ương mới là vấn đề quan trọng nhất, vì theo ý kiến đồng chí ấy thì trong Ban Chấp hành trung ương đã hình thành một viện đốc chính. Nhưng hôm nay cũng chính Ra-đếch lại công khai phát biểu rằng dân chủ trong đảng cần thiết như không khí và nước, vì thiếu dân chủ thì không thể quản lý được đảng. Các đồng chí bảo nên tin ai trong ba Ra-đếch ấy — tin Ra-đếch thứ nhất, tin Ra-đếch thứ hai hay tin Ra-đếch thứ ba? Có gì đảm bảo rằng Ra-đếch, hoặc là cái lưỡi của đồng chí ấy, trong một tương lai gần đây nhất, sẽ lại không đưa ra những lời tuyên bố mới, bất ngờ, bác bỏ tất cả những lời tuyên bố trước kia, hay không? Có thể tin cậy vào một người như Ra-đếch, được không? Đã như vậy thì liệu có thể coi lời tuyên bố của Ra-đếch là có giá trị được không, thí dụ như lời tuyên bố về việc cách chức Bô-gu-sláp-ski và An-tô-nốp khỏi những cương vị nào đó vì «những lý do bè phái»?

Các đồng chí, về Bô-gu-sláp-ski tôi đã nói rồi... Còn về An-tô-nốp - Ốp-xê-en-cô, tôi xin phép báo với các đồng chí một tin như sau. An-tô-nốp đã bị cách chức khỏi Tổng cục chính trị Hồng quân công nông theo quyết nghị của Ban Tổ chức

Ban Chấp hành trung ương đã được hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương phê chuẩn. Đồng chí ấy bị cách chức trước hết là vì đã phân phát đi các nơi một thông tri về việc triệu tập hội nghị đại biểu chi bộ các trường quân sự cao cấp và các chi bộ không quân, trong đó có ghi chương trình làm việc: bàn về tình hình thế giới, về công tác xây dựng đảng v.v., mà không báo cho Ban Chấp hành trung ương biết và cũng không được sự đồng ý của Ban Chấp hành trung ương, mặc dù An-tô-nốp biết rằng Tổng cục chính trị Hồng quân công nông làm việc với quyền hạn là một ban của Ban Chấp hành trung ương. Ngoài ra, An-tô-nốp bị cách chức khỏi Tổng cục chính trị Hồng quân công nông còn là vì An-tô-nốp đã phân phát cho tất cả các chi bộ quân đội một chỉ thị về những hình thức áp dụng dân chủ trong đảng, trái với ý của Ban Chấp hành trung ương và mặc dù Ban Chấp hành trung ương đã dặn trước là chỉ thị đó phải phù hợp với kế hoạch của Ban Chấp hành trung ương. Cuối cùng, đồng chí ấy bị cách chức còn là vì đã gửi cho Ban Chấp hành trung ương và Ban Kiểm tra trung ương một bức thư có một giọng lưỡi hoàn toàn bất lịch sự và một nội dung tuyệt đối không thể tha thứ được, dọa Ban Chấp hành trung ương và Ban Kiểm tra trung ương là sẽ đưa «những lãnh tụ phiêu lưu» trở lại trật tự.

Các đồng chí! Có thể và nên để cho những phần tử đối lập đảm nhiệm những chức vụ. Có thể và nên để cho những người phụ trách các ban của Ban Chấp hành trung ương được phê bình công tác của Ban Chấp hành trung ương. Nhưng không thể để cho chủ nhiệm Tổng cục chính trị Hồng quân công nông, tức là chủ nhiệm của một cơ quan hoạt động với quyền hạn là một ban của Ban Chấp hành trung ương, được thường xuyên từ chối đặt quan hệ công tác với Ban Chấp hành trung ương của mình, không thể để cho một cán bộ phụ trách có thể giày xéo lên những nguyên tắc sơ đẳng của phép lịch sự. Không

thể giao phó việc giáo dục Hồng quân cho một đồng chí như vậy được. Vấn đề An-tô-nốp là như thế đấy.

Cuối cùng, tôi phải nói một vài lời về vấn đề: trong những lời phát biểu của mình các đồng chí thuộc phái đối lập phản ánh tâm trạng của ai. Tôi phải trở lại «trường hợp» các đồng chí Ca-da-ri-an và Mác-tư-nốp trong Ban huấn luyện của Bộ dân ủy Giao thông. «Trường hợp» này nói lên rằng trong một bộ phận sinh viên trường cao đẳng không phải mọi việc đều tốt đẹp, tính đảng của số sinh viên này đã bị mục nát, trong tâm họ đã cắt đứt quan hệ với đảng, và chính vì vậy họ đã vui vẻ biểu quyết ủng hộ phái đối lập. Nhưng, thưa các đồng chí, tôi xin lỗi nói rằng, trong số những người biểu quyết tán thành nghị quyết của Ban Chấp hành trung ương thì không có và không thể có những người đã hoàn toàn thối nát về mặt đảng tính như vậy. Các đồng chí, trong chúng ta không có hạng người như vậy. Trong chúng ta, trong hàng ngũ chúng ta, không có những người nói rằng: «Thế thì chúng ta có cái gì — chuyên chính của giai cấp vô sản hay là chuyên chính của đảng cộng sản đối với giai cấp vô sản?». Đó là câu nói của Mác-tốp và Đan. Đó là câu nói của tờ *Ngày tháng*[7], báo của những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng. Và nếu trong các đồng chí, trong hàng ngũ các đồng chí, cũng có những người biện hộ như vậy, thì lập trường của các đồng chí còn có giá trị gì nữa, thưa các đồng chí thuộc phái đối lập? Hoặc chẳng hạn một đồng chí khác, đồng chí Mác-tư-nốp, là người cho rằng Ban Chấp hành trung ương phải nín lặng, còn quyết định là do chi bộ. Mác-tư-nốp nói: các đồng chí, Ban Chấp hành trung ương, có thể chấp hành những điều mà chi bộ chúng tôi đã quyết định. Nhưng, chúng ta có những 5 vạn chi bộ. Nếu các chi bộ đều sẽ quyết định chẳng hạn vấn đề bức tối hậu thư của Kéc-dôn, thì đến hai năm chúng ta cũng không có được quyết định về vấn đề ấy. Vì đó là chủ nghĩa men-sê-vích - vô chính phủ trăm phần trăm.

Nếu những người đã mất trí và đã hoàn toàn thối nát về mặt đảng tính ấy mà còn đứng trong tổ chức bè phái của các đồng chí, thì tổ chức bè phái của các đồng chí còn có giá trị gì nữa? (*Có tiếng nói:* «Họ có là đảng viên không?».)

Vâng, đáng tiếc họ lại là những đảng viên, nhưng tôi sẵn sàng thi hành mọi biện pháp để những người như vậy sẽ không còn là đảng viên của đảng ta nữa. (*Vỗ tay.*) Tôi đã nói rằng phái đối lập phản ánh tâm trạng và nguyện vọng của những phần tử phi vô sản trong đảng và ngoài đảng. Phái đối lập đang thả lỏng một cách không tự giác cho tính tự phát tiểu tư sản phát triển. Hoạt động bè phái của phái đối lập tiếp sức cho những kẻ thù của đảng ta, cho những kẻ muốn làm suy yếu và lật đổ nền chuyên chính của giai cấp vô sản. Hôm qua tôi đã nói điều này, và hôm nay tôi lại khẳng định điều này.

Nhưng có lẽ các đồng chí muốn được nghe những nhân chứng mới khác chăng? Được, tôi có thể thỏa mãn yêu cầu của các đồng chí, tôi xin dẫn chứng, chẳng hạn, những câu nói của St. I-va-nô-vi-tsơ là người mà mọi người đều biết. St.I-va-nô-vi-tsơ đó là ai? Hắn là một tên men-sê-vích; trước kia khi chúng ta với bọn men-sê-vích cùng ở trong một đảng, thì hắn là một đảng viên. Về sau, sau khi ra khỏi Ban Chấp hành trung ương của bọn men-sê-vích, hắn trở thành một tên men-sê-vích cánh hữu. Bọn men-sê-vích cánh hữu — đó là tập đoàn những tên men-sê-vích theo chủ nghĩa vũ trang can thiệp; nhiệm vụ trước mắt của chúng là lật đổ Chính quyền xô-viết, dù có phải nhờ đến lưỡi lê của các nước ngoài. Tờ *Bình minh*[8] là cơ quan của chúng. Biên tập viên của cơ quan ấy là St.I-va-nô-vi-tsơ. Tên men-sê-vích cánh hữu này có thái độ thế nào với phái đối lập của chúng ta, nó đánh giá phái đối lập như thế nào? Xin đọc để các đồng chí nghe.

«Chúng ta cảm ơn phái đối lập vì họ đã vẽ rất tuyệt bức tranh cái rãnh bùn đạo đức khủng khiếp mà người ta gọi là Đảng cộng sản Nga. Chúng ta cảm ơn phái đối lập vì họ đã giáng cho Đảng cộng sản Nga một đòn nặng nề về tinh thần và tổ chức. Chúng ta cảm ơn phái đối lập vì việc làm của họ sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho tất cả những ai cho rằng lật đổ Chính quyền xô-viết là nhiệm vụ của những chính đảng xã hội chủ nghĩa».

Các đồng chí thuộc phái đối lập, đó là giấy chứng chỉ cấp cho các đồng chí đấy.

Để kết thúc bài diễn văn, tôi vẫn muốn bày tỏ với các đồng chí trong phái đối lập lòng mong muốn là cái hôn đó của St. I-va-nô-vi-tsơ sẽ không dính chặt quá vào các đồng chí ấy. *(Vỗ tay hồi lâu.)*

TRUY ĐIỆU LÊ-NIN

Bài đọc tại đại hội II
Các Xô-viết toàn Liên-xô[9]
26 tháng giêng 1924

Các đồng chí! Chúng ta, những người cộng sản, là những người có một tính cách riêng. Chúng ta được cấu tạo bằng một chất liệu riêng. Chúng ta họp thành đạo quân của nhà chiến lược vô sản vĩ đại, đạo quân của đồng chí Lê-nin. Không có gì cao quý bằng vinh dự được đứng trong hàng ngũ đạo quân ấy. Không có gì cao quý bằng danh hiệu đảng viên của một đảng mà người sáng lập và lãnh đạo là đồng chí Lê-nin. Không phải bất cứ ai cũng được là đảng viên của một đảng như thế. Không phải bất cứ ai cũng được đương đầu với những gian nguy và bão táp gắn liền với việc gia nhập đảng ấy. Những người con của giai cấp công nhân, những người sinh ra từ cảnh cùng khổ và đấu tranh, những người sinh ra từ cảnh thiếu thốn ghê gớm và những nỗ lực anh dũng, — đó chính là những người, trước nhất, phải thành đảng viên của đảng ấy. Chính vì lẽ đó mà đảng của những người theo chủ nghĩa Lê-nin, đảng của những người cộng sản còn được gọi là đảng của giai cấp công nhân.

KHI VĨNH BIỆT CHÚNG TA, ĐỒNG CHÍ LÊ - NIN ĐÃ CĂN DẶN CHÚNG TA PHẢI NÊU CAO VÀ GIỮ GÌN TRONG SÁNG CÁI DANH HIỆU VINH QUANG LÀ ĐẢNG VIÊN. ĐỒNG CHÍ LÊ - NIN! CHÚNG TÔI XIN THỀ VỚI ĐỒNG CHÍ LÀ CHÚNG TÔI SẼ THỰC HIỆN MỘT CÁCH VẺ VANG LỜI CĂN DẶN CỦA ĐỒNG CHÍ!

Suốt trong hai mươi lăm năm, đồng chí Lê-nin là người thường xuyên giáo dục đảng ta, làm cho đảng ta trở thành đảng công nhân mạnh nhất và được tôi luyện nhất thế giới. Những đòn của chế độ Nga hoàng và tay chân của nó, sự điên cuồng của giai cấp tư sản và bọn địa chủ, những cuộc tấn công vũ trang của Côn-tsắc và Đê-ni-kin, cuộc can thiệp vũ trang của Anh và Pháp, những lời lừa bịp và vu khống của báo chí tư sản có hàng trăm mồm, — tất cả những con bọ cạp ấy đã luôn luôn tấn công đảng ta trong một phần tư thế kỷ. Nhưng đảng ta vẫn đứng vững như bàn thạch, đánh lui những cuộc tấn công nhiều vô kể của kẻ thù và dẫn giai cấp công nhân tiến tới thắng lợi. Chính qua những cuộc chiến đấu gay go, đảng ta đã hun đúc nên sự thống nhất và đoàn kết trong hàng ngũ của mình. Chính nhờ có thống nhất và đoàn kết mà đảng đã thắng được những kẻ thù của giai cấp công nhân.

KHI VĨNH BIỆT CHÚNG TA, ĐỒNG CHÍ LÊ-NIN ĐÃ CĂN DẶN CHÚNG TA PHẢI GIỮ GÌN SỰ THỐNG NHẤT CỦA ĐẢNG NHƯ CON NGƯƠI CỦA CHÚNG TA. ĐỒNG CHÍ LÊ-NIN! CHÚNG TÔI XIN THỀ VỚI ĐỒNG CHÍ LÀ VỀ MẶT NÀY NỮA, CHÚNG TÔI CŨNG SẼ THỰC HIỆN MỘT CÁCH VẺ VANG LỜI CĂN DẶN CỦA ĐỒNG CHÍ!

Cuộc sống của giai cấp công nhân thật là gay go và cùng cực. Nỗi gian khổ của những người lao động thật là nặng nhọc và ê chề. Nô lệ và chủ nô, nông nô và lãnh chúa, nông dân và địa chủ, công nhân và tư bản, người bị áp bức và kẻ đi áp bức, — thế giới đã được xây dựng như vậy, qua bao thế kỷ; ngày nay, tình hình vẫn còn như thế trong tuyệt đại đa số các nước. Đã hàng chục, hàng trăm lần, trải qua các thế kỷ, những người lao động ra sức lật đổ gông cùm của bọn áp bức họ và giành quyền làm chủ vận mệnh của mình. Nhưng cứ mỗi lần bị đánh bại và bị làm nhục, họ lại đành lùi bước, ôm trong lòng nỗi bẽ bàng và tủi nhục, mối căm hờn và thất vọng; và ngẩng lên nhìn trời sâu thẳm, họ trông trời giải thoát cho mình. Những xiềng xích của chế độ nô lệ

vẫn nguyên vẹn, hoặc xiềng xích cũ được thay bằng xiềng xích mới, cũng nặng nề, nhục nhã như cũ. Chỉ ở nước ta, quần chúng lao động bị áp bức và đè nén mới có thể lật đổ được sự thống trị của địa chủ và tư bản, và thay bằng sự thống trị của công nhân và nông dân. Các đồng chí đều biết và ngày nay toàn thế giới đều công nhận rằng cuộc đấu tranh khổng lồ ấy là do đồng chí Lê-nin và đảng của đồng chí lãnh đạo. Sự vĩ đại của Lê-nin trước hết là ở chỗ, khi sáng lập nước Cộng hòa xô-viết, Lê-nin đã thực tế đã chỉ ra cho quần chúng bị áp bức trên toàn thế giới thấy rằng hy vọng giải phóng không phải là đã mất, sự thống trị của bọn địa chủ và bọn tư bản không phải là vĩnh viễn, sự thống trị của lao động *có thể* thiết lập nên bằng sự nỗ lực của bản thân những người lao động, và cần phải thiết lập sự thống trị đó trên *trái đất* này, chứ không phải trên trời. Do đó, Người đã nhóm lên trong lòng công nhân và nông dân cả thế giới ngọn lửa hy vọng giải phóng. Đó chính là điều giải thích tại sao tên tuổi của Lê-nin lại là tên tuổi thân yêu nhất đối với quần chúng cần lao và bị áp bức.

KHI VĨNH BIỆT CHÚNG TA, ĐỒNG CHÍ LÊ-NIN ĐÃ CĂN DẶN CHÚNG TA PHẢI BẢO VỆ VÀ CỦNG CỐ NỀN CHUYÊN CHÍNH VÔ SẢN. ĐỒNG CHÍ LÊ-NIN! CHÚNG TÔI XIN THỀ VỚI ĐỒNG CHÍ LÀ VỀ MẶT ẤY NỮA, CHÚNG TÔI CŨNG SẼ ĐEM HẾT SỨC MÌNH ĐỂ THỰC HIỆN MỘT CÁCH VẺ VANG LỜI CĂN DẶN CỦA ĐỒNG CHÍ!

Nền chuyên chính vô sản đã được thiết lập trong nước ta trên cơ sở liên minh công nông. Đó là cơ sở đầu tiên và căn bản của nước Cộng hòa xô-viết. Công nhân và nông dân đã không thể thắng nổi tư bản và địa chủ, nếu không có liên minh đó. Công nhân đã không thể đánh bại được bọn tư bản, nếu không được nông dân ủng hộ. Nông dân mà không được công nhân lãnh đạo thì đã không thể đánh bại được địa chủ. Đó là điều đã được toàn bộ lịch sử của cuộc nội chiến

ở nước ta chứng nhận. Nhưng cuộc đấu tranh để củng cố nước Cộng hòa xô-viết còn xa mới hoàn thành, nó mới chỉ mang một hình thức mới thôi. Lúc đầu, liên minh công nông mang hình thức một liên minh quân sự, vì nó nhằm chống Côn-tsắc và Đê-ni-kin. Bây giờ đây, liên minh công nông phải mang hình thức một cuộc hợp tác kinh tế giữa thành thị và nông thôn, giữa công nhân và nông dân, vì liên minh ấy là nhằm chống con buôn và cu-lắc, vì nó có mục đích là làm cho nông dân và công nhân có thể cung cấp lẫn cho nhau mọi thứ cần thiết. Các đồng chí đều biết rằng không ai theo đuổi nhiệm vụ đó, kiên trì bằng đồng chí Lê-nin.

KHI VĨNH BIỆT CHÚNG TA, ĐỒNG CHÍ LÊ-NIN ĐÃ CĂN DẶN CHÚNG TA PHẢI ĐEM HẾT SỨC MÌNH CỦNG CỐ KHỐI LIÊN MINH CÔNG NÔNG. ĐỒNG CHÍ LÊ-NIN! CHÚNG TÔI XIN THỀ VỚI ĐỒNG CHÍ LÀ VỀ MẶT ẤY NỮA, CHÚNG TÔI CŨNG SẼ THỰC HIỆN MỘT CÁCH VẺ VANG LỜI CĂN DẶN CỦA ĐỒNG CHÍ!

Cơ sở thứ hai của nước Cộng hòa xô-viết là khối liên minh của những người lao động các dân tộc sống trên đất nước ta. Người Nga và U-cơ-ren, Ba-sơ-ki-ri và Bạch Nga, Giê-oóc-gi và A-déc-bai-gian, Ác-mê-ni và Đa-ghe-stan, Ta-ta và Kiếc-ghi-di, U-dơ-bếc và Tuốc-mê-ni, — tất cả đều mong muốn nền chuyên chính vô sản được củng cố. Chuyên chính vô sản đã giải thoát các dân tộc đó khỏi xiềng xích và áp bức; về phần mình, các dân tộc đó, với lòng trung thành tuyệt đối của họ với nước Cộng hòa xô-viết, với ý chí của họ sẵn sàng hy sinh vì lợi ích của nước cộng hòa đó, lại đang bảo vệ nước cộng hòa đó chống lại các cuộc âm mưu và tấn công của những kẻ thù của giai cấp công nhân. Vì vậy, đồng chí Lê-nin đã luôn luôn nói với chúng ta là cần thiết phải có một liên minh tự nguyện giữa các dân tộc nước ta, là cần thiết phải có một sự hợp tác anh em giữa các dân tộc ấy trong khuôn khổ Liên minh các nước Cộng hòa.

KHI VĨNH BIỆT CHÚNG TA, ĐỒNG CHÍ LÊ - NIN CĂN DẶN CHÚNG TA PHẢI CỦNG CỐ VÀ MỞ RỘNG LIÊN MINH CÁC NƯỚC CỘNG HÒA. ĐỒNG CHÍ LÊ - NIN! CHÚNG TÔI XIN THỀ VỚI ĐỒNG CHÍ LÀ VỀ MẶT ẤY NỮA, CHÚNG TÔI CŨNG SẼ THỰC HIỆN MỘT CÁCH VẺ VANG LỜI CĂN DẶN CỦA ĐỒNG CHÍ!

Cơ sở thứ ba của chuyên chính vô sản là Hồng quân và Hải quân đỏ của ta. Lê-nin đã nhiều lần dạy chúng ta rằng tình trạng tạm ngừng chiến mà chúng ta đã bắt các nước tư bản phải nhận, có thể là không lâu dài. Nhiều lần Lê-nin đã chỉ cho chúng ta rằng việc tăng cường và cải tiến Hồng quân là một trong những nhiệm vụ trọng đại nhất của đảng ta. Những sự biến gắn liền với bức tối hậu thư của Kéc-dôn và với cuộc khủng hoảng ở Đức[10] lại xác nhận thêm một lần nữa rằng Lê-nin luôn luôn đúng. Vậy, các đồng chí, chúng ta hãy thề là không tiếc sức mình để tăng cường Hồng quân và Hải quân đỏ của ta!

Nước chúng ta đang đứng sừng sững như tảng đá lớn giữa cái biển các nước tư sản. Những ngọn sóng dồn dập xô vào nó, định trào lên trên nó, cuốn nó đi. Nhưng tảng đá vẫn không lay chuyển. Do đâu mà nó có sức mạnh như vậy? Không phải chỉ vì nước ta được xây dựng trên khối liên minh công nông; không phải chỉ vì nước ta là hiện thân của khối liên minh của các dân tộc tự do và được những cánh tay hùng mạnh của Hồng quân và Hải quân đỏ bảo vệ. Sức mạnh của nước ta, sự kiên cường và vững chắc của nước ta, còn là ở chỗ nó được sự đồng tình sâu sắc và sự ủng hộ không gì phá nổi của công nhân và nông dân trên toàn thế giới. Công nhân và nông dân tất cả các nước đều mong muốn bảo vệ nước Cộng hòa xô-viết, coi đó là mũi tên do bàn tay vững vàng của đồng chí Lê-nin bắn vào phe địch, là cơ sở của niềm hy vọng của họ muốn tự giải phóng khỏi ách áp bức và bóc lột, là ngọn đèn pha đáng tin cậy chỉ cho họ con đường giải phóng. Họ mong muốn bảo vệ và sẽ không để cho

bọn địa chủ và tư bản phá hoại nước Cộng hòa xô-viết. Sức mạnh của chúng ta là ở đó, sức mạnh của những người lao động tất cả các nước là ở đó. Chỗ yếu của giai cấp tư sản toàn thế giới cũng là ở đó.

Lê-nin không bao giờ coi nước Cộng hòa xô-viết là một mục đích tự thân cả. Người luôn luôn coi đó là một mắt xích không thể thiếu để tăng cường phong trào cách mạng trong các nước phương Tây và phương Đông, là một mắt xích không thể thiếu để tạo điều kiện thuận lợi cho những người lao động toàn thế giới thắng Tư bản. Lê-nin biết rằng quan niệm đó là duy nhất đúng, cả về phương diện quốc tế lẫn về phương diện bảo vệ nước Cộng hòa xô-viết. Lê-nin biết rằng đó là phương tiện duy nhất làm bùng cháy ngọn lửa trong lòng tất cả những người lao động trên thế giới nhằm chuẩn bị cho những trận chiến đấu quyết định để giải phóng họ. Vì thế Lê-nin, thiên tài vĩ đại nhất trong các lãnh tụ thiên tài của giai cấp vô sản, sau khi thiết lập chuyên chính vô sản, lại đặt ngay nền móng của Quốc tế của công nhân. Vì thế Người không ngớt mở rộng và củng cố khối đoàn kết của những người lao động tất cả các nước: Quốc tế Cộng sản.

Các đồng chí đã thấy, trong những ngày gần đây, hàng vạn và hàng chục vạn người lao động đến viếng thi hài đồng chí Lê-nin. Rồi đây các đồng chí sẽ thấy đại biểu của hàng triệu người lao động đến viếng mộ Lê-nin. Các đồng chí có thể tin chắc rằng sau những đại biểu ấy của hàng triệu người lao động, thì từ khắp các nơi trên thế giới, đại biểu của hàng chục, hàng trăm triệu người sẽ dồn dập tới, họ tới chứng nhận rằng Lê-nin không phải chỉ là lãnh tụ của giai cấp vô sản Nga, của công nhân châu Âu, của những người lao động ở phương Đông thuộc địa, mà cũng là lãnh tụ của toàn thể nhân loại cần lao trên thế giới.

KHI VĨNH BIỆT CHÚNG TA, ĐỒNG CHÍ LÊ-NIN ĐÃ CĂN DẶN CHÚNG TA PHẢI TRUNG THÀNH VỚI NHỮNG NGUYÊN TẮC CỦA QUỐC TẾ CỘNG SẢN. ĐỒNG CHÍ LÊ-NIN! CHÚNG TÔI XIN THỀ VỚI NGƯỜI LÀ CHÚNG TÔI KHÔNG QUẢN PHẢI HY SINH TÍNH MẠNG ĐỂ CỦNG CỐ VÀ MỞ RỘNG KHỐI ĐOÀN KẾT CỦA NHỮNG NGƯỜI LAO ĐỘNG TOÀN THẾ GIỚI, TỨC LÀ QUỐC TẾ CỘNG SẢN!

« Sự thật » số 23,
30 tháng Giêng 1924

LÊ-NIN

Diễn văn đọc tại buổi họp mặt do sinh viên trường quân chính Cơ-rem-lanh tổ chức 28 tháng Giêng 1924

Các đồng chí, tôi được biết các đồng chí tổ chức ở đây buổi họp mặt để kỷ niệm Lê-nin, và tôi là một trong những người được mời đến báo cáo trong buổi họp này. Tôi thiết tưởng không cần phải trình bày với các đồng chí một bản báo cáo có mạch lạc về hoạt động của Lê-nin. Tôi nghĩ tốt hơn là sẽ chỉ kể lại cho các đồng chí nghe một số sự việc nhằm làm nổi bật một vài đặc điểm về con người Lê-nin và về nhà hoạt động Lê-nin. Có lẽ sẽ không có mối liên hệ nội tại gì giữa những sự việc ấy với nhau, nhưng điều đó không quan trọng mấy đối với những ai muốn có một ý niệm toàn bộ về Lê-nin. Dẫu sao, lúc này, tôi cũng không thể nói nhiều hơn, ngoài những điều tôi vừa hứa.

PHƯỢNG HOÀNG ĐẠI NGÀN

Lần đầu tiên tôi được biết Lê-nin là vào hồi năm 1903, Đành rằng đó là biết qua thư từ, chứ không gặp mặt. Nhưng, qua đó, tôi có một ấn tượng không phai mờ, luôn luôn không rời tôi trong suốt cả thời gian tôi công tác trong đảng. Khi ấy, tôi bị đày ở Xi-bi-ri. Hoạt động cách mạng của Lê-nin

vào cuối những năm 90 và nhất là sau năm 1901, sau khi tờ *Tia lửa*[11] ra đời, đã làm cho tôi càng tin chắc rằng Lê-nin của chúng tôi là một người phi thường. Theo tôi, khi ấy Lê-nin không phải là một người lãnh đạo thường của đảng; Lê-nin chính là người sáng tạo ra đảng, chỉ có Lê-nin mới hiểu rõ tính chất sâu sắc và những nhu cầu cấp thiết của đảng ta. Khi tôi so sánh Lê-nin với những người lãnh đạo khác của đảng ta, thì hình như là luôn luôn tôi cảm thấy rằng những bạn chiến đấu của Lê-nin, như Pơ-lê-kha-nốp, Mác-tốp, Ác-xen-rốt và những người khác nữa, đều kém Lê-nin một bậc; rằng so với họ, Lê-nin không phải chỉ là một trong những người lãnh đạo, mà là một người lãnh đạo bậc trên, một con phượng hoàng đại ngàn, không biết sợ trong đấu tranh và mạnh bạo dẫn đảng tiến tới, đi trên những nẻo đường chưa từng khai phá của phong trào cách mạng Nga. Ấn tượng ấy in sâu vào đầu óc tôi, đến nỗi tôi thấy cần viết thư kể lại cho một người bạn thân, lúc đó lánh ở ngoài nước, để hỏi ý kiến. Cách đấy ít lâu, vào cuối năm 1903, khi tôi đang bị đày ở Xi-bi-ri, tôi nhận được của bạn tôi một thư trả lời hân hoan, cùng với một bức thư của Lê-nin, đơn giản nhưng nội dung phong phú. Sau này, tôi mới biết là bạn tôi đã đưa bức thư của tôi cho Lê-nin xem. Thư của Lê-nin tương đối ngắn, nhưng phê phán mạnh dạn, dũng cảm hoạt động thực tiễn của đảng ta, đồng thời trình bày đặc biệt rõ ràng và ngắn gọn kế hoạch công tác của đảng trong thời kỳ sắp tới. Chỉ có Lê-nin mới có thể viết về những vấn đề rắc rối nhất, một cách giản dị và rõ ràng, ngắn gọn và mạnh bạo như vậy, mỗi câu không phải là nói ra, mà là như bắn ra. Bức thư ngắn, giản dị và mạnh bạo ấy, củng cố lòng tin của tôi rằng Lê-nin là một con phượng hoàng đại ngàn của đảng ta. Tôi ân hận là đã đốt mất bức thư ấy của Lê-nin, cũng như nhiều bức thư khác nữa, do thói quen của người hoạt động bí mật lâu năm. Mối liên hệ của tôi với Lê-nin bắt đầu từ đó.

TÍNH KHIÊM TỐN

Lần đầu tiên, tôi gặp Lê-nin vào tháng Chạp 1905, tại Hội nghị bôn-sê-vích ở Tam-méc-pho (Phần-lan). Tôi đinh ninh sẽ được thấy mặt con phượng hoàng đại ngàn của đảng ta, con người vĩ đại, vĩ đại không những về mặt chính trị, mà có thể cả về mặt thể chất nữa; vì trong trí tưởng tượng của tôi, Lê-nin phải là một người cao lớn, vạm vỡ, uy nghi. Tôi đã tưng hửng biết bao, khi tôi được gặp mặt một người hết sức bình thường, tầm vóc dưới mức trung bình, không có gì khác, tuyệt đối không có gì khác một người thường...

Theo thói thường thì một «vĩ nhân» hay đến muộn trong các buổi họp, để mọi người trong hội nghị ngóng đợi, hồi hộp, Rồi khi «vĩ nhân» đến, người ta báo hiệu nhau bằng những tiếng: «Suỵt... im lặng... Người đã đến!». Tôi cho nghi lễ ấy không phải là thừa, vì cần phải làm như thế, làm như thế để gây lòng tôn kính. Tôi tưng hửng biết bao khi được biết rằng Lê-nin đã đến hội nghị trước các đại biểu và, trong một góc phòng, Lê-nin đang nói một cách vô cùng giản dị những câu chuyện hết sức bình thường với những đại biểu hết sức bình thường của hội nghị. Thú thật rằng, hồi đó, tôi coi cử chỉ ấy là trái với lệ thường.

Mãi về sau, tôi mới hiểu rằng tính giản dị và khiêm tốn ấy của Lê-nin, ý muốn không để người ta chú ý đến mình, hay ít nhất không để người ta quá chú ý đến mình, ý muốn tránh làm nổi bật cái địa vị cao của mình, — đức tính đó là một trong những ưu điểm đặc sắc nhất của Lê-nin, người lãnh tụ mới của những quần chúng mới — những quần chúng giản dị và bình thường họp thành «những tầng lớp dưới», những tầng lớp cơ bản nhất của nhân loại.

LÔ-GÍCH MẠNH MẼ

Ở hội nghị đó, Lê-nin đọc hai bài diễn văn đặc sắc: về tình hình chính trị và về vấn đề ruộng đất. Tiếc thay những bài ấy nay đã thất lạc. Những bài nói gây hào hứng mạnh làm hội nghị nhiệt liệt phấn khởi. Sức mạnh thuyết phục phi thường, lập luận giản dị và sáng tỏ, những câu ngắn hợp với trình độ mọi người, không điệu bộ, không hoa tay múa chân, không một câu nào khuếch đại nhằm gây tác động vào người nghe: tất cả những điểm đó làm cho những bài nói của Lê-nin khác và hơn hẳn những bài nói của các diễn giả «nghị trường» xưa nay.

Nhưng cái đã lôi cuốn tôi hồi đó, không phải là phương diện ấy của những bài nói của Lê-nin, mà chính là sức mạnh không gì cưỡng nổi trong lô-gích của Người, lô-gích hơi khô khan, nhưng trái lại, triệt để xâm chiếm người nghe, dần dần thu hút họ như một luồng điện, rồi lôi cuốn họ theo không cho họ cưỡng lại như người ta vẫn thường nói. Tôi còn nhớ hồi ấy nhiều đại biểu đã nói: «Lô-gích trong các bài nói của Lê-nin giống như những chiếc vòi hết sức mạnh quấn chặt lấy chúng ta mọi bề như trong cặp gọng kìm không tài nào cựa được: hoặc là phải khuất phục, hoặc là đành hoàn toàn chịu thua».

Theo tôi, đặc điểm này của các bài nói của Lê-nin là cái mặt trội nhất trong tài cổ động của Người.

KHÔNG RÊN RỈ

Tôi gặp Lê-nin lần thứ hai vào năm 1906 ở Stốc-khôn, trong đại hội[12] của đảng ta. Ai cũng biết rằng trong đại hội này, những người bôn-sê-vích bị thiểu số, họ bị thất bại. Lần đầu tiên, tôi thấy Lê-nin ở vào địa vị người bị bại.

Lê-nin không hề giống những người lãnh đạo nọ mỗi lần thất bại là một lần kêu rên và nản chí. Trái lại, thất bại đã làm cho tất cả những nghị lực ở Lê-nin càng rắn chắc lại, những nghị lực ấy đã thúc đầy những người theo Lê-nin xông vào những trận chiến đấu mới đề giành thắng lợi sau này. Tôi nói: Lê-nin thất bại. Nhưng thất bại ấy là gì? Phải nhìn những địch thủ của Lê-nin, những người chiến thắng ở đại hội Stốc-khôn, — Pơ-lê-kha-nốp, Ác-xen-rốt, Mác-tốp, và những người khác: họ khác xa những người chiến thắng thực sự, vì trong khi phê phán thẳng tay chủ nghĩa men-sê-vích, Lê-nin đã — như người ta thường nói — đập cho họ tơi bời. Tôi còn nhớ rằng những đại biểu bôn-sê-vích chúng tôi lúc đó xúm nhau lại, nhìn Lê-nin đề hỏi ý kiến. Những lời nói của một vài đại biểu, đề lộ ra vẻ mỏi mệt, chán nản. Tôi còn nhớ là Lê-nin, khi trả lời những câu ấy, đã nói nhỏ trong miệng, bằng một giọng chua cay: «Đừng rên rỉ, các đồng chí, nhất định chúng ta sẽ thắng vì chúng ta đúng». Ghét những phần tử trí thức hay rên rỉ, tin tưởng vào lực lượng của chúng ta, tin tưởng vào thắng lợi, — đó là những điều mà khi ấy Lê-nin nói với chúng tôi. Người ta cảm thấy rõ rằng thất bại của những người bôn-sê-vích là tạm thời và nay mai họ sẽ thắng.

«Không rên rỉ mỗi khi thất bại», đó là một đặc điểm trong hoạt động của Lê-nin, đặc điểm ấy đã giúp Lê-nin tập hợp được xung quanh mình một đội quân hoàn toàn tận tụy và tin vào lực lượng của mình.

KHÔNG KIÊU CĂNG

Tại đại hội sau, năm 1907, ở Luân-đôn[13], chính những người bôn-sê-vích đã giành được thắng lợi. Lần đầu tiên, tôi thấy Lê-nin ở vào địa vị người chiến thắng. Thắng lợi thường

làm cho một số người lãnh đạo say sưa, sinh ra kiêu căng và tự phụ. Lúc đó, thường thường người ta bắt đầu ca ngợi chiến thắng, người ta đâm ra say sưa về thắng lợi của mình. Nhưng Lê-nin không hề giống những người lãnh đạo ấy. Trái lại, chính sau khi thắng lợi, Lê-nin lại càng tỏ ra cảnh giác, tỉnh táo. Tôi nhớ là Lê-nin đã kiên trì nhắc nhở các đại biểu: «Thứ nhất, chớ có say sưa về thắng lợi, đừng tự phụ vì thắng lợi, thứ hai, củng cố thắng lợi của mình; thứ ba, tiêu diệt hẳn kẻ thù, vì nó chỉ mới bị đánh, còn xa mới bị tiêu diệt hẳn». Lê-nin chế giễu một cách chua cay những đại biểu đã nhẹ dạ cho rằng «thôi thế là xong đời bọn men-sê-vích». Đối với Lê-nin, không có gì là khó mà không chứng minh được rằng bọn men-sê-vích vẫn còn gốc rễ trong phong trào công nhân, phải biết đánh đổ chúng mà chớ có đánh giá quá cao lực lượng của mình và nhất là chớ có đánh giá quá thấp lực lượng địch.

«Đừng vì thắng lợi mà sinh ra tự phụ», chính đặc tính này của Lê-nin đã giúp cho Lê-nin có thể đánh giá được một cách sáng suốt lực lượng địch và làm cho đảng tránh được những việc bất ngờ xảy đến.

TÍNH NGUYÊN TẮC

Các lãnh tụ của một đảng không thể không chú trọng đến ý kiến của đa số trong đảng mình. Đa số là một sức mạnh mà một lãnh tụ cần phải tính đến. Điều ấy, Lê-nin hiểu rõ cũng như bất cứ một nhà lãnh đạo nào khác của đảng. Nhưng Lê-nin không bao giờ để cho đa số bó buộc mình, nhất là khi đa số ấy không có cơ sở lý luận. Trong lịch sử đảng ta, đã có những lúc mà ý kiến của đa số hay lợi ích nhất thời của đảng lại trái với lợi ích cơ bản của giai cấp vô sản. Trong những trường hợp như thế, Lê-nin không lưỡng lự, giữ vững

tính nguyên tắc, chống lại đa số trong đảng. Hơn nữa, Lê-nin không hề sợ là độc thân đương đầu với tất cả mọi người, vì Người nghĩ rằng — như lời Người thường nói — «một chính sách trung thành với nguyên tắc là chính sách duy nhất đúng».

Hai việc sau đây đã đặc biệt nói rõ điều đó.

Việc thứ nhất. Thời kỳ từ 1909 đến 1911, đảng bị thế lực phản cách mạng khủng bố, đang tan rã mạnh. Trong thời kỳ đó, người ta mất tin tưởng đối với đảng; không những phần tử trí thức, mà trong một chừng mực nào đó, cả công nhân cũng hàng loạt rời bỏ đảng; thời kỳ từ bỏ hoạt động bí mật; thời kỳ thủ tiêu và phá sản. Không những bọn men-sê-vích mà cả những người bôn-sê-vích cũng đã chia thành nhiều nhóm và phái, phần lớn đều tách rời phong trào công nhân. Chính trong thời kỳ ấy — như ta đã biết — đã nảy ra cái tư tưởng thủ tiêu hẳn hoạt động bí mật của đảng và tổ chức công nhân thành một đảng hợp pháp, tự do chủ nghĩa, đảng theo kiểu Stô-lư-pin. Hồi ấy, riêng Lê-nin là không để cho cái bệnh dịch chung ấy lây sang mình và đã nêu cao ngọn cờ của đảng; với một chí kiên nhẫn lạ kỳ, một sự ngoan cường chưa từng thấy, Lê-nin đã tập hợp những lực lượng phân tán và tan vỡ của đảng; Người đã đấu tranh chống tất cả những xu hướng thù nghịch với đảng nảy ra trong phong trào công nhân; Người đã bảo vệ những nguyên tắc của đảng với một lòng dũng cảm vô song và một chí kiên nhẫn chưa từng thấy.

Ai nấy đều biết rằng, sau đấy, Lê-nin đã toàn thắng trong cuộc đấu tranh đó để duy trì đảng.

Việc thứ hai. Thời kỳ từ 1914 đến 1917, giữa lúc cuộc chiến tranh đế quốc đang diễn ra mãnh liệt, khi tất cả các đảng xã hội - dân chủ và xã hội chủ nghĩa hay hầu hết các đảng ấy, bị lôi cuốn vào cơn cuồng nhiệt ái quốc chủ nghĩa chung, đều đi phục vụ chủ nghĩa đế quốc của nước họ. Thời kỳ mà

Quốc tế II đầu hàng Tư bản, và cả những người như Pơ-lê-kha-nốp, Cau-sky, Ghe-sđơ và những người khác nữa, cũng không chống cự được với làn sóng chủ nghĩa sô-vanh. Chỉ có một mình Lê-nin hay hầu như chỉ có một mình Lê-nin là kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa xã hội - sô-vanh và chủ nghĩa xã hội - hòa bình; là tố cáo sự phản bội của bọn Ghe-sđơ và Cau-sky và chỉ trích đầu óc do dự của bọn «cách mạng» lừng chừng. Lê-nin biết rằng chỉ có một thiểu số ít ỏi là theo mình thôi, nhưng đối với Người, điều đó không có một ý nghĩa quyết định; Người hiểu rằng chính sách duy nhất đúng và có triển vọng tốt đẹp, đó là chính sách theo chủ nghĩa quốc tế triệt để; Người biết rằng một chính sách trung thành với nguyên tắc là chính sách duy nhất đúng.

Ai nấy đều biết rằng Lê-nin cũng đã thắng trong cuộc đấu tranh ấy để thành lập một Quốc tế mới.

«Chính sách trung thành với nguyên tắc là chính sách duy nhất đúng», chính nhờ công thức này mà Lê-nin đã hạ được những vị trí mới «không thể hạ nổi» và đã tranh thủ được những phần tử ưu tú nhất trong giai cấp vô sản, đứng về phía chủ nghĩa Mác cách mạng.

TIN TƯỞNG VÀO QUẦN CHÚNG

Những nhà lý luận và lãnh đạo đảng, am hiểu lịch sử các dân tộc, đã từng nghiên cứu từ đầu đến cuối lịch sử các cuộc cách mạng, đôi khi vẫn mắc phải cái bệnh thật xấu. Bệnh ấy gọi là bệnh sợ quần chúng, bệnh thiếu tin tưởng vào khả năng sáng tạo của quần chúng. Bệnh này đôi khi đã làm cho các lãnh tụ có một thứ thái độ quý tộc đối với quần chúng là những người tuy ít thông hiểu lịch sử các cuộc cách mạng, nhưng lại có sứ mạng phá cái cũ và dựng lên cái mới. Sợ tính tự phát có thể hoành hành, sợ quần chúng «phá phách quá

nhiều», muốn đóng vai trò người bảo mẫu định đem sách vở ra giáo dục quần chúng, mà chính mình lại không muốn học tập quần chúng: đó là nguồn gốc của thứ thái độ quý tộc ấy.

Lê-nin hoàn toàn trái ngược với các lãnh tụ nói trên. Tôi không thấy một người cách mạng nào lại tin tưởng sâu sắc bằng Lê-nin vào lực lượng sáng tạo của giai cấp vô sản, tin tưởng vào tính đúng đắn cách mạng của bản năng giai cấp của họ. Tôi không thấy một người cách mạng nào lại như Lê-nin, đã thẳng tay đập những kẻ tự phụ chỉ trích «sự hỗn loạn của cách mạng», chỉ trích «sự ồn ào của hành động tự phát của quần chúng». Tôi còn nhớ là trong một cuộc nói chuyện, để đáp lại lời nhận xét của một đồng chí cho rằng «sau cách mạng, cần phải lập lại một trật tự bình thường», Lê-nin nói một cách châm biếm: «Tiếc thay những người muốn trở thành nhà cách mạng mà lại quên rằng trật tự bình thường nhất trong lịch sử, chính là trật tự của cách mạng».

Do đó, Lê-nin coi khinh tất cả những người muốn coi thường quần chúng và muốn giáo dục quần chúng bằng sách vở. Do đó, Lê-nin không ngừng dạy rằng: phải học tập quần chúng, suy nghĩ về hành động của quần chúng, nghiên cứu thấu đáo kinh nghiệm thực tiễn trong cuộc đấu tranh của quần chúng.

Tin tưởng vào lực lượng sáng tạo của quần chúng là đặc điểm trong hoạt động của Lê-nin, đặc điểm này đã giúp Người nắm được ý nghĩa của phong trào tự phát của quần chúng và hướng phong trào đó vào con đường cách mạng vô sản.

THIÊN TÀI CỦA CÁCH MẠNG

Lê-nin sinh ra là để làm cách mạng. Lê-nin quả là bậc thiên tài của những cuộc bùng nổ cách mạng và là bậc thầy vĩ đại nhất trong nghệ thuật lãnh đạo cách mạng. Không lúc nào

Lê-nin thấy khoan khoái, hân hoan bằng những thời kỳ chấn động cách mạng. Ở đây, tôi không muốn nói rằng Lê-nin tán thành bất cứ cuộc chấn động cách mạng nào và không phải bao giờ và bất cứ trường hợp nào Lê-nin cũng tán thành những cuộc chấn động cách mạng. Không phải thế. Tôi chỉ muốn nói rằng sự sáng suốt thiên tài của Lê-nin chưa bao giờ biểu hiện ra đầy đủ và rõ ràng bằng trong những thời kỳ bùng nổ cách mạng. Đến những bước ngoặt cách mạng, Lê-nin tươi tắn hẳn lên. Người có tài nhìn thấy cả hai mặt, Người đoán được bước chuyển biến của các giai cấp và những khúc quanh co có thể xảy đến của cách mạng, chẳng khác gì đã đọc được những điều đó trong lòng bàn tay. Không phải là không có lý mà trong đảng chúng ta người ta đã nói rằng: «I-li-tsơ biết bơi trong những làn sóng cách mạng như cá bơi trong nước».

Do đó, những khẩu hiệu sách lược của Lê-nin *sáng sủa* «lạ thường», và những kế hoạch cách mạng của Lê-nin *táo bạo*» «choáng người».

Tôi còn nhớ hai việc hết sức điển hình, làm nổi bật đặc điểm ấy của Lê-nin.

Việc thứ nhất. Đấy là vào trước ngày Cách mạng tháng Mười, lúc đó hàng triệu công nhân, nông dân và binh lính bị cuộc khủng hoảng ở hậu phương và tiền tuyến thúc bách, đang đòi hòa bình và tự do; bọn tướng lĩnh và giai cấp tư sản chuẩn bị chế độ độc tài quân sự để theo đuổi «chiến tranh đến cùng»; cái gọi là «dư luận công chúng» và tất cả những đảng gọi là «đảng xã hội chủ nghĩa» đều chống lại những người bôn-sê-vích và coi họ là «gián điệp của Đức»; Kê-ren-ski định dồn đảng bôn-sê-vích vào vòng bất hợp pháp, và đã đạt được phần nào điều đó; những đạo quân của Đồng minh Áo-Đức còn mạnh và có kỷ luật, đang tấn công những đạo quân của ta đã mỏi mệt và đang tan rã; những «người xã hội chủ nghĩa» Tây Âu thì ngấm ngầm liên kết

với các chính phủ của họ nhằm theo đuổi «chiến tranh đến thắng lợi hoàn toàn»...

Trong một lúc như vậy, mà phát động một cuộc khởi nghĩa thì có nghĩa là thế nào? Phát động một cuộc khởi nghĩa trong những điều kiện như thế là đánh nước cờ mạo hiểm. Song Lê-nin không sợ nguy nan; Người biết và sáng suốt nhìn thấy rằng khởi nghĩa là không thể tránh khỏi, khởi nghĩa sẽ thắng, khởi nghĩa ở Nga sẽ chuẩn bị cho cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa kết thúc, khởi nghĩa ở Nga sẽ lay động những quần chúng đã kiệt quệ ở các nước phương Tây, khởi nghĩa ở Nga sẽ biến cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thành nội chiến, cuộc khởi nghĩa đó sẽ khai sinh ra nước Cộng hòa xô-viết, và Cộng hòa xô-viết sẽ là thành trì của phong trào cách mạng toàn thế giới.

Ai nấy đều biết rằng dự kiến cách mạng ấy của Lê-nin đã trở thành hiện thực một cách chính xác không gì bì kịp.

Việc thứ hai. Ấy là vào những ngày đầu tiếp ngay sau Cách mạng tháng Mười, khi Hội đồng dân ủy định bắt buộc tên tướng phản nghịch Đu-khô-nin, tổng tư lệnh quân đội Nga lúc đó, phải ngừng các cuộc hành quân và mở cuộc đàm phán đình chiến với quân Đức. Tôi nhớ lại rằng Lê-nin, Cơ-rư-len-cô (người sẽ lên làm tổng tư lệnh) và tôi, cùng đến Bộ tổng tham mưu ở Pê-tơ-rô-gơ-rát để gọi điện thoại thẳng cho Đu-khô-nin. Giây phút nguy kịch. Đu-khô-nin và Bộ Tổng tư lệnh dứt khoát từ chối không chịu thi hành mệnh lệnh của Hội đồng dân ủy. Nhân viên chỉ huy quân đội lại hoàn toàn nằm trong tay Bộ Tổng tư lệnh. Còn binh lính, cái đội quân gồm mười bốn triệu người ấy, đặt dưới quyền các tổ chức gọi là tổ chức quân sự thù nghịch với Chính quyền xô-viết, thì không rõ họ sẽ có ý kiến thế nào. Ai cũng biết rằng lúc đó ở Pê-tơ-rô-gơ-rát, bọn học sinh sĩ quan đang ngấm ngầm tổ chức cuộc nổi loạn. Ngoài ra, Kê-ren-ski lại đang tấn công vào thủ đô. Tôi còn nhớ là sau một giây im lặng trước

máy điện thoại; mặt Lê-nin bừng sáng lên như có một ánh sáng gì bên trong. Rõ ràng là Lê-nin đã quyết định điều gì đây. Lê-nin nói: «Chúng ta đến trạm vô tuyến điện đi, nó được việc cho chúng ta: chúng ta sẽ ra một lệnh đặc biệt, cách chức tên tướng Đu-khô-nin, chúng ta sẽ cử đồng chí Cơ-rư-len-cô lên thay hắn làm Tổng tư lệnh, đồng thời chúng ta vượt qua đầu bọn chỉ huy, kêu gọi thẳng anh em binh lính như thế này: cô lập bọn tướng lĩnh, ngừng các cuộc hành quân, liên hệ với binh lính Áo - Đức và tự mình nắm lấy sự nghiệp hòa bình».

Đó thật là «nhảy vào chỗ vô định». Nhưng Lê-nin không hề sợ làm điều đó. Trái lại, Lê-nin cứ tiến bước, biết rằng quân đội muốn hòa bình và sẽ quét sạch mọi trở ngại trên đường đi để đoạt lấy hòa bình; Lê-nin biết rằng biện pháp quyết tâm giành lấy hòa bình như vậy nhất định sẽ ảnh hưởng đến binh lính Áo - Đức và ý chí hòa bình sẽ được đà lan tràn khắp các mặt trận.

Mọi người đều biết rằng dự kiến cách mạng ấy của Lê-nin cũng đã hoàn toàn trở thành hiện thực.

Sự sáng suốt thiên tài, khả năng lĩnh hội và dự đoán nhanh chóng ý nghĩa sâu sắc của những sự kiện đang diễn biến: đó là đặc điểm của Lê-nin, khiến cho Lê-nin vạch ra được một chiến lược đúng đắn và một đường lối hành động thật rõ ràng, trong những bước ngoặt của phong trào cách mạng.

« Sự thật », số 34,
12 tháng Hai 1924

BÀN VỀ NHỮNG MÂU THUẪN TRONG ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN

Diễn văn đọc tại hội nghị bàn về vấn đề công tác trong thanh niên do Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga triệu tập[14]

3 tháng Tư 1924

Trước hết, tôi cần nói đôi lời về lập trường của Ban Chấp hành trung ương đoàn thanh niên trong vấn đề cuộc tranh luận trong đảng. Điều sai lầm là Ban Chấp hành trung ương Đoàn thanh niên cộng sản vẫn cứ một mực im lặng sau khi các địa phương đã phát biểu ý kiến. Nhưng nếu giải thích rằng Ban Chấp hành trung ương đoàn im lặng là để giữ thái độ trung lập thì như thế cũng không đúng. Đó chỉ là quá thận trọng.

Bây giờ xin nói qua về những cuộc tranh luận. Tôi cho rằng giữa các đồng chí không có những sự bất đồng có tính chất nguyên tắc. Tôi đã nghiên cứu các đề cương và bài báo của các đồng chí và vẫn không thấy những sự bất đồng có tính chất nguyên tắc. Nhưng lại có tình trạng mơ hồ rối ren và rất nhiều mâu thuẫn bịa đặt «không thể điều hòa được».

Mâu thuẫn thứ nhất là đem đoàn với tư cách là «lực lượng hậu bị» đối lập lại đoàn với tư cách là «công cụ» của đảng. Đoàn là gì, là lực lượng hậu bị hay công cụ? Đoàn vừa là lực lượng hậu bị vừa là công cụ. Điều đó rất rõ ràng, và trong các bài diễn văn của chính các đồng chí cũng đã nói tới điều đó. Đoàn thanh niên cộng sản là lực lượng hậu bị, là lực lượng

hậu bị do nông dân và công nhân tổ thành, đảng dùng lực lượng đó để bổ sung cho hàng ngũ của mình. Nhưng đồng thời đoàn cũng là công cụ, là công cụ trong tay đảng, nó làm cho quần chúng thanh niên chịu ảnh hưởng của đảng. Có thể nói cụ thể hơn rằng đoàn là công cụ của đảng, là công cụ phụ của đảng theo nghĩa những phần tử tích cực của đoàn thanh niên cộng sản là công cụ của đảng dùng để tác động vào thanh niên ngoài đoàn. Những khái niệm đó không mâu thuẫn với nhau và không thể đem đối lập lẫn nhau.

Mâu thuẫn thứ hai dường như không thể điều hòa được là, theo ý kiến một số đồng chí, «chính sách giai cấp của đoàn không do thành phần của đoàn quyết định mà do tính kiên định của những người lãnh đạo quyết định». Họ đem tính kiên định đối lập với thành phần. Mâu thuẫn đó cũng là bịa đặt, vì chính sách giai cấp của Đoàn thanh niên cộng sản là do cả hai thứ quyết định, vừa do thành phần quyết định, cũng lại vừa do tính kiên định của những người lãnh đạo quyết định. Nếu những người kiên định chịu ảnh hưởng của thành phần xa lạ về tinh thần ở trong đoàn, — một đoàn mà trong đó các đoàn viên đều có những quyền như nhau, — thì sự có mặt của thành phần đó sẽ không thể không để lại dấu vết gì trong công tác và chính sách của đoàn. Tại sao đảng lại điều chỉnh thành phần của mình? Vì đảng hiểu rằng thành phần ảnh hưởng đến công tác của mình.

Sau hết, còn một mâu thuẫn nữa, cũng là một mâu thuẫn bịa đặt, về vai trò của đoàn và công tác của đoàn trong nông dân. Có những người đặt vấn đề rằng nhiệm vụ của đoàn là «củng cố» ảnh hưởng trong nông dân chứ không phải là mở rộng ảnh hưởng, còn những người khác lại muốn «mở rộng ảnh hưởng» mà không đồng ý củng cố ảnh hưởng. Họ muốn dựa trên cách đặt vấn đề như thế xây dựng cương lĩnh trong cuộc tranh luận. Rõ ràng sự đối lập giữa hai nhiệm vụ đó là giả tạo, vì tất cả mọi người đều hiểu rõ rằng đoàn phải đồng

thời vừa củng cố vừa mở rộng ảnh hưởng của mình ở nông thôn. Đành rằng ở một đoạn trong những đề cương của Ban Chấp hành trung ương Đoàn thanh niên cộng sản có một câu vụng về nói về công tác trong nông dân. Nhưng cả Tác-kha-nốp lẫn các đại biểu khác của đa số trong Ban Chấp hành trung ương Đoàn thanh niên cộng sản đều không muốn đề câu nói vụng về đó và đều đồng ý sửa chữa. Như vậy thì có nên tranh cãi vì những điều nhỏ nhặt nữa không?

Nhưng có một mâu thuẫn trong sinh hoạt và hoạt động của Đoàn thanh niên cộng sản, một mâu thuẫn có thực chứ không phải bịa đặt, mà tôi muốn nói qua một chút. Tôi muốn nói đến hai khuynh hướng tồn tại trong đoàn: khuynh hướng công nhân và khuynh hướng nông dân. Tôi muốn nói đến mâu thuẫn giữa hai khuynh hướng đó, mâu thuẫn mà người ta có thể cảm thấy được và không thể bỏ qua được. Vấn đề mâu thuẫn đó là chỗ yếu nhất trong những bài nói của các diễn giả. Tất cả mọi người đều nói rằng cần phải mở rộng việc lôi cuốn công nhân vào đoàn, nhưng khi chuyển sang nói về nông dân, nói về vấn đề lôi cuốn nông dân, thì tất cả mọi người đều ngập ngừng lúng túng. Thậm chí những diễn giả không làm ra vẻ thông minh và không mánh khóe láu lỉnh, cũng ngập ngừng lúng túng trong vấn đề đó.

Rõ ràng là Đoàn thanh niên cộng sản đứng trước hai vấn đề: vấn đề công nhân và vấn đề nông dân. Rõ ràng vì Đoàn thanh niên cộng sản là đoàn công - nông cho nên từ nay về sau ở trong đoàn vẫn sẽ còn có hai khuynh hướng đó, còn có những mâu thuẫn đó. Có những người sẽ nói rằng cần phải lôi cuốn công nhân, họ lờ không nói gì đến nông dân; còn những người khác sẽ nói rằng cần phải lôi cuốn nông dân, họ đánh giá thấp tầm quan trọng của thành phần vô sản tức là thành phần lãnh đạo, ở trong đoàn. Mâu thuẫn nội bộ đó, vốn có trong chính bản thân đoàn, cũng làm cho các diễn giả ngập ngừng lúng túng. Trong các bài diễn văn, họ đem đối

chiếu đảng với Đoàn thanh niên cộng sản. Nhưng vấn đề là ở chỗ sự đối chiếu đó không thể làm được trên thực tế, vì đảng ta là đảng công nhân chứ không phải là đảng công - nông, trong khi đó Đoàn thanh niên cộng sản là đoàn công - nông. Chính vì thế nên đoàn thanh niên cộng sản không thể chỉ là đoàn công nhân, mà phải đồng thời vừa là đoàn công nhân vừa là đoàn nông dân. Có một điểm rõ ràng là: với cấu tạo hiện nay của đoàn, thì những mâu thuẫn nội bộ và cuộc đấu tranh giữa hai khuynh hướng, từ nay về sau sẽ là điều không thể tránh khỏi.

Có người nói rằng cần phải lôi cuốn thanh niên trung nông vào đảng, nói như vậy đúng lắm, nhưng về vấn đề này cần thận trọng và không được rơi vào lập trường đảng công - nông, lập trường mà đôi khi ngay cả một số cán bộ có trọng trách cũng sa vào. Nhiều người la lớn rằng: «Các đồng chí lôi cuốn công nhân vào đảng, thế tại sao lại không lôi cuốn cả nông dân vào đảng cũng với một mức độ như vậy? Chúng ta hãy đưa mười vạn hoặc hai mươi vạn nông dân vào đảng đi». Ban Chấp hành trung ương phản đối điều đó, vì đảng ta phải là một đảng công nhân. 70 hoặc 80 phần trăm là công nhân và 20 - 25 phần trăm không phải là công nhân, — thành phần trong đảng phải có một tỷ lệ đại khái như vậy. Tình hình trong Đoàn thanh niên cộng sản có hơi khác với tình hình trong đảng. Đoàn thanh niên cộng sản là tổ chức tự nguyện và tự do gia nhập của những phần tử cách mạng trong thanh niên công nông. Không có nông dân, không có quần chúng thanh niên nông dân, thì đoàn thanh niên cộng sản không còn là đoàn công - nông nữa. Nhưng đồng thời cũng cần nêu vấn đề là vai trò lãnh đạo phải thuộc về thành phần vô sản.

In lần đầu tiên trong cuốn:
J. Sta-lin « Bàn về đoàn thanh niên cộng sản». Mạc-tư-khoa, 1926

VỀ NHỮNG NGUYÊN LÝ CỦA CHỦ NGHĨA LÊ-NIN[15]

Những bài giảng tại trường đại học Svéc-lốp

Tặng các đồng chí gia nhập đảng
khóa Lê-nin

J. STA-LIN

Những nguyên lý của chủ nghĩa Lê-nin là một đề tài rất rộng. Muốn nghiên cứu hết, phải viết cả một cuốn sách. Hơn thế nữa, phải viết cả một loạt nhiều cuốn sách. Cho nên những bài giảng của tôi cố nhiên không thể trình bày đầy đủ chủ nghĩa Lê-nin được. Nhiều lắm thì cũng chỉ là một toát yếu vắn tắt về những nguyên lý của chủ nghĩa Lê-nin. Tuy nhiên, tôi thấy bản toát yếu này cũng là có ích để nêu ra một số điểm xuất phát cơ bản, cần thiết cho việc nghiên cứu chủ nghĩa Lê-nin một cách có hiệu quả.

Trình bày những nguyên lý của chủ nghĩa Lê-nin chưa phải là trình bày những nguyên lý của thế giới quan của Lê-nin. Xét về phạm vi rộng hẹp, thì thế giới quan của Lê-nin và những nguyên lý của chủ nghĩa Lê-nin không phải là một. Lê-nin là người mác-xít, nên cơ sở thế giới quan của Người lẽ dĩ nhiên là chủ nghĩa Mác. Nhưng như thế hoàn toàn không phải là hễ trình bày chủ nghĩa Lê-nin thì nhất định phải bắt đầu bằng trình bày những nguyên lý của chủ nghĩa Mác. Trình bày chủ nghĩa Lê-nin tức là trình bày những cái gì

đặc biệt và mới mẻ trong những trước tác của Lê-nin, tức là trình bày những điều mà Lê-nin đã góp vào kho tàng chung của chủ nghĩa Mác và những điều dĩ nhiên là gắn liền với tên tuổi của Lê-nin. Trong những bài giảng của tôi, tôi chỉ nói về những nguyên lý của chủ nghĩa Lê-nin theo ý nghĩa trên đây.

Vậy chủ nghĩa Lê-nin là gì?

Một số người nói rằng chủ nghĩa Lê-nin là sự áp dụng chủ nghĩa Mác vào những điều kiện đặc biệt của hoàn cảnh nước Nga. Định nghĩa ấy nói lên được một phần nào sự thật, nhưng còn chưa diễn đạt được tất cả sự thật. Quả thế, Lê-nin đã vận dụng chủ nghĩa Mác vào thực tế nước Nga và đã vận dụng được một cách tài tình. Nhưng nếu chủ nghĩa Lê-nin chỉ đơn thuần là sự vận dụng chủ nghĩa Mác vào hoàn cảnh đặc biệt nước Nga thôi, thì chủ nghĩa Lê-nin sẽ là một hiện tượng thuần túy của một nước và chỉ của một nước, thuần túy của Nga và chỉ của Nga thôi. Nhưng chúng ta biết rằng chủ nghĩa Lê-nin là một hiện tượng quốc tế có gốc rễ trong toàn bộ quá trình phát triển quốc tế, chứ không phải chỉ là một hiện tượng của nước Nga thôi. Bởi vậy, tôi cho rằng định nghĩa ấy có khuyết điểm là chỉ nhìn có một chiều.

Một số người khác cho rằng chủ nghĩa Lê-nin là sự làm sống lại các yếu tố cách mạng của chủ nghĩa Mác trong những năm 1840 - 1850, khác với chủ nghĩa Mác những năm sau đó đã trở thành ôn hòa, không cách mạng. Nếu không nói đến sự phân chia ngu xuẩn và tầm thường học thuyết Mác làm hai bộ phận như trên — bộ phận cách mạng và bộ phận ôn hòa — thì chúng ta phải thừa nhận rằng ngay trong định nghĩa tuyệt đối không đầy đủ và không thỏa đáng ấy cũng có một phần đúng. Phần đúng ấy là ở chỗ Lê-nin quả thật đã làm sống lại nội dung cách mạng của chủ nghĩa Mác, mà bọn cơ hội chủ nghĩa của Quốc tế II đã bưng bít đi. Nhưng như thế cũng chỉ mới đúng có một phần thôi. Điều hoàn toàn đúng

về chủ nghĩa Lê-nin là không những chủ nghĩa ấy đã làm sống lại chủ nghĩa Mác, mà còn tiến lên một bước nữa phát triển chủ nghĩa Mác trong những điều kiện mới của chủ nghĩa tư bản và của cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản.

Vậy thì rút cục chủ nghĩa Lê-nin là gì?

Chủ nghĩa Lê-nin là chủ nghĩa Mác trong thời đại chủ nghĩa đế quốc và cách mạng vô sản. Nói cho đúng hơn: chủ nghĩa Lê-nin là lý luận và sách lược về cách mạng vô sản nói chung, lý luận và sách lược về chuyên chính vô sản nói riêng. Mác và Ăng-ghen đã chiến đấu trong thời kỳ trước cách mạng (đây là nói cách mạng vô sản), lúc chủ nghĩa đế quốc chưa phát triển, trong thời kỳ chuẩn bị cho vô sản làm cách mạng, trong thời kỳ mà cách mạng vô sản chưa phải trực tiếp, thực tế là một điều không thể tránh khỏi. Còn như Lê-nin, học trò của Mác và Ăng-ghen, thì chiến đấu trong thời kỳ chủ nghĩa đế quốc đã phát triển, lúc cách mạng vô sản đã thắng trong một nước, đã đánh bại nền dân chủ tư sản và đã mở đầu kỷ nguyên dân chủ vô sản, kỷ nguyên các Xô-viết.

Bởi vậy, chủ nghĩa Lê-nin là chủ nghĩa Mác phát triển thêm một bước nữa.

Người ta thường thường chú ý đến tính chất chiến đấu phi thường, tính chất cách mạng phi thường của chủ nghĩa Lê-nin. Điều ấy hoàn toàn đúng. Nhưng chủ nghĩa Lê-nin sở dĩ có đặc tính đó là vì hai lý do: trước hết, là vì chủ nghĩa Lê-nin phát sinh từ trong lòng cách mạng vô sản mà ra, nên tất nhiên nó phải có những nét đặc sắc của cách mạng vô sản; sau nữa, là vì chủ nghĩa Lê-nin đã trưởng thành và được củng cố qua những cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội của Quốc tế II, cuộc đấu tranh này trước kia đã là và hiện nay vẫn còn là điều kiện tiên quyết cần thiết để đấu tranh thắng lợi chống chủ nghĩa tư bản. Chúng ta không được quên rằng từ thời Mác và Ăng-ghen đến thời Lê-nin, là cả một thời kỳ độc quyền thống trị của chủ nghĩa cơ hội Quốc tế II,

rằng cuộc đấu tranh quyết liệt chống chủ nghĩa cơ hội không thể không là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của chủ nghĩa Lê-nin.

I

NGUỒN GỐC LỊCH SỬ CỦA CHỦ NGHĨA LÊ-NIN

Chủ nghĩa Lê-nin đã lớn lên và đã hình thành trong những điều kiện chủ nghĩa đế quốc, lúc mà những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản đã lên đến tột bậc; lúc mà cách mạng vô sản đã thành một vấn đề thực tiễn trước mắt; lúc mà giai đoạn chuẩn bị cũ của giai cấp công nhân để làm cách mạng đã chuyển thành giai đoạn kết thúc, thành một giai đoạn xung kích mới, trực tiếp chống chủ nghĩa tư bản.

Lê-nin gọi chủ nghĩa đế quốc là «chủ nghĩa tư bản giẫy chết». Vì sao? Vì chủ nghĩa đế quốc đẩy các mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản đến mức, đến hạn độ cùng cực, mà vượt quá đó thì cách mạng bắt đầu nổ ra. Trong các mâu thuẫn ấy, có ba mâu thuẫn mà chúng ta phải coi là quan trọng nhất.

Mâu thuẫn thứ nhất là mâu thuẫn giữa Lao động và Tư bản. Chủ nghĩa đế quốc, chính là quyền lực vô hạn của các tơ-rớt và côn-xoóc-xi-om độc quyền, của các ngân hàng và của bọn đầu sỏ tài chính trong các nước công nghiệp. Trong cuộc đấu tranh chống quyền lực vô hạn đó, những thủ đoạn thường dùng của giai cấp công nhân — công đoàn và hợp tác xã, chính đảng trong nghị viện và đấu tranh nghị trường — đã tỏ ra hoàn toàn không đủ nữa. Hoặc là cứ để mặc cho Tư bản định đoạt vận mệnh của mình, cứ sống lay lắt như trước và ngày càng tụt xuống thấp hơn nữa; hoặc là phải nắm lấy một vũ khí mới: đó là vấn đề mà chủ nghĩa đế quốc

đặt ra trước đông đảo quần chúng vô sản. Chủ nghĩa đế quốc đưa giai cấp công nhân tới cách mạng.

Mâu thuẫn thứ hai[1] là mâu thuẫn giữa các nhóm tài chính và các cường quốc đế quốc chủ nghĩa đang đấu tranh với nhau để giành các nguồn nguyên liệu, để giành lãnh thổ nước khác. Chủ nghĩa đế quốc là sự xuất khẩu tư bản đến những nơi có nguồn nguyên liệu, là cuộc đấu tranh điên cuồng để độc chiếm những nguồn nguyên liệu đó, là cuộc đấu tranh để chia lại thế giới đã phân chia rồi, cuộc đấu tranh đặc biệt ác liệt của những nhóm tài chính và cường quốc mới đang tìm một «chỗ dưới ánh mặt trời», chống lại những nhóm tài chính và cường quốc cũ cố bám lấy những cái mà chúng đã chiếm đoạt được. Đặc điểm của cuộc đấu tranh điên cuồng ấy giữa các nhóm tư bản, là ở chỗ nó bao hàm cái yếu tố không thể tránh khỏi, tức là những cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, những cuộc chiến tranh để chiếm đoạt những lãnh thổ nước khác. Tình trạng này lại có đặc điểm là nó khiến cho bọn đế quốc tự làm cho nhau suy yếu đi, khiến cho địa vị của chủ nghĩa tư bản nói chung bị suy yếu đi, khiến cho cách mạng vô sản chóng nổ ra, khiến cho cuộc cách mạng ấy trở thành tất yếu thực tiễn.

Mâu thuẫn thứ ba là mâu thuẫn một nhóm các nước «văn minh» thống trị với hàng trăm triệu người của các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc trên thế giới. Chủ nghĩa đế quốc là sự bóc lột trơ tráo nhất và sự áp bức vô nhân đạo nhất đối với hàng trăm triệu dân cư các nước thuộc địa và phụ thuộc rộng lớn. Bóp nặn siêu lợi nhuận, đó là mục đích của sự bóc lột và áp bức ấy. Nhưng bóc lột các nước đó, chủ nghĩa đế quốc buộc phải kiến thiết những đường xe lửa, những công xưởng và nhà máy, những trung tâm công nghiệp và thương mại. Một giai cấp những người vô sản xuất hiện, những phần tử trí thức bản xứ nảy sinh, ý thức dân tộc được thức tỉnh, phong trào giải phóng được tăng cường, đó là những kết

quả không thể tránh khỏi của «chính sách» ấy. Bằng chứng hiền nhiên về điều đó là phong trào cách mạng trong tất cả các nước thuộc địa và phụ thuộc, không trừ một nước nào, đều được tăng cường thêm. Tình trạng đó sở dĩ quan trọng đối với giai cấp vô sản là vì nó phá hoại tận gốc các vị trí của chủ nghĩa tư bản, và biến các nước thuộc địa và phụ thuộc từ chỗ là lực lượng hậu bị của chủ nghĩa đế quốc thành lực lượng hậu bị của cách mạng vô sản.

Tóm lại, đấy là những mâu thuẫn chủ yếu của chủ nghĩa đế quốc, những mâu thuẫn đã biến chủ nghĩa tư bản «phồn thịnh» cũ thành chủ nghĩa tư bản giẫy chết.

Cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa nổ ra cách đây mười năm còn có ý nghĩa này là nó đã tập hợp tất cả những mâu thuẫn ấy lại thành một mối duy nhất và đã ném tất cả những mâu thuẫn đó vào một đĩa cân, do đó thúc đẩy những trận chiến đấu cách mạng của giai cấp vô sản nổ ra mau chóng và được dễ dàng hơn.

Nói một cách khác, chủ nghĩa đế quốc không những làm cho cách mạng trở thành một vấn đề thực tiễn không thể tránh khỏi, mà còn tạo ra những điều kiện thuận lợi cho cuộc xung kích trực tiếp vào những thành trì của chủ nghĩa tư bản.

Đấy là hoàn cảnh quốc tế đã đẻ ra chủ nghĩa Lê-nin.

Người ta sẽ nói với chúng ta rằng: tất cả những điều nói trên đây đều rất đúng, nhưng ở đây thì có quan hệ gì đến nước Nga là nước không hề và không thể là nước điển hình của chủ nghĩa đế quốc? Ở đây thì có quan hệ gì đến Lê-nin là người đã hoạt động trước hết ở Nga và cho nước Nga? Vì sao nước Nga lại chính là nơi sinh trưởng của chủ nghĩa Lê-nin, là quê hương của lý luận và sách lược về cách mạng vô sản?

Bởi vì lúc đó, nước Nga là nơi tập trung tất cả những mâu thuẫn ấy của chủ nghĩa đế quốc.

Bởi vì nước Nga, hơn nước nào hết, đã sục sôi cách mạng, và chính vì thế nên chỉ có nước Nga mới có thể giải quyết được các mâu thuẫn ấy bằng con đường cách mạng.

Trước hết, nước Nga Nga hoàng trước kia là cái ổ của đủ mọi thứ áp bức — áp bức theo lối tư bản chủ nghĩa cũng như theo lối thực dân và quân sự — dưới hình thức vô nhân đạo nhất và dã man nhất. Ai mà không biết rằng ở nước Nga, quyền lực vô hạn của Tư bản đã liên kết với chế độ chuyên chế Nga hoàng; rằng tính chất hiếu chiến của chủ nghĩa dân tộc Nga đã liên kết với những hành động hung bạo của chế độ Nga hoàng chống các dân tộc không phải Nga; rằng sự bóc lột cả từng miền rộng lớn ở Thổ-nhĩ-kỳ, ở Ba-tư, ở Trung-quốc — đã kết hợp với việc chế độ Nga hoàng xâm lược những miền đó, kết hợp với chiến tranh xâm lược? Lê-nin đã có lý, khi nói rằng chế độ Nga hoàng là một «chủ nghĩa đế quốc quân sự phong kiến». Chế độ Nga hoàng là một chế độ tập trung các nhân tố tiêu cực nhất — các nhân tố đã được nhân lên gấp bội — của chủ nghĩa đế quốc.

Sau nữa, nước Nga Nga hoàng trước kia là một lực lượng hậu bị hùng mạnh của chủ nghĩa đế quốc phương Tây, không những vì nó mở rộng cửa cho tư bản ngoại quốc vào nắm những ngành kinh tế quốc dân có tính chất quyết định của nước Nga như nhiên liệu và luyện kim, mà còn vì nó có thể huy động hàng triệu binh lính cho bọn đế quốc phương Tây sử dụng. Các bạn hãy nhớ lại là mười bốn triệu binh lính Nga đã đổ máu trên các chiến trường đế quốc chủ nghĩa để bảo đảm lợi nhuận quá cao cho bọn tư bản Anh — Pháp.

Tiếp nữa là chế độ Nga hoàng không những là một con chó giữ nhà cho chủ nghĩa đế quốc ở phía Đông châu Âu, mà còn là tay sai của chủ nghĩa đế quốc phương Tây, có nhiệm vụ bóp nặn của nhân dân hàng trăm triệu tiền lãi cho những món nợ mà Nga hoàng đã vay ở Pa-ri và ở Luân-đôn, ở Bá-linh và ở Bơ-ru-xen.

Sau hết, trong việc phân chia Thổ-nhĩ-kỳ, Ba-tư, Trung-quốc, v.v., chế độ Nga hoàng là đồng minh trung thành nhất của chủ nghĩa đế quốc phương Tây. Còn ai không biết rằng chiến tranh đế quốc chủ nghĩa là do chế độ Nga hoàng liên hợp với bọn đế quốc chủ nghĩa trong phe Đồng minh đã tiến hành, rằng nước Nga là một yếu tố chủ yếu của cuộc chiến tranh ấy?

Chính vì vậy, lợi ích của chế độ Nga hoàng và của chủ nghĩa đế quốc phương Tây đã chằng chịt lấy nhau và hòa lẫn với nhau đề cuối cùng họp thành một mối duy nhất những lợi ích của chủ nghĩa đế quốc.

Liệu chủ nghĩa đế quốc phương Tây có thể đành lòng để mất một chỗ dựa hùng hậu ở phương Đông và một kho lực lượng và tài nguyên dồi dào như nước Nga cũ của Nga hoàng và tư sản, mà không cố dồn toàn lực vào một cuộc đấu tranh chí tử chống cách mạng Nga, để bảo vệ và duy trì chế độ Nga hoàng không? Dĩ nhiên là không!

Do đó, người nào muốn đánh chế độ Nga hoàng tất phải đụng đến chủ nghĩa đế quốc; người nào chống chế độ Nga hoàng, cũng phải chống cả chủ nghĩa đế quốc, vì người nào muốn lật đổ chế độ Nga hoàng, nếu thực tình muốn không những đánh chế độ đó mà còn tiêu diệt hoàn toàn chế độ đó, thì cũng phải lật đổ cả chủ nghĩa đế quốc. Như vậy, cách mạng chống chế độ Nga hoàng phải gắn liền với cách mạng chống chủ nghĩa đế quốc, và phải biến thành cách mạng chống chủ nghĩa đế quốc, thành cách mạng vô sản.

Nhưng lúc đó, ở Nga, cuộc cách mạng nhân dân vĩ đại nhất đã dâng lên. lãnh đạo cách mạng đó là giai cấp vô sản cách mạng nhất thế giới có sẵn một bạn đồng minh trọng yếu là nông dân cách mạng Nga. Liệu có cần phải chứng minh rằng một cuộc cách mạng như thế không thể nửa đường ngừng lại; rằng khi thắng lợi, nó phải tiếp tục tiến tới nâng cao lá cờ khởi nghĩa chống chủ nghĩa đế quốc không?

Bởi thế, nước Nga phải trở thành nơi tập trung những mâu thuẫn của chủ nghĩa đế quốc, không những theo ý nghĩa là vì tính chất đặc biệt bỉ ổi và đặc biệt không thể dung thứ được mà những mâu thuẫn ấy đã bộc lộ rõ hơn hết ở chính ngay nước Nga; và không những vì nước Nga là chỗ dựa chính của chủ nghĩa tư bản phương Tây, nối liền tư bản tài chính phương Tây với các thuộc địa phương Đông, mà còn vì, chỉ ở Nga, mới có lực lượng thực sự có thể giải quyết được những mâu thuẫn của chủ nghĩa đế quốc bằng con đường cách mạng. Do đó, cách mạng ở Nga nhất định phải trở thành một cuộc cách mạng vô sản; ngay khi mới phát triển, nó nhất định phải có tính chất quốc tế; vì thế nó nhất định phải lay chuyển đến ngay cả những cơ sở của chủ nghĩa đế quốc thế giới.

Trong những điều kiện như thế, thử hỏi những người cộng sản Nga có thể chỉ bo bo hoạt động trong khuôn khổ quốc gia chật hẹp của một cuộc cách mạng Nga không? Hiển nhiên là không. Trái lại, tất cả tình hình bên trong (khủng hoảng cách mạng sâu sắc) cũng như tình hình bên ngoài (chiến tranh) đều thúc đẩy họ phải hoạt động vượt ra ngoài khuôn khổ đó, phải đưa cuộc đấu tranh lên vũ đài quốc tế, lột trần những vết thương của chủ nghĩa đế quốc, chứng minh sự phá sản tất nhiên của chủ nghĩa tư bản, đánh bại chủ nghĩa xã hội sô-vanh và chủ nghĩa xã hội hòa bình và sau cùng phải lật đổ chủ nghĩa tư bản trong nước họ và rèn đúc cho giai cấp vô sản một vũ khí đấu tranh mới, tức là lý luận và sách lược về cách mạng vô sản, để giúp cho vô sản toàn thế giới dễ dàng lật đổ chủ nghĩa tư bản. Vả lại, những người cộng sản Nga không thể nào hành động khác thế được, vì chỉ có theo con đường đó thì mới hy vọng thấy xuất hiện trong tình hình quốc tế những thay đổi có thể bảo đảm không cho chế độ tư sản phục hồi ở Nga.

Đó là lý do khiến nước Nga đã trở thành nơi chôn rau cắt rốn của chủ nghĩa Lê-nin, và Lê-nin, lãnh tụ của những người cộng sản Nga, trở thành người sáng tạo ra chủ nghĩa ấy.

Ở đây, «điều đã xảy ra» đối với nước Nga và đối với Lê-nin gần giống như điều đã xảy ra đối với nước Đức và đối với Mác và Ăng-ghen vào khoảng từ 1840 đến 1850. Cũng như nước Nga hồi đầu thế kỷ XX, nước Đức lúc đó cũng sục sôi một cuộc cách mạng tư sản. Trong *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*, Mác đã viết :

«Những người cộng sản chú ý nhiều nhất đến nước Đức, vì nước Đức hiện đương ở vào đêm trước của một cuộc cách mạng tư sản, vì nước Đức sẽ hoàn thành cuộc cách mạng ấy trong những điều kiện tiên tiến hơn của văn minh châu Âu và với một giai cấp vô sản vô cùng phát triển hơn so với nước Anh trong thế kỷ XVII và nước Pháp trong thế kỷ XVIII, và do đấy, cách mạng tư sản Đức chỉ có thể là giáo đầu trực tiếp cho một cuộc cách mạng vô sản » [15].

Nói cách khác, trung tâm của phong trào cách mạng đã chuyển sang Đức.

Vị tất đã có thể nghi ngờ gì được, chính tình trạng mà Mác nêu ra trong đoạn văn trên, chắc hẳn là nguyên nhân làm cho nước Đức đã trở thành quê hương của chủ nghĩa xã hội khoa học, và những lãnh tụ của giai cấp vô sản Đức — Mác và Ăng-ghen — trở thành những người sáng tạo ra chủ nghĩa ấy.

Cũng phải nói như thế đối với nước Nga hồi đầu thế kỷ XX, nhưng phải nói với một mức độ cao hơn nữa. Hồi đó, nước Nga đang ở vào đêm trước của cách mạng tư sản ; nước Nga phải làm cuộc cách mạng ấy trong điều kiện một châu Âu tiên tiến hơn và với một giai cấp vô sản phát triển hơn giai cấp vô sản nước Đức trong những năm 40 của thế kỷ XIX (chứ đừng nói đến Anh và Pháp); và tất cả đều làm cho người ta tin rằng cuộc cách mạng ấy sẽ trở thành chất men và màn mở đầu cho cuộc cách mạng vô sản.

Không phải ngẫu nhiên mà ngay từ 1902, khi cách mạng Nga vừa mới chớm phát sinh, Lê-nin đã viết những câu tiên tri dưới đây, trong quyển *Làm gì?* :

«Ngày nay, lịch sử đã phó thác cho chúng ta (nghĩa là cho những người mác-xít Nga — *J. Sta-lin)* một nhiệm vụ trước mắt, *nhiệm vụ cách mạng nhất* trong tất cả những nhiệm vụ *trước mắt* của giai cấp vô sản ở bất cứ một nước nào khác»...

«Làm tròn được nhiệm vụ ấy tức là nhiệm vụ phá hủy thành lũy mạnh mẽ nhất không những của thế lực phản động châu Âu mà cả của thế lực phản động châu Á (bây giờ chúng ta có thể nói như thế được) thì có thể làm cho giai cấp vô sản Nga thành đội tiên phong của giai cấp vô sản cách mạng quốc tế» (xem tập IV, tr. 382)*:

Nói cách khác, trung tâm của phong trào cách mạng đã phải chuyển sang Nga.

Ai nấy đều biết rằng tiến trình của cách mạng Nga đã chứng thực quá đầy đủ lời tiên tri ấy của Lê-nin.

Như thế thì liệu có đáng phải lấy làm ngạc nhiên khi thấy một nước đã làm một cuộc cách mạng như thế và có một giai cấp vô sản như thế, là quê hương của lý luận và sách lược về cách mạng vô sản không ?

Liệu có đáng phải lấy làm ngạc nhiên khi thấy Lê-nin, lãnh tụ của giai cấp vô sản Nga, đồng thời cũng trở thành người sáng tạo ra lý luận và sách lược ấy, trở thành lãnh tụ của giai cấp vô sản quốc tế không ?

II

PHƯƠNG PHÁP

Ở trên, tôi có nói rằng giữa thời Mác và Ăng-ghen và thời Lê-nin là cả một thời kỳ thống trị của chủ nghĩa cơ hội Quốc tế II. Để cho rõ hơn, tôi phải nói thêm rằng, ở đây, không

---

* Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1962, tập 5, tr. 439 - 440. *(B.T.)*

phải là một sự thống trị thuần túy hình thức của chủ nghĩa cơ hội mà quả là sự thống trị thực sự của chủ nghĩa đó. Về hình thức, đứng đầu Quốc tế II là những người mác-xít «trung thành», những người «thuộc phái chính thống» như: Cau-sky và vân vân. Nhưng thật ra, công tác cơ bản của Quốc tế II đã đi theo đường lối cơ hội chủ nghĩa. Do bản chất tiểu tư sản của họ là thiên về thỏa hiệp, nên bọn cơ hội chủ nghĩa đã thỏa hiệp với giai cấp tư sản; còn bọn «chính thống», thì lại thỏa hiệp với bọn cơ hội chủ nghĩa để «duy trì thống nhất» với bọn này, để giữ «hòa khí trong nội bộ đảng». Kết quả: chủ nghĩa cơ hội cứ thống trị vì sợi dây nối liền chính sách của giai cấp tư sản với chính sách của bọn «chính thống» vẫn không gián đoạn.

Đấy là một thời kỳ phát triển tương đối hòa bình của chủ nghĩa tư bản, có thể nói là thời kỳ trước chiến tranh, trong đó những mâu thuẫn tai hại của chủ nghĩa đế quốc vẫn chưa có thời giờ để bộc lộ một cách hoàn toàn rõ rệt, những cuộc bãi công kinh tế của công nhân và những công đoàn phát triển một cách tương đối «bình thường», cuộc đấu tranh tuyển cử và các đảng đoàn nghị viện đã đoạt được những thắng lợi «choáng đầu», những hình thức đấu tranh hợp pháp đã được tâng bốc quá sức, và người ta định «giết chết» chủ nghĩa tư bản bằng thủ đoạn hợp pháp; nói tóm lại, đấy là một thời kỳ mà các đảng Quốc tế II ăn cho béo xác và không muốn thực sự nghĩ đến cách mạng, đến chuyên chính vô sản, đến giáo dục cách mạng cho quần chúng.

Đáng lẽ phải có một lý luận cách mạng hoàn chỉnh, thì lại là những luận điểm lý luận trái ngược nhau, những mẩu lý luận tách rời cuộc đấu tranh cách mạng sinh động của quần chúng và trở thành những giáo điều cũ kỹ. Lẽ dĩ nhiên, để giữ thể diện, người ta cũng đã viện dẫn lý luận Mác, nhưng để làm cho lý luận đó mất hết tinh túy cách mạng sinh động của nó đi.

Đáng lẽ phải có một chính sách cách mạng, thì lại là một chủ nghĩa phi-li-stanh yếu đuối, một thủ đoạn chính trị hèn mạt, một lối xã giao nghị viện và những mánh khóe nghị viện. Lẽ dĩ nhiên, để giữ thể diện, người ta đã thông qua những nghị quyết và những khẩu hiệu «cách mạng», nhưng để vùi sâu vào ngăn kéo.

Đáng lẽ phải giáo dục đảng và làm cho đảng thông qua kinh nghiệm về những khuyết điểm bản thân mà học tập được sách lược cách mạng đúng đắn, thì người ta lại chú ý tránh khéo những vấn đề bức thiết, làm lu mờ và làm lơ những vấn đề đó. Lẽ dĩ nhiên, để giữ thể diện, người ta cũng bàn đến những vấn đề bức thiết, nhưng để đi đến một nghị quyết «co giãn» nào đó.

Đấy là bộ mặt, phương pháp công tác và vũ khí của Quốc tế II.

Song một thời kỳ mới, thời kỳ chiến tranh đế quốc chủ nghĩa và chiến đấu cách mạng của giai cấp vô sản, lúc đó đang tới gần. Đứng trước thế lực to lớn của tư bản tài chính, những phương pháp đấu tranh cũ đã tỏ rõ là không đủ và không có sức mạnh nữa.

Cần phải xem xét lại toàn bộ công tác, phương pháp công tác của Quốc tế II; phải loại trừ ra khỏi đó, đầu óc phi-li-stanh, bệnh hẹp hòi nhỏ nhen, thủ đoạn chính trị, tinh thần phản bội, chủ nghĩa xã hội - sô-vanh, chủ nghĩa xã hội - hòa bình. Cần phải kiểm tra lại toàn bộ kho vũ khí của Quốc tế II, vứt bỏ tất cả những gì đã han gỉ và cũ kỹ, rèn đúc những vũ khí mới. Không làm công tác mở đầu đó, thì đừng có hòng tiến đánh chủ nghĩa tư bản. Không làm như thế, thì giai cấp vô sản có cơ lâm vào tình trạng không được vũ trang đầy đủ, hay thậm chí hoàn toàn không có khí giới trước những trận chiến đấu cách mạng mới.

Chính chủ nghĩa Lê-nin đã được vinh dự tiến hành cuộc tổng kiểm tra lại và tổng tẩy uế những chuồng ngựa O-gi-át của Quốc tế II.

Phương pháp của chủ nghĩa Lê-nin đã phát sinh và được rèn luyện trong những điều kiện như thế đấy.

Phương pháp này đòi hỏi những gì?

Một là đem những giáo điều lý luận của Quốc tế II mà *kiểm nghiệm* lại trong ngọn lửa đấu tranh cách mạng của quần chúng, trong ngọn lửa thực tiễn sinh động, nghĩa là khôi phục lại sự thống nhất đã bị phá hoại giữa lý luận và thực tiễn, xóa bỏ sự cách biệt giữa lý luận và thực tiễn, vì chỉ có làm như thế, mới có thể sáng lập được một đảng thực sự vô sản vũ trang bằng một lý luận cách mạng.

Hai là *kiểm nghiệm* lại chính sách của các đảng Quốc tế II, không phải căn cứ vào những khẩu hiệu và những nghị quyết (mà người ta không thể tin được) của các đảng ấy, mà phải căn cứ vào hành vi thực tế, vào hành động của các đảng ấy, vì chỉ có làm như thế, mới có thể được quần chúng vô sản tín nhiệm và xứng đáng với sự tín nhiệm ấy.

Ba là *cải tạo* lại toàn bộ công tác đảng theo một phương cách mới, cách mạng, theo hướng giáo dục và chuẩn bị cho quần chúng đấu tranh cách mạng, vì chỉ có làm như thế, mới có thể chuẩn bị cho quần chúng làm cách mạng vô sản được.

Bốn là tiến hành *tự phê bình* trong các đảng vô sản, thông qua kinh nghiệm về những khuyết điểm của bản thân các đảng ấy mà giáo dục và rèn luyện các đảng ấy, vì chỉ có làm như thế, mới có thể đào tạo được những cán bộ chân chính và những lãnh tụ chân chính của đảng.

Đấy là cơ sở và thực chất của phương pháp của chủ nghĩa Lê-nin.

Phương pháp ấy đã được vận dụng trong thực tiễn như thế nào?

Bọn cơ hội chủ nghĩa của Quốc tế II tuyên truyền một loạt giáo điều lý luận mà họ lắp đi lắp lại như bài thánh ca. Hãy lấy một vài giáo điều trong số đó ra làm ví dụ.

Giáo điều thứ nhất: về những điều kiện giai cấp vô sản cướp chính quyền. Bọn cơ hội chủ nghĩa quả quyết rằng giai cấp vô sản không thể và không nên cướp chính quyền, nếu bản thân giai cấp vô sản chưa thành đa số trong cả nước. Nói thế thì chẳng có bằng chứng gì cả, vì vô luận về mặt lý luận hay về mặt thực tiễn, cũng không có gì chứng minh được luận điểm vô lý đó cả. Lê-nin đã trả lời các ngài Quốc tế II ấy rằng: cứ cho là đúng như thế đi. Nhưng ví thử xảy ra một hoàn cảnh lịch sử (chiến tranh, khủng hoảng nông nghiệp, v.v.) trong đó giai cấp vô sản là thiểu số trong nhân dân, mà lại có thể tập hợp được chung quanh mình tuyệt đại đa số quần chúng cần lao, thì tại sao nó lại không cướp lấy chính quyền? Tại sao giai cấp vô sản lại không lợi dụng tình hình quốc tế và tình hình trong nước thuận lợi mà chọc thủng mặt trận của Tư bản và làm cho cuộc cách mạng thế giới chóng bùng nổ? Ngay từ những năm 1850, Mác đã chẳng nói rằng cách mạng vô sản ở Đức sẽ ở vào một tình thế «rất tốt», nếu người ta có thể giúp đỡ cách mạng vô sản, chẳng hạn bằng cách «tái diễn cuộc chiến tranh nông dân»[17], đó sao? Thử hỏi có ai không biết là vô sản ở Đức hồi ấy tương đối không đông bằng vô sản Nga năm 1917, chẳng hạn? Thực tiễn cách mạng vô sản Nga há chẳng đã chứng minh rằng, đối với giai cấp vô sản, thì giáo điều yêu quý ấy của bọn anh hùng Quốc tế II hoàn toàn không có ý nghĩa gì thực tế sao? Há chẳng rõ ràng là thực tiễn đấu tranh cách mạng của quần chúng đã đả phá và đánh tan cái giáo điều cũ kỹ ấy rồi sao?

Giáo điều thứ hai: giai cấp vô sản không thể giữ được chính quyền, nếu nó không có sẵn đủ số cán bộ văn hóa và cán bộ hành chính có khả năng tổ chức việc quản lý đất nước; cho nên, trước hết, phải đào tạo những cán bộ ấy dưới chế

độ tư bản đã, rồi sau đó mới cướp chính quyền. Lê-nin trả lời: cứ cho là đúng như thế đi. Nhưng tại sao lại không thể lật ngược vấn đề lại như thế này: trước hết cướp chính quyền, tạo ra những điều kiện thuận lợi cho giai cấp vô sản phát triển, rồi sau đó đi hia bảy dặm vào mà tiến lên để nâng cao trình độ văn hóa của quần chúng lao động, đào tạo nhiều cán bộ lãnh đạo và cán bộ hành chính xuất thân từ trong hàng ngũ công nhân mà ra? Thực tiễn Nga há chẳng đã chứng minh rằng, dưới chính quyền vô sản, những cán bộ lãnh đạo xuất thân từ trong hàng ngũ công nhân đã tăng lên gấp trăm lần nhiều hơn và mau hơn dưới chính quyền tư bản đó sao? Há chẳng rõ ràng là thực tiễn đấu tranh cách mạng của quần chúng cũng đã thẳng tay đả phá giáo điều lý luận ấy của bọn cơ hội chủ nghĩa đó sao?

Giáo điều thứ ba: đối với giai cấp vô sản, phương pháp tổng bãi công *chính trị* là phương pháp không thể thừa nhận được, vì nó không có căn cứ về mặt lý luận (xem lời phê phán của Ăng-ghen) và nguy hiểm về mặt thực tiễn (nó có thể làm rối loạn tiến trình bình thường của đời sống kinh tế trong nước, nó có thể làm cho quỹ các công đoàn khánh kiệt); nó không thể thay thế cho những hình thức đấu tranh nghị viện là hình thức đấu tranh giai cấp chủ yếu của giai cấp vô sản. Những người lê-nin-nít trả lời: được lắm. Nhưng một là, Ăng-ghen không phê phán tất cả mọi cuộc tổng bãi công, ông chỉ phê phán một loại tổng bãi công nào đó thôi, đó là loại tổng bãi công *kinh tế* của bọn vô chính phủ chủ nghĩa[18], loại tổng bãi công mà bọn vô chính phủ chủ trương đem *thay thế* cho cuộc đấu tranh chính trị của giai cấp vô sản, — thế thì liệu phương pháp tổng bãi công *chính trị* có dính dáng gì đến đây chăng? Hai là, người nào và ở chỗ nào đã chứng minh rằng hình thức đấu tranh nghị viện là hình thức đấu tranh chủ yếu của giai cấp vô sản? Lịch sử phong trào cách mạng há chẳng chứng minh rằng đấu tranh nghị viện chỉ là

một trường học và một trợ lực cho việc giai cấp vô sản tổ chức đấu tranh ngoài nghị viện; rằng trong chế độ tư bản chủ nghĩa, những vấn đề chủ yếu của phong trào công nhân đều phải giải quyết bằng vũ lực, bằng đấu tranh trực tiếp của quần chúng vô sản, bằng tổng bãi công của họ, bằng khởi nghĩa của họ đấy ư? Ba là, người ta đã đi tìm ở đâu ra vấn đề thay thế cuộc đấu tranh nghị viện bằng phương pháp tổng bãi công chính trị? Ở đây và vào lúc nào, những người chủ trương tổng bãi công chính trị đã định thay thế những hình thức đấu tranh nghị viện bằng những hình thức đấu tranh ngoài nghị viện? Bốn là, cách mạng ở Nga há chẳng đã chứng minh rằng tổng bãi công *chính trị* là trường học lớn nhất của cách mạng vô sản và là một phương pháp thần diệu để động viên và tổ chức quảng đại quần chúng vô sản, trước ngày xung kích vào những thành trì của chủ nghĩa tư bản đấy ư? Vậy thì những lời than vãn phi-li-stanh về sự phá hoại tiến trình bình thường của đời sống kinh tế và về quỹ của các công đoàn có can dự gì ở đây? Há chẳng rõ ràng là thực tiễn đấu tranh cách mạng cũng đập tan giáo điều ấy của bọn cơ hội chủ nghĩa đó sao?

Vân vân, vân vân.

Bởi vậy, Lê-nin đã nói: «lý luận cách mạng không phải là một giáo điều», «chỉ có liên hệ mật thiết với thực tiễn của một phong trào thực sự quần chúng và thực sự cách mạng thì lý luận mới thành hình hẳn được» *(Bệnh ấu trĩ*[19]*)*, vì lý luận phải phục vụ thực tiễn, «vì «lý luận phải trả lời những câu hỏi mà thực tiễn đã đề ra», *(Những người « bạn dân »*[20]*)*, vì nó phải được kiểm nghiệm bằng những kết quả của thực tiễn.

Về những khẩu hiệu chính trị và nghị quyết chính trị của các đảng Quốc tế II, thì chỉ cần nhớ lại lịch sử khẩu hiệu: «tiến hành chiến tranh chống chiến tranh», cũng đủ thấy rõ tất cả sự giả dối, tất cả sự thối nát của chính sách của các

đảng ấy, tức là những đảng đang che đậy sự nghiệp phản cách mạng của mình bằng những khẩu hiệu và nghị quyết cách mạng huênh hoang. Mọi người đều còn nhớ sự thị uy huênh hoang của Quốc tế II tại đại hội Ba-lơ[21], khi họ hăm dọa bọn đế quốc rằng nếu chúng dám gây ra chiến tranh thì chúng sẽ gặp tất cả những sự rùng rợn của khởi nghĩa, đồng thời họ đã đưa ra khẩu hiệu ghê gớm là «tiến hành chiến tranh chống chiến tranh». Nhưng ai mà không nhớ rằng sau đó ít lâu, ngay khi chiến tranh sắp bùng nổ thì nghị quyết Ba-lơ đã bị chôn vùi trong ngăn kéo, và một khẩu hiệu mới đã được tung ra kêu gọi công nhân hãy tàn sát lẫn nhau vì vinh quang của tổ quốc tư bản chủ nghĩa? Há lại chẳng rõ ràng rằng nếu những khẩu hiệu và nghị quyết cách mạng mà không được chứng minh bằng hành động thì không đáng giá lấy một xu hay sao? Chỉ cần so sánh chính sách biến chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thành nội chiến của Lê-nin với chính sách phản bội của Quốc tế II trong thời kỳ chiến tranh, cũng đủ thấy rõ tất cả sự hèn hạ của bọn chính khách của chủ nghĩa cơ hội, thấy rõ tất cả sự vĩ đại của phương pháp của chủ nghĩa Lê-nin.

Tôi không thể không dẫn ra một đoạn trong tác phẩm của Lê-nin *Cách mạng vô sản và tên phản bội Cau-sky*, trong đó, Người kịch liệt đả kích Cau-sky, lãnh tụ của Quốc tế II về thái độ cơ hội chủ nghĩa của y trong việc nhận xét các đảng phái, không căn cứ vào những hành động của các đảng ấy mà lại căn cứ vào những khẩu hiệu và nghị quyết trên giấy tờ của họ:

« Cau-sky thực hành một chính sách có tính chất điển hình tiểu tư sản, phi-li-stanh, cho rằng... *đưa ra một khẩu hiệu* là thay đổi được một cái gì trong tình hình. Toàn bộ lịch sử chế độ dân chủ tư sản đã lột trần cái ảo tưởng ấy: để lừa dối nhân dân, bọn dân chủ tư sản đã và đang luôn luôn đề ra đủ mọi thứ «khẩu hiệu». Vấn đề là phải *kiểm nghiệm* lòng thành thật của chúng, phải đối

chiếu *hành động* với lời nói, không được yên chí với những *lời nói suông* duy tâm chủ nghĩa hoặc có tính chất bịp bợm, mà phải tìm ra *nội dung giai cấp thực sự* của những lời nói đó» (xem tập XXIII, tr. 377)*.

Đó là tôi chưa nói đến thái độ sợ tự phê bình của các đảng Quốc tế II, đến cách họ giấu giếm khuyết điểm, làm mờ những vấn đề gay go, che đậy những thiếu sót của họ bằng sự phô trương giả dối một tình trạng mà họ cho là yên ổn, một sự phô trương làm nhụt tư tưởng sinh động và kìm hãm việc giáo dục cách mạng cho đảng bằng những sai lầm của bản thân đảng, — cách đó đã bị Lê-nin chế giễu và lên án. Lê-nin đã viết về vấn đề tự phê bình của các đảng vô sản trong quyển *Bệnh ấu trĩ* như sau:

«Thái độ của một chính đảng trước những sai lầm của mình là một trong những tiêu chuẩn quan trọng nhất và chắc chắn nhất để xét xem đảng ấy có nghiêm chỉnh không, có *thực sự* làm tròn nghĩa vụ của mình đối với *giai cấp* mình và đối với *quần chúng* lao động không. Công khai thừa nhận sai lầm của mình, tìm ra nguyên nhân sai lầm, phân tích hoàn cảnh đã đẻ ra sai lầm, nghiên cứu cẩn thận những biện pháp để sửa chữa sai lầm, đó là dấu hiệu của một đảng nghiêm chỉnh, — đối với đảng đó, như thế gọi là làm tròn nghĩa vụ của mình, là giáo dục và huấn luyện *giai cấp* rồi đến *quần chúng*» (xem tập XXV, tr. 200)**.

Một số người cho rằng vạch rõ những sai lầm của bản thân và tự phê bình là nguy hiểm cho đảng, vì kẻ thù có thể lợi dụng để chống lại đảng của giai cấp vô sản. Lê-nin cho rằng những lời cãi lại như thế là không nghiêm túc và hoàn toàn

---

* Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 28, tr. 260. *(B.T.)*

** Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 31, tr. 39. *(B.T.)*

sai. Về vấn đề đó, năm 1904, khi đảng ta còn yếu và chưa có nhiều đảng viên, Lê-nin đã viết trong cuốn *Một bước tiến* như sau :

«Chúng (nghĩa là những kẻ địch của những người mác-xít — *J.Sta-lin*) reo mừng và đắc ý khi thấy chúng ta tranh luận với nhau; hiển nhiên là để phục vụ cho mục đích của chúng, chúng sẽ cố sức nêu ra những đoạn nào đó trong quyển sách của tôi nói về những khuyết điểm và những thiếu sót của đảng ta. Những người xã hội-dân chủ Nga đã được tôi luyện khá nhiều trong chiến đấu, cho nên họ không để cho những hành động châm chọc ấy làm cho mình bối rối; cho nên bất chấp tất cả, họ vẫn cứ tiến hành công tác tự phê bình và tiếp tục bóc trần một cách không e dè những thiếu sót của bản thân mình, những thiếu sót này nhất định và chắc chắn sẽ được khắc phục với phong trào công nhân đang lớn lên» (xem tập VI, tr. 161)*.

Tóm lại, đấy là những đặc điểm của phương pháp của chủ nghĩa Lê-nin.

Điều mà phương pháp của Lê-nin cống hiến, thì về căn bản, đã có ở trong học thuyết của Mác, học thuyết này như lời Mác đã nói, là học thuyết «về bản chất là có tinh thần phê phán và cách mạng»[22]. Chính tinh thần phê phán và cách mạng ấy là tinh thần quán triệt trong phương pháp của Lê-nin. Nhưng nếu cho rằng phương pháp của Lê-nin chỉ là khôi phục lại phương pháp của Mác, thì thật là sai. Thật ra, phương pháp của Lê-nin không những chỉ khôi phục, mà còn cụ thể hóa và phát triển thêm phương pháp phê phán và cách mạng của Mác, phép biện chứng duy vật của Mác.

---

* Xem V. I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 7, tr. 226. *(B.T.)*

III

LÝ LUẬN

Trong đề mục này, tôi sẽ nói đến ba vấn đề :

a) ý nghĩa của lý luận đối với phong trào vô sản ;

b) phê phán « thuyết » tự phát ;

c) lý luận về cách mạng vô sản.

1) *Ý nghĩa của lý luận.* Một số người nghĩ rằng chủ nghĩa Lê-nin trọng thực tiễn hơn lý luận, vì rằng điểm chủ yếu của chủ nghĩa Lê-nin là áp dụng các nguyên lý mác-xít, là «chấp hành» các nguyên lý ấy; còn về lý luận thì chủ nghĩa Lê-nin rất ít quan tâm đến. Người ta biết rằng Pơ-lê-kha-nốp đã nhiều lần chế giễu sự «không quan tâm» của Lê-nin đối với lý luận và đặc biệt đối với triết học. Hơn nữa, người ta lại biết rằng nhiều người lê-nin-nít công tác thực tế ngày nay ít ưa thích lý luận, nhất là vì hoàn cảnh bắt buộc phải làm quá nhiều công tác thực tiễn. Tôi cần phải tuyên bố rằng ý kiến quá ư lạ lùng này về Lê-nin và chủ nghĩa Lê-nin là hoàn toàn sai lầm và không đúng sự thật chút nào cả, rằng xu hướng của những người công tác thực tiễn dửng dưng đối với lý luận là hoàn toàn trái với tinh thần chủ nghĩa lê-nin và gây nhiều nguy hại lớn cho sự nghiệp.

Lý luận là kinh nghiệm của phong trào công nhân toàn thế giới, khái quát lại. Lẽ dĩ nhiên, lý luận sẽ là lý luận trống rỗng, nếu không gắn liền với thực tiễn cách mạng; cũng hệt như thực tiễn sẽ trở thành mù quáng nếu không được lý luận cách mạng soi đường. Nhưng lý luận có thể trở thành một lực lượng hết sức lớn của phong trào công nhân, nếu nó được hình thành trong mối liên hệ mật thiết với thực tiễn cách mạng, vì nó và chỉ có nó, mới đem lại cho phong trào lòng tin tưởng, năng lực xác định phương châm và sự hiểu biết về mối liên

hệ nội tại của các biến cố đang diễn ra; vì nó và chỉ có nó, mới có thể giúp cho thực tiễn hiểu được không những các giai cấp hiện nay đang đi theo hướng nào và như thế nào, mà còn hiểu được trong tương lai gần nhất, các giai cấp ấy sẽ phải đi theo hướng nào và như thế nào. Chính Lê-nin đã nói và đã nhắc lại nhiều lần nguyên lý trứ danh này:

« *Không có lý luận cách mạng thì không thể có phong trào cách mạng** » (xem tập IV, tr. 380)**.

Hơn ai hết, Lê-nin đã hiểu ý nghĩa quan trọng của lý luận, nhất là đối với một đảng như đảng ta, vì đảng ta phải giữ vai trò chiến sĩ tiên phong của giai cấp vô sản quốc tế và hiện đang ở vào một hoàn cảnh trong nước và quốc tế phức tạp. Ngay từ năm 1902, nhận thấy trước vai trò đặc biệt ấy của đảng ta, Lê-nin, lúc đó, đã thấy cần phải nhắc rằng:

« *Chỉ có một đảng được lý luận tiên phong hướng dẫn mới có thể làm tròn vai trò chiến sĩ tiên phong* » (xem tập IX, tr. 380)***.

Chẳng cần phải chứng minh cũng thấy rằng hiện nay khi mà lời tiên đoán ấy của Lê-nin về vai trò của đảng ta đã thành sự thật, thì nguyên lý ấy của Lê-nin càng có một sức mạnh đặc biệt và một ý nghĩa đặc biệt.

Có lẽ người ta phải coi sự việc dưới đây là một biểu hiện rõ ràng nhất chứng tỏ Lê-nin đã hết sức coi trọng lý luận: chính Lê-nin đã làm tròn một nhiệm vụ trọng đại nhất là tổng quát trong triết học duy vật những cái gì quan trọng nhất mà khoa học đã chứng kiến trong thời kỳ từ Ăng-ghen đến Lê-nin, và phê phán sâu sắc những tư trào phản duy vật trong những người

---

* Do tôi viết ngả. *J. Sta-lin.*

** Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1962, tập 5, tr. 435. *(B.T.)*

*** Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1962 tập 5, tr. 436. *(B.T.)*

mác-xít. Ăng-ghen đã nói rằng «mỗi khi có một phát minh lớn mới, thì chủ nghĩa duy vật lại buộc phải có một hình dáng mới»[23]. Người ta biết rằng chính Lê-nin chứ không phải ai khác đã làm tròn nhiệm vụ ấy đối với thời đại mình, trong tác phẩm trứ danh của mình: *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*[24]. Người ta biết rằng Pơ-lê-kha-nốp thường chế giễu sự «không quan tâm» của Lê-nin đối với triết học, thì thậm chí lại không dám nhận lấy nhiệm vụ này một cách nghiêm chỉnh.

2) Phê phán « thuyết » tự phát, hay là nói về vai trò của đội tiên phong trong phong trào. «Thuyết» tự phát là thuyết của chủ nghĩa cơ hội, là thuyết sùng bái tính tự phát của phong trào công nhân, là thuyết phủ nhận trong thực tế vai trò lãnh đạo của đội tiên phong của giai cấp công nhân, của đảng của giai cấp công nhân.

Thuyết sùng bái tính tự phát kiên quyết chống lại tính chất cách mạng của phong trào công nhân; nó không tán thành phong trào hướng vào đấu tranh chống những cơ sở của chủ nghĩa tư bản, — nó chủ trương phong trào chỉ đi theo đường lối đề ra những yêu sách «có thể thực hiện được», «có thể tiếp thu được» đối với chủ nghĩa tư bản, nó hoàn toàn tán thành «đường lối ít tốn công sức nhất». Thuyết tự phát ấy là hệ tư tưởng của chủ nghĩa công liên.

Thuyết sùng bái tính tự phát kiên quyết phản đối việc làm cho phong trào tự phát trở thành phong trào tự giác, có tính kế hoạch: nó không muốn đảng dẫn đầu giai cấp công nhân, đảng nâng quần chúng lên trình độ tự giác, đảng lãnh đạo phong trào. Nó muốn cho những phần tử giác ngộ của phong trào đừng cản trở phong trào đi theo chiều hướng của nó; nó muốn đảng chỉ quan sát phong trào tự phát và đi theo đuôi phong trào. Thuyết tự phát ấy là thuyết hạ thấp vai trò của phần tử giác ngộ trong phong trào, là hệ tư tưởng của «chủ nghĩa theo đuôi», là cơ sở lô-gích của *mọi* chủ nghĩa cơ hội.

Trên thực tế, thuyết này xuất hiện ngay từ trước khi có cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất, đã đưa đến chỗ là những kẻ chủ trương nó, tức là «phái kinh tế», phủ nhận sự tất yếu phải có một chính đảng công nhân độc lập ở Nga, phản đối cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân nhằm lật đồ chế độ Nga hoàng, cồ vũ chính sách công liên trong phong trào, và nói chung, đặt phong trào công nhân dưới quyền lãnh đạo của bọn tư bản thuộc phái tự do.

Cuộc đấu tranh của tờ *Tia lửa* cũ, và lời phê phán xuất sắc của Lê-nin trong cuốn *Làm gì?* đối với lý luận của «chủ nghĩa theo đuôi», không những đã đánh bại «chủ nghĩa kinh tế», mà còn đặt cơ sở lý luận cho một phong trào thật sự cách mạng của giai cấp công nhân Nga.

Không có cuộc đấu tranh đó thì không thể nghĩ đến việc thành lập ở Nga một đảng công nhân độc lập và đến vai trò lãnh đạo của đảng đó trong cuộc cách mạng.

Nhưng thuyết sùng bái tính tự phát không phải là một hiện tượng riêng của Nga. Nó được phổ biến rất rộng rãi, dưới một hình thức thật ra có hơi khác, trong tất cả các đảng Quốc tế II, không trừ một đảng nào. Ở đây, tôi nói đến cái thuyết được mệnh danh là thuyết về «lực lượng sản xuất», thuyết này đã bị bọn lãnh tụ Quốc tế II bôi nhọ và dùng để biện hộ cho tất cả mọi việc và điều hòa tất cả mọi người; nó xác nhận những sự việc và giải thích những sự việc đó khi mọi người đã thừa hiểu cả rồi, và nó chỉ biết có xác nhận những sự việc mà thôi. Mác đã nói rằng học thuyết duy vật không thể chỉ giải thích thế giới mà còn phải cải biến thế giới[25]. Nhưng Cau-sky và bè lũ không hề quan tâm đến điều đó; chúng thích chỉ bám lấy phần thứ nhất của công thức của Mác.

Đây là một trong nhiều thí dụ về việc vận dụng «thuyết» ấy. Người ta nói rằng trước cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, các đảng Quốc tế II đã đe sẽ tiến hành «chiến tranh chống chiến tranh», nếu bọn đế quốc bắt đầu chiến tranh.

Người ta nói rằng, ngay khi sắp xảy ra chiến tranh, các đảng ấy đã nhét khẩu hiệu: «tiến hành chiến tranh chống chiến tranh» vào ngăn kéo và đã thực hiện khẩu hiệu ngược lại: «tiến hành chiến tranh vì tổ quốc đế quốc chủ nghĩa». Người ta nói rằng việc thay đổi khẩu hiệu như thế đã làm cho hàng triệu công nhân bị chết. Nhưng người ta sẽ lầm nếu tưởng rằng trong số đó, có những kẻ đã phạm tội, có những kẻ đã phản bội hay đã bán giai cấp công nhân. Tuyệt nhiên không phải như thế đâu! Mọi việc đã xảy ra đúng như những việc ấy đã phải xảy ra như vậy. Một là, vì Quốc tế có lẽ là một «công cụ hòa bình», chứ không phải là một công cụ chiến tranh. Hai là, vì với «trình độ lực lượng sản xuất» hồi bấy giờ, thì không thể làm khác thế được. Đó là «lỗi» tại «lực lượng sản xuất». Đó đúng là điều mà thuyết «lực lượng sản xuất» của ngài Cau-sky giải thích cho «chúng ta». Ai không tin «thuyết» đó thì không phải là người mác-xít. Còn vai trò của các đảng thế nào? Sự quan trọng của các đảng trong phong trào ra sao? Nhưng đứng trước một nhân tố có tính chất quyết định như «trình độ lực lượng sản xuất» thì thử hỏi một đảng có thể làm được trò trống gì?...

Người ta có thể kể ra hàng tràng những thí dụ xuyên tạc chủ nghĩa Mác như thế.

Chẳng cần phải chứng minh cũng thấy rằng thứ «chủ nghĩa Mác» giả hiệu đó dùng để che bộ mặt thật của chủ nghĩa cơ hội, chỉ là một loại của chính ngay cái lý luận «chủ nghĩa theo đuôi» ấy, cái lý luận đã được cải biến theo lối châu Âu và đã bị Lê-nin đả kích từ trước cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất.

Chẳng cần phải chứng minh cũng thấy rằng đập tan việc xuyên tạc lý luận như thế là tạo điều kiện tiên quyết cho việc thành lập những đảng thật sự cách mạng ở phương Tây.

5) *Lý luận về cách mạng vô sản.* Lý luận về cách mạng vô sản của Lê-nin xuất hiện từ ba luận điểm cơ bản.

Luận điểm thứ nhất. Sự thống trị của tư bản tài chính trong các nước tư bản chủ nghĩa tiên tiến; việc phát hành các giá khoán là một trong những công việc chủ yếu của tư bản tài chính; việc xuất khẩu tư bản đến những miền có nguyên liệu là một trong những cơ sở của chủ nghĩa đế quốc; quyền lực vô hạn của bọn đầu sỏ tài chính là kết quả của sự thống trị của tư bản tài chính — tất cả những điều ấy biểu lộ tính chất ăn bám tai hại nhất của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn, làm cho cái ách của các tơ-rớt và côn-xoóc-xi-om tư bản chủ nghĩa nặng nề hơn gấp trăm lần, làm tăng thêm mối bất bình của giai cấp công nhân đối với những cơ sở của chủ nghĩa tư bản, đưa quần chúng đến cách mạng vô sản, là con đường cứu vãn duy nhất (xem *Chủ nghĩa đế quốc*[26] của Lê-nin).

Do đó rút ra kết luận thứ nhất: khủng hoảng cách mạng trầm trọng thêm trong các nước tư bản, các nhân tố bột phát ngày càng có nhiều thêm trên mặt trận nội bộ, mặt trận vô sản, ở các «chính quốc».

Luận điểm thứ hai. Việc xuất khẩu tư bản ngày càng nhiều vào các nước thuộc địa và phụ thuộc; việc mở rộng những «khu vực ảnh hưởng» và những thuộc địa trên toàn bộ trái đất; sự chuyển biến của chủ nghĩa tư bản thành một *hệ thống thế giới* nô dịch bằng tài chính và áp bức kiểu thuộc địa đối với tuyệt đại đa số nhân dân trên trái đất bởi một nhúm những nước «tiên tiến» — tất cả những điều ấy, một mặt, biến các nền kinh tế dân tộc và các lãnh thổ dân tộc thành những khâu của một dây xích duy nhất, gọi là nền kinh tế thế giới, và mặt khác, lại chia nhân dân thế giới ra làm hai phe: một nhúm những nước tư bản chủ nghĩa «tiên tiến» bóc lột và áp bức những nước thuộc địa và phụ thuộc rộng lớn, và đại đa số những nước thuộc địa và phụ thuộc bắt buộc phải tiến hành đấu tranh để thoát ách đế quốc chủ nghĩa (xem *Chủ nghĩa đế quốc*).

Do đó rút ra kết luận thứ hai là: khủng hoảng cách mạng trầm trọng thêm trong các nước thuộc địa, những nhân tố vùng dậy chống chủ nghĩa đế quốc ngày càng có nhiều thêm trên mặt trận bên ngoài, mặt trận thuộc địa.

Luận điểm thứ ba. Sự độc chiếm các «khu vực ảnh hưởng» và các thuộc địa; sự phát triển không đồng đều của các nước tư bản, đưa đến một cuộc đấu tranh điên cuồng để chia lại thế giới giữa các nước tư bản đã chiếm được đất đai và các nước muốn có «phần»; chiến tranh đế quốc với tính cách là thủ đoạn duy nhất để khôi phục lại «thăng bằng» đã bị phá, — tất cả những điều ấy làm cho cuộc đấu tranh trên mặt trận thứ ba, giữa các cường quốc tư bản, thêm trầm trọng, do đó làm suy yếu chủ nghĩa đế quốc và tạo điều kiện dễ dàng cho sự liên hiệp của hai mặt trận trên chống chủ nghĩa đế quốc: mặt trận vô sản cách mạng và mặt trận giải phóng thuộc địa (xem *Chủ nghĩa đế quốc*).

Do đó rút ra kết luận thứ ba là: dưới chủ nghĩa đế quốc, chiến tranh là không thể tránh được; và cách mạng vô sản ở châu Âu cùng với cách mạng thuộc địa ở phương Đông tất nhiên phải liên hợp thành một mặt trận thế giới duy nhất của cách mạng chống mặt trận thế giới của chủ nghĩa đế quốc.

Lê-nin đã tổng hợp tất cả những kết luận ấy thành kết luận chung này: «chủ nghĩa đế quốc là đêm trước của cách mạng xã hội chủ nghĩa»* (xem tập XIX, tr. 71)**.

Do đó mà chính ngay cách nhận xét vấn đề cách mạng vô sản, tính chất của cách mạng, bề rộng và bề sâu của nó, cũng thay đổi; phương án về cách mạng nói chung, cũng thay đổi.

Ngày trước, người ta thường phân tích những điều kiện tiên quyết của cách mạng vô sản, căn cứ vào tình hình kinh tế

---

* Do tôi viết ngả. *J. Sta-lin.*

** Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 22, tr. 235. *(B.T.)*

nước này hay nước khác, xét riêng biệt. Hiện nay, cách xét vấn đề như thế không đủ nữa. Hiện nay, phải nhận xét vấn đề, căn cứ vào tình trạng kinh tế của toàn thể hoặc đa số các nước, căn cứ vào tình trạng kinh tế thế giới, vì các nước và các nền kinh tế dân tộc không còn là những đơn vị độc lập tự tại nữa, mà đã trở thành những khâu của dây xích duy nhất gọi là nền kinh tế thế giới; vì chủ nghĩa tư bản «văn minh» cũ đã phát triển thành chủ nghĩa đế quốc; mà chủ nghĩa đế quốc lại là hệ thống thế giới nô dịch bằng tài chính và áp bức kiều thuộc địa đối với tuyệt đại đa số nhân dân trên trái đất bởi một nhúm các nước «tiên tiến».

Ngày trước, người ta thường quen nói đến việc có hay không có những điều kiện khách quan của cách mạng vô sản trong các nước, hoặc nói cho đúng hơn, trong một nước đã phát triển nào đó. Hiện nay, cách xét vấn đề như thế không đủ nữa. Hiện nay, phải nói đến việc đã có điều kiện khách quan cho cách mạng bùng nổ trong toàn bộ hệ thống kinh tế đế quốc thế giới, coi như một khối thống nhất; hơn nữa, việc có vài nước chưa phát triển đầy đủ về phương diện công nghiệp, trong cơ thể của hệ thống ấy, không thể là một trở ngại không vượt nổi đối với cách mạng, *nếu* hệ thống ấy, xét về toàn bộ, hoặc nói cho đúng hơn, *bởi vì* hệ thống ấy, xét về toàn bộ, đã chín muồi đến độ nổ ra cách mạng.

Ngày trước, người ta thường quen nói đến cách mạng vô sản trong một nước đã phát triển nào đó, như là một lực lượng tuyệt đối nào đó, đối lập với mặt trận dân tộc thống nhất nào đó của tư bản, tức là đối phương của cách mạng vô sản. Hiện nay, cách xét vấn đề như thế không đủ nữa. Hiện nay, phải nói đến cách mạng vô sản thế giới, vì các mặt trận dân tộc của tư bản đã trở thành những khâu của dây xích duy nhất gọi là mặt trận thế giới của chủ nghĩa đế quốc, và phải đem mặt trận chung của phong trào cách mạng toàn thế giới mà đối lập với mặt trận thế giới ấy của tư bản.

Ngày trước, người ta xem cuộc cách mạng vô sản như là kết quả của riêng sự phát triển nội bộ của một nước nhất định. Hiện nay, cách xét vấn đề như thế không đủ nữa. Hiện nay, phải xem cách mạng vô sản, trước hết là như kết quả của sự phát triển của những mâu thuẫn trong hệ thống thế giới của chủ nghĩa đế quốc, như là kết quả của việc bẻ gẫy dây xích mặt trận đế quốc chủ nghĩa thế giới ở nước này hoặc ở nước khác.

Cách mạng sẽ bắt đầu ở đâu? Ở đâu, trong nước nào, mặt trận của tư bản có thể bị chọc thủng trước nhất?

Ở nơi nào mà công nghiệp phát triển nhất, giai cấp vô sản chiếm đa số, trình độ văn hóa cao hơn, chế độ dân chủ rộng hơn, trước kia người ta thường trả lời như thế.

Lý luận của Lê-nin về cách mạng đã bác lại điều đó: Không, *không nhất thiết là ở nơi mà công nghiệp phát triển hơn cả, v.v.* Mặt trận của tư bản sẽ bị chọc thủng ở nơi mà dây xích chủ nghĩa đế quốc yếu nhất, vì cách mạng vô sản là kết quả của việc bẻ gẫy dây xích mặt trận đế quốc thế giới, ở điểm yếu nhất của nó, và rất có thể là nước mở đầu cho cách mạng, nước chọc thủng được mặt trận của tư bản, lại là nước phát triển kém, về phương diện tư bản chủ nghĩa, so với những nước khác phát triển hơn nhưng vẫn còn nằm trong khuôn khổ chủ nghĩa tư bản.

Năm 1917, dây xích mặt trận đế quốc chủ nghĩa thế giới ở Nga yếu hơn ở các nước khác. Chính nó đã bị bẻ gẫy tại đó để mở đường cho cách mạng vô sản. Vì sao? Vì ở Nga đã diễn ra cuộc cách mạng nhân dân lớn nhất do giai cấp vô sản cách mạng lãnh đạo, giai cấp này có một bạn đồng minh đáng kể là hàng triệu nông dân bị địa chủ áp bức và bóc lột. Vì ở đấy, kẻ địch của cách mạng là kẻ đại diện xấu xa của chủ nghĩa đế quốc, tức là chế độ Nga hoàng, chế độ đã mất hết uy tín và đáng bị toàn thể nhân dân căm thù. Ở Nga, dây xích ấy đã yếu nhất, mặc dầu nước Nga, về phương diện tư bản chủ nghĩa, là nước

không phát triển bằng các nước khác, chẳng hạn như Pháp hay Đức, như Anh hoặc Mỹ.

Trong tương lai gần đây, dây xích đó sẽ bị đứt đoạn ở đâu? Lại cũng ở chỗ mà nó yếu nhất. Rất có thể là nó bị bẻ gẫy ở Ấn-độ chẳng hạn. Vì sao? Bởi vì, ở đấy, có một giai cấp vô sản cách mạng trẻ tuổi và hăng hái, giai cấp này có bạn đồng minh là phong trào giải phóng dân tộc, bạn đồng minh thật là quan trọng và thật là đáng kể. Vì trong nước ấy, cách mạng có một kẻ địch mà ai cũng biết, tức là chủ nghĩa đế quốc ngoại quốc, đã mất hết uy tín và đang bị hết thảy quần chúng bị áp bức và bóc lột ở Ấn-độ căm thù.

Cũng rất có thể dây xích bị bẻ gẫy ở Đức? Vì sao? Vì những nhân tố đang tác động, chẳng hạn, ở Ấn-độ, cũng bắt đầu tác động ở Đức. Và lẽ dĩ nhiên, sự khác nhau to lớn giữa trình độ phát triển của Ấn-độ và của nước Đức không thể không ảnh hưởng đến tiến trình và kết cục của cách mạng ở Đức.

Bởi vậy, Lê-nin nói:

«Các nước tư bản Tây Âu sẽ hoàn thành bước phát triển của họ lên chủ nghĩa xã hội... không phải do chủ nghĩa xã hội đã «chín muồi» đều đều trong nước họ, mà do việc những nước này bóc lột những nước khác, do sự bóc lột nước đầu tiên bị thua trận trong cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, gắn liền với sự bóc lột toàn thể phương Đông. Mặt khác, chính vì cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa lần thứ nhất đó mà phương Đông đã bước hẳn vào phong trào cách mạng và đã bị cuốn hẳn vào trong cơn lốc chung của phong trào cách mạng thế giới» (xem tập XXVII, tr. 415 - 416)*.

Tóm lại, theo lẽ thường, thì dây xích mặt trận đế quốc chủ nghĩa phải bị bẽ gẫy ở nơi có những khâu yếu nhất, và bất luận trường hợp nào, cũng không nhất thiết phải bị bẻ gẫy ở nơi mà

* Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 33, tr. 457. *(B.T.)*

chủ nghĩa tư bản phát triển hơn, ở nơi mà vô sản chiếm mấy phần trăm và nông dân chiếm mấy phần trăm, và vân vân.

Bởi vậy, trong việc giải quyết vấn đề cách mạng vô sản, những sự ước lượng về tỷ lệ phần trăm của vô sản trong nhân dân nước này hay nước khác tách riêng ra, đều mất hết ý nghĩa đặc biệt mà những con mọt sách của Quốc tế II đã sẵn sàng gán cho những sự ước lượng đó, họ không hiểu chủ nghĩa đế quốc là gì và sợ cách mạng như sợ bệnh dịch vậy.

Chúng ta bàn tiếp. Các vị anh hùng Quốc tế II đã quả quyết (và vẫn quả quyết) rằng giữa cách mạng tư sản dân chủ một bên và cách mạng vô sản một bên, có một vực sâu hoặc chí ít là một vạn lý trường thành phân cách đôi bên bằng một khoảng thời gian tương đối dài, trong thời gian đó giai cấp tư sản nắm được chính quyền sẽ phát triển chủ nghĩa tư bản, còn giai cấp vô sản thì tích lũy lực lượng và chuẩn bị để tiến hành cuộc đấu tranh quyết định» chống chủ nghĩa tư bản. Thường thường thì người ta ước lượng khoảng thời gian ấy dài hàng chục năm, nếu không phải là hơn thế nữa. Chẳng cần phải chứng minh cũng thấy rằng trong những điều kiện chủ nghĩa đế quốc, «thuyết» vạn lý trường thành ấy không có một tý giá trị khoa học nào hết, nó chỉ là và chỉ có thể là một thủ đoạn để che đậy, để hóa trang cho những sự thèm muốn phản cách mạng của giai cấp tư sản. Không cần phải chứng minh cũng thấy rằng trong những điều kiện chủ nghĩa đế quốc là chủ nghĩa mang trong lòng nó mầm mống xung đột và chiến tranh, rằng trong lúc «cách mạng xã hội chủ nghĩa sắp bùng nổ», khi mà chủ nghĩa tư bản «phồn thịnh» chuyển biến thành chủ nghĩa tư bản «rẫy chết» (*Lê-nin*), còn phong trào cách mạng thì đang lớn lên trong tất cả các nước trên thế giới, khi mà chủ nghĩa đế quốc liên minh với tất cả các lực lượng phản động không trừ một lực lượng nào, kể cả chế độ Nga hoàng và chế độ nông nô, và do đó làm cho sự liên minh của tất cả các lực lượng cách mạng, kể từ phong trào vô sản ở phương Tây đến

phong trào giải phóng dân tộc ở phương Đông, trở thành tất yếu, khi mà không đấu tranh cách mạng chống chủ nghĩa đế quốc thì không tiêu diệt được những tàn tích của chế độ phong kiến, — không cần chứng minh cũng thấy rằng trong những điều kiện như thế, thì ở một nước phát triển hoặc ít hoặc nhiều, cách mạng tư sản dân chủ tất sẽ tiến gần đến cách mạng vô sản và cuộc cách mạng thứ nhất phải chuyển biến thành cuộc cách mạng thứ hai. Lịch sử cách mạng Nga đã chứng minh một cách hiền nhiên rằng luận điểm ấy là đúng và không thể chối cãi được. Ngay từ 1905, lúc cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất sắp bùng nổ, không phải là vô cớ mà Lê-nin đã hình dung, trong quyển *Hai sách lược*, cuộc cách mạng dân chủ tư sản và cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa như là hai khâu của một dây xích, như là một bức tranh duy nhất, một bức tranh toàn bộ về quy mô của cách mạng Nga:

« *Giai cấp vô sản phải làm cách mạng dân chủ tới cùng, bằng cách kéo quần chúng nông dân theo mình, để đè bẹp bằng bạo lực sự phản kháng của chế độ chuyên chế và làm tê liệt tính không ổn định của giai cấp tư sản. Giai cấp vô sản phải làm cách mạng xã hội chủ nghĩa bằng cách kéo những thành phần nửa vô sản trong nhân dân theo mình, để dùng bạo lực đập tan sự phản kháng của giai cấp tư sản và làm tê liệt tính không ổn định của nông dân và của giai cấp tiểu tư sản.* Đó là những nhiệm vụ của giai cấp vô sản, những nhiệm vụ mà bọn người thuộc phái *Tia lửa* mới đã trình bày một cách rất không đầy đủ trong tất cả những lập luận và trong tất cả những nghị quyết của họ về quy mô của cách mạng » (xem tập VIII, tr.96)*.

Đây là tôi còn chưa nói đến những tác phẩm khác, mới hơn, của Lê-nin, trong đó, ý niệm về sự chuyển biến của cách mạng tư sản thành cách mạng vô sản biểu lộ ra rõ rệt hơn trong quyền

* Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1964, tập 9, tr. 116. *(B.T.)*

Hai sách lược, như một trong những viên đá tảng của lý luận của Lê-nin về cách mạng.

Hình như có một số đồng chí tưởng rằng mãi đến 1916, Lê-nin mới có được ý niệm như thế, rằng từ trước đến lúc đó, Người vẫn cho là cách mạng ở Nga phải đóng khung trong phạm vi tư sản; rằng do đó, chính quyền sẽ chuyển từ tay cơ quan chuyên chính của vô sản và nông dân sang tay giai cấp tư sản, chứ không phải sang tay giai cấp vô sản. Người ta nói rằng lời khẳng định ấy thậm chí cũng đã thâm nhập vào báo chí cộng sản chúng ta. Tôi phải nói rằng lời khẳng định ấy hoàn toàn sai, nó không đúng với sự thật chút nào cả.

Tôi có thể dẫn chứng bài diễn văn mà người ta đều biết của Lê-nin đọc tại đại hội III của đảng (1905), trong đó Lê-nin coi chuyên chính của vô sản và nông dân, nghĩa là thắng lợi của cách mạng dân chủ, không phải là «tổ chức của «trật tự» mà là «tổ chức của chiến tranh» (xem tập VII, tr. 264)*.

Tôi lại có thể dẫn chứng những bài mà người ta đều biết của Lê-nin *Bàn về chính phủ lâm thời* (1905)[27], trong đó, khi trình bày triển vọng phát triển của cách mạng Nga, Lê-nin giao cho đảng nhiệm vụ phải «làm thế nào cho cách mạng Nga không phải là một phong trào vài tháng mà là một phong trào nhiều năm; làm thế nào cho nó không phải chỉ dẫn tới những nhượng bộ vụn vặt của những kẻ nắm chính quyền mà còn dẫn tới lật đổ hoàn toàn chính quyền ấy», — những bài mà, trong đó, sau khi phát triển triển vọng ấy thêm nữa và gắn chặt nó vào cuộc cách mạng ở châu Âu, Lê-nin viết tiếp:

«Và, nếu người ta đạt được như thế, thì lúc đó... lúc đó, ngọn lửa cách mạng sẽ làm bùng cháy châu Âu; người công nhân châu Âu không thể chịu đựng được ách phản động tư sản nữa, đến lượt họ, sẽ vùng dậy và cho chúng ta thấy là «phải làm như thế

---

* Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1965, tập 8, tr. 445. *(B.T.)*

nào» ; lúc đó, cao trào cách mạng ở châu Âu sẽ ảnh hưởng trở lại nước Nga và sẽ biến một thời đại cách mạng mấy năm thành một thời đại cách mạng mấy chục năm... (xem tập VII tr. 194)*

Tôi lại có thể dẫn chứng bài mà người ta đều biết của Lê-nin công bố hồi tháng Một 1915 và trong đó Người viết :

«Giai cấp vô sản đấu tranh và sẽ đấu tranh quên mình để cướp chính quyền, để thành lập nước cộng hòa, để tịch thu ruộng đất... để làm cho «quần chúng nhân dân *phi* vô sản» tham dự vào công cuộc giải phóng nước Nga *tư sản* khỏi ách của «chủ nghĩa đế quốc» *quân sự-phong kiến* (= chế độ Nga hoàng). Và giai cấp vô sản sẽ lợi dụng *tức khắc*** cuộc giải phóng nước Nga tư sản ấy khỏi ách của chế độ Nga hoàng, khỏi quyền của bọn địa chủ đối với ruộng đất, không phải là để giúp đỡ nông dân giàu đấu tranh chống công nhân nông nghiệp, mà là để liên minh với vô sản châu Âu mà hoàn thành cách mạng xã hội chủ nghĩa» (xem tập XVIII, tr. 138)***.

Cuối cùng tôi có thể dẫn chứng một đoạn mà người ta biết ở trong quyền *Cách mạng vô sản và tên phản bội Can-sky*, trong đó, Lê-nin, căn cứ vào đoạn trích dẫn trên kia trong cuốn *Hai sách lược*****, nói về quy mô của cuộc cách mạng Nga, mà đi đến kết luận sau đây :

«Tất cả mọi việc đều xảy ra đúng như chúng ta đã nói. Tiến trình của cách mạng đã xác nhận lý lẽ của chúng ta là đúng. ***Trước hết*** là, cùng với «toàn thể» nông dân chống chế độ quân chủ, chống bọn địa chủ, chống chế độ trung cổ (vì thế nên cách mạng vẫn còn là cách mạng tư sản, là cách mạng dân chủ tư sản). Sau đó, thì cùng với nông dân nghèo, cùng với tầng lớp nửa vô sản, cùng

---

* Xem V. I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1965, tập 8, tr. 328. *(B.T.)*

** Do tôi viết ngả. J. Sta-lin.

*** Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 21, tr. 493 - 494. *(B.T.)*

**** Xem tập này, tr. 114. *(B.T.)*

với tất cả những người bị bóc lột, *chống chủ nghĩa tư bản*, kể cả bọn giàu có ở nông thôn, bọn cu-lắc, bọn đầu cơ; vì thế nên cách mạng trở thành *cách mạng xã hội chủ nghĩa*. Muốn dựng lên một cách giả tạo một bức vạn lý trường thành giữa hai cuộc cách mạng đó, muốn tách rời hai cuộc cách mạng đó bằng một cái gì khác *chứ không phải bằng* trình độ chuẩn bị của giai cấp vô sản và trình độ liên minh của giai cấp vô sản với nông dân nghèo, như thế là xuyên tạc chủ nghĩa Mác đến cùng cực, là tầm thường hóa chủ nghĩa Mác, là đem chủ nghĩa tự do thay thế chủ nghĩa Mác» (xem tập XXIII, tr. 391)*.

Tôi thiết tưởng dẫn chứng như thế là đủ rồi.

Có người sẽ nói: Được! Nhưng nếu đúng như thế thì tại sao Lê-nin lại đả kích ý niệm «cách mạng thường trực (không ngừng)»?

Vì Lê-nin chủ trương «tận dụng» những khả năng cách mạng của nông dân và sử dụng triệt để nghị lực cách mạng của nông dân để thủ tiêu hoàn toàn chế độ Nga hoàng và để chuyển lên cách mạng vô sản, còn bọn chủ trương «cách mạng thường trực» đã không hiểu tác dụng trọng đại của nông dân trong cách mạng Nga, đã đánh giá thấp nghị lực cách mạng của nông dân, đánh giá thấp lực lượng của giai cấp vô sản Nga, và khả năng giai cấp vô sản Nga lôi cuốn nông dân đi theo mình, và do đó, làm khó khăn thêm cho sự nghiệp giải phóng nông dân khỏi ảnh hưởng của giai cấp tư sản, cho sự nghiệp tập hợp nông dân chung quanh giai cấp vô sản.

Vì Lê-nin chủ trương *hoàn thành* công cuộc cách mạng bằng việc chuyển chính quyền vào tay giai cấp vô sản, còn bọn chủ trương cách mạng «thường trực» lại muốn *mở đầu* ngay bằng chính quyền của giai cấp vô sản; họ không hiểu rằng như thế là họ đã nhắm mắt trước cái «chi tiết» này là những tàn tích

---

* Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 28, tr. 276 - 277. *(B.T.)*

của chủ nghĩa phong kiến và họ không đếm xỉa đến cái lực lượng đáng kể là nông dân Nga; họ không hiểu rằng một chính sách như thế chỉ có thể kìm hãm việc tranh thủ nông dân đứng về phía giai cấp vô sản.

Như vậy thì Lê-nin đấu tranh chống bọn chủ trương cách mạng «thường trực», không phải tại bọn này khẳng định tính liên tục của cách mạng, vì chính Lê-nin cũng chủ trương cách mạng không ngừng, mà tại chúng đánh giá thấp vai trò của nông dân, lực lượng hậu bị lớn nhất của giai cấp vô sản; tại chúng không hiểu ý niệm quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản.

Người ta không thể coi ý niệm cách mạng «thường trực» là một ý niệm mới được. Ý niệm này đã được Mác đề ra, lần đầu tiên, vào cuối những năm 40, trong văn kiện nổi tiếng: *Thư gửi Liên đoàn những người Cộng sản* (1850). Chính trong văn kiện ấy các nhà «cách mạng thường trực» của chúng ta đã rút ra ý niệm cách mạng không ngừng. Cần phải thấy rằng khi đã lấy ý niệm ấy của Mác, các nhà «cách mạng thường trực» của chúng ta đã đem cải biến đi ít nhiều, và vì đem cải biến đi nên đã làm «hỏng» ý niệm đó và làm cho nó không thể đem dùng trong thực tiễn được. Phải đến bàn tay lão luyện của Lê-nin mới sửa chữa được sai lầm ấy, mới lấy được ý niệm cách mạng không ngừng của Mác dưới hình thức thật sự của nó và đem nó hoàn thành một trong những hòn đá tảng của lý luận của Lê-nin về cách mạng.

Sau khi kê ra, trong *Bức thư*, một loạt yêu sách dân chủ cách mạng mà ông kêu gọi những người cộng sản phải giành cho được, Mác nói về cách mạng không ngừng (thường trực) như sau:

«Trong khi những người tiểu tư sản dân chủ muốn kết thúc thật nhanh chóng cuộc cách mạng bằng cách thỏa mãn tới mức tối đa những yêu sách kể trên, và chừng nào mà tất cả các giai cấp ít nhiều hữu sản chưa bị gạt ra ngoài chính quyền, giai cấp

vô sản chưa cướp được chính quyền Nhà nước, những tổ chức của vô sản trong tất cả các nước chủ yếu trên thế giới, chứ không phải chỉ trong một nước, chưa được phát triển đủ để chấm dứt cạnh tranh giữa vô sản các nước ấy, và chừng nào mà các lực lượng sản xuất, ít nhất là các lực lượng quyết định, chưa tập trung trong tay vô sản, thì lợi ích và nhiệm vụ của chúng ta là phải làm cho cách mạng trở thành cách mạng thường trực »[28].

Nói cách khác:

a) *Ngược lại với* những kế hoạch của các nhà «cách mạng thường trực» ở Nga chúng ta, Mác không hề chủ trương *mở đầu* cuộc cách mạng ở Đức hồi những năm 50, trực tiếp bằng chính quyền vô sản;

b) Mác chỉ chủ trương *hoàn thành* công cuộc cách mạng bằng chính quyền Nhà nước vô sản, lật đổ một cách tuần tự, từ bộ phận này đến bộ phận khác, tất cả các bộ phận của giai cấp tư sản, để rồi, một khi giai cấp vô sản lên nắm chính quyền, thì nhóm lên đám lửa cách mạng trong tất cả các nước. Tất cả những điều mà Lê-nin đã căn cứ theo lý luận của mình về cách mạng vô sản trong điều kiện chủ nghĩa đế quốc mà dạy chúng ta và thực hiện trong quá trình cách mạng ở nước ta, đều *hoàn toàn phù hợp* với chủ trương trên đây của Mác.

Như vậy, các nhà «cách mạng thường trực» ở Nga chúng ta không những đã đánh giá thấp vai trò của nông dân trong cách mạng Nga, cũng như đã đánh giá thấp sự quan trọng của ý niệm quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản, mà lại còn cải biến (đồng thời làm hỏng) ý niệm cách mạng «thường trực» của Mác và làm cho nó không thể dùng trong thực tiễn được.

Đó là lý do khiến cho Lê-nin đã chế giễu lý luận của các nhà «cách mạng thường trực» ở nước ta. Người gọi lý luận ấy là lý luận «độc đáo» và «đẹp đẽ», và trách cứ họ là đã không muốn «suy nghĩ về những lý do khiến suốt trong mười năm, cuộc sống đã không để ý tới lý luận đẹp đẽ ấy» (Lê-nin viết

bài này năm 1915, tức là mười năm sau ngày lý luận của các nhà «cách mạng thường trực» xuất hiện ở Nga, — xem tập XVIII, tr. 317)*.

Bởi vậy, Lê-nin coi lý luận ấy là lý luận của men-sê-vích, và nói rằng nó «mượn của những người bôn-sê-vích lời kêu gọi giai cấp vô sản đấu tranh cách mạng kiên quyết và cướp chính quyền; nó mượn của những người men-sê-vích sự «phủ nhận» vai trò của nông dân» (*như trên*, xem bài «Về hai đường lối cách mạng» của Lê-nin).

Đấy là những ý kiến của Lê-nin về sự chuyển biến cách mạng dân chủ tư sản thành cách mạng vô sản, về việc lợi dụng cách mạng tư sản để «tức khắc» chuyển sang cách mạng vô sản.

Chúng ta bàn tiếp. Ngày trước, người ta cho rằng cách mạng không thể thắng trong riêng một nước được, vì người ta tưởng rằng muốn thắng giai cấp tư sản, thì phải có hành động chung của vô sản ở tất cả các nước tiên tiến hoặc ít ra là ở phần lớn các nước ấy. Hiện nay quan điểm ấy không thích hợp với tình hình thực tế nữa. Hiện nay, phải xuất phát từ khả năng có thể thắng được, vì sự phát triển không đồng đều và có những bước nhảy vọt của các nước tư bản chủ nghĩa trong những điều kiện chủ nghĩa đế quốc, sự phát triển của những mâu thuẫn tai hại trong nội bộ chủ nghĩa đế quốc, tức là những mâu thuẫn đưa đến những cuộc chiến tranh không tránh được, sự lớn mạnh của phong trào cách mạng trong tất cả các nước trên thế giới, — tất cả những điều ấy không những đưa đến chỗ giai cấp vô sản có khả năng thắng lợi mà còn đưa đến chỗ giai cấp vô sản tất yếu sẽ thắng lợi trong những nước riêng biệt. Lịch sử của cách mạng Nga là một bằng chứng trực tiếp. Tuy nhiên, ở đây, cần phải nhớ rằng chỉ có thể thực hiện thắng lợi việc lật đổ giai cấp tư sản, khi nào có được một số điều kiện

---

* Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội 1963, tập 21, tr. 492. *(B.T.)*

tuyệt đối cần thiết, nếu thiếu những điều kiện này thì đừng hòng nghĩ đến việc giai cấp vô sản cướp chính quyền.

Dưới đây là những lời Lê-nin nói về những điều kiện ấy trong quyền *Bệnh ấu trĩ* :

«Quy luật cơ bản của cách mạng đã được mọi cuộc cách mạng và nhất là ba cuộc cách mạng Nga trong thế kỷ XX xác nhận, là : muốn cho cách mạng nồ ra, thì không phải chỉ cần quần chúng bị áp bức và bị bóc lột nhận thức được rằng không thể sống như trước nữa và đòi hỏi phải có những thay đồi, là đủ. Muốn cho cách mạng nồ ra, còn phải có điều kiện là những kẻ bóc lột không thể sống và thống trị như trước nữa. Chỉ khi nào *« những người bên dưới »* *không muốn* và «những kẻ bên trên» *không thể tiếp tục* sống *theo lối cũ* được nữa thì khi ấy cách mạng mới có thể thắng được. Chân lý đó, nói một cách khác là: *không thể có cách mạng, nếu không có một cuộc khủng hoảng trong cả nước (lay chuyền cả đám người bị bóc lột lẫn đám người bóc lột)**. Vậy cho nên muốn có một cuộc cách mạng, thì phải : một là đa số công nhân (hay ít ra cũng là đa số công nhân giác ngộ, có suy nghĩ, tích cực về mặt chính trị) hoàn toàn hiều được rằng cách mạng là cần thiết và sẵn sàng hy sinh vì cách mạng; hai là các giai cấp thống trị phải lâm vào một cuộc khủng hoảng chính phủ, cuộc khủng hoảng này lôi cuốn đến cả số quần chúng lạc hậu nhất vào trong sinh hoạt chính trị... làm cho chính phủ suy nhược và tạo điều kiện cho những người cách mạng có thể lật đồ chính phủ ấy một cách nhanh chóng» (xem tập XXV, tr. 222)**.

Nhưng lật đồ chính quyền của giai cấp tư sản và thiết lập chính quyền của giai cấp vô sản trong riêng một nước, chưa phải là bảo đảm thắng lợi hoàn toàn của chủ nghĩa xã hội. Sau khi củng cố chính quyền và lôi cuốn được nông dân đi theo mình, giai cấp vô sản của nước thắng lợi có thể và phải kiến thiết xã hội xã hội chủ nghĩa. Nhưng như thế có phải có nghĩa là do đó mà giai cấp đó sẽ đi tới thắng lợi hoàn toàn

---

* Do tôi viết ngả. *J. Sta-lin.*

** Xem V. I. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 31, tr. 65 - 66. (*B.T.*)

thắng lợi cuối cùng của chủ nghĩa xã hội không? Nói cách khác, như thế có phải có nghĩa là giai cấp đó có thể dùng lực lượng riêng của nước mình mà thiết lập triệt để chủ nghĩa xã hội và bảo đảm hoàn toàn cho nước mình khỏi cái họa can thiệp và do đó khỏi cái họa phục hồi chế độ cũ không? Lẽ dĩ nhiên là không. Muốn thế thì cách mạng phải thắng ít nhất là ở vài ba nước. Bởi vậy, cách mạng thắng lợi có nhiệm vụ chủ yếu là phát triển và ủng hộ cách mạng ở những nước khác. Bởi vậy, cách mạng trong nước thắng lợi không được tự coi là một cái gì độc lập tự tại, mà phải tự coi là một trợ lực, là một công cụ để thúc đẩy nhanh chóng thắng lợi của giai cấp vô sản ở các nước khác.

Tư tưởng ấy, Lê-nin đã diễn đạt vắn tắt là: nhiệm vụ của cuộc cách mạng thắng lợi là phải làm «đến mức tối đa những điều có thể thực hiện được trong một nước riêng lẻ để phát triển, ủng hộ, thức tỉnh cách mạng *ở tất cả các nước*» (xem tập XXIII, tr. 385)*.

Tóm lại, đấy là những đặc trưng của lý luận của Lê-nin về cách mạng vô sản.

IV

CHUYÊN CHÍNH VÔ SẢN

Về đề mục này, tôi sẽ nói đến ba vấn đề cơ bản:

a) chuyên chính vô sản là công cụ của cách mạng vô sản;

b) chuyên chính vô sản là sự thống trị của giai cấp vô sản đối với giai cấp tư sản;

* Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 28, tr. 269. *(B.T.)*

c) Chính quyền xô-viết là hình thức Nhà nước của chuyên chính vô sản.

1. *Chuyên chính vô sản là công cụ của cách mạng vô sản.* Vấn đề chuyên chính vô sản, trước hết, là vấn đề nội dung cơ bản của cách mạng vô sản. Cách mạng vô sản, sự tiến triền của nó, quy mô của nó, những thành quả của nó chỉ thể hiện được cụ thể là nhờ chuyên chính vô sản. Chuyên chính vô sản là công cụ, là cơ quan, là chỗ dựa quan trọng nhất của cách mạng vô sản, nó sinh ra, một là để đè bẹp sức phản kháng của bọn bóc lột đã bị lật đổ và để củng cố những thành quả của chuyên chính vô sản và hai là để đưa cách mạng vô sản đi đến cùng, đưa cách mạng đến thắng lợi hoàn toàn của chủ nghĩa xã hội. Chiến thắng giai cấp tư sản, lật đổ chính quyền của nó, cách mạng có thể làm được những việc đó mà không cần đến chuyên chính vô sản. Nhưng đè bẹp sự phản kháng của giai cấp tư sản, duy trì thắng lợi và tiến đến thắng lợi cuối cùng của chủ nghĩa xã hội lại là những việc mà cách mạng sẽ không thể nào làm được, nếu như, đến một mức độ phát triển nào đó, nó không lập ra một cơ quan đặc biệt dưới hình thức chuyên chính vô sản làm chỗ dựa cơ bản cho mình.

«Vấn đề chính quyền là vấn đề cơ bản của tất cả mọi cuộc cách mạng» *(Lê-nin).* Như thế phải chăng có nghĩa là ở đây người ta chỉ việc nắm lấy chính quyền, đoạt lấy chính quyền là đủ rồi hay sao? Hiển nhiên là không. Nắm được chính quyền chỉ mới là bước đầu của nhiệm vụ. Giai cấp tư sản bị lật đổ trong một nước, nhưng trong một thời gian lâu dài — vì nhiều lẽ — vẫn còn mạnh hơn giai cấp vô sản đã lật đổ nó. Cho nên toàn bộ vấn đề là ở chỗ giữ chính quyền, củng cố chính quyền, làm cho chính quyền trở nên vô địch. Phải làm gì để đạt mục đích ấy? Ít nhất là phải làm tròn ba

nhiệm vụ chủ yếu đặt ra cho chuyên chính vô sản, «ngay sau» ngày thắng lợi của cách mạng:

a) đập tan sự phản kháng của bọn địa chủ và tư bản đã bị cách mạng lật đồ và tước đoạt, tiêu trừ tất cả những mưu toan của chúng muốn khôi phục lại chính quyền của tư bản;

b) tổ chức công cuộc kiến thiết bằng cách tập hợp tất cả những người lao động xung quanh giai cấp vô sản, và tiến hành công tác ấy theo hướng chuẩn bị tiêu trừ, xóa bỏ các giai cấp;

c) vũ trang cho cách mạng, tổ chức quân đội của cách mạng để đấu tranh chống những kẻ thù bên ngoài, để đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc.

Để thực hiện, hoàn thành những nhiệm vụ ấy, cần có chuyên chính vô sản.

Lê-nin nói:

« Bước quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản là, cả một thời đại lịch sử. Chừng nào mà thời đại đó chưa chấm dứt thì bọn bóc lột nhất định vẫn còn nuôi hy vọng hồi phục, *hy vọng* này sẽ biến thành *những hành động mưu toan* hồi phục. Sau cuộc thất bại nặng nề lần đầu, bọn bóc lột vốn không hề ngờ rằng chúng sẽ bị đánh đổ, không mảy may tin rằng sẽ như thế và không hề muốn nghĩ đến chuyện đó, nên chúng lao mình vào trận chiến đấu với một nghị lực tăng gấp mười lần, với một nhiệt tình cuồng dại, với một lòng căm thù tăng gấp trăm lần, để chiếm lại cái «thiên đường» đã mất, cho gia đình của chúng trước kia đã từng sống một cuộc đời rất êm ấm, mà ngày nay đang bị «đám dân đen» buộc phải lâm vào cảnh phá sản và bần cùng (hay buộc phải lao động «hèn hạ»...). Và đằng sau bọn tư bản bóc lột đó, là quảng đại quần chúng tiểu tư sản, tầng lớp mà hàng chục năm kinh nghiệm lịch sử ở tất cả các nước đã chứng tỏ rằng họ ngập ngừng và dao động, hôm nay thì đi theo giai cấp vô sản và ngày mai,

vì sợ những khó khăn của cách mạng, và hễ thấy công nhân mới thất bại hoặc thất bại một nửa, thì đâm ra hoảng hốt, cuống cuồng, khóc lóc, chạy hết phe này sang phe khác» (xem tập XXIII, tr. 355)*.

Giai cấp tư sản mưu toan hồi phục vì những lý do của nó, vì sau khi bị lật đổ, trong một thời gian lâu dài, nó vẫn còn mạnh hơn giai cấp vô sản đã lật đổ nó.

Lê-nin nói:

«Nếu bọn bóc lột chỉ bị đánh đổ trong độc một nước thôi,— dĩ nhiên đấy là trường hợp điển hình, vì cách mạng đồng thời nổ ra ở nhiều nước là một ngoại lệ hiếm có,— thì *tuy vậy*, chúng cũng vẫn còn *mạnh hơn* những người bị bóc lột» (*như trên*, tr. 354)**.

Lực lượng của giai cấp tư sản đã bị lật đổ, là ở chỗ nào?

Một là, «ở lực lượng của tư bản quốc tế, ở những mối liên lạc quốc tế mạnh mẽ và vững chắc của giai cấp tư sản» (xem tập XXV. tr. 173)***.

Hai là, ở chỗ «một thời gian lâu sau cách mạng, bọn bóc lột tất nhiên vẫn còn giữ được nhiều ưu thế thực tế và đáng kể: chúng còn có tiền bạc (không thể xóa bỏ điều đó ngay một lúc được), còn có một số động sản nào đó, thường là to lớn; chúng còn có những mối liên hệ, những kỹ năng tổ chức và quản lý, còn có sự hiểu biết về tất cả mọi «bí quyết» trong việc quản lý (như tập quán, phương pháp, thủ đoạn, khả năng); chúng vẫn còn có một trình độ học vấn cao hon, còn những quan hệ gần gũi với những nhân viên kỹ thuật cao cấp (những người này, do đời sống và tư tưởng của họ, họ vẫn có tính chất tư sản); chúng còn có một kinh nghiệm vô cùng cao hơn về mặt nghệ thuật quân sự (đó là điều rất quan trọng), v.v., v.v.» (xem tập XXIII, tr. 354)****.

---

* Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập* tiếng Nga xuất bản lần thứ tư, tập 28, tr. 236. *(B.T.)*

** Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga xuất bản lần thứ tư, tập 28, tr. 232. *(B.T.)*

*** Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga xuất bản lần thứ tư, tập 31, tr. 7. *(B.T.)*

**** Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 28, tr. 232. *(B.T.)*

Ba là *« ở sức mạnh của tập quán*, ở sức mạnh của nền *tiểu sản xuất*, vì rủi thay, hiện nay trên thế giới, nền tiểu sản xuất đang còn chiếm phần hết sức, hết sức lớn; mà nền tiểu sản xuất thì lại từng ngày, từng giờ, luôn luôn *đẻ ra* chủ nghĩa tư bản và giai cấp tư sản, một cách tự phát và trên những quy mô rộng lớn»... vì «xóa bỏ các giai cấp không phải chỉ là tống cổ bọn địa chủ và tư bản đi, — đối với chúng ta, việc này tương đối dễ — mà còn phải *xóa bỏ tầng lớp những người tiểu sản xuất hàng hóa* nữa; nhưng đối với những người này thì *không thể tống cổ họ đi được*, không thể đè bẹp họ, *mà phải ăn ở thuận hòa* với họ. Chúng ta có thể (và phải) cải tạo họ, giáo dục lại họ, — nhưng chỉ bằng một công tác tổ chức rất lâu dài, rất chậm và rất thận trọng» (xem tập XXV, tr. 173 và 189)*.

Bởi vậy, Lê-nin nói rằng :

«Chuyên chính vô sản là cuộc chiến tranh anh dũng nhất và quyết liệt nhất của giai cấp mới chống một kẻ thù *mạnh hơn*, chống giai cấp tư sản là giai cấp có một sức phản kháng tăng lên *gấp bội* vì nó bị lật đổ»,

rằng «chuyên chính vô sản là một cuộc đấu tranh ngoan cường, đổ máu và không đổ máu, bạo lực và hòa bình, bằng quân sự và kinh tế, bằng giáo dục và hành chính, chống những thế lực và tập tục của xã hội cũ» (*như trên*, tr. 173 và 190)**.

Không cần phải chứng minh cũng thấy rằng tuyệt đối không thể hoàn thành được những nhiệm vụ ấy trong một thời hạn ngắn, không thể thực hiện được tất cả những điều đó trong vòng vài năm. Cho nên phải coi chuyên chính vô sản, tức là bước quá độ từ chủ nghĩa tư bản tiến lên chủ nghĩa cộng sản, không phải là một thời kỳ ngắn ngủi dùng những pháp lệnh và những sắc lệnh «rất mực cách mạng», mà là cả một thời đại lịch sử đầy rẫy những cuộc nội chiến và những

---

* Xem V. I. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Nga xuất bản lần thứ tư, tập 31, tr. 7-8 và 26-27. *(B.T.)*

** *Như trên*, tr. 7 và 27. *(B.T.)*

cuộc xung đột với bên ngoài, đầy rẫy công tác kiên trì về tổ chức và kiến thiết kinh tế, đầy rẫy những cuộc tấn công và thoái thủ, những thắng lợi và thất bại. Thời đại lịch sử này là tất yếu, không những để tạo ra những tiền đề kinh tế và văn hóa cho thắng lợi hoàn toàn của chủ nghĩa xã hội, mà còn để giúp cho giai cấp vô sản, một là tự giáo dục và tự tôi luyện thành một lực lượng có thể lãnh đạo nước nhà; hai là giáo dục lại và cải tạo các tầng lớp tiểu tư sản theo hướng bảo đảm việc tổ chức nền sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Mác đã nói với công nhân:

«Các bạn sẽ phải trải qua mười lăm, hai mươi, năm mươi năm nội chiến và chiến tranh giữa các dân tộc, không những để thay đổi các quan hệ hiện có, mà còn để thay đổi ngay cả bản thân các bạn nữa và để làm cho các bạn có đủ sức tiến hành sự thống trị về chính trị» (C. Mác và F. Ăng-ghen: *Toàn tập*, tập VIII, tr. 506).

Tiếp tục và phát triển tư tưởng này của Mác, Lê-nin viết:

«Dưới nền chuyên chính vô sản, sẽ phải giáo dục lại hàng triệu nông dân, tiểu chủ, hàng chục vạn nhân viên, công chức, trí thức tư sản, làm cho tất cả những người ấy phục tùng Nhà nước vô sản và chịu quyền lãnh đạo vô sản, sẽ phải chiến thắng những thói quen và truyền thống tư sản của họ» cũng như là phải «... trải qua một cuộc đấu tranh lâu dài, trên cơ sở chuyên chính vô sản, mà tiến hành giáo dục lại ngay cả những người vô sản nữa, vì chính ngay những người vô sản cũng không thể bỗng chốc mà gột rửa ngay được những thiên kiến tiểu tư sản của họ, bằng phép mầu, bằng mệnh lệnh của Đức bà, bằng mệnh lệnh của một khẩu hiệu, của một nghị quyết, một sắc lệnh, mà chỉ có trải qua một cuộc đấu tranh quần chúng, lâu dài và khó khăn, chống lại ảnh hưởng của quần chúng tiểu tư sản, mới gột rửa được» (xem tập XXV, tr. 248 và 247)*.

* Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 31, tr. 95 - 96 và 94. ***(B.T.)***

2. *Chuyên chính vô sản là sự thống trị của giai cấp vô sản đối với giai cấp tư sản.* Những điều chúng ta đã nói chứng tỏ rằng chuyên chính vô sản không phải là một cuộc thay đổi thông thường những người trong chính phủ, không phải là một cuộc thay đổi «nội các», v.v. mà vẫn giữ y nguyên chế độ kinh tế và chính trị cũ. Bọn men-sê-vích và bọn cơ hội chủ nghĩa ở tất cả các nước sợ chuyên chính như sợ lửa, và vì khiếp sợ nên chúng đem khái niệm «giành chính quyền» thay thế vào khái niệm chuyên chính, thường cho việc «giành chính quyền» chỉ là một cuộc «thay đổi nội các», chỉ là sự xuất hiện trong chính quyền một nội các mới gồm những người như Sây-đơ-man và Nô-scơ, Mác-Đô-nan và Hen-đéc-xơn. Không cần phải chứng minh cũng thấy rằng những việc thay đổi nội các như thế và những việc thay đổi khác tương tự, đều không có gì giống với chuyên chính vô sản cả, với việc giai cấp vô sản chân chính giành chính quyền chân chính cả. Bọn Mác-Đô-nan và Sây-đơ-man mà chấp chính, thì chế độ cũ của giai cấp tư sản vẫn được duy trì, những cái mà chúng gọi là chính phủ của chúng chẳng qua chỉ là một bộ máy phục vụ giai cấp tư sản, một sự che đậy những ung nhọt của chủ nghĩa đế quốc, một công cụ trong tay giai cấp tư sản chống phong trào cách mạng của quần chúng bị áp bức và bị bóc lột. Tư bản cần đến chính những chính phủ ấy để làm bình phong, khi mà không có bình phong ấy thì nó không thể áp bức và bóc lột quần chúng một cách thuận tiện, có lợi và dễ dàng được. Thật vậy, sự xuất hiện những chính phủ như thế là một dấu hiệu chứng tỏ rằng «ở đó» (nghĩa là trong bọn tư bản), ở «trên đèo Síp-ca», mọi việc chẳng phải đều yên ổn cả đâu, nhưng mặc dầu thế, những chính phủ thuộc loại ấy tất nhiên vẫn cứ là những chính phủ của Tư bản hóa trang đi mà thôi. Từ một chính phủ Mác-Đô-nan hoặc Sây-đơ-man đến việc giai cấp vô sản giành chính quyền, thật là xa cách một trời một vực. Chuyên chính vô sản không

phải là một sự thay đổi chính phủ, mà là một Nhà nước mới với những cơ quan chính quyền mới ở trung ương và địa phương, Nhà nước của giai cấp vô sản, xuất hiện trên cảnh đổ nát của Nhà nước cũ, của Nhà nước của giai cấp tư sản.

Chuyên chính vô sản xuất hiện không phải trên cơ sở của chế độ tư sản, mà xuất hiện trong quá trình phá hủy chế độ ấy, sau khi đã lật đổ giai cấp tư sản, trong quá trình tước đoạt tài sản của bọn địa chủ và tư bản, trong quá trình xã hội hóa các công cụ và tư liệu sản xuất chủ yếu, trong quá trình tiến hành cách mạng vô sản bằng bạo lực. Chuyên chính vô sản là một chính quyền cách mạng, dựa vào việc dùng bạo lực đối với giai cấp tư sản.

Trong tay giai cấp thống trị, Nhà nước là một bộ máy dùng để đè bẹp sự phản kháng của những kẻ thù giai cấp của nó. *Về phương diện ấy*, đứng về mặt thực chất mà nói, thì chuyên chính vô sản cũng không khác gì chuyên chính của bất cứ giai cấp nào khác, bởi vì Nhà nước vô sản là một bộ máy dùng để đè bẹp giai cấp tư sản. Nhưng ở đây, vẫn có một sự khác nhau *về bản chất*. Tức là tất cả các Nhà nước giai cấp vốn có từ trước đến nay đều là chuyên chính của thiểu số bóc lột đối với đa số bị bóc lột, còn chuyên chính vô sản là chuyên chính của đa số bị bóc lột đối với thiểu số bóc lột.

Tóm lại: *chuyên chính vô sản là sự thống trị của giai cấp vô sản đối với giai cấp tư sản, sự thống trị không bị pháp luật hạn chế, nó dựa vào bạo lực và được sự đồng tình và ủng hộ của quần chúng cần lao và quần chúng bị bóc lột* (Lê-nin: *Nhà nước và cách mạng*).

Do đó, rút ra hai kết luận căn bản:

Kết luận thứ nhất. Chuyên chính vô sản không thể là nền dân chủ «hoàn toàn», nền dân chủ cho *hết thảy mọi người*, cho cả người giàu lẫn người nghèo; chuyên chính vô sản «phải là một Nhà nước dân chủ *theo một lối mới (đối với** những người vô sản và những người bần cùng nói chung) và

* Do tôi viết ngả. *J.Sta-lin.*

phải là chuyên chính *theo một lối mới (chống** giai cấp tư sản)» (xem tập XXI, tr. 393)**. Những luận điệu của Cau-sky và đồng bọn về quyền bình đẳng giữa tất cả mọi người, về dân chủ «thuần túy», về dân chủ «hoàn toàn» v.v., chỉ là hành động của giai cấp tư sản che giấu sự thật hiển nhiên là không thể có bình đẳng giữa những người bị bóc lột và những kẻ bóc lột được. Thuyết dân chủ «thuần túy» là thuyết của bọn công nhân quý tộc đã được bọn kẻ cướp đế quốc chủ nghĩa huấn luyện và nuôi dưỡng. Thuyết đó được nặn ra để che đậy những ung nhọt của chủ nghĩa tư bản, để làm cho chủ nghĩa đế quốc bớt kinh tởm đi và để tạo cho chúng một sức mạnh tinh thần trong cuộc đấu tranh chống quần chúng bị bóc lột. Dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, những người bị bóc lột không có và cũng không thể có được những «quyền tự do» thực sự, ít ra thì cũng là vì các trụ sở, các nhà in, các kho giấy v.v., cần cho việc sử dụng các «quyền tự do» ấy, đều thuộc đặc quyền của bọn bóc lột. Dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, không có và cũng không thể có được sự tham dự thực sự của quần chúng bị bóc lột vào việc quản lý đất nước, ít ra thì cũng là vì trong những điều kiện của chủ nghĩa tư bản, ngay cả dưới chế độ dân chủ nhất, các chính phủ đều không phải do dân chúng mà do bọn Rốt-sin và Sti-nét, bọn Rốc-cơ-phe-lơ và Moóc-gan thiết lập ra. Dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, nền dân chủ là dân chủ *tư bản chủ nghĩa*, dân chủ của thiểu số bóc lột, dựa trên sự hạn chế quyền của đa số bị bóc lột và chống lại đa số ấy. Chỉ có dưới nền chuyên chính vô sản, những người bị bóc lột mới có thể có được những quyền tự do thực sự, vô sản và nông dân mới có thể thực sự được tham gia quản lý đất nước. Dưới nền chuyên chính vô sản, dân chủ là dân chủ *vô sản*, tức là dân chủ của đa số

---

* Do tôi viết ngả. *J. Sta-lin.*

** Xem V. I. Lê-nin: *(Toàn tập)*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 25, tr. 481. *(B.T.)*

bị bóc lột, dựa trên sự hạn chế quyền của thiểu số bóc lột, và chống lại thiểu số ấy.

Kết luận thứ hai. Chuyên chính vô sản không thể là kết quả của sự phát triển hòa bình của xã hội tư sản và của nền dân chủ tư sản được, — chuyên chính đó chỉ có thể là kết quả của sự phá hủy bộ máy Nhà nước tư sản, quân đội tư sản, bộ máy hành chính tư sản, cảnh sát tư sản.

Trong bài tựa *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản,* Mác và Ăng-ghen nói:

«Giai cấp công nhân không thể chỉ giản đơn chiếm lấy bộ máy Nhà nước sẵn có và dùng nó để đạt những mục đích của mình». Trong một bức thư gửi cho Cu-ghen-man hồi 1871, Mác viết rằng cách mạng vô sản không được «...đem bộ máy quan liêu và quân phiệt chuyển từ tay này qua tay khác, như từ trước đến nay người ta vẫn làm, *mà phải đập tan nó đi*... đấy là điều kiện tiên quyết cho bất cứ cuộc cách mạng thực sự nhân dân nào trên lục địa»[29].

Việc Mác nói hạn chế trong khuôn khổ lục địa là một cớ cho bọn cơ hội chủ nghĩa và bọn men-sê-vích ở tất cả các nước vin vào mà la lớn lên rằng Mác thừa nhận có khả năng phát triển hòa bình nền dân chủ tư sản thành nền dân chủ vô sản, ít ra là cho một số nước không thuộc lục địa châu Âu (Anh, Mỹ). Thật thế, Mác đã thừa nhận khả năng ấy và ông có lý do để thừa nhận như thế đối với Anh và Mỹ trong những năm 1870 - 1880 là thời kỳ chưa có chủ nghĩa tư bản lũng đoạn, chưa có chủ nghĩa đế quốc, và ở những nước ấy, do những điều kiện phát triển đặc biệt, chủ nghĩa quân phiệt và chủ nghĩa quan liêu chưa phát triển. Trước khi có chủ nghĩa đế quốc phát triển, thì tình hình là như thế. Nhưng sau đó, ba chục hoặc bốn chục năm sau, khi tình hình các nước ấy đã thay đổi về căn bản, khi chủ nghĩa đế quốc đã phát triển và bao trùm tất cả các nước tư bản chủ nghĩa không trừ một nước nào cả, khi chủ nghĩa quân phiệt và chủ

nghĩa quan liêu cũng đã xuất hiện ở Anh và Mỹ và những điều kiện đặc biệt của sự phát triển hòa bình ở hai nước ấy không còn nữa, thì cách nói hạn chế đối với hai nước đó lẽ tự nhiên cũng không còn nữa.

Lê-nin nói:

« Ngày nay, trong năm 1917, vào thời kỳ đại chiến đế quốc chủ nghĩa lần thứ nhất, cách nói hạn chế đó của Mác không còn hiệu lực nữa. Nước Anh cũng như nước Mỹ, tức là những đại biểu lớn nhất và những đại biểu cuối cùng — trên toàn thế giới — của «nền tự do» An-gơ-lô-xắc-xôn, (không có chế độ quân phiệt và quan liêu), đã hoàn toàn sa vào vũng bùn lầy lụa, đẫm máu, kiểu châu Âu, tức là vũng bùn những cơ quan quân phiệt và quan liêu đang bắt hết thảy phải lệ thuộc vào chúng và đè bẹp tất cả. Giờ đây, ở Anh cũng như ở Mỹ, «điều kiện tiên quyết cho bất cứ cuộc cách mạng thật sự nhân dân nào» đều là *phá hoại, phá hủy* «bộ máy Nhà nước sẵn có», (đã được nâng lên ở các nước đó, từ năm 1914 đến năm 1917, đến một trình độ hoàn bị «kiểu châu Âu», đến một trình độ hoàn bị chung của chủ nghĩa đế quốc)» (xem tập XXI, tr. 395)*.

Nói cách khác, quy luật cách mạng bạo lực của giai cấp vô sản, tức là quy luật phá hủy bộ máy Nhà nước tư sản, được coi là điều kiện tiên quyết của một cuộc cách mạng như thế, là quy luật tất yếu của phong trào cách mạng ở các nước đế quốc chủ nghĩa trên thế giới.

Dĩ nhiên, trong một tương lai xa xôi, nếu giai cấp vô sản thắng trong các nước tư bản chủ nghĩa chủ yếu và nếu vòng vây tư bản chủ nghĩa hiện nay nhường chỗ cho vòng vây xã hội chủ nghĩa thì con đường phát triển «hòa bình» là hoàn toàn có thể thực hiện được đối với một số nước tư bản chủ nghĩa nào đó, mà trước tình hình quốc tế «bất lợi», bọn tư

---

* Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 25, tr. 484. *(B.T.)*

bản ở đấy sẽ thấy rằng «hoàn toàn tự nguyện» chịu những nhượng bộ quan trọng đối với giai cấp vô sản là điều hợp lý. Nhưng giả thuyết ấy chỉ thuộc về một tương lai xa xôi và có thể xảy đến mà thôi. Còn đối với tương lai gần đây, thì giả thuyết ấy không có, tuyệt nhiên không có chút căn cứ nào cả.

Bởi vậy, Lê-nin đã có lý, khi Người nói:

«Cách mạng vô sản không thể có được, nếu không dùng bạo lực mà phá hủy bộ máy Nhà nước tư sản và thay thế nó bằng một bộ máy mới» (xem tập XXIII, tr. 342)*.

3. *Chính quyền xô-viết là hình thức Nhà nước của chuyên chính vô sản.* Sự thắng lợi của chuyên chính vô sản có nghĩa là sự đè bẹp giai cấp tư sản, phá hủy bộ máy Nhà nước tư sản, thay thế nền dân chủ tư sản bằng nền dân chủ vô sản. Điều ấy thật là rõ ràng. Nhưng cần phải dựa vào những tổ chức nào mới có thể hoàn thành được công tác rất lớn lao ấy? Những hình thức tổ chức cũ của giai cấp vô sản, những hình thức tổ chức đã phát triển trên cơ sở chế độ đại nghị tư sản, đều không đủ để làm công tác ấy nữa, điều này không còn có gì nghi ngờ được cả. Vậy thì những hình thức tổ chức mới nào của giai cấp vô sản có thể đóng vai trò người đào huyệt chôn bộ máy Nhà nước tư sản, có thể không những đập tan bộ máy ấy và thay thế nền dân chủ tư sản bằng nền dân chủ vô sản, mà lại còn trở thành cơ sở của chính quyền Nhà nước vô sản nữa?

Xô-viết là hình thức tổ chức mới ấy của giai cấp vô sản.

So với các hình thức tổ chức cũ, thì sức mạnh của các Xô-viết là ở chỗ nào?

* Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 28, tr. 217. (*B.T.*)

Chính là ở chỗ các Xô-viết là những tổ chức quần chúng *rộng rãi* nhất của giai cấp vô sản, vì các Xô-viết và chỉ có các Xô-viết mới bao gồm được tất cả các công nhân không trừ một người nào cả.

Chính là ở chỗ các Xô-viết là những tổ chức quần chúng *duy nhất* có thể đoàn kết được hết thảy mọi người bị áp bức và bị bóc lột, công nhân và nông dân, bộ binh và thủy binh, và vì lẽ đó, cho nên trong các tổ chức ấy, đội tiên phong của quần chúng, tức là giai cấp vô sản, có thể thực hiện được dễ dàng và đầy đủ nhất quyền lãnh đạo chính trị của mình trong cuộc đấu tranh của quần chúng.

Chính là ở chỗ các Xô-viết là những *cơ quan mạnh mẽ nhất* của cuộc đấu tranh cách mạng của quần chúng, của hoạt động chính trị của quần chúng, của cuộc khởi nghĩa của quần chúng, những cơ quan có khả năng đập tan được quyền lực vô hạn của tư bản tài chính và các tổ chức chính trị phụ thuộc vào tư bản tài chính đó.

Chính là ở chỗ các Xô-viết là những tổ chức *trực tiếp* của bản thân quần chúng, nghĩa là những tổ chức *dân chủ nhất* và, do đó, là những cơ quan có uy tín nhất đối với quần chúng, hết sức tạo điều kiện dễ dàng cho quần chúng tham dự vào việc tổ chức và quản lý Nhà nước mới, và phát huy đến mức tối đa, năng lực cách mạng, óc sáng kiến, năng khiếu sáng tạo của quần chúng đang đấu tranh để phá hủy chế độ cũ, đang đấu tranh để thiết lập chế độ mới, chế độ vô sản.

Chính quyền xô-viết là sự thống nhất và tổ chức các Xô-viết địa phương thành một tổ chức Nhà nước duy nhất, thành một tổ chức Nhà nước của giai cấp vô sản, tức là đội tiên phong của quần chúng bị áp bức và bị bóc lột và là giai

cấp thống trị, — là sự thống nhất các Xô-viết địa phương thành một nước Cộng hòa xô-viết.

Thực chất của Chính quyền xô-viết là ở chỗ các tổ chức quần chúng — rộng rãi nhất và cách mạng nhất — của chính những giai cấp trước kia đã bị bọn tư bản và địa chủ áp bức, mà hiện nay, là «cơ sở *cố định và duy nhất** của toàn bộ quyền lực Nhà nước, của toàn thể bộ máy Nhà nước»; là ở chỗ «chính những quần chúng ở ngay cả những nước cộng hòa tư sản dân chủ nhất», trước kia được bình đẳng về mặt pháp luật, nhưng thật ra thì «đã bị người ta dùng hàng nghìn thủ đoạn và mưu kế để làm cho không được tham dự vào sinh hoạt chính trị và không được hưởng các quyền lợi và các quyền tự do dân chủ, — thì ngày nay họ lại có nhiệm vụ tham gia việc quản lý dân chủ Nhà nước một cách *thường xuyên** và tất yếu, do đó mà có một *tác dụng quyết định*» (xem tập XXIV, tr. 13)**.

Bởi vậy, Chính quyền xô-viết là một *hình thức mới* của tổ chức Nhà nước, khác hẳn, về mặt nguyên tắc, với hình thức dân chủ -tư sản và đại nghị cũ; đó là một Nhà nước *kiểu mới* không thích hợp với mục đích bóc lột và áp bức quần chúng lao động, mà lại thích hợp với mục đích hoàn toàn giải phóng họ khỏi mọi sự áp bức và bóc lột, với những nhiệm vụ của chuyên chính vô sản.

Lê-nin đã có lý, khi Người nói rằng sự xuất hiện của Chính quyền xô-viết «chứng tỏ rằng thời đại của chế độ đại nghị dân chủ - tư sản đã chấm dứt, một chương mới trong lịch sử thế giới đã bắt đầu: thời đại của chuyên chính vô sản».

Những đặc điểm của Chính quyền xô-viết là ở chỗ nào?

---

* Do tôi viết ngả: *J.Sta-lin.*

** Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập* tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 28, tr. 443. *(B.T.)*

Ở chỗ Chính quyền xô-viết là một tổ chức Nhà nước có tính chất quần chúng nhiều nhất và dân chủ nhất trong tất cả các tổ chức Nhà nước có thể có được trong điều kiện giai cấp còn tồn tại; vì khi đã là một vũ đài cho sự liên minh và sự hợp tác của công nhân và nông dân bị bóc lột trong cuộc đấu tranh chống bọn bóc lột và khi đã dựa vào sự liên minh và hợp tác ấy mà hoạt động, thì chính vì thế mà Chính quyền xô-viết là chính quyền của đa số dân cư thống trị thiểu số, là Nhà nước của đa số ấy, là biểu hiện của nền chuyên chính của đa số ấy.

Ở chỗ Chính quyền xô-viết là một tổ chức có tính chất quốc tế nhất trong tất cả các tổ chức Nhà nước của xã hội có giai cấp, vì khi đã xóa bỏ mọi sự áp bức dân tộc và dựa vào sự hợp tác của quần chúng lao động thuộc nhiều dân tộc khác nhau, thì chính vì thế, Chính quyền xô-viết tạo điều kiện dễ dàng cho sự tập hợp các quần chúng ấy thành một Nhà nước thống nhất duy nhất.

Ở chỗ Chính quyền xô-viết, do chính cơ cấu của nó, nên nó tạo điều kiện thuận tiện cho sự lãnh đạo quần chúng bị áp bức và bị bóc lột; tiến hành sự lãnh đạo này, là do đội tiền phong của quần chúng ấy, là do giai cấp vô sản, hạt nhân cố kết nhất và giác ngộ nhất của các Xô-viết.

Lê-nin nói: «Kinh nghiệm của tất cả các cuộc cách mạng và của tất cả các phong trào của những giai cấp bị áp bức, kinh nghiệm của phong trào xã hội chủ nghĩa toàn thế giới dạy chúng ta rằng chỉ có giai cấp vô sản mới có đủ sức tập hợp và lãnh đạo những tầng lớp rải rác và lạc hậu của dân chúng cần lao và bị bóc lột» (xem tập XXIV, tr. 14)*. Vấn đề là ở chỗ cơ cấu của Chính quyền xô-viết khiến cho có thể áp dụng dễ dàng những bài học của kinh nghiệm ấy.

---

* Xem V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 28, tr 444. *(B.T.)*

Ở chỗ Chính quyền xô-viết, khi kết hợp các quyền lập pháp và hành pháp thành một tổ chức Nhà nước duy nhất, và khi thay thế những khu vực tuyển cử địa phương bằng những đơn vị sản xuất, — các công xưởng và nhà máy, — là đã trực tiếp liên kết công nhân và nói chung quần chúng lao động với bộ máy quản lý Nhà nước, và đã dạy cho họ biết quản lý đất nước.

Ở chỗ chỉ có Chính quyền xô-viết mới có khả năng giải thoát được quân đội khỏi sự lệ thuộc vào bọn chỉ huy tư sản, và biến quân đội ấy, từ chỗ là công cụ áp bức nhân dân dưới chế độ tư sản, thành công cụ giải phóng nhân dân khỏi ách của giai cấp tư sản nước mình và giai cấp tư sản nước ngoài.

Ở chỗ chỉ có «Tổ chức Nhà nước xô-viết mới có thể thực sự đập tan được tức khắc và phá hủy hoàn toàn bộ máy cũ, nghĩa là bộ máy quan liêu và tư pháp tư sản» *(như trên)**.

Ở chỗ chỉ có hình thức Nhà nước xô-viết, hình thức làm cho các tổ chức quần chúng lao động và bị áp bức tham dự một cách thường xuyên và hoàn toàn vào việc quản lý Nhà nước, mới có khả năng chuẩn bị cho Nhà nước tiêu vong, sự tiêu vong ấy là một trong những nhân tố cơ bản của xã hội tương lai không có Nhà nước, của xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Vậy Cộng hòa xô-viết là một hình thức chính trị mà người ta đã tìm kiếm và cuối cùng đã tìm ra; trong khuôn khổ của hình thức ấy, tất phải thực hiện được sự giải phóng kinh tế cho giai cấp vô sản, sự thắng lợi hoàn toàn của chủ nghĩa xã hội.

Trước kia, Công xã Pa-ri là sự phôi thai của hình thức ấy. Hiện nay Chính quyền xô-viết là sự phát triển và hoàn thành của hình thức đó.

---

* Xem V. I. Lê-nin : *Toàn tập* tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 28, tr. 444. *(B.T.)*

Bởi vậy, Lê-nin nói :

«Cộng hòa xô-viết đại biểu công nhân, binh sĩ và nông dân không những là một hình thức cao hơn của thiết chế dân chủ..., mà còn là hình thức *duy nhất** có khả năng đảm bảo được việc chuyển lên chủ nghĩa xã hội một cách ít đau đớn nhất» (xem tập XXII, tr. 131)**.

V

VẤN ĐỀ NÔNG DÂN

Về đề mục này, tôi sẽ chú trọng bốn vấn đề :

a) cách đặt vấn đề ;

b) nông dân trong thời kỳ cách mạng tư sản ;

c) nông dân trong thời kỳ cách mạng vô sản ;

d) nông dân sau khi Chính quyền xô-viết đã được củng cố.

1. *Cách đặt vấn đề.* Có người nghĩ rằng vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Lê-nin là vấn đề nông dân, rằng điểm xuất phát của chủ nghĩa Lê-nin là vấn đề nông dân, vấn đề vai trò và tầm quan trọng của nông dân. Như thế là hoàn toàn sai. Vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Lê-nin, điểm xuất phát của chủ nghĩa Lê-nin không phải là vấn đề nông dân, mà là vấn đề chuyên chính vô sản, vấn đề điều kiện giành lấy chuyên chính vô sản, điều kiện củng cố chuyên chính vô sản. Vấn đề nông dân, tức là vấn đề bạn đồng minh của giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh giành chính quyền, là một vấn đề do vấn đề chuyên chính vô sản mà ra.

Tuy nhiên, tình hình đó vẫn không làm cho vấn đề nông dân mất ý nghĩa trọng đại và bức thiết mà nó nhất định có đối với cách mạng vô sản. Người ta biết rằng những nhà mác-xít

---

* Do tôi viết ngả: *J. Sta-lin.*

** Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 26, tr. 427. *(B.T.)*

Nga đã bắt đầu thực sự nghiên cứu vấn đề nông dân ngay từ lúc cách mạng Nga lần thứ nhất (1905) sắp bùng nổ, khi mà vấn đề lật đổ chế độ Nga hoàng và sự thực hiện quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản đã được đặt ra trước đảng, với tất cả ý nghĩa trọng đại của nó, và khi mà vấn đề bạn đồng minh của giai cấp vô sản trong cách mạng tư sản sắp bùng nổ đã có một tính chất hết sức bức thiết. Người ta cũng biết rằng trong thời kỳ cách mạng vô sản, khi mà vấn đề chuyên chính vô sản, vấn đề giành lấy và duy trì chuyên chính vô sản đã dẫn đến vấn đề những bạn đồng minh của giai cấp vô sản trong cuộc cách mạng vô sản sắp bùng nổ, thì vấn đề nông dân ở Nga càng có tính chất bức thiết hơn nữa. Và điều đó thật là dễ hiểu: kẻ nào tiến tới và chuẩn bị cướp chính quyền, tất phải quan tâm đến vấn đề tìm xem những ai là đồng minh chân chính của mình.

Theo ý nghĩa ấy, vấn đề nông dân là một bộ phận của vấn đề chung về chuyên chính vô sản, và do đó là một trong những vấn đề rất bức thiết của chủ nghĩa Lê-nin.

Việc các đảng trong Quốc tế II tỏ ra có thái độ lãnh đạm hoặc thậm chí có thái độ rõ rệt phủ nhận vấn đề nông dân, không phải chỉ giản đơn do những điều kiện đặc biệt của sự phát triển ở phương Tây gây ra. Trước hết, đó là do các đảng ấy không tin tưởng ở chuyên chính vô sản, sợ cách mạng và không nghĩ đến việc đưa giai cấp vô sản lên nắm chính quyền. Hơn nữa, kẻ nào sợ cách mạng, kẻ nào không muốn đưa giai cấp vô sản lên nắm chính quyền, thì không thể thiết tha với vấn đề bạn đồng minh của giai cấp vô sản trong cách mạng được, — đối với kẻ ấy, vấn đề bạn đồng minh là một vấn đề dửng dưng, không có tính chất bức thiết gì cả. Thái độ mỉa mai của bọn anh hùng Quốc tế II đối với vấn đề nông dân, đã được các đảng ấy coi là biểu hiện của một thái độ đúng đắn, biểu hiện của chủ nghĩa Mác «chân chính». Thật ra, ở đấy không có một chút gì là chủ nghĩa Mác cả, vì sự lãnh đạm

đối với một vấn đề quan trọng như vấn đề nông dân, giữa lúc cách mạng vô sản sắp bùng nổ, là một mặt khác của sự phủ nhận chuyên chính vô sản, một biểu hiện chắc chắn của sự phản bội trực tiếp đối với chủ nghĩa Mác.

Vấn đề đặt ra như thế này: những khả năng cách mạng tiềm tàng trong nông dân do những điều kiện đặc biệt trong sinh hoạt của họ, *đã được dùng hết* hay chưa, và nếu những khả năng ấy chưa dùng hết thì liệu có *hy vọng*, có *lý do* sử dụng những khả năng ấy *cho* cách mạng vô sản, biến nông dân, biến đa số những người bị bóc lột trong nông dân, từ chỗ trước kia trong các cuộc cách mạng tư sản ở phương Tây, vốn là lực lượng hậu bị của giai cấp tư sản, và ngày nay cũng vẫn là lực lượng hậu bị của giai cấp tư sản, — thành một lực lượng hậu bị, một bạn đồng minh của giai cấp vô sản không?

Đối với vấn đề ấy, chủ nghĩa Lê-nin trả lời là có; nghĩa là thừa nhận rằng đa số nông dân có những khả năng cách mạng và thừa nhận rằng có thể sử dụng những khả năng ấy cho lợi ích của chuyên chính vô sản.

Lịch sử ba cuộc cách mạng Nga hoàn toàn xác nhận những kết luận của chủ nghĩa Lê-nin về điểm ấy.

Do đó, rút ra được kết luận thực tiễn là cần phải ủng hộ quần chúng nông dân lao động trong cuộc đấu tranh của họ chống ách nô dịch và bóc lột, trong cuộc đấu tranh của họ để tự giải thoát khỏi áp bức và khốn cùng. Điều đó nhất định không có nghĩa là giai cấp vô sản phải ủng hộ *bất cứ* phong trào nào của nông dân. Nói ủng hộ ở đây là ủng hộ phong trào và cuộc đấu tranh nào của nông dân trực tiếp hoặc gián tiếp làm cho phong trào giải phóng giai cấp vô sản được dễ dàng, làm lợi cho cách mạng vô sản bằng cách này hay cách khác và góp phần biến nông dân thành lực lượng hậu bị và đồng minh của giai cấp công nhân.

2. Nông dân trong thời kỳ cách mạng dân chủ-tư sản. Thời kỳ này gồm khoảng thời gian từ cách mạng Nga lần thứ nhất

(1905) đến hết cách mạng Nga lần thứ hai (tháng Hai 1917). Đặc điểm của thời kỳ này là nông dân thoát khỏi ảnh hưởng của giai cấp tư sản tự do, *tách khỏi* bọn dân chủ-lập hiến mà *quay* về phía giai cấp vô sản, về phía đảng bôn-sê-vích. Lịch sử thời kỳ này là lịch sử đấu tranh giữa bọn dân chủ-lập hiến (giai cấp tư sản tự do) với những người bôn-sê-vích (giai cấp vô sản) để tranh thủ nông dân. Thời kỳ Đu-ma là thời kỳ đã quyết định vận mệnh của cuộc đấu tranh ấy, vì thời kỳ bốn Đu-ma là một bài học thiết thực cho nông dân, và bài học ấy đã chỉ cho nông dân thấy rằng họ sẽ không đời nào nhận được ruộng đất và tự do từ tay bọn dân chủ-lập hiến; rằng Nga hoàng hoàn toàn đứng về phía địa chủ, còn bọn dân chủ-lập hiến thì ủng hộ Nga hoàng, rằng lực lượng duy nhất mà họ có thể trông cậy được là công nhân thành thị, là giai cấp vô sản. Chiến tranh đế quốc chủ nghĩa chỉ xác nhận thêm những bài học của thời kỳ Đu-ma; chiến tranh đế quốc chủ nghĩa đã làm cho nông dân tách hẳn khỏi giai cấp tư sản và đã cô lập hẳn giai cấp tư sản tự do, vì những năm chiến tranh đã chứng tỏ rằng ai mà hy vọng rằng Nga hoàng và bọn đồng minh tư sản của Nga hoàng sẽ đem lại hòa bình thì thật là hoài công, thật là ảo tưởng biết bao. Không có những bài học thực tiễn trong thời kỳ Đu-ma, thì giai cấp vô sản không thể nắm quyền lãnh đạo được.

Liên minh công nông trong cách mạng dân chủ-tư sản đã hình thành như thế. Bá quyền (quyền lãnh đạo) của giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh chung để lật đổ chế độ Nga hoàng, bá quyền đưa đến cách mạng tháng Hai 1917, đã được thiết lập như thế.

Ai nấy đều biết rằng các cuộc cách mạng tư sản ở phương Tây (Anh, Pháp, Đức, Áo) đã đi theo một con đường khác. Ở đấy, giai cấp vô sản còn yếu ớt, không đại diện và không thể đại diện cho một lực lượng chính trị độc lập, nên quyền lãnh đạo trong cách mạng không thuộc về giai cấp vô sản,

mà lại thuộc về giai cấp tư sản tự do. Ở đấy, nông dân đã được giải thoát khỏi chế độ phong kiến, nhưng không phải do giai cấp vô sản, — vì giai cấp này, lúc đó, còn ít và chưa có tổ chức, — mà lại do giai cấp tư sản. Ở đấy, nông dân đã đi với giai cấp tư sản tự do để chống chế độ cũ. Ở đấy, nông dân là lực lượng hậu bị của giai cấp tư sản. Vì thế cho nên, ở đấy, kết quả là cách mạng đã tăng cường thế lực chính trị của giai cấp tư sản thêm khá nhiều.

Ở Nga, trái lại, cách mạng tư sản đã đem lại những kết quả ngược hẳn. Cách mạng Nga đã không tăng thêm sức mạnh cho giai cấp tư sản, mà còn làm cho nó suy yếu về phương diện là lực lượng chính trị; đã không tăng thêm lực lượng hậu bị chính trị của giai cấp tư sản, mà còn làm cho nó mất lực lượng hậu bị cơ bản, làm cho nó mất nông dân. Cách mạng tư sản ở Nga đã đưa giai cấp vô sản cách mạng, chứ không phải giai cấp tư sản tự do, lên hàng đầu và đã tập hợp đông đảo quần chúng nông dân xung quanh giai cấp vô sản.

Điều đó giải thích cho chúng ta hiểu tại sao cách mạng tư sản ở Nga, trong một thời gian tương đối ngắn, đã chuyển biến thành cách mạng vô sản. Quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản là mầm mống của chuyên chính vô sản, là bậc thang để bước lên chuyên chính vô sản.

Phải giải thích hiện tượng độc đáo ấy của cách mạng Nga, hiện tượng chưa từng có trong lịch sử các cuộc cách mạng tư sản phương Tây, như thế nào? Do đâu mà có tính chất độc đáo ấy?

Sở dĩ có hiện tượng độc đáo ấy là do cách mạng tư sản ở Nga đã diễn ra trong lúc những điều kiện đấu tranh giai cấp ở đấy đã phát triển hơn ở phương Tây; là do giai cấp vô sản Nga lúc đó đã có đủ thời giờ để trở thành một lực lượng chính trị độc lập, còn giai cấp tư sản tự do thì hoảng sợ trước tinh thần cách mạng của giai cấp vô sản, nên đã mất hết tính cách mạng bề ngoài (nhất là sau những bài học năm 1905), và đã

quay sang liên minh với Nga hoàng và bọn địa chủ, chống lại cách mạng, chống lại công nông.

Cần chú ý đến những trường hợp sau đây, những trường hợp đã quyết định tính chất độc đáo của cách mạng tư sản Nga:

a) Sự tập trung phi thường của công nghiệp Nga, ngay trước ngày cách mạng bùng nổ. Ví dụ, như ai nấy đều biết, ở Nga, 54% tổng số công nhân làm việc trong các xí nghiệp dùng trên 500 công nhân, còn ở một nước phát triển như Mỹ, trong lúc ấy, thì chỉ có 33% tổng số công nhân làm việc trong những xí nghiệp tương tự. Chẳng cần phải chứng minh cũng thấy rằng, trong lúc đã có một đảng cách mạng như Đảng bôn-sê-vích, thì chỉ riêng trường hợp nói trên cũng đủ làm cho giai cấp công nhân ở Nga trở thành lực lượng to lớn nhất trong đời sống chính trị của đất nước.

b) Những hình thức bóc lột bỉ ổi trong các xí nghiệp, lại thêm chế độ cảnh sát tàn ác của bọn sát nhân của Nga hoàng, — tình trạng đó đã làm cho mỗi cuộc bãi công lớn của công nhân biến thành một hành động chính trị có ý nghĩa trọng đại, và đã tôi luyện giai cấp công nhân, tức là lực lượng cách mạng triệt để.

c) Sự nhu nhược chính trị của giai cấp tư sản Nga, sự nhu nhược mà sau Cách mạng 1905 đã trở thành sự nô lệ đối với chế độ Nga hoàng và thái độ phản cách mạng rõ rệt; thái độ này phát sinh chẳng những là do tinh thần cách mạng của giai cấp vô sản Nga đã đẩy giai cấp tư sản Nga vào tay chế độ Nga hoàng, mà cũng là do sự lệ thuộc trực tiếp của giai cấp tư sản ấy đối với Nhà nước, là khách đặt hàng của nó.

d) Những tàn dư bỉ ổi nhất và khó chịu nhất của chế độ phong kiến ở nông thôn, lại thêm quyền lực vô hạn của bọn địa chủ, — tình trạng đó đã đưa đến kết quả là đẩy nông dân vào tay cách mạng.

đ) Chế độ Nga hoàng, tức là chế độ đã áp chế tất cả những cái gì sinh động, và do sự chuyên chế của nó, đã làm cho ách áp bức của tư bản và địa chủ nặng nề thêm, — tình trạng đó đã đưa đến kết quả là kết hợp cuộc đấu tranh của công nhân với cuộc đấu tranh của nông dân thành một ngọn trào cách mạng duy nhất.

e) Cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, tức là cuộc chiến tranh đã chung đúc hết thảy những mâu thuẫn ấy trong đời sống chính trị Nga thành một cuộc khủng hoảng cách mạng sâu sắc, và đã đem lại cho cách mạng một sức tấn công phi thường.

Trong những điều kiện như thế, thì nông dân phải làm thế nào? Hướng về ai để có được sự ủng hộ cho mình chống lại quyền lực tối cao của bọn địa chủ, chống lại ách chuyên chế của Nga hoàng, chống lại cuộc chiến tranh tai hại đã làm cho mình phá sản? Hướng về giai cấp tư sản tự do chăng? Nhưng giai cấp này đã là kẻ thù của họ rồi; kinh nghiệm lâu năm của bốn Đu-ma đã xác nhận điều đó. Hướng về bọn xã hội chủ nghĩa-cách mạng chăng? Bọn xã hội chủ nghĩa-cách mạng chắc chắn là «khá hơn» bọn dân chủ-lập hiến, và cương lĩnh của họ «nghe cũng xuôi», gần như một cương lĩnh nông dân vậy, nhưng thử hỏi bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng có thể đem lại được gì, nếu họ chỉ dựa vào riêng nông dân thôi, và nếu ở thành thị là nơi mà trước hết kẻ thù lấy được lực lượng của nó thì họ lại yếu? Đâu là lực lượng mới ấy, lực lượng sẽ không lùi bước trước bất cứ cái gì, ở nông thôn cũng như ở thành thị, và sẽ dũng cảm đi đầu trong cuộc đấu tranh chống Nga hoàng và địa chủ, lực lượng sẽ giúp nông dân thoát vòng nô dịch, có ruộng đất và thoát khỏi cảnh áp bức và chiến tranh? Ở nước Nga, đã từng có một lực lượng như thế chưa? Có. Ở Nga, đã có một lực lượng như thế. Đó là giai cấp vô sản Nga, giai cấp đã từng tỏ rõ sức mạnh của mình, tỏ rõ khả năng

đấu tranh đến cùng của mình, tỏ rõ lòng dũng cảm và tinh thần cách mạng của mình, ngay từ 1905.

Dù sao thì ngoài lực lượng đó ra không có một lực lượng nào khác, và cũng không thể tìm đâu ra một lực lượng nào khác.

Bởi vậy, nông dân, sau khi đã rời bỏ bọn dân chủ-lập hiến để sang phía bọn xã hội chủ nghĩa-cách mạng, lại thấy ngay là cần phải chịu sự lãnh đạo của vị lãnh tụ anh dũng của cách mạng là giai cấp vô sản Nga.

Đấy là những nhân tố đã tạo nên tính chất độc đáo của cách mạng tư sản Nga.

3. *Nông dân trong thời kỳ cách mạng vô sản.* Thời kỳ này gồm khoảng thời gian từ Cách mạng tháng Hai (1917) đến Cách mạng tháng Mười (1917). Thời kỳ ấy tương đối ngắn, vẻn vẹn chỉ có tám tháng; nhưng về phương diện rèn luyện chính trị và giáo dục cách mạng cho quần chúng, thì tám tháng ấy quyết có thể coi bằng mấy chục năm phát triển dưới chế độ hiến chính bình thường; vì tám tháng đó là tám tháng *cách mạng*. Đặc điểm của thời kỳ ấy là nông dân thấm nhuần cách mạng sâu sắc hơn, họ thất vọng về bọn xã hội chủ nghĩa-cách mạng, họ *rời bỏ* bọn này, lại *quay* sang *trực tiếp đoàn kết* xung quanh giai cấp vô sản là lực lượng cách mạng triệt để duy nhất có đủ sức đưa nước nhà đến hòa bình. Lịch sử thời kỳ ấy là lịch sử đấu tranh giữa bọn xã hội chủ nghĩa-cách mạng (phái dân chủ tiểu tư sản) và những người bôn-sê-vích (phái dân chủ vô sản) để tranh thủ nông dân, để giành lấy đa số nông dân. Thời kỳ Chính phủ liên hiệp, thời kỳ Kê-ren-sky, việc bọn xã hội chủ nghĩa-cách mạng và bọn men-sê-vích từ chối không chịu tịch thu ruộng đất của địa chủ, cuộc đấu tranh của bọn xã hội chủ nghĩa-cách mạng và men-sê-vích nhằm tiếp tục chiến tranh, cuộc tấn công tháng Sáu ở tiền tuyến, án tử hình đối với binh sĩ, cuộc nổi loạn của Coóc-ni-lốp, tất cả những cái đó đã quyết định vận mệnh của cuộc đấu tranh ấy.

Nếu trong thời kỳ trước, vấn đề cơ bản của cách mạng là lật đổ Nga hoàng và chính quyền của bọn địa chủ, thì hiện nay, trong thời kỳ sau cách mạng tháng Hai, lúc mà không còn Nga hoàng nữa và chiến tranh kéo dài làm tan rã hẳn nền kinh tế nước nhà sau khi đã làm cho nông dân hoàn toàn phá sản, thì việc chấm dứt chiến tranh trở thành vấn đề cơ bản của cách mạng. Trọng tâm đã rõ rệt chuyển từ các vấn đề thuần túy nội bộ sang vấn đề cơ bản, vấn đề chiến tranh. «Chấm dứt chiến tranh», «thoát ra khỏi chiến tranh», đó là tiếng hô chung của nhân dân cả nước bị đọa đày, và trước hết là của nông dân.

Nhưng muốn thoát khỏi chiến tranh, thì cần phải lật đổ Chính phủ lâm thời, cần phải lật đổ chính quyền của giai cấp tư sản, cần phải lật đổ chính quyền của bọn xã hội chủ nghĩa-cách mạng và men-sê-vích, vì chúng và chỉ có chúng là muốn kéo dài chiến tranh cho đến «thắng lợi cuối cùng». Thực tế, muốn ra khỏi chiến tranh, thì chỉ có một cách duy nhất là: lật đổ giai cấp tư sản.

Đó là một cuộc cách mạng mới, một cuộc cách mạng vô sản, vì nó đuổi ra khỏi chính quyền bộ phận cuối cùng, bộ phận cực tả của giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa, tức là những đảng xã hội chủ nghĩa-cách mạng và men-sê-vích, để thành lập một chính quyền mới, vô sản, Chính quyền xô-viết, để đưa đảng của giai cấp vô sản cách mạng, — Đảng bôn-sê-vích, đảng đấu tranh cách mạng nhằm chống chiến tranh đế quốc chủ nghĩa và giành hòa bình dân chủ, — lên nắm chính quyền. Đa số nông dân đã ủng hộ cuộc đấu tranh của công nhân giành hòa bình, giành Chính quyền xô-viết.

Nông dân không còn lối thoát nào khác nữa. Và cũng không thể có lối thoát nào khác.

Như vậy, thời kỳ Kê-ren-ski là một bài học thực tế lớn lao cho quần chúng lao động trong nông dân, vì thời kỳ ấy đã chứng tỏ rõ rằng bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng và bọn men-sê-vích mà nắm chính quyền, thì nước nhà không thể nào

thoát ra khỏi chiến tranh, nông dân không thể nào có ruộng đất và tự do; rằng bọn men-sê-vích và bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng chỉ khác bọn dân chủ - lập hiến ở những bài diễn văn ngon ngọt và những lời hứa hẹn hão huyền; rằng thật ra thì chúng cùng theo đuổi một chính sách đế quốc chủ nghĩa như nhau, chính sách của bọn dân chủ - lập hiến; rằng chính quyền duy nhất có đủ sức đưa nước nhà ra khỏi con đường bế tắc chỉ có thể là Chính quyền xô-viết. Chiến tranh kéo dài chỉ xác nhận thêm rằng bài học ấy là đúng; chiến tranh kích thích cách mạng và thúc đẩy đông đảo quần chúng nông dân và binh lính *trực tiếp đoàn kết* xung quanh cách mạng vô sản. Bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng và bọn men-sê-vích đã bị cô lập, việc đó trở thành một sự thật không chối cãi được. Không có những bài học thực tiễn của thời kỳ chính phủ liên hiệp, thì có lẽ không thể có chuyên chính vô sản được.

Đấy là những nhân tố làm cho quá trình chuyển biến của cách mạng tư sản thành cách mạng vô sản được dễ dàng.

Chuyên chính vô sản ở Nga đã được thiết lập như thế đấy.

4. Nông dân sau khi Chính quyền xô-viết đã được củng cố. Nếu trước kia, trong thời kỳ đầu của cách mạng, vấn đề chủ yếu là lật đổ chế độ Nga hoàng, rồi kế đó, sau Cách mạng tháng Hai, vấn đề chủ yếu là trước hết phải thoát ra khỏi chiến tranh đế quốc chủ nghĩa bằng cách lật đổ giai cấp tư sản, — thì hiện nay, một khi nội chiến đã chấm dứt và Chính quyền xô-viết đã được củng cố, các vấn đề xây dựng kinh tế phải được đặt lên hàng đầu. Phải tăng cường và phát triển công nghiệp đã được quốc hữu hóa; muốn thế, phải gắn liền công nghiệp với kinh tế nông dân bằng thương nghiệp do Nhà nước điều tiết; phải thay chế độ trưng mua lương thực thừa bằng thuế lương thực, để sau đó, đi đến chỗ giảm dần dần thứ thuế này đi, mà tiến tới đổi các sản phẩm công nghiệp lấy các sản phẩm của nền kinh tế nông dân; phải chấn hưng thương nghiệp và phát triển hợp tác xã bằng cách làm cho hàng triệu nông

dân tham gia hợp tác xã: đấy là những nhiệm vụ trước mắt của việc xây dựng kinh tế mà Lê-nin đã đề ra để xây dựng nền móng của kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Người ta nói rằng nhiệm vụ ấy có thể là quá sức đối với một nước nông dân như nước Nga. Một số người hoài nghi còn đi đến chỗ nói rằng đó chỉ là điều không tưởng, không thể thực hiện được, vì nông dân vẫn là nông dân, — nông dân gồm những người tiểu sản xuất và vì thế, không thể dùng họ vào việc tổ chức nền móng của nền sản xuất xã hội chủ nghĩa được.

Nhưng bọn hoài nghi nghĩ lầm, vì họ không đếm xỉa đến một số điểm có ý nghĩa quyết định ở đây. Chúng ta hãy xem những điểm chủ yếu trong các điểm ấy.

Một là: không nên lẫn lộn nông dân Liên-xô với nông dân phương Tây. Những nông dân đã trải qua kinh nghiệm của ba cuộc cách mạng, đã từng cùng với giai cấp vô sản và dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản, đấu tranh chống Nga hoàng và chính quyền của giai cấp tư sản; những nông dân đã nhận được ruộng đất và hòa bình do cách mạng vô sản đưa lại và do đó đã trở thành lực lượng hậu bị của giai cấp vô sản, những nông dân đó nhất định phải khác những nông dân đã đấu tranh trong cuộc cách mạng tư sản dưới sự lãnh đạo của giai cấp tư sản tự do, đã nhận được ruộng đất từ tay giai cấp tư sản ấy, và do đó, đã trở thành lực lượng hậu bị của giai cấp tư sản. Chẳng cần phải chứng minh cũng thấy rằng nông dân xô-viết, vốn đã biết thế nào là tình hữu nghị chính trị và sự hợp tác chính trị với giai cấp vô sản, và đã nhờ tình hữu nghị và sự hợp tác ấy mà được tự do, thì không thể nào lại không đặc biệt sẵn sàng hợp tác kinh tế với giai cấp vô sản.

Ăng-ghen đã nói: «Việc đảng xã hội chủ nghĩa cướp chính quyền đã trở thành một vấn đề tương lai rất gần». Và «muốn cướp chính quyền, đảng phải bắt đầu từ thành thị tiến về làng mạc và trở thành một lực lượng ở nông thôn» (xem Ăng-ghen, *Vấn đề nông dân*, xuất bản năm 1922[30]). Ăng-ghen viết

những dòng này vào cuối thế kỷ trước, khi nói về nông dân phương Tây. Những người cộng sản Nga, trải qua ba cuộc cách mạng, đã làm tròn được một công tác lớn lao về mặt đó, nên đã gây được ở nông thôn một ảnh hưởng và một chỗ dựa mà các đồng chí chúng ta ở phương Tây thậm chí cũng không dám nghĩ là có thể đến như thế được, — điều đó liệu có cần phải chứng minh không? Nhân tố ấy không thể không làm cho việc tổ chức hợp tác kinh tế giữa giai cấp công nhân và nông dân ở Nga được căn bản dễ dàng, liệu có thể phủ nhận được điều đó chăng?

Khi nói đến những tiểu nông, bọn hoài nghi luôn luôn nhắc lại rằng tiểu nông là một nhân tố không thể dung hợp được với công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa. Nhưng, các đồng chí hãy nghe Ăng-ghen nói về những người tiểu nông ở phương Tây:

«Chúng ta cương quyết đứng về phía người tiểu nông; chúng ta sẽ làm đủ mọi cách để giúp cho đời sống của họ được dễ chịu hơn, làm cho họ dễ dàng chuyển sang làm ăn hợp tác, nếu họ quyết định chuyển như thế; nhưng trong trường hợp họ còn chưa quyết định, thì chúng ta sẽ cố gắng để cho họ thật nhiều thì giờ suy nghĩ vấn đề đó trên mảnh đất nhỏ của họ. Chúng ta sẽ xử sự như thế, không những vì chúng ta cho rằng có thể làm cho người tiểu nông đang làm việc cho bản thân anh ta, đứng về phía chúng ta, mà cũng vì đó là lợi ích trực tiếp của đảng nữa. Số nông dân mà chúng ta không để cho rơi xuống mức sống của người vô sản và chúng ta tranh thủ được trong khi họ còn là nông dân, số nông dân đó càng đông bao nhiêu, thì việc cải tạo xã hội càng mau chóng và dễ dàng bấy nhiêu. Muốn tiến hành việc cải tạo ấy, chúng ta không cần phải đợi đến lúc nền sản xuất tư bản chủ nghĩa ở đâu đâu cũng phát triển đến mức đưa đến những hậu quả cùng cực của nó; không cần phải đợi đến lúc người tiểu thủ công cuối cùng, người tiểu nông cuối cùng trở thành nạn nhân của nền đại sản xuất tư bản chủ nghĩa. Những hy sinh về vật chất mà lúc đó công quỹ bắt buộc phải chịu vì lợi ích của nông dân, có thể coi như là một sự phung phí tiền bạc, nếu đứng về phương diện kinh tế tư bản chủ nghĩa mà xét; nhưng đấy chính là sử dụng tiền một cách

tốt nhất, vì như thế sẽ tiết kiệm được những số tiền có lẽ còn lớn gấp mười lần trong việc chi tiêu để cải tạo toàn bộ xã hội. Vậy, theo ý nghĩa đó, chúng ta có thể rất rộng rãi đối với nông dân» *(như trên)*.

Đấy là những điều Ăng-ghen nói về nông dân phương Tây. Nhưng há chẳng phải rõ ràng những điều Ăng-ghen nói đó không phải là ở đâu cũng có thể thực hiện được dễ dàng và đầy đủ như ở nước chuyên chính vô sản hay sao? Há chẳng rõ ràng là, chỉ ở nước Nga xô-viết mới có thể thực hiện được đầy đủ và ngay tức khắc việc «làm cho người tiểu nông đang làm việc cho bản thân anh ta, đứng về phía chúng ta», cũng như những «hy sinh về vật chất» cần thiết và «sự rộng rãi đối với nông dân» cần thiết để thực hiện mục đích trên, hay sao? Há chẳng phải rõ ràng là những biện pháp đó và những biện pháp khác tương tự có lợi cho nông dân đều đã được thi hành ở Nga rồi hay sao? Làm thế nào phủ nhận được rằng hoàn cảnh ấy nhất định phải làm cho công cuộc xây dựng kinh tế của nước xô-viết được dễ dàng và tiến triển?

Hai là: không nên lẫn lộn kinh tế nông nghiệp ở Nga với kinh tế nông nghiệp ở phương Tây. Ở phương Tây, kinh tế nông nghiệp phát triển theo con đường bình thường của chủ nghĩa tư bản, trong khi đó thì nông dân bị phân hóa sâu sắc, ở phía này là những điền trang rộng lớn và những trang trại mênh mông của tư bản tư nhân và ở phía kia lại là cảnh nghèo khó, khốn cùng và nô lệ làm thuê. Cho nên ở những nước đó. sự tan rã và phân hóa là những hiện tượng hoàn toàn tự nhiên. Ở Nga thì không như thế. Ở nước ta, sự phát triển của kinh tế nông nghiệp không thể đi theo con đường đó, vì sự tồn tại của Chính quyền xô-viết và việc quốc hữu hóa các công cụ và tư liệu sản xuất chủ yếu không cho phép phát triển như thế. Ở Nga, sự phát triển của kinh tế nông nghiệp phải đi theo con đường khác, con đường hợp tác bao gồm hàng triệu tiểu nông và trung nông, con đường phát triển của sự hợp tác có tính

chất quần chúng ở nông thôn, được Nhà nước giúp đỡ bằng cách cho vay vốn với những điều kiện dễ dãi. Trong những bài bàn về chế độ hợp tác, Lê-nin đã chứng minh một cách có lý rằng, ở nước ta, sự phát triển của kinh tế nông nghiệp phải theo một con đường mới, con đường khiến có thể dùng sự hợp tác mà lôi cuốn đa số nông dân vào công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa, con đường làm cho những nguyên tắc của chế độ tập thể dần dần thâm nhập vào kinh tế nông nghiệp, trước hết là vào lĩnh vực tiêu thụ, rồi sau đó, vào lĩnh vực sản xuất nông phẩm.

Về phương diện này, điều rất đáng chú ý là do công tác hợp tác xã nông nghiệp mà chúng ta thấy xuất hiện, ở nông thôn, những hiện tượng mới. Ai nấy đều biết rằng trong Liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp[31], đã được thành lập những tổ chức mới, lớn, theo ngành nông nghiệp: lanh, khoai tây, dầu, v.v., những tổ chức này có một tương lai vĩ đại. Hợp tác xã lanh trung ương, chẳng hạn, gồm cả một hệ thống những tổ chức nông dân sản xuất lanh. Nó cung cấp cho nông dân hạt giống và công cụ sản xuất; rồi nó mua tất cả số lanh do nông dân sản xuất ra, sau nó đem bán buôn ở thị trường; nó bảo đảm cho nông dân được chia lãi, do đó, thông qua Liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp, nó gắn chặt kinh tế nông dân với công nghiệp quốc doanh. Một hình thức tổ chức sản xuất như thế, là gì? Theo ý tôi, đó là chế độ gia công của nền đại sản xuất xã hội chủ nghĩa quốc doanh, trong lĩnh vực nông nghiệp. Ở đây, tôi nói chế độ gia công của nền sản xuất xã hội chủ nghĩa quốc doanh, là ví nó với chế độ gia công của chủ nghĩa tư bản, như ngành sợi chẳng hạn, trong đó những người tiểu thủ công nhận dụng cụ và nguyên liệu của nhà tư bản đem về nhà làm, rồi nộp cho nhà tư bản đó tất cả số sản xuất của mình, như thế thực ra, những người này là những công nhân nửa làm thuê làm việc ở nhà mình. Đấy là một trong nhiều dấu hiệu chỉ rõ con đường phát triển kinh tế nông nghiệp mà nước

ta phải theo. Đây là chưa nói đến những dấu hiệu khác cùng một loạt như thế, trong các ngành khác của nông nghiệp.

Chẳng cần phải chứng minh cũng thấy rằng tuyệt đại đa số nông dân sẽ vui lòng đi theo con đường phát triển mới ấy, mà rời bỏ con đường các trang trại tư bản chủ nghĩa tư nhân và cảnh nô lệ làm thuê, tức là con đường khốn cùng và phá sản.

Lê-nin nói về những con đường phát triển của kinh tế nông nghiệp nước ta như sau:

«Chính quyền Nhà nước chi phối hết thảy mọi tư liệu sản xuất chủ yếu, giai cấp vô sản nắm giữ chính quyền Nhà nước, giai cấp vô sản liên minh với hàng triệu tiểu nông và tiểu tiểu nông, giai cấp vô sản nắm vững quyền lãnh đạo nông dân, v.v., — phải chăng những việc đó không phải là tất cả những thứ cần thiết để có thể xây dựng, với việc hợp tác hóa, và chỉ riêng với việc hợp tác hóa mà trước đây chúng ta coi là có tính chất con buôn và bây giờ đây dưới Chính sách kinh tế mới, về một vài mặt nào đó, chúng ta vẫn có quyền coi như thế, — phải chăng những việc đó không phải là tất cả những thứ cần thiết để xây dựng một xã hội xã hội chủ nghĩa toàn vẹn hay sao? Đó chưa phải là xây dựng xong xã hội xã hội chủ nghĩa, nhưng đó là tất cả những cái cần thiết và đầy đủ cho việc xây dựng đó» (xem tập XXVII, tr. 392)*.

Sau đó, khi nói đến sự cần thiết phải giúp đỡ về mặt tài chính và về các mặt khác cho chế độ hợp tác, tức là «nguyên tắc mới trong việc tổ chức nhân dân» và «chế độ xã hội» mới dưới chuyên chính vô sản, Lê-nin nói tiếp:

«Bất cứ chế độ xã hội nào cũng chỉ nảy sinh với điều kiện là được một giai cấp nhất định nào đó giúp đỡ về tài chính. Chẳng cần phải nói cũng thấy rằng phải tốn hàng trăm và hàng trăm triệu rúp, thì chủ nghĩa tư bản «tự do» mới nảy nở được. Hiện nay, chúng ta phải hiểu và thực hành cụ thể chân lý này, tức là: trong lúc này, chế độ xã hội mà chúng ta cần phải đặc biệt giúp đỡ chính là chế độ hợp tác xã. Nhưng phải giúp đỡ chế độ đó theo

---

* Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 33, tr. 428. *(B.T.)*

đúng nghĩa tiếng giúp đỡ; nghĩa là nếu hiểu sự giúp đỡ đó là giúp đỡ bất cứ một chế độ hợp tác xã nào thì chưa đủ, mà phải hiểu sự giúp đỡ đó là giúp đỡ chế độ hợp tác xã được *quần chúng nhân dân chân chính tham gia một cách thiết thực* » (*như trên*, tr. 393)*.

Tất cả những điều đó chứng tỏ gì?

Chứng tỏ rằng bọn hoài nghi đã lầm.

Chứng tỏ rằng chủ nghĩa Lê-nin coi quần chúng nông dân lao động là lực lượng hậu bị của giai cấp vô sản, như thế là đúng.

Chứng tỏ rằng giai cấp vô sản nắm chính quyền có thể và phải sử dụng lực lượng hậu bị ấy để gắn liền công nghiệp với nông nghiệp, đẩy mạnh công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa tiến lên, và bảo đảm cho chuyên chính vô sản một cơ sở cần thiết, không có cơ sở này thì không thể tiến lên kinh tế xã hội chủ nghĩa được.

VI

VẤN ĐỀ DÂN TỘC

Về đề mục này, tôi sẽ chú trọng hai vấn đề chính:

a) cách đặt vấn đề:

b) phong trào giải phóng các dân tộc bị áp bức và cách mạng vô sản.

1. *Cách đặt vấn đề*. Suốt trong hai mươi năm gần đây, vấn đề dân tộc có nhiều thay đổi rất đáng kể. Vấn đề dân tộc trong thời kỳ Quốc tế II và vấn đề dân tộc trong thời kỳ chủ nghĩa Lê-nin hoàn toàn không phải là một. Nó khác nhau rất nhiều chẳng những về phạm vi mà cả về tính chất bên trong nữa.

---

* Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 33, tr. 429. *(B.T.)*

Ngày trước, vấn đề dân tộc thường bị hạn chế trong một khuôn khổ chật hẹp gồm các vấn đề có liên quan chủ yếu đến các dân tộc «văn minh». Dân tộc Ai-rơ-lan, Hung, Ba-lan, Phần-lan, Xéc-bơ và vài dân tộc khác ở châu Âu, đấy là loại những dân tộc không được hưởng những quyền đầy đủ, số phận của họ đã được các nhân vật Quốc tế II quan tâm đến. Hàng chục và hàng trăm triệu người thuộc các dân tộc châu Á và châu Phi, chịu sự áp bức dân tộc dưới hình thức tàn nhẫn nhất và hung bạo nhất, thì thường lại không được đề ý tới. Người ta đã không dám đặt người da trắng và người da đen, người «văn minh» và người «không văn minh» ngang hàng nhau. Vài ba nghị quyết vô vị và rỗng tuếch, hết sức lẩn tránh vấn đề giải phóng các thuộc địa, đấy là tất cả những điều mà những con người của Quốc tế II có thể khoe khoang được. Ngày nay tính chất hai mặt và tính không triệt để ấy trong vấn đề dân tộc phải được coi là đã được thanh toán. Chủ nghĩa Lê-nin đã lột trần sự thiên lệch quá rõ rệt ấy, nó đã phá hủy bức tường ngăn cách những người da trắng và người da đen, người châu Âu và người châu Á, những người nô lệ «văn minh» và «không văn minh» của chủ nghĩa đế quốc, và như thế là nó đã gắn vấn đề dân tộc vào vấn đề thuộc địa. Cũng chính vì thế mà vấn đề dân tộc, từ một vấn đề đặc biệt, một vấn đề nội bộ trong nước, đã trở thành một vấn đề chung và quốc tế, vấn đề thế giới về sự giải phóng các dân tộc bị áp bức ở các nước phụ thuộc và thuộc địa khỏi ách chủ nghĩa đế quốc.

Ngày trước, nguyên tắc quyền dân tộc tự quyết thường được giải thích một cách sai lạc và thường bị thu hẹp lại thành quyền dân tộc tự trị. Một số lãnh tụ của Quốc tế II lại còn đi đến chỗ làm cho quyền tự quyết biến thành quyền tự trị về văn hóa, nghĩa là quyền của các dân tộc bị áp bức được có những cơ quan văn hóa của mình, còn toàn bộ chính quyền thì vẫn ở trong tay dân tộc thống trị. Vì thế, khái

niệm quyền tự quyết rất có thể từ chỗ là một vũ khí chống chính sách thôn tính mà trở thành một công cụ biện hộ cho chính sách thôn tính. Sự lẫn lộn ấy, hiện nay phải được coi như đã bị đập tan. Chủ nghĩa Lê-nin đã mở rộng quan niệm quyền tự quyết bằng cách giải thích nó là quyền của các dân tộc bị áp bức ở các nước phụ thuộc và thuộc địa được phân lập hoàn toàn, là quyền các dân tộc được tồn tại với tư cách là những quốc gia độc lập. Chính vì thế mà đã gạt được khả năng biện hộ cho chính sách thôn tính bằng cách giải thích quyền tự quyết là quyền tự trị. Còn về nguyên tắc tự quyết, thì từ chỗ là một công cụ lừa bịp quần chúng, một công cụ hiển nhiên nằm trong tay bọn xã hội sô-vanh trong thời kỳ chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, đã trở thành một công cụ dùng để lột trần những tham vọng đế quốc chủ nghĩa và những âm mưu sô-vanh đủ các loại, một công cụ giáo dục chính trị cho quần chúng theo tinh thần chủ nghĩa quốc tế.

Ngày trước, vấn đề các dân tộc bị áp bức thường được coi là một vấn đề thuần túy pháp lý. Công bố trịnh trọng «quyền bình đẳng dân tộc», tuyên bố không biết bao nhiêu lần «quyền bình đẳng giữa các dân tộc», — các đảng của Quốc tế II lấy làm thỏa mãn về những việc đó, họ che lấp sự thật này là dưới chủ nghĩa đế quốc trong lúc mà một nhóm dân tộc này (thiểu số) sống bám vào một nhóm dân tộc khác bị bóc lột, mà nói đến «quyền bình đẳng giữa các dân tộc» là phỉ báng các dân tộc bị áp bức. Hiện nay, quan điểm pháp quyền tư sản ấy trong vấn đề dân tộc phải được coi như là đã bị bóc trần. Chủ nghĩa Lê-nin đã kéo vấn đề dân tộc từ trên đỉnh cao vút những lời tuyên bố hoa mỹ xuống đất, chỉ rõ rằng nếu các đảng vô sản không ủng hộ trực tiếp cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc bị áp bức thì những lời tuyên bố về «quyền bình đẳng giữa các dân tộc» chỉ là những lời tuyên bố trống rỗng và giả dối. Vì vậy, vấn đề dân tộc bị áp bức đã trở thành vấn đề ủng hộ, vấn đề giúp đỡ thiết

thực và thường xuyên các dân tộc bị áp bức trong cuộc đấu tranh của họ chống chủ nghĩa đế quốc để giành quyền bình đẳng thật sự giữa các dân tộc, để giành quyền tồn tại thành quốc gia độc lập.

Ngày trước, người ta dùng quan điểm cải lương chủ nghĩa mà xét vấn đề dân tộc, coi đó là một vấn đề riêng biệt, độc lập, mà không gắn nó vào vấn đề chung về chính quyền của Tư bản, về sự lật đổ chủ nghĩa đế quốc, về cách mạng vô sản. Người ta đã mặc nhiên giả định rằng giai cấp vô sản ở châu Âu có thể thu được thắng lợi, mà không cần phải liên minh trực tiếp với phong trào giải phóng trong các thuộc địa; rằng vấn đề dân tộc và thuộc địa có thể được giải quyết một cách âm thầm, «một cách tự phát», tách rời con đường lớn của cách mạng vô sản, không cần phải đấu tranh cách mạng chống chủ nghĩa đế quốc. Hiện nay, quan điểm phản cách mạng ấy phải được coi là đã bị bóc trần. Chủ nghĩa Lê-nin đã chứng thực, và cả cuộc chiến tranh đế quốc lẫn cuộc cách mạng ở Nga đều đã xác nhận rằng vấn đề dân tộc chỉ có thể giải quyết được, nếu đem gắn nó với cách mạng vô sản và đặt nó trên cơ sở cách mạng vô sản; rằng ở phương Tây, con đường thắng lợi của cách mạng phải thông qua liên minh cách mạng với phong trào giải phóng ở các nước thuộc địa và phụ thuộc chống chủ nghĩa đế quốc. Vấn đề dân tộc là một bộ phận của vấn đề chung về cách mạng vô sản, một bộ phận của vấn đề chuyên chính vô sản.

Vấn đề đặt ra như sau: những khả năng cách mạng của phong trào giải phóng cách mạng của các nước bị áp bức *đã hết hay chưa*? Và nếu chưa hết, thì liệu còn có hy vọng, có lý do dùng những khả năng ấy để làm cách mạng vô sản, còn có hy vọng, có lý do biến các nước phụ thuộc và thuộc địa, từ chỗ là lực lượng hậu bị của giai cấp tư sản đế quốc

chủ nghĩa thành lực lượng hậu bị của giai cấp vô sản cách mạng, để làm cho các nước ấy thành đồng minh của giai cấp vô sản cách mạng không ?

Trả lời câu hỏi ấy, chủ nghĩa Lê-nin nói rằng có, nghĩa là thừa nhận có những khả năng cách mạng trong phong trào giải phóng dân tộc của các nước bị áp bức và xét thấy có thể dùng những khả năng ấy để lật đổ kẻ thù chung, để lật đổ chủ nghĩa đế quốc. Quy luật phát triển của chủ nghĩa đế quốc, chiến tranh đế quốc chủ nghĩa và cách mạng ở Nga đều hoàn toàn xác nhận những kết luận của chủ nghĩa Lê-nin về vấn đề ấy.

Do đó, giai cấp vô sản ở các dân tộc «thống trị» cần phải quyết tâm và tích cực ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc của các dân tộc bị áp bức và phụ thuộc.

Lẽ dĩ nhiên như thế không có nghĩa là bao giờ và đâu đâu, trong từng trường hợp riêng biệt và cụ thể, giai cấp vô sản đều phải ủng hộ *bất cứ* phong trào dân tộc nào. Vấn đề ở đây là phải ủng hộ những phong trào dân tộc nào nhằm mục đích làm suy yếu và lật đổ chủ nghĩa đế quốc, chứ không phải nhằm duy trì và củng cố chủ nghĩa đế quốc. Có những trường hợp mà những phong trào dân tộc của một số nước bị áp bức, xung đột với lợi ích của sự phát triển của phong trào vô sản. Dĩ nhiên là trong những trường hợp ấy, người ta không thể nói đến ủng hộ được. Vấn đề quyền của các dân tộc không phải là một vấn đề biệt lập và độc lập tự tại, mà là một bộ phận của vấn đề chung về cách mạng vô sản, một bộ phận phụ thuộc vào toàn bộ và đòi hỏi phải được nhận xét trên quan điểm toàn bộ. Trong những năm 1840 - 1850, Mác ủng hộ phong trào dân tộc của dân Ba-lan và dân Hung, mà phản đối phong trào dân tộc của dân Tiệp và dân Sla-vơ miền Nam. Tại sao ? Vì dân Tiệp và dân Sla-vơ miền Nam hồi đó là những «dân phản động», những «tiền đồn của Nga» ở châu Âu, những tiền đồn của chế độ chuyên chế,

còn dân Ba-lan và dân Hung là những «dân cách mạng» đấu tranh chống chế độ chuyên chế. Vì hồi đó mà ủng hộ phong trào dân tộc của dân Tiệp và dân Sla-vơ miền Nam thì có nghĩa là gián tiếp ủng hộ chế độ Nga hoàng, kẻ thù nguy hiểm nhất của phong trào cách mạng châu Âu.

«Các yêu sách của phong trào dân chủ, kể cả quyền dân tộc tự quyết không phải là một điều tuyệt đối, mà là một *bộ phận* của toàn bộ phong trào dân chủ (ngày nay là: xã hội chủ nghĩa) *thế giới*. Có thể là trong một số trường hợp cụ thể nào đó, bộ phận lại mâu thuẫn với toàn bộ, lúc đó thì phải vứt bỏ bộ phận đi» (xem tập XIX, tr. 257 - 258)*.

Đấy, vấn đề về các phong trào dân tộc, về tính chất phản động có thể có của các phong trào ấy, là như thế, nếu người ta xét những phong trào ấy, cố nhiên không phải trên quan điểm hình thức, không phải trên quan điểm pháp quyền trừu tượng, mà xét một cách cụ thể, trên quan điểm lợi ích của phong trào cách mạng.

Về tính chất cách mạng của các phong trào dân tộc nói chung, thì cũng phải nói như vậy. Tính chất cách mạng không thể nghi ngờ được của tuyệt đại đa số các phong trào dân tộc cũng tương đối và độc đáo như là tính chất phản động có thể có của một số những phong trào dân tộc khác. Trong những điều kiện của sự áp bức đế quốc chủ nghĩa, tính chất cách mạng của phong trào dân tộc không nhất thiết đòi hỏi phải có sự tham gia của những phần tử vô sản trong phong trào, phải có một cương lĩnh cách mạng hoặc cộng hòa của phong trào, phải có một cơ sở dân chủ của phong trào. Đứng về mặt khách quan mà xét thì cuộc đấu tranh của quốc vương Áp-ga-ni-stan giành độc lập cho nước Áp-ga-ni-stan là một cuộc đấu tranh *cách mạng*, mặc

* Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 22, tr. 425. *(B.T.)*

dầu quan điểm của quốc vương và của các bạn chiến đấu của ông ta là những quan điểm có tính chất quân chủ; vì cuộc đấu tranh đó làm suy yếu, làm tan rã và phá hoại chủ nghĩa đế quốc. Trái lại, cuộc đấu tranh của bọn dân chủ và «xã hội chủ nghĩa» «kịch liệt», của bọn «cách mạng» và bọn cộng hòa, như Xê-ren-ski và Txê-rê-tê-li, Rơ-nô-đen, Sây-đơ-man, Tséc-nôp và Đan, Hen-đéc-xơn và Cơ-lai-nét chẳng hạn trong chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, là một cuộc đấu tranh *phản động*, vì kết quả nó là hóa trang, củng cố chủ nghĩa đế quốc và làm cho chủ nghĩa đế quốc thắng lợi. Cũng vì những lý do trên đây, nên đứng về mặt khách quan mà xét, thì cuộc đấu tranh của những thương gia và trí thức tư sản Ai-cập để giành độc lập cho Ai-cập là một cuộc đấu tranh *cách mạng*, mặc dầu những lãnh tụ của phong trào dân tộc Ai-cập xuất thân từ giai cấp tư sản và là tư sản, và tuy rằng họ chống lại chủ nghĩa xã hội. Trái lại, chính cũng vì những lý do đó mà cuộc đấu tranh của chính phủ «công nhân» Anh nhằm duy trì nước Ai-cập trong tình trạng phụ thuộc là một cuộc đấu tranh *phản động*, mặc dầu các ủy viên trong chính phủ ấy xuất thân từ giai cấp vô sản và là vô sản, và tuy rằng những kẻ này «tán thành» chủ nghĩa xã hội. Đây là tôi còn chưa nói đến phong trào dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc khác rộng lớn hơn, như Ấn-độ và Trung-quốc, mà mỗi bước tiến của họ trên con đường tự giải phóng, dù cho có trái với những yêu cầu của nền dân chủ hình thức, thì cũng vẫn là một nhát búa tạ choảng vào chủ nghĩa đế quốc, nghĩa là một bước thực sự *cách mạng*.

Lê-nin đã có lý khi Người nói rằng không được đứng trên quan điểm nền dân chủ hình thức mà đánh giá phong trào dân tộc ở các nước bị áp bức, mà phải đứng trên quan điểm những kết quả thiết thực trong sự tổng kết cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc mà đánh giá phong trào đó, nghĩa

là «không được đánh giá một cách tách rời mà phải đặt nó trên phạm vi thế giới mà đánh giá» (xem tập XIX, tr. 257)*.

2. Phong trào giải phóng của các dân tộc bị áp bức và cách mạng vô sản. Để giải quyết vấn đề dân tộc, chủ nghĩa Lê-nin xuất phát từ những luận điểm sau đây:

a) thế giới chia ra hai phe: phe một nhúm nhỏ những dân tộc văn minh nắm giữ tư bản tài chính và bóc lột tuyệt đại đa số dân cư trên trái đất và phe các dân tộc bị áp bức và bị bóc lột ở các thuộc địa và các nước phụ thuộc hợp thành đa số nói trên;

b) các thuộc địa và các nước phụ thuộc bị tư bản tài chính áp bức và bóc lột, là một lực lượng hậu bị hết sức rộng lớn và một nguồn lực lượng rất quan trọng cho chủ nghĩa đế quốc;

c) cuộc đấu tranh cách mạng của các dân tộc bị áp bức ở các nước thuộc địa và phụ thuộc chống chủ nghĩa đế quốc là con đường duy nhất đối với họ để tự giải phóng khỏi ách áp bức và bóc lột;

d) các nước thuộc địa và phụ thuộc quan trọng nhất đã bước vào con đường của phong trào giải phóng dân tộc, con đường đó nhất định phải đưa đến khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản thế giới;

đ) những lợi ích của phong trào vô sản ở các nước tiên tiến và của phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa đòi hỏi cả hai mặt đó của phong trào cách mạng phải kết hợp thành một mặt trận chung chống kẻ thù chung, chống chủ nghĩa đế quốc;

e) thắng lợi của giai cấp công nhân ở các nước tiên tiến và sự giải phóng của các dân tộc bị áp bức khỏi ách chủ nghĩa đế quốc đều không thể có được, nếu không thành lập và củng cố một mặt trận cách mạng chung;

---

* Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 22, tr. 424. *(B.T.)*

g) việc thành lập một mặt trận cách mạng chung sẽ không thể thực hiện được, nếu giai cấp vô sản thuộc các dân tộc đi áp bức không trực tiếp và cương quyết ủng hộ phong trào giải phóng của các dân tộc bị áp bức chống chủ nghĩa đế quốc «nước mình», vì «một dân tộc đi áp bức những dân tộc khác, không thể là một dân tộc tự do được» (Ăng-ghen);

h) sự ủng hộ ấy là ở chỗ đưa yêu sách, bảo vệ và thực hành khẩu hiệu: các dân tộc được quyền ly khai và tồn tại thành quốc gia độc lập;

i) không thực hành khẩu hiệu ấy thì không thể tổ chức được sự liên hợp và hợp tác giữa các dân tộc trong một nền kinh tế thế giới duy nhất, cơ sở vật chất của thắng lợi của chủ nghĩa xã hội thế giới;

k) sự liên hợp ấy chỉ có thể là liên hợp tự nguyện, dựa trên sự tín nhiệm lẫn nhau và những quan hệ anh em giữa các dân tộc.

Do đó có hai mặt, hai xu hướng trong vấn đề dân tộc: xu hướng giải phóng về mặt chính trị, khỏi các mối liên hệ đế quốc chủ nghĩa và thành lập những quốc gia dân tộc độc lập, xu hướng này xuất hiện trên cơ sở sự áp bức đế quốc chủ nghĩa và sự bóc lột thuộc địa, và xu hướng làm cho các dân tộc gắn bó với nhau về mặt kinh tế, xu hướng này do sự hình thành của một thị trường thế giới và của một nền kinh tế thế giới sinh ra.

Lê-nin nói:

«Trong quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản đã có hai xu hướng lịch sử trong vấn đề dân tộc. Xu hướng thứ nhất là sự thức tỉnh của đời sống dân tộc và của các phong trào dân tộc, là cuộc đấu tranh chống mọi áp bức dân tộc, là sự thành lập các quốc gia dân tộc. Xu hướng thứ hai là sự phát triển và tăng thêm thường xuyên các mối liên lạc về mọi mặt giữa các dân tộc, sự phá hủy các hàng rào dân tộc, việc tạo ra sự thống nhất quốc tế của Tư bản, của đời sống kinh tế nói chung, của chính trị, của khoa học v.v..

Hai xu hướng đó là một quy luật thế giới của chủ nghĩa tư bản. Xu hướng thứ nhất là xu hướng nổi bật trong lúc chủ nghĩa tư bản bắt đầu phát triển, xu hướng thứ hai là đặc điểm của chủ nghĩa tư bản chín muồi, đang đi tới chỗ chuyển biến thành xã hội xã hội chủ nghĩa» (xem tập XVII, tr. 139 - 140)*.

Đối với chủ nghĩa đế quốc, hai xu hướng ấy là những mâu thuẫn không thể điều hòa với nhau được, vì chủ nghĩa đế quốc không thể sống được, nếu không bóc lột các thuộc địa và không dùng vũ lực kìm hãm thuộc địa trong khuôn khổ một «khối duy nhất»; vì chủ nghĩa đế quốc chỉ có thể làm cho các dân tộc gần gũi nhau bằng con đường thôn tính và chiếm đoạt thuộc địa, không thế thì nói chung, chủ nghĩa đế quốc không thành chủ nghĩa đế quốc.

Trái lại, đối với chủ nghĩa cộng sản thì những xu hướng ấy chỉ là hai mặt của một vấn đề, của vấn đề giải phóng các dân tộc bị áp bức khỏi ách đế quốc chủ nghĩa, vì chủ nghĩa cộng sản hiểu rằng sự liên hợp các dân tộc trong một nền kinh tế thế giới duy nhất, chỉ có thể có được trên cơ sở một sự tín nhiệm lẫn nhau và một sự thỏa thuận tự nguyện; rằng con đường tạo nên sự liên hợp tự nguyện giữa các dân tộc phải kinh qua việc tách các thuộc địa khỏi cái «khối» đế quốc chủ nghĩa «duy nhất», phải kinh qua sự chuyển biến của các nước đó thành những quốc gia độc lập.

Do đó, cần phải có một cuộc đấu tranh ngoan cường không ngừng, kiên quyết chống chủ nghĩa sô-vanh chính quốc của bọn «xã hội chủ nghĩa» thuộc các dân tộc thống trị (Anh, Pháp, Mỹ, Ý, Nhật, v.v.) là bọn không muốn đánh đổ chính phủ đế quốc chủ nghĩa của chúng, không muốn ủng hộ các

---

* Xem V. I. Lê-nin; *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 20, tr. 11. *(B.T.)*

dân tộc bị áp bức ở các thuộc địa «của chúng» trong khi họ đấu tranh để thoát ách nô lệ, để tách ra và lập thành những quốc-gia độc lập.

Không có một cuộc đấu tranh như thế thì không thể nào giáo dục được giai cấp công nhân thuộc các dân tộc thống trị, theo tinh thần chủ nghĩa quốc tế chân chính, theo tinh thần gần gũi với quần chúng cần lao các nước phụ thuộc và các thuộc địa, theo tinh thần chuẩn bị thực sự cuộc cách mạng vô sản. Cách mạng có lẽ đã không thể thắng lợi ở Nga, và Côn-tsắc cùng Đê-ni-kin có lẽ đã không bị đánh bại, nếu giai cấp vô sản Nga không được sự đồng tình và sự ủng hộ của các dân tộc bị áp bức trong đế quốc Nga cũ. Nhưng muốn tranh thủ được sự đồng tình và sự ủng hộ của các dân tộc ấy, thì nước Nga trước hết phải bẻ gãy xiềng xích của chủ nghĩa đế quốc Nga và giải thoát các dân tộc ấy khỏi sự áp bức dân tộc.

Không thế, thì có lẽ đã không có thể củng cố được Chính quyền xô-viết, xây dựng được chủ nghĩa quốc tế chân chính và sáng lập được tổ chức hợp tác tuyệt diệu các dân tộc lấy tên là Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết, một hiện thân sống của sự liên hợp tương lai của các dân tộc tập hợp trong một nền kinh tế thế giới duy nhất.

Do đó, cần phải đấu tranh chống xu hướng chỉ bo bo trong khuôn khổ thuần túy dân tộc, tinh thần hẹp hòi, tinh thần cục bộ của bọn xã hội chủ nghĩa ở các nước bị áp bức, họ không muốn nhìn xa ra ngoài bờ cõi nước họ, và không hiểu mối liên hệ ràng buộc phong trào giải phóng nước họ với phong trào vô sản ở những nước thống trị.

Không có một cuộc đấu tranh như thế, thì không thể bảo vệ được chính sách độc lập mà giai cấp vô sản thuộc những dân tộc bị áp bức, phải tiến hành; không thể bảo vệ được tình đoàn kết giai cấp của nó với giai cấp vô sản các nước thống trị trong cuộc đấu tranh để lật đổ kẻ thù chung, trong cuộc đấu tranh để lật đổ chủ nghĩa đế quốc.

Không có cuộc đấu tranh này, thì không thể thực hiện được chủ nghĩa quốc tế.

Đó là con đường phải theo để giáo dục quần chúng cần lao các dân tộc thống trị và các dân tộc bị áp bức, theo tinh thần chủ nghĩa quốc tế cách mạng.

Về hai nhiệm vụ ấy của chủ nghĩa cộng sản trong việc giáo dục công nhân theo tinh thần chủ nghĩa quốc tế, Lê-nin nói như sau :

«Nền giáo dục đó... liệu nó có *thể giống nhau một cách cụ thể* đối với các dân tộc lớn đi áp bức và các dân tộc nhỏ bị áp bức không? đối với các dân tộc đi thôn tính và các dân tộc bị thôn tính không?

Hiển nhiên là không. Việc đi đến một mục đích duy nhất — sự bình đẳng hoàn toàn, sự gần gũi mật thiết nhất, và sự *hợp nhất* sau này của *tất cả* các dân tộc — dĩ nhiên là ở đây tiến theo nhiều con đường cụ thể khác nhau; cũng như muốn đi đến, chẳng hạn, một điểm ở giữa trang giấy, người ta có thể bắt đầu đi từ rìa phía tả hay từ rìa phía hữu. Nếu khi tuyên truyền việc hợp nhất các dân tộc nói chung, một người xã hội - dân chủ ở một dân tộc lớn đi xâm lược, đi áp bức, lại quên, mặc dầu chỉ quên trong giây lát, rằng Ni-cô-la II «của mình», Guy-ôm «của mình», Gioóc-giơ, Poăng-ca-rê và v.v., *chính chúng cũng đều tán thành hợp nhất* với các dân tộc nhỏ (bằng thủ đoạn thôn tính) — Ni-cô-la II tán thành «hợp nhất» với xứ Ga-li-xi, Guy-ôm II tán thành «hợp nhất» với nước Bỉ v.v., một người xã hội - dân chủ như thế sẽ chỉ là một kẻ giáo điều lố bịch về mặt lý luận và là một tay sai cho chủ nghĩa đế quốc trong thực tiễn mà thôi.

Trọng tâm của việc giáo dục chủ nghĩa quốc tế cho công nhân ở các nước đi áp bức tất nhiên phải là tuyên truyền và bảo vệ quyền tự do phân lập của các nước bị áp bức. Nếu không thì *không có* chủ nghĩa quốc tế. Bất cứ người xã hội - dân chủ nào thuộc một dân tộc đi áp bức, mà *không* tuyên truyền như thế, thì chúng ta có quyền và có nhiệm vụ coi người đó là một tên đế quốc, là một kẻ vô lại. Đó là một yêu sách tuyệt đối, dù cho trước ngày chủ nghĩa xã hội ra đời trong một nghìn trường hợp chỉ *mỗi một trường hợp* là có thể có được và «có thể thực hiện» được sự phân lập như thế...

Trái lại, người xã hội - dân chủ thuộc một dân tộc nhỏ có nhiệm vụ chuyển trọng tâm công tác tuyên truyền của mình vào chữ *thứ nhất* trong công thức của chúng ta là « *liên hợp* tự nguyện » giữa các dân tộc. Người đó có thể *vừa* chủ trương độc lập chính trị của dân tộc mình, *vừa* chủ trương sáp nhập dân tộc mình vào một nước láng giềng, X, Y, Z, v.v., mà không vi phạm nghĩa vụ của một người quốc tế chủ nghĩa. Nhưng, ở mọi trường hợp, người đó đều phải đấu tranh *chống* tính hẹp hòi của dân tộc nhỏ bé, chống xu hướng bo bo chỉ biết có mình, tự cô lập mình, để chú trọng đến cái chỉnh thể và cái tổng thể, để đặt lợi ích riêng phụ thuộc vào lợi ích chung.

Những người chưa nghiên cứu sâu vấn đề đều cho rằng những người xã hội - dân chủ thuộc các dân tộc đi áp bức nhấn mạnh «quyền tự do phân lập», còn những người xã hội - dân chủ thuộc các dân tộc bị áp bức lại nhấn mạnh vào «quyền tự do *liên hợp*», như thế là «trái ngược nhau». Nhưng chỉ cần suy nghĩ một chút cũng thấy ngay rằng trong hoàn cảnh *như thế* thì không có và không thể có con đường *nào khác* để đi tới chủ nghĩa quốc tế và hợp nhất các dân tộc» (xem tập XIX, tr. 261 - 262)*.

VII

CHIẾN LƯỢC VÀ SÁCH LƯỢC

Về đề mục này, tôi sẽ chú trọng sáu vấn đề:

a) chiến lược và sách lược là khoa học lãnh đạo đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản;

b) những giai đoạn của cách mạng, và chiến lược ;

c) cao trào và thoái trào của phong trào, và sách lược ;

d) chỉ đạo chiến lược ;

đ) chỉ đạo sách lược ;

---

* Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 22, tr. 431 - 433. *(B.T.)*

e) chủ nghĩa cải lương và chủ nghĩa cách mạng.

1. *Chiến lược và sách lược là khoa học lãnh đạo đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản.* Thời kỳ thống trị của Quốc tế II chủ yếu là thời kỳ đào tạo và huấn luyện các đạo quân vô sản chính trị trong những điều kiện phát triển tương đối hòa bình. Đó là thời kỳ mà đấu tranh nghị trường là hình thức chủ yếu của đấu tranh giai cấp. Những vấn đề về những cuộc xung đột giai cấp to lớn, việc chuẩn bị cho giai cấp vô sản chiến đấu cách mạng, những phương pháp để giành chuyên chính vô sản lúc đó hình như không phải là những vấn đề bức thiết. Nhiệm vụ lúc đó tóm lại như sau: lợi dụng tất cả những con đường phát triển hợp pháp để đào tạo và huấn luyện các đạo quân vô sản, lợi dụng chế độ nghị viện đồng thời phải chú ý đến những điều kiện trong đó giai cấp vô sản cứ giữ và hình như phải giữ một thái độ đối lập. Không cần phải chứng minh cũng thấy rằng trong một thời kỳ như thế và với một sự nhận định về nhiệm vụ của giai cấp vô sản như thế, thì không thể nào có được chiến lược hoàn chỉnh và sách lược sâu sắc. Chỉ có những ý niệm vụn vặt, rời rạc về sách lược và chiến lược mà thôi. Còn sách lược và chiến lược thì không hề có.

Cái tội lớn của Quốc tế II không phải là ở chỗ lúc đó nó đã áp dụng sách lược dùng những hình thức đấu tranh nghị trường, mà ở chỗ nó đã đánh giá quá cao tầm quan trọng của những hình thức ấy, những hình thức mà nó coi hầu như là duy nhất; và khi thời kỳ đấu tranh cách mạng công khai đã đến, và vấn đề hình thức đấu tranh ngoài nghị trường đã được đặt lên hàng đầu, thì các đảng Quốc tế II lảng tránh và từ chối những nhiệm vụ mới.

Chỉ đến thời kỳ kế đó, thời kỳ hành động công khai của giai cấp vô sản, thời kỳ cách mạng vô sản, trong đó vấn đề lật đổ giai cấp tư sản trở thành một vấn đề thực tiễn cấp bách, trong đó vấn đề lực lượng hậu bị của giai cấp vô sản

(chiến lược) trở thành một trong những vấn đề bức thiết nhất, trong đó tất cả những hình thức đấu tranh và hình thức tổ chức — trong nghị viện và ngoài nghị viện (sách lược) — đã biểu lộ ra một cách hoàn toàn rõ rệt, — chỉ trong thời kỳ này, mới có thể đặt ra được một chiến lược hoàn chỉnh và một sách lược sâu sắc cho cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản. Chính trong thời kỳ này, Lê-nin đã đưa trở lại ra ánh sáng những tư tưởng thiên tài của Mác và Ăng-ghen và sách lược và chiến lược mà bọn cơ hội chủ nghĩa của Quốc tế II đã giấu kín đi. Nhưng Lê-nin không phải chỉ phục hồi những nguyên lý sách lược ấy của Mác và Ăng-ghen. Người còn phát triển và bổ sung những nguyên lý ấy bằng những tư tưởng và nguyên lý mới, và tập hợp tất cả lại thành một hệ thống quy tắc và nguyên tắc chỉ đạo để hướng dẫn cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản. Không thể chối cãi được, những tác phẩm của Lê-nin như: *Làm gì, Hai sách lược, Chủ nghĩa đế quốc, Nhà nước và Cách mạng, Cách mạng vô sản và tên phản bội Cau-sky, Bệnh ấu trĩ* là một trong những cống hiến quý báu nhất vào kho tàng chung của chủ nghĩa Mác, vào xưởng vũ khí cách mạng của chủ nghĩa Mác. Chiến lược và sách lược của chủ nghĩa Lê-nin là khoa học về sự chỉ đạo cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản.

2. *Những giai đoạn của cách mạng và chiến lược.* Chiến lược có nhiệm vụ là quy định hướng tấn công chủ yếu của giai cấp vô sản trong một giai đoạn nhất định của cách mạng, là vạch ra một kế hoạch thích hợp về sự bố trí các lực lượng cách mạng (lực lượng hậu bị chủ yếu và thứ yếu), là đấu tranh để thực hiện kế hoạch ấy trong suốt giai đoạn cách mạng đó.

Cách mạng của chúng ta đã vượt qua hai giai đoạn, và sau Cách mạng tháng Mười, nó đã bước vào giai đoạn thứ ba. Bởi thế, chiến lược đã thay đổi.

Giai đoạn thứ nhất: 1903 - tháng Hai 1917. Mục đích: đánh đổ chế độ Nga hoàng, thủ tiêu hoàn toàn những tàn dư trung cổ. Lực lượng cơ bản của cách mạng: giai cấp vô sản. Lực lượng hậu bị gần nhất: nông dân. Hướng tấn công chủ yếu: cô lập giai cấp tư sản quân chủ tự do đang cố lôi kéo nông dân và thủ tiêu cách mạng bằng một sự *thỏa hiệp* với chế độ Nga hoàng. Kế hoạch bố trí lực lượng: liên minh giữa giai cấp công nhân với nông dân: «Giai cấp vô sản phải làm cách mạng dân chủ tới cùng bằng cách kéo quần chúng nông dân theo mình, để đè bẹp bằng bạo lực sự phản kháng của chế độ chuyên chế và làm tê liệt tính không ổn định của giai cấp tư sản» (xem *Lê-nin*, tập VIII, tr. 96)*.

Giai đoạn thứ hai: tháng Ba 1917 - tháng Mười 1917. Mục đích: đánh đổ chủ nghĩa đế quốc ở Nga và thoát ra khỏi chiến tranh đế quốc chủ nghĩa. Lực lượng cơ bản của cách mạng: giai cấp vô sản. Lực lượng hậu bị gần nhất: nông dân nghèo. Giai cấp vô sản các nước láng giềng là lực lượng hậu bị có thể có được. Chiến tranh kéo dài và khủng hoảng của chủ nghĩa đế quốc là thời cơ tốt. Hướng tấn công chủ yếu: cô lập phái dân chủ tiểu tư sản (men-sê-vích, xã hội chủ nghĩa-cách mạng) là bọn cố lôi kéo quần chúng nông dân lao động và cố kết thúc cách mạng bằng một *sự thỏa thiệp* với chủ nghĩa đế quốc. Kế hoạch bố trí lực lượng: liên minh giữa giai cấp vô sản với nông dân nghèo. «Giai cấp vô sản phải làm cách mạng xã hội chủ nghĩa bằng cách kéo những phần tử nửa vô sản trong nhân dân theo mình, để dùng bạo lực đập tan sự phản kháng của giai cấp tư sản và làm tê liệt tính không ổn định của nông dân và của giai cấp tiểu tư sản» (*như trên.*)

Giai đoạn thứ ba: bắt đầu từ sau Cách mạng tháng Mười. Mục đích: củng cố chuyên chính vô sản trong một nước duy

* Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1964, tập 9, tr. 116. *(B.T.)*

nhất và dùng nó làm cứ điểm để chiến thắng chủ nghĩa đế quốc ở tất cả các nước. Cách mạng vượt ra ngoài khuôn khổ một nước duy nhất, thời kỳ cách mạng thế giới đã bắt đầu. Lực lượng cơ bản của cách mạng: chuyên chính vô sản trong một nước, phong trào cách mạng của giai cấp vô sản trong tất cả các nước. Lực lượng hậu bị chủ yếu: quần chúng nửa vô sản và tiểu nông trong các nước phát triển, phong trào giải phóng ở các nước thuộc địa và phụ thuộc. Hướng tấn công chủ yếu: cô lập phái dân chủ tiểu tư sản, cô lập các đảng của Quốc tế II, tức là chỗ dựa chủ yếu của chính sách *thỏa hiệp* với chủ nghĩa đế quốc. Kế hoạch bố trí lực lượng: liên minh giữa cách mạng vô sản với phong trào giải phóng các nước thuộc địa và phụ thuộc.

Chiến lược nghiên cứu các lực lượng cơ bản của cách mạng và các lực lượng hậu bị của những lực lượng cơ bản đó. Chiến lược thay đổi mỗi khi cách mạng chuyển từ giai đoạn này sang giai đoạn khác, nhưng trong suốt một giai đoạn nhất định thì về căn bản, chiến lược không thay đổi.

3. *Cao trào và thoái trào của phong trào, và sách lược.* Sách lược có nhiệm vụ quy định đường lối hành động của giai cấp vô sản trong một thời kỳ tương đối ngắn của cao trào hoặc thoái trào trong phong trào, của cao trào cách mạng hoặc thoái trào cách mạng; đấu tranh để áp dụng đường lối ấy, bằng cách đem các hình thức đấu tranh và tổ chức mới thay cho những hình thức đấu tranh và tổ chức cũ, đem những khẩu hiệu mới thay cho những khẩu hiệu cũ bằng cách phối hợp những hình thức ấy với nhau, v.v.. Nếu như mục đích của chiến lược là chiến thắng chẳng hạn chế độ Nga hoàng hoặc giai cấp tư sản, và tiến hành đến cùng cuộc đấu tranh chống chế độ Nga hoàng hay giai cấp tư sản, thì mục đích của sách lược lại không trọng đại bằng, vì nó ra sức chiến thắng, không phải toàn bộ cuộc chiến tranh, mà trong trận đánh lớn này hoặc trận đánh lớn khác, trong trận

tác chiến này hoặc trận tác chiến khác, nó ra sức thực hiện có kết quả chiến dịch này hoặc chiến dịch khác, hành động này hoặc hành động khác thích hợp với tình hình cụ thể, trong một giai đoạn nhất định của cao trào hoặc thoái trào cách mạng. Sách lược là một bộ phận của chiến lược, phụ thuộc vào chiến lược và dùng để phục vụ chiến lược.

Sách lược thay đổi tùy theo cao trào và thoái trào. Nếu trong suốt giai đoạn thứ nhất của cuộc cách mạng (1903 - tháng Hai 1917), kế hoạch chiến lược vẫn y nguyên, thì sách lược, trong thời gian ấy, đã thay đổi nhiều lần. Trong thời kỳ 1903 - 1905, sách lược của đảng là sách lược tấn công, vì lúc đó là cao trào cách mạng, phong trào đang đi lên và sách lược phải căn cứ vào thực tế đó. Do đó, chính những hình thức đấu tranh cũng có tính chất cách mạng và hợp với những đòi hỏi của cao trào cách mạng. Bãi công chính trị địa phương, biểu tình chính trị, tổng bãi công chính trị, tẩy chay Đu-ma khởi nghĩa, khẩu hiệu chiến đấu cách mạng, đấy là những hình thức đấu tranh kế tiếp nhau suốt trong thời kỳ ấy. Cả những hình thức tổ chức cũng thay đổi theo những hình thức đấu tranh. Ủy ban nhà máy, ủy ban nông dân cách mạng, ủy ban bãi công, Xô-viết đại biểu công nhân, đảng công nhân tương đối công khai, đấy là những hình thức tổ chức suốt trong thời kỳ ấy.

Trong thời kỳ 1907 - 1912, đảng bắt buộc phải chuyển sang sách lược thoái thủ, bởi vì lúc ấy là thời kỳ thoái trào của phong trào cách mạng, thời kỳ thoái trào cách mạng ; và sách lược nhất định phải tính đến thực tế ấy. Do đó, những hình thức đấu tranh cũng thay đổi, cả những hình thức tổ chức cũng thế. Đáng lẽ tẩy chay Đu-ma, thì lại tham gia Đu-ma ; đáng lẽ hoạt động cách mạng công khai ngoài nghị viện thì lại phải hoạt động và công tác trong Đu-ma ; đáng lẽ tổng bãi công chính trị thì lại phải bãi công kinh tế bộ phận hoặc tạm yên. Ai cũng biết rằng trong thời kỳ ấy, đảng

đã phải chuyển sang hoạt động bí mật; còn các tổ chức cách mạng quần chúng thì được thay thế bằng những hội giáo dục và văn hóa, hợp tác xã, quỹ bảo hiểm và các tổ chức hợp pháp khác.

Về giai đoạn thứ hai và thứ ba của cách mạng, thì cũng thế. Trong hai giai đoạn đó, sách lược thay đổi hàng chục lần, còn những kế hoạch chiến lược thì vẫn không thay đổi.

Sách lược nghiên cứu các hình thức đấu tranh và hình thức tổ chức của giai cấp vô sản, việc thay thế và phối hợp giữa những hình thức ấy. Căn cứ vào một giai đoạn cách mạng nhất định, sách lược có thể đổi thay nhiều lần tùy theo cao trào hoặc thoái trào, tùy theo lúc lên hoặc lúc xuống của cách mạng.

4. *Chỉ đạo chiến lược*. Những lực lượng hậu bị của cách mạng có thể là những lực lượng sau đây:

lực lượng trực tiếp: a) nông dân, và nói chung, các tầng lớp nhân dân trung gian trong nước; b) giai cấp vô sản các nước láng giềng; c) phong trào cách mạng trong các nước thuộc địa và phụ thuộc; d) những thành quả và những thành tựu của chuyên chính vô sản; giai cấp vô sản có thể tạm thời gác lại một số — tuy vẫn giữ ưu thế về lực lượng — để xoa dịu kẻ thù mạnh mẽ và giành lấy một thời gian tạm nghỉ; và

lực lượng gián tiếp: a) những mâu thuẫn và xung đột giữa những giai cấp phi vô sản trong nước, mà giai cấp vô sản có thể lợi dụng được để làm suy yếu kẻ thù và tăng cường những lực lượng hậu bị của mình; b) những mâu thuẫn, những cuộc xung đột và chiến tranh (chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, chẳng hạn) nổ ra giữa các nước tư sản thù địch với nước vô sản, mà giai cấp vô sản có thể lợi dụng được khi tấn công hoặc khi ứng biến trong trường hợp bắt buộc phải thoái thủ.

Tuyệt nhiên không cần phải nói dài dòng về những lực lượng hậu bị loại thứ nhất, mọi người đều đã thấy tầm quan trọng của lực lượng đó. Còn về những lực lượng hậu bị loại

thứ hai mà tác dụng thường không được rõ rệt, thì phải nói rằng những lực lượng đó đôi khi là những lực lượng quan trọng bậc nhất đối với tiến trình của cách mạng. Người ta không thể phủ nhận được tầm quan trọng lớn lao của cuộc xung đột giữa phái dân chủ tiểu tư sản (bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng) và phái tư sản quân chủ tự do (bọn dân chủ - lập hiến), trong và sau cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất, chẳng hạn; cuộc xung đột ấy rõ ràng đã góp phần kéo nông dân ra khỏi ảnh hưởng của giai cấp tư sản. Người ta lại càng không thể phủ nhận được tầm quan trọng rất lớn của cuộc chiến tranh sống mái giữa những nhóm đế quốc chủ yếu, trong thời kỳ Cách mạng tháng Mười, lúc đó vì chúi đầu đánh lẫn nhau, bọn đế quốc không thể tập trung lực lượng để chống Chính quyền xô-viết non trẻ, và chính vì lẽ ấy mà giai cấp vô sản đã có thể thực sự bắt tay vào tổ chức lực lượng của mình và củng cố chính quyền của mình, chuẩn bị việc đánh bại Côn-tsắc và Đê-ni-kin. Phải tin rằng hiện nay, khi mà những đối kháng giữa những nhóm đế quốc ngày càng gay gắt hơn và một cuộc chiến tranh mới giữa bọn chúng trở thành không thể tránh khỏi, thì những lực lượng hậu bị loại ấy sẽ có một tầm quan trọng ngày càng đáng kể đối với giai cấp vô sản.

Chỉ đạo chiến lược có nhiệm vụ vận dụng đúng đắn tất cả những lực lượng hậu bị ấy, để đạt mục đích căn bản của cách mạng trong một giai đoạn phát triển nhất định của cách mạng.

Thế nào là vận dụng đúng đắn những lực lượng hậu bị?

Là phải chấp hành một số điều kiện cần thiết, trong đó những điều kiện sau đây phải được coi là chủ yếu:

Thứ nhất. Khi cách mạng đã chín muồi, khi cuộc tấn công đang được tiến hành hết tốc độ, khi cuộc khởi nghĩa sắp bùng nổ đến nơi và khi việc kéo các lực lượng hậu bị theo sát đội tiên phong là điều kiện quyết định của thắng lợi, thì cần tập

trung các lực lượng chủ yếu của cách mạng vào lúc quyết định để đánh vào chỗ yếu nhất của địch. Chiến lược của đảng trong thời kỳ từ tháng Tư đến tháng Mười 1917 có thể coi là một tỷ dụ về cách vận dụng lực lượng hậu bị như thế. Trong thời kỳ ấy, chỗ yếu nhất của địch nhất định là chiến tranh. Chắc chắn là chính trên vấn đề này, một vấn đề cơ bản, đảng đã tập hợp xung quanh đội tiền phong vô sản những quần chúng nhân dân sâu rộng. Trong thời kỳ này, chiến lược của đảng tóm lại là như sau: dùng những cuộc biểu tình và tuần hành thị uy mà dạy cho đội tiên phong tiến hành những hành động ngoài đường phố, và đồng thời thông qua các Xô-viết ở hậu phương và các ủy ban binh sĩ ở tiền tuyến mà đem lại cho đội tiên phong đó những lực lượng hậu bị. Kết cục của cách mạng chứng tỏ rằng những lực lượng hậu bị đã được vận dụng một cách đúng đắn.

Dưới đây là điều mà Lê-nin, khi diễn giải những nguyên lý nổi tiếng của Mác và Ăng-ghen về khởi nghĩa, đã nói về điều kiện ấy của việc vận dụng, theo chiến lược, các lực lượng cách mạng.

«1) *Không* bao giờ *được đùa* với khởi nghĩa, và, một khi đã bắt đầu khởi nghĩa thì cần nắm chắc một điều là phải *tiến hành cho đến cùng*.

2) Phải tập hợp, ở địa điểm quyết định, vào một thời cơ quyết định, những *lực lượng thật nhiều hơn* lực lượng của địch, nếu không thì địch, được chuẩn bị và có tổ chức hơn, sẽ tiêu diệt những người khởi nghĩa.

3) Một khi đã bắt đầu khởi nghĩa thì phải hết sức *quyết tâm* hành động và dù sao thì cũng phải tuyệt đối chuyển sang *tấn công*. «Phòng ngự là con đường chết của khởi nghĩa vũ trang».

4) Phải cố gắng đánh bất thình lình vào địch, cố gắng nắm đúng thời cơ khi quân địch còn phân tán.

5) *Hàng ngày* phải thu được thắng lợi, dù là thắng lợi không được to lớn lắm (nếu là ở thành phố, thì có thể nói là: hàng giờ), đồng thời nhất thiết phải giữ cho bằng được « *ưu thế về tinh thần* » (xem tập XXI, tr. 319 - 320)*.

Thứ hai. Chọn cho thật đúng thời cơ để đánh đòn quyết định, thời cơ để bắt đầu khởi nghĩa, tức là lúc mà cuộc khủng hoảng đã phát triển đến cực độ, lúc mà đội tiên phong đã sẵn sàng chiến đấu đến cùng, lúc mà những lực lượng hậu bị đã sẵn sàng ủng hộ đội tiền phong và lúc mà hàng ngũ địch đã hỗn loạn đến cao độ.

Lê-nin nói :

Người ta có thể cho rằng đã đến lúc tiến hành trận đánh quyết định *nếu* « (1) tất cả các lực lượng giai cấp thù địch với chúng ta đã gặp phải bước khó khăn đến mức đầy đủ, đã xâu xé nhau đến mức đầy đủ, đã thật suy nhược vì một cuộc đấu tranh quá sức chúng »; *nếu* « (2) tất cả những phần tử trung gian, do dự, bấp bênh, không ổn định, tức giai cấp tiểu tư sản, phái dân chủ - tiểu tư sản, khác với giai cấp tư sản, đã bị lột mặt nạ trước nhân dân một cách đầy đủ và vì sự phá sản thực sự của họ mà tự bêu xấu đến mức đầy đủ »; *nếu* « (3) trong nội bộ giai cấp vô sản, một trào lưu dư luận mạnh mẽ xuất hiện và bắt đầu lôi kéo được quần chúng vào hành động quyết định nhất, kiên quyết nhất, táo bạo và cách mạng nhất chống giai cấp tư sản. Chỉ lúc đó cách mạng mới chín muồi, chỉ lúc đó thắng lợi của chúng ta mới được bảo đảm, nếu chúng ta đã thật chú ý đến tất cả những điều kiện nói trên... nếu chúng ta đã chọn được thời cơ thật đúng » (xem tập XXV, tr. 229)**.

Việc tổ chức cuộc khởi nghĩa tháng Mười có thể coi là một kiểu mẫu vận dụng chiến lược ấy.

---

* Xem V. I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 26, tr. 202. *(B.T.)*

** Xem V. I. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 31, tr. 74. *(B.T.)*

Không theo đúng điều kiện đó thì sẽ phạm phải một sai lầm nguy hiểm mà người ta gọi là «mất nhịp độ»; điều đó cũng sẽ xảy ra khi đảng theo không kịp bước tiến của phong trào, hoặc vượt quá xa phong trào, như thế sẽ gây nguy cơ thất bại. Một tỷ dụ về việc «mất nhịp độ» như thế, một tỷ dụ về cách chọn thời cơ khởi nghĩa không đúng lúc, ấy là việc một số các đồng chí chúng ta toan bắt đầu cuộc khởi nghĩa bằng việc bắt giam các đại biểu dự Hội nghị dân chủ hồi tháng Chín 1917, lúc mà các Xô-viết còn do dự, quân đội ở tiền tuyến còn trù trừ và các lực lượng hậu bị chưa tiến kịp đội tiền phong.

Thứ ba. Một khi đã định rõ phương hướng, thì phải kiên trì theo phương hướng đó, bất chấp mọi khó khăn và trở ngại trên con đường đưa tới mục đích, để cho đội tiên phong khỏi lạc mất mục đích chủ yếu của cuộc đấu tranh, và để cho quần chúng không lạc đường khi tiến tới mục đích ấy và khi ra sức tập hợp xung quanh đội tiền phong. Không theo đúng điều kiện đó thì sẽ đưa đến một sai lầm nặng mà các thủy thủ đều biết rõ và gọi là «mất phương hướng». Phải coi thái độ sai lầm của đảng ta, ngay sau cuộc Hội nghị dân chủ, khi đảng quyết định tham dự Tiền nghị viện, là một tỷ dụ về «mất phương hướng» như thế. Lúc ấy, đảng hình như quên rằng Tiền nghị viện là một mưu mô của giai cấp tư sản cốt làm cho nước nhà đi chệch con đường các Xô-viết, để kéo nước nhà đi vào con đường chế độ đại nghị tư sản; rằng sự tham dự của đảng vào một cơ quan như thế có thể làm rối loạn tất cả mọi kế hoạch và làm lạc hướng công nông là những người đang tiến hành đấu tranh cách mạng dưới khẩu hiệu: «Toàn bộ chính quyền về tay các Xô-viết». Sai lầm ấy đã được sửa chữa bằng việc các người bôn-sê-vích ra khỏi Tiền nghị viện.

Thứ tư. Điều vận cơ động các lực lượng hậu bị để rút lui cho đúng, khi dịch mạnh, khi nhất thiết phải rút lui, khi đã

rõ rệt rằng địch muốn buộc ta giao chiến mà ta giao chiến là bất lợi, và khi xét sự so sánh giữa các lực lượng đang giao chiến, thì rút lui trở thành phương pháp duy nhất để giúp cho đội tiên phong tránh khỏi ngọn đòn đang nhằm đánh vào nó và để bảo tồn các lực lượng hậu bị của nó.

Lê-nin nói:

«Các đảng cách mạng phải hoàn bị việc học tập của mình. Họ đã học được cách tấn công. Nay họ lại phải hiểu rằng khoa học ấy cần được bổ sung bằng khoa học rút lui theo đúng quy tắc. Cần phải hiểu — và giai cấp cách mạng đang chăm chú tìm hiểu bằng kinh nghiệm đau xót của bản thân mình — rằng nếu không học được khoa học tấn công và rút lui theo đúng quy tắc thì không thể chiến thắng được» (xem tập XXV, tr. 177)*.

Mục đích của một chiến lược như thế là để tranh thủ thời gian, để lung lạc tinh thần quân địch và để tích lũy lực lượng, sau đó, chuyển sang thế công.

Việc ký hòa ước Bơ-rét - Li-tốp có thể coi là một kiểu mẫu về chiến lược ấy. Hòa ước đó giúp cho đảng tranh thủ được thời gian, lợi dụng được các cuộc xung đột trong phe đế quốc chủ nghĩa, lung lạc tinh thần các lực lượng của địch, giữ được nông dân đứng về phe mình và tích lũy được lực lượng để chuẩn bị tấn công Côn-tsắc và Đê-ni-kin.

Lúc ấy Lê-nin nói:

«Ký hòa ước riêng rẽ thì, với một mức độ lớn nhất mà *hiện nay có thể đạt được*, chúng ta thoát khỏi cả hai nhóm đế quốc đang thù địch nhau, bằng cách lợi dụng sự thù địch giữa chúng và cuộc chiến tranh đang ngăn cản không cho chúng liên minh chống chúng ta; chúng ta lợi dụng cái đó, để trong một thời gian nhất định, chúng ta được rảnh tay mà tiếp tục và củng cố cách mạng xã hội chủ nghĩa» (xem XXII, tr. 198)**.

---

* Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 31, tr. 11-12. *(B.T.)*

** Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 26, tr. 507. *(B.T.)*

Ba năm sau khi ký kết hòa ước Bơ-rét - Li-tốp, Lê-nin nói:

«Ngày nay, hết thảy mọi người, cho đến cả kẻ ngu xuẩn nhất, cũng hiểu rằng «hòa ước Bơ-rét - Li-tốp» là một nhượng bộ đã làm cho ta mạnh thêm và đã chia rẽ các lực lượng của chủ nghĩa đế quốc quốc tế» (xem tập XXVII, tr. 7)*.

Đấy là những điều kiện chủ yếu bảo đảm chỉ đạo chiến lược chính xác.

5. *Chỉ đạo sách lược*. Chỉ đạo sách lược là một bộ phận của chỉ đạo chiến lược và phụ thuộc vào những nhiệm vụ và những đòi hỏi của chỉ đạo chiến lược. Chỉ đạo sách lược có nhiệm vụ thấu triệt hết thảy những hình thức đấu tranh và hình thức tổ chức của giai cấp vô sản và bảo đảm vận dụng đúng đắn những hình thức ấy để thu được, trong một quan hệ so sánh lực lượng nhất định, một số tối đa kết quả, cần thiết để chuẩn bị cho thắng lợi chiến lược.

Vận dụng đúng đắn những hình thức đấu tranh và tổ chức của giai cấp vô sản là thế nào?

Là làm đầy đủ một số điều kiện tất yếu, trong đó những điều kiện kể ra sau đây phải được coi là chủ yếu:

Thứ nhất. Phải đặt lên hàng đầu chính là những hình thức đấu tranh và tổ chức thích hợp hơn cả với những điều kiện của một cao trào hoặc thoái trào nhất định của phong trào, những hình thức có thể tạo điều kiện thuận lợi và bảo đảm cho quần chúng tiến tới những trận địa cách mạng, cho quần chúng đông đảo tiến tới mặt trận của cách mạng và cho việc phân phối quần chúng trên mặt trận này.

Điều quan trọng không phải là đội tiên phong nhận thức được rằng không thể duy trì được chế độ cũ và nhất định phải lật đổ chế độ đó. Điều quan trọng là ở chỗ quần chúng,

---

* Xem V. I.: *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 33, tr. 4. *(B.T.)*

quần chúng đông đảo, hiểu rằng cần thiết phải làm như vậy và tỏ ra sẵn sàng ủng hộ đội tiên phong. Nhưng điều ấy, quần chúng chỉ có thể hiểu được qua kinh nghiệm bản thân mà thôi. Nhiệm vụ là phải tạo cho quần chúng đông đảo khả năng nhận thấy bằng kinh nghiệm bản thân rằng lật đổ chính quyền cũ là điều không thể tránh được ; phải đưa ra áp dụng những biện pháp đấu tranh và những hình thức tổ chức khiến họ thấy được một cách dễ dàng hơn, qua kinh nghiệm, sự đúng đắn của những khẩu hiệu cách mạng.

Đội tiên phong sẽ tách khỏi giai cấp công nhân và giai cấp này sẽ mất liên hệ với quần chúng, nếu lúc đó đảng đã không quyết định tham gia Đu-ma, nếu đảng đã không quyết định tập trung lực lượng của mình để tiến hành công tác trong Đu-ma và mở rộng đấu tranh trên cơ sở công tác ấy, để giúp cho quần chúng kinh qua kinh nghiệm bản thân họ mà thấy Đu-ma là vô dụng, lời hứa của bọn dân chủ - lập hiến là dối trá, sự thỏa hiệp với chế độ Nga hoàng là không thể được, liên minh giữa nông dân và công nhân là điều tất nhiên không tránh khỏi. Không có kinh nghiệm ấy của quần chúng trong thời kỳ Đu-ma thì không thể lật được mặt nạ bọn dân chủ - lập hiến và bảo đảm được quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản.

Sự nguy hại của sách lược của chủ nghĩa triệu hồi là ở chỗ nó gây ra nguy cơ tách đội tiên phong khỏi lực lượng hậu bị đông đảo của đội tiên phong đó.

Đảng sẽ thoát ly giai cấp công nhân, và giai cấp này có lẽ sẽ mất hết ảnh hưởng trong quảng đại quần chúng nông dân và binh sĩ, nếu giai cấp vô sản đã đi theo những người cộng sản «phái tả» là những người hô hào khởi nghĩa hồi tháng Tư 1917, giữa lúc bọn men-sê-vích và bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng chưa đủ thời giờ để lộ rõ bộ mặt là những kẻ ủng hộ chiến tranh và chủ nghĩa đế quốc, giữa lúc quần chúng chưa đủ thì giờ để kinh qua kinh nghiệm bản thân mà nhận thấy rằng những diễn văn của bọn men-sê-vích và bọn

xã hội chủ nghĩa - cách mạng về hòa bình, ruộng đất, tự do là những lời dối trá. Không có kinh nghiệm của quần chúng trong thời kỳ Kê-ren-ski, thì bọn men-sê-vích và bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng có lẽ đã không bị cô lập và chuyên chính vô sản đã không thể có được. Bởi vậy, sách lược «giải thích kiên nhẫn» những sai lầm của các đảng tiểu tư sản, và sách lược đấu tranh công khai trong các Xô-viết là sách lược duy nhất đúng.

Sự nguy hại của sách lược của những người cộng sản «phái tả» là ở chỗ nó gây ra nguy cơ biến đảng từ chỗ là người lãnh đạo cách mạng vô sản thành một nhúm người âm mưu hão huyền và không căn cứ.

Lê-nin nói :

«Chỉ có một mình đội tiên phong thì không thể thắng được. Đưa một mình đội tiên phong vào một trận chiến đấu quyết định, khi mà toàn thể giai cấp, khi mà quần chúng đông đảo chưa có một lập trường hoặc ủng hộ trực tiếp đội tiên phong hoặc ít ra cũng trung lập thiện ý... như thế không những là một điều dại dột mà còn là một tội ác nữa. Nhưng muốn cho toàn bộ giai cấp, muốn cho quần chúng đông đảo những người lao động và những người bị Tư bản áp bức, thực sự có được một lập trường như thế, mà chỉ có tuyên truyền, chỉ có cổ động không thôi thì chưa đủ. Muốn thế, quần chúng đó phải có kinh nghiệm chính trị bản thân. Đó là một quy luật cơ bản của mọi cuộc cách mạng lớn, quy luật đó hiện nay không những đã được nước Nga mà còn được cả nước Đức xác nhận một cách hết sức mạnh mẽ và nổi bật. Không phải chỉ có quần chúng kém văn hóa, thường là mù chữ ở nước Nga, mà ngay cả quần chúng Đức có trình độ văn hóa cao, không còn người nào mù chữ cả, tất cũng đã phải đích thân nếm tất cả sự bạc nhược, hèn hạ, bất lực, tất cả sự luồn cúi trước giai cấp tư sản, tất cả sự hèn nhát của chính phủ của bọn hiệp sĩ Quốc tế II, tất cả tính chất không thể nào tránh khỏi của nền chuyên chính của những phần tử phản động cực đoan (Cooc-ni-lốp ở Nga, Cáp

và đồng bọn ở Đức), — đứng trước chuyên chính vô sản thì chỉ có con đường đó thôi,— rồi mới kiên quyết hướng theo chủ nghĩa cộng sản được (xem tập XXV, tr. 228)*.

Thứ hai. Trong mỗi thời cơ nhất định, phải tìm ra được, trong sợi dây xích những quá trình, cái khâu đặc biệt mà nếu nắm được nó thì có thể giữ được toàn bộ sợi dây xích và chuẩn bị được những điều kiện cho thắng lợi chiến lược.

Vấn đề ở đây là tìm cho ra trong các nhiệm vụ đặt ra trước đảng, nhiệm vụ nào là nhiệm vụ cấp bách mà việc giải quyết nhiệm vụ ấy là điểm trung tâm và làm tròn được nhiệm vụ ấy thì sẽ bảo đảm giải quyết được thỏa đáng những nhiệm vụ cấp bách khác.

Người ta có thể chứng minh tầm quan trọng của nguyên lý này bằng hai tỷ dụ, một lấy ở thời đã qua lâu rồi (thời kỳ thành lập đảng), một lấy ở thời mới đây (thời kỳ Chính sách kinh tế mới).

Trong thời kỳ thành lập đảng, khi những tiểu tổ và những tổ chức được lập ra rất nhiều mà còn chưa liên hệ với nhau, khi công tác theo lối thủ công nghiệp và theo từng nhóm biệt lập còn đục khoét đảng từ trên chí dưới, khi sự hỗn loạn tư tưởng còn là đặc điểm của sinh hoạt nội bộ của đảng, trong thời kỳ ấy cái khâu cơ bản của sợi dây xích, nhiệm vụ cơ bản trong tất cả những nhiệm vụ đặt ra trước mặt đảng lúc bấy giờ, là lập ra một tờ báo bí mật cho toàn nước Nga (tờ *Tia lửa*). Vì sao? Vì trong những điều kiện lúc bấy giờ, chỉ có nhờ vào một tờ báo bí mật cho toàn nước Nga, mới có thể tạo ra được ở trong đảng hạt nhân nhất trí, đủ sức hợp vô số những tiểu tổ và những tổ chức thành một khối, đủ sức chuẩn bị những điều kiện cho sự thống nhất tư tưởng và sách lược, và do đó đủ sức đặt cơ sở cho một đảng chân chính hình thành.

* Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 31, tr. 73. *(B.T.)*

Trong thời kỳ chuyển từ chiến tranh sang xây dựng kinh tế, khi mà công nghiệp sống lây lất trong cảnh sắp bị tan rã, khi mà nông nghiệp thiếu các sản phẩm của thành thị, khi mà việc gắn liền công nghiệp quốc doanh với kinh tế nông dân đã trở thành điều kiện cơ bản cho thắng lợi của việc xây dựng xã hội chủ nghĩa,— trong thời kỳ này, cái khâu chủ yếu trong sợi dây xích những quá trình, cái nhiệm vụ cơ bản trong tất cả các nhiệm vụ, là phát triển thương nghiệp. Vì sao? Vì trong điều kiện Chính sách kinh tế mới, không thể gắn liền công nghiệp với kinh tế nông dân nếu không dùng thương nghiệp; vì trong điều kiện Chính sách kinh tế mới, sản xuất mà không tiêu thụ được hàng hóa thì công nghiệp phải chết; vì người ta chỉ có thể mở rộng được công nghiệp bằng cách mở rộng tiêu thụ hàng hóa qua sự phát triển thương nghiệp; vì chỉ sau khi được củng cố về mặt thương nghiệp và làm chủ được thương nghiệp, chỉ sau khi nắm được khâu đó, người ta mới hy vọng gắn liền công nghiệp với thị trường nông thôn và giải quyết có hiệu quả những vấn đề bức thiết khác để tạo điều kiện cần thiết nhằm xây dựng cơ sở cho kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Lê-nin nói:

«Là một người cách mạng và một người tán thành chủ nghĩa xã hội, hoặc là một người cộng sản nói chung, như thế chưa đủ... Trong mỗi thời cơ nhất định, cần phải biết tìm ra cái khâu đích xác mà người ta phải đem toàn lực ra mà nắm lấy, để giữ vững được toàn bộ dây xích và chuẩn bị cho vững chắc để nắm sang khâu bên cạnh»...

«Hiện nay... khâu ấy, chính là sự chấn hưng nội *thương* theo sự điều tiết (sự hướng dẫn) của Nhà nước. Thương nghiệp, đó là cái «khâu» của dây xích những sự biến lịch sử, trong những hình

thức quá độ của công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa của chúng ta năm 1921 - 1922, cái khâu *« mà chúng ta phải đem toàn lực ra mà nắm chặt lấy»...»* (xem tập XXVII, tr. 82)*.

Đó là những điều kiện chủ yếu bảo đảm cho chỉ đạo sách lược chính xác.

6. *Chủ nghĩa cải lương và chủ nghĩa cách mạng.* Sách lược cách mạng khác với sách lược cải lương ở chỗ nào ?

Một số người nghĩ rằng chủ nghĩa Lê-nin, nói chung, chống lại cải cách, chống lại nhượng bộ và thỏa hiệp. Như thế là hoàn toàn sai. Những người bôn-sê-vích cũng hiểu rất rõ như mọi người rằng, theo một ý nghĩa nào đó thì «được một cái gì cũng là tốt»; rằng trong những trường hợp nào đó thì cải cách nói chung, nhượng bộ và thỏa hiệp nói riêng, là cần thiết và có ích.

Lê-nin nói :

«Tiến hành cuộc chiến tranh để lật đổ giai cấp tư sản quốc tế, một cuộc chiến tranh khó khăn, lâu dài, phức tạp gấp trăm lần cuộc chiến tranh khốc liệt nhất trong các cuộc chiến tranh thông thường giữa các nước, mà chưa chi đã từ chối trước không chịu đi quanh co lựa chiều, không chịu lợi dụng những sự đối lập về lợi ích (dù là lợi ích nhất thời) đang chia rẽ kẻ thù, không chịu ký kết và thỏa hiệp với những kẻ có thể là bạn đồng minh (dầu là nhất thời, ít chắc chắn, bấp bênh, có điều kiện), như thế há chẳng phải là một thái độ hoàn toàn lố bịch hay sao ? Như thế há chẳng phải là giống như trèo một quả núi khó khăn, từ trước đến nay chưa từng có ai đề chân tới và chưa hề có ai trèo nổi, mà chưa chi đã từ chối trước không chịu đôi khi đi quanh co, đôi khi quay trở lại, thay đổi hướng đã chọn để tìm hướng khác, hay sao ?» (xem tập XXV, tr. 210)**.

---

* Xem V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 33, tr. 88, 89. *(B.T.)*

** Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 31, tr. 51, *(B.T.)*

Hiển nhiên vấn đề không phải là ở chỗ cải cách hoặc nhượng bộ và thỏa hiệp, mà là ở chỗ cái lợi mà người ta thu được qua thỏa hiệp và cải cách.

Đối với người cải lương, cải cách là tất cả; còn công tác cách mạng thì chỉ là để cho có vẻ, để cho có chuyện mà nói, để lừa bịp thôi. Bởi vậy, với sách lược cải lương, trong những điều kiện chính quyền tư sản, thì một cải cách nhất định phải trở thành một công cụ để củng cố chính quyền tư sản, một công cụ làm tan rã cách mạng.

Đối với người cách mạng, trái lại, điều chủ yếu là công tác cách mạng chứ không phải là cải cách; đối với họ, cải cách chỉ là một sản vật phụ của cách mạng. Bởi vậy, với sách lược cách mạng, trong những điều kiện chính quyền tư sản, thì một cải cách nhất định phải trở thành một công cụ làm tan rã chính quyền tư sản, một công cụ để củng cố cách mạng, một cứ điểm cho phong trào cách mạng phát triển không ngừng.

Người cách mạng chấp nhận cải cách, để vin vào đó mà phối hợp hành động hợp pháp và hành động bí mật, để dùng nó làm một bức bình phong đặng tăng cường công tác bí mật nhằm chuẩn bị tinh thần cách mạng cho quần chúng lật đổ giai cấp tư sản.

Đấy là thực chất của việc sử dụng, theo tinh thần cách mạng, những cải cách và thỏa hiệp trong những điều kiện chủ nghĩa đế quốc.

Trái lại, người cải lương chấp nhận những cải cách để từ chối không làm bất cứ công tác bí mật nào, để làm thất bại việc chuẩn bị quần chúng làm cách mạng và nghỉ ngơi dưới bóng mát của cải cách «đã được người ta ban cho».

Đấy là thực chất của sách lược cải lương.

Cải cách và thỏa hiệp trong điều kiện của chủ nghĩa đế quốc là như thế đó.

Tuy nhiên, tình thế có thay đổi đôi chút sau khi chủ nghĩa đế quốc bị lật đổ, dưới chuyên chính vô sản. Trong một số trường hợp nào đó, trong một số điều kiện nào đó, chính quyền vô sản có thể buộc phải tạm thời rời bỏ con đường cải tạo cách mạng chế độ đương thời, mà đi vào con đường cải tạo tuần tự chế độ đó, «đi vào con đường cải lương», — như Lê-nin đã nói trong bài báo nổi tiếng : « Tác dụng của vàng »[32],— đi vào con đường ngoắt ngoéo quanh co, con đường cải cách và nhượng bộ các giai cấp phi vô sản, để làm tan rã các giai cấp ấy, để cho cách mạng có một thời gian nghỉ ngơi, để tập hợp các lực lượng và chuẩn bị điều kiện cho một cuộc tấn công mới. Không thể chối cãi được rằng theo một ý nghĩa nào đó thì con đường ấy là con đường «cải lương». Nhưng, phải nhớ rằng, ở đây, chúng ta đang đứng trước một đặc điểm cơ bản là: việc cải cách rõ ràng là do chính quyền vô sản mà ra; việc cải cách đó củng cố chính quyền vô sản và cho chính quyền ấy một thời kỳ nghỉ ngơi cần thiết; nó có nhiệm vụ làm tan rã những giai cấp phi vô sản, chứ không phải làm tan rã cách mạng.

Do đó, cải cách, trong những điều kiện như thế, lại biến thành cái ngược lại nó.

Sở dĩ chính quyền vô sản có thể áp dụng một chính sách như thế là vì, và chỉ vì trong thời kỳ trước đây, cao trào cách mạng đã khá lớn mạnh và đã có nó một phạm vi khá rộng rãi để có thể rút lui được bằng cách đem sách lược rút lui tạm thời, sách lược đi quanh co lựa chiều, thay thế cho sách lược tấn công.

Vậy nên, nếu trước kia, dưới chính quyền tư sản, cải cách là một sản vật phụ của cách mạng, thì bây giờ, dưới chuyên chính vô sản, nguồn gốc của những cải cách là do những thắng lợi cách mạng của giai cấp vô sản, do những lực lượng hậu bị tích lũy trong giai cấp vô sản, tạo thành, và gồm những thắng lợi ấy.

Lê-nin nói :

«Chỉ có chủ nghĩa Mác mới quy định được rõ rệt và đúng đắn mối quan hệ giữa cải cách và cách mạng ; nhưng Mác đã chỉ có thể xét mối quan hệ đó về một mặt thôi, tức là : trong những điều kiện trước cuộc thắng lợi đầu tiên ít nhiều vững chắc, ít nhiều lâu dài của giai cấp vô sản, ít nhất là trong một nước. Trong những điều kiện lúc bấy giờ, quan hệ đúng đắn đó dựa trên nguyên tắc sau đây : cải cách là một sản vật phụ của đấu tranh giai cấp cách mạng của giai cấp vô sản... Sau thắng lợi của giai cấp vô sản, ít nhất là ở trong một nước, đã có cái mới trong mối quan hệ giữa cải cách và cách mạng. Về nguyên tắc thì tất cả vẫn như trước, nhưng về hình thức thì có một sự thay đổi mà chính Mác đã không thể tiên đoán được, song người ta chỉ có thể nhận ra được sự thay đổi đó, khi nào người ta đứng trên địa hạt triết học và chính trị của chủ nghĩa Mác... Sau khi giai cấp vô sản thắng lợi, những cái đó (nghĩa là những cải cách : *J. Sta-lin*) (về phương diện quốc tế, vẫn cứ là «sản vật phụ» như thế) đối với nước đã giành được thắng lợi lại còn là một sự tạm ngừng cần thiết và chính đáng, trong trường hợp mà, sau một thời gian đấu tranh khẩn trương đến cao độ, nước đó rõ ràng là không đủ lực lượng để vượt qua giai đoạn này hoặc giai đoạn khác, bằng con đường cách mạng. Thắng lợi còn cung cấp một «lực lượng dự trữ» để đứng vững được ngay cả khi phải miễn cưỡng lùi bước — đứng vững được về mặt vật chất cũng như về mặt tinh thần» (xem tập XXVII, tr. 84 - 85)*.

VIII

ĐẢNG

Trước cách mạng, trong thời kỳ phát triển tương đối hòa bình, khi các đảng của Quốc tế II là lực lượng thống trị trong phong trào công nhân, khi những hình thức đấu tranh nghị

* Xem V. I. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 33, tr. 91 - 92. *(B.T.)*

trường được coi là những hình thức chủ yếu, — trong những điều kiện như thế, đảng không có và không thể có tác dụng lớn và quyết định mà sau này nó mới giành được qua các trận chiến đấu cách mạng công khai. Biện hộ cho Quốc tế II chống lại những sự công kích đối với nó, Cau-sky nói rằng các đảng của Quốc tế II là công cụ hòa bình chứ không phải là công cụ chiến tranh; rằng chính vì lẽ đó mà các đảng ấy không thể làm được một cái gì to lớn trong chiến tranh, trong thời kỳ hành động cách mạng của giai cấp vô sản. Thật là hoàn toàn đúng. Nhưng như thế nghĩa là gì? Như thế nghĩa là các đảng của Quốc tế II đều vô dụng trong cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản, các đảng ấy không phải là những đảng chiến đấu của giai cấp vô sản dìu dắt công nhân ra giành chính quyền, mà là bộ máy tuyển cử, thích hợp với những cuộc tuyển cử nghị viện và đấu tranh nghị trường. Chính điều đó giải thích tại sao trong thời kỳ thống trị của bọn cơ hội chủ nghĩa Quốc tế II, tổ chức chính trị cơ bản của giai cấp vô sản lại không phải là đảng, mà là đảng đoàn trong nghị viện. Người ta biết rằng trong thời kỳ này thì trên thực tế đảng là một vật phụ thuộc vào đảng đoàn nghị viện và phục vụ đảng đoàn. Không cần phải chứng minh cũng thấy rằng trong những điều kiện đó, với một đảng như thế đứng đầu, thì không thể bàn đến việc chuẩn bị cho giai cấp vô sản làm cách mạng được.

Nhưng tình hình đã thay đổi hẳn với sự xuất hiện của thời kỳ mới. Thời kỳ mới là thời kỳ những cuộc xung đột công khai giữa các giai cấp, thời kỳ hành động cách mạng của giai cấp vô sản, thời kỳ cách mạng vô sản và chuẩn bị trực tiếp các lực lượng để lật đổ chủ nghĩa đế quốc, để giai cấp vô sản cướp chính quyền. Thời kỳ này đặt ra trước giai cấp vô sản những nhiệm vụ mới: cải tổ toàn bộ công tác của đảng theo một đường lối mới, cách mạng; giáo dục công nhân theo tinh thần đấu tranh cách mạng để giành chính quyền; chuẩn bị

và tập hợp các lực lượng hậu bị; liên minh với những người vô sản các nước láng giềng; thiết lập những mối liên hệ bền vững với phong trào giải phóng ở các nước thuộc địa và phụ thuộc v.v.. Tưởng rằng có thể dùng những lực lượng của các đảng xã hội - dân chủ cũ đã được giáo dục trong những điều kiện hòa bình của chế độ đại nghị mà làm tròn được nhiệm vụ đó, tưởng như thế là rơi vào chỗ thất vọng cùng cực, vào chỗ thất bại không tránh khỏi. Phải gánh vác những nhiệm vụ như vậy mà để cho những đảng già cỗi lãnh đạo, là tự giải giáp hoàn toàn. Không cần phải chứng minh cũng thấy rằng giai cấp vô sản không thể nào chịu nhận một tình trạng như thế được.

Do đó, cần thiết phải có một đảng mới, một đảng chiến đấu, cách mạng, đủ can đảm để dìu dắt những người vô sản đấu tranh giành chính quyền, đủ kinh nghiệm để có thể tự chủ trong những điều kiện phức tạp của một hoàn cảnh cách mạng và đủ mềm dẻo để lựa chiều tránh đủ mọi thứ trở ngại trên con đường dẫn đến mục đích.

Không có một đảng như thế, thì không thể tính đến việc lật đổ chủ nghĩa đế quốc và giành chuyên chính vô sản được.

Đảng mới ấy là đảng của chủ nghĩa Lê-nin.

Những đặc điểm của đảng ấy là gì?

1. *Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân.* Trước hết, đảng phải là đội *tiên phong* của giai cấp công nhân. Đảng phải thu hút được tất cả những phần tử ưu tú của giai cấp công nhân, hấp thụ lấy kinh nghiệm của họ, tinh thần cách mạng của họ, sự tận tâm không bờ bến của họ đối với sự nghiệp của giai cấp vô sản. Nhưng muốn thật sự là đội tiên phong, đảng phải được võ trang bằng lý luận cách mạng, bằng sự hiểu biết các quy luật của phong trào, bằng sự hiểu biết các quy luật của cách mạng. Nếu không, đảng không đủ sức lãnh đạo cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản, lôi cuốn giai cấp vô sản đi theo mình. Đảng

không thể là một đảng chân chính được, nếu đảng chỉ biết có ghi chép lấy những điều mà quần chúng giai cấp công nhân cảm thấy và nghĩ: nếu đảng đi theo đuôi phong trào tự phát; nếu đảng không biết khắc phục óc thủ cựu và thái độ thờ ơ của phong trào tự phát đối với chính trị; nếu đảng không biết vượt lên trên những lợi ích nhất thời của giai cấp vô sản; nếu đảng không biết nâng quần chúng lên đến trình độ giác ngộ quyền lợi giai cấp của giai cấp vô sản. Đảng cần phải đứng đầu giai cấp công nhân; cần phải nhìn xa hơn giai cấp công nhân; phải dìu dắt giai cấp vô sản chứ không phải là đi theo đuôi phong trào tự phát. Những đảng của Quốc tế II cổ vũ «chủ nghĩa theo đuôi», những đảng ấy là tay sai của chính sách tư sản là chính sách bắt giai cấp vô sản phải là một công cụ ở trong tay giai cấp tư sản. Chỉ có đảng nào tự coi mình là đội tiên phong của giai cấp vô sản, và có đủ sức nâng quần chúng lên trình độ giác ngộ quyền lợi giai cấp của giai cấp vô sản,—chỉ có đảng đó mới đủ sức làm cho giai cấp công nhân tránh được con đường của chủ nghĩa công liên và biến giai cấp công nhân thành một lực lượng chính trị độc lập.

Đảng là lãnh tụ chính trị của giai cấp công nhân.

Trên kia, tôi đã nói đến những khó khăn trong cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân, những điều kiện phức tạp của cuộc đấu tranh ấy, tôi đã nói đến chiến lược và sách lược, đến những lực lượng hậu bị và tính cơ động, đến tiến công và thoái thủ. Những điều kiện ấy, nếu không phức tạp hơn thì cũng phức tạp ngang những điều kiện của chiến tranh. Ai có thể thấy rõ được trong những điều kiện như thế? Ai có thể định phương hướng đúng cho hàng triệu người vô sản? Không có một đạo quân nào đang chiến đấu mà lại không cần đến một bộ tham mưu đầy kinh nghiệm, nếu nó không muốn thất bại. Há chẳng phải rõ ràng là giai cấp vô sản lại càng không thể không cần đến một bộ tham mưu như thế,

nếu nó không muốn đem mình làm mồi cho những kẻ tử thù của nó, hay sao? Nhưng tìm dâu ra bộ tham mưu như thế? Chỉ có đảng cách mạng của giai cấp vô sản mới có thể là bộ tham mưu như thế. Giai cấp công nhân mà không có một đảng cách mạng, là một đạo quân không có bộ tham mưu.

Đảng là bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp vô sản.

Nhưng đảng không thể chỉ là một đội *tiên phong* không thôi, đảng đồng thời phải là một đội của *giai cấp*, một bộ phận của giai cấp, bộ phận mật thiết gắn liền với giai cấp bằng mọi thớ thịt của bản thân mình. Chừng nào mà vẫn còn giai cấp, chừng nào mà giai cấp vô sản vẫn còn được bổ sung bằng những phần tử xuất thân từ những giai cấp khác, chừng nào mà toàn bộ giai cấp công nhân chưa đạt tới trình độ của đội tiên phong, thì vẫn còn phải phân biệt giữa đội tiên phong và quần chúng còn lại của giai cấp công nhân, giữa đảng viên và những người ngoài đảng. Nhưng đảng sẽ không phải là đảng nữa, nếu sự phân biệt ấy trở thành sự phân liệt, nếu đảng tự co mình lại và tách rời quần chúng ngoài đảng. Đảng không thể lãnh đạo được giai cấp, nếu nó không liên hệ với quần chúng ngoài đảng, nếu không có sự tiếp xúc giữa nó và quần chúng ngoài đảng, nếu những người này không thừa nhận sự lãnh đạo của đảng, nếu đảng không được quần chúng tín nhiệm về mặt tinh thần và chính trị.

Mới đây, hai mươi vạn công nhân vừa được kết nạp vào đảng ta. Một điều đáng chú ý là: tất cả những người đó không phải tự mình đến xin gia nhập đảng, mà là do tất cả quần chúng ngoài đảng giới thiệu; quần chúng đã tích cực tham gia vào việc kết nạp những đảng viên mới, những người này sẽ không được kết nạp nếu không được quần chúng đó đồng ý. Điều này chứng tỏ quảng đại quần chúng công nhân ngoài đảng coi đảng ta là đảng *của chính họ*, là một đảng *gần gũi và thân thiết* với họ, rất quan tâm đến sự phát triển và củng cố đảng, coi đó là lợi ích thiết thân của họ, họ tự nguyện đem

vận mệnh mình ký thác cho sự lãnh đạo của đảng. Không cần phải chứng minh cũng thấy rằng nếu không có những mối liên hệ tinh thần vô hình ấy ràng buộc đảng vào quần chúng ngoài đảng, thì đảng có lẽ đã không thể trở thành lực lượng quyết định của giai cấp mình được.

Đảng là bộ phận không thể tách khỏi giai cấp công nhân.

Lê-nin nói:

«Chúng ta là đảng của giai cấp, bởi vậy *hầu hết toàn bộ giai cấp* (và trong thời kỳ chiến tranh, trong thời kỳ nội chiến, thì toàn bộ giai cấp, không trừ một người nào cả) cần phải hoạt động dưới sự lãnh đạo của đảng ta, phải triệt để xiết thật chặt hàng ngũ chung quanh đảng ta. Nhưng người nào nghĩ rằng dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, hầu hết toàn bộ giai cấp hay toàn bộ giai cấp một ngày kia sẽ đủ sức vươn lên đến chỗ đạt được trình độ giác ngộ và tích cực của đội tiên phong của nó, của đảng xã hội - dân chủ của nó thì người ấy sẽ rơi vào chủ nghĩa Ma-ni-lốp và «chủ nghĩa theo đuôi». Dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, ngay cả tổ chức công đoàn (tổ chức sơ khai hơn; vừa tầm hơn đối với sự giác ngộ của những tầng lớp còn lạc hậu), cũng không đủ sức bao gồm được gần toàn bộ hay toàn bộ giai cấp công nhân, nên không bao giờ một người xã hội - dân chủ nào biết tôn trọng lẽ phải lại nghi ngờ điều đó cả. Nhưng chúng ta sẽ tự dối mình, sẽ nhắm mắt trước những nhiệm vụ lớn lao của chúng ta, thu hẹp những nhiệm vụ đó lại, nếu chúng ta quên sự khác nhau giữa đội tiên phong và tất cả những quần chúng xung quanh đội tiên phong đó; nếu chúng ta quên rằng đội tiên phong có nghĩa vụ thường xuyên phải *nâng* các tầng lớp ngày càng rộng rãi lên trình độ tiên tiến ấy» (xem tập VI, tr. 205 - 206)*.

2. *Đảng là đội có tổ chức của giai cấp công nhân.* Đảng không phải chỉ là đội tiên phong của giai cấp công nhân. Nếu đảng muốn thực sự lãnh đạo cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân, thì nó cũng phải là đội có *tổ chức* của giai

* Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 7, tr. 290 - 291. *(B.T.)*

cấp mình. Nhiệm vụ của đảng, trong những điều kiện của chủ nghĩa tư bản, thì cực kỳ rộng lớn và có nhiều loại khác nhau. Đảng phải lãnh đạo cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản trong những điều kiện cực kỳ khó khăn của sự phát triển trong nước và ngoài nước; nó phải dắt dẫn giai cấp vô sản tấn công khi tình thế bắt buộc phải tấn công; nó phải tránh cho giai cấp vô sản khỏi bị những đòn của kẻ thù mạnh thế khi tình thế bắt buộc phải rút lui; nó phải giáo dục cho quảng đại quần chúng công nhân ngoài đảng và không có tổ chức thấm nhuần được tính kỷ luật và tính kế hoạch trong đấu tranh, tính tổ chức và chí kiên quyết. Nhưng đảng chỉ có thể làm tròn những nhiệm vụ ấy, khi bản thân đảng là hiện thân của tính kỷ luật và tính tổ chức, khi bản thân đảng là một đội *có tổ chức* của giai cấp vô sản. Không có những điều kiện ấy, thì không thể nói đến việc đảng lãnh đạo thực sự quảng đại quần chúng của giai cấp vô sản.

Đảng là đội có tổ chức của giai cấp công nhân.

Ý niệm cho rằng đảng là một chỉnh thể có tổ chức đã được ghi trong công thức nổi tiếng mà Lê-nin thảo ra trong điểm thứ nhất của điều lệ đảng ta; căn cứ theo điểm đó, thì đảng được coi là *tổng số* các tổ chức của đảng, và các đảng viên là những thành viên của mỗi tổ chức của đảng. Bọn men-sê-vích, ngay từ năm 1903, đã phản đối công thức ấy, chúng đề nghị thay công thức đó bằng «chế độ» tự ghi tên vào đảng, tức là «chế độ» mở rộng «danh hiệu» đảng viên cho bất cứ «giáo sư» hoặc «học sinh trung học» nào, cho bất cứ «người cảm tình» hoặc «người bãi công» nào ủng hộ đảng bằng cách này hoặc bằng cách khác, nhưng không tham gia hay không muốn tham gia một trong những tổ chức của đảng. Không cần phải chứng minh cũng thấy rằng «chế độ» độc đáo ấy, nếu đem áp dụng trong đảng ta, thì nhất định phải đưa đến chỗ làm cho đảng tràn ngập những giáo sư và học sinh trung học, làm cho đảng biến thành một «cơ cấu» mơ hồ, không có hình thù

nhất định, không có tổ chức, chìm ngập trong một biển «người cảm tình», xóa bỏ tất cả ranh giới giữa đảng và giai cấp, vất bỏ nhiệm vụ của đảng là nâng cao những quần chúng không được tổ chức lên trình độ của đội tiên phong. Không cần phải nói cũng thấy rằng, với một «chế độ» cơ hội chủ nghĩa như thế, đảng ta có lẽ đã không làm tròn được vai trò hạt nhân tổ chức của giai cấp công nhân trong cách mạng của chúng ta.

Lê-nin nói :

«Theo quan điểm của đồng chí Mác-tốp, thì ranh giới của đảng vẫn hoàn toàn không được xác định rõ rệt, vì «mỗi người tham gia bãi công» đều có thể «tự xưng là đảng viên» được. Sự lờ mờ ấy có ích lợi gì ? Có ích lợi là làm cho nhiều người mang được «danh hiệu» ấy. Cái hại của nó là gây ra tư tưởng làm *hỗn loạn tổ chức*: làm lẫn lộn giai cấp với đảng (như trên, tr. 211)*.

Nhưng đảng không phải chỉ là *tổng số* những tổ chức của nó, đảng đồng thời cũng là *hệ thống* thống nhất những tổ chức ấy, là sự kết hợp một cách chính thức những tổ chức ấy thành một chỉnh thể thống nhất, có những cơ quan lãnh đạo cấp trên và cấp dưới, có nguyên tắc thiểu số phải phục tùng đa số, có những quyết định thực tế mà hết thảy các đảng viên đều phải tuân theo. Không có những điều kiện như thế, đảng không thể thành một chỉnh thể thống nhất và có tổ chức, đủ sức bảo đảm lãnh đạo có kế hoạch và có tổ chức cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân.

Lê-nin nói :

«*Trước kia* đảng ta chưa phải là một chỉnh thể chính thức có tổ chức, mà chỉ là một tổng số những nhóm riêng biệt và do đó, giữa các nhóm ấy không thể có những quan hệ nào khác, ngoài sự tác động về mặt tư tưởng. *Hiện nay*, chúng ta đã trở thành một

---

* Xem V. I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 7, tr. 298. *(B.T.)*

đảng có tổ chức, điều ấy có nghĩa là chúng ta đã tạo ra một quyền lực, biến uy tín về tư tưởng thành uy tín về quyền lực, khiến cấp dưới phải phục tùng cấp trên của đảng» *(như trên, tr. 291)**.

Nguyên tắc thiểu số phục tùng đa số, nguyên tắc một cơ quan trung ương lãnh đạo công tác đảng thường bị những phần tử bấp bênh công kích, buộc cho là «chủ nghĩa quan liêu», là «chủ nghĩa hình thức» v.v.. Không cần phải chứng minh cũng thấy rằng nếu không thực hành những nguyên tắc ấy, thì không thể có được công tác có kế hoạch của đảng — đảng coi như là một chỉnh thể — và sự lãnh đạo cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân. Đứng về mặt tổ chức mà nói, chủ nghĩa Lê-nin là sự áp dụng chặt chẽ những nguyên tắc ấy. Lê-nin gọi cuộc đấu tranh chống những nguyên tắc ấy là «chủ nghĩa hư vô Nga» và «chủ nghĩa vô chính phủ đại quý tộc» đáng chế giễu và đáng vứt bỏ.

Trong quyển *Một bước tiến*, Lê-nin nói về những phần tử bấp bênh ấy như sau:

«Chỉ có phái hư vô ở Nga mới đặc biệt có thứ chủ nghĩa vô chính phủ đại quý tộc đó. Đối với phái này, tổ chức của đảng có vẻ như là một «công xưởng» kỳ quái; nguyên tắc bộ phận phục tùng toàn bộ và thiểu số phục tùng đa số được họ coi là một sự «nô dịch»..., sự phân công dưới sự lãnh đạo của trung ương làm cho họ la lối vừa thảm thiết vừa buồn cười rằng như thế là biến con người thành «những bánh xe và lò xo»..., chỉ nhắc tới điều lệ tổ chức của đảng cũng khiến họ nhăn mặt khinh bỉ và miệt thị cho rằng người ta có thể hoàn toàn không cần đến điều lệ...».

«Rõ ràng là những lời la ó về cái chủ nghĩa quan liêu nổi tiếng chẳng qua chỉ nhằm che giấu sự bất mãn về thành phần ủy viên trong cơ quan trung ương, đó chỉ là một chiếc lá nho... Anh là một người quan liêu chủ nghĩa vì anh đã được đại hội cử ra trái với ý muốn của tôi; anh là người hình thức chủ nghĩa vì anh dựa trên những nghị quyết hình thức của đại hội chứ không dựa trên

---

* Xem V.I. Lê-nin, *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 7.tr. 423 *(BT)*

sự đồng ý của tôi; anh hành động một cách máy móc thô bạo, vì anh lấy nê cái đa số «máy móc» của đại hội đảng, chứ không đếm xỉa gì đến nguyện vọng của tôi là muốn được bổ tuyển; anh là người chuyên chế vì anh không muốn giao quyền vào tay nhóm bạn bè thân cũ* » (xem tập VI, tr. 310 và 287)**.

3. *Đảng là hình thức tổ chức giai cấp cao nhất của giai cấp vô sản.* Đảng là đội có tổ chức của giai cấp công nhân. Nhưng nó không phải là tổ chức duy nhất của giai cấp công nhân. Giai cấp vô sản còn có cả một loạt tổ chức khác, không có những tổ chức ấy thì đảng không thể đấu tranh thắng lợi chống Tư bản được, những tổ chức đó là: các công đoàn, các hợp tác xã, các tổ chức ở nhà máy, các đảng đoàn nghị viện, các hội liên hiệp phụ nữ ngoài đảng, báo chí, các tổ chức văn hóa và giáo dục, các hội liên hiệp thanh niên, các tổ chức cách mạng chiến đấu (trong thời kỳ hành động cách mạng công khai), các Xô-viết đại biểu với tư cách là hình thức tổ chức Nhà nước (nếu giai cấp vô sản cầm quyền), v.v.. Tuyệt đại đa số những tổ chức ấy là tổ chức ngoài đảng; và chỉ có một vài tổ chức là trực thuộc đảng hoặc là chi nhánh của đảng. Trong những điều kiện nào đó, tất cả những tổ chức ấy đều tuyệt đối cần thiết cho giai cấp vô sản, vì không có những tổ chức ấy, thì không thể củng cố các trận địa giai cấp của giai cấp vô sản trong các lĩnh vực khác nhau của cuộc đấu tranh, không thể tôi luyện giai cấp vô sản thành một lực lượng có trách nhiệm đem chế độ xã hội chủ nghĩa thay vào chế độ tư sản. Nhưng làm thế nào thực hiện được sự thống nhất lãnh đạo, khi có rất nhiều những tổ chức như thế? Cái gì có thể bảo đảm rằng việc có nhiều tổ chức như thế lại không gây ra những tình trạng không nhất trí trong việc lãnh

---

* Đây là chỉ «nhóm bạn bè thân» gồm Ác-xen-rốt, Mác-tốp, Pô-tơ-re-xốp v.v. họ không phục tùng nghị quyết của đại hội II và buộc cho Lê-nin là « quan liêu chủ nghĩa ». *J. Sta-lin.*

** Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 7, tr. 453 và 417 - 418. *(B.T.)*

đạo? Người ta sẽ nói rằng những tổ chức ấy tiến hành công tác của mình trong từng lĩnh vực riêng biệt, vì thế không thể gây khó khăn cho nhau được. Dĩ nhiên, điều đó là đúng. Nhưng cũng đúng là tất cả các tổ chức ấy đều phải tiến hành công tác theo một hướng duy nhất, vì những tổ chức đó đều phục vụ một giai cấp *duy nhất* là giai cấp vô sản. Người ta tự hỏi: ai quy định đường lối, phương hướng chung mà tất cả các tổ chức đều phải tuân theo trong công tác của mình? Tổ chức trung ương nào không những có đủ khả năng định ra đường lối chung ấy, vì đã có kinh nghiệm cần thiết, mà còn có thể — vì có đủ uy tín để làm việc này — khuyến khích tất cả những tổ chức ấy thực hành đường lối đó để có được sự thống nhất lãnh đạo và loại trừ khả năng phát sinh những sự gián đoạn?

Tổ chức ấy, chính là đảng của giai cấp vô sản.

Đảng có đủ tất cả những điều kiện cần thiết để làm nhiệm vụ ấy: một là vì đảng là nơi tập hợp các phần tử ưu tú nhất của giai cấp công nhân, họ liên hệ trực tiếp với những tổ chức ngoài đảng của giai cấp vô sản và họ thường lãnh đạo những tổ chức ấy; hai là vì đảng là nơi tập hợp lớp người ưu tú nhất của giai cấp công nhân nên đảng là trường học tốt nhất để đào tạo những lãnh tụ của giai cấp công nhân, những lãnh tụ có khả năng lãnh đạo tất cả các hình thức tổ chức của giai cấp họ; ba là vì đảng là trường học tốt nhất để đào tạo lãnh tụ của giai cấp công nhân, nên đảng, do kinh nghiệm và uy tín của mình, là tổ chức duy nhất có đủ khả năng tập trung sự lãnh đạo đấu tranh của giai cấp vô sản, và do đó biến tất cả mọi tổ chức ngoài đảng của giai cấp công nhân thành những tổ chức phụ thuộc và những dây chuyền nối liền đảng với giai cấp.

Đảng là hình thức tổ chức giai cấp cao nhất của giai cấp vô sản.

Cố nhiên nói như thế không phải có nghĩa là những tổ chức ngoài đảng, như công đoàn, hợp tác xã v.v. phải phụ thuộc

một cách chính thức vào sự lãnh đạo của đảng. Chỉ cần các đảng viên tham gia các tổ chức ấy mà trong đó họ có uy tín rõ rệt, dùng đủ mọi phương pháp thuyết phục để làm cho các tổ chức ngoài đảng, trong công tác của họ, đi sát với đảng của giai cấp vô sản và hoàn toàn tự nguyện nhận sự lãnh đạo chính trị của đảng.

Bởi vậy, Lê-nin nói rằng đảng là «hình thức *cao nhất* của sự liên hợp giai cấp của những người vô sản», sự lãnh đạo chính trị của đảng phải mở rộng ra tới tất cả những hình thức tổ chức khác của giai cấp vô sản (xem tập XXV, tr. 194)*.

Bởi vậy, lý luận cơ hội chủ nghĩa về «tính độc lập» và «tính trung lập» của những tổ chức ngoài đảng, lý luận làm tăng thêm con số những nghị viện *độc lập*, những nhà chính luận *tách khỏi* đảng, những hội viên công đoàn *thiển cận* và những nhân viên hợp tác xã *tư sản hóa*, là lý luận tuyệt đối không thể đi đôi với lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa Lê-nin được.

4. *Đảng là công cụ của chuyên chính vô sản.* Đảng là hình thức tổ chức tối cao của giai cấp vô sản. Nó là nhân tố lãnh đạo chủ yếu trong giai cấp vô sản và giữa các tổ chức của giai cấp này. Nhưng tuyệt nhiên không phải vì thế mà có thể coi đảng là một mục đích tự nó, là một lực lượng độc lập tự tại. Đảng không những chỉ là hình thức tối cao của sự liên hợp giai cấp của những người vô sản, mà đảng đồng thời lại là một *công cụ* trong tay giai cấp vô sản *để* giành chuyên chính khi chưa giành được chuyên chính, để củng cố và mở rộng chuyên chính, khi đã giành được rồi. Đảng có lẽ đã không thể nâng cao được tác dụng của mình lên đến như thế và có lẽ đã không hơn gì tất cả các hình thức tổ chức khác của giai cấp vô sản, nếu giai cấp vô sản không bị đặt trước vấn đề chính quyền, nếu những điều kiện do chủ nghĩa đế quốc tạo

---

* Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 31, tr. 32. *(B.T.)*

ra, những chiến tranh không thể tránh khỏi, nạn khủng hoảng, không đòi hỏi phải tập trung hết thảy mọi lực lượng của giai cấp vô sản vào một điểm duy nhất, phải tập hợp hết thảy mọi mối của phong trào cách mạng vào một nơi duy nhất, để lật đổ giai cấp tư sản và giành chuyên chính vô sản. Đảng cần thiết cho giai cấp vô sản, trước hết vì nó là bộ tham mưu chiến đấu, dùng để giành chính quyền một cách thắng lợi. Chẳng cần phải chứng minh cũng thấy rằng không có một đảng có khả năng tập hợp được xung quanh mình những tổ chức quần chúng của giai cấp vô sản và tập trung được, trong quá trình chiến đấu, sự lãnh đạo toàn bộ phong trào, thì giai cấp vô sản có lẽ đã không thực hiện được chuyên chính cách mạng của mình ở Nga.

Nhưng đảng không những chỉ cần thiết cho giai cấp vô sản để giành chuyên chính; nó còn cần thiết hơn để duy trì chuyên chính, củng cố và mở rộng chuyên chính, đặng bảo đảm cho chủ nghĩa xã hội thắng lợi hoàn toàn.

Lê-nin nói:

«Chắc chắn là ngày nay, hầu hết mọi người đều thấy rằng những người bôn-sê-vích sẽ không thể giữ vững được chính quyền, tôi không nói được tới hai năm rưỡi, mà ngay cả đến hai tháng rưỡi cũng không được nữa, nếu đảng ta không có một kỷ luật nghiêm ngặt nhất, không có một kỷ luật sắt thật sự, không được sự ủng hộ đầy đủ và hoàn toàn của tất cả quần chúng giai cấp công nhân, nghĩa là của tất cả những người nào trong giai cấp ấy biết suy nghĩ, có tính trung thực, tận tụy đến mức hy sinh, có uy tín, có khả năng dẫn dắt theo mình hoặc lôi cuốn được những tầng lớp chậm tiến» (*như trên*, tr. 173)*.

Nhưng «duy trì» và «mở rộng» chuyên chính nghĩa là gì? Là giáo dục cho hàng triệu người vô sản thấm nhuần tính kỷ luật và tính tổ chức; là tạo nên trong quần chúng vô sản sự

---

*Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 31, tr. 7. *(B.T.)*

cố kết và một thành lũy chống lại tác dụng ăn mòn của thế lực tự phát tiểu tư sản và của những tập quán tiểu tư sản, là tăng cường công tác tổ chức những người vô sản nhằm giáo dục lại và cải tạo những tầng lớp tiểu tư sản, là giúp đỡ quần chúng vô sản tự giáo dục để trở thành một lực lượng đủ sức xóa bỏ các giai cấp và chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho việc tổ chức nền sản xuất xã hội chủ nghĩa. Vả lại không thể thực hiện được tất cả những việc ấy, nếu không có một đảng mạnh nhờ sự đoàn kết và kỷ luật của nó.

Lê-nin nói:

«Chuyên chính vô sản là một cuộc đấu tranh ngoan cường, đổ máu và không đổ máu, bạo lực và hòa bình, bằng quân sự và kinh tế, bằng giáo dục và hành chính, chống những thế lực và tập tục của xã hội cũ. Sức mạnh của tập quán ở hàng triệu và hàng chục triệu người là sức mạnh ghê gớm nhất. Không có một đảng gang thép, được tôi luyện trong đấu tranh, không có một đảng được tất cả những phần tử trung thực trong giai cấp nói trên tín nhiệm, không có một đảng biết nhận xét tâm trạng quần chúng và biết ảnh hưởng lại tâm trạng đó, thì không thể tiến hành cuộc đấu tranh ấy thắng lợi được» (*như trên*, tr. 190)*.

Giai cấp vô sản cần phải có đảng để giành lấy và duy trì chuyên chính của mình. Đảng là công cụ của chuyên chính vô sản.

Vậy nên các giai cấp mà biến đi và chuyên chính vô sản mà tiêu vong thì đảng cũng tiêu vong theo.

5. *Đảng là khối thống nhất ý chí, không tương dung được với sự tồn tại của những tổ chức bè phái*. Không thể giành và duy trì được chuyên chính vô sản, nếu không có một đảng mạnh nhờ sự đoàn kết và kỷ luật sắt của nó. Nhưng không thể quan niệm là có kỷ luật sắt trong đảng được, nếu không

* Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 31, tr. 27. *(B.T.)*

có sự thống nhất ý chí, không có sự thống nhất hành động hoàn toàn và tuyệt đối của toàn thể đảng viên. Như thế, dĩ nhiên không có nghĩa là vì vậy mà gạt bỏ khả năng đấu tranh tư tưởng trong nội bộ đảng. Trái lại, kỷ luật sắt không gạt bỏ phê bình và đấu tranh tư tưởng trong nội bộ đảng, mà còn đòi hỏi phải có phê bình và đấu tranh tư tưởng. Hơn nữa, như thế lại càng không có nghĩa là kỷ luật phải là kỷ luật «mù quáng». Trái lại, kỷ luật sắt không gạt bỏ sự phục tùng tự giác và tự nguyện mà còn đòi hỏi phải có sự phục tùng đó, vì chỉ có một kỷ luật tự giác mới có thể thực sự là kỷ luật sắt. Nhưng một khi đấu tranh tư tưởng đã chấm dứt, phê bình đã xong xuôi, và nghị quyết đã thông qua, thì sự thống nhất ý chí và sự thống nhất hành động của toàn thể đảng viên là điều kiện tất yếu, không có nó thì không thể có đảng thống nhất, không thể có kỷ luật sắt trong đảng.

Lê-nin nói:

«Trong thời kỳ nội chiến gay go này, đảng cộng sản chỉ có thể làm tròn nghĩa vụ của mình nếu nó được tổ chức một cách tập trung nhất, nếu nó được điều khiển bởi một kỷ luật sắt gần như kỷ luật quân sự, và nếu Trung ương đảng là một cơ quan có uy tín cao, có quyền lực rộng rãi và được toàn thể đảng viên tín nhiệm» (xem tập XXV, tr. 282 - 283)*.

Kỷ luật đảng trong những điều kiện đấu tranh trước khi giành được chuyên chính là như thế.

Cũng phải nói như thế, nhưng trong một phạm vi còn rộng hơn, về kỷ luật của đảng, sau khi giành được chuyên chính.

---

* Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 31, tr. 185. *(B.T.)*

Lê-nin nói :

« kẻ nào chỉ làm yếu chút ít kỷ luật sắt trong đảng của giai cấp vô sản (nhất là trong thời kỳ chuyên chính của nó), thì thật ra đã giúp cho giai cấp tư sản chống lại giai cấp vô sản» (xem tập, XXV, tr. 190)*.

Bởi vậy, sự tồn tại của những bè phái không thể tương dung được với sự thống nhất của đảng và với kỷ luật sắt của đảng. Vị tất đã cần phải chứng minh rằng sự tồn tại của những bè phái đưa đến chỗ lập ra nhiều trung ương ; mà sự tồn tại nhiều trung ương có nghĩa là không có một trung ương chung trong đảng, là ý chí thống nhất bị phân tán, kỷ luật lỏng lẻo và tan rã, chuyên chính lỏng lẻo và tan rã. Cố nhiên, các đảng của Quốc tế II chống lại chuyên chính vô sản và không muốn đưa vô sản đến chỗ cướp chính quyền, đều có thể tự cho phép mình theo chủ nghĩa tự do này là tự do lập bè phái, vì họ không hề cần đến kỷ luật sắt. Nhưng các đảng của Quốc tế Cộng sản là những đảng tổ chức công tác của mình trên cơ sở nhiệm vụ : giành lấy và củng cố chuyên chính vô sản, — thì không thể nào dung nhận «chủ nghĩa tự do» cũng như quyền tự do lập bè phái.

Đảng chính là sự thống nhất ý chí loại trừ mọi chủ nghĩa bè phái và mọi sự phân tán quyền lực trong đảng.

Bởi vậy, Lê-nin đã «đứng trên quan điểm coi sự thống nhất của đảng và việc thực hiện thống nhất ý chí trong đội tiên phong của giai cấp vô sản là điều kiện căn bản đảm bảo cho chuyên chính vô sản thắng lợi» mà vạch ra «các nguy cơ của hành động bè phái», — điều này đã được ghi trong một nghị quyết đặc biệt « Về sự thống nhất của đảng»[33] đã được đại hội X của đảng ta thông qua.

---

* Xem V. I. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 31, tr. 27. *(B.T.)*

Bởi vậy, Lê-nin đòi «xóa bỏ hoàn toàn mọi hành động bè phái», và «giải tán tức khắc hết thảy mọi nhóm đã thành lập trên lập trường này hoặc lập trường nọ, không trừ một nhóm nào cả», nếu không thì «chắc chắn và tức khắc bị khai trừ ra khỏi đảng» (xem nghị quyết «Về sự thống nhất của đảng»).

6. *Đảng được tăng cường do thanh trừ những phần tử cơ hội chủ nghĩa.* Những phần tử cơ hội chủ nghĩa trong đảng, đấy là nguồn gốc của chủ nghĩa bè phái. Giai cấp vô sản không phải là một giai cấp đóng kín cửa. Luôn luôn người ta thấy những phần tử xuất thân là nông dân, là tiểu tư sản, những người trí thức vô sản hóa trong quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản, nhập vào giai cấp đó. Đồng thời, có một quá trình giải thể trong các tầng lớp trên của giai cấp vô sản, nhất là trong đám những lãnh tụ công đoàn và những nghị viên mà giai cấp tư sản nuôi dưỡng bằng siêu lợi nhuận lấy ở các thuộc địa. Lê-nin nói: «Lớp công nhân tư sản hóa hay «công nhân quý tộc» ấy, hoàn toàn mang tính chất tiểu tư sản do lối sống, do tiền lương, do thế giới quan của họ, — họ là trụ cột chủ yếu của Quốc tế II, và ngày nay là *trụ cột* chủ yếu *về mặt xã hội* (chứ không phải về mặt quân sự) *của giai cấp tư sản*. Vì họ là *tay sai* thực sự *của giai cấp tư sản trong* phong trào *công nhân*, là những công nhân tay chân của giai cấp tư bản..., những tay truyền bá thực sự chủ nghĩa cải lương và chủ nghĩa sô-vanh» (xem tập XIX, tr. 77)*.

Hết thảy các nhóm tiểu tư sản ấy chui vào đảng bằng cách này hay cách khác; họ mang vào đảng tinh thần dao động và cơ hội chủ nghĩa, tinh thần bạc nhược, và do dự. Chính họ là nguồn gốc của chủ nghĩa bè phái và sự tan rã, nguồn gốc làm hỗn loạn tổ chức đảng mà họ phá hoại từ bên trong.

---

* Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 22, tr. 243. *(B.T.)*

Chiến đấu chống chủ nghĩa đế quốc mà có những «đồng minh» như thế ở hậu phương, là đưa mình vào thế bị đánh cả hai phía, phía trước và phía sau. Cho nên đấu tranh quyết liệt chống những phần tử như thế và đuổi chúng ra khỏi đảng là điều kiện tiên quyết để thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc.

Cái lý luận cho rằng người ta «có thể chiến thắng» được những phần tử cơ hội chủ nghĩa bằng một cuộc đấu tranh tư tưởng trong nội bộ đảng, cho rằng người ta phải «tiễu trừ» những phần tử ấy trong khuôn khổ của một đảng duy nhất, là một lý luận thối tha và nguy hiểm, nó gây ra nguy cơ làm cho đảng bị tê liệt và bị ốm yếu kinh niên, làm cho đảng trở thành miếng mồi của chủ nghĩa cơ hội; làm cho giai cấp vô sản mất đảng cách mạng, làm cho giai cấp vô sản mất vũ khí chủ yếu trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc. Có lẽ đảng ta sẽ không thể bước vào được con đường rộng rãi thênh thang, sẽ không nắm được chính quyền và tổ chức được chuyên chính vô sản, sẽ không thắng được trong nội chiến, nếu trong hàng ngũ của đảng lại có bọn Mác-tốp và bọn Đan, bọn Pô-tơ-re-xốp và bọn Ác-xen-rốt. Nếu đảng ta đã kiến lập được sự thống nhất nội bộ và sự đoàn kết chưa từng có trong hàng ngũ của mình, trước hết là vì đảng ta đã biết kịp thời tẩy rửa được nhơ nhớp của chủ nghĩa cơ hội, vì đã biết đuổi ra khỏi đảng bọn thủ tiêu và bọn men-sê-vích. Con đường phát triển và củng cố của các đảng vô sản phải kinh qua việc thanh trừ bọn cơ hội chủ nghĩa và bọn cải lương chủ nghĩa, bọn xã hội - đế quốc chủ nghĩa và bọn xã hội - sô-vanh, bọn xã hội - ái quốc và bọn xã hội - hòa bình chủ nghĩa.

Đảng được tăng cường do thanh trừ những phần tử cơ hội chủ nghĩa.

Lê-nin nói :

«Nếu trong hàng ngũ ta, có bọn cải lương chủ nghĩa, bọn men-sê-vích, thì ta *không thể* làm cho cách mạng vô sản thắng được, *không thể* bảo vệ được cách mạng vô sản. Đấy là một nguyên tắc hiền nhiên. Kinh nghiệm nước Nga và nước Hung đã xác nhận rõ rệt điều đó... Ở Nga, đã *nhiều lần* gặp những tình thế khó khăn, khiến chế độ xô-viết *chắc chắn* sẽ bị lật đổ, nếu bọn men-sê-vích, bọn cải lương chủ nghĩa, bọn dân chủ - tiểu tư sản hãy còn ở trong đảng ta..., ở Ý, theo nhận xét chung, người ta đang đi tới những cuộc chiến đấu quyết liệt của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản để giành lấy chính quyền Nhà nước. Gặp lúc như thế, không những là tuyệt đối cần thiết phải đuổi ra khỏi đảng bọn men-sê-vích, bọn cải lương chủ nghĩa, bọn Tu-ra-ti, mà thậm chí còn có thể cần phải đuổi ra khỏi đảng những người cộng sản rất tốt, có thể do dự và đã do dự tỏ ý muốn «thống nhất» với bọn cải lương chủ nghĩa, cần phải gạt họ ra khỏi những chức vụ quan trọng... Ngay trước khi cách mạng bùng nổ và trong những lúc đấu tranh quyết liệt nhất cho cách mạng thắng lợi, những do dự nhỏ nhặt trong nội bộ đảng cũng có thể làm *hỏng hết mọi việc*, làm cho cách mạng thất bại, làm cho giai cấp vô sản bị mất chính quyền vì chính quyền ấy chưa được vững vàng, vì sự tấn công mà nó phải chịu lại quá mạnh. Nếu gặp lúc như thế, mà những lãnh tụ dao động rút lui đi, thì như thế không làm cho cả đảng, lẫn phong trào công nhân và cả cuộc cách mạng yếu đi, mà lại mạnh thêm» (xem tập XXV, tr. 462, 463, 464)*.

IX

TÁC PHONG CÔNG TÁC

Đây không phải là nói về văn phong. Tôi muốn nói với các đồng chí về tác phong công tác, về cái nét đặc biệt và độc đáo trong thực tiễn của chủ nghĩa Lê-nin, cái nét đã tạo nên

* Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 31, tr. 357, 358, 359. *(B.T.)*

loại hình đặc biệt về người cán bộ lê-nin-nít. Chủ nghĩa Lê-nin là một trường lý luận và thực tiễn đào tạo ra một loại hình đặc biệt về người cán bộ đảng và Nhà nước, sáng tạo ra một tác phong đặc biệt, lê-nin-nít trong công tác.

Những nét đặc trưng của tác phong ấy là gì? Đặc điểm của tác phong ấy là gì?

Có hai đặc điểm:

a) dũng khí cách mạng Nga và

b) óc thực tế Mỹ.

Tác phong của chủ nghĩa Lê-nin là sự kết hợp hai đặc điểm ấy trong công tác đảng và Nhà nước.

Dũng khí cách mạng Nga là một thứ thuốc giải độc chống tính ỳ, óc thủ cựu, chủ nghĩa bảo thủ, sự trì trệ của tư tưởng, thái độ nô lệ đối với các truyền thống của tổ tiên. Dũng khí cách mạng Nga; chính là sức mạnh đầy sinh khí làm thức tỉnh tư tưởng, thúc đẩy tiến tới, đập tan quá khứ, mở ra tiền đồ. Không có dũng khí ấy, thì không có thể tiến lên được chút nào.

Nhưng trong thực tiễn, dũng khí cách mạng Nga rất dễ có cơ thoái hóa thành bệnh Ma-ni-lốp «cách mạng» rỗng tuếch, nếu trong công tác, dũng khí đó không được kết hợp với óc thực tế Mỹ. Những tỉ dụ về sự thoái hóa này, người ta đã thấy quá nhiều. Ai mà không biết cái bệnh sáng tác «cách mạng» và bệnh thích vạch ra kế hoạch «cách mạng» phát sinh từ sự tin tưởng mù quáng rằng sức mạnh của sắc lệnh có thể làm được mọi cái và cải biến được mọi cái? Trong câu chuyện nhan đề là *U-scom-sen* (Người cộng sản hoàn thiện), một nhà văn Nga, I. E-ren-bua, đã mô tả một điển hình «người bôn-sê-vích» mắc phải bệnh ấy, y tự đặt cho mình mục đích là phác ra một con người hoàn thiện một cách lý tưởng, để rồi... «chết đuối» luôn trong cái «công việc ấy.» Trong câu chuyện ấy có cường điệu rất nhiều, nhưng rõ ràng

là tác giả đã nắm được đúng căn bệnh. Nhưng có lẽ không ai chế giễu những người mắc bệnh ấy một cách thậm tệ và tàn nhẫn bằng Lê-nin. Lê-nin gọi sự tin tưởng không lành mạnh vào sự sáng tác và nặn ra sắc lệnh là «bệnh kiêu ngạo cộng sản».

Lê-nin nói :

«Bệnh kiêu ngạo cộng sản là cái bệnh của một người còn đang ở trong hàng ngũ đảng cộng sản, chưa bị khai trừ ra khỏi đảng, anh ta cứ tưởng dùng những pháp lệnh cộng sản là có thể giải quyết được tất cả mọi nhiệm vụ của mình» (xem tập XXVII, tr. 50 - 51)*.

Lê-nin thường đưa ra những nhiệm vụ thông thường, hàng ngày, để đối lập lại thói ba hoa «cách mạng». Người nhấn mạnh rằng bệnh sáng tác «cách mạng» là trái với tinh thần và nội dung của chủ nghĩa Lê-nin chân chính.

Lê-nin nói :

«Hãy bớt những lời hoa mỹ đi, và hãy làm thêm công việc giản dị, *thường ngày*... ».

«Hãy bớt bàn suông về chính trị mà quan tâm nhiều hơn nữa đến những sự việc... tầm thường nhất nhưng sinh động của công cuộc xây dựng cộng sản chủ nghĩa» (xem tập XXIV, tr. 343 và 335)**.

Óc thực tế Mỹ, trái lại, là liều thuốc giải độc chống bệnh Ma-ni-lốp «cách mạng» và bệnh sáng tác hư ảo. Óc thực tế Mỹ là một sức mạnh bất khuất, nó không biết đến và không thừa nhận một trở ngại nào cả, nó đạp đổ tất cả mọi chướng ngại với lòng kiên nhẫn thực tế của nó ; nó không thể không làm đến cùng một công việc đã được bắt đầu, dù đó là một

* Xem V. I. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 33, tr. 54. *(B.T.)*

** Xem V. I. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 29, tr. 319 và 386. *(B.T.)*

công việc không lớn lắm; đó là một sức mạnh, nếu không có sức mạnh đó thì không thể quan niệm được một công cuộc xây dựng đáng kể nào cả.

Nhưng óc thực tế Mỹ có cơ thoái hóa thành một chủ nghĩa sự vụ hẹp hòi và vô nguyên tắc, nếu nó không kết hợp với dũng khí cách mạng Nga. Ai còn không biết đến cái bệnh chủ nghĩa thực tiễn hẹp hòi và chủ nghĩa sự vụ vô nguyên tắc, nó thường đưa một số «người bôn-sê-vích» đến chỗ thoái hóa và lìa bỏ sự nghiệp cách mạng? Cái bệnh đặc biệt này đã được nhà văn Pin-ni-ác mô tả trong cuốn truyện của ông, nhan đề: *Cái năm trơ trụi*, trong đó tác giả nêu ra những điển hình «người bôn-sê-vích» Nga, đầy ý chí và quyết tâm thực tiễn, làm việc «với rất nhiều «nghị lực» nhưng không nhìn thấy triển vọng, không biết «làm để làm gì» và vì thế mà đi trệch con đường công tác cách mạng. Không ai chế giễu chua cay cái bệnh sự vụ ấy bằng Lê-nin. Người gọi đó là «chủ nghĩa thực tiễn hẹp hòi», «chủ nghĩa sự vụ ngu xuẩn». Chống lại bệnh đó, Người thường nêu ra sự nghiệp cách mạng sinh động và sự tất yếu phải có triển vọng cách mạng trong tất cả mọi công tác hàng ngày của chúng ta, do đó nhấn mạnh rằng chủ nghĩa sự vụ vô nguyên tắc, cũng như bệnh sáng tác «cách mạng», đều trái với chủ nghĩa Lê-nin chân chính.

Dũng khí cách mạng Nga kết hợp với óc thực tế Mỹ, đấy là thực chất của chủ nghĩa Lê-nin trong công tác đảng và Nhà nước.

Chỉ có kết hợp như thế, chúng ta mới có được một điển hình hoàn bị về người cán bộ Lê-nin-nít, và tác phong lê-nin-nít trong công tác.

«Sự thật», số 96, 97, 103, 105,
107, 108, 111;
26 và 30 tháng Tư, 9, 11, 14,
15 và 18 tháng Năm 1924

ĐẠI HỘI XIII ĐẢNG CỘNG SẢN (B) NGA [34]

23 - 31 Tháng năm 1924

« Sự thật » số 118 và 119 ;
27 và 28 tháng Năm 1934

BÁO CÁO TỔ CHỨC CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

24 tháng Năm

Thưa các đồng chí! Có thể nói hoàn cảnh chung hình thành ra ở trong nước và xung quanh đảng trong năm nay là hoàn cảnh thuận lợi. Những sự kiện chủ yếu là: cao trào kinh tế trong nước, tính tích cực nói chung được nâng cao, đặc biệt là tính tích cực của giai cấp công nhân được nâng cao, sinh hoạt đảng sôi nổi lên.

Vấn đề rút lại là: trong một năm nay đảng đã lợi dụng được hoàn cảnh ấy đến chừng mực nào để tăng cường ảnh hưởng của mình trong các tổ chức quần chúng ở xung quanh đảng; đảng đã đạt được đến chừng mực nào trong việc cải thiện thành phần của mình, cải thiện công tác của mình nói chung, cải thiện việc đăng ký, phân phối và đề bạt những cán bộ phụ trách; và cuối cùng, đảng đã đạt được đến chừng mực nào trong việc cải thiện sinh hoạt nội bộ của các tổ chức của mình.

Vì vậy tôi sẽ nói về tám vấn đề:

a) tình trạng của những tổ chức quần chúng ở xung quanh đảng và gắn liền đảng với giai cấp, và sự phát triển của ảnh hưởng cộng sản trong những tổ chức ấy;

b) tình trạng bộ máy Nhà nước, tức là tình trạng bộ máy dân ủy và bộ máy kinh tế hạch toán, cũng như tình trạng bộ máy xô-viết cấp dưới, và sự phát triển của ảnh hưởng cộng sản trong lĩnh vực này;

c) thành phần của đảng và khóa Lê-nin;

d) thành phần của các cơ quan lãnh đạo của đảng, cán bộ của đảng và đảng viên mới;

đ) công tác của đảng trong lãnh vực cổ động và tuyên truyền, công tác ở nông thôn;

e) công tác của đảng trong lãnh vực đăng ký, phân phối và đề bạt những cán bộ phụ trách là đảng viên và không phải là đảng viên;

g) sinh hoạt nội bộ của đảng;

h) kết luận.

Tôi buộc phải dẫn ra dưới đây hàng loạt con số, vì nếu không có những con số đó thì bản báo cáo sẽ không đầy đủ và không làm cho người nghe thỏa mãn. Đồng thời tôi cần phải nói trước rằng tôi không tin những con số ấy là tuyệt đối đúng, vì công tác thống kê của chúng ta đang còn kém lắm; sở dĩ kém thế là vì, rất đáng tiếc, không phải tất cả những nhà thống kê xô-viết đều có ý thức sơ đẳng về vinh dự nghề nghiệp.

Sau khi đã có lời nói trước cần thiết rồi tôi xin chuyển sang nói về những con số.

1. NHỮNG TỔ CHỨC QUẦN CHÚNG GẮN LIỀN ĐẢNG VỚI GIAI CẤP

a) *Công đoàn.* Theo tài liệu của ngành thống kê thì năm ngoái đã có 480 vạn người được tổ chức vào các công đoàn. Năm nay có 5 triệu người. Rõ ràng là số lượng đã tăng lên. Nếu lấy 12 công đoàn sản xuất cơ bản ra mà xét, lấy số công nhân đang làm việc trong các ngành sản xuất đó và số người đã được tổ chức ra mà xét, thì thấy rằng 92% công nhân đã

được tổ chức. Trong các ngành công nghiệp cơ bản, tổ chức công đoàn chiếm 91 - 92% toàn bộ giai cấp công nhân. Đó là ở lãnh vực công nghiệp.

Tình hình trong nông nghiệp xấu hơn, trong lãnh vực này có chừng 80 vạn công nhân nông nghiệp, hơn nữa, nếu lấy số công nhân nông nghiệp không làm việc trong các xí nghiệp Nhà nước ra mà xét, thì thấy rằng tổ chức công đoàn chiếm có 3%.

Còn về ảnh hưởng cộng sản trong các công đoàn thì có con số chủ tịch các ban chấp hành công đoàn tỉnh và các ban chấp hành công đoàn khu. Trước đại hội XII, số đảng viên đã hoạt động bí mật làm chủ tịch là trên 57%. Trước đại hội này, chỉ có 35%. Có sự giảm bớt. Thế nhưng số phần trăm những người vào đảng sau tháng Hai 1917 thì lại tăng lên. Đó là vì số người được tổ chức vào các công đoàn đã tăng lên, số đảng viên đã hoạt động bí mật không đủ nữa, nên cần bổ sung những đảng viên mới cho hàng ngũ cán bộ. Trong số những chủ tịch ấy, trước kia công nhân chiếm 55%, hiện nay chiếm 61%. Như thế là thành phần xã hội của các cơ quan lãnh đạo đã được cải thiện.

b) *Hợp tác xã.* Những con số trong lãnh vực này lộn xộn hơn bất cứ trong lãnh vực nào khác, và không làm cho người ta tin được. Năm ngoái, trong hợp tác xã tiêu thụ có khoảng 5 triệu xã viên. Thế mà năm nay đã có chừng 7 triệu. Cầu chúa cho chúng ta mỗi ngày là một năm mới, nhưng tôi không tin những con số ấy, vì những hợp tác xã tiêu thụ chưa thực hiện được đầy đủ nguyên tắc tự nguyện, cho nên trong đó tất nhiên là có những linh hồn chết. Trong hợp tác xã nông nghiệp hình như năm ngoái đã có 2 triệu xã viên (tuy rằng tôi có những số liệu do Liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp cung cấp hồi năm ngoái, cho biết là có 4 triệu xã viên), còn năm nay thì chỉ có 150 vạn xã viên. Có sự giảm sút về mặt tổ chức trong lãnh vực hợp tác xã

nông nghiệp, — điều đó không còn nghi ngờ gì cả. Thành phần đảng viên trong các cơ quan lãnh đạo ở trung ương hợp tác tiêu dùng năm ngoái là 87%, còn bây giờ là 86%. Có sự giảm sút. Trong các hợp tác xã tỉnh và hợp tác xã khu, năm ngoái số đảng viên cộng sản chiếm 68%, hiện nay chiếm 86%. Ảnh hưởng đã tăng lên. Nhưng, nếu đặt vấn đề không phải về những cơ quan «lãnh đạo», mà là về những cán bộ phụ trách thực sự làm công tác lãnh đạo, thì số đảng viên cộng sản chỉ chiếm tất cả có 26% trong toàn bộ số cán bộ phụ trách. Tôi cho rằng con số này có lẽ đúng hơn. Số đảng viên cộng sản trong các cơ quan lãnh đạo hợp tác xã nông nghiệp năm ngoái là 46% và năm nay là 55%. Nhưng nếu đi sâu thêm một bước nữa và lấy những cán bộ lãnh đạo phụ trách công tác ra mà xét, thì trong số đó đảng viên cộng sản chỉ chiếm tất cả có 13%.

Đấy, ở nước chúng ta có một số cán bộ thống kê đã biết trang hoàng như thế nào cái mặt đằng trước, cái vẻ bề ngoài, che giấu cái gì là thối nát.

c) *Đoàn thanh niên*. Số đoàn viên và đoàn viên dự bị năm ngoái là 31 vạn 7 nghìn (mặc dù tôi có số liệu năm ngoái, mang chữ ký của một ủy viên Ban Chấp hành trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Nga, chỉ rõ là có 40 vạn); còn năm nay số đoàn viên và đoàn viên dự bị là 57 vạn. Mặc dù có sự lộn xộn nào đó trong những con số, nhưng ở đây sự phát triển về mặt tổ chức là điều không còn nghi ngờ gì cả. Năm ngoái trong Đoàn thanh niên cộng sản Nga công nhân chiếm 34%, năm nay chiếm 41%; năm ngoái nông dân chiếm 43%, năm nay chiếm 40%. Số học sinh trong các trường học nghề của nhà máy năm ngoái là 5 vạn người, năm nay là 4 vạn 7 nghìn người. Số đảng viên Đảng cộng sản (b) Nga trong toàn đoàn thanh niên năm ngoái có chừng 10%, năm nay là 11%. Sự lớn mạnh lên cũng là điều không còn nghi ngờ gì được cả.

d) *Các đoàn thể nữ công nhân và nữ nông dân.* Tổ chức chủ yếu trong lĩnh vực này là những hội nghị đại biểu. Ở đây có vô vàn con số lộn xộn, nhưng nếu phân tích kỹ một chút thì sẽ thấy rằng năm ngoái ở các thành phố có 3 vạn 7 nghìn đại biểu, còn năm nay có 4 vạn 6 nghìn, nghĩa là nhiều hơn năm ngoái một chút. Ở các xã năm ngoái có 5 vạn 8 nghìn đại biểu, còn bây giờ có 10 vạn. Những đại biểu này đoàn kết được bao nhiêu quảng đại quần chúng nữ nông dân và nữ công nhân, về mặt này tôi không nhận được những con số chính xác đối chút.

Vì vấn đề thu hút nữ công nhân và nữ nông dân tham gia công tác xô-viết và công tác đảng có một tầm quan trọng đặc biệt, cho nên việc theo dõi số phần trăm nữ công nhân và nữ nông dân tham gia vào các cơ quan công đoàn, các Xô-viết, các ban chấp hành đảng bộ tỉnh và huyện, sẽ không phải là thừa. Trong các Xô-viết xã, năm ngoái phụ nữ chỉ chiếm cả thảy khoảng 1% (ít quá). Năm nay chiếm 2,9% (cũng còn rất ít), nhưng dầu sao cũng đã tăng lên. Năm ngoái trong các ban chấp hành huyện có 0,3% phụ nữ, năm nay có 0,5%, tăng lên rất ít, không đáng kể. Trong các ban chấp hành huyện, năm ngoái có gần 2% phụ nữ, còn năm nay có nhiều hơn 2% một chút (tôi nêu ra những số liệu của nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga, vì tôi không có số liệu của tất cả các nước cộng hòa). Ở các ban chấp hành tỉnh trong nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga, năm ngoái số phụ nữ có trên 2%, bây giờ có trên 3%. Năm nay 26% đoàn viên các công đoàn là phụ nữ, năm ngoái không có tài liệu. Trong số ủy viên ban chấp hành công đoàn các nhà máy - công xưởng, phụ nữ chiếm 14%. Trong số ủy viên các ban chấp hành công đoàn tỉnh, phụ nữ chiếm 6%, trong số ủy viên các ban chấp hành công đoàn trung ương, phụ nữ chiếm hơn 4%. Trong đảng, năm ngoái, phụ nữ chiếm chừng 8%, bây giờ có khoảng 9%. Trong số đảng viên dự bị

năm ngoái phụ nữ chiếm khoảng 9%, bây giờ có khoảng 11%. Đó là tình hình trước khóa Lê-nin. Trước đại hội XIII phụ nữ chiếm 3% trong các ban chấp hành tỉnh và khoảng 6% trong các ban chấp hành huyện. Trong những đoàn thể phụ nữ quan trọng nhất, tức là trong những hội nghị đại biểu, số đảng viên cộng sản trước kia là 10%, bây giờ là 8%. Sở dĩ có sự giảm bớt đó là vì số đại biểu ngoài đảng tăng lên. Cần phải thừa nhận rằng một nửa dân số Liên-xô chúng ta — chị em phụ nữ — vẫn còn đứng ở bên ngoài hoặc hầu như ở bên ngoài con đường to lớn xây dựng xô-viết và xây dựng đảng.

đ) *Quân đội.* Trong lục quân, trong các trường quân sự và trong hải quân tổng số đảng viên cộng sản đã giảm đi từ 61 nghìn xuống 52 nghìn. Đó là một khuyết điểm cần phải khắc phục. Đồng thời tổng số thành phần chỉ huy là đảng viên đã tăng lên. Trước đại hội XII, trong số cán bộ chỉ huy, đảng viên cộng sản chiếm 13%, bây giờ có 18%. Đứng về tuổi đảng mà nói, thành phần đảng viên trong quân đội rất đáng chú ý. Trong số 52 nghìn đảng viên cộng sản đang công tác trong hàng ngũ quân đội, thì 0,9% là cán bộ đã hoạt động bí mật: chưa được một phần trăm; số người gia nhập đảng từ sau tháng Hai đến hết tháng Mười 1917 là hơn 3%; số người gia nhập đảng trước năm 1919 là 11%, trong năm 1919 là 22%; trong năm 1920 là 23%; trong những năm 1921 - 1923 là 20%. Từ đó các đồng chí thấy rằng số đảng viên phục vụ trong quân đội ta nếu không phải hoàn toàn thì cũng chủ yếu là đảng viên mới.

e) *Những tổ chức tự nguyện do xã hội đề xướng.* — Một sự kiện làm người ta chú ý, đó là trong năm nay đã xuất hiện một loại tổ chức mới — những tổ chức tự nguyện, những tổ chức do xã hội đề xướng — đủ các loại nhóm và hội văn hóa - giáo dục, tổ chức thể thao, hội tương trợ, tổ chức thông tín viên công nhân và nông dân, v.v.. Số lượng những tổ chức

này tăng lên không ngừng, đồng thời cần nêu rõ là trong số những tổ chức này không phải chỉ có những tổ chức đồng tình với Chính quyền xô-viết, mà còn có cả những tổ chức thù địch nữa. Nếu lấy nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga mà xét, thì năm ngoái có thể có đến chừng 78 - 80 tổ chức do xã hội đề xướng như vậy, năm nay có hơn 300. Nếu lấy tổ chức thể dục trong cả nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga mà xét, thì số hội viên trong những tổ chức này năm ngoái có 126 nghìn, còn năm nay là 375 nghìn. Thành phần xã hội trong tổ chức này: công nhân, năm ngoái có 35%, bây giờ là 42%. Những ban chấp hành nhà máy - công xưởng và những câu lạc bộ trong các nhà máy, những ủy ban tương trợ [35] của nông dân ở nông thôn, là những hạt nhân cơ bản của các tổ chức này. Cái làm cho người ta chú ý chính là những tổ chức thông tín viên công nhân và thông tín viên nông dân, mục đích của các tổ chức này là trở thành những người thể hiện dư luận của giai cấp vô sản. Những tổ chức thông tín viên công nhân gồm có 25 nghìn người, những tổ chức thông tín viên nông dân gồm có 5 nghìn. Nếu nói sang thành phần những cơ quan tỉnh của các tổ chức ấy thì ta thấy năm ngoái trong nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga có 19% đảng viên cộng sản, năm nay có hơn 29%. Cuối cùng, không thể không nhắc đến một tổ chức mới, mà ngày hôm qua đã tổ chức cuộc diễu hành trước mộ Lê-nin[36], đó là những tổ chức thiếu niên tiền phong; theo sự tính toán của ngành thống kê chúng ta (mà như tôi đã nói là có hơi kém) thì số người trong những tổ chức này trước tháng Sáu năm ngoái là 75 nghìn, trước tháng Tư năm nay là hơn 161 nghìn. Trong số thiếu niên tiền phong ở những tỉnh công nghiệp, con em công nhân chiếm 71%, con em nông dân chiếm 7%. Trong

tổ chức thiếu niên tiền phong ở các vùng dân tộc con em công nhân chiếm 38%. Ở các tỉnh nông nghiệp con em công nhân chiếm 36%.

Đó là tình hình những tổ chức quần chúng bao quanh đảng và gắn liền đảng với giai cấp. Nói chung, ảnh hưởng của đảng trong những tổ chức ấy đã tăng lên, điều đó không còn nghi ngờ gì cả.

2. BỘ MÁY NHÀ NƯỚC

2. *Số lượng viên chức*. Theo tài liệu của ngành thống kê thì số viên chức trong các bộ dân ủy, nghĩa là số viên chức của những cơ quan nằm trong ngân sách Nhà nước, năm ngoái là hơn 150 vạn, năm nay hình như còn 120 vạn. Giảm bớt đi 30 vạn. Nhưng nếu nhìn sang những cơ quan làm việc trên cơ sở kinh tế hạch toán, thì chúng ta thấy năm nay trong lãnh vực này giảm bớt đi chừng 20 vạn (không có số liệu năm ngoái), nghĩa là chúng ta đã thắng lợi về phương diện giản chính trong những cơ quan nằm trong ngân sách Nhà nước, và chúng ta đã bị thất bại lớn trong những cơ quan làm việc trên cơ sở kinh tế hạch toán. Đó là tôi chưa nói đến một bộ phận viên chức đã được chuyển sang ngân sách địa phương, tức là không nằm trong con số tính ở trên. Nói chung, số lượng viên chức không có gì thay đổi, nếu không phải là đã tăng lên. Còn lại những viên chức trong hợp tác xã, năm ngoái là 103 nghìn, hiện nay là 125 nghìn, — có tăng lên; những viên chức trong các công đoàn, năm ngoái là 28 nghìn, hiện nay là 27 nghìn, và những viên chức trong cơ quan đảng, năm ngoái có 26 nghìn, còn hiện nay là 23 nghìn. Tổng cộng là 175 vạn 5 nghìn, không kể những viên chức nằm trong ngân sách địa phương. Các đồng chí thấy đấy, hiện nay

không có căn cứ để nói đến những thành tích trong việc giảm bớt những viên chức nói chung và đặc biệt là những viên chức của bộ máy Nhà nước.

b) *Số đảng viên trong những cơ quan cao cấp của quốc gia*. Nếu tính về nhân viên các cơ quan cao cấp, nhân viên các ban, đang lãnh đạo các ngành chủ yếu, và những người giúp việc họ (không kể công nghiệp), thì năm 1923, số đảng viên cộng sản chiếm 83%, năm nay chiếm 86%. Tất nhiên là có phần nào tiến bộ, nếu như so sánh với tình hình mà chúng ta đã trải qua hai năm trước đây. Năm ngoái, trong những cơ quan lãnh đạo này, công nhân chiếm 19%, năm nay chiếm 21%. Ít quá, nhưng dù sao cũng đã có tăng lên.

c) *Số đảng viên trong những cơ quan công nghiệp*. Còn về những cơ quan công nghiệp, những tơ-rớt, những xanh-đi-ca và những xí nghiệp lớn nhất, thì tình hình như sau: trong tất cả bộ máy của những tơ-rớt ở Liên-xô, năm ngoái số đảng viên cộng sản chiếm hơn 6%, năm nay có hơn 10%. Trong những cơ quan lãnh đạo của các tơ-rớt, các xanh-đi-ca và các xí nghiệp lớn nhất, năm ngoái số đảng viên cộng sản chiếm hơn 47%, năm nay có hơn 52%. Nếu xét số giám đốc những xí nghiệp lớn nhất, thì thấy là năm ngoái đảng viên cộng sản chiếm 31%, năm nay chiếm 61%. Trong tất cả bộ máy của những tơ-rớt của nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga, năm ngoái số đảng viên cộng sản là 9,5%, năm nay chiếm hơn 12% (gần 13%). Trong số những người lãnh đạo các tơ-rớt của nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga, trước kia số đảng viên cộng sản chiếm 37%, bây giờ là 49%. Trong toàn bộ bộ máy của những xanh-đi-ca, năm ngoái có 9%, năm nay có 10% là đảng viên cộng sản. Trong số những người lãnh đạo của những xanh-đi-ca trước kia có 42%, bây giờ có 55% là đảng viên cộng sản.

Nói chung, cần phải thừa nhận rằng trong những cơ quan kinh tế, nếu xét thành phần lãnh đạo, thì chúng ta có độ 48 - 50% là đảng viên cộng sản.

d) ***Số đảng viên trong những cơ quan thương nghiệp và tín dụng.*** Tình hình của những cơ quan thương nghiệp và tín dụng của chúng ta hoàn toàn khác hẳn, — hiện nay những cơ quan này có một ý nghĩa đặc biệt trong toàn bộ nền kinh tế của chúng ta. Thí dụ hãy xét bộ Nội thương, là cơ quan có ý nghĩa quan trọng nhất trong toàn bộ sự phát triển của nước ta. Trước cuộc cải cách gần đây nhất, ở cơ quan trung ương của bộ này, trong số những người lãnh đạo chỉ có tất cả 4% là đảng viên cộng sản. Nếu xét cơ quan trọng yếu nhất của bộ Ngoại thương, tức là Cơ quan thương nghiệp quốc gia, thì ở đây, trong số cán bộ có trọng trách cả thảy chỉ có 19% là đảng viên cộng sản, hơn nữa, căn cứ vào sự thật là 100% đảng viên cộng sản trong cơ quan trung ương của Cơ quan thương nghiệp quốc gia đã bị gạt ra hết, các đồng chí đều có thể xét đoán đó là những đảng viên cộng sản nào. (*Có tiếng cười.*) Tình hình của cơ quan quan trọng thứ hai, tức là Công ty lương thực, một cơ quan có ý nghĩa trong đại trong toàn bộ nền kinh tế, là như sau: ở 58 cửa hàng của Công ty lương thực có tất cả 9900 nhân viên công tác, không tính bộ máy của cơ quan trung ương, các chủ nhiệm và phó chủ nhiệm. Trong số nhân viên này 5,9% là đảng viên cộng sản, 0,7% là đoàn viên Đoàn thanh niên cộng sản Nga, số còn lại là những người ngoài đảng. Trong những cơ quan liên hệ gần gũi nhất với nông dân, tức là trong những trạm thu lúa mì, trong tất cả những trạm phụ và trong số nhân viên thu mua lương thực, tổng cộng có 17% là đảng viên cộng sản. Ở cơ quan trung ương của Công ty lương thực có 137 cán bộ phụ trách, trong đó có 13 đảng viên Đảng cộng sản (b) Nga, chiếm 9%. Cần phải thấy rằng việc sử dụng nữ đảng viên trong Công ty lương thực hết sức không hợp lý, chỉ có 20%

làm công tác phụ trách, 80% còn lại đều là những viên chức cấp dưới. Tình hình ở cơ quan tín dụng, như Ngân hàng quốc gia, cũng không tốt gì hơn. Đây là cơ quan tín dụng quan trọng nhất, có ý nghĩa trọng đại trong toàn bộ đời sống kinh tế của chúng ta. Các đồng chí đều biết sức mạnh của tín dụng; đó là một loại sức mạnh nhờ nó người ta chỉ cần cho phát hành cái gọi là tín dụng ưu đãi là có thể bần cùng hóa hoặc nâng cao đời sống của bất cứ tầng lớp dân cư nào. Và chính trong toàn bộ bộ máy của cái Ngân hàng quốc gia đó vẻn vẹn chỉ có 7% là đảng viên cộng sản, trong bộ phận lãnh đạo chỉ có 12% là đảng viên cộng sản, trong khi đó thì Ngân hàng quốc gia lại quyết định số phận của hàng loạt xí nghiệp và của rất nhiều cơ quan kinh tế.

d) *Số đảng viên trong các Xô-viết.* Ở đây có những tài liệu về nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga. Trong những Xô-viết thôn, năm ngoái chúng ta có chừng 6% là đảng viên cộng sản còn hiện nay thì đã có hơn 7%. Trong những ban chấp hành xã, năm ngoái đảng viên cộng sản chiếm hơn 39%, hiện nay là 48%. Trong những ban chấp hành huyện, số đảng viên cộng sản trước kia là hơn 80%, bây giờ hơn 87%. Trong những Xô-viết thị trấn của các huyện lỵ, trước kia đảng viên cộng sản chiếm 61%, bây giờ ít hơn, còn 58%. Trong những ban chấp hành tỉnh, trước kia đảng viên cộng sản chiếm 90%, hiện nay là 89%. Trong những Xô-viết thị xã của những tỉnh lỵ, trước kia số đảng viên cộng sản chiếm 78%, hiện nay chiếm 71%. Trong ba tổ chức Xô-viết sau cùng này — trong những Xô-viết thị trấn của những huyện lỵ, trong những ban chấp hành tỉnh và những Xô-viết thị xã của những tỉnh lỵ — ảnh hưởng của quần chúng ngoài đảng không đáng kể, nhưng dù sao nó cũng tăng lên. Còn về những cuộc hội nghị toàn thể của các ban chấp hành tỉnh, — ở đây có tài liệu về 69 tỉnh, hơn nữa, còn có số liệu về 2623 nhân viên công tác. Những số liệu đó nói lên cái gì?

Nói lên rằng trong những hội nghị toàn thể của các ban chấp hành tỉnh có độ 11% là quần chúng ngoài đảng. Số phần trăm quần chúng ngoài đảng cao nhất là ở Xi-bi-ri và ở khu vực Viễn-đông, ở những nơi đó là 20 phần trăm. Còn về những nước cộng hòa dân tộc, ở những nơi đó có 7% là quần chúng ngoài đảng. Đó là con số phần trăm thấp nhất về số quần chúng ngoài đảng ở trong những ban chấp hành tỉnh. Và đó là ở những nước cộng hòa dân tộc, những nơi nói chung là có ít đảng viên!

3. THÀNH PHẦN TRONG ĐẢNG. KHÓA LÊ - NIN

a) *Số lượng*. Trước đại hội XII chúng ta có tất cả hơn 485 nghìn đảng viên và đảng viên dự bị. Hiện nay có 472 nghìn, không kể khóa Lê-nin. Cộng thêm với số đảng viên khóa Lê-nin, nếu lấy số liệu tính đến ngày 1 tháng Năm (trước ngày này đã có 128 nghìn người được kết nạp), thì số đảng viên của chúng ta là 600 nghìn người. Nếu cho rằng sau chừng hai tuần nữa, số lượng đảng viên khóa Lê-nin ít nhất sẽ là 200 nghìn người, — thì có thể xác định số đảng viên là 670 - 680 nghìn người.

b) *Thành phần xã hội trong đảng*. Năm ngoái công nhân có 44,9%, năm nay, không kể khóa Lê-nin, có 45,75%, tức là tăng thêm 0,8%. Nông dân trước có 25,7%, hiện có 24,6%, nghĩa là giảm 1,1%. Viên chức và những thành phần khác, trước có hơn 29%, hiện nay có hơn 29% một chút, nghĩa là tăng thêm không đáng kể. Nếu xét thành phần xã hội kể cả số đảng viên khóa Lê-nin, tính đến ngày 1 tháng Năm, thì 55,4% đảng viên và đảng viên dự bị của Đảng cộng sản (b) Nga là công nhân, 23% là nông dân, 21,6% là viên chức và những thành phần khác.

c) *Thành phần tính theo tuổi đảng.* Năm ngoái số người vào đảng trước năm 1905 là 0,7%, hiện nay còn 0,6%. Số người vào đảng trong những năm 1905 - 1916 là 2%, bây giờ vẫn là 2%. Số người vào đảng năm 1917 là hơn 9%, bây giờ còn ít hơn 9% một chút. Số người vào đảng năm 1918 là 16,5%, bây giờ còn 15,7%. Số người vào đảng năm 1920 là 31,5%, bây giờ còn 30,4%. Số người vào đảng năm 1921 là 10,5%, bây giờ còn 10,1%. Số người vào đảng năm 1922,— số liệu về năm này không có,— bây giờ là 3,2%. Số người vào đảng năm 1923 là 2,3%. Tất cả những con số này là chưa tính đến số đảng viên khóa Lê-nin.

d) *Thành phần dân tộc và nam nữ.* Trước đại hội XIII, số người Đại-Nga ở trong đảng là 72%, hiển nhiên là sau khóa Lê-nin tỷ lệ đó nhất định tăng lên. Nhóm thứ hai là những người U-cơ-ren, chiếm 5,88%. Nhóm thứ ba là những người Do-thái, chiếm 5,2%. Tiếp đến là những người thuộc những dân tộc Thổ, chiếm hơn 4%, và sau đó là những người thuộc những dân tộc khác, như Lét-tô-ni, Giê-óoc-gi, Ác-mê-ni, v.v.. Trước đại hội XII số nữ đảng viên có 7,8%, bây giờ là 8,8%. Số nữ đảng viên dự bị, trước có 9%, bây giờ là 10,5%. Trong khóa Lê-nin, phụ nữ chiếm 13% tổng số người được kết nạp vào đảng, như vậy là tỷ lệ số nữ đảng viên vừa kể trên có tăng thêm một chút.

Cuối cùng, tính đến ngày 1 tháng Chạp 1923, số công nhân đảng viên cộng sản trực tiếp sản xuất (đảng viên và đảng viên dự bị) là 17%, cộng thêm với số đảng viên khóa Lê-nin, nếu tính con số 128 nghìn, thì sẽ là 35,3%.

đ) *Số đảng viên trong giai cấp công nhân.* Nếu tính toàn bộ thành phần công nhân trong đảng chúng ta, nghĩa là tính cả số lượng công nhân hiện có, tính đến ngày 1 tháng Năm, và số lượng công nhân mà chúng ta sẽ có sau chừng hai tuần lễ nữa, khi số lượng đảng viên khóa Lê-nin đạt tới 200 nghìn (có lẽ còn vượt quá con số đó), thì tổng số thành phần công

nhân trong đảng chúng ta sẽ là 410 nghìn người trong tổng số 672 nghìn đảng viên. So với toàn bộ giai cấp vô sản công nghiệp và nông nghiệp Liên-xô gồm 4.100 nghìn người, thì con số đó chiếm 10%.

Chúng ta đã đạt được là cứ 100 công nhân thì có 10 người được tổ chức vào đảng.

4. THÀNH PHẦN TRONG NHỮNG CƠ QUAN LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG. CÁN BỘ VÀ ĐẢNG VIÊN MỚI

a) *Thành phần của những cơ quan địa phương.* Tôi xin lấy ví dụ những cuộc hội nghị toàn thể của các ban chấp hành tỉnh trong 45 tỉnh đảng bộ lớn và nhỏ. Số đảng viên hoạt động bí mật chiếm hơn 32% trong những hội nghị toàn thể của các ban chấp hành tỉnh, còn lại 67% bao gồm những người vào đảng về sau này: 23% là những người vào đảng năm 1917, 33% là những người vào đảng trong những năm 1918 - 1919, 9% là những người vào đảng năm 1920. Trong những cơ quan lãnh đạo ở địa phương, ở các ban chấp hành tỉnh đảng bộ lớn cũng như ở các ban chấp hành tỉnh đảng bộ nhỏ, chiếm đa số không phải là những đảng viên hoạt động bí mật, mà là những đảng viên vào đảng sau Cách mạng tháng Mười. Nếu lấy ví dụ những đoàn chủ tịch của các ban chấp hành tỉnh trong 52 tỉnh đảng bộ lớn và nhỏ (về những đảng viên này đã có tài liệu về tuổi đảng) thì số người vào đảng trước Cách mạng là 49%, sau tháng Hai 1917 là 19%, số người vào đảng trong những năm 1918 - 1919 là 26% và số còn lại là 6%. Ở đây, dẫu sao chúng ta vẫn thấy số đảng viên vào đảng ta sau tháng Hai chiếm đa số. Trước đại hội XII số đảng viên trước kia hoạt động bí mật và hiện phụ trách

những phòng tổ chức của các ban chấp hành tỉnh lớn và tỉnh nhỏ là 27,4%, và trước đại hội XIII là 30%; trước đại hội XII, số đảng viên trước kia hoạt động bí mật và hiện phụ trách tuyên truyền cổ động là 31%, hiện nay là 23%. Còn về những bí thư tỉnh ủy các tỉnh lớn và các tỉnh nhỏ, thì chúng ta lại thấy có xu hướng ngược lại. Trước đại hội XII, trong số bí thư tỉnh ủy các tỉnh lớn và các tỉnh nhỏ, thì 62,5% là những đảng viên đã hoạt động bí mật, trước đại hội này là 71%.

Nhiệm vụ rõ ràng là cần phải hạ thấp điều kiện tuổi đảng của những bí thư tỉnh ủy.

Thành phần của những cuộc hội nghị toàn thể huyện ủy của 67 huyện là như sau: số đảng viên đã hoạt động bí mật: 12%; số đảng viên vào đảng năm 1917: 22%; số đảng viên vào đảng trong những năm 1918 - 1919: 43%. Thành phần các bí thư huyện ủy, theo tài liệu của 248 huyện, là như sau: trước đại hội XIII, số đảng viên đã hoạt động bí mật chiếm 25%; số đảng viên vào đảng năm 1917 là 27%, tính đến Cách mạng tháng Mười số đảng viên vào đảng trước năm 1919 là 37%. Về thành phần các bí thư chi bộ ở 28 tỉnh (có tài liệu về 6541 bí thư): số đảng viên đã hoạt động bí mật có tất cả hơn 3%; đại bộ phận — 55% — là nhóm đảng viên gia nhập đảng sau Cách mạng tháng Mười, trong những năm 1917 - 1918.

Về thành phần xã hội trong 45 đảng bộ thì năm nay công nhân chiếm 48% trong các tỉnh ủy các tỉnh lớn và tỉnh nhỏ. Trong những đoàn chủ tịch của các tỉnh ủy ở 52 tỉnh đảng bộ lớn và nhỏ thì công nhân chiếm 41%. Trong số bí thư tỉnh ủy các tỉnh lớn và tỉnh nhỏ thì trước đại hội XII công nhân chiếm 44,6%; trước đại hội XIII chiếm 48,6%. Trong các hội nghị toàn thể của huyện ủy (ở 67 huyện) thì công nhân chiếm 63,4%. Trong số bí thư huyện ủy (ở 248 huyện) thì công nhân chiếm 50%.

Tất cả những tài liệu đó đều thuộc về thời kỳ trước khi có những hội nghị đại biểu gần đây của các đảng bộ tỉnh và huyện.

Nhưng ngay trước đại hội đảng lần này tôi đã nhận được một số tài liệu về kết quả của những hội nghị đại biểu gần đây. Những tài liệu đó nói về tình hình 11 tỉnh lớn và 16 tỉnh nhỏ, chỉ rõ rằng số đảng viên trước kia đã hoạt động bí mật và hiện ở trong những hội nghị toàn thể của các tỉnh ủy các tỉnh lớn và tỉnh nhỏ đã giảm xuống đến 27%, còn số công nhân thì đã tăng lên tới 53%.

Từ đó có thể thấy rõ là hiện nay có hai xu hướng : một mặt những đảng viên mới được đề bạt làm cán bộ và đội ngũ cán bộ được mở rộng, mặt khác thành phần xã hội của các tổ chức đảng được cải thiện.

b) *Thành phần Ban Chấp hành trung ương và Ban Kiểm tra trung ương*. Nếu xét về những ủy viên dự khuyết và chính thức của Ban Chấp hành trung ương (tất cả là 56 người) thì thấy trong số đó công nhân chiếm 44,6%, nông dân và trí thức chiếm 55,3%. Vì vậy cần phải mở rộng Ban Chấp hành trung ương bằng cách tăng thêm thành phần công nhân trong đó. Trong số ủy viên chính thức và dự khuyết của Ban Kiểm tra trung ương, công nhân chiếm 48%, nông dân và trí thức chiếm 52%. Ở đây cũng rút ra kết luận như vậy. Xét theo tuổi đảng thì những đảng viên trước kia đã hoạt động bí mật chiếm 96% trong thành phần những ủy viên chính thức và dự khuyết của Ban Chấp hành trung ương. Đó là tất cả những người đã vào đảng trước tháng Hai. Trong số 56 ủy viên chính thức và dự khuyết của Ban Chấp hành trung ương chỉ có 2 người là vào đảng về sau này, — tức là có 4%. Tình hình trong Ban Kiểm tra trung ương cũng như vậy. Trong số 60 người thì 57 người là đảng viên đã hoạt

động bí mật và 3 người không phải là đảng viên đã hoạt động bí mật (tức là có 5%). Vì vậy cần bổ sung thêm những đảng viên mới.

c) *Thành phần của đại hội lần này.* Tính tất cả có 742 đại biểu. Trong số đó công nhân chiếm 63,2%, những đảng viên đã hoạt động bí mật chiếm 48,4%. Số còn lại gồm những đảng viên ít nhiều cũng là mới vào đảng.

5. CÔNG TÁC CỦA ĐẢNG TRONG LĨNH VỰC TUYÊN TRUYỀN VÀ CỔ ĐỘNG

a) *Giáo dục cộng sản chủ nghĩa.* Điều làm người ta chú ý ngay đến là tỷ lệ rất lớn về nạn mù chính trị ở trong đảng: ở một số tỉnh tỷ lệ đó lên tới 70%. Trung bình, ở một số tỉnh thuộc trung tâm nước Nga (60 nghìn người đã được kiểm tra), số người mù chính trị là 57%; năm ngoái có khoảng 60%. Đó là một trong những thiếu sót chủ yếu trong công tác của chúng ta. Rõ ràng là công tác đi vào chiều rộng nhiều hơn là là đi vào chiều sâu. Số lượng các trường đảng và xô-viết, nói đúng ra là số học viên của những trường này, đã giảm đi một chút vì một bộ phận các trường đảng và xô-viết đã chuyển sang ngân sách địa phương. Số sinh viên các trường đại học cộng sản đã tăng lên so với năm ngoái. Nhưng sẽ phải giảm bớt một số sinh viên để, cho hợp với số tiền hiện có, cải thiện tình hình sinh hoạt vật chất của sinh viên và tăng cường chất lượng giáo dục cộng sản chủ nghĩa. Đặc biệt là cần phải đẩy mạnh việc tuyên truyền chủ nghĩa Lê-nin, vì nó có ý nghĩa quyết định trong việc giáo dục cộng sản chủ nghĩa.

b) *Báo chí.* Năm ngoái chúng ta đã có 560 tờ báo, năm nay ít hơn — 495 tờ, nhưng số bản lại tăng từ 1 triệu rưỡi lên 2 triệu rưỡi. Đáng chú ý là những tờ báo không phải bằng tiếng

Nga đã tăng lên. Thậm chí có những nước cộng hòa không xuất bản một tờ báo nào bằng tiếng Nga, thí dụ như Ác-mê-ni, ở đấy 100% báo chí đều xuất bản bằng tiếng Ác-mê-ni. Ở Giê-oóc-gi, 91% báo chí xuất bản bằng tiếng Giê-oóc-gi. Ở Bạch - Nga 88% báo chí không phải bằng tiếng Nga. Quả thật là ở tất cả các khu dân tộc và các nước cộng hòa, số lượng các báo dân tộc đã tăng lên. Cần chú ý đến thành phần ban biên tập những cơ quan báo chí định kỳ của chúng ta. Trong 287 cơ quan báo chí đã được điều tra ta thấy là trong những cơ quan báo chí này vẻn vẹn chỉ có 10% số biên tập viên là những đảng viên đã hoạt động bí mật. Đại đa số biên tập viên lại là những đảng viên vào đảng trong những năm 1918 - 1919. Đó là thiếu sót cần phải được khắc phục bằng cách cử những cán bộ cũ và có kinh nghiệm hơn đến giúp đỡ các cán bộ báo chí trẻ.

c) *Công tác trong nông dân*. Trong lĩnh vực này có hàng loạt khuyết điểm. Những Xô-viết ở thôn và ở xã tạm thời vẫn là những cơ quan của bộ máy thuế vụ. Nông dân coi những cơ quan đó trước hết là những cơ quan thu thuế. Theo sự nhận xét chung của các cán bộ hiểu biết nông thôn thì tình hình công tác của các cơ quan địa phương ở nông thôn là như sau: chính sách của chúng ta đúng, nhưng địa phương đã thực hiện sai. Nhân viên các cơ quan xô-viết ở các thôn và các xã còn rất nhiều khuyết điểm. Nhân viên hành chính là đảng viên thuộc các chi bộ ở nông thôn đã ảnh hưởng xấu đến công tác. Điều có ảnh hưởng xấu hơn nữa đến công tác, chính là việc những cán bộ gần gũi nông thôn mà lại không hiểu những đạo luật xô-viết và không biết giải thích những đạo luật ấy cho bần nông, không biết dựa vào các đạo luật xô-viết mà bảo vệ quyền lợi của bần nông và trung nông chống lại sự khống chế của cu-lắc, dựa trên cơ sở những quyền ưu đãi mà những đạo luật xô-viết đã giành cho bần nông. Rồi sau nữa có một khuyết điểm chung là: người ta thích

đến gần với nông dân bằng lối cổ động miệng, mà không hiểu rằng nông dân cần một sự cổ động cụ thể, chứ không phải bằng miệng, — họ cần một sự cổ động đem lại lợi ích trực tiếp. Thu hút nông dân vào hợp tác xã, sử dụng quyền ưu đãi đối với bần nông, tín dụng nông nghiệp, việc tương trợ lẫn nhau do ủy ban nông dân tổ chức, — đó là những vấn đề làm cho nông dân quan tâm trước hết.

6. CÔNG TÁC CỦA ĐẢNG TRONG LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ, PHÂN PHỐI VÀ ĐỀ BẠT CÁN BỘ

a) *Đăng ký và phân phối*. Năm ngoái đã đăng ký được gần 5 nghìn cán bộ phụ trách, năm nay chúng ta có chừng 15 nghìn cán bộ phụ trách thuộc tất cả các cấp đã được đăng ký. Công tác đăng ký của chúng ta đang được cải thiện, điều đó không còn nghi ngờ gì nữa. Những con số nói lên rằng, năm ngoái đã phân phối được 10 nghìn cán bộ tất cả các loại, trong đó có hơn 4 nghìn cán bộ phụ trách. Năm nay, đã phân phối được 6 nghìn cán bộ, trong đó có 4 nghìn cán bộ phụ trách. Về phương diện phân phối cán bộ, công tác chủ yếu của đảng đã xoay quanh việc cung cấp cán bộ trước hết là cho đảng, rồi cho các cơ quan của Hội đồng kinh tế quốc dân tối cao và cuối cùng là cho các cơ quan của Bộ dân ủy Tài chính, chủ yếu là cho cơ quan thuế vụ của bộ này. Còn tất cả các ngành công tác khác thì được cung cấp ít đảng viên cộng sản hơn. Đó là một sai lầm lớn trong công tác của chúng ta. Trong lúc trung tâm của đời sống kinh tế đã chuyển sang thương nghiệp, thì chúng ta chưa thật chủ động và kiên quyết một cách đầy đủ trong việc cung cấp đến mức tối đa những cán bộ tích cực nhất cho các cơ quan thương nghiệp

và tín dụng, cho những cơ quan đại diện của nó ở các địa phương và ở nước ngoài. Đặc biệt là tôi muốn nói đến những cơ quan như Mậu dịch quốc doanh và Công ty lương thực.

7. SINH HOẠT NỘI BỘ CỦA ĐẢNG

Tôi sẽ không liệt kê ra xem có bao nhiêu vấn đề đã được Ban Chấp hành trung ương và những cơ quan của nó nghiên cứu và xem có những loại vấn đề gì, vì việc đó không có ý nghĩa quyết định, vả lại điều ấy đã có nói trong bản báo cáo viết đã được phân phát cho các đồng chí. Tôi chỉ muốn lưu ý tới những tình hình sau đây.

Một là, sinh hoạt nội bộ của các tổ chức của chúng ta rõ ràng là đã được cải thiện. Hiện nay có ấn tượng là các tổ chức đã được ổn định, ít chuyện xích mích, công tác thiết thực đang được tiến hành. Ở những vùng biên khu có tình hình ngoại lệ: bên cạnh những cán bộ già, không được vững vàng lắm về chủ nghĩa cộng sản, thì có những cán bộ mác-xít trẻ tuổi đang trưởng thành; những cán bộ trẻ này đã từng học ở trường đại học Svéc-lốp và ở các trường khác, họ rất vững trong công tác đảng, nhưng lại quá yếu trong công tác xô-viết. Những sự xung đột ấy giữa những cán bộ trẻ và cán bộ già ở các miền biên khu không phải là sẽ được xóa bỏ một cách nhanh chóng. Nói theo ý nghĩa này, thì những miền biên khu là ngoại lệ. Còn về đa số các tỉnh ở trung tâm nước Nga thì phải nói là các tổ chức đảng ở các nơi này đã được ổn định và công tác thiết thực đã tiến lên. Ngay cả nước cộng hòa hay có những sự xích mích nhất như Giê-óoc-gi, mà chúng ta đã nói đến nhiều trong đại hội lần trước, thì hiện nay cũng đã ổn về mặt quan hệ trong đảng. Những phần tử tốt nhất trong số những người trước kia đi chệch hướng, như Phi-líp Ma-kha-rát-de và Ô-cu-gia-va,

cũng đã đoạn tuyệt dứt khoát với những phần tử thiên hướng cực đoan, và đã tuyên bố sẵn sàng tiến hành công tác một cách đồng tâm nhất trí.

Hai là, trong những ban chấp hành tỉnh và nhất là trong Ban Chấp hành trung ương đảng, năm nay đã có sự chuyền trọng tâm công tác từ các ban thường vụ hoặc các đoàn chủ tịch sang các hội nghị toàn thể. Trước kia, các hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương đã giao cho Bộ Chính trị giải quyết những vấn đề cơ bản. Bây giờ không làm như thế nữa. Bây giờ những vấn đề cơ bản trong chính sách của chúng ta và trong nền kinh tế của nước ta đều do hội nghị toàn thể giải quyết. Các đồng chí cứ xem chương trình làm việc của các cuộc hội nghị toàn thể của chúng ta, những bản tốc ký đã được phân phát cho tất cả các ban chấp hành tỉnh, thì các đồng chí sẽ thấy rằng trọng tâm công tác đã chuyền từ Bộ Chính trị và Ban Tổ chức sang hội nghị toàn thể. Việc đó rất quan trọng: trong hội nghị toàn thể của chúng ta tập hợp chừng một trăm đến một trăm hai mươi người (đó là những ủy viên Ban Chấp hành trung ương và ủy viên Ban Kiểm tra trung ương và các ủy viên dự khuyết của hai Ban đó), và do chuyền trọng tâm sang hội nghị toàn thể nên hội nghị toàn thể đã biến thành trường học vô cùng vĩ đại để đào tạo những lãnh tụ của giai cấp công nhân, những nhà lãnh đạo chính trị của giai cấp công nhân. Trước mặt chúng ta, những con người mới đang lớn lên và trưởng thành, họ là những nhà lãnh đạo tương lai của giai cấp công nhân, — tầm quan trọng vô giá của các hội nghị toàn thể mở rộng của chúng ta là ở đó.

Điều đáng chú ý là xu hướng ấy cũng đã xuất hiện ở các địa phương. Những vấn đề quan trọng nhất đã được chuyền từ các ban thường vụ tỉnh ủy sang các hội nghị toàn thể, các hội nghị toàn thể đã được mở rộng, thời gian họp hội nghị toàn thể đã dài hơn, tất cả các cán bộ ưu tú của tỉnh

đều được triệu tập về các cuộc hội nghị này, do đó những cuộc hội nghị toàn thể của tỉnh ủy đã biến thành trường học đào tạo các cán bộ lãnh đạo địa phương và khu. Cần phải làm cho xu hướng đó biến thành sự thực ở các địa phương, các tỉnh và các huyện.

Ba là, sinh hoạt nội bộ của đảng ta trong năm nay đã được tăng cường chưa từng thấy, có thể nói là đã sôi nổi. Chúng ta, những người bôn-sê-vích, đã quen giải quyết những việc lớn và thường không nhận thấy điều đó trong khi hoàn thành những việc vô cùng to lớn. Những sự kiện như cuộc tranh luận và khóa Lê-nin đều là những biến cố cực kỳ vĩ đại ở trong nước và trong đảng, — điều đó không còn phải chứng minh nữa ; và những sự kiện ấy tất nhiên không thể không làm cho sinh hoạt nội bộ của đảng sôi nổi lên.

Hai sự kiện ấy nói lên cái gì? Nói lên rằng đảng ta sau khi trải qua cuộc tranh luận đã vững vàng như núi ; rằng sau khi kết nạp 20 vạn đảng viên mới theo ý chí và được sự đồng ý của toàn thể giai cấp công nhân, đảng ta về thực chất là một đảng có lựa chọn, là một cơ quan có lựa chọn của giai cấp công nhân.

8. KẾT LUẬN

1. Trong số những tổ chức quần chúng bao quanh đảng ta, cần đặc biệt chú ý đến hợp tác xã và những đoàn thể nữ công nhân và nữ nông dân. Sở dĩ tôi nêu riêng những tổ chức ấy là vì những tổ chức ấy hiện nay đáng lo ngại hơn cả.

a) Không còn nghi ngờ gì nữa, bộ máy hợp tác xã tiêu dùng đã không hoàn thành nổi sứ mệnh của mình là gắn liền nền công nghiệp quốc doanh với nền kinh tế nông dân. Nông dân mới chỉ chiếm 1/3 tổng số xã viên trong hợp tác xã tiêu dùng, — sự thực hiển nhiên này đã nói lên điểm ấy. Cần phải làm cho

nông dân giữ một địa vị xứng đáng trong hợp tác xã tiêu dùng. Những người cộng sản cần phải chuyển trọng tâm công tác từ tỉnh xuống huyện và các vùng để xây dựng các mối liên hệ với quần chúng nông dân và do đó sẽ biến hợp tác xã tiêu dùng thành mối dây liên hệ giữa công nghiệp và kinh tế nông dân.

b) Tình hình hợp tác xã nông nghiệp cũng không tốt hơn. Tình trạng lộn xộn về những con số, sự giảm bớt số lượng xã viên trong vòng một năm, — tất cả những cái đó đều là những sự kiện cần suy nghĩ. Và ở đây cũng như ở trong hợp tác xã tiêu dùng, những người cộng sản phải chuyển trọng tâm công tác xuống các huyện và các vùng, gần quần chúng nông dân hơn, phải tự đặt cho mình mục đích là làm cho những cơ quan của Liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp ở các địa phương không còn là cái bình phong cho thế lực cu-lắc. Nhưng như thế vẫn chưa đủ. Còn cần phải sử dụng các lực lượng cộng sản để củng cố các cơ quan lãnh đạo của Liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp, vì tình hình ở các cơ quan này trong thời gian gần đây đã bắt đầu thực sự sút kém đi.

c) Tình hình trong lĩnh vực công tác phụ nữ còn xấu hơn nữa. Quả thật những cuộc hội nghị đại biểu của nữ công nhân và của nữ nông dân đang phát triển và được mở rộng, nhưng những thành tích mà các cán bộ phụ vận đạt được trong lĩnh vực cổ động, thì hoàn toàn chưa được củng cố về phương diện tổ chức, dù chỉ là một phần trăm của mức độ cần thiết tối thiểu. Tỷ lệ nữ công nhân và nữ nông dân tham gia các xô-viết, tham gia các hội liên hiệp, tham gia đảng, đã nói lên điều đó một cách không thể nghi ngờ được. Đảng phải áp dụng mọi biện pháp để bổ sung khuyết điểm đó trong một tương lai gần đây nhất. Quyết không thể để có tình trạng là một nửa dân số Liên-xô vẫn còn đứng ở ngoài con đường lớn, con đường phát triển xô-viết và đảng.

d) Những tổ chức tự nguyện do xã hội đề xướng, nhất là những tổ chức thông tín viên công nhân và thông tín viên

nông thôn, đã làm cho người ta đặc biệt chú ý. Những tổ chức thông tín viên công nhân và thông tín viên nông thôn có một tiền đồ to lớn. Trong điều kiện phát triển nhất định, những tổ chức ấy có thể đóng vai trò người thể hiện vĩ đại nhất và người truyền dẫn một cách hùng mạnh ý chí của dư luận vô sản. Các đồng chí đều biết sức mạnh của dư luận vô sản trong việc vạch ra và sửa chữa những thiếu sót của xã hội xô-viết chúng ta, sức mạnh đó quan trọng hơn nhiều so với sức mạnh của áp lực hành chính. Chính vì thế nên đảng phải hết sức giúp đỡ những tổ chức ấy.

2. Tình hình bộ máy Nhà nước làm người ta đặc biệt chú ý. Về tình hình không tốt trong lĩnh vực này thì khó có thể nghi ngờ gì nữa.

a) Những lời di huấn của Lê-nin về việc tinh giản bộ máy Nhà nước mới chỉ được thực hiện có một phần và ở mức ít nhất. Giảm bớt tới 20, 30 vạn viên chức ở các cơ quan thuộc các bộ dân ủy, nhưng đồng thời bên cạnh đó, những cơ quan mới — các tơ - rớt, xanh-đi-ca, v.v. — lại mọc lên, cho nên nói cho đúng ra thì không thể gọi đó là tinh giản bộ máy được. Đảng phải áp dụng mọi biện pháp để làm cho những lời di huấn của Lê-nin được thực hiện một cách kiên quyết trong lĩnh vực này.

b) Tôi đã trình bày với các đồng chí những con số nói lên tỷ lệ tối thiểu quần chúng ngoài đảng tham gia các xô-viết của chúng ta. Các đồng chí ạ, không thể cứ tiếp tục như vậy được, và cứ tiếp tục như thế thì không thể xây dựng được Nhà nước mới. Nếu không đặc biệt chú ý tới việc thu hút những người ngoài đảng tham gia công tác xô-viết ở tỉnh và ở huyện thì không thể tiến hành được công tác xây dựng to lớn. Ở đây có thể vạch ra nhiều biện pháp khác nhau. Dưới đây là một trong những biện pháp hợp lý có thể áp dụng được : dưới những ban của các Xô-viết tỉnh và huyện nên lập ra các tiểu tổ, hoặc tốt hơn nữa là thường xuyên triệu tập những

hội nghị nghiệp vụ của những người ngoài đảng trong số những công nhân (đó là ở thành thị), trong số những nông dân (đó là ở các huyện) để lôi cuốn những người ngoài đảng tham gia vào công tác nghiệp vụ ở các ngành quản lý khác nhau và để rồi sau đó sẽ lựa chọn lấy những người ưu tú, những người có năng lực nhất trong số công nhân và nông dân ngoài đảng được lôi cuốn vào công tác nghiệp vụ, và sẽ bố trí họ vào làm công tác Nhà nước. Nếu không có sự mở rộng như vậy đối với cơ sở của các Xô-viết thành phố và huyện, nếu không mở rộng cơ sở của công tác xô-viết, nếu không có sự lôi cuốn những người ngoài đảng thì các Xô-viết có thể mất uy tín và ảnh hưởng của mình một cách nghiêm trọng.

c) Trong đảng chúng ta có ý kiến cho rằng chỉ có công tác ở các tỉnh ủy tỉnh lớn, tỉnh ủy tỉnh nhỏ, huyện ủy, và ở các chi bộ thì mới thật sự là công tác đảng. Còn tất cả những loại công tác khác đều không phải là công tác đảng thuần túy. Người ta thường giễu cười những người làm việc trong các tơ-rớt và các xanh-đi-xa là: «xa rời đảng». (*Có tiếng nói:* «Người ta đang gột rửa những người hay giễu cười như thế đấy».) Dù là ở trong các cơ quan kinh tế hay là ở trong các tổ chức đảng, đều cần phải gột rửa một số đồng chí. Nhưng ở đây không phải tôi nói đến trường hợp đặc biệt, mà tôi nói đến trường hợp có tính chất phổ biến. Chúng ta thường chia công tác đảng ra làm hai loại: loại cao — đó là công tác thuần túy mang tính chất đảng ở các tỉnh ủy tỉnh lớn, tỉnh ủy tỉnh nhỏ, ở các chi bộ, ở Ban Chấp hành trung ương, và loại thấp, được gọi là công tác đảng trong ngoặc kép, đó là công tác ở trong tất cả các cơ quan xô-viết, nhất là trong các cơ quan thương nghiệp. Thưa các đồng chí! Thái độ như vậy đối với những người làm công tác kinh tế là hết sức trái với chủ nghĩa Lê-nin. Mỗi một người làm công tác kinh tế, dù là đang làm việc trong một cửa hàng lèm nhèm nhất, trong một cơ quan thương nghiệp lèm nhèm nhất, nhưng nếu người đó vun đắp

được công việc và thúc đẩy được công việc tiến tới, thì người ấy là người cán bộ đảng chân chính, đáng được đảng hoàn toàn giúp đỡ. Nếu giữ thái độ quý tộc, trí thức đối với thương nghiệp, thì sẽ không thể đẩy sự nghiệp xây dựng của chúng ta tiến lên được một bước nào. Gần đây tôi có trình bày một bài giảng ở trường đại học Svéc-lốp, trong đó đã nói rằng có lẽ chúng ta phải điều chừng một vạn đảng viên cộng sản từ lĩnh vực công tác đảng hoặc công nghiệp sang lĩnh vực công tác thương nghiệp. Các đồng chí sinh viên cười ầm lên. Các đồng chí ấy không muốn làm công tác thương nghiệp! Nhưng rõ ràng là nếu chúng ta không trừ tiệt ở trong đảng những thiên kiến có tính chất trí thức-quý tộc đối với thương nghiệp và nếu chúng ta, những người cộng sản, không nắm vững được toàn bộ các ngành thương nghiệp, thì tất cả những câu nói của chúng ta về công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa sẽ có cơ biến thành chuyện phiếm trống rỗng.

d) Các đồng chí ạ, nếu không có sự *tính toán* chính xác thì không thể có được một công tác xây dựng nào, một công tác Nhà nước nào, một công tác kế hoạch nào. Thế mà việc tính toán lại không thể làm được nếu không có ngành thống kê. Nếu không có ngành thống kê thì việc tính toán không thể tiến lên được một bước nào. Gần đây, tại cuộc hội nghị đại biểu, Rư-cốp đã nói rằng trong thời kỳ cộng sản thời chiến, trong Hội đồng kinh tế quốc dân tối cao có một cán bộ thống kê như thế này: hôm nay thì đưa ra những con số này về một vấn đề này, nhưng ngày mai lại đưa ra những số liệu khác cũng về vấn đề ấy. Đáng tiếc là những cán bộ thống kê như thế ở nước ta chưa phải đã hết. Những ngành riêng biệt của một chỉnh thể là những khâu liên hoàn và nếu một khâu bị hỏng thì toàn bộ công tác sẽ có nguy cơ bị hỏng, — công tác thống kê là như vậy đó. Trong Nhà nước tư sản nhà thống kê có tối thiểu đôi chút danh dự nghề nghiệp. Họ không thể nói láo. Họ có thể có một chính kiến và một khuynh hướng chính trị nào đó, nhưng

còn về những sự kiện, những con số thì họ thà chết chứ không chịu nói những điều không đúng sự thật. Mong sao chúng ta có nhiều hơn nữa những nhà thống kê tư sản như vậy, tức là những người biết tự trọng và có tối thiểu một chút danh dự nghề nghiệp ! Nếu chúng ta không tổ chức được công tác thống kê như vậy thì công tác xây dựng của chúng ta sẽ không tiến được một bước nào.

Cũng cần phải nói như vậy về công tác *báo cáo tài chính*. Nếu không làm công tác báo cáo tài chính thì bất cứ công tác kinh tế nào cũng không thể tiến lên được. Nhưng đáng tiếc rằng những cán bộ kế toán của chúng ta không phải luôn luôn bao giờ cũng có được những đức tính tối thiểu của những nhân viên kế toán tư sản thông thường, thực thà. Tôi khâm phục một số cán bộ kế toán của chúng ta ; trong số những cán bộ kế toán của chúng ta có những cán bộ thực thà và trung thành, nhưng cũng còn có những người xấu, tức là những người có thể bịa ra được bất cứ một bản báo cáo nào và họ là những người nguy hiểm hơn cả bọn phản cách mạng, — đó là sự thực. Nếu không khắc phục được những khuyết điểm ấy, không xóa bỏ được những thiếu sót ấy thì chúng ta không thể thúc đẩy nền kinh tế của nước ta và nền thương nghiệp của nước ta tiến lên được.

e) Tỷ lệ công nhân và đảng viên cộng sản ở trong các cơ quan lãnh đạo thuộc một số cơ quan Nhà nước vẫn còn thấp và chưa đủ. Khuyết điểm đó được đặc biệt nổi bật ở những cơ quan lãnh đạo và ở những cơ quan đại diện thương mại ở nước ngoài (ngoại thương, nội thương, những xanh-đi-ca) và những cơ quan tín dụng, tức là những cơ quan hiện nay có ý nghĩa quyết định đối với sinh hoạt và sự phát triển của nền kinh tế quốc dân và trước hết là đối với công nghiệp quốc doanh. Đảng phải dùng mọi biện pháp để bổ sung thiếu sót đó. Nếu không làm được như vậy thì đừng có nghĩ gì đến việc thực hiện những chỉ thị của đảng về kinh tế và chính trị.

g) Trước đây vấn đề tổ chức và thành lập các tơ-rớt là vấn đề quan trọng nhất trong việc xây dựng kinh tế. Hiện nay, khi trọng tâm đã chuyển sang lĩnh vực thương nghiệp thì vấn đề trước mắt là vấn đề tổ chức các công ty hợp doanh và các công ty cổ phần[37] thuộc nội thương và ngoại thương. Thực tế đã chỉ rõ rằng tuy chúng ta đã giải quyết được vấn đề tơ-rớt, nhưng các cơ quan của chúng ta lại làm rất tồi trong khi giải quyết vấn đề những công ty hợp doanh và công ty cổ phần. Hiện nay có xu hướng muốn tổ chức một kiểu cơ quan thương nghiệp làm sao để có thể giảm bớt, đến mức nhỏ nhất, tác dụng kiểm tra của Nhà nước trong công việc to lớn đó. Nhất định là đảng sẽ dùng mọi biện pháp để đấu tranh với loại xu hướng đó.

3. Cần phải tiếp tục cải thiện hơn nữa thành phần của đảng nói chung và thành phần những cơ quan lãnh đạo của đảng nói riêng. Bất luận thế nào cũng không thể coi hàng ngũ cán bộ của đảng như là một cái gì đóng khung. Hàng ngũ cán bộ cần phải được dần dần mở rộng ra bằng cách bổ sung số đảng viên mới. Số đảng viên mới phải bổ sung cho hàng ngũ cán bộ. Nếu không như vậy thì sự tồn tại của hàng ngũ cán bộ không có mục đích.

4. Về phương diện cổ động:

a) Về trình độ giác ngộ chính trị của đảng viên, tình hình rất xấu (60% còn mù chính trị). Những đảng viên được kết nạp trong khóa Lê-nin lại làm tăng thêm tỷ lệ những người mù chính trị. Cần phải tiến hành một cách có hệ thống công tác khắc phục khuyết điểm ấy. Nhiệm vụ là phải đẩy công việc đó tiến lên.

b) Tình hình công tác điện ảnh cũng không tốt. Điện ảnh là phương tiện vĩ đại nhất của công tác cổ động có tính chất quần chúng. Nhiệm vụ là phải nắm lấy công tác đó vào tay mình.

c) Công tác báo chí đang phát triển, nhưng vẫn chưa đủ. Nhiệm vụ là phải nâng số lượng của *Báo Nông dân* [38] lên 1 triệu bản, nâng số lượng của báo *Sự thật* lên 60 vạn bản và ra một tờ báo phổ thông nhân dịp kết nạp đảng viên khóa Lê-nin, phát hành ít nhất là 50 vạn bản.

d) Báo tường đang được phát triển, nhưng cũng vẫn chưa đủ. Nhiệm vụ là phải giúp đỡ các thông tín viên báo tường và thúc đẩy công việc tiến lên.

e) Tình hình công tác ở nông thôn cũng không được tốt. Do đó, công tác cổ động ở nông thôn chủ yếu phải mang tính chất cụ thể, nghĩa là: giúp đỡ bằng mọi cách cho những bần nông và trung nông, kể cả cho họ có quyền ưu tiên được vay mượn; phát triển những mầm mống của nền kinh tế tập thể (chưa phải là các công xã nông nghiệp) như những ủy ban bần cố nông[39] ở U-cơ-ren, tức là nơi hiện nay có gần 5 nghìn nông trang tập thể; thu hút nông dân vào hợp tác xã, trước hết là vào hợp tác xã nông nghiệp. Việc nắm lấy những ủy ban tương trợ của nông dân phải được coi là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng. Nên nhớ đến những đơn vị bộ đội địa phương[40] có một tác dụng to lớn đối với việc cổ động ở nông thôn.

5. Về mặt đăng ký, phân phối và đề bạt cán bộ là đảng viên và không phải là đảng viên:

a) Việc đăng ký cán bộ ít nhiều đã được tổ chức tốt.

b) Tình hình phân phối cán bộ thì xấu hơn một chút, vì những nhiệm vụ cơ bản — do Lê-nin đã đề ra trong đại hội XI[41] — của công tác bố trí lại lực lượng trong hoàn cảnh mới của tình hình phát triển ở trong nước, vẫn chưa được hoàn thành. Nhiệm vụ trước mắt đang chờ đợi được giải quyết là cung cấp tới mức tối đa những lực lượng ưu tú cho tất cả các loại cơ quan thương nghiệp.

Nói đúng ra thì năm ngoái Cơ quan đăng ký và phân phối cán bộ đã phục vụ các cơ quan thuộc Hội đồng kinh tế quốc

dân tối cao và Bộ dân ủy Tài chính, nhất là đã phục vụ cho cơ quan thuế vụ của Bộ dân ủy Tài chính, nó đã cung cấp cán bộ phần lớn cho các cơ quan ấy. Hiện nay nhiệm vụ là phải quay về phía những cơ quan thương nghiệp và những cơ quan tín dụng, phải cung cấp cán bộ cho các cơ quan ấy một cách ưu tiên hơn các cơ quan khác. Ở đây có lẽ cần tới chừng 5 nghìn đảng viên cộng sản.

Đồng thời lại có một nhiệm vụ nữa là trong việc phân phối lực lượng phải bổ sung phương pháp hiện hành bằng những phương pháp mới: bằng phương pháp tình nguyện, bằng phương pháp kêu gọi những người tình nguyện để đưa vào tổ chức công việc ở những điểm đặc biệt quan trọng của công cuộc xây dựng xô-viết. Phương pháp này có quan hệ trực tiếp đến vấn đề tổ chức cách làm việc kiểu mẫu ở một số vùng nào đó, điều đó (tức là tổ chức cách làm việc kiểu mẫu) không thể thiếu được trong giai đoạn hiện nay. Tư tưởng của Lê-nin về việc tổ chức cách làm việc kiểu mẫu, mà Người đã nói trong tác phẩm *Bàn về thuế lương thực*[42], cần phải được thực hiện.

c) Cần phải đặc biệt chú ý tới việc đề bạt cán bộ trong đảng và cán bộ ngoài đảng. Đề bạt những người mới mà chỉ theo phương pháp làm từ trên xuống thì chưa đủ. Cần phải bổ sung phương pháp đó bằng những phương pháp đề bạt từ dưới lên trong quá trình công tác thực tế, trong quá trình lôi cuốn những lực lượng mới vào công tác thực tế. Với ý nghĩa đó thì những hội nghị sản xuất, những hội nghị công xưởng và những hội nghị tơ-rớt phải giữ vai trò to lớn trong việc đề bạt công nhân vào các cương vị phụ trách ở các nhà máy và ở các tơ-rớt. Cần phải phát triển những tiểu tổ trực thuộc các ban trong các Xô-viết ở tỉnh lỵ và huyện lỵ, biến những tiểu tổ đó thành những cuộc hội nghị đều kỳ có tính chất nghiệp vụ và lôi cuốn vào những cuộc hội nghị này những ủy viên của các Xô-viết và nhất là những nam nữ công nhân và nam nữ

nông dân không phải là ủy viên của các Xô-viết. Chỉ có trong quá trình công tác thực tế rộng rãi như vậy mới có thể đề bạt được những người mới trong số công nhân và nông dân ngoài đảng. Làn sóng đảng viên được kết nạp vào đảng trong khóa Lê-nin ở các thành phố và tính tích cực chính trị của nông dân tăng lên đã nói lên một cách rõ ràng rằng phương pháp đề bạt đó nhất định phải đem lại những kết quả to lớn.

6. Hai kết luận về lĩnh vực sinh hoạt nội bộ của đảng:

a) Cái gọi là «nguyên tắc» mở rộng Ban Chấp hành trung ương đảng là đúng. Kinh nghiệm chỉ ra rằng việc mở rộng Ban Chấp hành trung ương đã đem lại lợi ích rất to lớn, rằng những đồng chí bảo vệ «nguyên tắc» thu hẹp Ban Chấp hành trung ương, là đi theo con đường sai lầm.

b) Bây giờ mọi người đều thấy rõ rằng, trong thời gian tranh luận phái đối lập đã hết sức sai lầm khi nói rằng đảng tan rã. Trong đảng ta vị tất đã có thể tìm thấy được một đảng bộ nghiêm chỉnh nào đang theo dõi tiến trình của sinh hoạt nội bộ đảng và sự phát triển mạnh mẽ của đảng, mà lại không nói rằng: những người trước đây không lâu cứ kêu gào về sự tiêu vong của đảng ta, thực ra là họ không hiểu đảng, họ xa cách đảng và rất giống những người mà ta nên gọi là những phần tử xa lạ ở trong đảng ta.

Kết luận: đảng ta đang phát triển, đang tiến lên, đang học tập quản lý, nó đang trở thành một cơ quan có uy tín nhất của giai cấp công nhân. Việc kết nạp đảng viên khóa Lê-nin là biểu hiện trực tiếp về điều đó. (*Vỗ tay không ngừng hồi lâu.*)

LỜI KẾT LUẬN

21 tháng Năm

Thưa các đồng chí! Trong những lời phát biểu của các diễn giả, tôi không thấy có ý kiến phản đối bản báo cáo tổ chức của Ban Chấp hành trung ương. Tôi cho như thế là đại hội đã tán thành những kết luận của bản báo cáo ấy. *(Vỗ tay.)*

Trong bản báo cáo của tôi đã cố ý không nói đến những ý kiến bất đồng của chúng ta trong nội bộ đảng, sở dĩ tôi không nói đến là vì tôi không muốn khêu lại những vết thương có lẽ đã khỏi rồi. Nhưng sau khi Tơ-rốt-ski và Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski đã nói đến những vấn đề ấy, đã đưa ra hàng loạt những điều không đúng và đã thách thức, thì không nên im lặng. Trong tình hình như vậy, im lặng là điều không thể hiểu được.

Ở đây đồng chí Cơ-rúp-sca-i-a đã phản đối việc lặp lại cuộc tranh luận về những ý kiến bất đồng. Tôi cũng kiên quyết phản đối việc lặp lại như thế và chính vì vậy mà trong bản báo cáo tôi đã không nói đến những ý kiến bất đồng. Nhưng nếu các đồng chí phái đối lập đã nói đến vấn đề ấy và đã thách thức, thì chúng ta không có quyền im lặng.

Tơ-rốt-ski và Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski, khi nói về những ý kiến bất đồng, cả hai đồng chí ấy đều làm cho đại hội tập trung chú ý vào một nghị quyết, tức là nghị quyết ngày 5 tháng Chạp, các đồng chí ấy đã quên rằng ngoài nghị quyết đó ra, còn có một nghị quyết khác nữa — nghị quyết về những kết quả của cuộc tranh luận[43], các đồng chí ấy quên rằng đã có một cuộc hội nghị đại biểu và sau khi nghị quyết được Ban

Chấp hành trung ương thông qua ngày 5 tháng Chạp thì đã có một làn sóng tranh luận mới, làn sóng tranh luận này đã được hội nghị đại biểu XIII đánh giá trong một nghị quyết riêng về những kết quả của cuộc tranh luận. Các đồng chí ấy quên rằng im lặng không nói đến hội nghị đại biểu XIII thì sẽ có hại cho phái đối lập.

Tôi mong đại hội chú ý là trong hội nghị đại biểu XIII đã thông qua một nghị quyết về chính sách kinh tế, còn về công tác xây dựng đảng thì đã thông qua hai nghị quyết. Đó là vì sao ? Vì trước kia đã có một nghị quyết được toàn đảng xác nhận và được Ban Chấp hành trung ương thông qua ngày 5 tháng Chạp, nhưng về sau lại thấy cần phải ra một nghị quyết khác cũng về vấn đề đó, tức là nghị quyết về vấn đề khuynh hướng tiểu tư sản. Do đâu có điều bất hạnh như vậy, nguyên nhân vì sao ? Đó là vì toàn bộ cuộc tranh luận có hai thời kỳ. Thời kỳ thứ nhất, kết thúc bằng nghị quyết được nhất trí thông qua ngày 5 tháng Chạp, và thời kỳ thứ hai kết thúc bằng nghị quyết về khuynh hướng tiểu tư sản. Hồi đó, tức là vào thời kỳ thứ nhất, chúng tôi cho rằng có lẽ công cuộc tranh cãi ở trong đảng sẽ được kết thúc bằng nghị quyết ngày 5 tháng Chạp và chính vì thế mà lần trước, trong bản báo cáo ở hội nghị đại biểu XIII, khi đề cập tới thời kỳ này, tôi đã nói rằng chỉ cần phải đối lập mong muốn, nghị quyết ngày 5 tháng Chạp sẽ có thể chấm dứt được cuộc đấu tranh ở trong đảng. Về điểm này tôi đã nói rồi và tất cả chúng ta đều đã nghĩ như vậy. Nhưng vấn đề là ở chỗ cuộc tranh luận đã không kết thúc trong thời kỳ ấy. Sau khi có nghị quyết ngày 5 tháng Chạp thì lại xuất hiện những bức thư của Tơ-rốt-ski : đó là một cương lĩnh hành động đối với những vấn đề mới ; và lại bắt đầu một làn sóng tranh luận mới, gay gắt hơn thời gian trước. Do đó khả năng hòa bình ở trong đảng đã bị phá hoại. Đó là thời kỳ thứ hai, thời kỳ mà bây giờ những phần tử đối lập đang cố im lặng lờ đi và lảng tránh.

Vấn đề là ở chỗ giữa cuộc tranh luận ở thời kỳ thứ hai và cuộc tranh luận ở thời kỳ thứ nhất là cuộc tranh luận đã được phản ánh trong nghị quyết ngày 5 tháng Chạp, có sự khác nhau rất lớn. Nghị quyết ngày 5 tháng Chạp không nêu ra vấn đề thoái hóa của cán bộ. Hồi đó, Tơ-rốt-ski cùng với chúng tôi thảo ra nghị quyết ấy, nhưng đồng chí ấy không nhắc gì đến chuyện cán bộ bị thoái hóa cả. Có lẽ Tơ-rốt-ski đã bổ sung thêm điều đó vào những lần phát biểu sau. Tiếp nữa, trong nghị quyết ngày 5 tháng Chạp không có vấn đề: thanh niên học sinh là cái phong vũ biểu đáng tin cậy nhất. Có lẽ Tơ-rốt-ski cũng đã để lại vấn đề này làm dự trữ cho những lần phát biểu mới trong cuộc tranh luận. Trong nghị quyết ngày 5 tháng Chạp không có khuynh hướng đả kích cơ quan đảng, cũng không có yêu cầu đòi phải có những biện pháp trừng phạt đối với cơ quan đảng, điều mà Tơ-rốt-ski đã nói đến rất nhiều trong những bức thư về sau của mình. Cuối cùng, trong nghị quyết ngày 5 tháng Chạp cũng không có một ý nào nói là cần phải có những tập đoàn, nhưng trong khi đó thì trong những bức thư sau này của mình, Tơ-rốt-ski lại nói rất nhiều về điểm ấy, tức là về những tập đoàn.

Đấy, giữa lập trường của phái đối lập trước ngày 5 tháng Chạp và lập trường của những thủ lĩnh phái đối lập sau ngày 5 tháng Chạp có sự khác nhau to lớn biết bao.

Hiện nay Tơ-rốt-ski và Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski đang cố lờ đi, che giấu cái cương lĩnh hành động thứ hai của mình trong thời kỳ tranh luận thứ hai, có lẽ các đồng chí ấy muốn đánh lừa đảng. Không, các đồng chí không thể làm thế được! Bằng mưu mẹo ngu xuẩn và bằng thủ đoạn ngoại giao các đồng chí không thể lừa phỉnh được đại hội đâu. Tôi tin chắc rằng đại hội sẽ nói cả về giai đoạn thứ nhất của cuộc tranh luận là giai đoạn đã được phản ánh trong nghị quyết ngày 5 tháng

Chạp, và cũng sẽ nói cả về giai đoạn thứ hai là giai đoạn đã được phản ánh trong nghị quyết của hội nghị đại biểu về khuynh hướng tiểu tư sản.

Hai nghị quyết ấy là hai bộ phận của một chỉnh thể gọi là cuộc tranh luận. Người nào muốn trộn lẫn hai bộ phận đó với nhau và muốn làm thế để lừa phỉnh đại hội thì người đó sai lầm. Đảng đã trưởng thành rồi, ý thức giác ngộ của đảng đã được nâng cao rồi, không lừa phỉnh được đảng bằng thủ đoạn ngoại giao đâu. Toàn bộ sai lầm của phái đối lập là ở chỗ họ không hiểu điều đó.

Các đồng chí hãy xét xem ai đúng trong vấn đề cương lĩnh hành động của phái đối lập sau ngày 5 tháng Chạp ? Ai đúng trong bốn vấn đề mới đã được đề cập tới trong những bức thư của Tơ-rốt-ski ?

Vấn đề thứ nhất : cán bộ đang bị thoái hóa. Tất cả chúng ta đã và đang yêu cầu cho biết những sự kiện chứng minh sự thoái hóa của cán bộ. Nhưng họ đã không đưa ra được cho chúng ta những sự kiện như vậy, mà cũng không thể đưa ra được, vì trong thực tế không có những sự kiện như vậy. Sau khi nghiên cứu tình hình, tất cả chúng ta đều nhận thấy trong chúng ta không có sự thoái hóa, nhưng còn khuynh hướng của một số thủ lĩnh phái đối lập ngả về phía chính sách tiểu tư sản thì rõ ràng là có. Vậy thì ai đúng ? Hình như không phải là phái đối lập.

Vấn đề thứ hai : vấn đề thanh niên học sinh là cái phong vũ biểu đáng tin cậy nhất. Trong vấn đề này, ai đúng ? Hình như cũng lại không phải là phái đối lập. Nếu chúng ta xét đến sự phát triển của đảng ta trong thời gian này, xét đến việc kết nạp 20 vạn đảng viên mới thì có thể rút ra kết luận là : chúng ta cần phải tìm phong vũ biểu không phải trong hàng ngũ thanh niên học sinh, mà là trong hàng ngũ giai cấp vô sản ; đảng phải hướng vào hạt nhân vô sản của đảng, chứ không phải hướng vào thanh niên học sinh. 20 vạn đảng viên mới — đó là cái phong vũ biểu. Cả ở đây, phái đối lập cũng sai lầm.

Vấn đề thứ ba — vấn đề trừng phạt cơ quan, công kích cơ quan đảng. Ai đúng? Lại vẫn không phải là phái đối lập. Phái đối lập đã cuốn cờ thôi công kích cơ quan và chuyển sang phòng ngự. Các đồng chí ở đây là những người được trông thấy phái đối lập đã chạy thoát thân như thế nào khi họ rút lui một cách mất trật tự trong cuộc đấu tranh chống cơ quan đảng.

Vấn đề thứ tư — vấn đề bè phái, vấn đề tập đoàn. Tơ-rốt-ski tuyên bố rằng đồng chí ấy kiên quyết phản đối tập đoàn. Điều đó rất tốt. Nhưng nếu cần nói tới lịch sử của vấn đề thì các đồng chí cho phép tôi nhắc lại một số sự kiện. Hồi tháng Chạp, chúng ta đã có một tiểu ban trực thuộc Ban Chấp hành trung ương để khởi thảo ra bản nghị quyết đã được công bố ngày 5 tháng Chạp. Tiểu ban ấy gồm ba người: Tơ-rốt-ski, Ca-mê-nép, Sta-lin. Các đồng chí có chú ý xem là trong nghị quyết ngày 5 tháng Chạp đó có câu nào nói về các tập đoàn, hay không? Trong nghị quyết ấy có nói về việc cấm bè phái, nhưng còn về việc cấm các tập đoàn thì không nói gì cả. Chỉ có viện dẫn nghị quyết nổi tiếng của đại hội nói về sự thống nhất của đảng. Tại sao lại như vậy? Ngẫu nhiên chăng? Đó không phải là ngẫu nhiên. Chúng tôi cùng với Ca-mê-nép đã cương quyết nêu ra vấn đề cấm các tập đoàn. Tơ-rốt-ski phản đối một cách quyết liệt việc cấm các tập đoàn và nói là không thể bỏ phiếu tán thành nghị quyết trong tình hình như vậy được. Cho nên hồi đó chúng tôi chỉ viện dẫn nghị quyết của đại hội X mà lúc đó có lẽ Tơ-rốt-ski chưa đọc, vì trong đó không những nói về việc cấm bè phái mà còn nói cả về việc cấm các tập đoàn nữa. *(Có tiếng cười, tiếng vỗ tay.)* Hồi ấy Tơ-rốt-ski chủ trương tự do tập đoàn. Ở đây, đồng chí ấy ca tụng bản nghị quyết ngày 5 tháng Chạp. Vậy mà trong bức thư gửi Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga 4 ngày sau khi thông qua nghị quyết về việc xây dựng đảng, tức là vào ngày 9 tháng Chạp, Tơ-rốt-ski đã viết: «Lập trường thuần túy hình thức của các ủy viên Bộ Chính trị trong vấn

đề tập đoàn và bè phái làm cho tôi đặc biệt lo ngại». Các đồng chí thấy thế nào? Một người đang hết sức ca tụng nghị quyết ấy lại hóa ra là người đang mang một mối lo ngại đặc biệt trong lòng, do thái độ của Bộ Chính trị đối với những vấn đề tập đoàn và bè phái gây ra. Như thế đâu phải là hồi đó Tơ-rốt-ski tán thành việc cấm các tập đoàn. Không, hồi đó Tơ-rốt-ski chủ trương thành lập các tập đoàn, chủ trương tự do tập đoàn.

Tiếp nữa, ai mà không nhớ bản nghị quyết nổi tiếng của Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski ở Mạc-tư-khoa yêu cầu xác định rõ ràng vấn đề bè phái, là vấn đề đã được giải quyết ở đại hội X của đảng, nhằm xóa bỏ một vài điều hạn chế? Tất nhiên mọi người đều nhớ chuyện đó ở Mạc-tư-khoa. Các đồng chí có ai mà không nhớ rằng trong những bài báo ngắn của mình Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski đã yêu cầu khôi phục lại trong đảng những chế độ đã tồn tại trong thời kỳ hòa ước Bơ-rét - Li-tốp? Chúng ta đều biết rằng trong thời kỳ Bơ-rét - Li-tốp đảng ta đã buộc phải để cho những tổ chức bè phái tồn tại, — chúng ta biết rất rõ điều đó. Có ai mà không nhớ rằng ở hội nghị đại biểu XIII, khi tôi nêu ra một việc hết sức đơn giản là làm cho các đảng viên nhớ lại điều bảy trong nghị quyết về vấn đề thống nhất, về vấn đề cấm các tập đoàn, — thì tất cả những phần tử đối lập đã la ó như thế nào và yêu cầu không đưa ra điểm ấy? Do đó ta thấy rằng trong vấn đề này phái đối lập hoàn toàn đứng trên quan điểm tự do tập đoàn, đồng thời họ định làm cho đảng mất cảnh giác khi họ nói rằng họ không yêu cầu tự do bè phái, mà yêu cầu tự do tập đoàn. Nếu hiện nay họ tuyên bố với chúng ta rằng họ phản đối tập đoàn thì đó là điều rất tốt. Nhưng tôi quyết không thể gọi đó là một trận tiến công của họ: đó là một sự rút lui không có trật tự, đó là dấu hiệu chứng tỏ sự đúng đắn của Ban Chấp hành trung ương trong vấn đề này.

Thưa các đồng chí, sau khi đã trình bày rõ như vậy, các đồng chí cho phép tôi nói một vài lời về một số sai lầm có tính chất nguyên tắc mà Tơ-rốt-ski và Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski đã phạm phải trong khi phát biểu về những vấn đề tổ chức của đảng.

Tơ-rốt-ski nói rằng thực chất của dân chủ chung quy là vấn đề các thế hệ. Điều đó không đúng. Không đúng về nguyên tắc. Thực chất của dân chủ hoàn toàn không thể quy vào điểm ấy. Vấn đề các thế hệ là vấn đề thứ yếu. Những con số trong đời sống của đảng ta và đời sống của đảng ta nói lên rằng thế hệ trẻ của đảng dần dần từng bước được bồi dưỡng thành những cán bộ, — hàng ngũ cán bộ được mở rộng nhờ có thanh niên. Trước đây và sau này bao giờ đảng cũng vẫn đứng trên con đường ấy. Chỉ có người nào coi hàng ngũ cán bộ là một chỉnh thể bó hẹp, là một tầng lớp có đặc quyền, không cho những thành viên mới vào hàng ngũ của mình, chỉ có người nào coi cán bộ là lớp sĩ quan thời xưa, coi tất cả những đảng viên khác đều «thấp kém hơn mình», chỉ có người nào muốn tạo ra một khoảng cách giữa cán bộ và đảng viên mới, — chỉ có những người như thế mới có thể cường điệu vấn đề dân chủ trong vấn đề những thế hệ của đảng. Thực chất của dân chủ chung quy lại không phải là vấn đề thế hệ, mà là vấn đề tính chủ động sáng tạo, vấn đề đảng viên tham gia tích cực vào sự nghiệp lãnh đạo của đảng. Đương nhiên, nếu đây không phải là nói về một đảng dân chủ hình thức, mà là nói về một đảng vô sản chân chính có liên hệ chặt chẽ với quần chúng giai cấp công nhân, thì vấn đề dân chủ có thể và chỉ có thể được đặt ra như vậy.

Vấn đề thứ hai. Tơ-rốt-ski nói nguy cơ lớn nhất là tệ quan liêu trong cơ quan đảng. Điều đó cũng không đúng. Nguy cơ không phải là ở đấy, mà là ở khả năng đảng thật sự tách rời quần chúng ngoài đảng. Các đồng chí có thể có một đảng xây dựng được bộ máy một cách dân chủ, nhưng nếu đảng ấy không

gắn liền với giai cấp công nhân thì dân chủ ấy sẽ vô ích, không đáng giá một xu. Đảng tồn tại *vì* giai cấp. Vì đảng gắn liền với giai cấp, có mối liên hệ với giai cấp, có uy tín và được quần chúng ngoài đảng tôn trọng, cho nên đảng có thể tồn tại và phát triển được ngay cả trong điều kiện có những khuyết điểm quan liêu. Nếu không có tất cả những điều đó thì dù các đồng chí có xây dựng được một tổ chức đảng như thế nào, — quan liêu hay dân chủ, — đảng cũng nhất định sẽ bị tiêu vong. Đảng là một bộ phận của giai cấp, đảng tồn tại vì giai cấp chứ không phải vì bản thân nó.

Luận điểm thứ ba cũng sai lầm về nguyên tắc: Tơ-rốt-ski nói rằng đảng không mắc sai lầm. Điều đó không đúng. Đảng nhiều khi mắc sai lầm. I-li-tsơ đã dạy chúng ta là phải lấy những sai lầm của bản thân đảng để giáo dục đảng cách lãnh đạo đúng đắn. Nếu đảng không có sai lầm thì không lấy gì để giáo dục đảng được. Nhiệm vụ của chúng ta là phát hiện những sai lầm ấy, vạch ra nguồn gốc của những sai lầm ấy và chỉ cho đảng và giai cấp công nhân thấy là chúng ta đã phạm sai lầm như thế nào và từ nay về sau chúng ta không được phạm lại những sai lầm ấy như thế nào. Không như vậy thì đảng không thể phát triển được. Không như vậy thì những nhà lãnh đạo và những cán bộ của đảng không thể hình thành được, vì họ hình thành và được bồi dưỡng trong cuộc đấu tranh với những sai lầm của mình, trong việc khắc phục những sai lầm ấy. Tôi cho rằng lối nói như vậy của Tơ-rốt-ski là một lời khen nào đó hơi có ý đồ nhạo báng, — cái ý đồ đó quả thật là kém.

Tiếp nữa, xin nói về Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski. Đồng chí ấy nói về việc thanh đảng. Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski cho rằng thanh đảng là công cụ của đa số trong đảng chống lại phái đối lập, và có lẽ đồng chí ấy không tán thành những phương pháp thanh đảng. Đó là vấn đề có tính chất nguyên tắc. Sai lầm nghiêm trọng của Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski là ở chỗ không hiểu

rằng nếu không tiến hành một cách định kỳ việc thanh trừ những phần tử ngả nghiêng dao động thì đảng không thể vững chắc được. Đồng chí Lê-nin dạy rằng chỉ có dần dần thanh trừ ra khỏi đảng những phần tử ngả nghiêng dao động đang lọt vào và sẽ còn lọt vào đảng, thì đảng mới có thể vững chắc được. Nếu chúng ta có thái độ phủ định đối với việc thanh đảng nói chung thì chúng ta sẽ đi trái với chủ nghĩa Lê-nin. Còn về cuộc thanh đảng hiện nay, có gì xấu không ? Có người nói rằng có những sai lầm cá biệt. Đương nhiên là có. Có khi nào trong một công việc lớn mà lại không có những sai lầm cá biệt không ? Không bao giờ có như vậy cả. Những sai lầm cá biệt có thể có và nhất định là có, nhưng việc thanh đảng về cơ bản là đúng. Có người kể cho tôi nghe một số phần tử phi vô sản trong hàng ngũ trí thức và viên chức đã chờ đợi cuộc thanh đảng một cách khiếp đảm và run sợ như thế nào. Có người đã tả lại cho tôi một cảnh như sau : ngồi trong một căn phòng làm việc nọ là những người phải đưa ra xét để thanh đảng. Đây là một chi bộ cơ quan xô-viết. Trong căn phòng làm việc kia là ủy ban thanh đảng. Sau khi được xét thanh đảng xong, một trong số những đảng viên của chi bộ đã vụt ra khỏi phòng làm việc như một viên đạn, toàn thân đẫm mồ hôi. Có người yêu cầu anh ta kể lại xem tình hình ra sao. Nhưng, anh ta trả lời : «Hãy để cho tôi thở đã, hãy để cho tôi thở đã, — bây giờ tôi không thể nào kể được». *(Có tiếng cười.)* Đối với những người sợ hãi và đẫm mồ hôi như vậy thì có lẽ việc thanh đảng là không tốt, nhưng đối với đảng thì điều đó lại rất tốt. *(Vỗ tay.)* Đáng tiếc, trong chúng ta vẫn còn có một số ít đảng viên, hàng tháng lĩnh 1000 hoặc 2000 rúp, được coi là đảng viên nhưng lại quên mất rằng đảng đang tồn tại. Tôi biết có sự thật như sau : một bộ dân ủy nọ có những đảng viên như vậy làm việc ; thành phần chi bộ ở bộ dân ủy đó gồm có cả nhân viên lái xe ; khi chi bộ cử một đồng chí lái xe đi làm công tác thanh đảng thì đã gây ra hàng loạt những lời trách cứ,

đại loại nói rằng nhân viên lái xe không được tiến hành xét thanh đảng đối với những nhân vật xô-viết quan trọng. Nhưng sự kiện như vậy đã xảy ra ở Mạc-tư-khoa chúng ta. Những đảng viên có lẽ đã xa rời đảng đó hiện đang tức giận và không thể chịu được là «một nhân viên lái xe nào đó» sẽ tiến hành xét thanh đảng đối với họ. Đối với những đảng viên như vậy, cần phải giáo dục và cải tạo, có khi phải dùng đến cả biện pháp khai trừ khỏi đảng. Điều chủ yếu trong việc thanh đảng là làm cho những người thuộc loại như vậy thấy rằng có người chủ tồn tại, có đảng tồn tại và đảng có thể yêu cầu họ báo cáo về những tội lỗi đối với đảng. Tôi cho rằng đôi khi, thỉnh thoảng người chủ cũng buộc phải cầm chổi trong tay đi dạo quanh trong hàng ngũ đảng. *(Vỗ tay.)*

Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski nói: chính sách của các đồng chí thì đúng, nhưng đường lối tổ chức thì sai, và nguyên nhân cơ bản làm cho đảng có thể bị tiêu vong chính là ở chỗ đó. Đấy là điều nói bậy, các đồng chí ạ. Chính sách của đảng đúng mà trong khi đó đảng lại bị tiêu vong vì những khuyết điểm về đường lối tổ chức, — chuyện đó không thể có được. Chưa bao giờ có chuyện như vậy cả. Cơ sở của sinh hoạt đảng và của công tác đảng không phải là ở chỗ những hình thức tổ chức mà hiện nay đảng đang sử dụng hoặc có thể sử dụng, mà là ở chính sách của đảng, ở chính sách đối nội và đối ngoại của đảng. Nếu chính sách của đảng đúng, nếu đảng đặt ra một cách đúng đắn những vấn đề chính trị và kinh tế có ý nghĩa quyết định đối với giai cấp công nhân thì những khuyết điểm về tổ chức không thể có ý nghĩa quyết định, vì chính sách sẽ cứu vãn được. Trước kia bao giờ cũng như vậy và sau này cũng vẫn sẽ như vậy. Những người không hiểu được điều đó là những người mác-xít tồi, họ quên mất những kiến thức sơ đẳng về chủ nghĩa Mác.

Trong những vấn đề đã được tranh luận, tức là trong những vấn đề có tính chất kinh tế, trong những vấn đề xây dựng đảng, đảng đúng hay không đúng? Nếu ai muốn kiểm lại điểm này ngay lập tức, thì người đó phải đặt hẳn với đảng và quần chúng công nhân câu hỏi như sau: vậy thì quần chúng công nhân ngoài đảng đối với đảng như thế nào — đồng tình hay không đồng tình? Nếu những phần tử thuộc phái đối lập đặt câu hỏi như vậy, nếu những phần tử ấy tự hỏi: thế thì giai cấp công nhân đánh giá đảng thế nào — đồng tình hay không đồng tình? — thì họ sẽ hiểu rằng đảng đang đi theo con đường đúng. Cái chìa khóa để hiểu mọi điều có liên quan đến những kết quả của cuộc tranh luận, chung quy lại là khóa kết nạp đảng viên nhân dịp kỷ niệm Lê-nin. Nếu giai cấp công nhân đã lựa chọn những người trung thực và kiên định nhất và đưa vào đảng 20 vạn thành viên của mình, thì điều đó có nghĩa là một đảng như vậy là vô địch, vì trên thực tế đảng đã trở thành một cơ quan chọn lọc của giai cấp công nhân và được giai cấp công nhân hoàn toàn tín nhiệm. Một đảng như vậy sẽ sống và làm cho kẻ thù khiếp sợ, một đảng như vậy sẽ không thể tan rã được. Điều không may cho phái đối lập của chúng ta là ở chỗ khi đề cập đến những vấn đề của đảng, đến những vấn đề kết quả của cuộc tranh luận, phái đối lập đã đứng trên quan điểm hình thức, quan điểm cơ quan «thuần túy», mà không đứng trên quan điểm của người mác-xít là căn cứ vào ảnh hưởng của đảng trong quần chúng để đánh giá uy tín của đảng, bởi vì đảng tồn tại vì quần chúng chứ không phải trái lại. Muốn tìm thấy cái chìa khóa giản đơn và trực tiếp để hiểu những kết quả của cuộc tranh luận thì không nên chú ý vào những lời nói trống rỗng về bộ máy, mà nên chú ý vào con số 20 vạn người đã được kết nạp vào đảng, con số đã vạch rõ tính chất dân chủ sâu sắc của đảng. Việc nhắc đến dân chủ trong các bài diễn văn của những phần tử thuộc phái đối lập chỉ là lời nói suông trống rỗng, còn việc giai cấp công nhân đưa vào đảng

20 vạn đảng viên mới thì đó mới là dân chủ thật sự. Đảng ta đã trở thành một cơ quan chọn lọc của giai cấp công nhân. Các đồng chí hãy chỉ cho tôi thấy một đảng khác giống như vậy. Các đồng chí sẽ không chỉ ra được, vì trên thế giới chưa có một đảng nào như vậy cả. Nhưng, thật lạ lùng, những phần tử đối lập của chúng ta cũng không thích ngay cả một đảng lớn mạnh như vậy. Trên trái đất này họ sẽ tìm thấy ở đâu một đảng tốt hơn thế nữa? Tôi sợ rằng trong khi đi tìm một đảng tốt hơn, biết đâu họ lại chẳng phải nhảy lên sao Hỏa. *(Vỗ tay.)*

Vấn đề cuối cùng là vấn đề khuynh hướng tiểu tư sản của phái đối lập, tức vấn đề cho rằng việc lên án khuynh hướng tiểu tư sản là bất công. Điều đó có đúng không? Không, không đúng. Do đâu mà có sự lên án như vậy, căn cứ của việc lên án ấy là ở đâu? Căn cứ của việc lên án là ở chỗ: trong khi cổ động mãnh liệt cho dân chủ ở trong đảng, những phần tử đối lập đã, một cách vô tình và ngoài ý muốn của họ, trở thành cái loa cho giai cấp tư sản mới, là giai cấp không thèm đếm xỉa đến dân chủ trong đảng, nhưng lại muốn được hưởng dân chủ ở trong nước, rất và rất muốn được hưởng dân chủ trong nước. Bộ phận đảng viên làm ầm ĩ xung quanh những vấn đề dân chủ, vô tình đã trở thành cái loa và phương tiện của giai cấp tư sản mới để cổ động ở trong nước, nhằm làm suy yếu nền chuyên chính, «mở rộng» hiến pháp xô-viết, khôi phục những quyền lợi chính trị của bọn bóc lột. Đó là nguyên nhân và là điều bí mật giải thích vì sao những phần tử thuộc phái đối lập tuy rõ ràng là những người yêu đảng v.v., v.v., nhưng đã trở thành — điều mà bản thân họ không nhận thấy — cái loa của những người ở ngoài đảng và của những người muốn làm suy yếu, làm tan rã nền chuyên chính.

Cho nên không phải vô cớ mà bọn men-sê-vích và bọn xã hội chủ nghĩa-cách mạng đồng tình với phái đối lập. Đó là điều ngẫu nhiên chăng? Không, không phải là điều ngẫu nhiên.

Tình hình phân bố lực lượng trong phạm vi thế giới khiến cho bất cứ âm mưu nào làm giảm uy tín của đảng chúng ta và làm suy yếu nền chuyên chính ở trong nước chúng ta đều nhất định sẽ được bọn thù địch của cách mạng chộp lấy, coi đó là cái có lợi cho chúng, — dù cho âm mưu ấy là do phái đối lập của chúng ta hay do bọn xã hội chủ nghĩa-cách mạng cùng với bọn men-sê-vích thực hiện, thì cũng thế thôi. Ai không hiểu điều đó thì người ấy sẽ không hiểu được lô-gích của cuộc đấu tranh bè phái ở trong đảng chúng ta, sẽ không hiểu được rằng kết cục của cuộc đấu tranh này không phụ thuộc vào cá nhân và nguyện vọng, mà phụ thuộc vào kết quả thu được trong bảng tổng kết cuộc đấu tranh giữa những phần tử xô-viết và những phần tử chống xô-viết. Chính là dựa trên cơ sở đó mà chúng ta nói rằng phái đối lập có khuynh hướng tiểu tư sản.

Về kỷ luật của đảng và về sự đoàn kết của đội ngũ chúng ta, Lê-nin đã có lần nói rằng: «Ai làm yếu kỷ luật sắt của đảng của giai cấp vô sản dù chỉ một chút thôi (nhất là trong thời kỳ chuyên chính vô sản) thì thực tế là người ấy giúp giai cấp tư sản chống lại giai cấp vô sản» (xem tập XXV, tr. 190)*. Với những lời lẽ công kích kịch liệt vào đảng bộ Mạc-tư-khoa và Ban Chấp hành trung ương đảng, các đồng chí trong phái đối lập đã làm yếu kỷ luật của đảng và đã phá hoại những cơ sở của nền chuyên chính, vì đảng là hạt nhân cơ bản của nền chuyên chính, — điều đó chẳng lẽ còn cần phải chứng minh nữa hay sao?

Chính vì thế nên tôi cho rằng hội nghị đại biểu XIII đã có lý khi nói rằng: ở đây có khuynh hướng theo chính sách tiểu tư sản. Đó vẫn chưa phải là chính sách tiểu tư sản. Hoàn toàn chưa phải! Trong đại hội X, Lê-nin đã giải thích rằng khuynh hướng là một cái gì chưa hoàn thành, chưa hình thành hẳn. Các đồng chí trong phái đối lập, nếu các đồng chí không

---

* Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 31, tr. 27. *(B.T.)*

kiên trì khuynh hướng tiểu tư sản đó nữa, không kiên trì những sai lầm không lớn ấy nữa thì tất cả mọi việc sẽ được sửa chữa và công tác của đảng sẽ tiến lên. Nếu các đồng chí còn kiên trì thì khuynh hướng tiểu tư sản có thể phát triển thành chính sách tiểu tư sản. Do đó, tất cả mọi việc đều tùy thuộc ở các đồng chí đấy, các đồng chí trong phái đối lập ạ.

Kết luận thế nào đây? Kết luận là: từ nay về sau chúng ta phải tiến hành công tác trong đảng trên cơ sở thống nhất hoàn toàn trong đảng. Các đồng chí hãy nhìn xem, đại hội đã nhất trí ủng hộ đường lối của Ban Chấp hành trung ương, — đó là sự thống nhất của đảng. Phái đối lập là một thiểu số không đáng kể trong đảng chúng ta. Đảng chúng ta đang thống nhất và sẽ thống nhất; đại hội lần này, sự thống nhất của nó, sự đoàn kết của nó đã nói lên điều đó. Chúng ta có đoàn kết thống nhất được với cái nhóm nhỏ bé ở trong đảng, cái nhóm gọi là phái đối lập ấy, hay không, — điều đó tùy thuộc ở họ. Chúng ta tán thành cùng đồng tâm nhất trí công tác với phái đối lập. Ngay trong lúc tranh luận sôi nổi nhất hồi năm ngoái, chúng ta cũng đã tuyên bố là cần phải cùng công tác chung với phái đối lập. Tại đây, chúng ta khẳng định lại điều đó một lần nữa. Nhưng sự thống nhất ấy có thể thực hiện được hay không, tôi không thể biết được, vì trong tương lai sự thống nhất hoàn toàn tùy thuộc ở phái đối lập. Trong tình hình hiện nay, sự thống nhất là kết quả của sự tác động lẫn nhau giữa hai nhân tố, phái đa số trong đảng và phái thiểu số. Phái đa số muốn thống nhất trong công tác. Nhưng phái thiểu số có thành thực muốn thế hay không,—tôi không thể biết được. Điều đó hoàn toàn tùy thuộc ở các đồng chí trong phái đối lập.

Kết quả. Kết quả là: khẳng định những nghị quyết của hội nghị đại biểu XIII và tán thành hoạt động của Ban Chấp hành trung ương. Tôi tin rằng đại hội sẽ khẳng định những nghị quyết đó và tán thành hoạt động chính trị và công tác tổ chức của Ban Chấp hành trung ương. *(Vỗ tay hồi lâu.)*

VỀ NHỮNG KẾT QUẢ CHUNG CỦA ĐẠI HỘI XIII ĐẢNG CỘNG SẢN (B) NGA

Báo cáo tại lớp huấn luyện bí thư huyện ủy trực thuộc Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga 17 tháng Sáu 1924

Thưa các đồng chí! Tôi sẽ không phân tích tỉ mỉ các nghị quyết của đại hội XIII. Những nghị quyết đó khá nhiều, gộp lại cũng thành một cuốn sách và hiện nay vị tất đã có khả năng phân tích tỉ mỉ các nghị quyết đó, nhất là hiện thời cả tôi lẫn các đồng chí đều không có thì giờ làm việc ấy. Cho nên tôi nghĩ rằng vạch ra trong báo cáo những điểm xuất phát cơ bản và giải thích những điểm này để làm cho các đồng chí dễ dàng có thể nghiên cứu những nghị quyết ấy ở nhà, — như thế thì hợp lý hơn.

Như vậy, nếu nắm lấy các nghị quyết của đại hội XIII và nghiên cứu các nghị quyết đó một cách tỉ mỉ, thì sẽ có thể quy những vấn đề muôn màu muôn vẻ đã được đề cập trong các nghị quyết thành bốn vấn đề cơ bản quán triệt toàn bộ các nghị quyết.

Đó là những vấn đề gì?

Vấn đề cơ bản thứ nhất hoặc nhóm vấn đề thứ nhất là những vấn đề có liên quan đến tình hình ngoài nước của nước Cộng hòa chúng ta, tức là những vấn đề về việc củng cố tình hình quốc tế của nước Cộng hòa chúng ta.

Vấn đề cơ bản thứ hai hoặc nhóm vấn đề thứ hai có liên quan đến các vấn đề kết hợp công nghiệp quốc doanh với kinh tế nông dân, các vấn đề liên minh giai cấp vô sản với nông dân.

Nhóm vấn đề thứ ba bao gồm các vấn đề giáo dục và cải tạo quần chúng lao động theo tinh thần chuyên chính vô sản và chủ nghĩa xã hội. Ở đây bao gồm các vấn đề như bộ máy Nhà nước, công tác trong nông dân, công tác trong phụ nữ lao động, công tác trong thanh niên.

Sau hết, nhóm vấn đề thứ tư là những vấn đề có liên quan đến bản thân đảng, sinh hoạt nội bộ của đảng, sự tồn tại của đảng, sự phát triển của đảng.

Cuối bản báo cáo tôi sẽ đặc biệt nói đến những nhiệm vụ của cán bộ huyện nhân có những quyết nghị của đại hội XIII.

TÌNH HÌNH NGOÀI NƯỚC

Về mặt tình hình quốc tế của nước Nga xô-viết, năm vừa qua đã đem lại biến chuyển gì mới. Biến chuyển mới và cơ bản trên thế giới — điều cần phải tính đến khi chuyển từ năm cũ vừa qua bước sang năm mới, điều mà đại hội XIII không thể không tính đến — là ở chỗ nào?

Thứ nhất, biến chuyển mới là ở chỗ trong năm vừa qua, chúng ta đã có cơ hội nhận thấy hàng loạt mưu toan muốn làm cho Tây Âu trở thành công khai phát-xít về mặt chính sách đối nội, và những mưu toan đó không có cơ sở nên đã bị thất bại. Nếu trừ nước Ý ra là nước trong đó chủ nghĩa phát-xít đã suy đồi, thì ở những nước châu Âu chủ yếu, ở Pháp và ở Anh, những mưu toan phát-xít hóa chính sách của châu Âu đã bị thất bại, những kẻ nặn ra các mưu toan đó là Poăng-ca-rê và Kéc-dôn, nói trắng ra, đã bị đánh gục.

Đó là biến chuyền mới thứ nhất mà năm vừa qua đã đem lại cho chúng ta.

Biến chuyền thứ hai mà năm vừa qua đã đem lại cho chúng ta là: bọn đế quốc hiếu chiến Anh và Pháp rất nhiều lần mưu toan cô lập nước ta, các mưu toan đó đều đã bị thất bại. Vị tất có thề nghi ngờ gì nữa, rất nhiều âm mưu của Poăng-ca-rê chống Liên-xô và bức tối hậu thư mà ai cũng biết của Kéc-dôn đều nhằm mục đích cô lập nước ta. Và kết quả thế nào? Đáng lẽ cô lập Liên-xô, thì kết quả lại là Liên-xô được công nhận trên thực tế. Hơn nữa, đáng lẽ cô lập Liên-xô, thì kết quả lại là cô lập bọn đi cô lập, Poăng-ca-rê và Kéc-dôn phải từ chức. Uy tín của nước ta lại lớn hơn mức mà một số chính khách kỳ cựu đế quốc chủ nghĩa có thề tưởng tượng được.

Đó là biến chuyền mới thứ hai mà năm vừa qua đã đem lại cho chúng ta về mặt chính sách đối ngoại.

Giải thích tất cả điều đó như thế nào?

Một số người có ý lấy sự sáng suốt trong chính sách của chúng ta đề giải thích điều đó. Tôi không phủ nhận rằng chính sách của chúng ta nếu không là sáng suốt thì ít ra cũng là đúng đắn; đại hội XIII đã xác nhận điều đó. Nhưng không thề chỉ lấy sự sáng suốt hoặc sự đúng đắn của chính sách của chúng ta đề giải thích. Nói rằng vấn đề ở đây là ở hình thế đã được hình thành ở châu Âu trong thời gian gần đây và đã quyết định sự thành công của chính sách của chúng ta, thì hơn là nói rằng vấn đề ở đây là ở sự đúng đắn của chính sách của chúng ta. Ở đây cần nêu lên ba tình hình.

Thứ nhất. Các cường quốc đế quốc chủ nghĩa bất lực trong việc giải quyết những quả thực của những thắng lợi quân sự của họ và trong việc thiết lập ở châu Âu một nền hòa bình tương đối vững chắc, họ không có khả năng tiếp tục phát triền hơn nữa nếu không cướp bóc các nước thua trận và các

thuộc địa, nếu không có những cuộc xung đột và va chạm giữa họ với nhau vì việc phân chia những của cướp được. Do đó lại có những cuộc vũ trang mới. Do đó lại có nguy cơ chiến tranh mới. Nhưng quần chúng nhân dân không muốn chiến tranh, vì họ vẫn chưa quên những sự hy sinh mà họ đã phải chịu vì lợi nhuận của bọn tư bản. Do đó nhân dân càng ngày càng bất mãn đối với chính sách của chủ nghĩa đế quốc hiếu chiến.

Nguyên nhân của sự yếu ớt bên trong của chủ nghĩa đế quốc là ở đó. Tại sao Kéc-dôn và Poăng-ca-rê bị hạ bệ? Vì dư luận nhân dân cho rằng chúng là những kẻ thủ xướng ra cuộc chiến tranh mới. Vì với chính sách hiếu chiến công khai của chúng, chúng đã kích động lòng bất mãn của quần chúng đối với chủ nghĩa đế quốc nói chung và do đó đã tạo ra mối nguy hiểm cho chủ nghĩa đế quốc.

Thứ hai. Chính quyền xô-viết ở trong nước đã được củng cố. Các nước tư bản chủ nghĩa đã theo đuổi phương châm làm thất bại Chính quyền xô-viết ở trong nước. Những người hát kinh thánh nói rằng đôi khi thượng đế thông qua miệng trẻ nhỏ mà nói sự thật. Nếu cho rằng chủ nghĩa đế quốc phương Tây là thượng đế, thì tự nhiên là nó không thể không có những trẻ nhỏ của nó được. Và đây, nó đã tìm được đứa trẻ nhỏ của nó là Bê-ne-xơ, một con người không phải là không nổi tiếng, bộ trưởng Bộ Ngoại giao Tiệp-khắc, và thông qua miệng ông ta mà loan báo không nên vội vã công nhận Liên minh các nước Cộng hòa vì Chính quyền xô-viết không bền vững, và nói rằng vì trong một thời gian ngắn Chính quyền xô-viết sẽ được thay thế bằng một chính quyền tư bản dân chủ mới, nên điều tốt hơn hết là tạm thời «chịu nhịn» không đặt «những quan hệ bình thường» với Liên-xô. Điều đó xảy ra cách đây không lâu. Nhưng cái «sự thật» của chủ nghĩa đế quốc, do miệng đứa trẻ nhỏ của nó nói ra, chật vật lắm mới giữ được một đôi tháng, vì như mọi người đều biết,

chẳng bao lâu chính sách «chịu nhịn» đã được thay thế ở hàng loạt quốc gia bằng chính sách «công nhận»[44]. Tại sao vậy? Vì khó mà phủ nhận sự thật hiển nhiên, mà sự thật hiển nhiên là Chính quyền xô-viết đã vững như đá. Trước hết, một kẻ tầm thường dù cho có ngây thơ về chính trị như thế nào thì cũng không thể không nhận thấy rằng Chính quyền xô-viết có lẽ vững chắc hơn bất kỳ chính phủ tư sản nào, vì trong bảy năm chuyên chính vô sản, các chính phủ tư sản lên lên xuống xuống còn Chính quyền xô-viết thì vẫn đứng nguyên. Sau nữa, chính kẻ tầm thường đó cũng không thể không nhận thấy nền kinh tế nước ta đang phát triển dù chỉ với cái bằng chứng là việc xuất khẩu của nước ta ngày càng tăng lên. Liệu có còn cần phải chứng minh rằng những tình hình đó đều có lợi chứ không có hại đối với Liên-xô, hay không? Người ta buộc tội chúng ta là đang tiến hành ở Tây Âu việc tuyên truyền chống chủ nghĩa tư bản. Tôi phải nói rằng chúng ta không cần đến thứ tuyên truyền như thế, chúng ta không cần tiến hành thứ tuyên truyền như thế. Bản thân sự tồn tại của Chính quyền xô-viết, sự trưởng thành của nó, sự phồn vinh vật chất của nó, sự củng cố không thể nghi ngờ gì được của nó, là sự tuyên truyền tốt nhất cho Chính quyền xô-viết, trong các công nhân châu Âu. Bất kỳ người công nhân nào, khi tới đất nước Xô-viết và được chứng kiến những chế độ vô sản của chúng ta, đều sẽ thấy được Chính quyền xô-viết là như thế nào và giai cấp công nhân khi nắm chính quyền rồi thì có khả năng làm được những gì. Đó chính là sự tuyên truyền chân chính, song là sự tuyên truyền bằng những sự thật, ảnh hưởng vào công nhân hơn rất nhiều so với sự tuyên truyền bằng lời nói hoặc bằng sách báo. Người ta buộc tội chúng ta là đang tiến hành tuyên truyền ở phương Đông. Đó cũng lại là những điều nhảm nhí. Chúng ta không cần tiến hành tuyên truyền ở phương Đông. Bất kỳ người công dân nào ở nước phụ thuộc

hay thuộc địa, chỉ cần đến đất nước xô-viết và nhìn xem nhân dân chúng ta quản lý đất nước như thế nào, chỉ cần nhìn xem những người da đen và da trắng, những người Nga và không phải Nga, những người thuộc đủ mọi màu sắc và dân tộc, đang đồng tâm hiệp lực quản lý như thế nào một quốc gia vĩ đại, là họ sẽ thấy rõ đây là một nước duy nhất trong đó tình hữu nghị giữa các dân tộc không phải là lời nói suông mà là sự thật. Nếu chúng ta có sự thật — là Liên minh các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết — để tuyên truyền bằng thực tế như vậy, thì chúng ta sẽ chẳng cần đến bất kỳ sự tuyên truyền nào bằng miệng hoặc bằng báo chí.

Thứ ba. Uy tín của Chính quyền xô-viết ngày càng tăng, tiếng tăm của nó ngày càng tăng trong quần chúng nhân dân các nước tư bản chủ nghĩa, sở dĩ được như thế trước hết là do nước ta là nước duy nhất trên thế giới có thể tiến hành nổi và đang thực sự tiến hành chính sách hòa bình, đang tiến hành chính sách đó một cách không phải giả nhân giả nghĩa mà là chân thành và công khai, cương quyết và triệt để. Hiện nay tất cả mọi người, bất luận là kẻ thù hay là bè bạn, đều thừa nhận rằng nước ta là nước duy nhất có thể được quyền gọi là thành trì và người nắm ngọn cờ chính sách hòa bình trên toàn thế giới. Liệu có cần phải chứng minh rằng tình hình đó không thể không tăng cường sự đồng tình và mối thiện cảm của quần chúng nhân dân châu Âu đối với Chính quyền xô-viết, hay không? Các đồng chí có chú ý rằng một số nhà cầm quyền ở châu Âu đang cố gắng xây dựng bước đường danh vọng của họ trên việc kiến lập «hữu nghị» với Liên-xô, rằng thậm chí một số trong bọn họ, như Mút-xô-li-ni, đôi khi còn đồng tình với việc «kiếm chác» dựa trên mối tình «hữu nghị» đó, hay không? Chính điều đó chứng tỏ rằng Chính quyền xô-viết đã trở nên thực sự có tiếng tăm trong quần chúng rộng rãi các nước tư bản chủ nghĩa. Không có gì làm cho Chính quyền xô-viết có tiếng tăm bằng chính

sách hòa bình mà chính quyền ấy đã thực hiện một cách chân thành và dũng cảm trong những điều kiện khó khăn bị chủ nghĩa tư bản bao vây.

Nói chung, đó là những tình hình đã quyết định những thắng lợi của chính sách đối ngoại của chúng ta trong năm qua.

Đại hội XIII, trong nghị quyết của mình, đã thông qua chính sách của Ban Chấp hành trung ương về mặt quan hệ đối ngoại. Như thế nghĩa là thế nào? Như thế nghĩa là đại hội đã giao trách nhiệm cho đảng tiến hành từ nay về sau chính sách hòa bình, chính sách đấu tranh cương quyết chống chiến tranh mới, chính sách bóc trần thẳng tay tất cả và bất kỳ kẻ nào ủng hộ hoặc dung túng những cuộc vũ trang mới, những cuộc xung đột mới.

VẤN ĐỀ KẾT HỢP

Kết hợp là gì? Kết hợp là sự liên hệ thường xuyên, sự trao đổi thường xuyên giữa thành thị và nông thôn, giữa công nghiệp của chúng ta với kinh tế nông dân, giữa sản phẩm công nghiệp của chúng ta với lương thực và nguyên liệu của kinh tế nông dân. Kinh tế nông dân không thể sống được, không thể tồn tại được, nếu không đem lương thực và nguyên liệu bán ra thị trường thành thị và do đó, không nhận được của thành phố những chế phẩm và những công cụ lao động cần thiết. Công nghiệp quốc doanh cũng thế, nó không thể phát triển được nếu không bán ra thị trường nông dân các sản phẩm của nó và không được nông thôn cung cấp lương thực và nguyên liệu. Như vậy, nguồn gốc tồn tại của nền công nghiệp xã hội chủ nghĩa của chúng ta là thị trường trong nước và trước hết là thị trường nông dân, kinh tế nông dân. Cho nên vấn đề kết hợp là vấn đề tồn tại của công nghiệp

nước ta, vấn đề tồn tại của bản thân giai cấp vô sản, vấn đề sống còn của nước Cộng hòa chúng ta, vấn đề thắng lợi của chủ nghĩa xã hội trong nước chúng ta.

Chúng ta chưa thực hiện được sự kết hợp đó, sự liên hệ thường xuyên giữa thành thị và nông thôn, giữa công nghiệp và kinh tế nông dân bằng cách trao đổi trực tiếp các sản phẩm công nghiệp với các sản phẩm kinh tế nông dân. Sở dĩ chưa thực hiện được, vì công nghiệp của chúng ta phát triển ít, chúng ta chưa có những bộ máy cung cấp với những chi nhánh lớn trong toàn quốc, mà toàn bộ nền kinh tế quốc dân sau chiến tranh thì lại trải qua tình trạng bị tàn phá. Vì vậy chúng ta đã buộc phải thi hành cái gọi là chính sách kinh tế mới, tức là buộc phải tuyên bố tự do thương nghiệp, tự do lưu thông hàng hóa, cho phép chủ nghĩa tư bản tồn tại, động viên lực lượng của hàng triệu nông dân và tiểu chủ để thiết lập trong nước một dòng lưu thông hàng hóa, phát triển thương nghiệp và sau đó, khi đã nắm chắc những trận địa chủ yếu về mặt thương nghiệp rồi, sẽ thông qua thương nghiệp mà thiết lập sự kết hợp giữa công nghiệp và kinh tế nông dân. Đó là thiết lập sự kết hợp bằng con đường vòng, như Lê-nin đã nói, không phải là trực tiếp, không phải bằng cách trực tiếp trao đổi sản phẩm kinh tế nông dân với sản phẩm công nghiệp, mà là thông qua thương nghiệp.

Nhiệm vụ là ở chỗ lợi dụng lực lượng của hàng triệu tiểu chủ, nắm lấy thương nghiệp, nắm trong tay Nhà nước và trong tay hợp tác xã những đường dây chủ yếu trong việc cung cấp cho nông thôn và thành thị, và qua đó tổ chức sự liên hệ vững chắc, sự kết hợp vững chắc giữa công nghiệp và kinh tế nông dân.

Không thể nói rằng nhiệm vụ đó quá sức đối với chúng ta. Sở dĩ không thể nói như vậy, vì giai cấp vô sản nắm chính quyền có thể nói là có tất cả những thủ đoạn chủ yếu để thực hiện sự kết hợp như thế bằng con đường vòng thông qua

thương nghiệp. Thứ nhất, giai cấp vô sản có chính quyền. Thứ hai, nó có công nghiệp. Thứ ba, nó có tín dụng, mà tín dụng lại là lực lượng cực kỳ lớn trong tay Nhà nước. Thứ tư, nó có bộ máy thương nghiệp của nó, dù bộ máy này tốt hay không tốt nhưng nó vẫn là bộ máy đang ngày càng phát triển và được củng cố. Sau hết, nó có số vốn hàng hóa nhất định có thể thỉnh thoảng tung ra thị trường để ngăn chặn hoặc làm cho mất tác dụng những sự lên xuống của thị trường, gây ảnh hưởng đến tình hình giá cả, v.v.. Nhà nước công nhân có tất cả những thủ đoạn đó, và vì vậy không thể nói rằng đối với chúng ta việc thực hiện sự kết hợp thông qua thương nghiệp là một nhiệm vụ quá sức.

Tình hình vấn đề thiết lập sự kết hợp giữa thành thị với nông thôn và khả năng của sự kết hợp đó, là như vậy.

Vậy thì xét về mặt thiết lập sự kết hợp giữa thành thị với nông thôn, trong năm vừa qua đã có những biến chuyển mới và quan trọng gì?

Khi giải quyết các vấn đề về sự kết hợp, đại hội XIII đã đề cập đến những tài liệu mới nào?

Biến chuyển mới trong năm về mặt đó là: năm vừa qua, trong công tác thực tế của chúng ta, lần đầu tiên chúng ta đã vấp phải một cuộc đấu tranh rộng rãi, một cuộc đấu tranh trên một quy mô lớn giữa các thành phần xã hội chủ nghĩa và các thành phần tư bản-tư nhân trong nền kinh tế quốc dân của chúng ta, và sau khi vấp phải cuộc đấu tranh đó, lần đầu tiên, chúng ta đã đem vấn đề kết hợp đặt vào thực tiễn một cách thật hết sức cụ thể. Các vấn đề kết hợp và thương nghiệp đã được đặt ra trước chúng ta không phải với tính cách là những vấn đề lý luận mà với tính cách là những vấn đề thực tiễn trực tiếp, có tính chất khẩn thiết, đòi hỏi phải giải quyết ngay lập tức.

Nếu các đồng chí nhớ lại thì thấy là Lê-nin đã nói ngay từ đại hội XI[45] rằng việc dùng lực lượng của Nhà nước và

của hợp tác xã để khống chế thị trường, việc nắm lấy những đường dây thương nghiệp chủ yếu, sẽ diễn ra không phải là thông qua một công tác hòa bình, mà là thông qua một cuộc đấu tranh giữa các thành phần xã hội chủ nghĩa và các thành phần tư bản - tư nhân, rằng công tác đó sẽ tiến hành thông qua một cuộc cạnh tranh ác liệt giữa những thành phần đối lập đó trong nền kinh tế quốc dân của chúng ta. Và cuộc đấu tranh đó đã bùng lên dữ dội. Nó được mở rộng, chủ yếu là về hai mặt: mặt thương nghiệp giữa thành thị và nông thôn, và mặt tín dụng, chủ yếu là ở nông thôn.

Kết quả của cuộc đấu tranh đó như thế nào?

Thứ nhất. Sự thật là tư bản tư nhân không được đem đầu tư vào sản xuất là nơi trong đó có nhiều rủi ro và tư bản quay vòng chậm hơn, mà đã được đem đầu tư vào thương nghiệp, vào chính bản thân thương nghiệp, như Lê-nin đã nói, là khâu cơ bản của chuỗi quá trình trong thời kỳ quá độ của chúng ta. Và khi được đem sử dụng vào thương nghiệp, thì ở đây tư bản tư nhân được tăng cường đến mức nó nắm trong tay gần 80% toàn bộ thương nghiệp bán lẻ và gần 50% toàn bộ thương nghiệp bán buôn và bán lẻ ở trong nước. Đó là do các bộ máy thương nghiệp và hợp tác xã của chúng ta còn non trẻ và chưa được ổn; do các nghiệp đoàn chúng ta đã thực hiện một chính sách không đúng đắn, họ đã lạm dụng địa vị độc quyền của họ và đã tăng giá hàng hóa; do Ủy ban nội thương của chúng ta còn yếu, họ đã buộc phải điều chỉnh thương nghiệp theo quan điểm của Nhà nước; sau hết, do giấy bạc của ta lúc bấy giờ chưa vững vàng chủ yếu là đánh vào nông dân và vì vậy làm giảm sức mua của nông dân.

Thứ hai. Sự thật là tín dụng ở nông thôn hoàn toàn nằm trong tay người cu-lắc và người cho vay nặng lãi; nông dân nghèo, bị tước mất nông cụ, buộc phải lệ thuộc hoàn toàn vào người cho vay nặng lãi, buộc phải trả tiền lãi phần trăm quá nặng,

và phải nhẫn nhục chịu đựng ách thống trị của người cho vay nặng lãi. Đó là do chúng ta vẫn chưa có một màng lưới tín dụng nông nghiệp ở cơ sở có thể cho nông dân vay với lãi nhẹ và gạt người cho vay nặng lãi ra phía sau, và do ở đây toàn bộ trận địa nằm cả trong tay người cho vay nặng lãi.

Như vậy, giữa Nhà nước một bên và một bên nữa là kinh tế nông dân, có xen kẽ bọn cu-lắc và người cho vay nặng lãi, do đó sự kết hợp giữa công nghiệp xã hội chủ nghĩa và kinh tế nông dân bị khó khăn và chưa được ổn. Cuộc khủng hoảng về tiêu thụ trong mùa hè năm qua là biểu hiện của sự khó khăn và tình trạng chưa ổn đó.

Khi đó, ngay từ trước khi họp đại hội, đảng cũng đã áp dụng những biện pháp nhằm thủ tiêu cuộc khủng hoảng về tiêu thụ và đặt cơ sở cho tín dụng nông nghiệp. Tiền mới và vững vàng đã được phát hành: điều đó đã làm cho tình hình tốt hơn. Một khối lượng lớn hàng hóa đã được tung ra thị trường với mục đích hạ giá cả xuống, điều đó cũng đã gây ảnh hưởng tốt đẹp. Ủy ban nội thương đã được cải tổ lại trên nguyên tắc đảm bảo đấu tranh thắng lợi chống tư bản tư nhân. Vấn đề cải tổ công tác của các cơ quan thương nghiệp và các cơ quan hợp tác xã theo quan điểm kết hợp, đã được đề ra. Cuộc khủng hoảng về tiêu thụ đã căn bản được thủ tiêu.

Nhưng đảng không thể chỉ giới hạn ở những biện pháp đó. Nhiệm vụ của đại hội XIII là hoàn toàn đặt lại vấn đề kết hợp và vạch ra những đường lối cơ bản để giải quyết vấn đề đó trong tình hình mới sau khi đã thủ tiêu cuộc khủng hoảng về tiêu thụ.

Về mặt đó, đại hội XIII đã đem lại cho chúng ta những gì?

Thứ nhất. Đại hội đã đưa ra khẩu hiệu tiếp tục phát triển công nghiệp hơn nữa, trước hết là công nghiệp nhẹ và cả công nghiệp kim loại nữa, vì rõ ràng là với những sản phẩm dự trữ mà chúng ta hiện có, chúng ta vẫn không thể làm thỏa mãn khát vọng của nông dân đối với hàng hóa. Ấy là tôi chưa

nói đến nạn thất nghiệp ngày càng tăng đang đòi hỏi một cách cấp bách phải phát triển công nghiệp. Cho nên, việc tiếp tục phát triển công nghiệp hơn nữa là một vấn đề sống còn (xem nghị quyết mà đại hội thông qua căn cứ vào báo cáo của Ban Chấp hành trung ương[46]).

Thứ hai. Đại hội đã đề xuất khẩu hiệu tiếp tục phát triển kinh tế nông dân hơn nữa, khẩu hiệu giúp đỡ kinh tế nông dân trong việc tiếp tục mở rộng diện tích cày cấy hơn nữa. Đó cũng là công việc cần thiết để tiến hành sự kết hợp, vì rõ ràng là nông dân quan tâm đến việc làm thỏa mãn không phải chỉ những nhu cầu của công nghiệp chúng ta—đương nhiên là để trao đổi lấy các chế phẩm —, mà cả những nhu cầu của thị trường ngoài nước—đương nhiên là để trao đổi lấy các máy móc. Do đó, tiếp tục phát triển hơn nữa nền kinh tế nông dân là nhiệm vụ trước mắt của chính sách của đảng (xem nghị quyết «Về công tác nông thôn»[47]).

Thứ ba. Đại hội đã thông qua việc thành lập Bộ dân ủy Nội thương và đề ra cho tất cả các cơ quan thương nghiệp và các cơ quan hợp tác xã của chúng ta nhiệm vụ chủ yếu là đấu tranh chống tư bản tư nhân, nhiệm vụ nắm vững thị trường, nhiệm vụ gạt tư bản tư nhân ra khỏi lĩnh vực thương nghiệp bằng những biện pháp có tính chất kinh tế, bằng cách hạ giá hàng hóa và cải tiến chất lượng hàng hóa, bằng cách điều vận số lượng lớn hàng hóa, bằng cách thực hành biện pháp cho vay có ưu đãi, v.v. (xem các nghị quyết «Về Nội thương» và «Về hợp tác xã»[48]).

Thứ tư. Đại hội đã đề xuất và giải quyết vấn đề hết sức quan trọng về tín dụng nông nghiệp. Vấn đề ở đây không phải chỉ là Ngân hàng nông nghiệp trung ương hoặc thậm chí là các ủy ban tín dụng nông nghiệp tỉnh. Vấn đề ở đây chủ yếu là tổ chức mạng lưới hợp tác xã tín dụng cơ sở ở huyện và xã, vấn đề ở đây là dân chủ hóa công tác tín dụng, làm cho nông dân có thể hưởng được chế độ tín dụng nông

nghiệp, thay thế tín dụng có tính chất bóc lột của người cho vay nặng lãi bằng tín dụng lấy lãi nhẹ của Nhà nước và đuổi người cho vay nặng lãi ra khỏi nông thôn. Đó là vấn đề quan trọng nhất trong toàn bộ nền kinh tế của chúng ta ; nếu không giải quyết vấn đề này thì không thể có sự kết hợp vững chắc đôi chút giữa giai cấp vô sản và nông dân. Vì thế đại hội XIII đã đặc biệt chú ý đến vấn đề đó (xem nghị quyết «Về công tác nông thôn»). Ban Chấp hành trung ương đã cung cấp được 40 triệu rúp làm vốn cố định cho ngân hàng nông nghiệp để rồi trong điều kiện phối hợp nhất định với Ngân hàng quốc gia, sẽ tăng 40 triệu đó lên đến 80 triệu rúp. Tôi cho rằng trong điều kiện cố gắng nhất định, số tiền đó có thể tăng lên đến 100 triệu rúp. Đương nhiên con số đó không lấy gì làm nhiều lắm đối với một nước khổng lồ như Liên-xô chúng ta, nhưng dù sao thì cũng là một cái gì đó giúp cho nông dân được dễ dàng cải tiến nền kinh tế của họ và thủ tiêu ách của người cho vay nặng lãi. Ở trên tôi đã nói về ý nghĩa của hợp tác xã tín dụng nông dân ở cơ sở đối với những nông dân nghèo, đối với sự kết hợp giữa nông dân và Nhà nước công nhân. Nhưng hợp tác xã tín dụng cơ sở có thể giúp đỡ không phải chỉ đối với nông dân. Trong những điều kiện nhất định, nó có thể là nguồn tương trợ lớn nhất không những của Nhà nước đối với nông dân, mà cả của nông dân đối với Nhà nước nữa. Thật vậy, nếu một mạng lưới tín dụng nông nghiệp được mở rộng ở các địa phương nước ta, ở từng huyện và từng xã, và các cơ quan hữu quan lại có uy tín trong quần chúng nông dân, thì nông dân không những sẽ vay tiền của Nhà nước mà sẽ còn cho Nhà nước mượn tiền, tức là các cơ quan đó không những sẽ làm nhiệm vụ cho vay mà sẽ còn làm nhiệm vụ vay nữa. Chẳng khó khăn gì mà không tưởng tượng được rằng trong tình hình quay vòng thuận lợi tại các cơ quan tín dụng cơ sở, các cơ quan này có thể trở thành nguồn tương trợ vững chắc của hàng chục triệu nông dân

đối với Nhà nước, mà bất kỳ món vay nào ở nước ngoài cũng không thể so sánh được. Như các đồng chí đều thấy, đại hội đã không lầm khi đặc biệt chú ý đến việc tổ chức cho vay lấy lãi nhẹ ở nông thôn.

Thứ năm. Đại hội một lần nữa đã tuyên bố rằng chế độ độc quyền ngoại thương là bất di bất dịch. Tôi nghĩ rằng không cần phải giải thích ý nghĩa của chế độ đó đối với công nghiệp và nông nghiệp cũng như đối với sự kết hợp giữa công nghiệp và nông nghiệp. Ý nghĩa căn bản của độc quyền ngoại thương không cần phải chứng minh thêm nữa (xem nghị quyết được thông qua căn cứ vào báo cáo của Ban Chấp hành trung ương).

Thứ sáu. Đại hội đã khẳng định sự cần thiết phải tăng cường xuất khẩu nói chung và trước hết là xuất khẩu lúa mì. Tôi nghĩ rằng quyết nghị đó cũng không cần phải bình luận (xem nghị quyết được thông qua căn cứ vào báo cáo của Ban Chấp hành trung ương).

Thứ bảy. Đại hội đã quyết định áp dụng mọi biện pháp để làm cho cuộc cải cách tiền tệ[49]—là cuộc cải cách đã làm dễ dàng việc lưu thông hàng hóa và việc thiết lập mối liên hệ vững chắc giữa công nghiệp và kinh tế nông dân—sẽ được tiến hành đến cùng, và để làm cho tất cả các điều kiện cần thiết cho cuộc cải cách đó sẽ được các lực lượng ở trung ương cũng như các lực lượng ở địa phương đều thực hiện (xem nghị quyết được thông qua căn cứ vào báo cáo của Ban Chấp hành trung ương).

Đó là những khẩu hiệu của đại hội XIII về vấn đề kết hợp nhằm nắm vững thương nghiệp, thiết lập sự kết hợp vững chắc giữa công nghiệp của chúng ta với kinh tế nông dân và nhờ đó tạo điều kiện cho các thành phần xã hội chủ nghĩa, trong nền kinh tế quốc dân chiến thắng các thành phần tư bản chủ nghĩa.

VẤN ĐỀ GIÁO DỤC VÀ CẢI TẠO QUẦN CHÚNG LAO ĐỘNG

Một trong những nhiệm vụ trọng yếu của đảng trong thời đại chuyên chính vô sản là phát triển công tác cải tạo các thế hệ cũ và giáo dục các thế hệ mới theo tinh thần chuyên chính vô sản và chủ nghĩa xã hội. Những thói quen và tập quán cũ, những cổ tục và thành kiến của xã hội cũ để lại, là kẻ thù cực kỳ nguy hiểm của chủ nghĩa xã hội. Những cổ tục và thói quen đó, chúng khống chế hàng triệu quần chúng lao động, đôi khi chúng bao trùm lên toàn bộ các tầng lớp giai cấp vô sản, đôi khi chúng tạo nên mối nguy hiểm hết sức to lớn đối với chính bản thân sự tồn tại của nền chuyên chính vô sản. Cho nên đấu tranh chống những cổ tục và thói quen đó, nhất thiết phải khắc phục chúng trong mọi phạm vi công tác của chúng ta và sau hết, giáo dục các thế hệ mới theo tinh thần chủ nghĩa xã hội vô sản,—đó là những nhiệm vụ trước mắt của đảng ta mà nếu không thi hành thì không thể có sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội. Công tác cải thiện bộ máy Nhà nước, công tác nông thôn, công tác phụ nữ lao động, công tác thanh niên, đấy là những phạm vi hoạt động chủ yếu của đảng nhằm thực hiện các nhiệm vụ đó.

a) *Đấu tranh nhằm cải thiện bộ máy Nhà nước*. Đại hội đã dành rất ít thời gian cho vấn đề bộ máy Nhà nước. Bản báo cáo của Ban Kiểm tra trung ương về đấu tranh chống những thiếu sót trong bộ máy Nhà nước đã được thông qua mà không thảo luận. Nghị quyết «Về công tác của các tiểu ban kiểm tra»[50] cũng đã được thông qua mà không thảo luận. Theo tôi, đó là do thời gian không đủ mà vấn đề được đặt ra tại đại hội thì lại có rất nhiều. Nhưng sẽ là điều hoàn toàn không đúng nếu từ đó rút ra kết luận rằng đảng không coi vấn đề bộ máy Nhà nước là vấn đề hết sức trọng yếu. Trái lại, vấn đề bộ máy Nhà nước là một trong những vấn đề cực

kỳ quan trọng của toàn bộ công cuộc xây dựng của chúng ta. Bộ máy Nhà nước có làm việc liêm khiết không, hay nó tham ô hối lộ; nó có thực hiện tiết kiệm không, hay nỗ vung phí tài sản của toàn dân; nó có làm việc giả dối không, hay nó toàn tâm toàn ý phục vụ Nhà nước; nó có là gánh nặng cho những người lao động không, hay nó là một tổ chức giúp đỡ những người lao động; nó có đưa tư tưởng pháp chế của giai cấp vô sản vào không, hay nó hủ hóa ý thức của nhân dân theo tinh thần phủ nhận tư tưởng đó; nó có phát triển tiến lên theo hướng chuyển tới một xã hội cộng sản không có Nhà nước không; hay nó kéo lùi trở lại chế độ quan liêu thối nát của Nhà nước tư sản tầm thường,—tất cả cái đó là những vấn đề mà nếu giải quyết đúng đắn thì không thể không có ý nghĩa quyết định đối với đảng và chủ nghĩa xã hội. Bộ máy Nhà nước của chúng ta có rất nhiều khuyết điểm, nó cồng kềnh và tốn kém, 9/10 bộ máy đó đã bị quan liêu hóa, chế độ quan liêu trong bộ máy Nhà nước đè nặng lên đảng và tổ chức của đảng, gây khó khăn cho cuộc đấu tranh nhằm cải thiện bộ máy Nhà nước,—về những tình hình đó vị tất đã có thể nghi ngờ gì được. Đồng thời rõ ràng là nếu bộ máy Nhà nước của chúng ta thoát khỏi, chẳng hạn, một số khuyết điểm chủ yếu của nó, thì nó sẽ có thể trở thành công cụ vĩ đại nhất trong tay giai cấp vô sản để giáo dục và cải tạo các tầng lớp nhân dân rộng lớn theo tinh thần chuyên chính vô sản và chủ nghĩa xã hội.

Chính vì vậy Lê-nin đã đặc biệt quan tâm đến việc cải thiện bộ máy Nhà nước.

Chính vì vậy đảng đã thành lập các tổ chức đặc biệt, gồm công nhân và nông dân (Ban Kiểm tra công nông cải tổ và Ban Kiểm tra trung ương mở rộng), để đấu tranh chống những khuyết điểm của bộ máy Nhà nước chúng ta.

Nhiệm vụ là ở chỗ giúp đỡ Ban Kiểm tra trung ương và Ban Kiểm tra công nông tiến hành công tác khó khăn của

các ban đó về cải thiện, đơn giản hóa, giảm nhẹ và chấn chỉnh về tinh thần bộ máy Nhà nước từ trên xuống dưới (xem nghị quyết của đại hội «Về công tác của các ban kiểm tra»).

b) *Về công tác nông thôn*. Vấn đề này là một trong những vấn đề phức tạp nhất và khó khăn nhất trong thực tiễn của đảng ta. Đại hội đã thông qua một nghị quyết xuất sắc về các đường lối cơ bản trong công tác của chúng ta ở nông thôn. Chỉ cần đối chiếu nghị quyết đó với nghị quyết của đại hội XIII về công tác ở nông thôn[51] là có thể hiểu đảng đã tiến lên được chừng nào trong lĩnh vực đó. Nhưng sẽ là sai lầm nếu nghĩ rằng đại hội XIII đã giải quyết xong hoặc có thể giải quyết xong trong năm nay vấn đề phức tạp nhất về nông thôn. Các vấn đề như: những hình thức tổ chức nông trang tập thể, việc cải tổ các nông trường quốc doanh, việc điều chỉnh công tác quy hoạch ruộng đất ở vùng trung tâm và ở các vùng biên giới, những hình thức tổ chức lao động mới có liên quan với công tác hợp tác xã nông nghiệp, việc nắm vững những đặc điểm của các địa khu khác nhau trong Liên minh của chúng ta và cân nhắc đến những đặc điểm đó trong công tác,—tất cả các vấn đề đó, do những nguyên nhân rất dễ hiểu, không thể giải quyết xong toàn bộ trong các nghị quyết của đại hội được. Nghị quyết của đại hội quan trọng ở chỗ nó vạch ra những đường lối cơ bản của công tác, làm dễ dàng cho việc tiếp tục nghiên cứu hơn nữa các vấn đề đó. Có lẽ các đồng chí đều biết rằng hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương[52] đã thành lập một tiểu ban thường trực về công tác nông thôn để nghiên cứu tỉ mỉ những vấn đề đó.

Trung tâm của nghị quyết là khẩu hiệu hợp tác hóa quần chúng nông dân. Hợp tác hóa cần được tiến hành theo ba hướng: hợp tác xã tiêu thụ, hợp tác xã nông nghiệp và hợp tác xã tín dụng. Đó là một trong những con đường đúng đắn nhất nhằm đưa tư tưởng và phương pháp chủ nghĩa tập thể

vào trong nông dân, vào trong các tầng lớp bần nông và trung nông (xem nghị quyết của đại hội «Về công tác nông thôn»).

c) *Về công tác phụ nữ lao động.* Cũng trong báo cáo tại đại hội, tôi đã nói rằng chúng ta đã coi nhẹ mặt công tác đó, rằng công tác đó cực kỳ quan trọng đối với đảng, và trong một vài trường hợp, lại là mặt công tác có ý nghĩa quyết định trong việc giáo dục những thế hệ mới theo tinh thần chủ nghĩa xã hội. Đương nhiên là không cần nhắc lại những điều đã nói tại đại hội. Tôi chỉ muốn lưu ý rằng rất tiếc là đại hội đã không có khả năng chuyên thảo luận vấn đề công tác phụ nữ lao động, tuy vậy đại hội cũng đã thông qua một quyết nghị đặc biệt nói rằng «đại hội đặc biệt lưu ý toàn đảng đến sự cần thiết phải tăng cường công tác nữ công nhân và nữ nông dân và đưa họ vào tất cả các cơ quan đảng và các cơ quan xô-viết đã được bầu ra» (xem nghị quyết được thông qua căn cứ vào bản báo cáo của Ban Chấp hành trung ương). Tôi nghĩ rằng đại hội sắp tới sẽ dành để chuyên nghiên cứu các vấn đề đó. Theo đúng quyết định của đại hội, hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương, ngay khi bế mạc đại hội đã ủy nhiệm cho Ban Tổ chức của Ban Chấp hành trung ương chúng ta áp dụng những biện pháp đặc biệt nhằm nâng cao công tác phụ nữ lao động tới mức cần thiết.

d) *Về công tác thanh niên.* Đại hội đã đặc biệt chú ý đến vấn đề công tác thanh niên. Theo tôi nghị quyết của đại hội về vấn đề đó là một nghị quyết hoàn thiện nhất và tường tận đầy đủ nhất trong số tất cả các nghị quyết của đại hội. Vì vậy nó rất quý đối với đảng và đối với thanh niên.

Tác dụng của thanh niên,—tôi nói thanh niên công nông,—là ở chỗ họ là cơ sở tốt nhất cho công cuộc xây dựng tương lai, ở chỗ họ là tương lai của nước ta và là người thể hiện tương lai của nước ta. Nếu công tác của chúng ta trong bộ máy Nhà nước, nếu công tác nông dân, công tác phụ nữ lao động của chúng ta có tác dụng rất lớn trong việc khắc phục

các thói quen và truyền thống cũ, trọng việc *cải tạo* các thế hệ quần chúng lao động cũ, thì công tác thanh niên, tức là công tác trong những người ít nhiều không bị nhiễm những truyền thống và thói quen đó, lại có một tác dụng vô giá trong việc *giáo dục* các cán bộ lao động mới theo tinh thần chuyên chính vô sản và chủ nghĩa xã hội, vì ở đây cơ sở — điều này rất hiển nhiên — đặc biệt tốt.

Do đó đoàn thanh niên và các đội thiếu niên — chi nhánh của liên đoàn thanh niên — có một tác dụng hết sức to lớn.

Liên đoàn thanh niên là một tổ chức tự nguyện của thanh niên công nông. Trung tâm của nó, hạt nhân của nó là thanh niên công nhân. Chỗ dựa của nó là thanh niên nông dân. Liên đoàn thanh niên công nông, — đó là cơ sở của tổ chức thanh niên. Tập hợp xung quanh hạt nhân vô sản tất cả những phần tử trung thực và cách mạng trong thanh niên nông dân; lôi cuốn các đoàn viên của nó vào tất cả các lĩnh vực công tác, kinh tế và văn hóa, quân sự và hành chính; đào tạo họ trở thành những chiến sĩ và những người xây dựng, những người lao động và những nhà lãnh đạo nước ta, — đó là những nhiệm vụ của liên đoàn thanh niên (xem nghị quyết «Về công tác thanh niên»[53]).

ĐẢNG

Ở đây có bốn vấn đề: về phái đối lập, về khóa Lê-nin, về việc dân chủ hóa sự lãnh đạo của đảng, về lý luận nói chung và về việc tuyên truyền chủ nghĩa Lê-nin nói riêng.

a) *Về phái đối lập.* Hiện nay, khi vấn đề phái đối lập đã được đại hội giải quyết và như vậy là sự việc đã thanh toán xong, thì một vấn đề có thể sẽ được đặt ra: phái đối lập là gì và nói đúng ra, trong thời kỳ tranh luận, cuộc đấu tranh

liên quan đến cái gì? Các đồng chí, tôi nghĩ rằng cuộc đấu tranh đó liên quan đến sự sống còn của đảng. Có thể bản thân phái đối lập đã không có ý thức về điểm đó. Nhưng vấn đề không phải là ở đó. Vấn đề không phải là ở chỗ một đồng chí nào đó hoặc một nhóm đối lập nào đó theo đuổi mục đích gì. Vấn đề là ở những kết quả khách quan sản sinh một cách tất nhiên từ hành động của nhóm này. Vậy tuyên chiến với bộ máy của đảng có nghĩa là gì? Điều đó có nghĩa là phá hoại đảng. Xui giục thanh niên chống lại cán bộ có nghĩa là gì? Điều đó có nghĩa là làm tan rã đảng. Đấu tranh giành tự do cho các tập đoàn có nghĩa là gì? Điều đó có nghĩa là mưu toan làm tan vỡ đảng, làm tan vỡ sự thống nhất của đảng. Ba hoa về sự thoái hóa để bôi nhọ các cán bộ có nghĩa là gì? Điều đó có nghĩa là mưu toan đánh đổ đảng, bẻ gẫy xương sống của đảng. Đúng, các đồng chí ạ, đây là vấn đề sống còn của đảng. Chính điều đó giải thích tại sao cuộc tranh luận của chúng ta đã diễn ra một cách hăng say. Cần thấy rằng đó cũng là nguyên nhân của sự thật chưa từng thấy trong lịch sử đảng ta là: đại hội đã *nhất trí* lên án cương lĩnh hành động của phái đối lập. Mối nguy hiểm hết sức nghiêm trọng đã làm cho đảng đoàn kết thật chặt chẽ.

Căn cứ lịch sử sau đây về phái đối lập thật đáng chú ý. Bắt đầu chẳng hạn từ đại hội VII của đảng ta. Đó là đại hội thứ nhất sau khi Chính quyền xô-viết xuất hiện (vào đầu năm 1918). Những nhân vật đứng đầu phái đối lập trong kỳ đại hội đó cũng là những nhân vật đã lãnh đạo phái đối lập trong đại hội XIII. Vấn đề thảo luận khi đó là: chiến tranh và hòa bình, hòa ước Bơ-rét - Li-tốp. Khi đó phái đối lập được một phần tư tổng số đại biểu dự đại hội ủng hộ họ. Dù sao, con số đó không phải là ít. Không phải vô cớ mà khi đó người ta đã nói đến sự phân liệt.

Hai năm sau, trong đảng lại nổ ra cuộc đấu tranh về vấn đề công đoàn tại đại hội X, cũng với những nhân vật đứng

đầu phái đối lập ấy. Khi đó phái đối lập được một phần tám số đại biểu dự đại hội ủng hộ. Đương nhiên, số đó ít hơn là một phần tư.

Hai năm sau nữa, một cuộc đấu tranh mới lại nổ ra tại đại hội XIII, tức là tại đại hội vừa mới kết thúc. Tại đại hội này cũng có phái đối lập, nhưng trong đại hội, phái đối lập ngay đến một phiếu cũng không có. Như các đồng chí thấy, điều đó hoàn toàn bất lợi đối với phái đối lập.

Như vậy phái đối lập đã ba lần theo đuổi chiến đấu chống các cán bộ chủ yếu của đảng. Lần thứ nhất là tại đại đội VII, lần thứ hai tại đại hội X, lần thứ ba tại đại hội XIII, và luôn luôn phái đối lập bị thất bại, cứ mỗi lần lại mất dần người đi và đội quân của họ dần dần bị giảm bớt số lượng.

Tất cả những sự thật đó nói lên cái gì? Thứ nhất, nó nói lên rằng lịch sử của đảng ta trong sáu năm gần đây là lịch sử đa số đảng viên trong đảng ta ngày càng đoàn kết hơn xung quanh những cán bộ chủ yếu của đảng. Thứ hai, nó nói lên rằng hết phần tử này đến phần tử khác đã dần dần tách khỏi phái đối lập, gia nhập hạt nhân cơ bản của đảng và bổ sung cho hạt nhân đó. Do đó rút ra một kết luận : không loại trừ khả năng là sẽ có một số đồng chí tách khỏi phái đối lập—phái này không có đại biểu tại đại hội XIII (chúng ta không có những cuộc bầu cử theo tỷ lệ) nhưng ở trong đảng thì chắc chắn là có những người ủng hộ họ—và gia nhập hạt nhân cơ bản của đảng, giống như tình hình đã xảy ra trước kia.

Chính sách của chúng ta đối với những phần tử đối lập hoặc, nói cho đúng hơn, những phần tử trước kia thuộc phái đối lập, nên như thế nào? Chính sách đó phải hoàn toàn có tình đồng chí. Cần phải áp dụng tất cả các biện pháp nhằm làm cho các đồng chí đó dễ dàng chuyển về phía hạt nhân cơ bản của đảng, đồng tâm nhất trí công tác với hạt nhân đó.

b) *Về khóa Lê-nin.* Khóa Lê-nin, tức là sự kiện kết nạp vào đảng ta 250 nghìn đảng viên mới xuất thân từ công nhân,

chứng tỏ tính dân chủ sâu sắc của đảng ta, chứng tỏ rằng đảng ta về thực chất là cơ quan đã được tuyển lựa của giai cấp công nhân,—về điều đó, tôi sẽ không nói nhiều. Về mặt đó, ý nghĩa của khóa Lê-nin đương nhiên là hết sức to lớn. Nhưng hôm nay tôi không muốn nói đến điều đó. Tôi muốn lưu ý các đồng chí đến những sự say mê nguy hiểm xuất hiện trong đảng ta trong thời gian gần đây nhân có khóa Lê-nin. Có người nói rằng còn phải tiếp tục tiến thêm nữa, đưa số lượng đảng viên lên tới một triệu. Có những người khác còn muốn tiến xa hơn, khẳng định rằng điều tốt hơn hết là đưa lên tới hai triệu. Tôi tin chắc rằng còn có những người thứ ba muốn tiến xa hơn nữa. Các đồng chí, đó là sự say mê nguy hiểm. Những quân đội lớn nhất trên thế giới sở dĩ bị tiêu vong vì đã quá say mê, đã chiếm lấy rất nhiều và sau đó, do không thể tiêu hóa nổi những cái đã chiếm được, nên đã bị tan rã. Những đảng lớn nhất cũng có thể tiêu vong nếu đảng đó say mê, chiếm lấy quá nhiều và sau đó không thể ôm hết và tiêu hóa nổi những cái đã chiếm được. Các đồng chí hãy tự phán đoán xem. Trong đảng ta, tình trạng mù chính trị có đến 60 phần trăm. 60 phần trăm mù chính trị, đó là tình trạng trước khóa Lê-nin, còn sau khóa đó thì tôi sợ rằng tỷ lệ đó sẽ lên đến 80 phần trăm. Các đồng chí, chẳng phải đã đến lúc nên dừng lại rồi, hay sao? Chẳng phải đã đến lúc nên giới hạn ở con số tám chục vạn đảng viên, cương quyết và dứt khoát đặt vấn đề cải thiện *chất lượng* đảng viên, *giáo dục* những nguyên lý của chủ nghĩa Lê-nin cho khóa Lê-nin, làm cho các đảng viên khóa đó trở thành những người lê-nin-nít có ý thức, hay sao? Tôi nghĩ là đã đến lúc rồi.

c) *Về việc dân chủ hóa sự lãnh đạo của đảng.* Khóa Lê-nin nói rõ tính dân chủ sâu sắc của đảng ta, nói rõ thành phần vô sản của các hạt nhân cơ bản của đảng, nói rõ sự tín nhiệm không thể nghi ngờ gì được của hàng triệu quần chúng ngoài đảng đối với đảng ta. Nhưng tính dân chủ của đảng ta không

phải chỉ hạn chế ở đấy. Đó chỉ mới là một mặt của tính dân chủ. Mặt khác là: chính bản thân sự lãnh đạo của đảng đang được dần dần dân chủ hóa. Trong đại hội, cũng đã nói rõ rằng trọng tâm lãnh đạo của đảng ngày càng chuyển từ những tổ chức tầng trên và những cục nhỏ hẹp, sang các tổ chức rộng rãi, các hội nghị toàn thể của các tổ chức địa phương và trung ương, đồng thời bản thân các hội nghị toàn thể đó đang được mở rộng và hoàn thiện về thành phần. Chắc đồng chí đều biết rằng đại hội đã hoàn toàn tán thành cái khuynh hướng phát triển đó của các tổ chức lãnh đạo của chúng ta. Tất cả điều đó nói lên cái gì? Nói lên rằng các tổ chức lãnh đạo của chúng ta đã bắt đầu bắt rễ sâu trong bản thân đông đảo quần chúng vô sản. Theo dõi sự phát triển của Ban Chấp hành trung ương đảng ta trong sáu năm gần đây về mặt số lượng và thành phần xã hội, là điều rất có ý nghĩa. Trong thời kỳ đại hội VII (1918) Ban Chấp hành trung ương của chúng ta gồm 15 ủy viên, trong đó công nhân có *một người* (7 phần trăm), còn trí thức có 14 người (93 phần trăm). Đó là tình hình tại đại hội VII. Còn hiện nay, sau đại hội XIII, Ban Chấp hành trung ương đã gồm có 54 ủy viên, trong đó có 29 công nhân (53 phần trăm) và 25 trí thức (47 phần trăm). Đó là dấu hiệu rõ ràng không thể nghi ngờ gì được về việc dân chủ hóa sự lãnh đạo cơ bản của đảng.

d) *Về lý luận nói chung và về việc tuyên truyền chủ nghĩa Lê-nin nói riêng*. Một trong những khuyết điểm nguy hiểm của đảng ta là trình độ lý luận của đảng viên giảm sút. Nguyên nhân là công tác thực tiễn quá bề bộn làm mất hứng thú học tập lý luận và nuôi dưỡng thái độ thờ ơ nguy hiểm nào đó — nói thế còn là nhẹ đấy — đối với vấn đề lý luận. Xin kể một vài ví dụ.

Mới đây, tôi đọc trên báo bản báo cáo của một đồng chí nói về đại hội XIII (có lẽ là đồng chí Ca-mê-nép) trong đó có viết rành rọt rằng khẩu hiệu trước mắt của đảng ta là biến

«nước Nga *nép-man*» thành nước Nga xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, điều còn xấu xa hơn nữa là khẩu hiệu kỳ quái đó lại được người ta gán cho chính bản thân Lê-nin chứ không phải cho ai khác. Không hơn, không kém! Trong khi đó thì mọi người đều biết rằng Lê-nin không hề nói và không thể nói như vậy, vì như mọi người đều biết, nước Nga «nép-man» không tồn tại trên trái đất này. Quả thật Lê-nin đã nói đến nước Nga *«chính sách kinh tế mới»*. Nhưng nước Nga «chính sách kinh tế mới» (tức là nước Nga xô-viết thực hành chính sách kinh tế mới) là một việc, còn nước Nga «nép-man» (tức là nước Nga do bọn nép-man cầm đầu) lại hoàn toàn là một việc khác. Liệu Ca-mê-nép có hiểu sự khác nhau có tính chất nguyên tắc đó không? Đương nhiên là hiểu. Thế tại sao khi đó đồng chí lại đưa ra cái khẩu hiệu kỳ quái ấy? Vì bình thường thờ ơ đối với vấn đề lý luận, đối với những định nghĩa lý luận chính xác. Nhưng nếu sai lầm không được sửa chữa thì rất có thể là khẩu hiệu kỳ quái ấy sẽ có thể gây ra rất nhiều sự hiểu nhầm ở trong đảng.

Một ví dụ nữa. Thường thường có người nói rằng ở nước ta là «chuyên chính của đảng». Có người nói rằng tôi tán thành chuyên chính của đảng. Tôi nhớ là trong một nghị quyết của đại hội chúng ta, có lẽ ngay cả trong nghị quyết của đại hội XII, cũng đã dùng danh từ đó, đương nhiên là vì sơ xuất. Hình như trong các đồng chí có người nào đó cho rằng ở nước ta là chuyên chính của đảng chứ không phải chuyên chính của giai cấp công nhân. Nhưng đó là điều nhảm nhí, các đồng chí ạ. Nếu đúng thế, thì như vậy là Lê-nin đã sai khi dạy chúng ta rằng các Xô-viết *thực hiện* chuyên chính, còn đảng thì *lãnh đạo* các Xô-viết. Và như vậy là Lê-nin cũng đã sai khi nói đến chuyên chính của giai cấp vô sản mà không nói đến chuyên chính của đảng. Nếu đúng thế, thì như vậy là không cần đến các Xô-viết, và tại đại hội XI, Lê-nin cũng chẳng cần nói đến sự cần thiết phải *«định rõ giới hạn* của

các cơ quan đảng và các cơ quan xô-viết». Nhưng do đâu và bằng cách nào điều nhảm nhí đó đã thâm nhập vào trong đảng? Đó là do sự say mê «tính đảng», nó gây tác hại nhiều hơn cả cho chính cái tính đảng không viết trong ngoặc kép; đó là do sự thờ ơ đối với các vấn đề lý luận, do tình trạng không có thói quen suy nghĩ kỹ trước khi đưa ra các khẩu hiệu, vì chỉ cần nghĩ kỹ một chút là có thể hiểu được tất cả sự vô lý của việc đem chuyên chính của đảng thay thế cho chuyên chính của giai cấp. Liệu có cần phải chứng minh rằng sự vô lý đó có thể gây ra trong đảng tình trạng hỗn loạn và rối beng không?

Hoặc thế này nữa. Mọi người đều biết rằng trong thời kỳ tranh luận, một bộ phận của đảng ta đã nghe theo những lời cổ động chống đảng của các phần tử đối lập chống lại các nguyên lý tổ chức của chủ nghĩa Lê-nin. Bất kỳ người bôn-sê-vích nào đã qua trường học hết sức ngắn hạn về lý luận chủ nghĩa Lê-nin, cũng đều sẽ đoán ngay được rằng sự tuyên truyền của phái đối lập không có tí gì giống với chủ nghĩa Lê-nin cả. Nhưng, như mọi người đều biết, một bộ phận trong đảng lại đã không thể nhận ra ngay được bộ mặt thật của phái đối lập. Nguyên nhân là ở đâu? Nguyên nhân là: sự thờ ơ đối với lý luận, trình độ lý luận thấp của các đảng viên của đảng ta.

Cuộc tranh luận đã đưa vấn đề học tập chủ nghĩa Lê-nin vào chương trình nghị sự. Lê-nin mất đi đã làm cho vấn đề đó thêm gay gắt, và làm cho các đảng viên của đảng chú ý hơn nữa đến lý luận. Đại hội XIII, khi khẳng định trong nhiều nghị quyết sự cần thiết phải học tập và tuyên truyền chủ nghĩa Lê-nin, chẳng qua cũng chỉ phản ánh những tâm trạng đó mà thôi. Nhiệm vụ của đảng là lợi dụng sự quan tâm ngày càng tăng đến vấn đề lý luận và áp dụng mọi biện pháp nhằm

sau hết là nâng cao trình độ lý luận của đảng đến mức cần thiết. Không nên quên lời Lê-nin dạy rằng không có lý luận rõ ràng và đúng đắn thì không thể có thực tiễn đúng đắn.

VỀ NHIỆM VỤ CỦA CÁC CÁN BỘ HUYỆN

Các đồng chí! Không phải ngẫu nhiên mà tôi lại đến báo cáo với chính các đồng chí về đại hội. Tôi đến báo cáo với các đồng chí không những vì các đồng chí mong muốn như thế mà còn vì trong giai đoạn phát triển hiện nay thì huyện, nói chung, và các cán bộ huyện, nói riêng, là những khâu liên hệ cơ bản giữa đảng và nông dân, giữa thành thị và nông thôn. Mà các đồng chí cũng đều biết rất rõ rằng hiện nay việc thiết lập sự kết hợp giữa thành thị và nông thôn là vấn đề cơ bản của thực tiễn của đảng và Nhà nước chúng ta.

Trên kia, tôi đã nói rằng việc thiết lập sự kết hợp giữa công nghiệp quốc doanh và kinh tế nông dân phải được thực hiện theo ba mặt chủ yếu: hợp tác xã tiêu thụ, hợp tác xã nông nghiệp và hợp tác xã tín dụng cơ sở. Tôi đã nói rằng ba con đường đó là những con đường cơ bản để thiết lập sự kết hợp. Nhưng nếu nghĩ rằng nay chúng ta có thể kết hợp được công nghiệp với kinh tế nông dân trực tiếp qua các xã mà không qua các huyện, thì đó sẽ là ảo tưởng. Không cần phải chứng minh cũng thấy rõ rằng chúng ta không có đủ nhân lực, bản lĩnh và tài lực để làm việc đó. Cho nên điểm nút của sự kết hợp giữa thành thị và nông thôn trong lúc này là huyện và khu. Để củng cố về mặt thương nghiệp thì hoàn toàn không cần phải đuổi cổ anh chủ tiệm buôn cuối cùng ra khỏi xã cuối cùng,—muốn được như vậy, chỉ cần biến các huyện thành cơ sở của thương nghiệp xô-viết nhằm làm cho tất cả mọi anh chủ tiệm buôn đều buộc phải xoay quanh

cửa hàng hợp tác xã xô-viết ở huyện như các hành tinh xoay quanh mặt trời. Để nắm vững tín dụng hiện nay hoàn toàn không cần căng một mạng lưới hợp tác xã tín dụng lên các thôn xã, mà chỉ cần xây dựng cơ sở ở huyện nhằm làm cho nông dân bắt đầu xa rời ngay bọn cu-lắc và kẻ cho vay nặng lãi. Vân vân và vân vân.

Nói tóm lại: trong thời gian sắp tới, huyện (khu) phải được biến thành cơ sở chủ yếu để thiết lập sự kết hợp giữa thành thị và nông thôn, giữa giai cấp vô sản và nông dân.

Sự biến đổi ấy nhanh chóng như thế nào, điều đó phụ thuộc vào các đồng chí đấy, các đồng chí cán bộ huyện ạ. Hiện nay các đồng chí có 30' người. Đó là cả một đội quân. Trong thời gian sắp tới đây, huyện có biến được thành điểm nút của công tác đảng và công tác Nhà nước của chúng ta về mặt thiết lập sự kết hợp giữa công nghiệp và kinh tế nông dân hay không,—điều đó tùy thuộc vào các đồng chí và những đồng chí của các đồng chí ở các huyện trên đất nước chúng ta. Tôi tin chắc rằng các đồng chí cán bộ huyện sẽ hoàn thành nhiệm vụ của mình trước đảng và trước nước nhà.

« Sự thật » số 136 và 137,
19 và 20 tháng Sáu 1924

VỀ NHỮNG THÔNG TÍN VIÊN CÔNG NHÂN

Nói chuyện với cộng tác viên của tạp chí «Thông tin viên công nhân»[54]

Ý nghĩa của việc công nhân tham gia công tác lãnh đạo tờ báo, trước hết là ở chỗ, nó—sự tham gia ấy—tạo khả năng biến một thứ vũ khí sắc bén trong cuộc đấu tranh giai cấp như tờ báo, từ chỗ là vũ khí để nô dịch nhân dân trở thành vũ khí để giải phóng nhân dân.

Chỉ với tính cách là một lực lượng *có tổ chức*, thì trong quá trình phát triển báo chí, những thông tín viên công nhân và thông tín viên nông thôn mới có khả năng đóng vai trò người diễn đạt và người truyền bá dư luận của giai cấp vô sản, người vạch trần những thiếu sót của các tổ chức xô-viết, người chiến sĩ đấu tranh không bao giờ mệt mỏi nhằm cải tiến công cuộc xây dựng của chúng ta.

Thông tín viên công nhân nên do các hội nghị của công nhân bầu ra hay là do các ban biên tập lựa chọn ra? Theo tôi thì phương pháp thứ hai (do ban biên tập lựa chọn) hợp lý hơn cả. Cơ sở của vấn đề phải là tính độc lập của thông tín viên đối với những cơ quan và cá nhân mà thông tín viên có liên hệ bằng cách này hay bằng cách khác trong công tác của mình; như thế hoàn toàn không có nghĩa là thông tín viên sẽ không phụ thuộc vào một sức mạnh không thể thấy được nhưng không ngừng phát sinh tác dụng, sức mạnh đó gọi là dư luận của giai cấp vô sản mà người truyền bá phải là thông tín viên công nhân.

Không thể coi thông tín viên công nhân và thông tín viên nông thôn chỉ là những nhà báo tương lai hoặc những cán bộ hoạt động xã hội của công xưởng, theo nghĩa hẹp của chữ ấy; trước hết, họ là những người vạch trần những thiếu sót của xã hội xô-viết chúng ta, là những chiến sĩ đấu tranh nhằm xóa bỏ những thiếu sót đó, là những người chỉ huy dư luận của giai cấp vô sản, họ nỗ lực hướng những lực lượng vô tận của yếu tố cực kỳ vĩ đại ấy vào việc giúp đỡ đảng và Chính quyền xô-viết trong sự nghiệp khó khăn là xây dựng xã hội chủ nghĩa.

Do đó đẻ ra vấn đề giáo dục các thông tín viên công nhân và thông tín viên nông thôn. Đương nhiên, dạy cho các thông tín viên công nhân và thông tín viên nông thôn biết một số tối thiểu nào đó về kỹ thuật làm báo, là điều cần thiết. Nhưng điều chủ yếu không phải là ở đó. Điều chủ yếu là ở chỗ làm sao cho các thông tín viên công nhân và thông tín viên nông thôn học tập được trong quá trình công tác của mình và sẽ tự rèn luyện cho mình cái nhạy cảm của nhà báo và của người hoạt động xã hội; không có cái nhạy cảm đó thì người thông tín viên không thể hoàn thành được sứ mệnh của mình, mà cũng không thể có được cái nhạy cảm đó bằng cách dùng bất cứ phương pháp giả tạo nào để huấn luyện, hiểu theo nghĩa kỹ thuật của chữ đó.

Việc trực tiếp lãnh đạo tư tưởng những thông tín viên công nhân và thông tín viên nông thôn nên do những ban biên tập của tờ báo tiến hành, mà những ban biên tập ấy phải gắn liền với đảng. Việc duyệt những bài báo phải tập trung vào trong tay ban biên tập của tờ báo.

Bức hại những thông tín viên công nhân và thông tín viên nông thôn là một hành vi dã man, là tàn dư của những lề thói tư sản. Tờ báo phải đảm nhận trách nhiệm bảo vệ thông

tín viên của mình khỏi bị bức hại, vì chỉ riêng tờ báo mới có khả năng tuyên truyền tố giác một cách mãnh liệt chống lại thế lực hắc ám.

Xin chúc tạp chí *Thông tin viên công nhân* thành công về mọi mặt.

J. Sta-lin

Tạp chí « Thông tin viên công nhân » số 6, tháng Sáu 1924

VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN BA-LAN

Diễn văn đọc tại phiên họp của tiểu ban Ba-lan trong Quốc tế Cộng sản[55]
3 tháng Bảy 1924

Các đồng chí! Tôi không có đầy đủ tài liệu để nói một cách quả quyết như một số diễn giả đã phát biểu ở đây. Tuy vậy, trên cơ sở những tài liệu mà dù sao tôi cũng đã tìm được, và trên cơ sở các cuộc thảo luận diễn ra ở đây, tôi có những ý kiến nhất định muốn trao đổi cùng các đồng chí.

Không nghi ngờ gì cả, Đảng cộng sản Ba-lan đang trải qua một trạng thái bất bình thường. Trong Đảng Ba-lan có khủng hoảng, — đó là sự thật. Va-lê-txơ-ki đã thừa nhận điều đó, tất cả các đồng chí cũng đều thừa nhận điều đó, và điều đó cũng biểu hiện rất rõ, vì ở đây người ta nhận thấy trong Ban Chấp hành trung ương Đảng Ba-lan có sự bất hòa giữa những ủy viên Ban Chấp hành trung ương làm công tác thực tiễn và những lãnh tụ trong Ban Chấp hành trung ương. Hơn nữa, chính bản thân Ban Chấp hành trung ương Đảng Ba-lan, trong các hội nghị toàn thể tháng Chạp năm ngoái và tháng Ba năm nay và trong các nghị quyết của mình, cũng đã thừa nhận tính chất cơ hội chủ nghĩa của cả một loạt hành động của mình và đã lên án thẳng những hành động đó. Có lẽ, như thế cũng đủ lắm rồi. Tôi xin nhắc lại: tất cả những điều đó nói lên rằng trong Đảng cộng sản Ba-lan đích thực là có sự khủng hoảng.

Nguyên nhân của sự khủng khoảng đó là ở đâu ?

Nguyên nhân là ở một số khuyết điểm có tính chất cơ hội chủ nghĩa trong công tác thực tiễn của những lãnh tụ chính thức của Đảng cộng sản Ba-lan.

Tôi xin dẫn ra một vài ví dụ chứng thực luận điểm đó.

Vấn đề « nước Nga ». Một số đồng chí Ba-lan nói rằng vấn đề này, với tính cách là một vấn đề chính sách đối ngoại, không có ý nghĩa quan trọng đối với Đảng Ba-lan. Điều đó không đúng. Vấn đề « nước Nga » có một ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ phong trào cách mạng ở phương Tây cũng như ở phương Đông. Tại sao ? Vì Chính quyền xô-viết ở Nga là căn cứ địa, thành trì, nơi nương tựa của phong trào cách mạng toàn thế giới. Và nếu ở căn cứ địa đó, tức là ở nước Nga, đảng và chính quyền bắt đầu dao động, thì có nghĩa là toàn bộ phong trào cách mạng trên toàn thế giới sẽ phải chịu sự thiệt hại hết sức nghiêm trọng.

Trong Đảng cộng sản (b) Nga của chúng ta, trong thời kỳ tranh luận, đã bắt đầu có những sự dao động. Phái đối lập mà thực chất là cơ hội chủ nghĩa, vì đấu tranh chống lại đảng, đã dẫn đến chỗ làm lung lay, làm suy yếu đảng, do đó đã dẫn đến chỗ làm suy yếu chính ngay Chính quyền xô-viết, vì đảng ta là đảng đang nắm chính quyền và là lực lượng lãnh đạo cơ bản của chính quyền Nhà nước. Tự nhiên là những sự dao động trong Đảng cộng sản (b) Nga có thể sau này sẽ dẫn tới chỗ làm dao động, làm suy yếu chính ngay Chính quyền xô-viết. Mà những sự dao động của chính quyền xô-viết cũng lại có nghĩa là sự thiệt hại cho phong trào cách mạng trên toàn thế giới. Chính vì vậy, những sự bất đồng ý kiến trong Đảng cộng sản (b) Nga và nói chung, số phận của Đảng cộng sản (b) Nga không thể không liên quan trực tiếp đến số phận của phong trào cách mạng ở các nước khác. Đó là lẽ vì sao vấn đề « nước Nga » tuy là vấn đề bên ngoài

đối với Ba-lan, nhưng lại là vấn đề quan trọng bậc nhất đối với tất cả các đảng cộng sản, kể cả Đảng cộng sản Ba-lan.

Như vậy, thái độ của các lãnh tụ Đảng cộng sản Ba-lan đối với vấn đề «nước Nga» như thế nào ? Họ đã ủng hộ ai, phái đối lập cơ hội chủ nghĩa hay phái đa số cách mạng trong Đảng cộng sản (b) Nga? Tôi thấy rõ ràng là trong thời kỳ đấu tranh chống phái đối lập cơ hội chủ nghĩa, các lãnh tụ Đảng cộng sản Ba-lan đã ủng hộ phái đối lập đó một cách không úp mở gì cả. Tôi sẽ không phân tích sâu xem trong thâm tâm Vác-ski hay Va-lê-txơ-ki nghĩ gì, vì đối với tôi, điều mà Vác-ski đã nghĩ khi viết bản nghị quyết mà mọi người đều biết của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản Ba-lan ủng hộ phái đối lập trong Đảng cộng sản (b) Nga, không quan trọng. Đối với tôi, điều quan trọng trước hết không phải là những ý định của cá nhân, mà là những hiệu quả khách quan của bản nghị quyết đó. Những hiệu quả khách quan của bản nghị quyết chung quy là đã biết tiếp tay cho phái đối lập. Nghị quyết đó là sự ủng hộ đối với cánh cơ hội chủ nghĩa trong Đảng cộng sản (b) Nga. Toàn bộ vấn đề là ở đấy. Trong thời kỳ Ban Chấp hành trung ương Đảng Ba-lan thông qua nghị quyết đó và gửi tới Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga, Ban Chấp hành trung ương Đảng Ba-lan đã trở thành chi bộ Ba-lan của phái đối lập cơ hội chủ nghĩa trong Đảng cộng sản (b) Nga. Nếu cho rằng phái đối lập trong Đảng cộng sản (b) Nga là một công ty nào đấy cần phải có những chi nhánh ở các nước, thì khi đó Đảng cộng sản Ba-lan là chi nhánh Ba-lan của công ty đó. Thực chất của sự sa ngã có tính chất cơ hội chủ nghĩa của các lãnh tụ Đảng Ba-lan trong vấn đề «nước Nga» là ở chỗ đó. Điều đó đáng buồn, nhưng, rất đáng tiếc, lại là sự thật.

Vấn đề nước Đức. Sau vấn đề «nước Nga» thì vấn đề nước Đức có một ý nghĩa hết sức quan trọng, thứ nhất vì trong tất cả các nước châu Âu thì nước Đức có nhiều khả

năng nổ ra cách mạng nhất, thứ hai vì thắng lợi của cuộc cách mạng ở Đức là thắng lợi của toàn châu Âu. Nếu sự chấn động cách mạng của châu Âu bắt đầu từ nơi nào đấy, thì nơi đó sẽ là ở Đức. Chỉ có nước Đức mới có thể thủ xướng lên về mặt này, và thắng lợi của cách mạng ở Đức sẽ là sự đảm bảo cho thắng lợi của cách mạng quốc tế.

Các đồng chí đều biết rằng trong năm qua cuộc đấu tranh giữa phái đa số cách mạng và phái thiểu số cơ hội chủ nghĩa trong Đảng cộng sản Đức đã trở nên rất kịch liệt. Các đồng chí đều biết rằng những thắng lợi của cánh tả hoặc cánh hữu trong Đảng cộng sản Đức có một ý nghĩa to lớn như thế nào đối với toàn bộ tiến trình của cách mạng quốc tế. Và kết quả thế nào? Trong cuộc đấu tranh đó, các lãnh tụ trong Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản Ba-lan đã ủng hộ ai? Họ đã ủng hộ nhóm Bơ-ran-đơ-le[56] chống lại phái đa số cách mạng trong Đảng cộng sản Đức. Hiện nay, tất cả mọi người, bất luận là bạn hay là thù, đều thừa nhận điều đó. Kết quả cũng giống như trong vấn đề «nước Nga». Nếu giả định rằng ở Đức có một công ty nào đó của phái đối lập cơ hội chủ nghĩa trong đảng cộng sản, thì các lãnh tụ Ba-lan là chi nhánh Ba-lan của công ty đó. Điều đó cũng lại đáng buồn, nhưng với sự thật thì không thể làm gì khác được: sự thật cần được thừa nhận.

Về phương pháp đấu tranh chống phái đối lập cơ hội chủ nghĩa. Cô-stơ-rơ-giê-va nói rằng họ, tức là những lãnh tụ trong Ban Chấp hành trung ương Ba-lan, thật ra là ủng hộ Ban Chấp hành trung ương Nga và, có lẽ, ủng hộ cả Ban Chấp hành trung ương Đức với thành phần hiện nay, nhưng họ lại bất đồng ý kiến với các cơ quan đó trong vấn đề phương pháp đấu tranh chống phái đối lập. Các đồng chí thấy chưa, họ yêu cầu những biện pháp đấu tranh mềm dẻo chống lại phái đối lập. Họ tán thành chiến đấu chống phái đối lập, nhưng là tán thành cuộc chiến đấu không gây nên những

tổn thất. Thậm chí Va-lê-txơ-ki lại còn thốt lên rằng: đâu phải, chúng tôi ủng hộ «bộ ba» đấy chứ! Tôi cần nói rằng không một người nào yêu cầu Va-lê-txơ-ki phải phụ họa với Ban Chấp hành trung ương Nga trong mọi vấn đề. Thứ nữa, tôi không hiểu cái «bộ ba» mà Va-lê-txơ-ki hết sức bênh vực đó là cái gì. Đồng chí ấy đã quên rằng không có người nào bị bắt buộc phải phụ họa với Ban chấp hành trung ương Nga trong mọi vấn đề. *(Va-lê-txơ-ki phát biểu tại chỗ:* «Không bắt buộc, nhưng tôi có thể làm như thế».) Đương nhiên, đồng chí có thể làm như thế, nhưng cũng cần nhớ rằng làm như thế sẽ đặt cả Va-lê-txơ-ki lẫn Ban Chấp hành trung ương Nga vào một hoàn cảnh lúng túng. Vấn đề hoàn toàn không phải ở chỗ phụ họa, mà ở chỗ: ở nước Nga, trong điều kiện chính sách kinh tế mới, đã nảy sinh ra giai cấp tư sản mới, giai cấp này vì không có khả năng hoạt động công khai trên vũ đài chính trị nên đang cố gắng chọc thủng trận tuyến của chủ nghĩa cộng sản từ bên trong, họ đang tìm các anh hùng của họ ở trong các lãnh tụ Đảng cộng sản (b) Nga. Mà tình hình đó thì lại dẫn tới chỗ làm nảy sinh ra những tâm trạng đối lập ở trong nội bộ Đảng cộng sản (b) Nga và tạo ra cơ sở cho thiên hướng cơ hội chủ nghĩa. Do đó, vấn đề là các đảng anh em của chúng ta phải xác định thái độ của mình đối với tình hình đó và giữ một lập trường rõ rệt. Tôi xin nhắc lại: vấn đề là ở đó, chứ không phải là ở chỗ phụ họa với Ban Chấp hành trung ương Nga.

Còn về phương pháp ôn hòa của Cô-stơ-rơ-giê-va thì cần phải nói rằng nó không đứng vững nổi trước bất kỳ một sự phê phán nhỏ nhất nào. Cô-stơ-rơ-giê-va tán thành đấu tranh chống phái đối lập cơ hội chủ nghĩa, nhưng là tán thành cuộc đấu tranh không dẫn tới chỗ làm mất uy tín của các lãnh tụ phái đối lập. Nhưng, thứ nhất, trong lịch sử không có cuộc đấu tranh nào lại không gây ra một số tổn thất. Thứ hai, không thể thắng phái đối lập được, nếu không tính đến điều

là thắng lợi sẽ gây hậu quả là làm mất uy tín của các lãnh tụ phái đối lập,—không thế, thì đành phải từ bỏ mọi cuộc đấu tranh chống phái đối lập. Thứ ba, sự chiến thắng hoàn toàn phái đối lập là điều đảm bảo *duy nhất* để tránh khỏi sự phân liệt. Thực tiễn của đảng không biết những đảm bảo nào khác. Toàn bộ lịch sử của Đảng cộng sản (b) Nga đều nói lên điều đó.

Ngay từ trước chiến tranh, Đảng xã hội-dân chủ Đức, khi còn là phái chính thống, cũng đã tiến hành đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội bằng chính những phương pháp ôn hòa mà Cô-stơ-rơ-giê-va nói ở đây. Nhưng kết quả là chủ nghĩa cơ hội trở thành những kẻ thắng lợi, và sự phân liệt đã trở thành điều không thể tránh khỏi.

Đảng cộng sản (b) Nga đã tiến hành đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội bằng phương pháp đã được thử thách là cương quyết cô lập các lãnh tụ cơ hội chủ nghĩa. Và kết quả là chủ nghĩa Mác cách mạng đã thắng, và đảng đã đạt được sự đoàn kết nhất trí đặc biệt.

Tôi nghĩ rằng những bài học của Đảng cộng sản (b) Nga phải là rất bổ ích cho chúng ta. Phương pháp đấu tranh, do Cô-stơ-rơ-giê-va đề ra, là sự tái sinh chủ nghĩa cơ hội của Đảng xã hội-dân chủ. Nó chứa đầy nguy cơ phân liệt trong đảng.

Cuối cùng, vấn đề lãnh đạo đảng. Hiện nay, đặc điểm trong sự phát triển của các đảng cộng sản phương Tây là ở chỗ nào? Đặc điểm đó là: các đảng đã tiến sát vấn đề xây dựng lại công tác thực tiễn của đảng theo cách mới, theo đường lối cách mạng. Vấn đề không phải là thông qua cương lĩnh cộng sản và tuyên bố những khẩu hiệu cách mạng. Vấn đề là xây dựng lại công việc hàng ngày của đảng, công tác thực tiễn của đảng, theo hướng làm sao mỗi bước đi của đảng và mỗi hành động của đảng tự nhiên là sẽ dẫn tới chỗ giáo dục cách mạng cho quần chúng, tới chỗ chuẩn bị cách mạng. Hiện nay thực chất vấn đề là ở đó, chứ không phải ở chỗ thông qua các chỉ thị cách mạng.

Ở đây, ngày hôm qua, Pơ-ru-khơ-nhi-ác có đọc cả một loạt nghị quyết cách mạng mà các lãnh tụ trong Ban Chấp hành trung ương Ba-lan đã thông qua. Đồng chí ấy đã đọc những nghị quyết đó với vẻ mặt đắc ý, cho rằng lãnh đạo đảng chỉ là ở chỗ thảo ra nghị quyết. Đồng chí ấy cũng không nghĩ ra được rằng việc thảo nghị quyết chỉ là bước thứ nhất, bước khởi đầu của việc lãnh đạo đảng. Đồng chí ấy không hiểu rằng cơ sở của sự lãnh đạo không phải là thảo ra những nghị quyết, mà là chấp hành những nghị quyết, thực hiện những nghị quyết. Do đó, trong lời phát biểu dài của mình, đồng chí ấy đã quên không cho chúng ta biết số phận của những nghị quyết đó, đã không thấy cần thiết phải nói xem Đảng cộng sản Ba-lan đã thực hiện những nghị quyết đó chưa và đã thực hiện cụ thể tới mức độ nào. Nhưng thực chất của việc lãnh đạo đảng chính là ở chỗ thực hiện nghị quyết và chỉ thị. Nhìn đồng chí ấy tôi nhớ đến viên quan chức xô-viết bình thường có nhiệm vụ phải «trả lời» trước tiểu ban kiểm tra. Tiểu ban kiểm tra hỏi: «Chỉ thị đó đã được thực hiện chưa?». Viên quan chức trả lời: «Đã có biện pháp rồi ạ». Tiểu ban kiểm tra hỏi: «Đã áp dụng cụ thể những biện pháp gì?». Viên quan chức trả lời: «Đã ra lệnh rồi ạ». Tiểu ban kiểm tra yêu cầu cho xem văn kiện. Với vẻ mặt đắc ý, viên quan chức đưa trình bản sao mệnh lệnh. Tiểu ban kiểm tra hỏi: «Thế còn số phận mệnh lệnh thì thế nào, nó có được thực hiện không và được thực hiện cụ thể là vào lúc nào?». Viên quan chức trố mắt nhìn và nói rằng «không nhận được tin tức gì cả». Đương nhiên là tiểu ban kiểm tra đã truy tố viên quan chức này. Đấy Pơ-ru-khơ-nhi-ác đã làm tôi nhớ tới chính viên quan chức xô-viết đó khi đồng chí ấy đọc tại đây, với vẻ mặt đắc ý, những nghị quyết cách mạng mà đồng chí ấy «không có tin tức gì» về việc thực hiện. Đó không phải là lãnh đạo đảng, mà là nhạo báng hết thảy mọi sự lãnh đạo.

Vậy thì kết luận thế nào? Kết luận tựu trung là như sau.

Thứ nhất. Tôi cương quyết phản đối việc phân chia ranh giới giữa Đảng những người xã hội chủ nghĩa Ba-lan cũ và Đảng xã hội-dân chủ Ba-lan cũ trong cuộc thảo luận sắp tới trong đảng ở Ba-lan. Điều đó rất nguy hiểm cho đảng. Từ lâu rồi Đảng những người xã hội chủ nghĩa Ba-lan cũ và Đảng xã hội-dân chủ Ba-lan cũ đã hợp thành một đảng thống nhất, họ cùng nhau tiến hành đấu tranh chống lại bọn địa chủ và giai cấp tư sản Ba-lan, cho nên bây giờ mà chia họ lại như cũ thành hai bộ phận, thì sẽ là một sai lầm rất lớn. Cuộc đấu tranh cần tiến hành không phải theo đường lối cũ của Đảng những người xã hội chủ nghĩa Ba-lan và của Đảng xã hội-dân chủ Ba-lan, mà theo đường lối mới là cô lập cánh cơ hội chủ nghĩa trong Đảng cộng sản Ba-lan. Hoàn toàn chiến thắng cánh cơ hội chủ nghĩa, — đó là điều đảm bảo tránh khỏi sự phân liệt và là điều đảm bảo cho sự đoàn kết nhất trí của đảng.

Thứ hai. Tôi cương quyết phản đối cái biện pháp gọi là cắt bỏ, tức là phản đối việc đưa một số ủy viên Ban Chấp hành trung ương ra khỏi Ban Chấp hành trung ương. Nói chung tôi phản đối việc cải tổ Ban Chấp hành trung ương từ bên trên. Nói chung cần thấy rằng biện pháp giải phẫu nếu tiến hành không có sự cần thiết đặc biệt thì sẽ để lại một hậu quả không tốt ở trong đảng. Bản thân Đảng cộng sản Ba-lan hãy cải tổ Ban Chấp hành trung ương của mình vào kỳ đại hội hoặc hội nghị đại biểu sắp tới. Không thể nào có tình hình là một đảng đang phát triển lại không sản sinh ra những lãnh tụ mới.

Thứ ba. Tôi cho rằng những đề nghị thực tế, do Un-sơ-li-khơ-tơ đưa ra, là hoàn toàn đúng đắn. Đưa ra một trung ương thống nhất về chính trị và thực tiễn, gồm những ủy viên của Ban Chấp hành trung ương Ba-lan hiện thời, để

thay thế cho Ban Tổ chức hiện nay và Bộ Chính trị hiện nay, là những cơ quan đã tách rời nhau,—đó là điều hoàn toàn hợp lý.

Ở đây có những người tỏ ra hoài nghi những tri thức lý luận và kinh nghiệm về đảng của các lãnh tụ mới, là những lãnh tụ được sản sinh ra trong cuộc đấu tranh cách mạng ở Ba-lan. Tôi nghĩ rằng tình hình đó không thể có một ý nghĩa quyết định. Trong sinh hoạt của Đảng cộng sản (b) Nga, thường có những trường hợp như sau: đứng đầu những tổ chức địa phương hết sức lớn là những công nhân còn thiếu vốn lý luận và chính trị. Nhưng những công nhân đó là những lãnh tụ tốt hơn so với nhiều nhà trí thức không có tính nhậy cảm cách mạng cần thiết. Hoàn toàn có thể là trong những thời gian đầu, công việc của các lãnh tụ mới không được hoàn toàn thuận buồm xuôi gió, nhưng điều đó không can hệ gì, vì tuy có vấp váp một đôi lần, nhưng lại sẽ học được cách lãnh đạo phong trào cách mạng. Không bao giờ có những lãnh tụ sẵn có rơi từ trên trời xuống. Họ chỉ trưởng thành trong quá trình đấu tranh.

« Người bôn-sê-vích » số 11,
20 tháng Chín 1924

THƯ GỬI ĐỒNG CHÍ ĐÊ-MI-AN BẾT-NƯI

Đê-mi-an thân mến!

Tôi viết gửi anh quá chậm. Anh có quyền mắng tôi. Nhưng anh cần chú ý rằng về thư từ và nói chung về giao dịch bằng thư từ, tôi là người đặc biệt lười biếng.

Tôi xin nói từng điểm một.

1. Anh có «tính tình vui vẻ», điều đó rất tốt. Triết học «yếm thế» không phải là triết học của chúng ta. Mặc cho những kẻ suy vong và những kẻ hấp hối cứ việc đau buồn. Người Mỹ U-ít-man nói khá đúng khi chuyển đạt triết học của chúng ta: «Chúng ta đang sống, ngọn lửa của một sức mạnh vô tận đang làm cho dòng máu đỏ của chúng ta sôi lên». Chính là như vậy đấy Đê-mi-an ạ.

2. Anh viết: «Tôi vừa sợ làm phật ý người khác, lại vừa thấy cần phải chữa bệnh». Ý kiến của tôi là: thà làm phật ý một vài người khách đến thăm nam và nữ, còn hơn là không chữa bệnh theo đúng mọi quy định. Chữa bệnh, chữa bệnh, nhất định phải chữa bệnh. Không làm phật ý người khách đến thăm, — đó là lợi ích trong khoảnh khắc. Vì nghiêm chinh chữa bệnh mà làm phật ý đôi chút những người khách ấy,— đó còn là lợi ích lâu dài hơn. Nói đúng ra, những phần tử cơ hội chủ nghĩa khác với những người đối lập với họ ở chỗ họ đặt lợi ích thuộc loại thứ nhất ở trên lợi ích thuộc loại thứ hai. Chẳng cần nói cũng thấy rằng anh sẽ không bắt chước những phần tử cơ hội chủ nghĩa.

3. Anh viết: «Giọng khoan dung của anh trong bài diễn văn đọc trước các bí thư huyện ủy* không phải là không có phần giảo hoạt». Nói cho đúng hơn, ở đó có *chính sách*, mà chính sách thì nói chung không loại trừ đôi chút giảo hoạt. Tôi nghĩ rằng *sau khi* các lãnh tụ phái đối lập đã bị đập tơi bời thì chúng ta, tức là đảng, phải dịu giọng đối với các phần tử phái đối lập hạng thường và hạng trung để làm cho họ dễ dàng tách khỏi các lãnh tụ phái đối lập. Bỏ mặc các tướng lĩnh không có quân đội,—mục đích chủ yếu là ở chỗ đó. Phái đối lập hiện có bốn năm vạn người trong đảng; đa số những người này cũng muốn loại bỏ các lãnh tụ của họ, nhưng điều ngăn trở họ là lòng tự ái của họ hoặc tính lỗ mãng, tính kiêu căng của một số người ủng hộ Ban Chấp hành trung ương, tức là những người đã dùng những lời nói như kim đâm làm bực tức những phần tử đối lập hạng thường và do đó đã ngăn cản họ chạy sang phía chúng ta. «Giọng nói» của bản báo cáo của tôi đã nhằm chĩa vào những người ủng hộ Ban Chấp hành trung ương đó. Như vậy, và chỉ như vậy mới có thể đập tan được phái đối lập, sau khi các lãnh tụ phái đó đã bị nhục trước toàn thế giới.

4. Anh hỏi: «Liệu mùa màng có làm cho chúng ta gặp khó khăn không». Mùa màng cũng đã làm cho chúng ta khó khăn chút ít. Năm ngoái thu hoạch (tổng thu hoạch) được hơn hai tỷ bảy trăm triệu, năm nay dự tính rồi sẽ sụt đi 200 triệu. Đương nhiên đó là một đòn nặng đối với xuất khẩu. Những nông hộ bị thiệt hại vì mất mùa hiện nay quả thật là ít hơn năm 1921 năm lần, do đó chúng ta có thể thắng tai nạn đó với lực lượng của chính bản thân chúng ta mà không cần có những cố gắng đặc biệt. Điều đó không còn có thể nghi ngờ gì cả. Nhưng dù sao thì đòn đả kích vẫn là đòn đả kích. Tuy nhiên trong cái họa có khi cũng có cái phúc. Chúng ta đã quyết

* Xem tập này, tr. 254 — 280. *(B.T.)*

định lợi dụng lòng quyết tâm kiên định của nông dân sẵn sàng làm mọi cái có thể làm để đảm bảo cho chúng ta tránh khỏi trường hợp hạn hán bất ngờ *trong tương lai*, và chúng ta cố gắng bằng đủ mọi cách lợi dụng lòng quyết tâm đó để thực hiện (cùng với nông dân) những biện pháp cương quyết nhằm cải lương chất đất và cải tiến việc trồng trọt trong nông nghiệp v.v.. Chúng ta định *bắt đầu* từ việc lập ra một khu vực cải lương chất đất — một khu vực cần thiết tối thiểu — ở vùng Xa-ma-ra - Xa-ra-tốp - Txa - ri - txưn - An-xtơ-ra-khan - Xtáp-rô-pôn. Chúng ta bỏ vào công việc đó khoảng mười lăm - hai mươi triệu rúp. Năm tới, chúng ta sẽ chuyển sang các tỉnh miền Nam. Đó sẽ là bước đầu của cuộc cách mạng nông nghiệp của chúng ta. Những người địa phương nói rằng nông dân sẽ giúp đỡ rất nhiều. Sấm không nổ thì người mu-gích không làm dấu thánh giá. Nạn hạn hán thành ra lại là điều tất yếu để nâng nền nông nghiệp tới trình độ cao nhất và để bảo đảm cho đất nước ta vĩnh viễn tránh khỏi trường hợp thời tiết bất ngờ. Côn-tsắc đã dạy cho chúng ta xây dựng bộ binh, Đê-ni-kin đã dạy cho chúng ta xây dựng kỵ binh, hạn hán dạy cho chúng ta xây dựng nông nghiệp. Đó là con đường của lịch sử. Trong vấn đề đó, không có cái gì là không tự nhiên cả.

5. Anh viết: «xin hãy đến đây». Rất đáng tiếc là tôi không thể đến được. Tôi không thể đến được vì không có thì giờ rỗi. Tôi khuyên anh thu xếp «dạo chơi Ba-cu»,— đó là điều cần thiết. Ti-phơ-li-xơ không có gì thật đáng chú ý mặc dù bề ngoài nó quyến rũ hơn Ba-cu. Nếu anh còn chưa trông thấy những rừng tháp dầu hỏa, thì anh «chưa trông thấy gì cả». Tôi tin chắc rằng Ba-cu sẽ cung cấp cho anh tài liệu hết sức phong phú để sáng tác những kiệt tác như «Ti-a-ga»[57].

Ở Mạc-tư-khoa chúng ta, thời kỳ các cuộc đại hội còn chưa qua. Các diễn văn và cuộc thảo luận tại đại hội V,— đương nhiên là tốt, nhưng nói đúng ra, đó chỉ là một sự trang trí.

Ở đây, tất cả chúng ta đã tiến hành cuộc hội đàm hữu nghị rất bồ ích với các đại biểu phương Tây (và cả các đại biểu phương Đông nữa). Tôi đã hội đàm lâu với các công nhân Đức, Pháp và Ba-lan. «Tài liệu» cách mạng hết sức tốt! Tất cả mọi người đều thấy rằng ở đó, tại phương Tây, lòng căm thù ngày càng tăng, lòng căm thù có tính chất cách mạng chân chính đối với chế độ tư sản. Tôi đã vui mừng được nghe những lời phát biểu bình thường nhưng rất mạnh của những công nhân đó nói lên lòng ước mong «thực hành cách mạng theo kiểu Nga» ở nước họ. Đó là những công nhân mới. Tại các đại hội của chúng ta, chưa có những công nhân như vậy. Đương nhiên, cách mạng chưa phải là sắp bùng nổ ra ngay, nhưng vấn đề là tiến tới cách mạng,—điều đó có thể không nghi ngờ gì cả. Các công nhân đó còn có một điểm đã làm tôi rất đỗi ngạc nhiên: lòng yêu nồng nhiệt và mạnh mẽ, gần như là lòng yêu mẹ đẻ, đối với đất nước chúng ta và niềm tin vĩ đại, không giới hạn, vào chính nghĩa, vào năng lực, vào uy lực của đảng ta. Sự hoài nghi gần đây, nay đã tiêu tan hết. Đó cũng không phải là ngẫu nhiên. Đó cũng là dấu hiệu của cách mạng đang lớn lên.

Chính là như vậy đấy, Đê-mi-an ạ.

Thôi, đủ rồi, tạm biệt. Xiết chặt tay anh.

J. Sta-lin của anh

15. VII. 1924

In lần đầu tiên

VỀ I-a.M. SVÉC-LỐP

Có những người — những lãnh tụ của giai cấp vô sản — mà báo chí không ca ngợi ầm ĩ, có lẽ vì chính bản thân các lãnh tụ đó không thích ca ngợi ầm ĩ mình lên, nhưng tuy vậy họ vẫn là những nhựa sống và những nhà lãnh đạo chân chính của phong trào cách mạng. Trong số các lãnh tụ như vậy có I-a. M. Svéc-lốp.

Một nhà tổ chức toàn mỹ, về tính tình, về tác phong, về giáo dục cách mạng, về tính nhậy cảm, đều tỏ ra là một nhà tổ chức, và trong toàn bộ hoạt động sôi nổi của mình cũng đều tỏ ra là một nhà tổ chức, — đó là hình ảnh của I-a. M. Svéc-lốp.

Làm một nhà lãnh tụ và nhà tổ chức trong điều kiện của nước ta, khi chính quyền nằm trong tay giai cấp vô sản, có nghĩa là gì? Điều đó không có nghĩa là lựa chọn những người giúp việc, thiết lập văn phòng và thông qua văn phòng đề ra mệnh lệnh. Làm một nhà lãnh tụ và nhà tổ chức trong điều kiện nước ta, có nghĩa là: thứ nhất, — hiểu cán bộ, biết nắm được những ưu điểm và khuyết điểm của họ, biết đi sát cán bộ; thứ hai, — biết bố trí cán bộ:

1) sao cho mỗi cán bộ tự thấy hợp với vị trí của mình;

2) sao cho mỗi cán bộ có thể cống hiến cho cách mạng đến mức tối đa tài năng của cá nhân họ mà nói chung họ có thể cống hiến được;

3) sao cho việc bố trí cán bộ như vậy không đưa đến kết quả là làm cho toàn bộ công tác bị ngừng trệ, mà là làm cho toàn bộ công tác được khớp với nhau, nhất trí, và nói chung là nâng cao;

4) sao cho phương hướng chung của công tác tổ chức như vậy là biểu hiện và thực hiện cái tư tưởng chính trị vì nó mà bố trí cán bộ cho thích hợp với từng cương vị.

I-a. M. Svéc-lốp chính là nhà lãnh tụ và nhà tổ chức loại như thế của đảng và Nhà nước chúng ta.

Thời kỳ 1917 - 1918 là thời kỳ chuyển biến đối với đảng và Nhà nước. Trong thời kỳ đó lần đầu tiên đảng trở thành lực lượng nắm chính quyền. Lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại, một chính quyền mới đã xuất hiện, — chính quyền của các Xô-viết, chính quyền của công nhân và nông dân. Chuyển đảng từ chỗ trước kia là không hợp pháp đi vào con đường mới, thiết lập cơ sở tổ chức cho Nhà nước vô sản mới, tìm ra những hình thức tổ chức trong mối quan hệ qua lại giữa đảng và các Xô-viết, do đó đảm bảo sự lãnh đạo của đảng và đảm bảo sự phát triển bình thường của các Xô-viết, — đó là nhiệm vụ tổ chức phức tạp đặt ra trước đảng trong thời gian đó. Trong đảng, không có người nào dám phủ nhận I-a.M. Svéc-lốp là một trong những người đầu tiên, nếu không nói là người thứ nhất, đã giải quyết một cách khéo léo và dễ dàng nhiệm vụ tổ chức đó của công cuộc xây dựng một nước Nga mới.

Những nhà tư tưởng và những đại biểu của giai cấp tư sản thích nhắc lại những luận điệu cũ rích cho rằng những người bôn-sê-vích không biết xây dựng, rằng những người bôn-sê-vích dường như chỉ có khả năng phá hoại. I-a. M. Svéc-lốp, toàn bộ công tác của đồng chí, là sự cải chính sinh động cho những chuyện nhảm đó. Trong đảng ta xuất hiện I-a. M. Svéc-lốp và công tác của đồng chí ấy, điều đó không phải là ngẫu nhiên. Khi sản sinh ra một người xây dựng vĩ đại như I-a.

M. Svéc-lốp, đảng có thể mạnh dạn nói rằng đảng có khả năng xây dựng cái mới một cách cũng tốt như phá hoại cái cũ vậy.

Tôi thật không có tham vọng hoàn toàn biết tất cả các nhà tổ chức và xây dựng của đảng ta, nhưng tôi cần nói rằng, trong số tất cả những nhà tổ chức xuất sắc mà tôi được biết thì—sau Lê-nin—chỉ có hai người mà đảng ta có thể và cần nên tự hào: một người đã hy sinh khi bị đi đày ở Tu-ru-khan, đó là I. Ph. Đu-bơ-rô-vin và một người đã hy sinh trong công tác xây dựng đảng và Nhà nước, đó là I-a. M. Svéc-lốp.

«Cách mạng vô sản» số 11 (34),
tháng Một 1924

Ký tên: J. Sta-lin

BÀN VỀ TÌNH HÌNH QUỐC TẾ

Tôi nghĩ rằng để nhận định tình hình quốc tế hiện nay, hoàn toàn không cần phải tính đến tất cả các sự kiện tương đối quan trọng, đến hết thảy mọi đặc điểm của thực tế quốc tế hiện nay. Để nhận định tình hình quốc tế hiện nay, chỉ cần tính đến những vấn đề cơ bản, có tính chất quyết định của thời đại hiện nay. Hiện tại, theo tôi, có ba vấn đề như vậy:

a) « thời đại» «chủ nghĩa hòa bình» dân chủ - tư sản bắt đầu ;

b) Mỹ can thiệp vào công việc của châu Âu và hiệp định Luân-đôn của phe Đồng minh về bồi thường được ký kết ;

c) các phần tử tả phái ngày càng tăng cường trong phong trào công nhân châu Âu và uy tín quốc tế của Liên-xô ngày càng nâng cao.

Chúng ta hãy xem xét các vấn đề cơ bản đó.

1. THỜI ĐẠI « CHỦ NGHĨA HÒA BÌNH » DÂN CHỦ - TƯ SẢN

Phe Đồng minh đã tỏ ra bất lực trong việc giải quyết quả thực của những thắng lợi quân sự của họ. Họ đã hoàn toàn đánh bại được nước Đức và bao vây được Liên-xô. Họ cũng đã lập được kế hoạch cướp bóc châu Âu. Rất nhiều hội nghị và hiệp ước của các nước trong phe Đồng minh đều nói đến

điều đó. Nhưng họ đã tỏ ra bất lực khi thực hiện kế hoạch cướp bóc. Tại sao vậy? Vì những mâu thuẫn giữa các nước trong phe Đồng minh quá lớn. Vì trước kia và hiện nay họ vẫn chưa thỏa thuận được với nhau về việc phân chia của cướp bóc. Vì sự phản kháng của các nước bị cướp bóc, ngày càng mạnh hơn. Vì việc thực hiện kế hoạch cướp bóc đầy rẫy những cuộc xung đột về quân sự, còn quần chúng thì không muốn đánh nhau. Hiện nay, «tất cả mọi người» đều thấy rõ ràng việc bọn đế quốc tấn công chính diện vào miền Rua, nhằm thủ tiêu nước Đức, đã là nguy cơ cho ngay chính bản thân chủ nghĩa đế quốc vậy. Cũng rõ ràng là chính sách tối hậu thư đế quốc chủ nghĩa công khai, nhằm cô lập Liên-xô, chỉ đem đến các kết quả ngược lại. Đã hình thành cục diện là: Poăng-ca-rê và Kéc-dôn tuy một lòng một dạ phục vụ chủ nghĩa đế quốc nhưng «công tác» của họ đã làm gay gắt thêm cuộc khủng hoảng đang phát triển ở châu Âu, đã gây ra sự kháng cự của quần chúng chống chủ nghĩa đế quốc, đã thúc đẩy quần chúng tiến hành cách mạng. Do đó, giai cấp tư sản tất nhiên phải chuyển từ chính sách tấn công chính diện sang chính sách thỏa hiệp, từ chủ nghĩa đế quốc công khai sang chủ nghĩa đế quốc giấu mặt, từ Poăng-ca-rê và Kéc-dôn sang Mác Đô-nan và E-ri-ô. Cướp bóc thế giới mà không giấu giếm, đã trở nên nguy hiểm. Công đảng ở Anh và liên minh phái tả ở Pháp[58] đã phải che giấu bộ mặt thật của chủ nghĩa đế quốc. Đó là nguồn gốc của «chủ nghĩa hòa bình» và «chủ nghĩa dân chủ».

Có người cho rằng giai cấp tư sản đã đi đến «chủ nghĩa hòa bình» và «chủ nghĩa dân chủ» không phải do sự cần thiết, mà do tự nguyện, do có thể nói là tự do bầu cử. Đồng thời lại nghĩ rằng giai cấp tư sản, sau khi đã đánh bại giai cấp công nhân trong những trận đánh quyết định (Ý, Đức), đã tự cảm thấy là những kẻ thắng lợi, do đó bây giờ nó có thể thi hành «chủ nghĩa dân chủ». Nói một cách khác, trong

thời gian tiến hành các trận đánh quyết định, giai cấp tư sản cần có một tổ chức chiến đấu, cần có chủ nghĩa phát-xít, còn hiện nay, khi giai cấp vô sản đã bị đánh bại, thì giai cấp tư sản không cần chủ nghĩa phát-xít nữa và nó có thể thay thế chủ nghĩa phát-xít bằng «chủ nghĩa dân chủ», coi đó là phương pháp tốt nhất để củng cố những thắng lợi của nó. Do đó, đi đến kết luận là chính quyền của giai cấp tư sản đã trở nên vững chắc, cần phải coi «thời đại chủ nghĩa hòa bình» là lâu dài, còn cách mạng ở châu Âu thì gác lại một thời gian vô hạn.

Ý nghĩ đó hoàn toàn không đúng.

Thứ nhất, cho rằng chủ nghĩa phát-xít chỉ là một tổ chức chiến đấu của giai cấp tư sản,—như thế không đúng. Chủ nghĩa phát-xít không phải chỉ là một phạm trù kỹ thuật - quân sự. Chủ nghĩa phát-xít là một tổ chức chiến đấu của giai cấp tư sản dựa vào sự giúp đỡ tích cực của Đảng xã hội-dân chủ. Đảng xã hội-dân chủ, về mặt khách quan, là phái ôn hòa của chủ nghĩa phát-xít. Không có lý do nào để cho rằng tổ chức chiến đấu của giai cấp tư sản có thể đạt được những thắng lợi quyết định trong các trận đánh hoặc trong việc quản lý đất nước mà không có sự giúp đỡ tích cực của Đảng xã hội-dân chủ. Cũng rất ít có lý do để cho rằng Đảng xã hội-dân chủ có thể đạt được những thắng lợi quyết định trong các trận đánh hoặc trong việc quản lý đất nước mà không có sự giúp đỡ tích cực của tổ chức chiến đấu của giai cấp tư sản. Các tổ chức đó không phủ nhận lẫn nhau mà lại bổ sung lẫn cho nhau. Đó không phải là những tổ chức đối lập mà là những tổ chức sinh đôi. Chủ nghĩa phát-xít là liên minh chính trị vô hình của hai tổ chức chủ yếu đó, nó phát sinh trong hoàn cảnh khủng hoảng sau chiến tranh của chủ nghĩa đế quốc và mục đích của nó là đấu tranh chống cách mạng vô sản. Giai cấp tư sản không thể giữ vững chính quyền nếu không có liên minh đó. Cho nên sẽ là điều sai lầm nếu cho

rằng «chủ nghĩa hòa bình» có nghĩa là sự thủ tiêu chủ nghĩa phát-xít. Trong tình hình hiện nay, «chủ nghĩa hòa bình» là sự củng cố chủ nghĩa phát-xít với việc đưa phái ôn hòa của nó, tức đảng xã hội-dân chủ, lên hàng đầu.

Thứ hai, cho rằng những trận đánh quyết định đã xảy ra, rằng giai cấp vô sản đã bị đánh bại trong các trận đó, rằng chính quyền tư sản do đó đã được củng cố, — như thế không đúng. Chưa có những trận đánh quyết định, ít ra cũng vì chưa có những đảng có tính chất quần chúng và thật sự bôn-sê-vích, có khả năng đưa giai cấp vô sản đến chuyên chính. Không có những đảng như thế, thì trong điều kiện chủ nghĩa đế quốc, không thể có những trận đánh quyết định để giành lấy chuyên chính. Những trận đánh quyết định ở phương Tây vẫn còn là sự việc tương lai. Chỉ mới xảy ra những trận tấn công mạnh mẽ đầu tiên mà giai cấp tư sản phải chống đỡ, một cuộc thử sức mạnh mẽ đầu tiên, chứng tỏ rằng giai cấp vô sản *chưa* thể lật đổ được giai cấp tư sản, mà giai cấp tư sản thì *đã* không còn có thể coi thường giai cấp vô sản được nữa. Và chính vì giai cấp tư sản đã không còn có thể hàng phục giai cấp công nhân được nữa, nên nó đã buộc phải từ bỏ cuộc tấn công chính diện, đi đường vòng, đi theo con đường thỏa hiệp và xoay sang «chủ nghĩa hòa bình dân chủ».

Sau hết, cho rằng «chủ nghĩa hòa bình» là dấu hiệu của sức mạnh chứ không phải là dấu hiệu của sự suy yếu của giai cấp tư sản, rằng do thực hành «chủ nghĩa hòa bình», chính quyền của giai cấp tư sản nhất định sẽ được củng cố, cách mạng nhất định sẽ bị hoãn lại một thời gian vô hạn định, — như thế cũng không đúng. Chủ nghĩa hòa bình hiện nay có nghĩa là các đảng trong Quốc tế II trực tiếp hoặc gián tiếp nắm lấy chính quyền. Nhưng việc các đảng trong Quốc tế II nắm lấy chính quyền có nghĩa là gì? Điều đó có nghĩa là các đảng đó nhất định sẽ tự vạch trần là những đầy tớ của

chủ nghĩa đế quốc, những kẻ phản bội giai cấp vô sản, vì hoạt động chấp chính của các đảng đó sẽ chỉ có thể đưa đến một kết quả là: các đảng đó sẽ bị phá sản về chính trị, mâu thuẫn trong nội bộ các đảng đó sẽ phát triển lên, các đảng đó sẽ bị suy sụp và đồi bại. Nhưng sự suy đồi của các đảng đó sẽ dẫn đến sự suy đồi không thể tránh khỏi của chính quyền của giai cấp tư sản, vì các đảng trong Quốc tế II là chỗ dựa của chủ nghĩa đế quốc. Nếu không có sự cần thiết đặc biệt, thì liệu giai cấp tư sản có sẽ tự nguyện tiến hành cuộc thí nghiệm mạo hiểm với chủ nghĩa hòa bình đó không? Đương nhiên là không! Trong thời kỳ sau chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, giai cấp tư sản đã hai lần tiến hành thí nghiệm với chủ nghĩa hòa bình: lần thứ nhất, ngay sau chiến tranh, khi cách mạng dường như sắp nổ ra, và lần thứ hai là hiện nay, sau những thí nghiệm mạo hiểm của Poăng-ca-rê và Kéc-dôn. Ai dám phủ nhận rằng việc giai cấp tư sản chạy từ chủ nghĩa hòa bình sang chủ nghĩa đế quốc điên cuồng như vậy và ngược lại, lại sẽ không thể không tai hại cho chủ nghĩa đế quốc, ai dám phủ nhận điều này là việc đó sẽ tách hàng triệu quần chúng công nhân ra khỏi cái nếp sống bình thường nhỏ nhen, sẽ lôi cuốn vào chính trị chính những tầng lớp lạc hậu nhất trong giai cấp vô sản, sẽ làm cho những người này cách mạng hóa dễ dàng? Đương nhiên, «chủ nghĩa hòa bình dân chủ» chưa phải là chế độ Kê-ren-ski, vì chế độ Kê-ren-ski là chế độ lấy tình trạng hai chính quyền song song tồn tại làm tiền đề, tức là lấy sự tan rã của chính quyền tư sản và sự phát sinh ra những cơ sở của chính quyền vô sản làm tiền đề. Nhưng, chủ nghĩa hòa bình có nghĩa là lay động đến cao độ quần chúng nhân dân, lôi cuốn họ vào chính trị, chủ nghĩa hòa bình làm lay chuyển chính quyền tư sản và chuẩn bị cơ sở cho những chấn động cách mạng, — điều đó vị tất đã có thể nghi ngờ gì được. Và chính vì thế nên chủ nghĩa hòa bình nhất định sẽ không dẫn đến chỗ củng cố chính quyền

tư sản, mà là dẫn đến chỗ làm suy yếu nó, nhất định sẽ không dẫn đến chỗ hoãn cách mạng tới một thời gian không hạn định, mà là dẫn đến chỗ làm cho cách mạng đến nhanh hơn.

Đương nhiên, không thể do đó mà rút ra kết luận cho rằng chủ nghĩa hòa bình không phải là mối nguy hiểm lớn cho cách mạng. Chủ nghĩa hòa bình dẫn đến chỗ làm tan rã những cơ sở của chính quyền tư sản, nó chuẩn bị những điều kiện thuận lợi cho cách mạng. Nhưng chỉ có *chống lại* ý chí của bản thân «bọn hòa bình chủ nghĩa» và «bọn dân chủ chủ nghĩa», chỉ *với điều kiện* là các đảng cộng sản tiến hành công tác cương quyết vạch trần bản chất đế quốc chủ nghĩa và phản cách mạng của chính quyền hòa bình - dân chủ chủ nghĩa của E-ri-ô - Mác Đô-nan,— chỉ có như thế thì chủ nghĩa hòa bình mới có thể đưa đến những kết quả như vậy được. Còn về ý chí của bản thân bọn hòa bình chủ nghĩa và bọn dân chủ chủ nghĩa, về chính sách của bản thân bọn đế quốc chủ nghĩa, thì khi thực hành chủ nghĩa hòa bình, chúng chỉ theo đuổi một mục đích: lừa bịp quần chúng bằng những lời rất kêu về hòa bình nhằm chuẩn bị cuộc chiến tranh mới, mê hoặc quần chúng bằng sự hào nhoáng của «chủ nghĩa dân chủ» nhằm xác lập chuyên chính của giai cấp tư sản, ru ngủ quần chúng bằng những lời ầm ĩ về «chủ» quyền của dân tộc và quốc gia nhằm chuẩn bị có kết quả hơn nữa sự can thiệp vào Trung-quốc, sự tàn sát ở Áp-ga-ni-stan và Xu-đăng, sự chia cắt Ba-tư, lừa dối quần chúng bằng những lời huyên thuyên hứa trời hứa bể về quan hệ «hữu nghị» với Liên-xô, về những «hiệp ước» này nọ với Chính quyền xô-viết nhằm câu kết chặt chẽ hơn nữa với bọn âm mưu phản cách mạng đã bị truất khỏi nước Nga để tiến hành những trận tập kích cướp bóc ở Bạch-Nga, U-cơ-ren, Giê-oóc-gi. Giai cấp tư sản cần có chủ nghĩa hòa bình để ngụy trang. Điều nguy hiểm chủ yếu của chủ nghĩa hòa bình là ở sự ngụy trang đó. Giai cấp tư sản liệu có đạt được mục đích lừa bịp nhân dân hay

không, — điều đó phụ thuộc vào năng lực tiến hành công tác vạch trần của các đảng cộng sản ở phương Tây và ở phương Đông, điều đó phụ thuộc vào bản lĩnh của các đảng ấy trong việc lột mặt nạ bọn đế quốc chủ nghĩa khoác áo hòa bình chủ nghĩa. Không nghi ngờ gì cả, những sự biến và thực tiễn sẽ có lợi cho những người cộng sản về mặt đó, vì những cái đó sẽ bóc trần sự không ăn khớp giữa *lời nói* hòa bình chủ nghĩa với *hành động* đế quốc chủ nghĩa của bọn đầy tớ dân chủ chủ nghĩa của tư bản. Nhiệm vụ của những người cộng sản là không bỏ những sự biến và thẳng tay vạch trần mỗi bước đi, mỗi hành động của bọn làm đầy tớ cho chủ nghĩa đế quốc và mỗi bước đi, mỗi hành động phản bội của các đảng trong Quốc tế II đối với giai cấp vô sản.

2. SỰ CAN THIỆP CỦA NƯỚC MỸ VÀO CÔNG VIỆC CỦA CHÂU ÂU VÀ HIỆP ĐỊNH LUÂN-ĐÔN CỦA PHE ĐỒNG MINH VỀ BỒI THƯỜNG

Hội nghị Luân-đôn của phe Đồng minh[59] là biểu hiện đầy đủ nhất của chủ nghĩa hòa bình dân chủ - tư sản dối trá và giả mạo. Nếu việc Mác Đô-nan - E-ri-ô lên nắm chính quyền và sự la lối về việc «đặt quan hệ bình thường» với Liên-xô đã che đậy và giấu giếm cuộc đấu tranh giai cấp gay gắt ở châu Âu, che đậy và giấu giếm lòng thù địch không đội trời chung của các quốc gia tư sản đối với Liên-xô, thì hiệp định của phe Đồng minh ở Luân-đôn tất cũng là che đậy và giấu giếm cuộc đấu tranh khốc liệt của nước Anh và nước Pháp để giành bá quyền ở châu Âu, che đậy và giấu giếm mâu thuẫn ngày càng tăng giữa nước Anh và nước Mỹ trong cuộc đấu tranh giành quyền bá chủ trên thị trường thế giới, che

đậy và giấu giếm cuộc đấu tranh phi thường của nhân dân Đức chống ách thống trị của phe Đồng minh. Bọn Mác Đô-nan và Rê-nô-đen kêu lên rằng: không còn chiến tranh giữa các giai cấp nữa, cách mạng đã kết thúc, hiện nay có thể chấm dứt sự việc bằng sự hợp tác giai cấp. Những bạn bè trong việc ký kết hiệp định Luân-đôn và những anh em trong việc phản bội sự nghiệp của giai cấp công nhân, tức là những anh hùng xã hội - dân chủ của chủ nghĩa hòa bình, đều phụ họa theo chúng: không còn đấu tranh giữa nước Pháp và nước Anh, giữa nước Mỹ và nước Anh, giữa nước Đức và phe Đồng minh nữa, chiến tranh đã kết thúc, hiện nay có thể chấm dứt sự việc bằng một nền hòa bình phổ biến do Mỹ đứng đầu.

Nhưng tại hội nghị Luân-đôn của phe Đồng minh đã xảy ra việc gì?

Trước khi họp hội nghị Luân-đôn, vấn đề bồi thường là do nước Pháp độc lập quyết định, ít nhiều không phụ thuộc vào «các nước liên minh», vì nước Pháp đã có một đa số chắc chắn trong tiểu ban bồi thường. Sự chiếm đóng miền Rua là thủ đoạn phá hoại nước Đức về mặt kinh tế và là điều đảm bảo khiến cho nước Pháp được nước Đức trả tiền bồi thường, được nước Đức cung cấp than đá và than cốc cho ngành luyện kim của Pháp, bán thành phẩm hóa học và thuốc nhuộm cho công nghiệp hóa chất Pháp và các chế phẩm dệt của An-da-xơ được miễn thuế khi nhập khẩu vào nước Đức. Mục đích của kế hoạch là thiết lập những cơ sở vật chất cho độc quyền lãnh đạo về quân sự và kinh tế của nước Pháp ở châu Âu. Nhưng, như mọi người đều biết, kế hoạch đó đã không thực hiện được. Phương pháp chiếm đóng chỉ đem đến kết quả ngược lại. Nước Pháp đã không nhận được tiền bồi thường và hiện vật bồi thường với số lượng tương đối thỏa mãn. Sau hết chính kẻ thủ xướng ra việc chiếm đóng, tức là Poăng-ca-rê, đã bị gạt bỏ vì chính sách đế quốc chủ

nghĩa công khai của y đầy rẫy nguy cơ dẫn đến một cuộc chiến tranh mới và nguy cơ dẫn đến cách mạng. Còn về độc quyền lãnh đạo của nước Pháp ở châu Âu, thì sở dĩ không thực hiện được, không những do phương pháp chiếm đóng và công khai cướp bóc đã bỏ gạt mất khả năng liên hiệp giữa công nghiệp Pháp và công nghiệp Đức, mà còn do nước Anh đã cương quyết chống lại sự liên hiệp đó, vì nước Anh không thể không biết rằng sự kết hợp giữa than của Đức với thép của Pháp không thể không làm tổn hại đến công nghiệp luyện kim của Anh.

Để thay thế tất cả những điều đó, hội nghị Luân-đôn của phe Đồng minh đã đưa ra những phương pháp gì?

Thứ nhất, hội nghị đã bác bỏ phương pháp nước Pháp độc lập quyết định vấn đề bồi thường, thừa nhận rằng các vấn đề tranh chấp phải do ủy ban trọng tài gồm các đại biểu của phe Đồng minh đứng đầu là các đại biểu của Mỹ, tối hậu quyết định.

Thứ hai, hội nghị đã phản đối việc chiếm đóng miền Rua và thừa nhận rằng cần thiết phải rút lui về kinh tế (ngay lập tức) và về quân sự (sau một năm hoặc sớm hơn). Lý do là: trong giai đoạn hiện tại, việc chiếm đóng miền Rua, đứng về mặt tình hình chính trị của châu Âu mà nói, là điều nguy hiểm, và đứng về mặt cướp bóc có tổ chức và có hệ thống mà nói, là điều không thích hợp. Còn về việc phe Đồng minh dự tính cướp bóc nước Đức một cách triệt để và có hệ thống, thì vị tất đã có thể nghi ngờ chút gì được.

Thứ ba, khi bác bỏ sự can thiệp bằng quân sự, hội nghị đã hoàn toàn tán thành sự can thiệp về tài chính - kinh tế, thừa nhận:

a) cần thiết phải thiết lập một ngân hàng phát hành ở Đức, do một ủy viên đặc biệt của nước ngoài giám sát;

b) chuyển các đường sắt quốc gia vào các bàn tay tư nhân quản lý dưới sự giám sát của một ủy viên đặc biệt của nước ngoài ;

c) thành lập cái gọi là «ủy ban giao chuyển» gồm các đại biểu của các nước liên minh, tập trung trong tay mình tất cả số tiền bồi thường trả bằng tiền Đức, lấy một phần số tiền đó trả cho nước Đức về việc cung cấp hiện vật, có thể lấy một số tiền bồi thường đầu tư vào công nghiệp Đức (trong trường hợp chuyển tiền đó về Pháp không có lợi), và như vậy, có đầy đủ khả năng nắm chắc trong tay mình thị trường tiền tệ của nước Đức.

Vị tất đã cần phải chứng minh rằng như vậy là biến nước Đức thành một thuộc địa của phe Đồng minh.

Thứ tư, hội nghị thừa nhận nước Pháp có quyền buộc nước Đức phải cung cấp than đá và các sản phẩm hóa học trong một thời gian nhất định, nhưng ở đây, hội nghị cũng đã nói rõ thêm rằng hội nghị thừa nhận nước Đức có quyền yêu cầu ủy ban trọng tài giảm bớt số lượng hoặc thậm chí đình chỉ các khoản phải trả bằng hiện vật đó. Như vậy, hội nghị đã làm cho quyền của nước Pháp chẳng còn gì hoặc hầu như chẳng còn gì.

Nếu thêm vào tất cả những cái đó, số tiền nước Đức vay là 800 triệu Mác do bọn chủ ngân hàng Anh và chủ yếu do bọn chủ ngân hàng Mỹ cấp, nếu chú ý hơn nữa rằng bọn chủ ngân hàng và trước hết là bọn chủ ngân hàng Mỹ đã chỉ huy tại hội nghị, thì ta sẽ có một bức tranh hoàn chỉnh là : độc quyền lãnh đạo của nước Pháp đã tiêu ma, thay thế vào độc quyền lãnh đạo của nước Pháp là độc quyền lãnh đạo của nước Mỹ.

Tổng kết hội nghị Luân-đôn của phe Đồng minh là như vậy.

Căn cứ vào điểm đó, có người cho rằng từ nay về sau những mâu thuẫn về quyền lợi trong nội bộ châu Âu nhất định sẽ

mờ đi trước bá quyền lãnh đạo của nước Mỹ; rằng nước Mỹ, quan tâm đưa tư bản vào châu Âu, có thể làm cho các nước châu Âu ngồi chờ chia phần và buộc các nước đó ngồi im để cho bọn chủ ngân hàng của mình làm giàu; rằng do đó có thể coi nền hòa bình ở châu Âu — cố nhiên đây là nền hòa bình bắt buộc — là một nền hòa bình ít nhiều được đảm bảo trong một thời gian tương đối lâu dài. Ý nghĩ đó hoàn toàn không đúng.

Thứ nhất, hội nghị đã giải quyết vấn đề nước Đức mà không có mặt chủ nhân, không có mặt nhân dân Đức. Đương nhiên, có thể «đặt kế hoạch» biến nước Đức thành một thuộc địa vĩnh viễn. Nhưng mưu toan thật sự biến một nước như nước Đức thành thuộc địa trong lúc này, khi mà ngay cả đối với các nước thuộc địa lạc hậu cũng phải khó khăn lắm mới buộc được họ phải tuân theo mình, — thì điều đó có nghĩa là đặt mìn ở dưới châu Âu.

Thứ hai, hội nghị đã đẩy lùi lại một chút nước Pháp là nước đã quá nhoi lên phía trước, do đó tự nhiên là nước Anh chiếm được ưu thế ở châu Âu. Nhưng nghĩ rằng nước Pháp có thể dung nhận được cái ưu thế của nước Anh, — như thế có nghĩa là không đếm xỉa đến các sự thật, không đếm xỉa đến lô-gích của sự vật, mà lô-gích của sự vật thì thường thường mạnh hơn bất cứ cái lô-gích nào khác.

Thứ ba, hội nghị đã thừa nhận bá quyền lãnh đạo của nước Mỹ. Nhưng tư bản Mỹ đã quan tâm cấp tiền cho công nghiệp Pháp - Đức, lợi dụng công nghiệp đó một cách hợp lý nhất, chẳng hạn như phối hợp công nghiệp luyện kim của Pháp với công nghiệp khai thác than của Đức. Tư bản Mỹ sẽ sử dụng quyền ưu tiên của nó vào chính cái hướng đó, cái hướng có lợi nhất cho nó, — điều đó vị tất đã có thể nghi ngờ gì được. Nhưng nếu nghĩ rằng nước Anh dung nhận được hoàn cảnh đó, — thì như thế có nghĩa là không hiểu biết nước

Anh, không hiểu biết rằng nước Anh coi trọng lợi ích của nền công nghiệp luyện kim của họ như thế nào.

Sau hết, châu Âu không phải là một xứ sở cô lập, nó gắn liền với các thuộc địa của nó, nó sống bằng xương máu của các thuộc địa đó. Cho rằng hội nghị có thể làm cho những quan hệ giữa châu Âu và các thuộc địa có sự thay đổi nào đấy tới chỗ « tốt hơn », cho rằng hội nghị có thể kìm hãm hoặc làm chậm lại sự phát triển của các mâu thuẫn giữa châu Âu và các thuộc địa, — như thế có nghĩa là tin vào phép mầu.

Do đó rút ra kết luận gì ?

Chỉ có một kết luận: hội nghị Luân-đôn đã không giải quyết được một mâu thuẫn cũ nào của châu Âu cả, trái lại nó đã thêm vào những mâu thuẫn cũ một số mâu thuẫn mới, những mâu thuẫn giữa nước Mỹ và nước Anh. Không nghi ngờ gì cả, nước Anh vẫn sẽ theo cách cũ đào sâu thêm mâu thuẫn đối kháng giữa nước Pháp và nước Đức, nhằm đảm bảo ưu thế chính trị của mình ở lục địa. Không nghi ngờ gì cả, nước Mỹ cũng lại sẽ đào sâu thêm mâu thuẫn đối kháng giữa nước Anh và nước Pháp, nhằm đảm bảo bá quyền của nó trên thị trường thế giới. Đó là chúng ta chưa nói đến mâu thuẫn đối kháng hết sức sâu sắc giữa nước Đức và phe Đồng minh.

Những sự biến trên thế giới sẽ do những mâu thuẫn đối kháng đó quyết định, chứ không phải là do những bài diễn văn «hòa bình chủ nghĩa» của tên I-u-da đáng treo cổ và của tên huênh hoang E-ri-ô. Quy luật về sự phát triển không đều của các nước đế quốc chủ nghĩa và về tính tất yếu của những cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, hiện nay vẫn có hiệu lực hơn bất kỳ lúc nào. Hội nghị Luân-đôn chỉ che đậy những mâu thuẫn đối kháng đó nhằm tạo những tiền đề mới khiến cho những mâu thuẫn đó trở nên gay gắt chưa từng thấy.

3. TĂNG CƯỜNG NHỮNG YẾU TỐ CÁCH MẠNG TRONG PHONG TRÀO CÔNG NHÂN CHÂU ÂU. UY TÍN QUỐC TẾ CỦA LIÊN-XÔ TĂNG LÊN

Cần phải coi sự thắng lợi có tính chất quyết định của phái cách mạng trong các đảng cộng sản Đức, Pháp, Nga, sự phát triển của tính tích cực của phái tả trong phong trào công nhân Anh và, sau hết, hiện tượng uy tín của Liên-xô trong quần chúng lao động phương Tây và phương Đông tăng lên, là một trong những dấu hiệu đáng tin nhất của tình trạng không vững vàng của «chế độ hòa bình - dân chủ chủ nghĩa», là một trong những dấu hiệu rõ ràng nhất chứng tỏ rằng bản thân «chế độ» đó là cái bọt nổi ở bên trên những quá trình cách mạng sâu sắc nhất bắt nguồn trong các tầng lớp của giai cấp công nhân.

Các đảng cộng sản ở phương Tây được phát triển trong những điều kiện đặc thù. Thứ nhất, thành phần của các đảng đó phức tạp, vì các đảng đó được tổ thành do những người nguyên là đảng viên xã hội - dân chủ đã trải qua trường học cũ, và do những đảng viên trẻ còn chưa được rèn luyện đầy đủ về cách mạng. Thứ hai, cán bộ trong các đảng đó không phải là bôn-sê-vích thuần túy, vì ở những cương vị trọng yếu có những người từ các đảng khác mà ra, họ còn chưa cắt đứt triệt để với những tàn tích xã hội - dân chủ chủ nghĩa. Thứ ba, trước mặt các đảng đó có một kẻ địch có kinh nghiệm là đảng xã hội - dân chủ, đảng này đã trải qua những cơn khói lửa và vẫn còn là một lực lượng chính trị rất to lớn trong hàng ngũ giai cấp công nhân. Sau hết các đảng đó có một kẻ thù rất mạnh chống lại họ là giai cấp tư sản châu Âu, giai cấp này có bộ máy Nhà nước đã được thử thách và có báo chí vạn năng. Nếu cho rằng các đảng cộng sản đó có thể lật đổ «nay mai» chế độ tư sản châu Âu, thì như thế là lầm to. Cho

nên nhiệm vụ trước mắt là làm cho các đảng cộng sản châu Âu trở thành những đảng thực sự bôn-sê-vích, đào tạo trong các đảng đó những cán bộ cách mạng chân chính có khả năng chấn chỉnh toàn bộ công tác thực tiễn của đảng theo tinh thần giáo dục cách mạng cho quần chúng, theo tinh thần chuẩn bị cách mạng.

Trước đây không lâu, tình hình các đảng cộng sản phương Tây là như vậy. Nhưng nửa năm gần đây, tình hình bắt đầu biến đổi tốt hơn. Nửa năm gần đây, tình hình đáng được chú ý là: trong sinh hoạt của các đảng cộng sản phương Tây đã có sự chuyển biến căn bản về mặt thủ tiêu những tàn tích xã hội - dân chủ chủ nghĩa, về mặt bôn-sê-vích hóa các cán bộ của đảng, về mặt cô lập những phần tử cơ hội chủ nghĩa.

Những tàn tích xã hội - dân chủ chủ nghĩa trong các đảng cộng sản có thể có nguy hiểm gì cho cách mạng, — điều đó đã biểu hiện rõ ràng trong kinh nghiệm đáng buồn về chính phủ công nhân Xắc-xơ[60], khi các lãnh tụ cơ hội chủ nghĩa mưu toan biến tư tưởng mặt trận thống nhất là thủ đoạn động viên cách mạng và tổ chức quần chúng, thành phương pháp hoạt động nghị viện xã hội - dân chủ chủ nghĩa. Đó đã là điểm ngoặt làm cho quần chúng đảng viên mở mắt ra và phát động họ chống lại các lãnh tụ cơ hội chủ nghĩa.

Cần phải xem cái gọi là vấn đề «nước Nga», tức là cuộc tranh luận trong Đảng cộng sản (b) Nga, là vấn đề thứ hai làm tổn hại uy tín của các lãnh tụ phái tả và đưa ra sân khấu những lãnh tụ mới, những lãnh tụ cách mạng. Mọi người đều biết rằng nhóm Bơ-ran-đơ-le ở Đức và nhóm Xu-va-rin[61] ở Pháp đã cương quyết giúp đỡ phái đối lập cơ hội chủ nghĩa trong Đảng cộng sản (b) Nga chống lại những cán bộ chủ yếu của Đảng cộng sản (b) Nga, chống lại phái đa số cách mạng trong đảng đó. Đó là sự thách thức đối với quần chúng công nhân cách mạng phương Tây hiển nhiên đồng tình với Chính quyền xô-viết và người lãnh đạo chính quyền đó: Đảng cộng

sản (b) Nga. Đó là sự thách thức đối với quần chúng đảng viên và phái cách mạng trong các đảng cộng sản phương Tây. Không lấy gì làm lạ khi thấy rằng kết quả của sự thách thức đó là sự sụp đổ hoàn toàn của tập đoàn Bơ-ran-đơ-le và tập đoàn Xu-va-rin. Không lấy gì làm lạ khi thấy rằng vấn đề đó gây ra sự phản ứng trong tất cả các đảng cộng sản khác ở phương Tây. Nếu thêm vào đó sự thật là phái cơ hội chủ nghĩa trong Đảng cộng sản (b) Nga đã hoàn toàn bị cô lập, thì như vậy sẽ thấy được tình hình đầy đủ. Đại hội Quốc tế Cộng sản V[62] chỉ củng cố thắng lợi của phái cách mạng trong các chi bộ chủ yếu của Quốc tế Cộng sản.

Không nghi ngờ gì cả, những sai lầm của các lãnh tụ cơ hội chủ nghĩa đã giữ vai trò quan trọng trong sự thúc đẩy nhanh chóng việc bôn-sê-vích hóa các đảng cộng sản phương Tây. Nhưng cũng không nghi ngờ gì cả, ở đây, những nguyên nhân khác, sâu sắc hơn, cũng đã có tác dụng: sự tấn công thắng lợi của tư bản trong những năm gần đây, sự sút kém của những điều kiện sinh hoạt của giai cấp công nhân, sự tồn tại của đội quân thất nghiệp rất to lớn, tình trạng không ổn định chung về kinh tế của chủ nghĩa tư bản, sự phẫn nộ cách mạng tăng lên trong quảng đại quần chúng công nhân. Công nhân đang tiến tới cách mạng, và họ muốn có những lãnh tụ cách mạng.

Tổng kết. Quá trình hình thành *hẳn* của các đảng bôn-sê-vích chân chính ở phương Tây — những cột trụ của cách mạng sau này ở châu Âu — *đã bắt đầu*. Đó là tổng kết của nửa năm gần đây.

Những điều kiện phát triển của các công đoàn ở phương Tây còn nặng nề hơn và đặc thù hơn.

Thứ nhất, các công đoàn đó bó hẹp trong thực tiễn phường hội «đã được thử thách», và thù địch với chủ nghĩa xã hội, vì, ra đời sớm hơn các đảng xã hội chủ nghĩa và phát triển

không có sự giúp đỡ của các đảng xã hội chủ nghĩa, nên các công đoàn đó đã quen kiêu ngạo với «tính chất độc lập» của họ, họ đặt những lợi ích phường hội lên trên những lợi ích giai cấp và ngoài việc «đòi thêm vài đồng xu nhỏ», họ không muốn thừa nhận điều gì cả.

Thứ hai, các công đoàn đó bảo thủ về tinh thần và thù địch đối với mọi sáng kiến cách mạng, vì đứng đầu các công đoàn đó là tầng lớp quan liêu công đoàn cũ, bán mình, được giai cấp tư sản nuôi dưỡng, luôn luôn sẵn sàng đem công đoàn phục vụ chủ nghĩa đế quốc.

Sau hết, các công đoàn đó, đoàn kết xung quanh bọn cải lương Am-stéc-đam, chính là đội quân hàng chục triệu của chủ nghĩa cải lương, là đội quân mà chế độ tư bản chủ nghĩa hiện đại đang dựa vào.

Đương nhiên, ngoài các công đoàn Am-stéc-đam phản động còn có những công đoàn cách mạng đã gia nhập Quốc tế công đoàn[63]. Nhưng, thứ nhất, phần lớn các công đoàn cách mạng không muốn gây ra sự phân liệt trong phong trào công đoàn, vẫn tham gia Liên hiệp công đoàn Am-stéc-đam[64] và phục tùng kỷ luật của Liên hiệp này; thứ hai, trong những nước chủ yếu ở châu Âu (Anh, Pháp, Đức) những người Am-stéc-đam vẫn còn đại diện cho đa số công nhân. Không nên quên rằng Am-stéc-đam thống nhất ít nhất là mười bốn triệu công nhân đứng trong các tổ chức công đoàn. Nếu nghĩ rằng sẽ có thể thực hiện được ở châu Âu nền chuyên chính của giai cấp vô sản *trái với* ý chí của hàng triệu công nhân đó, — như vậy là sai lầm hết sức, là xa rời cơ sở của chủ nghĩa Lê-nin, là tự dẫn mình đến sự thất bại không sao tránh khỏi. Cho nên nhiệm vụ là ở chỗ tranh thủ hàng triệu quần chúng đó đứng về phía cách mạng và chủ nghĩa cộng sản, giải phóng họ khỏi ảnh hưởng của tầng lớp quan liêu công đoàn phản động, hoặc ít nhất là làm cho họ giữ được thái độ trung lập tốt đối với chủ nghĩa cộng sản.

Cho tới thời gian gần đây, tình hình là như vậy. Nhưng trong những năm gần đây, tình hình bắt đầu chuyền biến tốt hơn. Nước Anh đã có lúc nắm quyền lãnh đạo về mặt công nghiệp tư bản chủ nghĩa trên thị trường thế giới, thì nay là quê hương của các công đoàn dóng cửa và phản động. Sự sụp đồ của độc quyền đó gắn liền với sự phát triền của tư bản tài chính mà nét đặc trưng là cuộc đấu tranh của hàng loạt nước lớn nhất đề giành độc quyền thuộc địa. Giai đoạn đế quốc chủ nghĩa của chủ nghĩa tư bản đã kéo theo việc mở rộng *địa bàn* cho các công đoàn phản động hẹp hòi, nhưng nó cũng thu hẹp cơ sở vật chất của các công đoàn đó, vì siêu lợi nhuận đế quốc chủ nghĩa là đối tượng đấu tranh của hàng loạt quốc gia, còn các thuộc địa thì ngày càng ít có chiều hướng muốn giữ lại vai trò thuộc địa. Cũng không nên quên rằng chiến tranh đã gây thiệt hại rất lớn đến sản xuất của châu Âu. Mọi người đều biết rằng tồng sản lượng của châu Âu hiện nay không quá 70% sản lượng trước chiến tranh. Do đó, sản xuất giảm sút đi và sự tấn công của tư bản vào giai cấp công nhân đạt thắng lợi. Do đó, tiền lương bị giảm sút, ngày làm việc 8 tiếng bị thủ tiêu trên thực tế và hàng loạt cuộc bãi công có tính chất phòng ngự đã bị thất bại, một lần nữa chứng tỏ sự phản bội của tầng lớp quan liêu công đoàn đối với giai cấp công nhân. Do đó, sinh ra nạn thất nghiệp rất lớn và sự bất mãn của công nhân đối với các công đoàn phản động ngày càng tăng lên. Do đó, nảy ra tư tưởng lập một mặt trận thống nhất trong lĩnh vực đấu tranh kinh tế của giai cấp công nhân và kế hoạch thống nhất hai Quốc tế công đoàn thành một Quốc tế công đoàn có thề tồ chức việc chống lại tư bản. Các bài diễn văn của bọn cải lương tại đại hội Viên của Quốc tế Am-stéc-đam (tháng Sáu 1924) về những cuộc hội đàm với các công đoàn «Nga» và lời kêu gọi thống nhất các công đoàn của các công đoàn Anh tại đại hội công-liên (đầu tháng Chín 1924), đều chỉ là phản ánh áp lực ngày càng tăng của quần chúng đối với tầng lớp

quan liêu công đoàn phản động. Cần phải nhận rằng trong tất cả các điều đó thì sự thật sau đây là điều đáng chú ý hơn hết: chính các công đoàn Anh, là cái tổ của chủ nghĩa bảo thủ và hạt nhân cơ bản của Am-stéc-đam, lại khởi xướng việc thống nhất các công đoàn phản động và cách mạng. Sự xuất hiện của những yếu tố tả trong phong trào công nhân Anh, — đó là dấu hiệu đáng tin cậy nhất chứng tỏ rằng «trong bọn họ ở đó», ở Am-stéc-đam, không phải mọi sự đều như ý cả.

Có người cho rằng chính hiện nay cuộc vận động thống nhất các công đoàn là điều cần thiết, vì ở Am-stéc-đam đã xuất hiện những yếu tố tả cần được giúp đỡ *một cách không điều kiện* bằng *mọi* lực lượng, *mọi* phương pháp. Điều đó không đúng, hay — nói cho chính xác hơn — điều đó chỉ đúng có một phần. Vấn đề là ở chỗ các đảng cộng sản ở phương Tây đang trở thành những tổ chức quần chúng, các đảng ấy đang biến thành những đảng bôn-sê-vích chân chính, các đảng ấy đang phát triển và tiến tới nắm chính quyền song song với lòng căm phẫn đang ngày càng tăng của quảng đại quần chúng công nhân, như vậy, là tình hình đang tiến đến cách mạng vô sản. Nhưng không thể lật đổ được giai cấp tư sản, nếu không làm cho nó mất chỗ dựa là Am-stéc-đam phản động; không thể giành được chuyên chính nếu không giành được về phía cách mạng cái thành trì tư sản đó ở Am-stéc-đam. Nhưng muốn làm điều đó mà chỉ dựa vào công tác một phía từ bên ngoài, thì không thể được. Trong lúc này, mục đích đó sẽ chỉ có thể đạt được bằng cách thực hiện một công tác phối hợp ở bên trong và từ bên ngoài nhằm bảo đảm sự thống nhất của phong trào công đoàn. Cho nên vấn đề thống nhất các công đoàn và gia nhập các hội liên hiệp sản xuất quốc tế, đã trở thành vấn đề cấp bách. Đương nhiên, giúp đỡ và thúc đẩy phái tả tiến lên là điều nên làm. Nhưng chỉ trong trường hợp nếu lá cờ của các công đoàn cách mạng không bị cuốn lại, nếu có sự công kích các thủ lĩnh phản động Am-stéc-đam về sự phản

bội và hành vi chia rẽ của họ, nếu có sự phê phán các thủ lĩnh phái tả về tính nửa vời và tính do dự của họ trong cuộc đấu tranh với các thủ lĩnh phản động, — thì mới có thể có được một sự giúp đỡ thực sự đối với phái tả. Chỉ có một chính sách như vậy mới có thể chuẩn bị cho một sự thống nhất thực sự của các công đoàn. Trong trường hợp trái lại thì có thể xảy ra tình hình giống như tình hình đã xảy ra hồi tháng Mười năm vừa qua ở Đức, lúc đó nhóm tả Lê-vi[65] đã bị phái hữu phản động của Đảng xã hội - dân chủ lợi dụng một cách có hiệu quả để bao vây những công nhân cách mạng Đức.

Sau hết, nói đến việc Liên-xô ngày càng có tín nhiệm trong nhân dân các nước tư sản. Có lẽ nên coi cái sự thật hiển nhiên sau đây là dấu hiệu đáng tin cậy nhất chứng tỏ rằng «chế độ hòa bình - dân chủ chủ nghĩa» không ổn định : ảnh hưởng và uy tín của Liên-xô trong quần chúng lao động phương Tây và phương Đông không những không giảm đi, mà trái lại, mỗi năm mỗi tăng lên, mỗi tháng mỗi tăng lên. Đây không phải là vấn đề Liên-xô được nhiều nước tư sản «công nhận». Ngay bản thân sự «công nhận» đó cũng chưa có cái gì đấy đặc biệt cả, vì thứ nhất, nó là do nhu cầu cạnh tranh tư bản chủ nghĩa của các nước tư sản muốn giữ «chỗ của mình» trong thị trường Liên-xô, thứ hai, là do «cương lĩnh» của chủ nghĩa hòa bình yêu cầu thiết lập «những quan hệ bình thường» với nước Xô-viết, yêu cầu ký kết ít ra là một «hiệp định» nào đấy với Liên-xô. Vấn đề ở đây là : «Những người dân chủ chủ nghĩa» và «những người hòa bình chủ nghĩa» hiện tại đã *nhờ* có cương lĩnh «công nhận» Liên-xô mà đánh bại được những đối thủ tư sản của họ trong các cuộc bầu cử vào nghị viện ; bọn Mác Đô-nan và E-ri-ô đã lên nắm chính quyền và có thể giữ được chính quyền thì (ngoài những lý do khác) cũng là *nhờ* họ khua môi múa mép về «tình hữu nghị với nước Nga» ; uy tín của «những người dân chủ chủ nghĩa» và «những người

hòa bình chủ nghĩa» đó là ánh phản chiếu uy tín của Chính quyền xô-viết trong quần chúng nhân dân. Điều đáng chú ý là ngay cả tên «dân chủ chủ nghĩa» mà mọi người đều biết như Mút-xô-li-ni cũng thấy cần thiết phải luôn luôn phô trương trước công nhân tình «hữu nghị» của y đối với Chính quyền xô-viết. Một điều nữa không kém phần đáng chú ý là ngay cả bọn cướp đoạt của cải của người khác, mà mọi người đều biết, như bọn cầm quyền hiện tại ở Nhật, cũng không muốn không «hữu nghị» với Liên-xô. Đó là chúng ta chưa nói đến uy tín lớn lao của Chính quyền xô-viết trong quần chúng nhân dân Thổ, Ba-tư, Trung-quốc, Ấn-độ.

Vì sao một chính quyền «chuyên chính» và cách mạng như Chính quyền xô-viết lại có được cái uy tín chưa từng thấy đó và cái thanh thế khác thường đó trong quần chúng nhân dân các nước khác?

Thứ nhất, vì giai cấp công nhân căm thù chủ nghĩa tư bản và mong muốn thoát khỏi chủ nghĩa tư bản. Công nhân ở các nước tư bản đồng tình với Chính quyền xô-viết, trước hết vì đó là chính quyền đã lật đổ chủ nghĩa tư bản. Đại biểu của những người làm công tác đường sắt ở Anh, ông Bơ-rôm-lây nổi tiếng, cách đây không lâu đã nói tại đại hội công-liên:

«Bọn tư bản biết rằng công nhân toàn thế giới đều hướng mắt nhìn về nước Nga và nếu cách mạng Nga thắng lợi, thì công nhân giác ngộ ở những nước khác sẽ tự hỏi: tại sao chúng ta lại không thể cũng tiêu diệt được chủ nghĩa tư bản như thế?».

Đương nhiên, Bơ-rôm-lây không phải là người bôn-sê-vích. Nhưng điều mà ông nói đó biểu thị nguyện vọng và ý nghĩ của công nhân châu Âu. Bởi vì, thật vậy, tại sao lại không lật đổ chủ nghĩa tư bản châu Âu, một khi mà đã bảy năm rồi, «người Nga» không có bọn tư bản cũng vẫn làm được việc? Chính đó là nguồn gốc uy tín lớn lao của Chính quyền xô-viết trong quảng đại quần chúng giai cấp công nhân. Cho nên uy

tín quốc tế của Liên-xô ngày càng tăng có nghĩa là lòng căm thù của giai cấp công nhân tất cả các nước đối với chủ nghĩa tư bản ngày càng tăng.

Thứ hai, vì quần chúng nhân dân căm thù chiến tranh và mong muốn đập tan âm mưu chiến tranh của giai cấp tư sản. Quần chúng nhân dân biết rõ rằng Chính quyền xô-viết là người đầu tiên đã mở cuộc tấn công chống chiến tranh đế quốc chủ nghĩa và, sau khi mở cuộc tấn công, đã chấm dứt được chiến tranh. Quần chúng nhân dân thấy rõ rằng Liên-xô là nước duy nhất tiến hành đấu tranh chống chiến tranh mới. Họ đồng tình với Chính quyền xô-viết, vì chính quyền đó là người cầm ngọn cờ hòa bình giữa các dân tộc và là thành trì chắc chắn chống lại chiến tranh. Cho nên, uy tín quốc tế của Chính quyền xô-viết ngày càng tăng nói lên rằng quần chúng nhân dân toàn thế giới ngày càng tăng thêm lòng căm thù đối với chiến tranh đế quốc chủ nghĩa và những kẻ tổ chức chiến tranh đó.

Thứ ba, vì quần chúng bị áp bức ở các nước phụ thuộc và thuộc địa căm thù ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc và mong muốn đập tan ách đó. Chính quyền xô-viết là chính quyền duy nhất đã đập tan xiềng xích của chủ nghĩa đế quốc «nước mình». Liên-xô là nước duy nhất xây dựng đời sống của mình trên nguyên tắc bình đẳng và hợp tác giữa các dân tộc. Chính phủ xô-viết là chính phủ duy nhất trên thế giới bảo vệ đến cùng sự thống nhất và độc lập, tự do và chủ quyền của các nước Thổ và Ba-tư, Áp-ga-ni-stan và Trung-quốc, các nước thuộc địa và phụ thuộc trên toàn thế giới. Quần chúng bị áp bức đồng tình với Liên-xô vì họ thấy Liên-xô là bạn đồng minh trong sự nghiệp giải phóng khỏi chủ nghĩa đế quốc. Cho nên uy tín quốc tế của Chính quyền xô-viết ngày càng tăng có nghĩa là các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới ngày càng tăng thêm lòng căm thù đối với chủ nghĩa đế quốc.

Sự thật là như vậy.

Vị tất có thể nghi ngờ gì được, *ba loại cầm thủ* đó không giúp cho việc củng cố «chế độ hòa bình-dân chủ chủ nghĩa» của chủ nghĩa đế quốc hiện đại.

Những ngày gần đây, bộ trưởng Bộ Ngoại giao Mỹ I-út, là «một người hòa bình chủ nghĩa» và là kẻ ủng hộ Côn-tsắc, đã công bố một bản tuyên ngôn Trăm-đen chống lại Liên-xô. Không nghi ngờ gì cả, những vòng hoa chiến thắng của Poăng-ca-rê làm cho I-út không được yên. Nhưng vị tất có thể nghi ngờ gì được, bản tuyên ngôn Trăm-đen và hòa bình chủ nghĩa của I-út chỉ làm cho ảnh hưởng và uy tín của Liên-xô trong quần chúng lao động toàn thế giới, tiếp tục tăng lên.

Đó là những điểm chủ yếu nói rõ đặc điểm của tình hình quốc tế hiện nay.

« Người bôn-sê-vích » số 11,
20 tháng Chín 1924

Ký tên: J. Sta-lin

VỀ NHỮNG NHIỆM VỤ TRƯỚC MẮT CỦA ĐẢNG Ở NÔNG THÔN

Diễn văn đọc tại hội nghị các bí thư chi bộ nông thôn do Trung ương Đảng cộng sản (b) Nga triệu tập[66]
22 tháng Mười 1924

NHỮNG KHUYẾT ĐIỂM TRONG BÁO CÁO CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG

Các đồng chí! Trước hết, tôi muốn nói một chút về khuyết điểm của những báo cáo mà chúng ta nghe ở đây. Tôi thấy có hai khuyết điểm chủ yếu.

Khuyết điểm thứ nhất là: các đại biểu chỉ toàn nói đến thành tích công tác, còn các khuyết điểm trong công tác nông thôn của chúng ta thì hầu như không nhắc đến, mà những khuyết điểm thì lại nhiều vô kể. Họ chỉ kể lể ra nào là tuổi đảng, nào là ai sinh vào năm nào, chi bộ có bao nhiêu đảng viên, v.v., còn đối với những khuyết điểm trong công tác của chúng ta thì hầu như không nói đến chút nào cả. Mà vấn đề khuyết điểm trong công tác nông thôn của chúng ta thì lại là vấn đề căn bản trong công tác thực tiễn của chúng ta. Vì thế, những bản báo cáo ấy có đôi chút màu sắc quan liêu, — tôi nói thế xin các đồng chí thứ lỗi cho. Bất cứ một kẻ bàng quan nào mà đã nghe rồi, thì cũng sẽ cho rằng, người ta đến đây là để báo cáo với Trung ương rằng «công tác tiến hành khả quan lắm», hay «mọi việc đều thuận lợi». Các đồng chí,

như thế thì không được, vì tất cả chúng ta, bất luận là chúng tôi hay các đồng chí, chẳng cứ là ở các địa phương như các đồng chí, hay ở Trung ương như chúng tôi, ai cũng đều biết rằng công tác không phải là hoàn toàn thuận lợi cả đâu.

Khuyết điểm thứ hai của các báo cáo là: trong các báo cáo chủ yếu chỉ nói đến bản thân các chi bộ, đến tâm trạng của các chi bộ, còn tâm trạng của hàng triệu nông dân ngoài đảng thì không biết vì sao người ta lại bỏ qua không nói đến. Té ra là vì các đảng viên cộng sản quan tâm đến mình nhiều hơn cả: sinh hoạt trong nội bộ của họ ra sao, họ đã diễn thuyết bao nhiêu lần, đã tiến hành việc tuyên truyền như thế nào v.v.. Nguyên do là vì các đảng viên cộng sản càng ngày càng chú ý đến bản thân mình hơn và quên rằng mình đang ở giữa cái biển cả mênh mông những người ngoài đảng, và nếu không có sự ủng hộ của những người ngoài đảng ấy, thì toàn bộ công tác của chi bộ có cơ trở thành cả một mớ hỗn độn rỗng tuếch vậy. Mối quan hệ qua lại giữa tổ chức đảng với quần chúng ngoài đảng như thế nào, — điều đó hoàn toàn không nói đến hoặc gần như là hoàn toàn không nói đến. Không thể chỉ chú ý đến bản thân mình được. Trước hết phải chú ý đến hàng triệu nông dân ngoài đảng, phải nghiên cứu nhu cầu và nguyện vọng của họ, phải tính đến yêu cầu và tâm trạng của họ. Vì thế mà những bản báo cáo sinh ra khô khan vô vị và có đôi chút màu sắc quan liêu chủ nghĩa.

Đó là hai khuyết điểm chủ yếu mà tôi muốn nêu lên để các đồng chí chú ý.

Thưa các đồng chí, một lần nữa, tôi mong các đồng chí thứ lỗi cho những lời nói thẳng của tôi. Nhưng tôi cũng rất mong mỏi các đồng chí cũng sẽ thẳng thắn nói về những sai lầm và khuyết điểm trong công tác của Trung ương.

Bây giờ xin vào đề.

KHUYẾT ĐIỂM CHÍNH CỦA ĐẢNG LÀ CÔNG TÁC NÔNG THÔN CỦA ĐẢNG CÒN NON KÉM

Hiện nay, trong điều kiện Chính sách kinh tế mới, khi mà tính tích cực về chính trị của nông dân đã tăng lên, và yêu cầu của họ đối với đảng, chẳng hạn, so với hai năm về trước, đã tăng thêm rất nhiều, vậy thì khuyết điểm chủ yếu của đảng là ở chỗ nào?

Khuyết điểm chính của đảng ta là ở chỗ công tác nông thôn của đảng ta còn non yếu, công tác nông thôn của đảng chưa đi vào nề nếp, công tác nông thôn của đảng rất kém. Sao lại non kém như thế? Vì sao công tác thành thị của đảng đang tiến vọt lên, còn công tác nông thôn của đảng thì lại kém như thế? Phải chăng là nông nghiệp không phát triển? Có phải là trong hai năm sau khi đã bãi bỏ chế độ trưng thu lương thực thừa, tình cảnh của nông dân chưa được cải thiện chăng? Có phải sự phát triển của công nghiệp và việc vận chuyển sản phẩm của thành thị không cải thiện được tình cảnh của nông dân hay không? Phải chăng là đồng tiền được ổn định không cải thiện được đời sống của nông dân? Thế thì vì sao công tác nông thôn của đảng ta lại non kém như thế? Để trả lời câu hỏi đó, trước hết cần phải giải quyết một vấn đề khác: lực lượng của đảng ở thành thị do đâu mà có?

LỰC LƯỢNG CỦA ĐẢNG TA Ở THÀNH THỊ LÀ Ở CHỖ NÀO?

Vậy thì, lực lượng của đảng ta ở thành thị là ở chỗ nào? Lực lượng cơ bản của đảng ta là ở chỗ: ở thành thị của chúng ta, xung quanh đảng có một lớp đông đảo những phần tử công nhân tích cực, ngoài đảng, khoảng gần chục vạn người; những

phần tử tích cực đó là cái cầu nối liền đảng với hàng triệu quần chúng giai cấp công nhân. Lực lượng của đảng ta ở thành thị là ở chỗ: giữa đảng với hàng triệu quần chúng công nhân này không có một bức tường ngăn cách, mà là có một cái cầu nối liền, đó là hàng chục vạn phần tử tích cực ngoài đảng trong quần chúng công nhân. Đảng khai thác lực lượng trong những phần tử tích cực đó. Thông qua những phần tử tích cực đó, Đảng tranh thủ được sự tín nhiệm của quần chúng. Các đồng chí chắc đã nghe nói, nửa năm về trước đã có tới hơn hai mươi vạn công nhân gia nhập đảng ta. Họ ở đâu đến? Chính là từ trong số những phần tử tích cực ngoài đảng mà ra, những phần tử tích cực đó hoàn toàn tin tưởng ở đảng ta, làm cho đảng ta liên hệ với quần chúng ngoài đảng. Vì thế, những phần tử tích cực ngoài đảng không những chỉ là một cái cầu nối liền, mà còn là một cái bể chứa hết sức phong phú cho đảng khai thác những lực lượng mới. Không có những phần tử tích cực đó, đảng ta không thể phát triển được. *Nếu* đông đảo những phần tử tích cực ngoài đảng ở xung quanh đảng mà được phát triển và vững mạnh, thì đảng cũng sẽ phát triển và vững mạnh. *Nếu* không có những phần tử tích cực đó, thì đảng sẽ suy yếu và héo hon đi.

CÔNG TÁC NÔNG THÔN CỦA CHÚNG TA NON KÉM BIỂU HIỆN Ở CHỖ NÀO?

Thế thì, công tác nông thôn của đảng ta non kém biểu hiện ở chỗ nào?

Ở chỗ, đảng ta chưa có ở nông thôn một lớp đông đảo những phần tử *nông dân* tích cực ngoài đảng khả dĩ làm cho đảng liên hệ được với hàng triệu nông dân lao động của nước ta.

Tình hình nông thôn như thế nào? Ở nông thôn có một mạng lưới rất mỏng những chi bộ đảng. Sau nữa, còn có một mạng lưới cũng rất mỏng gồm những nông dân ngoài đảng có cảm tình với đảng. Nhưng đằng sau mạng lưới ấy lại là một biển cả mênh mông gồm hàng triệu nông dân không phải là đảng viên, mà mạng lưới rất mỏng những phần tử tích cực ngoài đảng thì chưa — vả lại cũng không thể — làm cho đảng liên hệ được với hàng triệu nông dân này. Điều đó tự nhiên cũng nói rõ vì sao cái hệ thống ấy lại không giữ vững được và thường thường bị đứt khúc, cho nên ở nông thôn, giữa đảng với quần chúng ngoài đảng đáng lẽ phải có một cái cầu nối liền, thì thường thường lại hình thành một bức tường dày đặc.

NHIỆM VỤ CƠ BẢN LÀ TẠO RA NHỮNG PHẦN TỬ NÔNG DÂN TÍCH CỰC XUNG QUANH ĐẢNG

Do đó, nhiệm vụ cơ bản của đảng ta ở nông thôn là: tạo ra một lớp đông đảo những phần tử nông dân tích cực ngoài đảng gồm khoảng chục vạn người, có thể nối liền đảng với hàng triệu nông dân lao động. Các đồng chí! *Hoặc là* chúng ta tạo ra được những phần tử tích cực ấy, do đó mà làm cho tình hình đảng ta ở nông thôn đuổi kịp được tình hình đảng ta ở thành thị, và lúc đó thì bất cứ một vấn đề gì và bất cứ một khó khăn nào cũng đều không đáng sợ; *hoặc là*, chúng ta không tạo ra được những phần tử tích cực ấy, và lúc đó thì toàn bộ công tác nông thôn của chúng ta sẽ rất kém. Hiện nay, trọng tâm toàn bộ công tác của chúng ta là ở đấy. Không có những phần tử tích cực đó (nhất thiết phải có nhiều người, nhất thiết phải gồm những nông dân *thật sự*), thì ở nông thôn, đảng ta nhất định sẽ mắc bệnh ốm yếu kinh niên. Dĩ nhiên là công tác ấy khó khăn, mà trong một vài năm thì không thể nào đào tạo

được những phần tử tích cực như thế. Nhưng cần phải đào tạo cho bằng được những phần tử tích cực ấy, và công việc đào tạo bắt đầu càng sớm càng hay.

CẦN PHẢI LÀM CHO CÁC XÔ-VIẾT HOẠT ĐỘNG MẠNH LÊN

Nhưng đào tạo những phần tử tích cực ấy như thế nào? Làm thế nào giải quyết được nhiệm vụ ấy? Nếu cho rằng cứ tay cầm sách rồi miệng tuyên truyền là có thể giải quyết được nhiệm vụ ấy thì thật quá ư sai lầm. Chỉ có trong quá trình tiến hành công tác quần chúng xung quanh những nhu cầu thực tế của nông thôn, chỉ có trong quá trình tiến hành công cuộc xây dựng xô-viết rộng rãi ở nông thôn, qua việc thu hút nông dân tham gia quản lý thôn xã, huyện, tỉnh, mới có thể tạo ra xung quanh đảng một lớp đông đảo những phần tử nông dân tích cực ngoài đảng. Làm cho các Xô-viết hoạt động mạnh lên, làm cho các Xô-viết đứng vững, thu hút tất cả những phần tử ưu tú trong nông dân vào các Xô-viết, — đó là những phương pháp có thể dùng để đào tạo được đông đảo những phần tử nông dân tích cực ngoài đảng.

Lê-nin đã nói Xô-viết là cơ quan kết hợp giữa công nhân và nông dân, là cơ quan của công nhân lãnh đạo nông dân. Cho nên, nếu chúng ta muốn làm cho tính tích cực về chính trị của nông dân lao động không thoát ra khỏi sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, thì chúng ta cần phải dùng tất cả mọi biện pháp để thu hút nông dân vào các Xô-viết, làm cho các Xô-viết hoạt động mạnh lên, làm cho nó đứng vững được, làm cho tính tích cực về chính trị của nông dân được thể hiện qua việc bắt buộc tham gia quản lý đất nước. Chỉ có trong quá trình công tác ấy, mới có thể tạo ra được đông đảo những cán

bộ tích cực ngoài đảng trong nông dân. Chỉ có trong những phần tử tích cực ấy, đảng mới có thể lựa chọn được hàng vạn đảng viên nông thôn.

CẦN PHẢI SỬA ĐỔI THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI NÔNG DÂN

Nhưng muốn làm cho các Xô-viết hoạt động mạnh lên, thì trừ tất cả những điều kiện khác ra, còn cần phải có một điều kiện nữa. Đó là cần phải hoàn toàn sửa đổi thái độ đối với nông dân. Mà sự sửa đổi đó là ở chỗ nào ? Ở chỗ người đảng viên cộng sản cần phải học cách đối xử bình đẳng với những người ngoài đảng. Ở chỗ không được chỉ tay năm ngón, mà cần phải chăm chú lắng nghe ý kiến của người ngoài đảng. Ở chỗ không những cần phải giáo dục người ngoài đảng, mà cũng còn phải học tập họ nữa. Người ngoài đảng có những điều đáng cho chúng ta học tập. Vấn đề qua lại giữa đảng viên với người ngoài đảng là một vấn đề cực kỳ trọng yếu trong công tác thực tiễn của đảng ta. Khi Lê-nin định nghĩa mối quan hệ lẫn nhau đó, Người đã dùng danh từ tín nhiệm lẫn nhau. Nhưng ở những nơi nào không biết lấy thái độ bình đẳng đối xử với người ngoài đảng thì sẽ không được họ tín nhiệm. Trong những trường hợp đó, thì sẽ không phải là được tín nhiệm mà lại là mất tín nhiệm, hơn nữa kết quả thường thường lại tạo ra một bức tường dày đặc ngăn cách đảng với người ngoài đảng, khiến cho đảng thoát ly quần chúng, biến đoàn kết công nông thành ra phá hoại sự đoàn kết đó.

BÀI HỌC CỦA VỤ BẠO ĐỘNG Ở GIÊ-OÓC-GI

Cuộc bạo động ở Giê-oóc-gi[67] cách đây không lâu là một ví dụ thực tế sinh động về sự diễn biến tình hình như thế. Báo chí của ta nói rằng vụ bạo động ở Giê-oóc-gi xảy ra là

một vụ bạo động giả tạo. Đúng thế, vì nói chung vụ bạo động ở Giê-oóc-gi là do người ta giả tạo ra chứ không phải là do nhân dân gây nên. Nhưng ở một vài địa phương, do quan hệ giữa đảng cộng sản với quần chúng rất kém, nên bọn men-sê-vích đã lôi kéo được một bộ phận quần chúng nông dân vào cuộc bạo động. Đáng chú ý là những địa phương đó lại là những địa phương mà lực lượng đảng cộng sản hùng hậu nhất. Đảng viên cộng sản ở những địa phương đó đông hơn các nơi khác rất nhiều. Thế mà ở những địa phương đó, người ta đã không lưu tâm, người ta đã sơ hở, không nhận thấy được trong nông dân có sự sôi sục, nông dân sắp làm một cái gì đấy, trong nông dân có tâm trạng bất mãn, sự bất mãn đó ngày càng tích lũy lại, nhưng đảng thì không biết một chút gì hết. Những địa phương có hết sức nhiều đảng viên lại là những địa phương rất xa cách với tâm trạng, tư tưởng và nguyện vọng của nông dân ngoài đảng. Đó là mấu chốt của vấn đề.

Làm sao lại xảy ra cái hiện tượng phi lý đó? Là vì những người đảng viên cộng sản không biết đối xử với nông dân theo kiểu Lê-nin, đáng lẽ tạo ra không khí tín nhiệm thì họ lại tạo ra không khí mất tín nhiệm lẫn nhau, do đó làm cho đảng tách rời nông dân ngoài đảng. Điều đáng chú ý là một cán bộ hết sức tích cực ở Giê-oóc-gi cho rằng hiện tượng phi lý đó phát sinh là vì các Xô-viết địa phương rất non yếu, và vì đảng đã tách rời những người ngoài đảng. Đồng chí ấy nói: «Không nghi ngờ gì cả, cần phải thấy rằng nguyên nhân trọng yếu nhất làm cho chúng ta sơ hở không thấy cuộc bạo động ngày càng lớn lên ấy, đó là tình trạng non yếu của các Xô-viết địa phương». Lê-nin nói, Xô-viết là cái phong vũ biểu đáng tin cậy nhất, là cái thước đo đáng tin cậy nhất để biết tâm trạng nông dân. Và ở một số huyện nào đó thuộc Giê-oóc-gi, thì chính là đảng cộng sản đã không nắm chắc cái phong vũ biểu ấy trong tay.

Các đồng chí, cần phải lấy vụ bạo động ở Giê-oóc-gi làm gương. Nếu chúng ta không hoàn toàn sửa đổi thái độ đối xử với nông dân, nếu chúng ta không tạo ra bầu không khí hoàn toàn tín nhiệm giữa đảng với người ngoài đảng, nếu chúng ta không lắng nghe tiếng nói của người ngoài đảng, cuối cùng, nếu chúng ta không làm cho các Xô-viết hoạt động mạnh lên, để mở đường cho tính tích cực về chính trị của quần chúng nông dân lao động, thì ở các địa phương nước Nga đều sẽ tái diễn những vụ như đã xảy ra ở Giê-oóc-gi.

Trong hai điều này tất phải chọn lấy một: *hoặc là*, chúng ta có thể xác lập được thái độ đúng đắn kiểu Lê-nin đối với nông dân ngoài đảng để hướng tính tích cực về chính trị ngày càng tăng của nông dân vào việc xây dựng các Xô-viết, do đó mà đảm bảo được sự lãnh đạo của công nhân đối với nông dân; *hoặc là*, chúng ta không thể làm được điều đó, thì tính tích cực về chính trị của quần chúng sẽ không thông qua các Xô-viết, mà sẽ vượt qua các Xô-viết, sẽ biến thành những cuộc nổi loạn kiểu thổ phỉ tựa như vụ bạo động ở Giê-oóc-gi vậy.

Thưa các đồng chí, vấn đề là như thế.

CẦN PHẢI CÓ THÁI ĐỘ TẾ NHỊ ĐỐI VỚI NÔNG DÂN

Để thấy rõ là có lúc chúng ta đối xử với nông dân không tế nhị đến mức độ nào, thì cần phải nói qua một chút về việc tuyên truyền chống tôn giáo. Một số đồng chí, có lúc, coi nông dân như những nhà triết học duy vật chủ nghĩa, cho rằng chỉ cần giảng giải một lần về khoa học tự nhiên là đủ làm cho người nông dân tin được rằng Thượng đế là không có thật. Họ thường thường không hiểu rằng, người nông dân vốn đứng trên quan điểm kinh tế mà nhìn Thượng đế, nghĩa

là, có khi người nông dân không hề phản đối việc bác bỏ Thượng đế, nhưng sự hoài nghi thường lại làm cho họ đâm ra băn khoăn nghĩ ngợi: «biết đâu, Thượng đế có thật cũng nên; âu là cứ vừa làm vừa lòng những đảng viên cộng sản lại vừa làm vừa lòng cả Thượng đế nữa, cốt sao cho mùa màng chắc chắn hơn, thì lại chả tốt hay sao». Ai không tính đến đặc điểm tâm lý này của nông dân, thì kẻ đó hoàn toàn không hiểu gì vấn đề quan hệ qua lại giữa đảng viên và người ngoài đảng, không hiểu được rằng, trong vấn đề tuyên truyền chống tôn giáo thì ngay cả đối với những thiên kiến của nông dân cũng cần phải rất thận trọng.

NHIỆM VỤ CƠ BẢN CỦA ĐẢNG

Thế thì, chúng ta có thể kết luận như sau:

1) Khuyết điểm chủ yếu trong công tác nông thôn của đảng là: giữa đảng với hàng triệu nông dân ngoài đảng, không có một lớp đông đảo những phần tử nông dân tích cực ngoài đảng.

2) Nhiệm vụ trước mắt của đảng là: tạo ra những phần tử tích cực xung quanh đảng ở nông thôn, khiến cho đảng có thể khai thác được những lực lượng mới trong đó.

3) Chỉ có làm cho các Xô-viết hoạt động mạnh lên và thu hút nông dân tham gia công tác quản lý đất nước, mới có thể đào tạo được những phần tử tích cực như vậy.

4) Để làm cho các Xô-viết hoạt động mạnh lên, thì cần phải hoàn toàn sửa đổi thái độ đối xử với nông dân ngoài đảng, phải vứt bỏ cái tác phong chỉ tay năm ngón đi, phải tạo ra một không khí tín nhiệm lẫn nhau giữa đảng viên và người ngoài đảng.

Nhiệm vụ của đảng là như vậy.

ĐIỀU KIỆN CÔNG TÁC

Có những điều kiện thuận lợi để thực hiện những nhiệm vụ ấy không? Chắc chắn là có. Có ba điều kiện (tôi muốn nói những điều kiện chủ yếu) như thế.

Một là, tính tích cực về chính trị của bần nông ngày càng tăng lên. Cần phải chú ý đến một số đặc điểm của sự phát triển nông nghiệp. Trong khi sự phát triển của công nghiệp đoàn kết được công nhân, tiêu diệt được những hiện tượng mất giai cấp tính trong giai cấp công nhân, khiến cho giai cấp công nhân lại trở thành một chỉnh thể, thì trái lại, ở nông thôn sự phát triển của nông nghiệp lại đi đến phân hóa và làm tan rã nông dân, hình thành ra hai mặt trận: mặt trận cu-lắc ra sức tìm cách chiếm lấy địa vị lãnh đạo ở nông thôn, và mặt trận bần nông đi tìm bạn đồng minh để chống lại bọn cu-lắc. Chắc chắn rằng, việc làm cho các Xô-viết hoạt động mạnh lên sẽ mở đường cho tính tích cực ngày càng tăng của nông dân, sẽ lập được một mặt trận thống nhất do công nhân đứng đầu, để chống thế lực của bọn cu-lắc, bọn đầu cơ và bọn cho vay nặng lãi.

Hai là, việc lập ngân sách địa phương là cơ sở vật chất để làm cho các Xô-viết hoạt động mạnh lên. Không cần nói cũng biết rằng những vấn đề ngân sách, thu thuế, và cách chi tiêu, đều có một ý nghĩa bậc nhất đối với nông dân. Do đó, việc nông dân hiện đang tham gia xây dựng các Xô-viết càng có một ý nghĩa hiện thực hơn lúc nào hết.

Ba là, Chính quyền xô-viết đã kịp thời cứu tế cho những nơi nào bị thiên tai ở nước ta. Chắc chắn là sự cứu tế đó đã tạo ra trong nông dân một không khí tín nhiệm đối với Chính quyền xô-viết. Vị tất đã cần phải chứng minh rằng không khí đó có thể giúp cho các Xô-viết hoạt động mạnh lên được.

ĐIỀU CHỦ YẾU LÀ GIỮ VỮNG MỐI LIÊN HỆ VỚI HÀNG TRIỆU QUẦN CHÚNG NGOÀI ĐẢNG

Như vậy trước mắt chúng ta không những chỉ đề ra những nhiệm vụ cấp thiết nào đó của đảng ta ở nông thôn, mà cũng còn có rất nhiều điều kiện thuận lợi làm dễ dàng cho việc hoàn thành những nhiệm vụ đó. Vấn đề hiện nay là phải đồng tâm hiệp lực hơn nữa để bắt tay thực hiện những nhiệm vụ ấy.

Ở đây, cần ghi nhớ câu nói bất hủ của Lê-nin: sức mạnh của đảng ta là ở chỗ giữ vững được mối liên hệ sống còn giữa đảng với hàng triệu quần chúng ngoài đảng, mối liên hệ đó càng thiết thực, thì thành tích của chúng ta càng có thể được bảo đảm chắc chắn. Những lời đó, Lê-nin đã nói tại đại hội X của đảng ta. Các đồng chí hãy nghe:

«Trong quần chúng nhân dân, chúng ta (những người cộng sản. *J. Sta-lin*), dẫu sao cũng chỉ là *một giọt nước giữa biển khơi, chỉ* có khi nào chúng ta biểu hiện được một cách đúng đắn những điều mà nhân dân nhận thức, thì chúng ta mới có thể quản lý được nhà nước. Nếu không, đảng cộng sản sẽ không lãnh đạo được giai cấp vô sản, còn giai cấp vô sản thì sẽ không lãnh đạo được quần chúng, và toàn thể bộ máy sẽ đổ vỡ»* [68].

«Sự thật» số 242,
23 tháng Mười 1924

---

* Do tôi viết ngả. — *J. Sta-lin.*

VỀ NHỮNG NHIỆM VỤ CỦA ĐẢNG Ở NÔNG THÔN

Diễn văn đọc tại hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga[69]

26 tháng Mười 1924

Thưa các đồng chí! Vì trước đây một số đồng chí đã nói tới công tác nông thôn khá kỹ rồi, nên tôi chỉ phát biểu một vài ý kiến về đặc điểm tình hình trước mắt.

Đứng về tình hình nông dân mà xét, đặc điểm của tình hình trước mắt là ở chỗ nào?

Đặc điểm thứ nhất là: cái vốn cũ, tức là cái vốn tinh thần mà chúng ta đã thu được trong cuộc đấu tranh giải phóng nông dân khỏi ách áp bức của địa chủ, đã bắt đầu cạn mất rồi. Có một số đồng chí nói: «Vì sao mà phải hò hét đến công tác nông vận kia chứ? Chúng ta đã luôn luôn nói tới nông dân, chúng ta từ trước đến nay không hề quên nông dân, — vậy thì việc gì mà phải hò hét công tác nông vận như thế?». Xem ra thì các đồng chí ấy không hiểu rằng cái vốn tinh thần cũ của đảng ta tích lũy được trong thời kỳ Cách mạng tháng Mười và thời kỳ phế bỏ chế độ trưng thu lương thực thừa, cái vốn đó đến nay đã cạn mất rồi. Họ không hiểu rằng hiện nay, chúng ta cần có cái vốn mới. Chúng ta cần phải tạo ra cho đảng một cái vốn mới trong điều kiện đấu tranh mới. Chúng ta lại phải tranh thủ nông dân một lần nữa. Vấn đề là ở chỗ đó. Chúng ta đã giúp đỡ nông dân đánh đổ địa chủ và có được ruộng đất, chúng ta đã kết thúc chiến tranh, Nga hoàng không còn nữa, bọn tay chân của Nga hoàng cũng đã bị đánh đổ

cùng một lượt với Nga hoàng, — tất cả những điều đó, nông dân đã quên mất cả. Hiện nay mà dựa vào cái vốn cũ ấy thì không thể duy trì được lâu đâu. Ai không hiểu điều đó tức là không hiểu được bất cứ một cái gì trong hoàn cảnh mới, trong những điều kiện mới của thời kỳ Chính sách kinh tế mới. Chúng ta cần phải tranh thủ nông dân một lần nữa, — đó là đặc điểm thứ nhất của tình hình trong nước chúng ta.

Do đó cần phải kết luận rằng, nói lại vấn đề nông dân không những không thừa, mà thậm chí còn có phần hơi chậm nữa.

Đặc điểm thứ hai là: trong thời kỳ này, những giai cấp chủ yếu trong nước ta — công nhân và nông dân — đã có những biến hóa, họ đã trở nên khác đi rồi. Trước kia, giai cấp vô sản bị mất giai cấp tính, tản mát, và nông dân thì tha thiết mong muốn giữ vững ruộng đất đã giành được trong tay bọn địa chủ và thắng lợi đã thu được trong cuộc chiến tranh chống địa chủ. Tình hình trước kia thì như thế, tình hình hiện nay khác hẳn rồi. Chiến tranh lại cũng không còn nữa. Công nghiệp đang lớn mạnh. Nông nghiệp đang phát triển. Giai cấp vô sản hiện nay không còn là giai cấp công nhân bị mất giai cấp tính nữa, mà là giai cấp vô sản mạnh mẽ có trình độ văn hóa và những nhu cầu ngày càng được nâng cao. Còn nông dân, thì họ không còn là người nông dân cũ bị chà đạp, rất lo sợ mất ruộng đất và sẵn sàng hy sinh tất cả để thoát khỏi sự áp bức của địa chủ như trước nữa. Họ đã là một giai cấp mới, giai cấp tự do và tích cực, họ đã quên mất địa chủ, điều họ quan tâm hiện nay là làm sao mua hàng hóa được rẻ và bán lương thực của mình được giá đắt. Đặc trưng của họ là tính tích cực về chính trị ngày càng tăng lên. Hiện nay không còn có thể nói được rằng: «Đảng sẽ định liệu mọi việc», «đảng sẽ thu xếp tất cả cho mọi người». Những lời như thế, hiện nay nông dân không hiểu, mà công nhân lại càng không hiểu nữa. Hiện nay cần phải đi sâu vào quần chúng hơn nữa, hiện nay cần phải tiến hành nói chuyện, giải thích, thuyết phục nhiều hơn trước.

Hiện nay cần phải tranh thủ một lần nữa sự tín nhiệm của hàng triệu người ngoài đảng, cần phải thông qua tổ chức, trước hết là thông qua các Xô-viết, mà củng cố sự tín nhiệm đó. Tính tích cực về chính trị ngày càng tăng lên của quần chúng yêu cầu phải làm như thế.

Nhưng không những các giai cấp có những biến đổi, mà trường đấu tranh cũng có những biến đổi, vì trường đấu tranh đã khác, hoàn toàn khác rồi. Trước kia, vấn đề gì dẫn tới đấu tranh? Có cần hay không cần chế độ trưng thu lương thực thừa? Về trước nữa thì là vấn đề: có cần hay không cần địa chủ? Hiện nay những vấn đề ấy đã giải quyết rồi, vì địa chủ và chế độ trưng thu lương thực thừa cũng không còn nữa. Vấn đề hiện nay không còn là vấn đề địa chủ và chế độ trưng thu lương thực thừa nữa, mà là vấn đề giá cả lương thực. Đó là một trường đấu tranh hoàn toàn mới, rộng lớn và rất phức tạp, cần phải nghiên cứu nghiêm chỉnh và đấu tranh nghiêm chỉnh. Vấn đề hiện nay thậm chí cũng không phải là vấn đề thuế khóa, vì chỉ cần giá lương thực được «nâng cao đầy đủ», giá vải và các thứ sản phẩm khác của thành thị hạ xuống «đầy đủ», thì nông dân sẽ nộp thuế. Vấn đề cơ bản hiện nay là vấn đề thị trường và vấn đề giá cả hàng hóa của thành thị và giá cả nông sản.

Hãy xem bản báo cáo lên Trung ương của bí thư tỉnh ủy tỉnh Gô-men:

«Có ba xã xảy ra hiện tượng quần chúng từ chối không chịu nhận mức thuế. Tốc độ nạp thuế so với tốc độ cần có đã chậm mất 2/3. Các hội nghị đại biểu ngoài đảng ở các xã đã được triệu tập, họp rất gay go, đến nỗi có những cuộc nửa chừng phải bỏ họp, có những cuộc họp đã đề ra đề án sửa đổi: yêu cầu Trung ương giảm thuế và nâng cao giá lương thực. Tôi không rõ tình hình các tỉnh khác như thế nào, nhưng tình hình tỉnh chúng tôi thì không phù hợp với những kết luận của đồng chí (tức là tôi) nói trong bức thư riêng gần đây. Tâm

trạng của cán bộ địa phương chúng tôi không tốt lắm. Nông thôn thật giống hệt như cái cảnh ong vỡ tổ, đang xôn xao bàn tán về thuế khóa và về giá cả lương thực».

Các nơi như Xi-bi-ri, khu Đông Nam, tỉnh Cuốc-scơ, tỉnh Tu-la, tỉnh Ni-gie-gô-rốt, tỉnh U-li-a-nốp và các tỉnh khác cũng gửi lên Trung ương những báo cáo giống như vậy.

Ý nghĩa của tất cả các báo cáo đó là: chính sách giá cả của chúng ta làm cho nông dân cảm thấy khó khăn, họ muốn giảm nhẹ đi, thậm chí muốn vứt bỏ cái đòn bẩy của việc thực hành chính sách giá cả ấy đi, nhưng không có cái đòn bẩy ấy thì công nghiệp nước ta sẽ một bước cũng không tiến lên được. Tựa hồ như nông dân đang nói với chúng ta rằng: «Các anh cứ ngại hạ giá hàng của thành thị xuống mức thấp nhất, các anh sợ hàng hóa nước ngoài tràn vào nhiều, vì thế các anh mới dựng lên đủ thứ hàng rào thuế quan để bảo vệ nền công nghiệp non trẻ của nước ta chống lại sự cạnh tranh, nhưng công nghiệp của các anh thì có can gì đến tôi kia chứ, tôi cần hàng hóa giá rẻ kia, còn thì chẳng cần biết là những hàng hóa ấy từ đâu đến cả». Hoặc là họ lại nói: «các anh cứ ngại nâng giá lương thực lên vì sợ phá hoại chế độ tiền lương, cho nên các anh mới phát minh ra đủ thứ cơ quan thu mua, lập ra chế độ độc quyền ngoại thương, v.v., nhưng hàng rào và đòn bẩy của các anh có liên quan gì đến tôi đâu, cái mà tôi cần, là phải nâng cao giá lương thực lên kia».

Đó là ý nghĩa của cuộc đấu tranh về mặt chính sách giá cả.

Cuộc bạo động ở Giê-oóc-gi gần đây đã đặc biệt chứng minh điều đó. Dĩ nhiên cuộc bạo động ấy là giả tạo, nhưng ở một vài huyện, đặc biệt là huyện Gơ-ri, cuộc bạo động ấy rõ ràng có tính chất quần chúng. Nông dân huyện Gơ-ri đòi cái gì? Đòi bán rẻ hàng hóa và nâng cao giá ngô. Huyện Gơ-ri giáp giới với các nước phương Tây, người ở đó thấy giá hàng nước ngoài rẻ hơn giá hàng xô-viết chúng ta, cho nên họ muốn rằng giá hàng hóa của chúng ta ít ra cũng giảm xuống ngang

với hàng nước ngoài, hoặc là nâng cao giá ngô lên đến mức đảm bảo cho họ mua hàng hóa xô-viết không bị thiệt. Cơ sở kinh tế của cuộc bạo động ở huyện Gơ-ri là như vậy. Chính vì thế, cuộc bạo động ấy chứng minh rằng toàn bộ quốc gia xô-viết đang ở vào điều kiện đấu tranh mới. Chính vì thế, không thể coi cuộc bạo động ở Gơ-ri giống như cuộc bạo động ở Tam-bốp, vì cuộc bạo động sau không phải đụng đến vấn đề giá cả nông sản và hàng công nghiệp mà là vấn đề xóa bỏ chế độ trưng thu lương thực thừa.

Trên thị trường và ở nông thôn chính bọn cu-lắc, bọn đầu cơ và những bọn chống xô-viết khác đã tiến hành cuộc đấu tranh mới ấy chống chính sách giá cả xô-viết. Những phần tử ấy, chúng ra sức làm cho hàng triệu quần chúng nông dân thoát ly giai cấp công nhân, bằng cách đó mà phá hoại cơ sở của chuyên chính vô sản. Do đó nhiệm vụ của chúng ta là phải cô lập bọn cu-lắc và những phần tử đầu cơ, làm cho nông dân lao động thoát ly bọn chúng và thu hút nông dân lao động vào việc xây dựng xô-viết, do đó, mở một lối thoát cho tính tích cực về chính trị của nông dân lao động. Chúng ta có thể làm được điều ấy, và chúng ta cũng đang làm như thế, vì quần chúng nông dân lao động, đặc biệt là bần nông, quan tâm đến việc liên minh với công nhân, quan tâm đến việc duy trì nền chuyên chính vô sản, nghĩa là quan tâm đến việc duy trì những đòn bẩy kinh tế làm chỗ dựa cho nền chuyên chính.

Muốn thế thì phải làm những gì? Trước hết cần phải chăm lo đến việc tạo ra xung quanh đảng ở nông thôn, một số lớn cán bộ nông dân ngoài đảng có thể nối liền đảng chúng ta với hàng triệu nông dân. Nếu không thì đừng hòng nói đến làm cho nông dân thoát ly bọn cu-lắc và những phần tử đầu cơ, đừng hòng nói đến tranh thủ hàng triệu nông dân và củng cố họ lại xung quanh đảng ta. Dĩ nhiên, đó là một việc khó. Nhưng khó khăn không thể trở thành một vật chướng ngại mà chúng ta không thể nào khắc phục được. Cần phải phái

hàng trăm, có lẽ hàng nghìn (vấn đề ở đây không phải là số lượng) cán bộ có kinh nghiệm, am hiểu tình hình nông thôn, có thể phát động và tạo ra được những phần tử nông dân tích cực ngoài đảng, xuống nông thôn để giúp đỡ các chi bộ của chúng ta. Đồng thời phải nghiên cứu cái tâm lý tự nhiên của nông dân là không tín nhiệm người thành thị, tâm lý đó hiện còn tồn tại trong nông thôn, và có lẽ không phải là đã mất đi mau chóng được đâu. Các đồng chí đều biết đó, đối với những người ở thành thị về, đặc biệt là đối với những người quá trẻ, thì nông dân đều coi như thế này: «lại một tên vô dụng nữa ở thành thị mới về, hắn muốn bịp bọn mình đấy». Đó là vì những người mà nông dân tin hơn hết phải là những người tự mình kinh doanh nông nghiệp, và ít nhiều có hiểu biết nông nghiệp. Chính vì thế, tôi cho rằng trung tâm công tác nông thôn của chúng ta phải là công tác tạo ra những phần tử tích cực ngay trong nông dân, từ đó đảng có thể khai thác được những lực lượng mới.

Nhưng tiến hành công tác đó như thế nào? Theo tôi thì muốn thế, trước hết phải làm cho các Xô-viết hoạt động mạnh lên. Cần phải thu hút tất cả những người linh lợi, thành thực, có óc sáng tạo, giác ngộ, đặc biệt là những chiến sĩ hồng quân trước kia (họ là những người giác ngộ nhất, có óc sáng tạo nhất trong nông dân), — tham gia vào công tác xô-viết. Vì sao lại là tham gia vào công tác xô-viết? Một là, vì Xô-viết là cơ quan chính quyền, và việc thu hút nông dân lao động tham gia vào công tác quản lý đất nước là nhiệm vụ trước mắt của đảng. Hai là, vì Xô-viết là cơ quan kết hợp giữa công và nông, là cơ quan của công nhân lãnh đạo nông dân, mà hiện nay thì việc công nhân lãnh đạo nông dân là cần thiết hơn bao giờ hết. Ba là, vì các ngân sách địa phương là do các Xô-viết định ra, mà ngân sách lại là vấn đề thiết thân của nông

dân. Cuối cùng, vì Xô-viết là cái máy đo thời tiết đáng tin cậy nhất để đo tâm trạng của nông dân, mà việc lắng nghe tiếng nói của nông dân thì tuyệt đối cần thiết. Ở nông thôn cũng có những tổ chức ngoài đảng khác rất quan trọng, ví dụ như các ủy ban tương trợ của nông dân, các hợp tác xã, các tổ chức đoàn thanh niên cộng sản, v.v.. Nhưng cái nguy hiểm là ở chỗ: trong điều kiện nhất định, những tổ chức đó có thể biến thành những hội liên hợp thuần túy nông dân, có thể thoát ly công nhân. Để khỏi xảy ra tình trạng đó, cần phải thống nhất công tác của những tổ chức đó vào trong các Xô-viết, vì bản thân kết cấu của các Xô-viết đã đảm bảo được sự lãnh đạo của công nhân đối với nông dân rồi. Vì thế, hiện nay trong lúc mà các tổ chức nông dân đang phát triển như nấm mọc sau những trận mưa, thì việc làm cho các Xô-viết hoạt động mạnh lên là một nhiệm vụ quan trọng bậc nhất.

Trước đây không lâu, trong cuộc hội nghị các chi bộ nông thôn, tôi đã kêu gọi các đồng chí hãy phê bình không nhân nhượng những khuyết điểm của đảng ta trong công tác nông thôn*. Việc đó đã gây nên một sự bất mãn nào đó. Nguyên nhân là vì có những đảng viên cộng sản sợ phê bình, họ không muốn vạch những khuyết điểm trong công tác của chúng ta ra. Thưa các đồng chí, như thế là nguy hiểm. Phải nói thêm rằng: sợ tự phê bình và sợ người ngoài đảng phê bình là một cái bệnh tối nguy hiểm hiện nay. Vì trong hai điều này tất phải chọn lấy một: hoặc giả chúng ta tự phê bình mình, và để cho người ngoài đảng phê bình công tác của chúng ta một cách nghiêm khắc, như thế thì có thể hy vọng đẩy mạnh được công tác nông thôn của chúng ta tiến lên; hoặc giả chúng ta không

---

* Xem tập này, tr. 322-333 *(B.T.)*

đồng ý cho phê bình như thế, như thế thì sẽ có những sự kiện như các cuộc bạo động ở Cơ-rôn-stát, ở Tam-bốp, ở Giê-óóc-gi phê bình chúng ta. Tôi cho rằng chúng ta thà chịu thứ phê bình thứ nhất, chứ không chịu thứ phê bình thứ hai. Do đó, chúng ta không nên sợ sự phê bình của đảng viên, càng không nên sợ sự phê bình của người ngoài đảng.

In lần đầu tiên trong cuốn:
J. Sta-lin. « Vấn đề nông dân ».
Nhà xuất bản Mạc-tư-khoa
Lê-nin-gơ-rát, 1925

LỜI GHI TRÊN SỔ DANH DỰ NHÀ MÁY „ĐI-NA-MÔ"

Tôi chúc công nhân nhà máy «Đi-na-mô» cũng như công nhân toàn nước Nga: làm cho công nghiệp nước ta phát triển, làm cho số lượng những người vô sản ở Nga trong thời kỳ sắp tới lên đến 20 - 30 triệu, làm cho kinh tế tập thể ở nông thôn phồn vinh và làm cho kinh tế cá thể chịu ảnh hưởng của kinh tế tập thể, làm cho công nghiệp phát triển cao độ và kinh tế tập thể ở nông thôn đoàn kết triệt để những người vô sản trong công xưởng và những người lao động trên ruộng đất thành một đội quân xã hội chủ nghĩa...

J. Sta-lin

7-XI-24

Đăng lần đầu tiên trên báo « Sự thật » số 152, 4 tháng Sáu 1930

ĐỘI KỴ BINH ĐẦU TIÊN

Chào mừng đội kỵ binh quang vinh, mối đe dọa đối với đội quân bạch vệ của Cơ-ra-snốp và Đê-ni-kin, Vơ-ran-ghen và Pin-xút-ski!

Chào mừng các lãnh tụ của đội kỵ binh, đồng chí Bu-đen-nưi, vị tướng đỏ xuất thân từ nông dân, và đồng chí Vô-rô-si-lốp, vị tướng đỏ xuất thân từ công nhân!

Các chiến sĩ đội kỵ binh! Những thắng lợi huy hoàng trên các mặt trận của cuộc nội chiến kéo dài bốn năm đã làm cho lá cờ đỏ của các đồng chí thắm đầy vinh quang bất diệt. Trong ngày lễ kỷ niệm năm năm, các đồng chí cần phải tuyên thệ: trung thành với những lá cờ đó cho đến chết, các đồng chí sẽ hoàn thành một cách vẻ vang nghĩa vụ của các đồng chí đối với Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, khi ý chí của giai cấp công nhân kêu gọi các đồng chí tiến hành những trận chiến đấu mới để giành thắng lợi cho chủ nghĩa cộng sản.

J. Sta-lin của các đồng chí

« Sự thật » số 261,
16 tháng Một 1924

GỬI BÁO *BÁO NÔNG DÂN*

CHÀO MỪNG *BÁO NÔNG DÂN*
NGƯỜI BẢO VỆ TRUNG THÀNH
SỰ NGHIỆP LIÊN MINH CÔNG NÔNG VĨ ĐẠI!

« Báo nông dân »! Hãy nhớ ba điều khuyên:

1) Hãy giữ gìn thông tín viên nông thôn của mình như giữ gìn con ngươi của mắt, — đó là đội quân của báo;

2) Hãy liên hệ chặt chẽ với những người trung thành nhất và giác ngộ nhất trong nông dân, đặc biệt là với những người trước kia là chiến sĩ hồng quân, — đó là chỗ dựa của báo;

3) Hãy truyền bá sự thật vào nông thôn, hãy tuyên bố với toàn thế giới, không ngừng tuyên bố rằng: không có sự liên minh anh em với công nhân thì nông dân sẽ không thể giải phóng được; không có sự lãnh đạo của công nhân đối với nông dân thì lao động không thể thắng được tư bản.

J. Sta-lin

« Báo nông dân » số 51,
17 tháng Một 1924

CHỦ NGHĨA TƠ-RỐT-SKI HAY LÀ CHỦ NGHĨA LÊ-NIN?

Diễn văn tại hội nghị của đảng đoàn đảng cộng sản trong Hội đồng trung ương các công đoàn Liên-xô 19 tháng Một 1924

Thưa các đồng chí! Sau bản báo cáo chi tiết của Ca-mê-nép, tôi chỉ có thể nói thêm một chút thôi. Vì vậy tôi chỉ hạn chế trong việc vạch trần một số chuyện hoang đường của Tơ-rốt-ski và những người theo Tơ-rốt-ski nói về cuộc khởi nghĩa tháng Mười, về vai trò của Tơ-rốt-ski trong cuộc khởi nghĩa, về đảng và về việc chuẩn bị cuộc khởi nghĩa tháng Mười, v.v.. Ở đây, tôi sẽ nói đến chủ nghĩa Tơ-rốt-ski là một hệ tư tưởng đặc biệt, không thể tương dung được với chủ nghĩa Lê-nin, và sẽ nói về nhiệm vụ của đảng, nhân có những lời phát biểu gần đây của Tơ-rốt-ski trên sách báo.

I

NHỮNG SỰ THẬT VỀ CUỘC KHỞI NGHĨA THÁNG MƯỜI

Trước hết xin nói về cuộc khởi nghĩa tháng Mười. Trong đảng viên, người ta đang tích cực tung tin đồn rằng toàn thể Ban Chấp hành trung ương đã chống lại việc tiến hành khởi nghĩa hồi tháng Mười 1917. Người ta thường kể lại rằng ngày

10 tháng Mười, khi Ban Chấp hành trung ương quyết định tổ chức khởi nghĩa, thì thoạt đầu đa số trong Ban Chấp hành trung ương phản đối việc khởi nghĩa, nhưng theo như người ta kể lại, lúc đó có một công nhân xông vào phòng họp của Ban Chấp hành trung ương và nói: «Các đồng chí quyết định phản đối khởi nghĩa, nhưng tôi xin nói với các đồng chí là dẫu sao cuộc khởi nghĩa cũng sẽ nổ ra, bất luận như thế nào». Thế là sau những lời hăm dọa đó thì, theo như người ta kể lại, Ban Chấp hành trung ương lại đưa ra vấn đề khởi nghĩa và quyết định tổ chức khởi nghĩa.

Thưa các đồng chí, đây không phải chỉ là lời đồn đại. Điều này đã được ông Giôn-rít, mà mọi người đều biết, kể lại trong cuốn *Mười ngày* của mình; ông ta rất xa đảng ta và dĩ nhiên không biết được lịch sử cuộc họp bí mật của chúng ta ngày 10 tháng Mười và do đó đã nghe theo những lời đơm đặt do các ngài Xu-kha-nốp tung ra. Sau đó, câu chuyện này đã được kể lại và nhắc lại trong một số sách do những người trong phái Tơ-rốt-ski viết, và cũng được nhắc lại trong một trong số những cuốn sách gần đây viết về Cách mạng tháng Mười, do Xức-kin viết. Những lời phát biểu gần đây của Tơ-rốt-ski trên sách báo đã tích cực ủng hộ những lời đồn đại đó.

Vị tất đã cần phải chứng minh rằng tất cả những chuyện kiểu Ả-rập ấy hoặc những chuyện tương tự, là không đúng như thật, rằng thật ra tại cuộc hội nghị của Trung ương, không hề xảy ra việc gì tương tự như vậy, mà cũng không thể xảy ra được. Do đó chúng ta có thể bỏ ngoài tai những lời đồn đại kỳ quặc ấy; nói chung thiếu gì những lời đồn đại đang được bịa ra trong các bàn giấy của phái đối lập hay của những người đứng xa đảng. Thật vậy, từ trước tới nay, chúng ta vẫn làm như vậy, thí dụ như chúng ta chẳng cần chú ý đến những điều Giôn-rít nói sai và cũng không cần quan tâm đến việc cải chính những điều nói sai ấy. Nhưng sau khi có những lời phát biểu gần đây

của Tơ-rốt-ski thì không thể bỏ qua những chuyện hoang đường ấy được nữa, vì hiện nay người ta đang ra sức lợi dụng những chuyện hoang đường ấy để giáo dục lớp thanh niên, và tiếc thay, về mặt này người ta đã đạt được một số kết quả. Vì vậy tôi phải đưa ra những việc thực để đối lại những lời đơm đặt kỳ quặc ấy.

Tôi xin lấy biên bản cuộc hội nghị của Trung ương đảng ta họp ngày 10 (23) tháng Mười 1917. Trong cuộc hội nghị có : Lê-nin, Di-nô-vi-ép, Ca-mê-nép, Sta-lin, Tơ-rốt-ski, Svéc-lốp, U-ri-txơ-ki, Đơ-déc-gin-ski, Cô-lôn-tai, Bu-bơ-nốp, Xô-côn-ni-cốp, Lô-mốp. Hội nghị thảo luận vấn đề tình hình hiện tại và khởi nghĩa. Sau khi bàn luận, hội nghị đã biểu quyết nghị quyết do đồng chí Lê-nin đưa ra về khởi nghĩa. Nghị quyết đã được thông qua với đa số phiếu 10 trên 2. Vấn đề đã rõ ràng : với đa số 10 trên 2, Trung ương đã quyết định trực tiếp chuyển ngay sang công tác thực tế là tổ chức cuộc khởi nghĩa. Cũng tại hội nghị này Trung ương đã bầu ra tổng bộ *chính trị* để lãnh đạo khởi nghĩa, lấy tên là Bộ chính trị, gồm có : Lê-nin, Di-nô-vi-ép, Sta-lin, Ca-mê-nép, Tơ-rốt-ski, Xô-côn-ni-cốp và Bu-bơ-nốp.

Sự thật là như thế.

Những biên bản ấy lập tức đập tan một số chuyện hoang đường. Nó đập tan chuyện hoang đường nói rằng đa số trong Trung ương chống lại việc tiến hành khởi nghĩa. Nó cũng đập tan cái chuyện hoang đường nói rằng trong vấn đề khởi nghĩa, Ban Chấp hành trung ương đã đứng trước một sự phân liệt. Qua các biên bản ta thấy rõ là những kẻ chống lại việc khởi nghĩa tức khắc — Ca-mê-nép và Di-nô-vi-ép — cũng có chân trong cơ quan lãnh đạo chính trị của cuộc khởi nghĩa, ngang hàng với những người tán thành khởi nghĩa. Không có một sự phân liệt nào cả, mà cũng không thể có chuyện phân liệt được.

Tơ-rốt-ski khẳng định rằng trong Cách mạng tháng Mười Ca-mê-nép và Di-nô-vi-ép là đại diện cho cánh hữu

trong đảng ta, là những người hầu như thuộc phái xã hội - dân chủ. Chỉ có một điều không hiểu được là: tại sao trong trường hợp ấy đảng lại tránh được sự phân liệt; tại sao mà những sự bất đồng với Ca-mê-nép và Di-nô-vi-ép lại chỉ tiếp tục diễn ra vẻn vẹn trong có vài ngày; tại sao mặc dù có những sự bất đồng mà các đồng chí này vẫn được đảng cử giữ những cương vị hết sức quan trọng, vẫn được bầu vào tổng bộ chính trị của cuộc cách mạng, v.v.? Đảng đã biết khá đầy đủ thái độ thẳng tay của Lê-nin đối với những người xã hội-dân chủ; đảng biết rằng Lê-nin không đời nào lại đồng ý để những đồng chí có tinh thần xã hội-dân chủ ở trong đảng, mà hơn nữa lại để giữ những cương vị hết sức quan trọng. Nguyên nhân vì sao đảng đã tránh được sự phân liệt? Là vì mặc dù có những sự bất đồng, nhưng những đồng chí này là những người cựu bôn-sê-vích đứng trên cơ sở chung của chủ nghĩa bôn-sê-vích. Cơ sở chung ấy là ở chỗ nào? Là ở chỗ thống nhất quan điểm về những vấn đề cơ bản: về tính chất của cách mạng Nga, về các động lực của cách mạng, về vai trò của nông dân, về các nguyên lý lãnh đạo đảng, v.v.. Nếu không có cơ sở chung ấy thì sự phân liệt đã không thể tránh khỏi. Sở dĩ không xảy ra phân liệt, còn những bất đồng thì chỉ kéo dài vẻn vẹn có vài ngày, đó là vì và chỉ vì Ca-mê-nép và Di-nô-vi-ép là những người lê-nin-nít, là những người bôn-sê-vích.

Bây giờ chúng ta hãy chuyển sang chuyện hoang đường về vai trò đặc biệt của Tơ-rốt-ski trong cuộc khởi nghĩa tháng Mười. Những người Tơ-rốt-ski ra sức tung ra những lời đồn đại rằng Tơ-rốt-ski là người cổ vũ và là người lãnh đạo duy nhất của cuộc khởi nghĩa tháng Mười. Những lời đồn đại ấy được Len-txơ-néc, mà người ta gọi là người xuất bản những tác phẩm của Tơ-rốt-ski, đặc biệt ra sức truyền đi. Bản thân Tơ-rốt-ski, do đã thường xuyên lảng tránh không nói đến đảng, đến Trung ương đảng, đến đảng ủy Pê-tơ-rô-gơ-rát, không nói đến vai trò lãnh đạo của những tổ chức ấy trong việc khởi

nghĩa, và hết sức nâng mình lên thành nhân vật trung tâm trong cuộc khởi nghĩa tháng Mười, nên vô tình hay hữu ý đã giúp cho việc tung ra những lời đồn đại về vai trò đặc biệt của Tơ-rốt-ski trong cuộc khởi nghĩa. Tôi hoàn toàn không phủ nhận vai trò rõ ràng là quan trọng của Tơ-rốt-ski trong cuộc khởi nghĩa. Nhưng tôi phải nói rằng Tơ-rốt-ski không có và không thể có vai trò đặc biệt nào trong cuộc khởi nghĩa tháng Mười, và khi làm Chủ tịch Hội đồng ở Pê-tơ-rô-gơ-rát, Tơ-rốt-ski chỉ thực hiện ý chí của các cấp bộ đảng tương ứng, những cấp bộ này đã lãnh đạo từng việc Tơ-rốt-ski làm. Những kẻ tầm thường như loại Xu-kha-nốp, lại thấy tất cả những điều đó là kỳ lạ, nhưng những sự kiện, những sự kiện có thật, đã hoàn toàn chứng thực lời khẳng định ấy của tôi.

Chúng ta hãy xem biên bản của cuộc hội nghị tiếp sau đó của Trung ương họp ngày 16 (29) tháng Mười 1917. Tới dự có các ủy viên Trung ương và các đại biểu của ban chấp hành Pê-tơ-rô-gơ-rát, đại biểu của tổ chức quân đội, của các ban chấp hành công xưởng, công đoàn, của ngành đường sắt. Ngoài những ủy viên Trung ương ra, trong số người dự hội nghị còn có: Cơ-ru-len-cô, Sốt-man, Ca-li-nin, Vô-lô-đác-ski, Sơ-li-áp-ni-cốp, La-txi-xơ và những người khác. Tất cả là 25 người. Hội nghị thảo luận mặt thuần túy thực tiễn và tổ chức của vấn đề khởi nghĩa. Hội nghị đã thông qua nghị quyết do Lê-nin đề ra về khởi nghĩa, với đa số phiếu 20 trên 2, có ba phiếu trắng. Hội nghị bầu ra tổng bộ thực tiễn để lãnh đạo cuộc khởi nghĩa về mặt tổ chức. Những ai đã được cử vào tổng bộ này? Có năm người được cử vào tổng bộ này: Svéc-lốp, Sta-lin, Đơ-déc-gin-ski, Bu-bơ-nốp, U-ri-txơ-ki. Nhiệm vụ của tổng bộ thực tiễn này là: lãnh đạo tất cả các cơ quan thực tiễn của khởi nghĩa căn cứ theo các chỉ thị của Trung ương. Như vậy là tại cuộc hội nghị này của Trung ương, như chúng ta đã thấy, đã xảy ra một điều «khủng khiếp», nghĩa là trong tổng bộ thực tiễn, là cơ quan có nhiệm vụ lãnh đạo khởi nghĩa,

thì «thật lạ lùng là» lại không có Tơ-rốt-ski, người «cổ vũ», «nhân vật chủ yếu», «người lãnh đạo duy nhất» của cuộc khởi nghĩa. Làm thế nào dung hòa được sự thật ấy với cái dư luận thường cho rằng Tơ-rốt-ski đã đóng vai trò đặc biệt? Phải chăng, như Xu-kha-nốp hay phái Tơ-rốt-ski sẽ nói, tất cả những điều ấy có phần nào «kỳ lạ». Trong lúc đó thì, nói cho đúng ra, ở đây không có chút gì là kỳ lạ cả, bởi vì Tơ-rốt-ski không có và không thể có một vai trò *đặc biệt* nào ở trong đảng cũng như trong cuộc khởi nghĩa tháng Mười, Tơ-rốt-ski là một người tương đối mới với đảng ta trong thời kỳ cách mạng tháng Mười. Cũng như tất cả những cán bộ có trách nhiệm, Tơ-rốt-ski chỉ là người thừa hành ý chí của Trung ương và của những cơ quan của Trung ương. Ai đã hiểu biết về bộ máy lãnh đạo đảng của những người bôn-sê-vích, người đó sẽ hiểu được một cách không khó lắm rằng không thể khác thế được: chỉ cần Tơ-rốt-ski vi phạm ý chí của Trung ương, là ông ta sẽ mất ảnh hưởng đối với tiến trình của sự việc. Những lời nói về vai trò đặc biệt của Tơ-rốt-ski là câu chuyện hoang đường do những «đảng viên» ngồi lê mách lẻo bịa ra.

Tất nhiên điều đó không có nghĩa là cuộc khởi nghĩa tháng Mười không có người cổ vũ của mình. Không, cuộc khởi nghĩa ấy có người cổ vũ và người lãnh đạo của mình. Nhưng người đó là Lê-nin, chứ không phải một người nào khác, đó chính là Lê-nin, người đã đưa ra những nghị quyết được Trung ương thông qua trong khi giải quyết vấn đề khởi nghĩa, đó chính là Lê-nin, người mà hoàn cảnh hoạt động bí mật đã không thể cản việc trở thành người cổ vũ thật sự của cuộc khởi nghĩa, trái với lời khẳng định của Tơ-rốt-ski. Bây giờ mà định đưa ra những câu hoang đường về tình trạng hoạt động bí mật để lấp liếm cái sự thật hiển nhiên là V.I. Lê-nin, vị lãnh tụ của đảng, là người cổ vũ của cuộc khởi nghĩa, thì như thế thật là điên rồ và lố lăng.

Sự thật là như thế.

Người ta bảo chúng ta rằng ừ thì cứ cho là như thế, song không thể phủ nhận rằng Tơ-rốt-ski đã chiến đấu hăng hái trong thời kỳ khởi nghĩa tháng Mười. Vâng, đúng như thế, Tơ-rốt-ski quả thật đã chiến đấu hăng hái trong cuộc khởi nghĩa tháng Mười. Nhưng trong thời kỳ khởi nghĩa tháng Mười thì không phải chỉ có Tơ-rốt-ski là chiến đấu hăng hái, mà thậm chí những người như phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng cánh tả, hồi đó còn đứng kề vai sát cánh với những người bôn-sê-vích, cũng chiến đấu khá hăng. Nói chung tôi phải nói rằng trong thời kỳ khởi nghĩa thắng lợi, khi kẻ địch bị cô lập, mà lực lượng khởi nghĩa lại mạnh lên, thì chiến đấu hăng hái không phải chuyện khó. Trong những lúc như vậy thì thậm chí những kẻ lạc hậu cũng trở thành những anh hùng.

Nhưng cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản không phải là một sự tiến công liên tục, một chuỗi thắng lợi liên tục. Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản cũng có những sự thử thách của nó, những thất bại của nó. Người cách mạng chân chính không phải là người thể hiện sự dũng cảm trong thời kỳ khởi nghĩa thắng lợi, mà là người vừa biết chiến đấu hăng hái trong cuộc tiến công thắng lợi của cách mạng, đồng thời cũng biết thể hiện lòng dũng cảm trong thời kỳ thoái trào của cách mạng, trong thời kỳ thất bại của giai cấp vô sản ; là người không hoang mang và không nhụt chí trong những khi cách mạng bị thất bại, trong những khi kẻ địch thắng lợi ; là người không hoảng hốt và không tuyệt vọng trong thời kỳ thoái trào của cách mạng. Trong thời kỳ khởi nghĩa tháng Mười, những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng cánh tả đã chiến đấu khá hăng và họ đã ủng hộ những người bôn-sê-vích. Nhưng, ai mà chả biết rằng những chiến sĩ «dũng cảm» ấy đã tỏ ra hoảng hốt trong thời kỳ ký hòa ước Bơ-rét, là lúc sự tiến công của chủ nghĩa đế quốc Đức đã làm cho họ tuyệt vọng và hoảng hốt. Một điều thật cực kỳ đáng buồn, nhưng lại là sự thật hiển nhiên, là : Tơ-rốt-ski, người đã chiến đấu

hăng hái trong cuộc khởi nghĩa tháng Mười, lại không đủ dũng cảm trong thời kỳ ký hòa ước Bơ-rét, trong thời kỳ cách mạng phải chịu những sự thất bại tạm thời, không đủ dũng cảm để thể hiện đầy đủ tinh thần kiên cường trong giờ phút khó khăn ấy và để không đi theo con đường của những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng cánh tả. Không thể chối cãi được, đó là lúc khó. cần phải thể hiện lòng dũng cảm đặc biệt và sự bình tĩnh sắt đá để không hoang mang, để rút lui kịp thời, ký hòa ước kịp thời, đưa quân đội vô sản tránh được đòn của chủ nghĩa đế quốc Đức, bảo toàn lực lượng dự trữ là nông dân, và sau khi được sự nghỉ ngơi bằng cách đó, thì với lực lượng mới, sẽ tấn công kẻ địch. Nhưng tiếc thay trong giờ phút khó khăn ấy, Tơ-rốt-ski không có được lòng dũng cảm như thế và không có tinh thần kiên cường cách mạng như thế.

Theo ý kiến của Tơ-rốt-ski thì bài học cơ bản của cuộc cách mạng vô sản là ở chỗ không «co mình lại» trong thời kỳ khởi nghĩa tháng Mười. Điều đó không đúng vì lời khẳng định ấy của Tơ-rốt-ski chỉ chứa đựng *một phần nhỏ* của sự thật về những bài học của cách mạng. *Tất cả* sự thật về những bài học của cuộc cách mạng vô sản là ở chỗ không những không «co mình lại» trong những ngày tiến công của cách mạng, mà cả trong những ngày thoái trào của cách mạng, khi kẻ địch thắng, còn cách mạng thì thất bại. Cách mạng không chấm dứt ở cuộc khởi nghĩa tháng Mười. Cuộc khởi nghĩa tháng Mười chỉ là bước đầu của cuộc cách mạng vô sản. Thật là tồi nếu người ta *co mình lại* trong những ngày cuộc khởi nghĩa đang lên. Nhưng sẽ tồi hơn, nếu người ta *co mình lại* trong lúc cách mạng phải trải qua những cơn thử thách nặng nề, sau khi đã giành được chính quyền. Việc giữ được chính quyền ngay sau cách mạng là một việc không kém quan trọng so với việc giành chính quyền. Nếu như Tơ-rốt-ski đã nhụt chí trong thời kỳ hòa ước Bơ-rét, trong thời kỳ cách mạng

của chúng ta phải trải qua những cơn thử thách nặng nề, khi suýt nữa phải «giao trả» chính quyền, — thì Tơ-rốt-ski phải hiểu rằng những sai lầm hồi tháng Mười của Ca-mê-nép và Di-nô-vi-ép hoàn toàn không liên quan gì đến việc này.

Vấn đề những chuyện hoang đường về cuộc khởi nghĩa tháng Mười là như vậy.

II

ĐẢNG VÀ VIỆC CHUẨN BỊ CUỘC CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI

Bây giờ chúng ta nói sang vấn đề chuẩn bị cuộc cách mạng tháng Mười.

Cứ nghe Tơ-rốt-ski nói, thì có thể nghĩ rằng trong suốt thời kỳ chuẩn bị từ tháng Ba đến tháng Mười, đảng của những người bôn-sê-vích chỉ làm có một việc là giậm chân tại chỗ, đảng bị xâu xé bởi những mâu thuẫn nội bộ, và ra sức cản trở Lê-nin, và nếu không có Tơ-rốt-ski thì không biết là sự nghiệp cách mạng tháng Mười sẽ kết thúc như thế nào. Thật là hơi buồn cười khi nghe Tơ-rốt-ski nói những lời lạ lùng về đảng, ông ta tuyên bố cũng trong «lời tựa» đó viết cho tập III, rằng «đảng là công cụ chủ yếu của cuộc cách mạng vô sản», rằng «nếu không có đảng, ngoài đảng ra, bỏ qua đảng, mà chỉ thông qua vật thay thế đảng, thì cuộc cách mạng vô sản không thể thắng được». Trời cũng không hiểu được rằng làm thế nào mà cuộc cách mạng của chúng ta lại có thể thắng lợi được, nếu như «cái công cụ chủ yếu của nó» lại vô dụng, mà như người ta biết, nếu «bỏ qua đảng» thì không thể nào thắng được. Nhưng đây không phải lần đầu tiên Tơ-rốt-ski

đãi chúng ta những lời nói kỳ quặc. Cần thấy rằng những lời lẽ buồn cười về đảng ta là thuộc số những lời kỳ quặc mà Tơ-rốt-ski quen dùng đến.

Chúng ta hãy xét một cách vắn tắt lịch sử việc chuẩn bị cuộc cách mạng tháng Mười, theo từng thời kỳ.

1. *Thời kỳ phương châm mới của đảng (tháng Ba - tháng Tư).* Những sự kiện chủ yếu của thời kỳ ấy là:

a) việc lật đổ chế độ Nga hoàng;

b) việc thành lập Chính phủ lâm thời (chuyên chính của giai cấp tư sản);

c) sự xuất hiện các Xô-viết đại biểu công nhân và binh lính (chuyên chính của giai cấp vô sản và nông dân);

d) tình trạng hai chính quyền song song tồn tại;

đ) cuộc biểu tình tháng Tư;

e) cuộc khủng hoảng lần thứ nhất về chính quyền.

Đặc điểm của thời kỳ này là chuyên chính tư sản và chuyên chính vô sản và nông dân tồn tại song song, bên cạnh nhau và đồng thời với nhau, mà chuyên chính vô sản và nông dân thì có thái độ tin tưởng vào chuyên chính tư sản, tin vào những nguyện vọng hòa bình của chuyên chính tư sản, tự nguyện trao chính quyền cho giai cấp tư sản và do đó biến mình thành kẻ phụ thuộc vào giai cấp tư sản. Giữa hai thứ chuyên chính vẫn chưa có những sự xung đột đáng kể, mà trái lại, có «ủy ban liên lạc»[70].

Đây là một bước ngoặt hết sức vĩ đại trong lịch sử nước Nga và là bước chuyển biến chưa từng có trong lịch sử đảng ta. Chính cương cũ, trước cách mạng, chính cương chủ trương trực tiếp lật đổ chính phủ, là rõ ràng và dứt khoát, nhưng chính cương ấy không còn phù hợp với những điều kiện mới của cuộc đấu tranh. Bây giờ thì không còn có thể tiến lên trực tiếp lật đổ chính phủ vì nó có quan hệ với các Xô-viết chịu ảnh hưởng của phái vệ quốc, và đảng sẽ phải tiến hành

một cuộc đấu tranh quá sức cả với chính phủ lẫn với các Xô-viết. Nhưng cũng không thể tiến hành chính sách ủng hộ Chính phủ lâm thời được vì nó là chính phủ của chủ nghĩa đế quốc. Đảng cần có phương châm mới trong điều kiện đấu tranh mới. Đảng (tức đa số trong đảng) đã dò từng bước để đi tới phương châm mới ấy. Đảng đã áp dụng chính sách dùng Xô-viết gây áp lực đối với Chính phủ lâm thời trong vấn đề hòa ước, và chưa dám từ khẩu hiệu cũ là chuyên chính của vô sản và nông dân, mà tiến ngay lập tức đến khẩu hiệu mới là trao chính quyền cho các Xô-viết. Mục đích của chính sách nửa vời đó là nhằm cho các Xô-viết qua những vấn đề cụ thể về hòa bình mà nhìn thấy bản chất thực sự đế quốc chủ nghĩa của Chính phủ lâm thời, và do đó mà tách các Xô-viết khỏi chính phủ đó. Nhưng đấy là lập trường hết sức sai lầm, vì nó đẻ ra những ảo tưởng hòa bình chủ nghĩa, tiếp tay cho chủ nghĩa vệ quốc và làm khó khăn cho việc giáo dục tinh thần cách mạng cho quần chúng. Lúc đó tôi cũng mắc phải lập trường sai lầm ấy cùng với các đồng chí khác trong đảng và mãi đến giữa tháng Tư mới hoàn toàn từ bỏ lập trường ấy mà tán thành các đề cương của Lê-nin. Cần có phương châm mới. Trong những luận cương tháng Tư [71] nổi tiếng của mình, Lê-nin đã đề ra cho đảng phương châm mới đó. Tôi sẽ không nói đến những luận cương ấy, vì tất cả mọi người đều biết những luận cương ấy. Lúc đó có những sự bất đồng giữa đảng và Lê-nin không? Có. Nhưng sự bất đồng ấy kéo dài bao lâu? Không quá hai tuần. Hội nghị toàn thành của đảng bộ Pê-tơ-rô-gơ-rát[72] (vào hạ tuần tháng Tư) đã thông qua những luận cương của Lê-nin và đánh dấu một bước ngoặt trong sự phát triển của đảng ta. Hội nghị toàn Nga tháng Tư [73] (cuối tháng Tư) chỉ là hoàn thành sự nghiệp của hội nghị Pê-tơ-rô-gơ-rát, trên quy mô toàn Nga, và đã đoàn kết chín phần mười đảng viên xung quanh lập trường thống nhất của đảng.

Đến nay, sau bảy năm, Tơ-rốt-ski lại mừng rỡ về những sự bất đồng cũ giữa những người bôn-sê-vích, và mô tả những sự bất đồng ấy như một cuộc đấu tranh gần như giữa hai đảng trong nội bộ chủ nghĩa bôn-sê-vích. Nhưng thứ nhất, ở đây, Tơ-rốt-ski hết sức khuếch đại và thổi phồng sự việc, vì đảng của những người bôn-sê-vích đã trải qua những sự bất đồng ấy một cách hoàn toàn không có sự chấn động nào. Thứ hai là, đảng ta sẽ là một đẳng cấp, chứ không phải là một đảng cách mạng, nếu đảng không đề quần chúng đảng viên có những ý kiến khác nhau; hơn nữa như ta đã biết, ngay trong quá khứ giữa chúng ta cũng có những sự bất đồng, chẳng hạn trong thời kỳ Đu-ma III, song điều đó không cản trở sự thống nhất của đảng ta. Thứ ba là, cũng không phải là thừa nếu hỏi xem *lúc đó* lập trường của chính Tơ-rốt-ski là như thế nào, mà bây giờ ông ta lại sốt sắng mừng rỡ về những sự bất đồng đã qua giữa những người bôn-sê-vích? Len-txơ-néc, mà người ta gọi là người xuất bản các tác phẩm của Tơ-rốt-ski, khẳng định rằng những bức thư ở Mỹ của Tơ-rốt-ski (tháng Ba) «hoàn toàn nói trước» những điều đã nói trong *Thư từ phương xa*[74] (tháng Ba) của Lê-nin, là những bức thư đã được dùng làm cơ sở cho những luận cương tháng Tư của Lê-nin. Đã viết đúng như sau: «hoàn toàn nói trước». Tơ-rốt-ski không phản đối sự so sánh ấy, mà rõ ràng là công nhận điều đó một cách cảm kích. Nhưng thứ nhất là, những bức thư của Tơ-rốt-ski «hoàn toàn không giống» những bức thư của Lê-nin cả về tinh thần, cả về những kết luận, vì những bức thư của Tơ-rốt-ski phản ánh cái khẩu hiệu hoàn toàn phản bôn-sê-vích của Tơ-rốt-ski: «không cần Nga hoàng, mà cần chính phủ công nhân», cái khẩu hiệu ấy có nghĩa là làm cách mạng *mà không cần* có nông dân. Chỉ cần đọc qua hai tập thư ấy là nhận thấy điều đó. Thứ hai là, nếu như thế thì làm thế nào giải thích được việc Lê-nin thấy cần phải tách khỏi Tơ-rốt-ski, ngay sau khi từ nước ngoài trở về nước? Lê-nin đã nhiều lần tuyên bố

rằng khẩu hiệu của Tơ-rốt-ski: *« không cần Nga hoàng, mà cần chính phủ công nhân »* là một ý định muốn «nhảy qua phong trào nông dân vẫn chưa lỗi thời», rằng khẩu hiệu này là «chơi cái trò chính phủ công nhân cướp chính quyền»,* — ai mà chả biết những lời đó của Lê-nin?

Làm sao lại có thể có cái gì chung giữa những luận cương bôn-sê-vích của Lê-nin với cái phương châm phản bôn-sê-vích của Tơ-rốt-ski và cái «trò chơi cướp chính quyền» được? Và không hiểu làm sao mà người ta lại thích so sánh cái lều tồi tàn với núi Mông Bơ-lăng? Nhằm mục đích gì mà Len-txơ-néc lại cần liều lĩnh đem một chuyện hoang đường nữa là những bức thư ở Mỹ của Tơ-rốt-ski đã «nói trước» những điều nói trong *Thư từ phương xa* của Lê-nin, mà thêm vào cái đống những chuyện hoang đường cũ về cuộc cách mạng của chúng ta**?

---

* Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, tập XX, tr. 104 (xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 24, tr. 44.— B.T.) Xem cả các báo cáo tại hội nghị toàn thành Pê-tơ-rô-gơ-rát và tại hội nghị toàn Nga của Đảng Công nhân xã hội - dân chủ (b) Nga (giữa và cuối tháng Tư 1917).

** Trong số những chuyện hoang đường ấy cũng phải kể cả cái giả thuyết rất phổ biến cho rằng Tơ-rốt-ski là người «duy nhất» hoặc «chủ yếu trong việc tổ chức» những thắng lợi trên các mặt trận của cuộc nội chiến. Các đồng chí, vì chân lý, tôi phải tuyên bố rằng giả thuyết này hoàn toàn không đúng sự thật. Tôi hoàn toàn không phủ nhận vai trò quan trọng của Tơ-rốt-ski trong cuộc nội chiến. Nhưng tôi phải hoàn toàn cương quyết tuyên bố rằng cái vinh dự cao cả làm người tổ chức những thắng lợi của chúng ta, không phải thuộc về từng cá nhân, mà là thuộc về tập thể vĩ đại của những người công nhân tiên phong ở nước ta, — tức là thuộc về Đảng cộng sản Nga. Có thể sẽ không thừa nếu đưa ra một vài thí dụ. Các đồng chí đều biết là Côn-tsắc và Đê-ni-kin được coi là kẻ thù chủ yếu của nước Cộng hòa xô-viết. Các đồng chí đều biết rằng, chỉ sau khi đã thắng những kẻ thù ấy, nước ta mới được thở một cách tự do. Mà lịch sử chép rằng cả hai tên

Hèn nào người ta nói con gấu hiếu động còn nguy hiểm hơn cả kẻ thù.

địch ấy, tức là Côn-tsắc và Đê-ni-kin, đều do quân đội của chúng ta tiêu diệt đến cùng, trái với những kế hoạch của Tơ-rốt-ski. Các đồng chí hãy tự xét xem.

1. *Về Côn-tsắc*. Sự việc xảy ra vào mùa hè 1919. Quân đội của chúng ta tấn công Côn-tsắc và làm chủ ở gần U-pha. Ban Chấp hành trung ương mở hội nghị. Tơ-rốt-ski đề nghị hoãn cuộc tiến công theo hướng sông Be-la-i-a (gần U-pha), để U-ran lại trong tay Côn-tsắc, rời một bộ phận quân từ mặt trận miền Đông và chuyển số quân ấy sang mặt trận miền Nam. Những cuộc tranh luận sôi nổi đã xảy ra. Ban Chấp hành trung ương không đồng ý với Tơ-rốt-ski vì nhận thấy rằng, không thể để Côn-tsắc nắm U-ran cùng với các công xưởng, với mạng lưới đường sắt của U-ran, ở đấy Côn-tsắc có thể dễ dàng hồi phục lại, tập trung lực lượng và lại xuất hiện ở Vôn-ga, — trước hết phải đuổi Côn-tsắc về bên kia dãy núi U-ran, về thảo nguyên Xi-bi-ri và chỉ đến lúc ấy mới tiến hành việc chuyển lực lượng về miền Nam. Ban Chấp hành trung ương bác bỏ kế hoạch của Tơ-rốt-ski. Tơ-rốt-ski xin từ chức. Ban Chấp hành trung ương không cho từ chức. Tổng chỉ huy Va-txê-ti-xơ, người ủng hộ kế hoạch Tơ-rốt-ski, từ chức. Ca-mê-nép lên làm tổng chỉ huy, thay Va-txê-ti-xơ. Từ lúc đó Tơ-rốt-ski thôi không trực tiếp tham gia vào các công việc của mặt trận miền Đông nữa.

2. *Về Đê-ni-kin*. Sự việc xảy ra vào mùa thu 1919. Cuộc tấn công Đê-ni-kin không thành. «Vòng đai thép» vây quanh Ma-mon-tốp (cuộc tập kích Ma-mon-tốp) rõ ràng bị thất bại. Đê-ni-kin chiếm Cuốc-scơ và tiến về Ô-ri-en. Tơ-rốt-ski bị triệu từ mặt trận miền Nam về dự cuộc họp của Trung ương. Trung ương thừa nhận tình hình trở nên đáng lo ngại và quyết định cử những cán bộ quân sự mới đến mặt trận miền Nam, đồng thời triệu hồi Tơ-rốt-ski. Những cán bộ quân sự mới đòi Tơ-rốt-ski «không can thiệp» vào công việc của mặt trận miền Nam. Tơ-rốt-ski thôi không trực tiếp tham gia vào công việc của mặt trận miền Nam nữa. Các chiến dịch ở mặt trận miền Nam, cho tới khi chúng ta chiếm Rô-stốp-trên-sông-Đôn và Ô-đét-xa, đều diễn ra không có sự tham gia của Tơ-rốt-ski.

Người ta hãy thử bác những sự thực này xem.

2. *Thời kỳ động viên cách mạng đối với quần chúng (tháng Năm - tháng Tám)*. Những sự kiện chủ yếu của thời kỳ này là :

a) cuộc biểu tình tháng Tư ở Pê-tơ-rô-gơ-rát và việc thành lập chính phủ liên hợp với sự tham gia của những người «xã hội chủ nghĩa» ;

b) cuộc biểu tình ngày 1 tháng Năm ở các trung tâm chủ yếu của nước Nga, với khẩu hiệu đòi «hòa bình dân chủ» ;

c) cuộc biểu tình tháng Sáu ở Pê-tơ-rô-gơ-rát với khẩu hiệu chủ yếu «Đả đảo các bộ trưởng tư bản!» ;

d) cuộc tấn công hồi tháng Sáu ở mặt trận và những thất bại của quân đội Nga ;

đ) cuộc biểu tình vũ trang tháng Bảy ở Pê-tơ-rô-gơ-rát, các bộ trưởng dân chủ-lập hiến ra khỏi chính phủ ;

e) việc đưa các đơn vị quân đội phản cách mạng từ mặt trận về, vụ đập phá tòa soạn báo ***Sự thật***, cuộc đấu tranh của bọn phản cách mạng chống các Xô-viết và việc thành lập chính phủ liên hợp đứng đầu là Kê-ren-ski ;

g) đại hội VI của đảng ta đã đề ra khẩu hiệu chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa ;

h) hội nghị Quốc vụ phản cách mạng và cuộc tổng bãi công ở Mạc-tư-khoa ;

i) cuộc tấn công thất bại của Coóc-ni-lốp vào Pê-tơ-rô-gơ-rát, các Xô-viết được khôi phục, bọn dân chủ - lập hiến từ chức, « Nội các chấp chính» được thành lập.

Đặc điểm của thời kỳ này là cuộc khủng hoảng trở nên gay gắt và thế thăng bằng không vững chắc giữa các Xô-viết và Chính phủ lâm thời, (chính phủ này, dù hay hoặc dở, đã tồn tại trong thời kỳ trước) không còn nữa. Tình trạng hai chính quyền song song tồn tại trở thành một điều không thể chịu nổi nữa đối với cả hai phía. Cái ngôi nhà ọp ẹp là «ủy ban liên lạc» sống những ngày cuối cùng của nó. Hồi đó

«khủng hoảng chính quyền» và «sự xáo trộn nội các», là những danh từ đầu miệng mọi người. Cuộc khủng hoảng ở mặt trận và tình trạng bị tàn phá ở hậu phương đã có tác dụng, đã tăng cường hai cánh ở hai đầu và ép bọn vệ quốc thỏa hiệp, từ hai phía. Cách mạng được động viên, đồng thời cũng làm cho bọn phản cách mạng được động viên. Đến lượt mình, bọn phản cách mạng lại thúc đẩy cách mạng, làm nổi lên những làn sóng mới của ngọn triều cách mạng. Vấn đề chuyển chính quyền cho giai cấp mới, đã trở thành vấn đề trước mắt.

Hồi đó trong đảng ta có những sự bất đồng không? Có. Nhưng những sự bất đồng ấy hoàn toàn chỉ có tính chất thực tế, chứ không phải như những lời khẳng định của Tơ-rốt-ski hòng phát hiện ra cánh «hữu» và cánh «tả» trong đảng. Như thế có nghĩa đây là những sự bất đồng mà nếu không có thì nói chung sẽ không có sinh hoạt sinh động của đảng và sẽ không có công tác đảng thật sự.

Tơ-rốt-ski đã không đúng, khi khẳng định rằng cuộc biểu tình tháng Tư ở Pê-tơ-rô-gơ-rát đã gây ra những sự bất đồng trong nội bộ Trung ương. Về vấn đề này Trung ương tuyệt đối thống nhất và lên án chủ trương của một nhóm đồng chí định bắt Chính phủ lâm thời trong khi ở các Xô-viết và trong quân đội, phái bôn-sê-vích còn là thiểu số. Nếu như Tơ-rốt-ski viết «lịch sử» của cuộc cách mạng tháng Mười căn cứ theo những tài liệu đích xác chứ không phải căn cứ theo quan điểm của Xu-kha-nốp, thì Tơ-rốt-ski sẽ dễ dàng nhận thấy rằng lời khẳng định của mình là sai.

Tơ-rốt-ski hoàn toàn sai khi khẳng định rằng cái chủ trương, «theo sáng kiến của Lê-nin», định tổ chức biểu tình vào ngày 10 tháng Sáu, đã bị những ủy viên Trung ương phái «hữu» buộc tội là «phiêu lưu». Nếu như Tơ-rốt-ski viết không phải là căn cứ theo quan điểm của Xu-kha-nốp thì nhất định ông ta sẽ biết rằng cuộc biểu tình ngày 10 tháng Sáu đã được

hoãn lại với sự thỏa thuận hoàn toàn của Lê-nin, hơn nữa trong một bài diễn văn dài tại phiên họp mà ai cũng biết của Ban chấp hành Pê-tơ-rô-gơ-rát (xem biên bản của Ban Chấp hành Pê-tơ-rô-gơ-rát[75]), Lê-nin đã nhấn mạnh là cần phải hoãn cuộc biểu tình đó.

Tơ-rốt-ski hoàn toàn không đúng, khi nói đến những sự bất đồng «bi thảm» trong nội bộ Trung ương nhân cuộc biểu tình vũ trang hồi tháng Bảy. Tơ-rốt-ski cho rằng một số ủy viên thuộc nhóm lãnh đạo trong Trung ương «đã bắt buộc phải coi sự kiện tháng Bảy là một cuộc phiêu lưu tai hại», — đó chỉ là một sự bịa đặt. Tơ-rốt-ski lúc đó vẫn chưa ở trong Trung ương đảng ta mà chỉ là một nghị sĩ xô-viết của chúng ta thôi, nên ông ta tất nhiên không biết được rằng Trung ương chỉ coi cuộc biểu tình tháng Bảy là một biện pháp thăm dò kẻ địch, Trung ương (và Lê-nin) không muốn và cũng không định biến cuộc biểu tình thành cuộc khởi nghĩa trong lúc các Xô-viết ở thủ đô vẫn còn ủng hộ bọn vệ quốc chủ nghĩa. Hoàn toàn có thể là trong những người bôn-sê-vích quả thật có người nào đó đã xụt xùi vì sự thất bại hồi tháng Bảy. Thí dụ tôi biết trong số những người bôn-sê-vích bị bắt lúc bấy giờ, có người thậm chí đã sẵn sàng từ bỏ hàng ngũ chúng ta. Nhưng từ đấy mà kết luận chống lại một số người mà ta gọi là «cánh hữu», gọi là ủy viên Trung ương, — thì như thế là bóp méo lịch sử một cách trắng trợn.

Tơ-rốt-ski không đúng khi tuyên bố rằng trong những ngày Coóc-ni-lốp nổi loạn thì một bộ phận lớp trên trong đảng đã biểu lộ có xu hướng muốn liên minh với phái vệ quốc, muốn ủng hộ Chính phủ lâm thời. Tất nhiên đây là người ta muốn nói đến chính những người được gọi là «cánh hữu» là những người làm cho Tơ-rốt-ski không ngủ được. Tơ-rốt-ski không đúng, vì trên thực tế, có những tài liệu, như Cơ quan ngôn luận trung ương lúc đó của đảng, đã bác những lời tuyên bố của Tơ-rốt-ski. Tơ-rốt-ski viện dẫn bức thư của

Lê-nin gửi Trung ương, trong đó Lê-nin ngăn ngừa trước việc ủng hộ Kê-ren-ski. Nhưng Tơ-rốt-ski không hiểu những bức thư của Lê-nin, ý nghĩa của những bức thư ấy, mục đích của những bức thư ấy. Trong những bức thư của mình, đôi khi Lê-nin chú ý đi trước vấn đề, đưa lên hàng đầu những sai lầm có thể mắc phải, và phê phán trước những sai lầm đó, nhằm mục đích đề phòng cho đảng và đảm bảo cho đảng khỏi mắc những sai lầm ấy, hoặc đôi khi cũng nhằm mục đích giáo dục ấy mà khuếch đại «việc nhỏ» và «biến ruồi thành voi». Người lãnh tụ của đảng — đặc biệt nếu lãnh tụ ấy phải hoạt động bí mật — không thể làm khác thế được, vì người lãnh tụ phải biết nhìn xa hơn những người bạn chiến đấu của mình và có nhiệm vụ báo động về mỗi một sai lầm có thể xảy ra, thậm chí cả về «những việc nhỏ». Nhưng nếu qua những bức thư ấy của Lê-nin (những bức thư như thế của Lê-nin không phải là ít) mà kết luận là có những sự bất đồng «bi thảm» và nhân đó mà la ó lên, — thì như thế có nghĩa là không hiểu những bức thư của Lê-nin, không hiểu Lê-nin. Chắc rằng đó là nguyên nhân làm cho Tơ-rốt-ski đôi khi phạm phải sai lầm lớn. Tóm lại, trong những ngày Coóc-ni-lốp nổi loạn thì trong Trung ương hoàn toàn không xảy ra sự bất đồng nào cả.

Sau cuộc thất bại tháng Bảy, giữa Ban Chấp hành trung ương và Lê-nin quả thật đã xảy ra sự bất đồng trong vấn đề về vận mệnh của các xô-viết. Mọi người đều biết rằng vì muốn tập trung sự chú ý của đảng vào việc chuẩn bị khởi nghĩa bên ngoài các Xô-viết, nên Lê-nin đã ngăn ngừa trước việc say mê các Xô-viết, vì Lê-nin cho rằng các Xô-viết do bị bọn vệ quốc chủ nghĩa làm nhơ bẩn, nên đã trở thành những tổ chức vô ích. Trung ương và đại hội VI của đảng đã đưa ra một đường lối thận trọng hơn, và quyết định rằng không có căn cứ để cho rằng các Xô-viết không thể hoạt động lại. Cuộc nổi loạn của Coóc-ni-lốp đã chứng tỏ rằng

quyết nghị ấy là đúng. Nhưng sự bất đồng ấy không có ảnh hưởng lớn đối với đảng. Sau này Lê-nin đã thừa nhận rằng đường lối của đại hội VI là đúng. Đáng chú ý là Tơ-rốt-ski không bám lấy sự bất đồng ấy và không thổi phồng nó lên đến những mức độ «khủng khiếp».

Tình hình của đảng ta vào thời kỳ này là: đảng là một khối thống nhất, đoàn kết và là trung tâm động viên cách mạng đối với quần chúng.

3. *Thời kỳ tổ chức cuộc tấn công (tháng Chín - tháng Mười.)* Những sự kiện chủ yếu của thời kỳ này là:

a) hội nghị dân chủ được triệu tập, và sự thất bại của chủ trương liên minh với bọn dân chủ - lập hiến;

b) các Xô-viết Mạc-tư-khoa và Pê-tơ-rô-gơ-rát chuyển sang phía những người bôn-sê-vích;

c) đại hội các Xô-viết thuộc các tỉnh miền Bắc[76] và quyết nghị của Xô-viết Pê-tơ-rô-gơ-rát phản đối việc rút quân;

d) quyết nghị của Ban Chấp hành trung ương về khởi nghĩa và việc thành lập Ủy ban quân sự - cách mạng của Xô-viết Pê-tơ-rô-gơ-rát;

đ) đơn vị bảo vệ Pê-tơ-rô-gơ-rát quyết định ủng hộ Xô-viết Pê-tơ-rô-gơ-rát bằng vũ trang, thành lập hệ thống chính ủy thuộc Ủy ban quân sự - cách mạng;

e) các lực lượng vũ trang bôn-sê-vích nổi dậy, các ủy viên chính phủ lâm thời bị bắt;

g) Ủy ban quân sự - cách mạng thuộc Xô-viết Pê-tơ-rô-gơ-rát nắm chính quyền, đại hội II các Xô-viết thành lập hội đồng dân ủy.

Đặc điểm của thời kỳ này là cuộc khủng hoảng phát triển nhanh chóng, các giới cầm quyền hoàn toàn hoang mang, phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng và men-sê-vích bị cô lập, hàng loạt những phần tử dao động đã chạy sang phía bôn-sê-vích. Cần nêu lên một nét đặc biệt độc đáo trong sách

lược của cách mạng trong thời kỳ ấy, là mỗi một hoặc hầu như mỗi một bước tiến công của cách mạng đều được cố gắng tiến hành dưới hình thức phòng ngự. Không nghi ngờ gì nữa, việc từ chối không rút quân ra khỏi Pê-tơ-rô-gơ-rát là một bước tiến công quan trọng của cách mạng, tuy vậy sự tiến công ấy đã được tiến hành dưới khẩu hiệu bảo vệ Pê-tơ-rô-gơ-rát trước sự tấn công có thể xảy ra của kẻ thù bên ngoài. Không nghi ngờ gì cả, việc thành lập Ủy ban quân sự - cách mạng là bước tiến công quan trọng hơn nữa vào chính phủ lâm thời, tuy vậy việc đó cũng được tiến hành dưới khẩu hiệu là tổ chức sự kiểm soát của xô-viết đối với các hoạt động của bộ tham mưu quân khu. Không nghi ngờ gì nữa, việc đơn vị bảo vệ Pê-tơ-rô-gơ-rát công khai chuyển sang theo Ủy ban quân sự-cách mạng và việc tổ chức một mạng lưới các chính ủy xô-viết đã đánh dấu bước đầu của cuộc khởi nghĩa, tuy vậy những bước đó đã được cách mạng tiến hành dưới khẩu hiệu bảo vệ Xô-viết Pê-tơ-rô-gơ-rát trước những hành động phản cách mạng có thể xảy ra. Cách mạng dường như ngụy trang những hành động tiến công của mình bằng cái vỏ phòng ngự nhằm mục đích làm cho việc lôi kéo những phần tử không kiên quyết, dao động vào quĩ đạo của cách mạng được dễ dàng hơn. Chắc rằng đấy là nguyên nhân làm cho ta thấy có tính chất phòng ngự bề ngoài trong những bài diễn văn, các bài báo và các khẩu hiệu trong thời kỳ ấy, tuy những bài đó đều mang tính chất tiến công sâu sắc, nếu xét về nội dung bên trong của những bài ấy.

Trong thời kỳ ấy giữa nội bộ Ban Chấp hành trung ương có những sự bất đồng không? Có, mà những sự bất đồng ấy rất lớn. Tôi đã nói đến những sự bất đồng trong vấn đề khởi nghĩa. Những sự bất đồng ấy đã được phản ánh đầy đủ trong các biên bản của Trung ương ngày 10 và 16 tháng Mười. Do đó tôi sẽ không nhắc lại những gì trước đây đã nói rồi. Bây giờ cần nói đến ba vấn đề: việc tham gia Tiền

nghị viện, vai trò của các Xô-viết trong cuộc khởi nghĩa và thời gian khởi nghĩa. Càng phải nói đến những vấn đề này, vì trong cuồng vọng muốn đưa mình lên địa vị có tiếng tăm mà Tơ-rốt-ski «vô tình» đã xuyên tạc lập trường của Lê-nin trong hai vấn đề sau cùng đã kể trên.

Không nghi ngờ gì nữa, những sự bất đồng trong vấn đề Tiền nghị viện là có tính chất nghiêm trọng. Cái có thể nói là mục đích của Tiền nghị viện là gì? Là giúp cho giai cấp tư sản đẩy các Xô-viết xuống địa vị thứ yếu, và đặt cơ sở của chế độ đại nghị tư sản. Trong tình hình cách mạng lúc bấy giờ thì Tiền nghị viện có khả năng hoàn thành nhiệm vụ này không, — đó lại là vấn đề khác. Các sự kiện đã cho ta thấy rằng mục đích đó không thể thực hiện được, còn bản thân cái Tiền nghị viện thì là đứa con đẻ non của thời kỳ Coóc-ni-lốp. Nhưng rõ ràng là những người men-sê-vích và xã hội chủ nghĩa cách mạng chính đã theo đuổi mục đích này, khi họ lập ra Tiền nghị viện. Trong điều kiện ấy, sự tham gia của những người bôn-sê-vích vào Tiền nghị viện có thể có ý nghĩa gì? Điều đó chỉ có nghĩa là làm cho quần chúng vô sản bị lạc hướng không thấy bộ mặt thật của Tiền nghị viện. Đó là lý do chủ yếu giải thích việc Lê-nin, trong thư của mình, đả kích kịch liệt những người chủ trương tham gia Tiền nghị viện. Không nghi ngờ gì cả, sự tham gia Tiền nghị viện là một sai lầm nghiêm trọng.

Nhưng sẽ là một sai lầm nếu cho — như Tơ-rốt-ski — rằng những người chủ trương tham gia Tiền nghị viện đã vào Tiền nghị viện với mục đích tiến hành công tác có tính chất xây dựng, với mục đích «đưa phong trào công nhân» «vào đường lối xã hội - dân chủ». Điều này hoàn toàn sai, không đúng sự thật. Nếu điều đó là đúng, thì đảng đã không thể «chớp nhoáng» sửa chữa được sai lầm ấy bằng cách công khai bỏ không tham gia Tiền nghị viện nữa. Sức sống và uy lực cách mạng của đảng ta chính là ở chỗ đảng đã sửa sai lầm ấy một cách chớp nhoáng.

Sau nữa, tôi xin phép sửa một điều không chính xác nhỏ đã len vào trong lời nói của Len-txơ-néc người «xuất bản» những tác phẩm của Tơ-rốt-ski, về phiên họp của đảng đoàn bôn-sê-vích, phiên họp đã giải quyết vấn đề Tiền nghị viện. Len-txơ-néc nói rằng tại hội nghị này có hai báo cáo viên: Ca-mê-nép và Tơ-rốt-ski. Điều đó không đúng. Trên thực tế có bốn báo cáo viên: hai người tán thành tẩy chay Tiền nghị viện (Tơ-rốt-ski và Sta-lin) và hai người tán thành tham gia (Ca-mê-nép và Nô-ghin).

Tơ-rốt-ski càng dở hơn nữa khi ông ta nói về lập trường của Lê-nin trong vấn đề hình thức khởi nghĩa. Tơ-rốt-ski nói là theo Lê-nin thì hồi tháng Mười đảng phải nắm lấy chính quyền « không phụ thuộc vào Xô-viết và không cho Xô-viết biết». Về sau, khi phê phán cái điều vô nghĩa đã gán cho Lê-nin như thế, Tơ-rốt-ski đã tỏ ra «hí hửng» và cuối cùng đưa ra một câu đầy vẻ khoan dung: «Nếu thế sẽ là sai lầm». Ở đây Tơ-rốt-ski nói không đúng về Lê-nin, ông ta đã xuyên tạc quan điểm của Lê-nin về vai trò của các xô-viết trong cuộc khởi nghĩa. Có thể dẫn chứng rất nhiều tài liệu chứng tỏ rằng Lê-nin đề nghị cướp chính quyền *thông qua* các Xô-viết Pê-tơ-rô-gơ-rát hay Mạc-tư-khoa, chứ không phải *không cho* các xô-viết đó biết. Nhằm mục đích gì mà Tơ-rốt-ski lại cần đưa ra câu chuyện hoang đường quá lạ lùng này về Lê-nin?

Tơ-rốt-ski cũng chẳng hay hơn gì, khi ông ta «phân tích» lập trường của Trung ương và của Lê-nin về vấn đề thời gian khởi nghĩa. Khi nói đến phiên họp nổi tiếng của Trung ương ngày 10 tháng Mười, Tơ-rốt-ski khẳng định rằng, phiên họp này « đã thông qua một nghị quyết nói rằng cuộc khởi nghĩa phải nổ ra chậm nhất là vào ngày 15 tháng Mười». Thế ra Trung ương định ngày khởi nghĩa là 15 tháng Mười, rồi sau đó tự mình lại vi phạm nghị quyết ấy và hoãn ngày khởi nghĩa đến 25 tháng Mười. Điều đó có đúng không? Không, không đúng. Trong thời kỳ ấy Trung ương chỉ thông qua tất cả có

hai nghị quyết về khởi nghĩa thôi: nghị quyết ngày 10 và ngày 16 tháng Mười. Chúng ta hãy nghe những nghị quyết này.

Nghị quyết của Trung ương ra ngày 10 tháng Mười:

«Trung ương thừa nhận rằng tình hình quốc tế của cách mạng Nga (cuộc khởi nghĩa của hạm đội Đức, đó là sự biểu hiện cao nhất cho ta thấy rằng trong toàn châu Âu cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa toàn thế giới đang dâng lên, và mối nguy cơ là bọn đế quốc có thể ký hòa ước* để bóp chết cách mạng ở Nga) cũng như tình hình quân sự (giai cấp tư sản Nga và Kê-ren-ski cùng đồng bọn nhất định sẽ quyết định trao Pê-téc-bua cho quân Đức), cũng như đảng vô sản đã giành được đa số trong các Xô-viết, tất cả những sự kiện ấy cùng với cuộc nổi dậy của nông dân và việc nhân dân chuyển sang tín nhiệm đảng ta (như trong kỳ bầu cử ở Mạc-tư-khoa); và cuối cùng sự chuẩn bị rõ ràng một cuộc Coóc-ni-lốp thứ hai (việc rút quân ra khỏi Pê-téc-bua, đưa lính cô-dắc đến gần Pê-téc-bua, đưa lính cô-dắc bao vây thành phố Min-scơ, v.v.), – tất cả những sự việc ấy đã đưa vấn đề khởi nghĩa vũ trang lên hàng đầu.

Do đó, thừa nhận cuộc vũ trang khởi nghĩa là không tránh khỏi và đã hoàn toàn chín muồi, nên Trung ương đề nghị tất cả các đảng bộ căn cứ vào đấy và xuất phát từ quan điểm ấy mà thảo luận và giải quyết tất cả những vấn đề thực tiễn (vấn đề đại hội các Xô-viết thuộc các tỉnh miền Bắc, vấn đề rút quân ra khỏi Pê-téc-bua, những cuộc nổi dậy ở Mạc-tư-khoa và ở Min-scơ, v.v.)»[77].

Nghị quyết của cuộc hội nghị của Ban Chấp hành trung ương có các cán bộ có trách nhiệm tham gia, ngày 16 tháng Mười:

«Hội nghị hoàn toàn hoan nghênh và hoàn toàn ủng hộ bản nghị quyết của Trung ương, kêu gọi tất cả các tổ chức và tất cả công nhân cùng binh lính hãy chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa một cách hết sức toàn diện và hết sức kiên quyết, hãy ủng hộ tổng bộ do Ban Chấp hành trung ương thành lập nhằm mục đích ấy; và hội nghị hoàn toàn tin chắc rằng Trung ương và Xô-viết sẽ kịp thời chỉ ra thời cơ thuận lợi và những phương pháp hợp lý để tấn công»[78].

---

* Đây hẳn là: «hòa ước riêng rẽ». *J. Sta-lin.*

Các đồng chí thấy đấy, Tơ-rốt-ski quên mất ngày khởi nghĩa và quên những nghị quyết của Trung ương về khởi nghĩa.

Tơ-rốt-ski hoàn toàn sai khi khẳng định rằng Lê-nin không đánh giá hết tầm quan trọng của việc các Xô-viết được hoạt động công khai, rằng Lê-nin không hiểu ý nghĩa quan trọng của việc đề đại hội các Xô-viết toàn Nga nắm chính quyền vào ngày 25 tháng Mười, và cho rằng chính vì thế mà Lê-nin đòi cướp chính quyền vào trước ngày 25 tháng Mười. Điều đó không đúng. Lê-nin đề nghị cướp chính quyền trước ngày 25 tháng Mười vì hai lý do. Thứ nhất, vì bọn phản cách mạng có thể trao thành phố Pê-tơ-rô-gơ-rát vào bất kỳ lúc nào, như vậy thì cuộc khởi nghĩa mới phát triển sẽ phải đổ máu nhiều, do đó phải quý từng ngày. Thứ hai, vì sai lầm của Xô-viết Pê-tơ-rô-gơ-rát — đã *công khai* ấn định và công bố ngày khởi nghĩa (25 tháng Mười) — không thể sửa bằng cách nào khác hơn là thực tế tiến hành khởi nghĩa *trước* thời hạn công khai. Vấn đề là ở chỗ Lê-nin xem khởi nghĩa là một nghệ thuật và Người không thể không biết rằng kẻ địch một khi đã biết (do sự không thận trọng của Xô-viết Pê-tơ-rô-gơ-rát) ngày khởi nghĩa thì nhất định nó sẽ cố gắng chuẩn bị chờ ngày đó, do đó cần phải hành động trước kẻ địch, nghĩa là phải tiến hành khởi nghĩa *trước* thời hạn công khai. Đó là lý do chủ yếu để giải thích việc Lê-nin trong những bức thư của mình đã hăng hái đả kích những kẻ đã sùng bái việc định ngày 25 tháng Mười. Sự việc đã chứng minh rằng Lê-nin hoàn toàn đúng. Mọi người đều biết rằng cuộc khởi nghĩa đã nổ ra trước khi họp đại hội các Xô-viết toàn Nga. Mọi người đều biết rằng việc giành chính quyền thực tế đã được tiến hành trước khi khai mạc đại hội các Xô-viết toàn Nga, và không phải do đại hội các Xô-viết tiến hành, mà là do Xô-viết Pê-tơ-rô-gơ-rát và Ủy ban quân sự - cách mạng tiến hành. Đại hội các Xô-viết chỉ *nhận* chính quyền từ tay Xô-viết Pê-tơ-rô-gơ-rát. Đó là

lý do tại sao những lập luận dài dòng của Tơ-rốt-ski về ý nghĩa của hoạt động hợp pháp của các xô-viết, là hoàn toàn thừa.

Trong thời kỳ ấy đảng ta là một đảng đầy sức sống và hùng mạnh, đứng đầu quần chúng cách mạng đang tấn công và lật đổ chính quyền tư sản.

Vấn đề những chuyện hoang đường về việc chuẩn bị cuộc cách mạng tháng Mười, là như thế đấy.

III

CHỦ NGHĨA TƠ-RỐT-SKI HAY LÀ CHỦ NGHĨA LÊ-NIN?

Trên kia, chúng ta đã nói về những chuyện hoang đường chống đảng và những chuyện hoang đường về Lê-nin mà Tơ-rốt-ski và đồng lõa đã tung ra nhân cuộc cách mạng tháng Mười và nhân việc chuẩn bị cuộc cách mạng đó. Chúng ta đã vạch trần và bác bỏ những chuyện hoang đường đó. Nhưng vấn đề đặt ra như sau: nhằm mục đích gì mà Tơ-rốt-ski lại cần đến tất cả những chuyện hoang đường đó về Cách mạng tháng Mười và về việc chuẩn bị Cách mạng tháng Mười, về Lê-nin và về đảng của Lê-nin? Nhằm mục đích gì mà Tơ-rốt-ski lại cần đưa ra những bài phát biểu mới trên sách báo để chống lại đảng? Hiện nay, khi đảng chưa muốn tiến hành tranh luận, khi đảng đang có rất nhiều nhiệm vụ cấp bách không thể trì hoãn được, khi đảng đang cần tiến hành một cách đoàn kết nhất trí công tác khôi phục kinh tế, chứ không cần tiến hành một cuộc đấu tranh mới về các vấn đề cũ, thì dụng ý, nhiệm vụ và mục đích của những bài phát biểu đó là gì? Nhằm mục đích gì mà Tơ-rốt-ski lại cần kéo đảng trở lại những cuộc tranh luận mới.

Tơ-rốt-ski đoán chắc rằng tất cả những điều đó là cần thiết cho việc «nghiên cứu» Cách mạng tháng Mười. Nhưng chẳng lẽ nếu không đá hậu cuộc Cách mạng tháng Mười và vị lãnh tụ của nó là Lê-nin, thì không thể nghiên cứu cuộc Cách mạng tháng Mười được sao? «Lịch sử» cuộc Cách mạng tháng Mười, cuộc cách mạng đã bắt đầu và kết thúc bằng cách làm mất uy tín của nhà hoạt động chủ yếu của cuộc khởi nghĩa tháng Mười, bằng cách làm mất uy tín của đảng đã tổ chức và tiến hành cuộc khởi nghĩa đó, «lịch sử» cuộc cách mạng đó là thế nào? Không, vấn đề ở đây không phải là nghiên cứu cuộc Cách mạng tháng Mười. Người ta không nghiên cứu cuộc Cách mạng tháng Mười *như vậy*. Người ta cũng không viết lịch sử cuộc Cách mạng tháng Mười *như vậy*. Hiển nhiên là ở đây có «dụng tâm» khác. Mà căn cứ theo tất cả các tài liệu thì cái «dụng tâm» đó như sau: trong các bài phát biểu trên sách báo, Tơ-rốt-ski còn có một (còn có một!) mưu toan nữa là chuẩn bị điều kiện nhằm lấy chủ nghĩa Tơ-rốt-ski thay thế cho chủ nghĩa Lê-nin. Sở dĩ Tơ-rốt-ski «bức thiết» cần phải làm mất uy tín của đảng và của các cán bộ đảng tiến hành khởi nghĩa, là để từ chỗ làm mất uy tín của đảng chuyển sang làm mất uy tín của chủ nghĩa Lê-nin. Cần thiết phải làm mất uy tín của chủ nghĩa Lê-nin để luồn chủ nghĩa Tơ-rốt-ski vào, coi đó là một tư tưởng «duy nhất», «vô sản» (xin chớ đùa!). Tất cả những cái đó, đương nhiên (ồ, đương nhiên!) là dưới ngọn cờ của chủ nghĩa Lê-nin, để cho trình tự luồn vào đó được thực hiện «một cách cực kỳ êm ả».

Thực chất của những bài phát biểu gần đây trên sách báo của Tơ-rốt-ski là ở đấy.

Cho nên những bài phát biểu trên sách báo đó của Tơ-rốt-ski đã nêu thẳng vấn đề về chủ nghĩa Tơ-rốt-ski.

Vậy chủ nghĩa Tơ-rốt-ski là gì?

Chủ nghĩa Tơ-rốt-ski có ba đặc điểm làm cho giữa chủ nghĩa Tơ-rốt-ski và chủ nghĩa Lê-nin phát sinh một mối mâu thuẫn không thể điều hòa được.

Đó là những đặc điểm gì?

Thứ nhất. Chủ nghĩa Tơ-rốt-ski là lý luận cách mạng « thường trực » (cách mạng liên tục). Theo quan niệm của chủ nghĩa Tơ-rốt-ski thì cách mạng thường trực là gì? Đó là một cuộc cách mạng không coi nông dân sức lực non yếu là lực lượng cách mạng. Như Lê-nin đã nói, cách mạng «thường trực» của Tơ-rốt-ski là «bước nhảy qua» phong trào nông dân, là «trò chơi cướp chính quyền». Sự nguy hiểm của nó là ở chỗ nào? Ở chỗ, nếu mưu toan thực hiện cuộc cách mạng đó, thì kết quả sẽ là một sự phá sản không sao tránh khỏi, vì cuộc cách mạng đó sẽ làm cho người đồng minh của giai cấp vô sản Nga tức là những nông dân sức lực non yếu, tách ra khỏi giai cấp vô sản Nga. Chính điều đó giải thích tại sao chủ nghĩa Lê-nin đã tiến hành đấu tranh chống chủ nghĩa Tơ-rốt-ski ngay từ năm 1905.

Đứng trên giác độ cuộc đấu tranh đó mà nói, Tơ-rốt-ski đánh giá chủ nghĩa Lê-nin thế nào? Ông ta coi chủ nghĩa Lê-nin là lý luận có «những đặc điểm phản cách mạng». Căn cứ của lời nhận xét nghiêm khắc đó về chủ nghĩa Lê-nin là ở chỗ nào? Căn cứ đó là: trước đây chủ nghĩa Lê-nin đã bảo vệ và đã bảo vệ được tư tưởng chuyên chính của giai cấp vô sản và của *nông dân*.

Nhưng Tơ-rốt-ski không phải chỉ có những lời nhận xét nghiêm khắc đó. Ông ta còn đi xa hơn nữa và khẳng định rằng: «Hiện nay, tòa lâu đài của chủ nghĩa Lê-nin được xây dựng trên sự dối trá và sự xuyên tạc, và mang trong nó cái nọc độc làm mục nát bản thân» (xem thư của Tơ-rốt-ski gửi Tsơ-khê-ít-dê năm 1913). Các đồng chí thấy đó, trước mắt chúng ta là hai con đường đối lập nhau.

Thứ hai. Chủ nghĩa Tơ-rốt-ski không tin tưởng vào tính đảng bôn-sê-vích, vào sự đoàn kết nhất trí bôn-sê-vích, vào lòng căm thù của đảng bôn-sê-vích đối với những phần tử cơ hội chủ nghĩa. Về phương diện tổ chức, chủ nghĩa Tơ-rốt-ski là lý luận chủ trương chung sống giữa những người cách mạng và những người cơ hội chủ nghĩa, giữa các nhóm lớn và nhóm nhỏ của họ trong lòng một đảng duy nhất. Có thể là các đồng chí đều biết lịch sử khối liên minh tháng Tám của Tơ-rốt-ski trong đó phái Mác-tốp và phái triệu hồi, phái thủ tiêu và phái Tơ-rốt-ski đã hợp tác với nhau một cách yên ổn, họ tự tô vẽ thành một đảng «chân chính». Mọi người đều biết rằng cái « đảng » chắp vá đó đã theo đuổi mục đích là phá hoại đảng bôn-sê-vích. Khi đó «những ý kiến bất đồng của chúng ta» là ở chỗ nào? Ở chỗ chủ nghĩa Lê-nin cho rằng sự phá hoại của khối liên minh tháng Tám là điều đảm bảo cho đảng vô sản phát triển, còn chủ nghĩa Tơ-rốt-ski thì lại coi khối đó là cơ sở để thành lập một đảng «chân chính».

Như các đồng chí đều thấy, đó cũng là hai con đường đối lập nhau.

Thứ ba. Chủ nghĩa Tơ-rốt-ski không tin tưởng vào các lãnh tụ của chủ nghĩa bôn-sê-vích, mưu toan làm cho họ mất thanh danh, mất uy tín. Tôi không biết một trào lưu nào trong đảng có thể sánh với chủ nghĩa Tơ-rốt-ski trong việc làm mất thanh danh các lãnh tụ của chủ nghĩa Lê-nin hoặc các cơ quan trung ương của đảng. Chẳng hạn, lời nhận xét «lịch sự» của Tơ-rốt-ski về Lê-nin nhận định Lê-nin là «một con người chuyên lợi dụng mọi tình trạng lạc hậu trong phong trào công nhân Nga» (xem *như trên*), — lời nhận xét «lịch sự» ấy có giá trị gì. Đó hoàn toàn không phải là lời nhận xét «lịch sự» nhất trong tất cả các lời nhận xét «lịch sự» hiện có của Tơ-rốt-ski đâu.

Làm sao mà Tơ-rốt-ski, tuy mang nặng trong lòng một nỗi bực dọc, lại vẫn đứng trong hàng ngũ những người bôn-sê-vích trong thời kỳ phong trào tháng Mười? Sở dĩ như vậy là

vì khi đó Tơ-rốt-ski đã trút bỏ (trút bỏ thực sự) nỗi bực dọc của mình và giấu kín nó đi. Không có «hành động» đó, thì sẽ không thể có sự hợp tác thật sự với Tơ-rốt-ski. Lý luận của khối liên minh tháng Tám, tức lý luận chủ trương thống nhất với phái men-sê-vích, đã bị đập tan và vứt bỏ ra khỏi cuộc cách mạng, vì khi đã có cuộc đấu tranh vũ trang giữa những người bôn-sê-vích và những người men-sê-vích thì còn có thể nói đến một sự thống nhất nào được nữa? Tơ-rốt-ski chỉ còn có việc thừa nhận rằng lý luận đó là vô dụng.

Lý luận cách mạng thường trực cũng «gặp phải» chuyện bực mình như thế, vì không một ai trong những người bôn-sê-vích lại không nghĩ đến việc lập tức giành ngay lấy chính quyền vào ngày hôm sau cuộc cách mạng tháng Hai, hơn nữa Tơ-rốt-ski không thể không biết rằng những người bôn-sê-vích không để cho ông — nói theo chữ của Lê-nin — « chơi trò cướp chính quyền». Tơ-rốt-ski chỉ còn có việc thừa nhận chính sách của những người bôn-sê-vích về đấu tranh giành ảnh hưởng trong các Xô-viết, về đấu tranh để tranh thủ nông dân. Về đặc điểm thứ ba của chủ nghĩa Tơ-rốt-ski (không tin tưởng vào các lãnh tụ bôn-sê-vích), thì tất nhiên phải gạt nó xuống hàng thứ yếu, vì hai đặc điểm đầu tiên rõ ràng đã bị thất bại.

Tơ-rốt-ski không có một tập đoàn ra hồn đôi chút và ông ta đến với những người bôn-sê-vích với tư cách là một nhà chính trị đơn độc không có quân đội; trong tình hình như vậy, liệu Tơ-rốt-ski có thể không giấu kín nỗi bực dọc của ông và không đi theo những người bôn-sê-vích được không? Đương nhiên là không thể được!

Từ đó rút ra được bài học gì? Chỉ có một bài học: chỉ trong điều kiện Tơ-rốt-ski hoàn toàn trút bỏ nỗi bực dọc cũ và hoàn toàn tán thành chủ nghĩa Lê-nin, thì mới có thể có sự hợp tác lâu dài giữa những người theo chủ nghĩa Lê-nin với Tơ-rốt-ski. Tơ-rốt-ski viết về những bài học của Cách mạng tháng Mười, nhưng ông ta quên rằng ngoài tất cả những bài học

khác ra, còn có một bài học Cách mạng tháng Mười mà tôi vừa kể đến, và bài học đó có một ý nghĩa hàng đầu đối với chủ nghĩa Tơ-rốt-ski. Chủ nghĩa Tơ-rốt-ski cũng nên tính đến cả bài học cách mạng tháng Mười đó.

Nhưng, như người ta đã thấy, bài học đó không có ích gì cho chủ nghĩa Tơ-rốt-ski. Vấn đề là ở chỗ: những món hàng cũ của chủ nghĩa Tơ-rốt-ski, đã được giấu kín trong những ngày phong trào tháng Mười, hiện nay lại được người ta đưa ra hòng đem tiêu thụ, — may thay, thị trường của chúng ta đang được mở rộng. Không nghi ngờ gì cả, trong những bài phát biểu mới của Tơ-rốt-ski trên sách báo, chúng ta thấy có mưu toan muốn trở lại với chủ nghĩa Tơ-rốt-ski, «khắc phục» chủ nghĩa Lê-nin, đưa luồn vào, và truyền bá tất cả những đặc điểm của chủ nghĩa Tơ-rốt-ski. Chủ nghĩa Tơ-rốt-ski mới không phải là sự lặp lại đơn giản chủ nghĩa Tơ-rốt-ski cũ, nó đã bị vặt lông và suy nhược khá nhiều, so với chủ nghĩa Tơ-rốt-ski cũ nó đã mềm dẻo hơn nhiều về mặt tinh thần và ôn hòa hơn nhiều về mặt hình thức, nhưng thật ra, không nghi ngờ gì cả, nó bảo vệ tất cả những đặc điểm của chủ nghĩa Tơ-rốt-ski cũ. Chủ nghĩa Tơ-rốt-ski mới không dám chống lại chủ nghĩa Lê-nin với tính cách là một lực lượng hiếu chiến, nó thích hành động dưới lá cờ chung của chủ nghĩa Lê-nin và hoạt động dưới khẩu hiệu giải thích và cải thiện chủ nghĩa Lê-nin. Đó là vì nó yếu. Không thể coi việc chủ nghĩa Tơ-rốt-ski mới xuất hiện cùng với lúc Lê-nin mất, là một sự ngẫu nhiên. Khi Lê-nin còn sống, chủ nghĩa Tơ-rốt-ski mới không dám có cái bước mạo hiểm đó.

Những đặc điểm của chủ nghĩa Tơ-rốt-ski mới là gì?

1. *Về vấn đề cách mạng « thường trực »*. Chủ nghĩa Tơ-rốt-ski mới không cho là cần phải công khai bảo vệ lý luận cách mạng «thường trực». Nó «chỉ» xác định rằng Cách mạng tháng Mười đã hoàn toàn chứng thực tư tưởng cách mạng «thường trực». Do đó, nó rút ra kết luận sau đây: trong chủ

nghĩa Lê-nin cái gì có sau chiến tranh, trong thời kỳ cách mạng tháng Mười, là cái quan trọng và có thể chấp nhận được, và ngược lại, trong chủ nghĩa Lê-nin cái gì có trước chiến tranh, trước Cách mạng tháng Mười, đều là không đúng và không thể chấp nhận được. Do đó mà có lý luận của phái Tơ-rốt-ski cắt chủ nghĩa Lê-nin ra thành hai bộ phận: một bộ phận là chủ nghĩa Lê-nin trước chiến tranh, chủ nghĩa Lê-nin «cũ», «vô dụng», có tư tưởng chuyên chính của giai cấp vô sản và nông dân; và một bộ phận là chủ nghĩa Lê-nin mới, sau chiến tranh, trong thời kỳ Cách mạng tháng Mười, mà phái Tơ-rốt-ski hy vọng làm cho thích ứng với những yêu cầu của chủ nghĩa Tơ-rốt-ski. Chủ nghĩa Tơ-rốt-ski cần có cái lý luận phân cắt chủ nghĩa Lê-nin đó, coi đó là bước đầu tiên, ít nhiều «có thể chấp nhận được», một bước cần thiết để tạo điều kiện cho chủ nghĩa Tơ-rốt-ski thực hiện được dễ dàng những bước tiếp theo trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa Lê-nin.

Nhưng chủ nghĩa Lê-nin không phải là lý luận chiết trung chủ nghĩa, do các thành phần muôn màu muôn vẻ kết lại và có thể phân cắt được. Chủ nghĩa Lê-nin là một lý luận hoàn chỉnh, ra đời năm 1903, đã từng được thử thách qua ba cuộc cách mạng và hiện nay đang tiến lên phía trước với tư cách là ngọn cờ chiến đấu của giai cấp vô sản toàn thế giới.

Lê-nin nói:

«Chủ nghĩa bôn-sê-vích, với tính cách là một trào lưu tư tưởng chính trị và một chính đảng, tồn tại từ năm 1903. Chỉ có lịch sử của chủ nghĩa bôn-sê-vích trong *suốt cả* thời kỳ tồn tại của chủ nghĩa đó mới có thể giải thích một cách thỏa đáng vì sao tạo ra được kỷ luật sắt cần thiết cho thắng lợi của giai cấp vô sản và giữ vững được kỷ luật đó trong những điều kiện khó khăn nhất» (xem tập XXV, tr. 174)*.

---

* Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 31, tr. 8. *(B.T.)*

Chủ nghĩa bôn-sê-vích và chủ nghĩa Lê-nin, thực chất chỉ là một. Đó là hai tên gọi của cùng một vật. Cho nên lý luận phân cắt chủ nghĩa Lê-nin thành hai bộ phận là lý luận phá hoại chủ nghĩa Lê-nin, là lý luận đem chủ nghĩa Tơ-rốt-ski thay thế cho chủ nghĩa Lê-nin.

Chẳng cần nói cũng thấy rằng đảng không thể dung được cái lý luận kỳ quái đó.

2. *Về vấn đề tính đảng.* Chủ nghĩa Tơ-rốt-ski cũ dùng cái lý luận (và thực tiễn) về sự thống nhất với phái men-sê-vích để phá hoại tính đảng bôn-sê-vích. Nhưng cái lý luận đó đã bị nhơ nhuốc đến nỗi hiện nay ngay cả việc nhắc đến cũng không ai muốn nữa. Để phá hoại tính đảng, chủ nghĩa Tơ-rốt-ski hiện thời đã nghĩ ra một lý luận mới, ít nhơ nhuốc hơn và hầu như «có tính chất dân chủ» là đem đối lập các cán bộ già với các đảng viên trẻ. Đối với chủ nghĩa Tơ-rốt-ski, thì đảng ta không có một lịch sử thống nhất và hoàn chỉnh. Chủ nghĩa Tơ-rốt-ski chia lịch sử đảng ta thành hai phần không có giá trị ngang nhau, phần lịch sử trước Cách mạng tháng Mười và phần lịch sử sau Cách mạng tháng Mười. Phần lịch sử của đảng trước Cách mạng tháng Mười thật ra không phải là lịch sử, mà là «tiền lịch sử», là thời kỳ chuẩn bị không quan trọng hay ít ra cũng là không quan trọng lắm của đảng ta. Còn phần lịch sử của đảng ta sau Cách mạng tháng Mười là lịch sử thật sự, chân chính. Thời kỳ trước là những cán bộ «già», «tiền lịch sử», không trọng yếu của đảng ta. Thời kỳ sau là một đảng mới, chân chính, «có lịch sử». Vị tất đã cần phải chứng minh rằng cái phương pháp độc đáo phân chia lịch sử đảng đó là phương pháp phá hoại sự thống nhất giữa những cán bộ mới và cũ của đảng ta, là phương pháp phá hoại tính đảng bôn-sê-vích.

Chẳng cần nói cũng thấy rằng đảng không thể dung được cái phương pháp kỳ quái đó.

3. *Về vấn đề các lãnh tụ của chủ nghĩa bôn-sê-vích*. Chủ nghĩa Tơ-rốt-ski cũ đã cố gắng một cách ít nhiều công khai làm mất uy tín của Lê-nin, không sợ hậu quả. Chủ nghĩa Tơ-rốt-ski mới hành động thận trọng hơn. Nó cố gắng làm cái công việc của chủ nghĩa Tơ-rốt-ski cũ dưới hình thức tán dương Lê-nin, dưới hình thức đề cao Lê-nin. Tôi nghĩ rằng cần phải dẫn ra vài thí dụ.

Đảng biết Lê-nin là một nhà cách mạng không khoan nhượng. Nhưng đảng cũng biết rằng Lê-nin là người thận trọng, không thích những người hành động quá trớn và luôn luôn cương quyết ngăn chặn những người say mê khủng bố, kể cả chính bản thân Tơ-rốt-ski. Tơ-rốt-ski đề cập đến vấn đề đó trong cuốn sách của ông ta: *Bàn về Lê-nin*. Nhưng qua sự nhận định của Tơ-rốt-ski, thì Lê-nin chỉ làm có một việc là «hễ gặp trường hợp thuận tiện thì lại đưa vào đó cái tư tưởng cho rằng thủ đoạn khủng bố là điều không thể tránh khỏi. Kết quả là gây ra ấn tượng cho rằng Lê-nin là một người khát máu nhất trong tất cả những người bôn-sê-vích khát máu.

Nhằm mục đích gì mà Tơ-rốt-ski lại cần thổi phồng lên một cách không cần thiết và không có căn cứ như thế.

Đảng biết Lê-nin là một đảng viên kiểu mẫu, không thích quyết định các vấn đề một mình không thông qua tập thể lãnh đạo, một cách đột nhiên, không nghiên cứu và kiểm tra cẩn thận. Trong cuốn sách của mình, Tơ-rốt-ski cũng đề cập đến mặt đó. Nhưng điều nói trong cuốn sách đó không phải là Lê-nin, mà là một vị quan lại Trung-quốc nào đó, quyết định theo linh tính các vấn đề quan trọng nhất trong một căn phòng làm việc tĩnh mịch.

Các đồng chí có muốn biết đảng ta đã quyết định vấn đề giải tán Quốc hội lập hiến như thế nào không? Hãy nghe Tơ-rốt-ski nói :

«Lê-nin nói: Đương nhiên cần giải tán Quốc hội lập hiến, nhưng thái độ của những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng cánh tả như thế nào?

Nhưng, ông già Na-tan-xon đã an ủi chúng ta rất nhiều. Ông ta đến «hội đàm» với chúng ta, và câu đầu tiên ông nói là:

— Thế là có lẽ đành phải dùng vũ lực để giải tán Quốc hội lập hiến.

Lê-nin thốt lên:

— Hoan nghênh! Cái gì đúng là đúng! Nhưng liệu những người của ông có tán thành như thế không?

Na-tan-xon trả lời:

— Chúng tôi có một số người dao động, nhưng tôi nghĩ rằng, rút cục lại, họ sẽ đồng ý».

Lịch sử được viết như vậy đấy.

Các đồng chí có muốn biết đảng ta đã quyết định vấn đề Hội đồng quân sự tối cao như thế nào không? Hãy nghe Tơ-rốt-ski nói:

«Mỗi lần sau khi đến dự bộ tham mưu về, tôi nói với Vơ-la-đi-mia I-li-tsơ: Không có những nhà quân sự chân chính và có kinh nghiệm thì chúng ta không thể thoát khỏi cái tình trạng hỗn loạn đó.

— Điều đó chắc là đúng. Nhưng biết đâu họ lại sẽ không phản bội...

— Ta phái một ủy viên chính trị đi với mỗi người trong bọn họ.

Lê-nin thốt lên:

— Mà có hai thì còn tốt hơn, nhưng phải là những tay cứng. Không thể nào chúng ta lại không có những đảng viên cộng sản cứng tay.

Cơ cấu của Hội đồng quân sự tối cao đã phát sinh ra như vậy đó».

Tơ-rốt-ski viết lịch sử như vậy đấy.

Tơ-rốt-ski cần những chuyện ả rập hoang đường đó có hại đến thanh danh của Lê-nin để làm gì? Chẳng lẽ để đề cao vị lãnh tụ của đảng là V. I. Lê-nin, hay sao? Không phải thế. Đảng biết Lê-nin là một người mác-xít vĩ đại nhất của thời đại chúng ta, một lý luận gia sâu sắc và một nhà cách mạng giầu kinh nghiệm nhất, một người hoàn toàn không có hình bóng gì của chủ nghĩa Bơ-lăng-ki. Trong cuốn sách của mình, Tơ-rốt-ski cũng đã đề cập đến phương diện đó. Nhưng, theo sự nhận định của ông ta thì ta thấy không phải Lê-nin - người khổng lồ, mà là một người theo chủ nghĩa Bơ-lặng-ki - bé nhỏ nào đấy đã khuyên đảng trong những ngày Cách mạng tháng Mười «tự tay mình giành lấy chính quyền, độc lập đối với Xô-viết và giấu không cho Xô-viết biết». Nhưng tôi đã nói rằng nhận định đó không phù hợp với tình hình thực tế chút nào cả.

Tơ-rốt-ski cần đến điều sai lầm... không thể tha thứ được đó, để làm gì? Chẳng phải là ở đấy có mưu toan làm mất uy tín của Lê-nin «một chút ít», hay sao?

Đó là những đặc điểm của chủ nghĩa Tơ-rốt-ski mới.

Nguy cơ của chủ nghĩa Tơ-rốt-ski mới là ở chỗ nào? Ở chỗ chủ nghĩa Tơ-rốt-ski, căn cứ theo toàn bộ nội dung của nó mà nói, có đủ khả năng trở thành điểm trung tâm và tập hợp của các phần tử phi vô sản cố gắng làm suy yếu và làm tan rã nền chuyên chính của giai cấp vô sản.

Các đồng chí sẽ hỏi: làm thế nào bây giờ? Do Tơ-rốt-ski lại có những bài phát biểu mới trên sách báo, nhiệm vụ trước mắt của đảng là gì?

Hiện nay chủ nghĩa Tơ-rốt-ski lên tiếng để làm mất uy tín của chủ nghĩa bôn-sê-vích và phá hoại cơ sở của nó. Nhiệm vụ của đảng là phải *chôn bỏ cái chủ nghĩa Tơ-rốt-ski, về mặt đó là một trào lưu tư tưởng.*

Người ta nói đến những sự khủng bố chống phái đối lập và nói đến khả năng phân liệt. Các đồng chí, đó là những chuyện không đáng kể. Đảng ta vững và mạnh. Đảng ta không cho phép có một sự phân liệt nào cả. Còn về những sự khủng bố, tôi cương quyết chống lại. Hiện nay, chúng ta không cần những sự khủng bố, mà cần phải mở rộng cuộc đấu tranh tư tưởng chống chủ nghĩa Tơ-rốt-ski đang được phục hồi.

Chúng ta không muốn và cũng không cố gắng tiến hành cuộc luận chiến trên sách báo đó. Chủ nghĩa Tơ-rốt-ski lại đưa ra những lời phát biểu chống chủ nghĩa Lê-nin để buộc chúng ta phải tiến hành luận chiến. Cũng được thôi, các đồng chí ạ, chúng ta đã sẵn sàng.

« Sự thật » số 269,
26 tháng Một 1924

CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI VÀ SÁCH LƯỢC CỦA NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN NGA

Tựa cuốn
« Trên con đường tiến tới cách mạng tháng Mười » [79]

I

HOÀN CẢNH BÊN NGOÀI VÀ BÊN TRONG CỦA CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI

Ba loại hoàn cảnh bên ngoài đã làm cho cách mạng vô sản ở Nga tương đối dễ dàng đi đến chỗ bẻ gẫy được xiềng xích của chủ nghĩa đế quốc và, do đó, lật đổ được chính quyền giai cấp tư sản.

Một là, Cách mạng tháng Mười đã bắt đầu trong thời kỳ đấu tranh ác liệt giữa hai tập đoàn đế quốc chủ nghĩa chủ yếu, — tập đoàn Anh - Pháp và tập đoàn Áo - Đức, — trong lúc mà hai tập đoàn ấy, đang bận đánh nhau chí tử, không có thì giờ và phương tiện để thực sự chú trọng đến việc đấu tranh chống lại Cách mạng tháng Mười. Hoàn cảnh đó có ý nghĩa rất lớn đối với Cách mạng tháng Mười, vì nó đã giúp cho Cách mạng tháng Mười lợi dụng được những sự xung đột gay gắt trong nội bộ chủ nghĩa đế quốc, để củng cố và tổ chức lực lượng của mình.

Hai là, Cách mạng tháng Mười đã bắt đầu trong quá trình của cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, lúc mà quần chúng

cần lao, khổ sở nhiều vì chiến tranh và khao khát hòa bình, đã được chính bản thân lô gích của sự vật đưa tới cách mạng vô sản tức là con đường duy nhất để thoát khỏi chiến tranh. Hoàn cảnh đó có ý nghĩa lớn lao nhất đối với Cách mạng tháng Mười, vì nó đặt vào tay Cách mạng tháng Mười công cụ hòa bình mạnh mẽ, nó giúp cho Cách mạng tháng Mười kết hợp được dễ dàng cuộc cách mạng xô-viết với việc thủ tiêu cuộc chiến tranh bỉ ổi, và do đó, tranh thủ được sự đồng tình của quần chúng, cả ở phương Tây, trong số những công nhân, lẫn ở phương Đông, trong số các dân tộc bị áp bức.

Ba là, sự tồn tại của một phong trào công nhân hùng mạnh ở châu Âu và tình trạng khủng hoảng cách mạng do cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa lâu dài sản sinh ra, đã chín muồi ở phương Tây và phương Đông. Hoàn cảnh đó có ý nghĩa vô giá đối với cách mạng Nga, vì nó đảm bảo cho cuộc cách mạng ấy có được những bạn đồng minh trung thành ở bên ngoài nước Nga, trong cuộc đấu tranh của cuộc cách mạng ấy chống chủ nghĩa đế quốc thế giới.

Nhưng ngoài những hoàn cảnh bên ngoài ra, Cách mạng tháng Mười còn có hàng loạt điều kiện thuận lợi bên trong khiến cho nó dễ giành được thắng lợi.

Trong số những điều kiện đó, cần phải coi những điều kiện sau đây là chủ yếu:

Một là, về phần mình, Cách mạng tháng Mười được sự ủng hộ tích cực nhất của tuyệt đại đa số trong giai cấp công nhân Nga.

Hai là, Cách mạng tháng Mười được sự ủng hộ chắc chắn của nông dân nghèo và của đa số binh sĩ khao khát hòa bình và ruộng đất.

Ba là, đứng đầu Cách mạng tháng Mười, với tư cách là lực lượng lãnh đạo, thì có đảng bôn-sê-vích, một chính đảng từng trải, mạnh mẽ không những vì có kinh nghiệm và có

kỷ luật đã được tôi luyện qua nhiều năm, mà còn vì có những mối liên hệ rộng rãi với quần chúng cần lao nữa.

Bốn là, Cách mạng tháng Mười có trước mặt mình, những kẻ thù tương đối dễ đánh bại là giai cấp tư sản Nga đã ít nhiều suy yếu, giai cấp địa chủ đã hoàn toàn mất tinh thần vì những cuộc «nổi dậy» của nông dân, và các đảng thỏa hiệp (men-sê-vích và xã hội chủ nghĩa - cách mạng) là những đảng đã hoàn toàn phá sản trong quá trình cuộc chiến tranh.

Năm là, Cách mạng tháng Mười đã có sẵn lãnh thổ bao la của một quốc gia trẻ tuổi, trong đó nó có thể tự vận động, rút lui khi tình hình bắt buộc, nghỉ lấy sức, và tập hợp lực lượng, v.v..

Sáu là, trong cuộc đấu tranh chống thế lực phản cách mạng, Cách mạng tháng Mười có thể dựa vào một số lượng đầy đủ về lương thực, nhiên liệu và nguyên liệu ở trong nước.

Những điều kiện bên ngoài và bên trong ấy phối hợp lại đã tạo ra một tình hình đặc biệt làm cho Cách mạng tháng Mười thắng lợi được tương đối dễ dàng.

Cố nhiên, như vậy hoàn toàn không có nghĩa là Cách mạng tháng Mười không có những hoàn cảnh bất lợi bên ngoài cũng như bên trong. Chỉ cần nhắc đến, chẳng hạn, hoàn cảnh bất lợi này là: tình trạng bị cô lập về một vài phương diện nào đó của Cách mạng tháng Mười, tức là tình trạng thiếu một nước xô-viết láng giềng ở bên cạnh để có thể làm chỗ dựa. Chắc chắn là cuộc cách mạng sau này, ở Đức chẳng hạn, về phương diện này, sẽ đứng vào một tình thế thuận lợi hơn, vì gần kề nó đã có một nước xô-viết có lực lượng mạnh là Liên-xô chúng ta. Đấy là tôi chưa nói đến một hoàn cảnh bất lợi khác của Cách mạng tháng Mười là thiếu một đa số vô sản ở trong nước.

Nhưng những hoàn cảnh bất lợi ấy chỉ làm nổi bật thêm ý nghĩa trọng đại của tính chất độc đáo trên đây của những

điều kiện bên trong và bên ngoài của Cách mạng tháng Mười mà thôi, những điều kiện mà chúng ta đã nói trên kia.

Tính chất độc đáo ấy chúng ta không được quên nó một lúc nào cả. Nhất là cần phải nhớ đến nó, khi phân tích những sự biến mùa thu 1923 ở Đức. Và chính Tơ-rốt-ski là người trước tiên phải nhớ điều đó, vì ông ta đã vơ đũa cả nắm, xem cách mạng ở Đức cũng hệt như Cách mạng tháng Mười và không tiếc lời mắng nhiếc Đảng cộng sản Đức về những sai lầm có thật hoặc bịa ra cho đảng ấy.

Lê-nin nói :

«Do tình hình lịch sử cụ thể, hết sức độc đáo của năm 1917, nên nước Nga *bắt đầu* cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa được dễ dàng, nhưng muốn *tiếp tục* — và đưa cuộc cách mạng ấy tới chỗ hoàn thành thì lại khó hơn, so với các nước châu Âu. Đầu năm 1918, tôi đã có dịp chỉ rõ điểm đó, và kinh nghiệm trong hai năm đã hoàn toàn chứng thực sự nhận xét của tôi là đúng. Những điều kiện đặc biệt như: 1) khả năng gắn liền cuộc cách mạng xô-viết với việc chấm dứt — nhờ có cách mạng đó — cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, một cuộc chiến tranh đã làm cho công nhân và nông dân vô cùng thống khổ; 2) khả năng lợi dụng, trong một thời gian nhất định, cuộc đấu tranh một còn một mất giữa hai tập đoàn đế quốc chủ nghĩa tham tàn có thế lực nhất thế giới, hai tập đoàn đó đã không thể liên minh được với nhau để chống kẻ thù xô-viết của chúng; 3) khả năng chịu nổi một cuộc nội chiến tương đối dài, một phần là nhờ địa thế rộng lớn và phương tiện giao thông kém cỏi ở Nga; 4) trong nông dân, có một phong trào cách mạng dân chủ - tư sản sâu sắc đến mức đảng của giai cấp vô sản có thể nắm lấy những yêu sách cách mạng của đảng của nông dân (đảng xã hội chủ nghĩa-cách mạng mà đa số trong đó rõ ràng là đối địch với chủ nghĩa bôn-sê-vích) và thực hiện ngay được những yêu sách ấy nhờ giai cấp vô sản đã cướp được chính quyền, — những điều kiện đặc biệt như thế hiện nay ở Tây Âu không có, và những điều kiện giống hệt hoặc tương tự như thế

không phải dễ dàng mà tái diễn được. Vì lý do ấy, cộng với nhiều lý do khác nữa, nên Tây Âu khó *bắt đầu* cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa hơn chúng ta nhiều» (xem tập XXV, tr. 205)*.

Chúng ta không được phép quên những lời trên đây của Lê-nin.

II

VỀ HAI ĐẶC ĐIỂM CỦA CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI, HAY CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI VÀ THUYẾT CÁCH MẠNG «THƯỜNG TRỰC» CỦA TƠ-RỐT-SKI

Có hai đặc điểm của Cách mạng tháng Mười mà người ta cần phải nắm vững trước hết để hiểu được nội dung và ý nghĩa lịch sử của cuộc cách mạng ấy.

Những đặc điểm ấy là gì?

Trước hết chuyên chính của giai cấp vô sản đã phát sinh ở nước ta, là một chính quyền xuất hiện trên cơ sở sự liên minh giữa giai cấp vô sản và quần chúng nông dân lao động, số quần chúng này do giai cấp vô sản lãnh đạo. Sau nữa, chuyên chính của giai cấp vô sản đã được xác lập ở nước chúng ta, đó là kết quả sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội trong một nước, còn ít phát triển về mặt tư bản chủ nghĩa, trong lúc mà chủ nghĩa tư bản vẫn còn được duy trì trong những nước khác, những nước phát triển hơn về mặt tư bản chủ nghĩa. Cố nhiên, như thế không có nghĩa là Cách mạng tháng Mười hoàn toàn không có những đặc điểm khác. Nhưng trong lúc này, điều quan trọng đối với chúng ta, chính là hai đặc điểm ấy, không những vì hai đặc điểm ấy đã biểu hiện rõ

---

* Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 31, tr. 45-46. *(B.T.)*

rệt thực chất của Cách mạng tháng Mười, mà còn vì nó làm nổi bật lên một cách thần tình bản chất cơ hội chủ nghĩa của thuyết «cách mạng thường trực» nữa.

Chúng ta hãy xem xét sơ qua những đặc điểm ấy.

Vấn đề quần chúng cần lao trong giai cấp tiểu tư sản thành thị và nông thôn, tức là vấn đề tranh thủ số quần chúng ấy về phía giai cấp vô sản, là một vấn đề chủ chốt của cách mạng vô sản. Nhân dân lao động thành thị và nông thôn, trong cuộc đấu tranh giành lấy chính quyền, sẽ ủng hộ ai, ủng hộ giai cấp tư sản hay giai cấp vô sản ? Họ sẽ trở thành lực lượng hậu bị của ai, của giai cấp tư sản hay của giai cấp vô sản ? Điều đó định đoạt vận mệnh của cách mạng, sự vững chắc của chuyên chính vô sản. Các cuộc cách mạng 1848 và 1871 ở Pháp đã thất bại, chủ yếu là vì lực lượng nông dân hậu bị đã đứng về phía giai cấp tư sản. Cách mạng tháng Mười đã thắng, vì nó đã giành được lực lượng nông dân hậu bị của giai cấp tư sản ; vì nó đã biết tranh thủ những lực lượng hậu bị ấy về phía giai cấp vô sản và vì, trong cuộc cách mạng ấy, giai cấp vô sản đã trở thành lực lượng lãnh đạo duy nhất của đông đảo quần chúng trong nhân dân lao động thành thị và nông thôn.

Người nào không hiểu điều đó thì sẽ không bao giờ hiểu được tính chất của Cách mạng tháng Mười, bản chất của chuyên chính vô sản, và cũng không hiểu được tính chất đặc biệt của chính sách đối nội của chính quyền vô sản của ta.

Chuyên chính vô sản không phải chỉ đơn thuần là một bộ phận ưu tú nắm chính quyền đã được dụng tâm «chọn lọc» ra một cách « thông minh » bởi một «nhà chiến lược lão luyện» và đã «khôn khéo dựa» vào những tầng lớp này hay tầng lớp khác trong dân cư. Chuyên chính vô sản là sự liên minh giai cấp giữa giai cấp vô sản và quần chúng nông dân lao

động để lật đổ Tư bản, để giành lấy thắng lợi hoàn toàn cho chủ nghĩa xã hội, với điều kiện là lực lượng lãnh đạo của khối liên minh ấy phải là giai cấp vô sản.

Vì vậy, ở đây, vấn đề không phải là đánh giá thấp «chút ít», hoặc đánh giá cao «chút ít», những khả năng cách mạng của phong trào nông dân, như một số người biện hộ khéo léo cho thuyết «cách mạng thường trực» hiện đang thích nói đến. Đây là vấn đề bản chất của Nhà nước vô sản mới, phát sinh từ Cách mạng tháng Mười. Đây là vấn đề tính chất của chính quyền vô sản, vấn đề những cơ sở của chính ngay nền chuyên chính của giai cấp vô sản.

Lê-nin nói :

«Chuyên chính vô sản là một hình thức đặc biệt về sự liên minh giai cấp giữa giai cấp vô sản, đội tiên phong của những người lao động, với nhiều tầng lớp lao động không phải là vô sản (giai cấp tiểu tư sản, tiểu chủ, nông dân, trí thức v.v.) hoặc đại đa số trong các tầng lớp ấy, một sự liên minh chống Tư bản, một sự liên minh nhằm mục đích hoàn toàn lật đổ Tư bản, hoàn toàn đè bẹp sự phản kháng của giai cấp tư sản và những mưu toan phục hồi địa vị của chúng, một sự liên minh nhằm mục đích thiết lập và củng cố hoàn toàn chủ nghĩa xã hội» (xem tập XXIV, tr. 311)*.

Và sau đó :

«Chuyên chính vô sản, nếu chúng ta diễn đạt thành ngữ la-tinh có tính chất khoa học, lịch sử-triết học đó bằng một thứ ngôn ngữ đơn giản hơn, thì nó có nghĩa là :

chỉ có một giai cấp nhất định, — tức là công nhân thành thị, và nói chung, công nhân nhà máy, công nhân công nghiệp, — mới có khả năng lãnh đạo toàn thể quần chúng lao động và bị bóc lột, trong cuộc đấu tranh để lật đổ ách Tư bản, ngay cả trong quá trình lật đổ ách đó nữa, trong cuộc đấu tranh để duy trì và củng cố thắng lợi, trong sự nghiệp sáng tạo ra một trật tự xã hội mới,

* Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 29, tr. 350 - 351. *(B.T.)*

trật tự xã hội chủ nghĩa, trong toàn bộ cuộc đấu tranh đề hoàn toàn thủ tiêu các giai cấp» (xem tập XXIV, tr. 336)*.

Lý luận về chuyên chính vô sản do Lê-nin đề ra là như thế.

Một trong những đặc điểm của Cách mạng tháng Mười là: cuộc cách mạng ấy là một sự áp dụng một cách kinh điển lý luận của chủ nghĩa Lê-nin về chuyên chính vô sản.

Một số đồng chí nghĩ rằng đó là một lý luận thuần túy «Nga» chỉ liên quan đến tình hình thực tế nước Nga thôi. Như thế là sai. Hoàn toàn sai. Khi nói đến quần chúng cần lao trong các giai cấp không phải vô sản, do giai cấp vô sản lãnh đạo, Lê-nin không những nhằm nông dân Nga, mà còn nhằm cả những phần tử lao động ở các miền ngoại vi Liên-xô, những miền này, vừa mới đây, vẫn còn là thuộc địa của nước Nga. Lê-nin không ngớt nhắc đi nhắc lại rằng nếu không có một sự liên minh với số quần chúng thuộc các dân tộc khác ấy, thì giai cấp vô sản Nga không thể nào thắng được. Trong những bài báo của Người viết về vấn đề dân tộc và trong những bài diễn văn của Người đọc tại các đại hội Quốc tế Cộng sản, Lê-nin đã nhiều lần nói rằng cách mạng thế giới không thể nào thắng lợi được, nếu không có sự liên minh cách mạng, không có khối đồng minh cách mạng giữa giai cấp vô sản các nước tiên tiến với các dân tộc bị áp bức trong các nước thuộc địa bị nô dịch. Nhưng thuộc địa là gì, nếu không phải cũng vẫn là số quần chúng lao động bị áp bức ấy mà, trước hết, là quần chúng nông dân lao động đó sao? Vậy thử hỏi có người nào lại không biết rằng vấn đề giải phóng các nước thuộc địa, về *thực chất*, là vấn đề giải phóng quần chúng lao động thuộc các giai cấp không phải vô sản, thoát khỏi ách áp bức và ách bóc lột của tư bản tài chính?

Bởi vậy, lý luận của Lê-nin về chuyên chính vô sản không phải là một lý luận thuần túy «Nga», nhưng lại là một lý

---

* Xem V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 29, tr. 387. *(B.T.)*

luận mà tất cả các nước bắt buộc phải áp dụng. Chủ nghĩa bôn-sê-vích không phải chỉ là một hiện tượng Nga. «Chủ nghĩa bôn-sê-vích», như Lê-nin đã nói, là một *«kiểu mẫu về sách lược cho tất cả các nước»* (xem tập XXIII, tr. 386)*.

Đấy là những nét đặc trưng trong đặc điểm thứ nhất của Cách mạng tháng Mười.

Đứng về phương diện đặc điểm trên đây của Cách mạng tháng Mười mà xét, thì thuyết «cách mạng thường trực» của Tơ-rốt-ski là như thế nào?

Chúng ta sẽ không nói nhiều về lập trường của Tơ-rốt-ski hồi 1905, là lúc mà ông ta quên «đứt» rằng nông dân là một lực lượng cách mạng, trong khi đề nghị khẩu hiệu «Phế bỏ Nga hoàng, lập chính phủ công nhân», nghĩa là khẩu hiệu: cách mạng không có nông dân tham gia. Ngay đến cả Ra-đếc, con người biện hộ khéo léo ấy cho thuyết «cách mạng thường trực», ngày nay, cũng buộc phải thừa nhận rằng «cách mạng thường trực» hồi năm 1905, có nghĩa là một bước «nhảy không đâu», một sự xa rời thực tế. Ngày nay, mọi người đều nhận thấy rõ ràng là chẳng hoài công đâu mà nói đến bước «nhảy không đâu» ấy nữa.

Chúng ta cũng sẽ không nói nhiều về lập trường của Tơ-rốt-ski trong chiến tranh, hồi năm 1915, chẳng hạn, khi ông ta xuất phát từ sự việc là «chúng ta sống trong thời đại chủ nghĩa đế quốc», là chủ nghĩa đế quốc «không đem dân tộc tư sản đối lập với chế độ cũ, mà lại đem giai cấp vô sản đối lập với dân tộc tư sản», để đi đến kết luận, trong bài báo của ông ta nhan đề là «Cuộc đấu tranh giành chính quyền», rằng vai trò cách mạng của nông dân phải giảm dần xuống, rằng khẩu hiệu tịch thu ruộng đất không còn có ý nghĩa quan trọng như trước kia nữa. Người ta biết rằng Lê-nin, khi phân

* Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 28, tr. 270. *(B.T.)*

tích bài báo ấy của Tơ-rốt-ski, đã chỉ trích ông ta là «phủ nhận» «vai trò của nông dân» và đã nói rằng, «trên thực tế, Tơ-rốt-ski đã giúp sức cho các chính khách công nhân thuộc phái tự do ở Nga, là những kẻ hiểu «phủ nhận» vai trò của giai cấp nông dân là *không muốn* phát động nông dân vùng lên làm cách mạng!» (xem tập XVIII, tr. 318)*.

Tốt hơn là chúng ta hãy bàn đến những tác phẩm gần đây nhất của Tơ-rốt-ski về vấn đề ấy, những tác phẩm viết trong thời kỳ mà chuyên chính vô sản đã có thì giờ để được củng cố, trong thời kỳ mà Tơ-rốt-ski đã có thể kiểm tra được một cách thực tiễn thuyết «cách mạng thường trực» của mình và sửa chữa sai lầm. Chúng ta hãy lấy bài *Tựa* mà Tơ-rốt-ski viết năm 1922 cho cuốn sách *1905*, làm ví dụ. Về vấn đề «cách mạng thường trực», Tơ-rốt-ski viết trong bài *Tựa* đó như thế này :

«Chính là trong khoảng thời gian từ ngày 9 tháng Giêng đến cuộc bãi công tháng Mười 1905, mà trong đầu óc tác giả đã hình thành ra những ý niệm về tính chất của sự phát triển cách mạng của nước Nga, những ý niệm này được mệnh danh là thuyết «cách mạng thường trực». Cái tên khó hiểu ấy đã nói lên cái ý nghĩ cho rằng cách mạng Nga, tuy đang trực tiếp đứng trước những mục tiêu có tính chất tư sản, nhưng không thể đứng dừng lại đó được. Cách mạng chỉ có thể giải quyết được những mục tiêu tư sản trước mắt ấy, bằng cách là đưa giai cấp vô sản lên nắm chính quyền. Nhưng khi giai cấp này đã nắm chính quyền trong tay, thì nó sẽ không thể nào tự bó mình trong khuôn khổ tư sản của cuộc cách mạng được. Trái lại, chính là để đảm bảo thắng lợi của mình, mà đội tiên phong vô sản, ngay từ những ngày thống trị đầu tiên của mình sẽ phải tiến hành những sự xâm phạm sâu nhất chẳng những vào quyền tư hữu phong kiến, mà còn vào quyền tư hữu tư sản nữa. Làm như vậy, đội tiên phong đó sẽ có những cuộc *xung đột đối địch*, chẳng những với hết thảy mọi tập đoàn của giai cấp tư sản là những tập đoàn có thể đã ủng hộ mình khi

---

* Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 21, tr. 493. *(B.T.)*

nó bắt đầu tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng, mà lại còn *với đông đảo quần chúng trong nông dân* là số quần chúng có thể đã góp phần vào việc đưa mình lên nắm chính quyền nữa. Những mâu thuẫn trong tình thế của chính phủ công nhân ở một nước lạc hậu, mà tối đại đa số dân cư đều là nông dân, — những mâu thuẫn đó *chỉ* có thể giải quyết được trên phạm vi quốc tế, trên vũ đài cách mạng thế giới của giai cấp vô sản mà thôi»*.

Tơ-rốt-ski đã nói về thuyết «cách mạng thường trực» của ông ta như thế đó.

Chỉ cần đối chiếu đoạn văn ấy với những đoạn văn đã được trích dẫn trên kia, mà chúng ta mượn ở các tác phẩm của Lê-nin về chuyên chính vô sản, cũng đủ thấy rằng lý luận của Lê-nin về chuyên chính vô sản và thuyết «cách mạng thường trực» của Tơ-rốt-ski, khác nhau một trời một vực.

Lê-nin nói sự *liên minh* giữa giai cấp vô sản và các tầng lớp nông dân lao động là nền tảng của chuyên chính vô sản. Còn Tơ-rốt-ski thì lại cho là có những cuộc «*xung đột đối địch*» giữa «đội tiên phong vô sản» và «đông đảo quần chúng trong nông dân».

Lê-nin nói về giai cấp vô sản *lãnh đạo* quần chúng lao động và bị áp bức. Còn Tơ-rốt-ski thì lại nói đấy là «những *mâu thuẫn* trong tình thế của chính phủ công nhân ở một nước lạc hậu, mà tối đại đa số dân cư đều là nông dân».

Theo Lê-nin, thì nguồn lực lượng của cách mạng, trước hết là nằm trong công nhân và nông dân của chính nước Nga. Còn theo Tơ-rốt-ski, thì nguồn lực lượng cần thiết *chỉ* có thể nằm trong «vũ đài cách mạng thế giới của giai cấp vô sản» *mà thôi*.

Nhưng nếu cách mạng thế giới chậm nổ ra, thì phải làm thế nào? Trong trường hợp đó thì cuộc cách mạng của chúng ta có tia hy vọng nào để thắng lợi không? Tơ-rốt-ski không

---

* Do tôi viết ngả. *J. Sta-lin.*

để cho chúng ta thấy có một tia hy vọng nào cả, vì «những mâu thuẫn trong tình thế của chính phủ công nhân... sẽ *chỉ* có thể giải quyết được... trên vũ đài cách mạng thế giới của giai cấp vô sản mà thôi». Theo kế hoạch đó, thì cách mạng nước ta chỉ còn có mỗi một triển vọng là: sống lay lắt giữa những mâu thuẫn của bản thân mình và mục nát tại chỗ trong khi đợi chờ cuộc cách mạng thế giới.

Theo Lê-nin thì chuyên chính vô sản là gì?

Chuyên chính vô sản, chính là chính quyền dựa vào sự liên minh giữa giai cấp vô sản và quần chúng nông dân lao động để «hoàn toàn lật đổ Tư bản», để «thiết lập và củng cố hoàn toàn chủ nghĩa xã hội».

Còn theo Tơ-rốt-ski, thì chuyên chính vô sản là gì?

Chuyên chính vô sản, chính là một thứ chính quyền ở những cuộc «xung đột đối địch» với «đông đảo quần chúng trong nông dân» và *chỉ* tìm được cách giải quyết «mâu thuẫn» trên «vũ đài cách mạng thế giới của giai cấp vô sản» mà thôi.

Giữa thuyết «cách mạng thường trực» đó với lý luận nổi tiếng của chủ nghĩa men-sê-vích phủ nhận tư tưởng chuyên chính vô sản, có chỗ nào là khác nhau không?

Về thực chất thì không có gì là khác nhau cả.

Không có thể nghi ngờ gì được. Thuyết «cách mạng thường trực» không phải chỉ là một sự đánh giá quá thấp những khả năng cách mạng của phong trào nông dân. Thuyết «cách mạng thường trực» là một sự đánh giá phong trào nông dân quá thấp đến mức là nó đi đến chỗ phủ nhận lý luận của Lê-nin về chuyên chính vô sản.

Thuyết «cách mạng thường trực» của Tơ-rốt-ski là một biến tướng của chủ nghĩa men-sê-vích.

Đặc điểm thứ nhất của Cách mạng tháng Mười là như thế.

Những nét đặc trưng trong đặc điểm thứ hai của Cách mạng tháng Mười là gì?

Nghiên cứu chủ nghĩa đế quốc, nhất là trong thời kỳ chiến tranh, Lê-nin đã phát hiện ra quy luật phát triển không đều và nhảy vọt của các nước tư bản chủ nghĩa, về mặt kinh tế và chính trị. Theo ý nghĩa của quy luật ấy, thì sự phát triển của các xí nghiệp, các tơ-rớt, các ngành công nghiệp và các nước khác nhau không diễn ra một cách đồng đều, theo một trật tự đã định sẵn, khiến một tơ-rớt, một ngành công nghiệp hay một nước nào đó cứ luôn luôn là đi đầu, trong lúc mà những tơ-rớt hay nước khác vẫn cứ lẽo đẽo đi sau, cũng theo một trật tự như thế, — mà lại diễn ra bằng những bước nhảy vọt có kèm theo những sự gián đoạn trong bước phát triển của một số nước nào đó và những bước nhảy vọt về phía trước trong sự phát triển của các nước khác. Nhưng khuynh hướng «hoàn toàn chính đáng» của các nước chậm tiến, tức là khuynh hướng muốn bảo vệ những địa vị cũ của mình, và khuynh hướng, cũng không kém phần «chính đáng», của các nước đã nhảy vọt lên một bước, tức là khuynh hướng muốn chiếm lấy những địa vị mới, — hai khuynh hướng đó làm cho các cuộc xung đột quân sự giữa các nước đế quốc chủ nghĩa trở thành một sự tất yếu không thể nào tránh khỏi được. Tình hình đã xảy ra như thế, ví dụ như ở nước Đức là một nước cách đây nửa thế kỷ, vẫn còn lạc hậu so với Pháp và Anh. Cũng cần phải nói như thế về nước Nhật, nếu so sánh nước này với nước Nga. Nhưng ai cũng biết rằng ngay từ đầu thế kỷ XX, Đức và Nhật đã nhảy vọt lên rất xa, đến nỗi nước Đức đã vượt được Pháp và đã bắt đầu hất cẳng Anh trên thị trường thế giới, và đến nỗi nước Nhật đã hất cẳng được nước Nga. Như người ta đã biết, cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa vừa qua đã phát sinh ra chính từ những mâu thuẫn đó.

Định luật ấy xuất phát từ các điểm dưới đây:

1. «Chủ nghĩa tư bản đã biến thành một hệ thống toàn thế giới của một nhúm nhỏ các nước «tiên tiến» áp bức thuộc

địa và dùng tài chính bóp nghẹt tối đại đa số nhân dân trên trái đất» (xem V. I. Lê-nin: lời tựa cho bản tiếng Pháp *Chủ nghĩa đế quốc*, tập XIX, tr. 74)*.

2. « Và cái «của cải ăn cướp» ấy được phân chia giữa hai hoặc ba nước tham tàn có thế lực trên toàn thế giới, vũ trang từ đầu chí chân (Mỹ, Anh, Nhật), những nước này lôi cuốn toàn trái đất vào cuộc chiến tranh *của chúng* để chúng chia nhau cái của mà *chúng* đã ăn cướp được ấy» *(như trên)*.

3. Sự phát triển của những mâu thuẫn trong nội bộ hệ thống áp bức tài chính trên toàn thế giới và những xung đột quân sự tất nhiên phải xảy ra, làm cho mặt trận thế giới của chủ nghĩa đế quốc dễ có thể bị cách mạng chọc thủng, và làm cho một vài nước nào đó có thể phá vỡ được mặt trận ấy.

4. Sự phá vỡ ấy có khả năng hơn cả xảy ra ở những nơi và trong những nước mà cái dây xích của mặt trận đế quốc chủ nghĩa yếu nhất, nghĩa là nơi mà chủ nghĩa đế quốc sơ hở nhất và cách mạng dễ nổ ra nhất.

5. Vì thế chủ nghĩa xã hội hoàn toàn có thể và chắc là thắng được trong riêng một nước, mặc dầu nước này kém phát triển về phương diện tư bản chủ nghĩa và mặc dầu chủ nghĩa tư bản vẫn tồn tại trong những nước khác, tuy những nước này phát triển hơn về phương diện tư bản chủ nghĩa.

Tóm lại, đó là những nguyên lý của lý luận Lê-nin về cách mạng vô sản.

Đặc điểm thứ hai của Cách mạng tháng Mười là gì?

Đặc điểm thứ hai của Cách mạng tháng Mười là: cuộc cách mạng ấy là một kiểu mẫu về việc áp dụng thực tiễn lý luận của Lê-nin về cách mạng vô sản.

Người nào đã không hiểu đặc điểm này của Cách mạng tháng Mười, thì sẽ không bao giờ hiểu được tính chất quốc

* Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 22, tr. 239. *(B.T.)*

tế của cuộc cách mạng ấy, và cũng không bao giờ hiểu được sức mạnh quốc tế vô cùng vĩ đại và chính sách đối ngoại đặc biệt của nó.

Lê-nin nói :

«Sự phát triển không đồng đều về kinh tế và chính trị là quy luật tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản. Do đó, chúng ta thấy rằng chủ nghĩa xã hội có thể thắng trước hết là trong một số ít nước tư bản chủ nghĩa hoặc thậm chí chỉ trong một nước tư bản chủ nghĩa tách riêng ra mà nói. Giai cấp vô sản chiến thắng của nước đó, sau khi đã tịch thu tài sản của bọn tư bản và đã tổ chức nền sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nước mình, sẽ đứng lên *chống lại* cái phần thế giới tư bản chủ nghĩa còn lại, bằng cách lôi cuốn những giai cấp bị áp bức ở các nước khác theo mình, bằng cách thúc đẩy họ nổi dậy chống bọn tư bản, bằng cách sử dụng khi cần, ngay cả lực lượng quân sự, để chống lại các giai cấp bóc lột và Nhà nước của chúng». Vì «không có đấu tranh bền bỉ và tương đối lâu dài của các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa chống các quốc gia lạc hậu, thì không thể thực hiện được sự liên hiệp tự do giữa các dân tộc, trên cơ sở chủ nghĩa xã hội» (xem tập XVIII, tr. 232, 233)*.

Bọn cơ hội chủ nghĩa ở tất cả các nước cho rằng cách mạng vô sản chỉ có thể bắt đầu — nếu quả thật là theo lý luận của chúng, cuộc cách mạng đó phải bắt đầu ở một nơi nào đó — ở trong những nước phát triển về công nghiệp mà thôi ; rằng các nước ấy càng phát triển về mặt công nghiệp bao nhiêu, thì chủ nghĩa xã hội càng có cơ thắng lợi bấy nhiêu ; và chúng đã phủ nhận khả năng thắng lợi của chủ nghĩa xã hội trong riêng một nước, nhất là khi nước ấy lại ít được phát triển về phương diện tư bản chủ nghĩa, chúng coi đó như là một điều tuyệt đối không thể nào có thật được. Ngay trong thời chiến tranh, Lê-nin, dựa vào quy luật phát triển không đồng đều của các quốc gia đế quốc chủ nghĩa, cũng đã đưa ra lý luận

---

* Xem V. I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 21, tr. 399. *(B.T.)*

cách mạng vô sản của Người về sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội trong riêng một nước, mặc dầu nước này có kém phát triển về phương diện tư bản chủ nghĩa chăng nữa, như thế là để chống lại bọn cơ hội chủ nghĩa.

Người ta biết rằng Cách mạng tháng Mười đã hoàn toàn xác nhận lý luận của Lê-nin về cách mạng vô sản là đúng.

Xét theo quan điểm lý luận của Lê-nin về sự thắng lợi của cách mạng vô sản trong riêng một nước, thì thuyết «cách mạng thường trực» của Tơ-rốt-ski là thế nào?

Hãy lấy cuốn *Cách mạng của chúng ta* (1906) của Tơ-rốt-ski làm ví dụ.

Tơ-rốt-ski viết:

«Nếu không có sự giúp đỡ trực tiếp về mặt Nhà nước của giai cấp vô sản châu Âu, thì giai cấp công nhân Nga sẽ không thể giữ vững được chính quyền của mình và không thể biến quyền thống trị tạm thời của mình thành chuyên chính xã hội chủ nghĩa lâu dài được. Không một lúc nào có thể nghi ngờ được điều ấy cả».

Đoạn văn trích dẫn trên đây có nghĩa là gì? Có nghĩa chính là chủ nghĩa xã hội không thể nào thắng lợi được trong riêng một nước, trong trường hợp này là nói nước Nga, «*nếu không có* sự giúp đỡ trực tiếp về mặt Nhà nước của giai cấp vô sản châu Âu», tức là nếu giai cấp vô sản châu Âu chưa giành được chính quyền.

Giữa «thuyết» ấy với luận điểm của Lê-nin về khả năng thắng lợi của chủ nghĩa xã hội «trong một nước tư bản chủ nghĩa, tách riêng ra mà nói», có gì là giống nhau được chăng?

Rõ ràng không có gì là giống nhau cả.

Nhưng cứ cho là cuốn sách của Tơ-rốt-ski, xuất bản năm 1906, có những điều sai lầm vô tình và không hoàn toàn phù hợp với những quan điểm sau này của Tơ-rốt-ski, vì lúc đó khó mà định rõ được tính chất của cuộc cách mạng của ta. Chúng ta hãy xét một cuốn sách khác của Tơ-rốt-ski, cuốn

Cương lĩnh hòa bình, xuất bản trước Cách mạng tháng Mười 1917 và bây giờ đây đã được in lại (năm 1924) trong cuốn *1917* của ông ta. Trong cuốn sách đó, Tơ-rốt-ski chỉ trích lý luận cách mạng vô sản của Lê-nin về sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội trong riêng một nước và đem khẩu hiệu Liên bang châu Âu ra đối lập lại lý luận ấy. Ông ta cho rằng chủ nghĩa xã hội không thể nào thắng được trong riêng một nước; rằng sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội chỉ có thể thực hiện được khi nào nó là sự thắng lợi của nhiều nước chủ yếu ở châu Âu (Anh, Nga, Đức), họp lại thành Liên bang châu Âu, — nếu không thì chủ nghĩa xã hội sẽ hoàn toàn không thể nào thắng lợi được. Ông ta nói trắng ra rằng «không thể nào có được một cuộc cách mạng thắng lợi ở Nga hay ở Anh, nếu không có cách mạng ở Đức, và ngược lại».

Tơ-rốt-ski nói:

«Sự phản đối duy nhất có tính chất lịch sử, tương đối cụ thể, đối với khẩu hiệu Liên bang, đã được nêu lên trong tờ báo *Người xã hội - dân chủ* ở Thụy-sĩ (cơ quan trung ương thời bấy giờ của những người bôn-sê-vích. *J. Sta-lin*) bằng những lời lẽ như sau: «sự phát triển không đồng đều về kinh tế và chính trị là một quy luật tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản». Từ quy luật đó, báo *Người xã hội-dân chủ* đã rút ra kết luận là: chủ nghĩa xã hội có thể thắng lợi được trong riêng một nước và, do đó, không cần gì phải đặt ra điều kiện là phải thành lập Liên bang châu Âu mới thực hiện được chuyên chính của giai cấp vô sản trong mỗi nước riêng rẽ. Sự phát triển tư bản chủ nghĩa diễn ra không đều ở các nước khác nhau, đó là một điều tuyệt đối không thể chối cãi được. Nhưng tình trạng không đều ấy, chính bản thân nó cũng lại rất không đều. Trình độ tư bản chủ nghĩa ở Anh, Áo, Đức hay Pháp không giống nhau. Nhưng so với châu Phi hoặc châu Á, thì tất cả những nước nói trên đại diện cho «châu Âu» tư bản chủ nghĩa, tức là châu Âu đã chín muồi để làm cách mạng xã hội. Không một nước nào được «chờ đợi» các nước khác trong cuộc đấu tranh của mình, đó là một ý niệm sơ thiểu mà người ta thấy nhắc lại là có ích và cần thiết để cho ý niệm quốc tế hành động cùng một lúc khỏi phải bị thay thế bằng ý niệm quốc tế không hành động và chờ đợi.

Không cần phải đợi các nước khác, chúng ta cứ bắt đầu và tiếp tục cuộc đấu tranh trong phạm vi dân tộc, hoàn toàn tin tưởng rằng sáng kiến của chúng ta sẽ thúc đẩy các nước khác nổi lên đấu tranh; nhưng nếu tình hình không diễn ra như thế, thì không có hy vọng tin tưởng — kinh nghiệm lịch sử cùng những nhận định về mặt lý luận đã chứng minh là không có hy vọng tin tưởng — rằng nước Nga cách mạng, chẳng hạn, có thể đương đầu với châu Âu bảo thủ, hoặc nước Đức xã hội chủ nghĩa có thể đứng cô độc trong thế giới tư bản chủ nghĩa được».

Như các đồng chí thấy, đó vẫn là cái lý luận về sự thắng lợi đồng thời của chủ nghĩa xã hội trong các nước chủ yếu ở châu Âu, lý luận này, nói chung, bài xích lý luận cách mạng của Lê-nin về sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội trong riêng một nước. Chẳng cần nói cũng thấy rằng thắng lợi *hoàn toàn* của chủ nghĩa xã hội, sự *hoàn toàn* đảm bảo tránh được sự phục hồi của chế độ cũ, đều đòi hỏi phải có những cố gắng phối hợp của vô sản nhiều nước. Chắc chắn là nếu không có sự ủng hộ của giai cấp vô sản châu Âu đối với cuộc cách mạng của chúng ta, thì giai cấp vô sản Nga sẽ không thể nào chống lại được áp lực chung, cũng y như nếu không có sự ủng hộ của cuộc cách mạng Nga đối với phong trào cách mạng ở phương Tây, thì phong trào này không thể phát triển với nhịp điệu mau chóng như nó đã bắt đầu phát triển, sau khi chuyên chính của giai cấp vô sản đã được thành lập ở Nga. Chắc chắn là chúng ta cần được ủng hộ. Nhưng sự ủng hộ của giai cấp vô sản Tây Âu đối với cuộc cách mạng của chúng ta là gì? Những sự đồng tình của công nhân châu Âu đối với cuộc cách mạng của chúng ta, ý chí của họ trong việc làm thất bại các kế hoạch can thiệp của bọn đế quốc, tất cả những cái đó có phải là một sự ủng hộ, một sự giúp đỡ quan trọng không? Không còn chối cãi gì được. Nếu không có một sự ủng hộ như thế, một sự giúp đỡ như thế, chẳng những của công nhân châu Âu, mà cả của các nước thuộc địa và phụ thuộc nữa, thì chuyên chính vô sản ở Nga sẽ lâm vào một tình trạng

khó khăn. Cho tới ngày nay, đã có đủ sự đồng tình ấy và sự giúp đỡ ấy, kết hợp với sức mạnh của Hồng quân của ta và tinh thần của công nhân và nông dân Nga sẵn sàng đem thân ra bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa, — đã có đủ tất cả những cái đó để đánh lui những cuộc tấn công của bọn đế quốc và giành lấy những điều kiện cần thiết cho một công tác xây dựng thật sự hay chưa? Có, đã có đủ! Sự đồng tình đó ngày càng tăng lên hay càng giảm xuống? Nhất định là ngày càng tăng. Như thế thì nước ta có hay không có những điều kiện thuận lợi, chẳng những để thúc đẩy cho việc tổ chức nền kinh tế xã hội chủ nghĩa tiến tới, mà còn để, đến lượt chúng ta, chúng ta lại giúp đỡ công nhân Tây Âu cũng như các dân tộc bị áp bức ở phương Đông? Có, chúng ta có những điều kiện ấy. Đó là điều mà lịch sử bảy năm chuyên chính vô sản ở Nga đã chứng tỏ một cách hùng hồn. Liệu người ta có thể phủ nhận việc nước ta đã bắt đầu có một cao trào lao động lớn mạnh không? Không, người ta không thể nào phủ nhận được.

Sau tất cả những điều đã nói trên đây, thì lời tuyên bố của Tơ-rốt-ski cho rằng nước Nga cách mạng sẽ không thể nào đương đầu được với châu Âu bảo thủ, có thể có ý nghĩa gì?

Nó chỉ có mỗi một ý nghĩa này mà thôi: một là Tơ-rốt-ski không cảm thấy được sức mạnh bên trong của cuộc cách mạng của ta; hai là Tơ-rốt-ski không hiểu được ý nghĩa vô cùng to lớn của sự ủng hộ tinh thần của công nhân phương Tây và nông dân phương Đông đối với cuộc cách mạng của chúng ta; ba là Tơ-rốt-ski không hiểu được căn bệnh bên trong hiện đang đục khoét chủ nghĩa đế quốc.

Vì mê mải chỉ trích lý luận của Lê-nin về cách mạng vô sản, cho nên Tơ-rốt-ski đã vô ý tự mình đả lại mình tơi bời trong cuốn *Cương lĩnh hòa bình* của ông ta, xuất bản năm 1917 và tái bản năm 1924.

Nhưng có lẽ cuốn sách đó của Tơ-rốt-ski cũng đã lỗi thời rồi, và, vì một lý do nào đó, không phù hợp với những quan

điềm hiện nay của ông ta nữa chăng? Chúng ta hãy xem những tác phầm gần đây hơn của Tơ-rốt-ski, viết ra sau khi cách mạng vô sản thắng lợi *trong riêng một nước*, tức là nước Nga. Chúng ta hãy xem chẳng hạn như *Lời bạt* của Tơ-rốt-ski viết cho cuốn *Cương lĩnh hòa bình* của ông ta mới tái bản, lời bạt đó viết năm 1922. Ông ta nói như thế này:

«Có lẽ đối với một số bạn đọc thì sự quả quyết rằng cách mạng vô sản không thề nào kết thúc được một cách thắng lợi trong khuôn khồ dân tộc, sự quả quyết mà người ta thấy nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong cuốn *Cương lĩnh hòa bình*, có vẻ như là đã bị kinh nghiệm trong gần năm năm của nước Cộng hòa xô-viết chúng ta đánh đồ rồi. Nhưng kết luận như vậy có thể là không có căn cứ. Nhà nước công nhân trong riêng một nước, vả chăng lại là trong một nước lạc hậu, đã chống chọi được với toàn thế giới, sự thật đó chứng tỏ sức mạnh phi thường của giai cấp vô sản, giai cấp này, trong các nước khác tiên tiến hơn, văn minh hơn, sẽ có khả năng thực hiện những sự nghiệp thật sự thần kỳ. Nhưng tuy đã đứng vững về mặt chính trị và quân sự với tư cách là Nhà nước, chúng ta vẫn chưa đạt đến chỗ xây dựng được một xã hội xã hội chủ nghĩa, thậm chí cũng chưa tiến gần được đến chỗ đó... Chừng nào giai cấp tư sản còn nắm chính quyền tại các nước khác ở châu Âu, thì chừng đó, trong cuộc đấu tranh đề khắc phục tình trạng cô lập về kinh tế, chúng ta vẫn còn bắt buộc phải tìm cách thỏa hiệp với thế giới tư bản chủ nghĩa đồng thời, người ta có thề nói chắc chắn rằng những sự thỏa hiệp ấy có thề nhiều nhất là giúp chúng ta hàn gắn lại những vết thương kinh tế này hay những vết thương kinh tế khác, tiến thêm được bước này hay bước khác, nhưng người ta cũng có thề nói chắc chắn rằng *chỉ sau khi** giai cấp vô sản của các nước chủ yếu ở châu Âu *đã thắng lợi rồi**, thì mới có thề thực hiện được đà phát triển thật sự của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở Nga».

Tơ-rốt-ski nói như thế, rõ ràng là ông ta đi ngược lại tình hình thực tế và cứ khăng khăng muốn cứu cho thuyết «cách mạng thường trực» của ông ta khỏi bị hoàn toàn thất bại.

* Do tôi viết ngả. *J. Sta-lin.*

Nếu nói như thế, thì dù chúng ta có xoay xở cách nào cũng vô ích, chẳng những chúng ta «chưa đạt đến» chỗ xây dựng được một xã hội xã hội chủ nghĩa, mà thậm chí cũng «chưa tiến gần được» đến chỗ đó. Hình như có một số người đặt hy vọng vào những sự «thỏa hiệp với thế giới tư bản chủ nghĩa», nhưng hình như ngay đến cả những sự thỏa hiệp ấy cũng không đem lại được kết quả gì cả, vì dù có làm gì và nói gì đi nữa, thì «đà phát triển thật sự của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa» cũng vẫn không thể nào thực hiện được, chừng nào mà giai cấp vô sản chưa thắng lợi được «trong các nước chủ yếu ở châu Âu».

Nhưng, vì chưa có thắng lợi ở phương Tây, cho nên cuộc Cách mạng Nga chỉ còn có «lựa chọn»: hoặc là thối nát tại chỗ, hoặc là thoái hóa thành Nhà nước tư sản.

Từ hai năm nay, Tơ-rốt-ski đã nói đến sự «thoái hóa» của đảng ta, không phải là không nhằm mục đích gì cả.

Năm ngoái đây, Tơ-rốt-ski đã dự đoán sự «diệt vong» của nước ta, không phải là không nhằm mục đích gì cả.

Làm thế nào dung hòa được «thuyết» quái gở ấy với lý luận của Lê-nin về «sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội trong riêng một nước»?

Làm thế nào dung hòa được «triển vọng» quái gở ấy với triển vọng do Lê-nin vạch ra, tức là triển vọng về việc Chính sách kinh tế mới sẽ giúp cho chúng ta có thể «xây dựng được nền móng của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa»?

Làm thế nào dung hòa được sự tuyệt vọng «thường trực» ấy với, chẳng hạn, những lời nói dưới đây của Lê-nin:

«Ngay từ bây giờ, chủ nghĩa xã hội không còn là một vấn đề tương lai xa xôi, hay là một thứ ảo ảnh trừu tượng, hay một thứ tượng thánh nữa. Về các tượng thánh, thì chúng ta vẫn giữ quan niệm cũ, rất không tốt của chúng ta. Chúng ta đã làm cho chủ nghĩa xã hội thâm nhập vào đời sống hàng ngày, và giờ đây chúng ta cần phải hiểu rõ vấn đề đó. Đấy là nhiệm vụ ngày nay của

chúng ta, đấy là nhiệm vụ của thời đại chúng ta. Các đồng chí cho phép tôi kết thúc bằng cách tỏ lòng tin tưởng rằng: dù nhiệm vụ ấy có khó khăn đến đâu chăng nữa, dù so với nhiệm vụ trước kia của chúng ta, nó có mới mẻ đến đâu chăng nữa, dù những khó khăn do nó gây ra có nhiều đến đâu chăng nữa, — thì tất cả chúng ta cũng sẽ cùng nhau, không phải nội ngày mai, mà là trong nhiều năm, tất cả chúng ta sẽ cùng nhau giải quyết nhiệm vụ đó cho bằng được, làm thế nào cho nước Nga Chính sách kinh tế mới sẽ thành một nước Nga xã hội chủ nghĩa» (xem tập XXVII, tr. 366)*.

Làm thế nào dung hòa được tình trạng thiếu triển vọng một cách «thường trực» ấy của Tơ-rốt-ski, với, chẳng hạn, những lời nói của Lê-nin sau đây:

«Thật vậy, việc chính quyền Nhà nước chi phối hết thảy mọi tư liệu sản xuất chủ yếu, việc giai cấp vô sản nắm giữ chính quyền Nhà nước, việc giai cấp vô sản liên minh với hàng triệu và hàng triệu tiểu nông và tiểu tiểu nông, việc giai cấp vô sản nắm vững quyền lãnh đạo nông dân v.v., — phải chăng những việc đó không phải là tất cả những thứ cần thiết để có thể xây dựng, với việc hợp tác hóa, và chỉ riêng với việc hợp tác hóa mà trước đây chúng ta coi là có tính chất con buôn, và bây giờ đây, dưới Chính sách kinh tế mới, về một vài mặt nào đó, chúng ta vẫn có quyền coi như thế, — phải chăng những việc đó không phải là tất cả những thứ cần thiết để xây dựng một xã hội xã hội chủ nghĩa toàn vẹn hay sao? Đó chưa phải là xây dựng xong xã hội xã hội chủ nghĩa, nhưng đó là tất cả những cái cần thiết và đầy đủ cho việc xây dựng đó» (xem tập XXVII, tr. 392)**.

Rõ ràng là trong vấn đề đó, không có và không thể có một sự dung hòa nào được cả. Thuyết «cách mạng thường trực» của Tơ-rốt-ski là sự phủ nhận lý luận của Lê-nin về cách mạng vô sản, và ngược lại, — lý luận của Lê-nin về cách mạng vô sản lại là sự phủ nhận thuyết «cách mạng thường trực».

---

* Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 33, tr. 405. *(B.T.)*

** *Như trên*, tr. 428. *(B.T.)*

Thiếu tin tưởng vào những lực lượng và những khả năng của cuộc cách mạng của ta, thiếu tin tưởng vào những lực lượng và những khả năng của giai cấp vô sản Nga, đó là mặt trái của thuyết «cách mạng thường trực».

Từ trước đến nay, người ta thường *chỉ* vạch ra có *một* mặt của thuyết «cách mạng thường trực»: sự thiếu tin tưởng vào những khả năng cách mạng của phong trào nông dân. Ngày nay, muốn cho đúng, cần phải bổ sung mặt ấy bằng *một mặt khác* nữa : sự thiếu tin tưởng vào những lực lượng và những khả năng của giai cấp vô sản Nga.

Chỗ nào là chỗ khác nhau giữa thuyết của Tơ-rốt-ski với lý luận thông thường của chủ nghĩa men-sê-vích, tức là lý luận cho rằng chủ nghĩa xã hội không thể nào thắng lợi trong riêng một nước, — mà lại là một nước lạc hậu nữa, — nếu không có sự thắng lợi từ trước của cách mạng vô sản «trong những nước chủ yếu ở Tây Âu»?

Về thực chất, thì không có gì là khác nhau cả.

Không thể nghi ngờ gì được. Thuyết «cách mạng thường trực» của Tơ-rốt-ski là một biến tướng của chủ nghĩa men-sê-vích.

Thời gian gần đây, người ta thấy trong báo chí của chúng ta xuất hiện nhiều nhà khéo mồm khéo mép thối nát, họ tìm cách làm cho người ta lầm tưởng rằng thuyết «cách mạng thường trực» là một cái gì có thể dung hợp được với chủ nghĩa Lê-nin. Họ nói rằng: cố nhiên hồi 1905 thuyết ấy là không thích dụng. Nhưng Tơ-rốt-ski sai lầm ở chỗ là khi đó ông ta đã đi quá xa, muốn áp dụng vào tình hình năm 1905, cái mà lúc bấy giờ không có thể đem áp dụng được. Họ lại nói rằng: nhưng sau đó, chẳng hạn như hồi tháng Mười 1917, vì cách mạng đã đạt đến mức hoàn toàn chín muồi, nên theo họ thì thuyết của Tơ-rốt-ski là một thuyết hoàn toàn

thích dụng. Không khó khăn gì mà không đoán được rằng tên đầu sỏ trong bọn khéo mồm mép ấy chính là Ra-đếc. Tốt hơn là các bạn hãy nghe đây :

«Chiến tranh đã đào một hố sâu giữa nông dân khao khát giành ruộng đất và hòa bình, với các đảng tiểu tư sản; chiến tranh đã đặt nông dân dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân và đội tiên phong của nó là đảng bôn-sê-vích. Cái đã trở thành có thể thực hiện được, chính không phải là chuyên chính của giai cấp công nhân và nông dân, mà là chuyên chính của giai cấp công nhân dựa vào nông dân. Chủ trương mà Rô-da Lúc-xăm-bua và Tơ-rốt-ski đã đưa ra chống Lê-nin năm 1905 (tức là thuyết «cách mạng thường trực». *J. Sta-lin*), về thực tế, rõ ràng đã trở thành giai đoạn thứ hai của sự phát triển lịch sử».

Đoạn trên đây có bao nhiêu chữ là bấy nhiêu điều bịa đặt.

Trong chiến tranh «cái đã trở thành có thể thực hiện được, chính không phải là chuyên chính của giai cấp công nhân và nông dân, mà là chuyên chính của giai cấp công nhân dựa vào nông dân», nói như thế là không đúng. Thật ra, cuộc cách mạng tháng Hai 1917 đã thực hiện được chuyên chính của giai cấp vô sản và nông dân bằng cách kết hợp một cách độc đáo chuyên chính đó với chuyên chính của giai cấp tư sản.

Thuyết «cách mạng thường trực» mà Ra-đếc đã lờ đi một cách ngượng ngùng, là do Rô-da Lúc-xăm-bua và Tơ-rốt-ski đề ra năm 1905, nói như thế là không đúng. Thật ra, thuyết đó đã do Pác-vu-xơ và Tơ-rốt-ski đề ra. Bây giờ, sau mười tháng, Ra-đếc đã thấy được chỗ sai của mình và xét thấy cần phải trách mắng Pác-vu-xơ về thuyết «cách mạng thường trực» của hắn. Nhưng muốn cho công bằng thì Ra-đếc cũng phải trách mắng luôn cả tên đồng lõa của Pác-vu-xơ là Tơ-rốt-ski nữa.

Thuyết «cách mạng thường trực» đã bị cuộc cách mạng 1905 bác bỏ, đã trở thành một chủ trương đúng đối với «giai

đoạn thứ hai của sự phát triển lịch sử», tức là trong cuộc Cách mạng tháng Mười, nói như thế là sai. Toàn bộ tiến trình, toàn bộ sự phát triển của Cách mạng tháng Mười đều chỉ rõ và chứng minh rằng thuyết «cách mạng thường trực» là hoàn toàn không có căn cứ, hoàn toàn không thể nào dung hợp được với những nguyên lý của chủ nghĩa Lê-nin.

Cả những bài diễn văn đường mật, lẫn những thủ đoạn ngoại giao thối nát, đều không thể nào che được cái vực thẳm bao la ngăn cách thuyết «cách mạng thường trực» với chủ nghĩa Lê-nin.

III

VỀ MỘT VÀI ĐẶC ĐIỂM CỦA SÁCH LƯỢC CỦA NHỮNG NGƯỜI BÔN-SÊ-VÍCH TRONG THỜI KỲ CHUẨN BỊ CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI

Muốn hiểu sách lược của những người bôn-sê-vích trong thời kỳ chuẩn bị Cách mạng tháng Mười, thì ít ra cũng phải hiểu được vài đặc điểm cực kỳ quan trọng của sách lược ấy. Như thế là cần thiết, nhất là, trong nhiều cuốn sách viết về sách lược của những người bôn-sê-vích, chính những đặc điểm ấy lại thường hay bị bỏ qua.

Những đặc điểm ấy là gì?

Đặc điểm thứ nhất. Cứ theo lời Tơ-rốt-ski thì người ta có thể tưởng rằng, trong lịch sử chuẩn bị Cách mạng tháng Mười, chỉ có hai thời kỳ : thời kỳ thăm dò địch tình và thời kỳ khởi nghĩa ; còn ngoài ra thì tất cả đều là nói bậy cả. Cuộc biểu tình tháng Tư 1917 là gì? «Cuộc biểu tình tháng Tư so với mức dự định thì đã đi «quá tả», là một cuộc xuất quân thăm dò địch tình để kiểm tra lại tâm trạng của quần chúng và những quan hệ của họ đối với đa số trong các Xô-viết». Và

cuộc biểu tình thị uy tháng Bảy 1917 là gì? — Theo Tơ-rốt-ski, thì «thật ra, lần này nữa, cuộc biểu tình thị uy ấy chẳng qua cũng chỉ là một cuộc thăm dò mới, rộng rãi hơn, trong một giai đoạn mới và cao hơn của phong trào». Không cần phải nói cũng thấy rằng, theo Tơ-rốt-ski, thì cuộc biểu tình thị uy tháng Sáu 1917, tổ chức theo những lời kêu gọi cấp thiết của đảng ta, lại càng phải được coi như một cuộc «thăm dò» nữa.

Nhận định như thế sẽ đi đến kết luận rằng, ngay hồi tháng Ba 1917, những người bôn-sê-vích đã có một đạo quân chính trị hoàn toàn sẵn sàng rồi, gồm công nhân và nông dân; rằng sở dĩ hồi tháng Tư, cũng như hồi tháng Sáu và tháng Bảy, họ đã không dùng đạo quân ấy để khởi nghĩa, mà chỉ chăm chú vào những cuộc «thăm dò địch tình» thôi, chính chỉ vì lúc bấy giờ, «những tin tức của các cuộc thăm dò địch tình» chưa cho thấy có «dấu hiệu» nào thuận lợi cả.

Không cần phải nói cũng thấy rằng quan niệm đơn giản ấy, đối với sách lược chính trị của đảng ta, chẳng qua chỉ là một sự lẫn lộn giữa sách lược quân sự và thông thường với sách lược cách mạng của những người bôn-sê-vích mà thôi.

Thật ra, tất cả những cuộc biểu tình thị uy ấy, trước hết, là kết quả của cao trào tự phát của quần chúng, kết quả của sự phẫn nộ của họ, sự phẫn nộ tìm cách biểu lộ ra ngoài đường phố, chống chiến tranh.

Thật ra, vai trò của đảng, lúc bấy giờ, là đem lại cho hành động đã biểu lộ ra một cách tự phát của quần chúng, một hình thức và một sự lãnh đạo phù hợp với những khẩu hiệu cách mạng của những người bôn-sê-vích.

Thật ra thì hồi tháng Ba 1917, những người bôn-sê-vích không có và không thể có đạo quân chính trị đã sẵn sàng được. Họ chỉ tiến hành thành lập đạo quân ấy trong quá trình cuộc đấu tranh và những cuộc xung đột giai cấp từ tháng Tư đến tháng Mười 1917 (và cuối cùng họ thành lập xong đạo quân

ấy vào cuối tháng Mười 1917); họ đã thành lập nó do cuộc biểu tình tháng Tư, do các cuộc biểu tình thị uy tháng Sáu và tháng Bảy và do các cuộc tuyển cử vào các Đu-ma khu và thành phố, mà cũng là do cuộc đấu tranh chống Coóc-ni-lốp và do cuộc đấu tranh giành lấy các Xô-viết. Đạo quân chính trị ấy không giống với đạo quân chiến tranh. Trong khi bộ chỉ huy quân sự tham chiến với một đạo quân đã sẵn sàng trong tay, thì đảng bắt buộc phải xây dựng đạo quân của mình trong quá trình của ngay cuộc đấu tranh, trong quá trình những cuộc xung đột giai cấp, và trong chừng mực là chính quần chúng, do kinh nghiệm bản thân, tin tưởng vững chắc rằng khẩu hiệu của đảng, chính sách của đảng là đúng.

Dĩ nhiên là mỗi cuộc biểu tình thị uy ấy đồng thời cũng làm sáng tỏ đến một chừng mực nào đó lực lượng so sánh mà chúng ta không thấy rõ, đồng thời cũng lại là một lối thăm dò nào đó; nhưng ở đây, việc thăm dò tuyệt nhiên không phải là động cơ mà là kết quả tự nhiên của cuộc biểu tình thị uy.

Phân tích những sự biến đã xảy ra ngay đêm trước cuộc khởi nghĩa tháng Mười và so sánh nó với các sự biến đã xảy ra trong khoảng thời gian từ tháng Tư đến tháng Bảy, Lê-nin nói:

«Tình hình không giống như trước những ngày 20-21 tháng Tư, trước ngày 9 tháng Sáu, trước ngày 3 tháng Bảy, vì lúc đó có một sự *sục sôi tự phát*, mà chúng ta, về mặt là đảng, chúng ta đã không nắm được (20 tháng Tư) hoặc chúng ta đã kiềm chế lại, biến nó thành một cuộc thị uy hòa bình (9 tháng Sáu và 3 tháng Bảy). Vì lúc đó chúng ta đã biết rất rõ rằng các Xô-viết ***hãy còn*** chưa ủng hộ chúng ta, rằng nông dân ***vẫn còn*** tin tưởng vào con đường mà bọn Li-be-Đan-Tséc-nốp vạch ra, chứ không tin vào con đường của những người bôn-sê-vích (khởi nghĩa), rằng do đó, đa số nhân dân không thể đi theo chúng ta, rằng do đó, cuộc khởi nghĩa là quá sớm» (xem tập XXI, tr. 345)*.

---

* Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 26, tr. 235. *(B.T.)*

Rõ ràng là nếu chỉ có một việc «thăm dò» không thôi, thì sẽ chẳng đi đến đâu cả.

Cố nhiên, đó không phải là vấn đề «thăm dò», mà lại là vấn đề những sự việc sau đây:

1. suốt thời kỳ chuẩn bị Cách mạng tháng Mười, trong cuộc đấu tranh của mình, đảng đã luôn luôn dựa vào cao trào tự phát của phong trào cách mạng có tính chất quần chúng;

2. dựa vào cao trào tự phát ấy, đảng đã đảm bảo cho mình nắm được quyền lãnh đạo phong trào mà không chia sẻ với ai cả;

3. một sự lãnh đạo như thế đối với phong trào đã giúp cho đảng dễ thành lập được đạo quân chính trị có tính chất quần chúng cho cuộc khởi nghĩa tháng Mười;

4. một chính sách như thế nhất thiết phải đưa đến kết quả là toàn bộ cuộc chuẩn bị Cách mạng tháng Mười đều được tiến hành dưới sự lãnh đạo của một chính đảng *duy nhất*, đảng bôn-sê-vích;

5. một cuộc chuẩn bị như thế lại còn đưa đến kết quả là, sau cuộc khởi nghĩa tháng Mười, chính quyền đã lọt vào tay một chính đảng duy nhất, đảng bôn-sê-vích.

Như thế thấy rõ: điểm căn bản trong việc chuẩn bị Cách mạng tháng Mười là quyền lãnh đạo không chia sẻ của một chính đảng *duy nhất*, Đảng cộng sản. Đó là nét đặc trưng của Cách mạng tháng Mười, là đặc điểm thứ nhất của sách lược của những người bôn-sê-vích trong thời kỳ chuẩn bị Cách mạng tháng Mười.

Không cần phải chứng minh cũng thấy rằng, nếu không có đặc điểm ấy trong sách lược của những người bôn-sê-vích, thì không thể nào có được sự thắng lợi của chuyên chính vô sản trong hoàn cảnh chủ nghĩa đế quốc.

Đó là điều thuận lợi hơn làm cho Cách mạng tháng Mười khác với Cách mạng 1871 ở Pháp, vì trong Cách mạng 1871,

quyền lãnh đạo là do hai chính đảng chia nhau, mà trong đó lại không có chính đảng nào có thể gọi là đảng cộng sản được.

Đặc điểm thứ hai. Cuộc chuẩn bị Cách mạng tháng Mười đã được tiến hành như thế, dưới sự lãnh đạo của một chính đảng duy nhất, đảng bôn-sê-vích. Nhưng đảng đã thi hành quyền lãnh đạo *ấy* như thế nào, đảng đã theo đường lối nào? Quyền lãnh đạo *ấy* tiến hành theo đường lối cô lập các đảng *thỏa hiệp* coi đó là những tập đoàn nguy hiểm nhất trong thời kỳ cách mạng bùng nổ, tức là đường lối cô lập bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng và men-sê-vích.

Quy tắc chiến lược cơ bản của chủ nghĩa Lê-nin là gì?

Là thừa nhận rằng:

1. chỗ dựa xã hội nguy hiểm nhất của những kẻ thù của cách mạng trong thời kỳ sắp nổ ra cuộc cách mạng, là các đảng *thỏa hiệp*;

2. không thể nào lật đổ được kẻ thù (chế độ Nga hoàng hoặc giai cấp tư sản), nếu không cô lập được các đảng ấy;

3) trong thời kỳ chuẩn bị cách mạng, những đòn chủ yếu, do đó, phải nhằm cô lập các đảng ấy, tách đông đảo quần chúng lao động ra khỏi ảnh hưởng của các đảng ấy.

Trong thời kỳ đấu tranh chống chế độ Nga hoàng, trong thời kỳ chuẩn bị cuộc cách mạng dân chủ tư sản (1905 - 1916), thì chỗ dựa xã hội nguy hiểm nhất của chế độ Nga hoàng là đảng quân chủ - tự do, tức là đảng dân chủ - lập hiến. Tại sao vậy? Vì lúc bấy giờ, nó là một đảng thỏa hiệp, một đảng chủ trương rằng đại đa số nhân dân, tức là toàn bộ nông dân nên *thỏa hiệp* với chế độ Nga hoàng. Dĩ nhiên là khi đó đảng đã hướng những đòn chủ yếu của mình vào bọn dân chủ-lập hiến, vì nếu không cô lập được bọn dân chủ-lập hiến thì không thể trông mong gì nông dân *đoạn tuyệt* với chế độ Nga hoàng được; và nếu không đảm bảo có sự đoạn tuyệt ấy, thì không thể nào trông mong cách mạng thắng lợi được. Nhiều người,

hồi đó, không hiểu được đặc điểm ấy của chiến lược bôn-sê-vích và trách cứ những người bôn-sê-vích là quá «thù ghét những người dân chủ-lập hiến», họ khẳng định rằng những người bôn-sê-vích «coi trọng» cuộc đấu tranh chống những người dân chủ-lập hiến hơn cuộc đấu tranh chống kẻ thù chính là chế độ Nga hoàng. Nhưng những lời trách móc không có căn cứ ấy đã vạch trần là rõ ràng họ không hiểu được chiến lược bôn-sê-vích, chiến lược đòi phải cô lập đảng thỏa hiệp để tạo điều kiện dễ dàng chiến thắng kẻ thù chính, và tiến đến gần thắng lợi đó.

Vị tất đã cần phải chứng minh rằng nếu không có một chiến lược như thế, thì không thể nào thực hiện được bá quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản trong cuộc cách mạng dân chủ - tư sản.

Trong thời kỳ chuẩn bị cuộc Cách mạng tháng Mười, trọng tâm của các lực lượng đang đấu tranh với nhau đã di chuyển sang một vị trí mới. Lúc bấy giờ, không còn Nga hoàng nữa. Từ lực lượng thỏa hiệp, đảng dân chủ-lập hiến đã trở thành một lực lượng cầm quyền, một lực lượng thống trị của chủ nghĩa đế quốc. Cuộc đấu tranh không còn diễn ra giữa chế độ Nga hoàng và nhân dân nữa, mà lại diễn ra giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản. Trong thời kỳ này, chỗ dựa xã hội nguy hiểm nhất của chủ nghĩa đế quốc là các đảng dân chủ tiểu tư sản, tức là đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng và đảng men-sê-sích. Tại sao vậy? Vì các đảng ấy, lúc bấy giờ, là những đảng thỏa hiệp, những đảng chủ trương rằng quần chúng cần lao nên *thỏa hiệp* với chủ nghĩa đế quốc. Dĩ nhiên là, lúc đó, những người bôn-sê-vích đã hướng những đòn chủ yếu của mình đánh vào các đảng ấy, vì nếu không cô lập các đảng ấy, thì không thể nào trông mong vào sự *đoạn tuyệt* của quần chúng cần lao với chủ nghĩa đế quốc được; mà nếu không đảm bảo sự đoạn tuyệt ấy, thì không thể nào trông mong vào sự thắng lợi của cuộc cách mạng xô-viết được. Nhiều người,

hồi đó, đã không hiểu được đặc điểm ấy trong sách lược của những người bôn-sê-vích, nên họ trách cứ những người bôn-sê-vích là «quá ư thù ghét» những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng và men-sê-vích và «quên» mất mục đích chủ yếu đi. Nhưng toàn bộ thời kỳ chuẩn bị Cách mạng tháng Mười đã chứng tỏ một cách hùng hồn rằng: chính chỉ nhờ có một sách lược như thế, nên những người bôn-sê-vích đã có thể đảm bảo được thắng lợi của Cách mạng tháng Mười.

Nét đặc trưng của thời kỳ đó là quần chúng nông dân lao động ngày càng cách mạng hóa hơn, họ đã thất vọng đối với bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng và men-sê-vích, họ đã xa rời các đảng này, họ đã chuyển hướng để trực tiếp đoàn kết chung quanh giai cấp vô sản là lực lượng cách mạng triệt để duy nhất và có khả năng đưa nước nhà đến hòa bình. Lịch sử của thời kỳ ấy là lịch sử của cuộc đấu tranh vì quần chúng lao động trong giai cấp nông dân, để tranh thủ số quần chúng ấy, giữa một bên là bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng và men-sê-vích và một bên khác là những người bôn-sê-vích. Thời kỳ chính phủ liên hiệp, thời kỳ Kê-ren-ski, việc bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng và men-sê-vích từ chối không chịu tịch thu ruộng đất của bọn đại địa chủ, cuộc đấu tranh của bọn xã hội chủ nghĩa-cách mạng và men-sê-vích để tiếp tục chiến tranh, cuộc tấn công tháng Sáu ngoài mặt trận, hình phạt tử hình đối với binh sĩ, cuộc nổi loạn của Coóc-ni-lốp, tất cả những cái đó đã quyết định vận mệnh của cuộc đấu tranh ấy. Và sự quyết định đó chỉ có lợi cho sách lược bôn-sê-vích thôi. Vì nếu không cô lập được bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng và bọn men-sê-vích, thì không thể nào lật đổ được chính phủ của bọn đế quốc; mà nếu không lật đổ được chính phủ này, thì không thể nào thoát ra khỏi chiến tranh được. Chính sách cô lập bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng và men-sê-vích rõ ràng là một chính sách duy nhất đúng.

Như vậy, cô lập đảng men-sê-vích và đảng xã hội chủ nghĩa-cách mạng là đường lối lãnh đạo chủ yếu trong việc chuẩn bị Cách mạng tháng Mười; đó là đặc điểm thứ hai trong sách lược của những người bôn-sê-vích.

Không cần phải chứng minh cũng thấy rằng, nếu không có đặc điểm ấy của sách lược bôn-sê-vích, thì sự liên minh giữa giai cấp công nhân và quần chúng lao động trong nông dân sẽ nằm lơ lửng trên không.

Điều đáng chú ý là Tơ-rốt-ski không hề đả động gì đến đặc điểm ấy của sách lược bôn-sê-vích trong cuốn *Những bài học tháng Mười* của ông ta.

Đặc điểm thứ ba. Như vậy thì sự lãnh đạo của đảng trong việc chuẩn bị Cách mạng tháng Mười đã theo đường lối cô lập đảng xã hội chủ nghĩa-cách mạng và đảng men-sê-vích,— đường lối này nhằm tách quảng đại quần chúng công nông ra khỏi các đảng ấy. Nhưng cụ thể đảng đã thực hiện sự cô lập ấy như thế nào, dưới hình thức nào, theo khẩu hiệu nào? Sự cô lập ấy đã được thực hiện dưới hình thức một phong trào cách mạng của quần chúng để giành lấy chính quyền xô-viết, theo khẩu hiệu «Toàn bộ chính quyền về tay các Xô-viết», bằng cách đấu tranh để biến các Xô-viết, từ các cơ quan động viên quần chúng thành những cơ quan khởi nghĩa, thành những cơ quan chính quyền, thành bộ máy của một Nhà nước vô sản mới.

Tại sao những người bôn-sê-vích lại nắm ngay chính các Xô-viết làm một thứ đòn bẩy cơ bản về mặt tổ chức có thể làm cho việc cô lập bọn men-sê-vích và xã hội chủ nghĩa-cách mạng được dễ dàng, có khả năng thúc đẩy cách mạng vô sản tiến tới, và có sứ mạng đưa đông đảo quần chúng lao động tới thắng lợi của chuyên chính vô sản.

Xô-viết là gì?

Ngay từ tháng Chín 1917, Lê-nin đã nói:

«Các Xô-viết hợp thành một bộ máy Nhà nước mới, bộ máy này tiêu biểu, trước hết, cho lực lượng vũ trang của công nông, lực lượng không tách rời khỏi nhân dân như lực lượng của quân đội thường trực cũ, mà lại gắn chặt với nhân dân; về mặt quân sự, thì lực lượng ấy vô cùng mạnh hơn những lực lượng trước kia; về mặt cách mạng, thì không thể đem một lực lượng nào khác thay thế nó được. Hai là, bộ máy đó thiết lập được với quần chúng, với đại đa số nhân dân, một mối liên hệ chặt chẽ, cố kết, dễ kiểm soát và đổi mới, đến nỗi người ta không tài nào tìm ra được một cái gì tương tự như thế trong bộ máy Nhà nước cũ. Ba là, do nhân dân bầu ra và có thể thay đổi thành phần tùy theo ý nguyện của nhân dân mà không cần phải có những thủ tục quan liêu, nên bộ máy ấy dân chủ hơn tất cả các bộ máy trước kia rất nhiều. Bốn là, nó bảo đảm được mối liên hệ vững chắc với đủ các thứ nghề nghiệp, do đó làm dễ dàng cho việc thi hành một cách không quan liêu những cải cách về nhiều mặt nhất và sâu xa nhất. Năm là, nó là một hình thức tổ chức của đội tiên phong, nghĩa là của bộ phận giác ngộ nhất, cương quyết nhất, tiên tiến nhất của các giai cấp *bị áp bức*, tức là công nhân và nông dân; vậy nó là bộ máy mà đội tiên phong của các giai cấp bị áp bức dùng để nâng cao, giáo dục, rèn luyện và lôi kéo theo mình *toàn thể quần chúng đông đảo* trong các giai cấp ấy, từ trước đến nay vẫn hoàn toàn đứng ngoài lề đời sống chính trị, ngoài lề lịch sử. Sáu là, nó cho phép kết hợp những cái hay của chế độ đại nghị với những cái hay của chế độ dân chủ trực tiếp và chân chính, nghĩa là cho phép ta tập hợp vào cá nhân những đại biểu do nhân dân bầu ra, quyền lập pháp *và quyền hành pháp*. So với chế độ đại nghị tư sản thì đó là một bước tiến có ý nghĩa lịch sử toàn thế giới trong quá trình phát triển chế độ dân chủ...

Nếu tài sáng tạo của các giai cấp cách mạng đã không tạo ra được các Xô-viết, thì cách mạng vô sản ở Nga sẽ là một công cuộc vô hy vọng, vì với bộ máy Nhà nước cũ, chắc chắn là giai cấp vô sản không thể nào giữ được chính quyền, và người ta không thể trong chốc lát tạo ra ngay được một bộ máy mới» (xem tập XXI, tr. 258 - 259)*.

---

* Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội 1963, tập 26, tr. 108 - 110. *(B.T.)*

Vì thế những người bôn-sê-vích đã nắm lấy các Xô-viết làm một cái khâu tổ chức cơ bản, cái khâu này có thể làm dễ dàng cho việc tổ chức Cách mạng tháng Mười và cho việc tạo ra một bộ máy Nhà nước vô sản mới và hùng mạnh.

Khẩu hiệu: «Toàn bộ chính quyền về tay các Xô-viết», về mặt phát triển bên trong, đã trải qua hai giai đoạn: giai đoạn thứ nhất (cho tới sự thất bại của những người bôn-sê-vích hồi tháng Bảy, trong thời kỳ hai chính quyền song song tồn tại), và giai đoạn thứ hai (sau khi cuộc nổi loạn Coóc-ni-lốp thất bại).

Trong giai đoạn thứ nhất, khẩu hiệu đó có nghĩa là làm cho khối những người men-sê-vích và xã hội chủ nghĩa - cách mạng sẽ đoạn tuyệt với những người dân chủ - lập hiến, là một chính phủ xô-viết sẽ thành lập gồm những người men-sê-vích và xã hội chủ nghĩa - cách mạng (vì các Xô-viết, hồi đó, do những người men-sê-vích và xã hội chủ nghĩa - cách mạng nắm), là phe đối lập (tức là những người bôn-sê-vích) được quyền tự do cổ động và các chính đảng có quyền tự do đấu tranh trong nội bộ các Xô-viết, cuộc đấu tranh này tất nhiên phải giúp cho những người bôn-sê-vích giành lấy các Xô-viết và thay đổi thành phần chính phủ xô-viết, trong quá trình phát triển hòa bình của cách mạng. Kế hoạch ấy cố nhiên không có nghĩa là chuyên chính vô sản. Nhưng nhất định là nó làm dễ dàng cho việc chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đảm bảo chuyên chính; vì đưa được bọn men-sê-vích và xã hội chủ nghĩa - cách mạng lên nắm chính quyền và bắt buộc chúng phải thực hiện trên thực tế cương lĩnh phản cách mạng của chúng, là kế hoạch đó làm cho các đảng ấy chóng bị lộ chân tướng, chóng bị cô lập, chóng bị quần chúng xa lìa. Nhưng sự thất bại của những người bôn-sê-vích hồi tháng Bảy đã làm cho quá trình phát triển đó gián đoạn, khiến cho thế lực phản cách mạng của bọn tướng tá và bọn dân chủ - lập hiến chiếm được ưu thế, và làm cho bọn xã hội

chủ nghĩa - cách mạng và men-sê-vích ngả theo thế lực phản cách mạng. Hoàn cảnh đó đã bắt buộc đảng phải tạm thời rút khẩu hiệu «Toàn bộ chính quyền về tay các Xô-viết», đề rồi lại đề nó ra khi có một cao trào cách mạng mới.

Sự thất bại của cuộc nổi loạn của Coóc-ni-lốp đã mở đầu cho giai đoạn thứ hai. Khẩu hiệu «Toàn bộ chính quyền về tay các Xô-viết» lại được đề ra cấp bách. Nhưng lúc này, khẩu hiệu đó không còn có cùng một ý nghĩa như trong giai đoạn thứ nhất nữa. Nội dung của nó đã thay đổi về căn bản. Lúc bấy giờ, khẩu hiệu đó có nghĩa là đoạn tuyệt hoàn toàn với chủ nghĩa đế quốc và chuyền chính quyền vào tay những người bôn-sê-vích, vì những người bôn-sê-vích đã chiếm đa số trong các Xô-viết rồi. Lúc bấy giờ, khẩu hiệu đó có nghĩa là : cách mạng tiến thẳng đến chuyên chính vô sản bằng con đường khởi nghĩa. Hơn nữa, lúc bấy giờ, khẩu hiệu đó có nghĩa là tổ chức chuyên chính vô sản và làm cho chuyên chính ấy có hình thức Nhà nước.

Điều đã làm cho sách lược biến các Xô-viết thành những cơ quan của chính quyền Nhà nước có một ý nghĩa không thể đánh giá hết được, chính là ở chỗ sách lược đó đã giải thoát đông đảo quần chúng lao động ra khỏi chủ nghĩa đế quốc, đã tố giác đảng men-sê-vích và đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng là công cụ của chủ nghĩa đế quốc, và đã đưa quần chúng đó có thể nói là thẳng đến chuyên chính vô sản.

Vì vậy, chủ trương biến các Xô-viết thành những cơ quan của chính quyền Nhà nước là điều kiện quan trọng nhất của việc cô lập các đảng thỏa hiệp và của sự thắng lợi của chuyên chính vô sản. Đó là đặc điểm thứ ba của sách lược của những người bôn-sê-vích trong thời kỳ chuẩn bị Cách mạng tháng Mười.

Đặc điểm thứ tư. Tình hình trình bày sẽ không được toàn diện, nếu chúng ta không chú trọng đến vấn đề xem xem như thế nào và tại sao những người bôn-sê-vích đã biến được các

khẩu hiệu của đảng thành những khẩu hiệu của đông đảo quần chúng, thành những khẩu hiệu thúc đẩy cách mạng tiến lên; tại sao và như thế nào mà đảng đã thuyết phục được chẳng những đội tiên phong và đa số trong giai cấp công nhân, mà cả đa số trong nhân dân nữa, để họ tin chắc rằng chính sách của đảng là đúng.

Sự thật là: muốn cho một cuộc cách mạng thắng lợi, — nếu đó là một cuộc cách mạng thật sự có tính chất nhân dân và bao gồm đông đảo quần chúng, — mà chỉ có những khẩu hiệu đúng đắn của đảng thôi, thì chưa đủ. Muốn cho một cuộc cách mạng thắng lợi, cần phải có một điều kiện cần thiết nữa là: làm sao cho bản thân quần chúng do kinh nghiệm riêng của mình nhận rõ rằng những khẩu hiệu ấy là đúng. Chỉ có như thế thì những khẩu hiệu của đảng mới trở thành những khẩu hiệu của bản thân quần chúng. Chỉ có như thế thì cách mạng mới thật sự trở thành một cuộc cách mạng có tính chất nhân dân. Một trong những đặc điểm của sách lược của những người bôn-sê-vích trong thời kỳ chuẩn bị Cách mạng tháng Mười, là sách lược đó biết định ra một cách đúng đắn những con đường và bước ngoặt tất nhiên phải đưa quần chúng tới những khẩu hiệu của đảng, có thể nói là tới chính ngay ngưỡng cửa của cách mạng, do đó, giúp cho họ dễ cảm thấy, dễ kiểm tra và dễ công nhận, bằng kinh nghiệm riêng của mình, sự đúng đắn của những khẩu hiệu ấy. Nói một cách khác, một trong những đặc điểm của sách lược bôn-sê-vích là sách lược đó không lẫn lộn hai việc này với nhau: lãnh đạo đảng và lãnh đạo quần chúng; là nó thấy rõ sự khác nhau giữa phương thức lãnh đạo thứ nhất và phương thức lãnh đạo thứ hai, và do đó, nó chẳng những là khoa học lãnh đạo đảng, mà còn là khoa học lãnh đạo đông đảo quần chúng lao động nữa.

Kinh nghiệm triệu tập và giải tán Quốc hội lập hiến là một ví dụ nổi bật về sự biểu hiện của đặc điểm đó của sách lược bôn-sê-vích.

Người ta biết rằng những người bôn-sê-vích đã đề ra khẩu hiệu Cộng hòa xô-viết ngay từ tháng Tư 1917. Người ta biết rằng Quốc hội lập hiến là một Nghị viện tư sản mâu thuẫn rõ rệt với những nguyên tắc của nước Cộng hòa xô-viết. Làm sao lại có thể xảy ra tình trạng là những người bôn-sê-vích, trong lúc đang tiến tới Cộng hòa xô-viết, mà đồng thời lại đòi Chính phủ lâm thời phải triệu tập ngay Quốc hội lập hiến? Làm sao lại có thể xảy ra tình trạng là những người bôn-sê-vích, chẳng những đã tham gia tuyển cử, mà chính họ còn đứng ra triệu tập Quốc hội lập hiến nữa? Làm sao lại có thể xảy ra tình trạng là, một tháng trước khi khởi nghĩa, những người bôn-sê-vích đã nhận là có thể tạm thời phối hợp Cộng hòa xô-viết với Quốc hội lập hiến, trong lúc mà trật tự cũ đang chuyển sang trật tự mới?

Tình trạng đó «đã xảy ra» bởi vì:

1. tư tưởng về Quốc hội lập hiến là một trong những tư tưởng được nhiều người tán thành nhất, trong số đông đảo quần chúng nhân dân;

2. khẩu hiệu triệu tập ngay Quốc hội lập hiến giúp ta dễ bóc trần bản chất phản cách mạng của Chính phủ lâm thời hơn;

3. muốn quét sạch uy tín của tư tưởng về Quốc hội lập hiến trước quần chúng nhân dân, thì cần phải đưa số quần chúng đó cùng với những yêu sách của họ về ruộng đất, về hòa bình, về Chính quyền xô-viết, đến tận cửa Quốc hội lập hiến, do đó làm cho họ tiếp xúc được với Quốc hội lập hiến có thực và đang tồn tại;

4. đó là phương sách duy nhất giúp cho quần chúng dễ thấy rõ hơn, qua kinh nghiệm bản thân, bản chất phản cách mạng của Quốc hội lập hiến và sự cần thiết phải giải tán Quốc hội ấy;

5. tự nhiên là tất cả những điều đó đã tạo ra khả năng phối hợp tạm thời Cộng hòa xô-viết với Quốc hội lập hiến, coi đó là một trong những phương sách nhằm loại bỏ Quốc hội lập hiến ;

6. một sự phối hợp như thế, nếu được thực hiện, *với điều kiện* là toàn bộ chính quyền phải chuyền về tay các Xô-viết, chỉ có thể có nghĩa là làm cho Quốc hội lập hiến phải phục tùng các Xô-viết, biến Quốc hội ấy thành vật phụ thuộc các Xô-viết, làm cho Quốc hội ấy tiêu vong một cách êm thấm.

Vị tất đã cần phải chứng minh rằng nếu không có chính sách ấy của những người bôn-sê-vích, thì việc giải tán Quốc hội lập hiến sẽ không được dễ dàng đến như thế, và hành động sau này của bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng và men-sê-vích dưới khẩu hiệu «Toàn bộ chính quyền về tay Quốc hội lập hiến» sẽ không tan vỡ một cách dữ dội như vậy được.

Lê-nin nói :

«Chúng ta đã tham gia tuyển cử vào Nghị viện tư sản Nga, vào Quốc hội lập hiến, trong khoảng tháng Chín - tháng Một 1917. Sách lược của chúng ta có đúng hay không ?... Hồi tháng Chín - tháng Một 1917, chúng ta, những người bôn-sê-vích Nga, há lại không có quyền *hơn* tất cả những người cộng sản phương Tây đề nói rằng, về phương diện chính trị chế độ nghị trường ở Nga đã quá thời rồi, hay sao ? Dĩ nhiên là lúc ấy chúng ta có quyền nói như thế, vì vấn đề không phải là xem xem những nghị viện tư sản đã có từ lâu hay mới có, mà là xem xem đại đa số quần chúng lao động có *sẵn sàng* (về tư tưởng, về chính trị, về thực tiễn) thừa nhận chế độ xô-viết và giải tán — hoặc đồng ý đề cho người ta giải tán — nghị viện dân chủ-tư sản hay không. Do điều kiện đặc biệt, giai cấp công nhân thành thị, binh lính và nông dân Nga, hồi tháng Chín - tháng Một 1917, đã được chuần bị chu đáo lạ thường đề chấp nhận chế độ xô-viết và đề giải tán cái nghị viện dân chủ nhất trong những nghị viện dân chủ - tư sản, đó là một sự kiện lịch sử hoàn toàn không thề phủ nhận được và đã được xác định chắc chắn. Thế mà, người bôn-sê-vích *đã không* tầy chay

Quốc hội lập hiến; trái lại, họ đã tham gia các cuộc tuyển cử trước *và sau* khi giai cấp vô sản cướp được chính quyền» (xem tập XXV, tr. 201 - 202)*.

Tại sao họ đã không tẩy chay Quốc hội lập hiến? Bởi vì, theo lời của Lê-nin:

«Ngay cả vài tuần lễ trước khi Cộng hòa xô-viết thắng lợi, *ngay cả sau* sự thắng lợi đó, thì việc tham gia một nghị viện dân chủ-tư sản, đã không có hại gì cho giai cấp vô sản cách mạng hết, mà còn giúp giai cấp vô sản *chứng minh* được dễ dàng hơn cho quần chúng lạc hậu thấy vì sao những nghị viện tư sản ấy đáng phải giải tán, nó còn làm cho việc giải tán nghị viện *dễ* thành công, làm cho việc «loại bỏ» chế độ nghị trường tư sản «ra ngoài vòng chính trị» được *dễ dàng (như trên)***.

Có điều đáng chú ý là Tơ-rốt-ski không hiểu được đặc điểm ấy của sách lược bôn-sè-vích, ông ta tỏ vẻ không bằng lòng cái «lý luận» về sự phối hợp Quốc hội lập hiến với các Xô-viết, cho đấy là một lý luận theo kiểu Hin-phéc-đin.

Ông ta không hiểu được rằng chấp nhận một sự phối hợp như thế, khi đã có *trước mắt* khẩu hiệu khởi nghĩa, và chấp nhận việc triệu tập Quốc hội lập hiến, khi thắng lợi của các Xô-viết đã thành chắc chắn, thì sách lược đó là sách lược cách mạng duy nhất, không có chút gì giống sách lược kiểu Hin-phéc-đin, tức là sách lược có xu hướng biến các Xô-viết thành vật phụ thuộc của Quốc hội lập hiến; ông ta không hiểu được rằng khuyết điểm của một vài đồng chí trong vấn đề *đó* không cho phép ông ta được quyền phỉ báng lập trường hoàn toàn đúng của Lê-nin và của đảng về khả năng chấp nhận một «kiểu Nhà nước phối hợp» (xem tập XXI, tr. 338)*** *trong* những điều kiện nào đó.

---

* Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 31 tr. 41. *(B.T.)*

** *Như trên*, tr. 426. *(B.T.)*

*** Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 26, tr. 223 - 224. *(B.T.)*

Ông ta không hiểu được rằng nếu không có chính sách đặc biệt mà những người bôn-sê-vích đã chủ trương đối với Quốc hội lập hiến, thì họ sẽ không tranh thủ được về mình đông đảo quần chúng trong nhân dân và nếu không giành được số quần chúng ấy, thì họ sẽ không thể biến cuộc khởi nghĩa tháng Mười thành một cuộc cách mạng nhân dân sâu xa được.

Có điều đáng chú ý là Tơ-rốt-ski tỏ vẻ không bằng lòng những danh từ «nhân dân», «dân chủ cách mạng», v.v., gặp trong những bài báo của những người bôn-sê-vích và ông ta cho rằng đối với một người mác-xít thì đó là những danh từ không thích đáng.

Cố nhiên là Tơ-rốt-ski quên rằng, ngay hồi tháng Chín 1917, tức là một tháng trước khi chuyên chính vô sản thắng lợi, Lê-nin, nhà mác-xít chân chính đó, đã viết về sự «cần thiết phải chuyển ngay toàn bộ chính quyền cho phái *dân chủ cách mạng do giai cấp vô sản cách mạng lãnh đạo*» (xem tập XXI, tr. 198)*.

Cố nhiên là Tơ-rốt-ski quên rằng, khi dẫn chứng bức thư nổi tiếng của Mác gửi cho Cu-ghen-man[80] (tháng Tư 1871) trong đó có nói rằng việc phá hủy bộ máy quan liêu và quân sự của Nhà nước là điều kiện tiên quyết của mọi cuộc cách mạng thực sự có tính chất *nhân dân* trên lục địa, Lê-nin, nhà mác-xít chân chính đó, đã viết bằng mực đen giấy trắng như thế này :

«Điều đáng được đặc biệt chú ý là điểm nhận xét rất sâu sắc này của Mác cho rằng phá hủy bộ máy quan liêu và quân sự của Nhà nước là «điều kiện tiên quyết của mọi cuộc cách mạng thực sự *nhân dân*». Khái niệm cách mạng «nhân dân» ấy, từ miệng Mác nói ra, tựa hồ đáng lấy làm lạ ; và ở Nga thì bọn đồ đệ của Pơ-lê-kha-nốp cũng như bọn men-sê-vích, bọn vốn là đồ đệ của Stơ-ru-vê mà lại muốn tự mệnh danh là mác-xít, rất có thể cho

---

* Xem V. I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 26, tr. 19. *(B.T.)*

câu nói ấy của Mác là «nhỡ lời». Chúng đã bóp méo chủ nghĩa Mác thành một thứ học thuyết tự do chủ nghĩa vô giá trị đến nỗi, đối với chúng, ngoài vấn đề đối lập cách mạng tư sản với cách mạng vô sản ra thì không còn có gì khác nữa; và chúng còn quan niệm vấn đề đối lập đó một cách vô cùng kinh viện nữa...

Vào năm 1871, trên lục địa châu Âu, ở bất cứ nước nào, giai cấp vô sản cũng không phải là đa số trong nhân dân. Cách mạng chỉ có bao gồm cả giai cấp vô sản và nông dân thì mới có thể là cách mạng «nhân dân» và mới thật sự lôi kéo được đa số nhân dân vào trong phong trào. Hồi bấy giờ, chính hai giai cấp ấy họp thành «nhân dân». Hai giai cấp ấy đoàn kết với nhau vì cả hai cùng bị «bộ máy Nhà nước quan liêu và quân sự» áp bức, đè nén bóc lột. *Đập tan* bộ máy ấy, *phá hủy* nó đi, đó là lợi ích thật sự của «nhân dân», của đa số nhân dân, của công nhân và của đa số nông dân: đó là «điều kiện tiên quyết» của sự liên minh tự do giữa nông dân nghèo và vô sản. Mà không có sự liên minh đó, thì không thể có dân chủ vững bền, không thể có cải tạo xã hội chủ nghĩa được» (xem tập XXI, tr. 395 - 396)*.

Chúng ta không được phép quên những dòng trên đây của Lê-nin.

Vì vậy, biết lấy kinh nghiệm của bản thân quần chúng mà thuyết phục cho quần chúng tin chắc rằng những khẩu hiệu của đảng là đúng, đồng thời dẫn dắt họ đến chỗ có được lập trường cách mạng, đó là điều kiện quan trọng nhất để cho đảng tranh thủ được hàng triệu người lao động, — đó là đặc điểm thứ tư của sách lược của những người bôn-sê-vích trong thời kỳ chuẩn bị Cách mạng tháng Mười.

Tôi thiết tưởng rằng để hiểu rõ được các nét đặc trưng của sách lược ấy, thì những điều vừa nói trên đây cũng hoàn toàn đầy đủ rồi.

---

* Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 25, tr. 484 - 485. *(B.T.)*

IV

CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI, BƯỚC ĐẦU VÀ TIỀN ĐỀ CỦA CÁCH MẠNG THẾ GIỚI

Chắc chắn là cái lý luận vạn năng về sự thắng lợi đồng thời của cách mạng tại các nước chủ yếu ở châu Âu, tức là lý luận cho rằng chủ nghĩa xã hội không thể nào thắng lợi được trong riêng một nước, đã rõ ràng là một thứ lý luận giả tạo không đứng vững được. Bằng chứng của lịch sử bảy năm cách mạng vô sản ở Nga đã không xác nhận, mà còn chống lại lý luận ấy. Lý luận ấy không những không thể chấp nhận làm một phương án phác họa tình hình phát triển của cách mạng thế giới, vì nó mâu thuẫn với sự thật hiển nhiên. Lý luận đó càng không thể chấp nhận làm khẩu hiệu được, vì nó không phát huy, mà lại làm trở ngại cho sáng kiến của các nước nhờ một vài điều kiện lịch sử nào đó mà có đủ sức tự mình chọc thủng mặt trận Tư bản; vì nó không kích thích các nước khác nhau tích cực tiến công Tư bản, mà chỉ gây thái độ chờ đợi «sự kết thúc chung» một cách thụ động; vì nó không bồi dưỡng tinh thần kiên quyết cách mạng trong số những người vô sản ở các nước khác, mà lại nuôi dưỡng tinh thần hoài nghi theo kiểu Hăm-lét: «Như thế nếu những người khác sẽ không ủng hộ chúng ta thì sao!». Lê-nin đã hoàn toàn có lý khi Người nói rằng sự thắng lợi của giai cấp vô sản trong riêng một nước là một «trường hợp điển hình»; rằng «cuộc cách mạng cùng nổ ra một lúc tại nhiều nước» chỉ có thể là một «ngoại lệ hiếm có» mà thôi (xem tập XXIII, tr. 354)*.

Nhưng lý luận của Lê-nin về cách mạng, như người ta đã biết, không tự đóng khung trong riêng mặt ấy của vấn đề.

* Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 28, tr. 232. *(B.T.)*

Nó đồng thời cũng là lý luận về sự phát triển của cách mạng thế giới*. Sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội trong riêng một nước không phải là một mục đích độc lập tự tại. Không nên coi cuộc cách mạng trong một nước thắng lợi như một cái gì độc lập tự tại, mà phải coi cuộc cách mạng đó là một trợ lực, một công cụ *để* thúc đẩy cho thắng lợi của giai cấp vô sản trong tất cả các nước được mau chóng. Bởi vì thắng lợi của cách mạng trong riêng một nước, như trường hợp nước Nga, không phải chỉ là kết quả của sự phát triển không đều và sự tan rã tuần tự của chủ nghĩa đế quốc. Thắng lợi đó đồng thời cũng là bước đầu và tiền đề của cách mạng thế giới.

Chắc chắn rằng những con đường phát triển của cách mạng thế giới không phải là đơn giản như người ta đã có thể tưởng tượng trước kia, khi cách mạng chưa thắng lợi trong riêng một nước, khi chưa xuất hiện chủ nghĩa đế quốc phát triển, tức là «đêm trước của cách mạng xã hội chủ nghĩa». Bởi vì một nhân tố mới đã xuất hiện, tức là quy luật phát triển không đồng đều của các nước tư bản chủ nghĩa, quy luật này phát huy tác dụng trong điều kiện chủ nghĩa đế quốc phát triển, và chứng thực rằng không thể nào tránh khỏi được những cuộc xung đột vũ trang, rằng cả mặt trận tư bản chủ nghĩa thế giới đã suy yếu và chủ nghĩa xã hội có thể thắng lợi được trong những nước riêng rẽ. Bởi vì một nhân tố mới đã xuất hiện: nước Xô-viết mông mênh, nằm giữa phương Đông và phương Tây, giữa trung tâm bóc lột tài chính trên thế giới và vũ đài áp bức thuộc địa, một nước mà chỉ riêng sự tồn tại của nó cũng đủ cách mạng hóa toàn thế giới.

Đó là những nhân tố (tôi không nói tới những nhân tố khác ít quan trọng hơn) mà người ta không thể không đếm xỉa tới, khi nghiên cứu những con đường của cách mạng thế giới.

---

* Xem trên kia: *Về những nguyên lý của chủ nghĩa Lê-nin*, *J. Sta-lin*.

Trước kia, người ta thường tưởng rằng cách mạng sẽ phát triển theo con đường các thành phần của chủ nghĩa xã hội «chín muồi» một cách đều đặn, trước hết là trong các nước phát triển nhất, trong các nước «tiên tiến». Bây giờ đây thì cách nhìn ấy cần phải được thay đổi về căn bản.

Lê-nin nói :

«Hệ thống quan hệ quốc tế hiện nay đang ở vào tình trạng mà ở châu Âu, một nước — nước Đức — đương bị các nước chiến thắng nô dịch. Sau nữa, rất nhiều nước, mà lại là những nước trong số cổ nhất ở Tây Âu, sau khi thắng trận, đều có những điều kiện khiến có thể dùng sự thắng trận đó để thực hiện một số những nhượng bộ đối với những giai cấp bị chúng áp bức, những nhượng bộ đó, tuy không quan trọng, nhưng cũng đã làm cho phong trào cách mạng trong những nước ấy chậm lại và tạo ra một thứ «hòa bình» xã hội bề ngoài».

«Đồng thời lại có rất nhiều nước — phương Đông, các xứ Ấn-độ, Trung-quốc, v.v. — chính vì cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa vừa rồi mà hoàn toàn bị quẳng ra khỏi con đường cũ. Sự phát triển của các nước này đều hướng hẳn theo con đường chung của chủ nghĩa tư bản châu Âu. Trong các nước đó, đã bắt đầu nung nấu một phong trào đang làm chấn động cả châu Âu. Và bây giờ đây, toàn thế giới đều thấy rõ rằng các nước ấy đã nhảy vào một con đường phát triển không thể nào không đưa đến một cuộc khủng hoảng trong toàn bộ chủ nghĩa tư bản thế giới».

Vì có tình hình đó và nhờ có tình hình đó, «các nước tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu sẽ hoàn thành được bước phát triển của họ đến chủ nghĩa xã hội... không phải như trước đây chúng ta tưởng. Họ sẽ hoàn thành bước phát triển đó không phải do chủ nghĩa xã hội đã «chín muồi» một cách đều đặn trong nước họ, mà do sự bóc lột của những nước này đối với những nước khác, do sự bóc lột nước đầu tiên bị thua trận trong cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, cộng với sự bóc lột toàn thể phương Đông. Mặt khác, chính vì cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa lần thứ nhất đó, mà phương Đông đã bước hẳn vào phong trào cách mạng và đã được lôi cuốn hẳn vào trong toàn bộ phong trào cách mạng thế giới» (xem tập XXVII, tr. 415 - 416)*.

---

* Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 33, tr. 456 - 457. *(B.T.)*

Nếu người ta thêm vào đó rằng không phải chỉ riêng các nước chiến bại và thuộc địa mới bị các nước chiến thắng bóc lột, mà một phần các nước chiến thắng cũng rơi vào vòng bóc lột tài chính của những nước chiến thắng mạnh nhất, như Mỹ và Anh; rằng những mâu thuẫn giữa tất cả các nước ấy là nhân tố căn bản làm cho chủ nghĩa đế quốc thế giới phải tan rã; rằng ngoài những mâu thuẫn đó ra, còn có những mâu thuẫn khác, sâu sắc hơn, đang phát triển trong nội bộ mỗi nước ấy; rằng tất cả những mâu thuẫn ấy ngày càng sâu sắc và trầm trọng hơn, vì bên cạnh các nước ấy có nước Cộng hòa xô-viết vĩ đại, — nếu chú ý đến tất cả những việc trên đây, thì người ta sẽ có một bức họa ít nhiều đầy đủ về tính chất độc đáo của tình hình quốc tế.

Điều có thể chắc chắn nhất là: cách mạng thế giới sẽ phát triển bằng cách là một loạt những nước mới sẽ thông qua con đường cách mạng mà tách ra khỏi hệ thống các nước đế quốc chủ nghĩa với sự ủng hộ của giai cấp vô sản các nước đế quốc chủ nghĩa đối với những người vô sản các nước đó. Chúng ta thấy rằng nước đầu tiên đã tách ra tức là nước thắng lợi đầu tiên, đã được công nhân và quần chúng lao động các nước khác ủng hộ rồi. Nước đầu tiên này sẽ không đứng vững được nếu không có sự ủng hộ ấy. Chắc chắn là sự ủng hộ ấy sẽ ngày càng được tăng cường và phát triển thêm nữa. Mà cũng chắc chắn rằng, nếu chủ nghĩa xã hội càng được củng cố một cách sâu hơn trong nước thắng lợi đầu tiên, nếu nước này càng nhanh chóng biến thành một cơ sở phát triển sau này của cách mạng thế giới, thành một động lực thúc đẩy hơn nữa sự tan rã sau này của chủ nghĩa đế quốc, thì chính sự phát triển của cách mạng thế giới, chính quá trình tách khỏi chủ nghĩa đế quốc của một loạt những nước mới sẽ càng mau chóng và sâu sắc hơn.

Nếu luận điểm cho rằng không thể nào có được thắng lợi *hoàn toàn* của chủ nghĩa xã hội trong nước đầu tiên được giải

phóng, nếu không có những cố gắng phối hợp với nhau của vô sản trong nhiều nước, nếu luận điểm đó mà đúng, thì luận điểm sau này cũng đúng, tức là: sự giúp đỡ của nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên đối với công nhân và quần chúng lao động tất cả các nước khác càng có hiệu lực bao nhiêu, thì cách mạng thế giới càng phát triển nhanh chóng và sâu sắc bấy nhiêu.

Sự giúp đỡ ấy biểu hiện ở chỗ nào?

Một là, sự giúp đỡ ấy biểu hiện ở chỗ là nước thắng lợi «sẽ thực hiện đến mức cao nhất những điều có thể thực hiện được trong riêng một nước, *để* phát triển, ủng hộ, thúc đẩy cuộc cách mạng *trong tất cả các nước*» (xem tập XXIII, tr. 385)*.

Hai là, sự giúp đỡ ấy biểu hiện ở chỗ là «giai cấp vô sản chiến thắng» trong riêng một nước, «sau khi đã tịch thu tài sản của bọn tư bản và đã tổ chức nền sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nước mình, sẽ đứng lên... *chống lại* cái phần thế giới tư bản chủ nghĩa còn lại, bằng cách lôi cuốn những giai cấp bị áp bức ở các nước khác theo mình, bằng cách thúc đẩy họ nổi dậy chống bọn tư bản, bằng cách sử dụng khi cần, ngay cả lực lượng quân sự, để chống các giai cấp bóc lột và Nhà nước của chúng» (xem tập XVIII, tr. 232 - 233)**.

Đặc điểm của sự giúp đỡ ấy của nước thắng lợi, không phải chỉ biểu hiện ở chỗ là sự giúp đỡ đó làm cho vô sản các nước khác chóng đi đến thắng lợi, mà còn ở chỗ là, trong lúc làm cho sự thắng lợi đó được dễ dàng, thì chính do đó mà sự giúp đỡ ấy cũng đã đảm bảo được thắng lợi *hoàn toàn* của chủ nghĩa xã hội trong nước thắng lợi đầu tiên nữa.

---

* Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 28, tr. 269. *(B.T.)*

** Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 21, tr. 399. *(B.T.)*

Điều có thể chắc chắn nhất là trong quá trình phát triển của cách mạng thế giới thì những trung tâm của chủ nghĩa xã hội trong một số nước xô-viết nào đó và một hệ thống gồm các trung tâm đó trên toàn thế giới sẽ hình thành ra bên cạnh những trung tâm của chủ nghĩa đế quốc trong một số nước tư bản chủ nghĩa nào đó và cái hệ thống gồm các nước đó trên toàn thế giới; và cuộc đấu tranh giữa hai hệ thống ấy sẽ choán hết lịch sử phát triển của cách mạng thế giới.

Vì, như Lê-nin đã nói:

«Không có cuộc đấu tranh bền bỉ và tương đối lâu dài của các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa chống các nước lạc hậu, thì không thể thực hiện được sự liên hiệp tự do giữa các dân tộc trên cơ sở chủ nghĩa xã hội» *(như trên)*.

Tầm quan trọng thế giới của cuộc Cách mạng tháng Mười không phải chỉ ở chỗ cuộc Cách mạng đó tiêu biểu cho một sáng kiến vĩ đại của một nước nhằm phá vỡ hệ thống đế quốc chủ nghĩa, và không phải chỉ ở chỗ nó là trung tâm đầu tiên của chủ nghĩa xã hội giữa cái biển bao la các nước đế quốc chủ nghĩa, mà còn ở chỗ nó là giai đoạn đầu tiên và là cơ sở hùng mạnh của sự phát triển sau này của cách mạng thế giới.

Do đó, đã phạm sai lầm, chẳng riêng gì những kẻ vì quên mất tính chất quốc tế của Cách mạng tháng Mười mà tuyên bố rằng sự thắng lợi của cách mạng trong riêng một nước là một hiện tượng thuần túy dân tộc và chỉ là một hiện tượng dân tộc thôi. Mà ngay đến cả những kẻ tuy không quên tính chất quốc tế của Cách mạng tháng Mười, nhưng lại có khuynh hướng xem cuộc cách mạng ấy như một cái gì bị động, chỉ việc ngồi nhận sự viện trợ bên ngoài mà thôi, — thì những kẻ đó cũng sai lầm nốt. Thật ra thì không phải chỉ có Cách mạng

tháng Mười mới cần được cách mạng ở các nước khác ủng hộ; mà cách mạng ở các nước này cũng cần có sự ủng hộ của cuộc Cách mạng tháng Mười để thúc đẩy công cuộc lật đổ chủ nghĩa đế quốc thế giới tiến tới một cách nhanh chóng.

Ngày 17 tháng Chạp 1924.

J. Sta-lin. Trên con đường tiến tới Cách mạng tháng Mười. Nhà xuất bản Quốc gia, 1925

CHÚ THÍCH

1. Hội nghị đại biểu XIII Đảng cộng sản (b) Nga họp ở Mạc-tư-khoa từ 16 đến 18 tháng Giêng 1924. Tham dự hội nghị có 128 đại biểu có quyền biểu quyết và 222 đại biểu có quyền phát biểu. Hội nghị đã thảo luận các vấn đề: xây dựng đảng, tình hình quốc tế và những nhiệm vụ trước mắt của chính sách kinh tế. Căn cứ theo bản báo cáo của J. Sta-lin «Về những nhiệm vụ trước mắt trong công tác xây dựng đảng», hội nghị đã thông qua hai nghị quyết: «Về việc xây dựng đảng» và «Về những kết quả chung của cuộc tranh luận và về khuynh hướng tiểu tư sản trong đảng».

   Hội nghị đã lên án phái đối lập Tơ-rốt-ski, tuyên bố rằng trong đảng còn tồn tại khuynh hướng tiểu tư sản — mà đại biểu là phái đối lập Tơ-rốt-ski — muốn thoát ly chủ nghĩa Mác, và đề nghị Ban chấp hành trung ương công bố điểm thứ 7 của nghị quyết «Về sự thống nhất của đảng» mà đại hội Đảng cộng sản (b) Nga đã thông qua theo đề nghị của V. I. Lê-nin. Những quyết nghị đó của hội nghị đã được đại hội XIII của đảng và đại hội V của Quốc tế Cộng sản phê chuẩn. (Những nghị quyết của hội nghị, xem trong cuốn *Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội, hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương*, tiếng Nga, phần I, 1941, tr. 535 - 556). — *Tr. 13.*

2. Đây muốn nói đến nghị quyết về việc xây dựng đảng đã được thông qua tại phiên họp liên tịch giữa Bộ chính trị Ban Chấp hành trung ương và đoàn chủ tịch Ban kiểm tra trung ương Đảng cộng sản (b) Nga ngày 5 tháng Chạp 1923, và đã được công bố trên báo ***Sự thật*** số 248 ngày 7 tháng Chạp 1923. Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga, họp ngày 14-15 tháng Giêng 1924, đã tổng kết cuộc tranh luận trong đảng và đã phê chuẩn nghị quyết của Bộ

chính trị Ban chấp hành trung ương và của đoàn chủ tịch Ban kiểm tra trung ương về xây dựng đảng để đưa nghị quyết đó vào hội nghị đại biểu XIII của đảng (xem *Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội, hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương*, tiếng Nga, phần I, 1941, tr. 533 - 540). — *Tr. 15.*

3. Về văn kiện của 46 phần tử thuộc phái đối lập, xem *Lịch sử Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô. Giáo trình tóm tắt*, tiếng Nga, tr. 253 - 254. — *Tr. 40.*

4. Ngày 8 tháng Năm 1923, bộ trưởng Bộ Ngoại giao Anh Kéc-dôn gửi cho Chính phủ xô-viết một tối hậu thư với những lời buộc tội có tính chất vu khống Chính phủ xô-viết. Bức tối hậu thư đòi phải triệu hồi các đại diện đặc mệnh toàn quyền xô-viết ở Ba-tư và Áp-ga-ni-stan về, phóng thích các tàu đánh cá Anh bị bắt giữ trong khi đi đánh cá trái phép tại hải phận miền Bắc Liên-xô, v.v.. Kéc-dôn dọa cắt đứt các quan hệ buôn bán trong trường hợp những điều kiện của bức tối hậu thư không được chấp nhận trong vòng 10 ngày. Bức tối hậu thư của Kéc-dôn đã tạo nên nguy cơ một cuộc can thiệp vũ trang mới. Chính phủ xô-viết đã bác bỏ những yêu cầu vô lý của chính phủ Anh đồng thời tuyên bố hoàn toàn sẵn sàng giải quyết các mối quan hệ qua lại giữa hai nước với nhau bằng đường lối hòa bình, và đã thi hành những biện pháp nhằm tăng cường khả năng bảo vệ đất nước. — *Tr. 48.*

5. Đây muốn nói đến trận tấn công của quân Đức vào lãnh thổ xô-viết hồi tháng Hai 1918 dưới quyền chỉ huy của tướng Hốp-man (về trận tấn công của Hốp-man, xem J. Sta-lin: *Toàn tập*, tiếng Nga, tập 4, tr. 38 - 48). — *Tr. 49.*

6. Đây muốn nói đến cuộc nổi loạn phản cách mạng ở Cơ-rôn-stát năm 1921 và cuộc bạo động của bọn cu-lắc ở tỉnh Tam-bốp năm 1919 - 1921. — *Tr. 49.*

7. *Ngày tháng* — báo hàng ngày của bọn xã hội chủ nghĩa-cách mạng - bạch vệ lưu vong, xuất bản ở Bá-linh từ tháng Mười 1922. — *Tr. 57.*

8. *Bình minh* — tạp chí của bọn men-sê-vích - bạch vệ lưu vong thuộc phái hữu, xuất bản ở Bá-linh từ tháng Tư 1922 đến tháng Giêng 1924. — *Tr. 58.*

9. Đại hội II các Xô-viết Liên-xô họp ở Mạc-tư-khoa từ 26 tháng Giêng đến 2 tháng Hai 1924. Tại phiên họp đầu tiên của đại

hội dành để tưởng nhớ V. I. Lê-nin, J. Sta-lin đã đọc diễn văn, nhân danh đảng bôn-sê-vích, thề giữ vững và thực hiện những lời di huấn của Lê-nin. Nhân dịp truy điệu Lê-nin, đại hội đã thông qua lời kêu gọi «Gửi toàn thể nhân loại cần lao». Để mãi mãi tưởng nhớ Lê-nin, đại hội đã quyết định cho xuất bản *Toàn tập Lê-nin,* đổi tên thành phố Pê-tơ-rô-gơ-rát thành Lê-nin-gơ-rát, quy định ngày tang lễ, xây dựng lăng Lê-nin tại Hồng trường Mạc-tư-khoa và những tượng kỷ niệm ở thủ đô các nước Cộng hòa liên minh, cũng như ở thành phố Lê-nin-gơ-rát và Ta-sơ-ken. Đại hội đã thảo luận bản báo cáo về hoạt động của Chính phủ xô-viết, vấn đề ngân sách của Liên-xô và vấn đề thiết lập Ngân hàng nông nghiệp trung ương. Ngày 31 tháng Giêng, đại hội thông qua bản Hiến pháp đầu tiên (Đạo luật cơ bản) của Liên-xô đã được khởi thảo dưới sự chỉ đạo của J. Sta-lin. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành trung ương — Viện xô-viết liên bang và Viện xô-viết dân tộc. J. Sta-lin được bầu vào Viện xô-viết liên bang. — *Tr. 60.*

10. Đây muốn nói đến cuộc khủng hoảng kinh tế và chính trị năm 1923 ở Đức. Ở Đức lúc đó phong trào cách mạng quần chúng đã phát triển rộng rãi, kết quả là những chính phủ công nhân đã được thành lập ở Xắc-xơ và Tu-rin-ghi, một cuộc khởi nghĩa vũ trang đã nổ ra ở Hăm-bua. Sau khi đàn áp phong trào cách mạng ở Đức, thế lực phản động tư sản được tăng lên trong toàn châu Âu và nguy cơ một cuộc can thiệp mới chống nước Cộng hòa xô-viết cũng tăng lên. — *Tr. 64.*

11. *Tia lửa* — tờ báo mác-xít bất hợp pháp đầu tiên cho toàn nước Nga do Lê-nin sáng lập hồi tháng Chạp 1900 ở nước ngoài và được bí mật chuyển về nước Nga (về ý nghĩa và vai trò của báo *Tia lửa*, xem *Lịch sử Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô. Giáo trình tóm tắt*, tiếng Nga, tr. 30 - 38). — *Tr. 68.*

12. Đại hội Stốc-khôn của đảng — đại hội IV («Đại hội thống nhất») của Đảng công nhân xã hội - dân chủ Nga, họp từ 10 đến 25 tháng Tư (23 tháng Tư - 8 tháng Năm) 1906 (về đại hội Stốc-khôn, xem *Lịch sử Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô Giáo trình tóm tắt*, tiếng Nga, tr. 81 - 83). — *Tr. 70.*

13. Đại hội V (đại hội Luân-đôn) của Đảng công nhân xã hội - dân chủ Nga họp từ 30 tháng Tư đến 19 tháng Năm (13 tháng Năm đến 1 tháng Sáu) 1907 (về đại hội V Đảng công nhân xã hội - dân chủ Nga, xem J. Sta - lin : *Toàn tập*, tiếng Nga,

tập 2, tr. 46 - 77 và *Lịch sử Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô. Giáo trình tóm tắt*, tiếng Nga, tr. 85 - 87). — *Tr. 71.*

14. Ngày 3 tháng Tư 1924, Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga triệu tập một hội nghị bàn về công tác trong thanh niên, gồm có các ủy viên Ban Chấp hành trung ương đảng, các ủy viên trung ương và ủy viên dự khuyết của Ban Chấp hành trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Nga và đại biểu của các tỉnh đoàn ở 10 tỉnh lớn nhất. Hội nghị đã tổng kết cuộc tranh luận mở ra vào đầu năm 1924 về những nhiệm vụ trước mắt của đoàn thanh niên cộng sản. Trong khi thảo luận kết quả của hội nghị, Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga đã đề nghị các tổ chức đảng và đoàn ở địa phương làm sao cho trong Đoàn thanh niên cộng sản Nga có sự thống nhất và sự phối hợp công tác, kêu gọi bộ phận lãnh đạo đoàn kết nhất trí công tác nhằm hoàn thành những nhiệm vụ do đảng đề ra. — *Tr. 79.*

15. Những bài giảng *Về những nguyên lý của chủ nghĩa Lê-nin* của J. Sta-lin được đăng trên báo *Sự thật* tháng Tư và tháng Năm 1924. Tháng Năm 1924, cuốn *Về Lê-nin và chủ nghĩa Lê-nin* của J. Sta-lin được xuất bản trong đó có hồi ký *Lê-nin* và những bài giảng *Về những nguyên lý của chủ nghĩa Lê-nin*. Trước tác *Về những nguyên lý của chủ nghĩa Lê-nin* của J. Sta-lin được đưa vào trong tất cả các lần xuất bản cuốn *Những vấn đề chủ nghĩa Lê-nin* của J. Sta-lin. — *Tr. 83.*

16. C. Mác và F. Ăng-ghen: *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*, tiếng Nga, tr. 60. — *Tr. 92.*

17. Đây muốn nói đến ý kiến của C. Mác trong thư gửi F. Ăng-ghen ngày 16 tháng Tư 1856 (xem C. Mác và F. Ăng-ghen: *Thư từ chọn lọc*, tiếng Nga, 1947, tr. 86). — *Tr. 97.*

18. Đây muốn nói đến bài *Phái Ba-cu-nin đang hành động* của F. Ăng-ghen (xem C. Mác và F. Ăng-ghen: *Toàn tập*, tiếng Nga, 1933, tập 15, tr. 105 - 124). — *Tr. 98.*

19. V. I. Lê-nin: *Bệnh ấu trĩ («bệnh tả khuynh») trong phong trào cộng sản* (xem *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 31, tr. 1 - 71). — *Tr. 99.*

20. V. I. Lê-nin: *Những người « bạn dân » là thế nào và họ đấu tranh chống những người xã hội - dân chủ ra sao?* (xem *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1961, tập 1, tr. 111 - 451). — *Tr. 99.*

21. Đại hội Ba-lơ của Quốc tế II họp từ 24 đến 25 tháng Một 1912, đại hội này được triệu tập nhân cuộc chiến tranh ở Ban-căng và nguy cơ xảy ra cuộc chiến tranh thế giới. Đại hội đã thảo luận một vấn đề duy nhất là: tình hình quốc tế và những hành động chung chống chiến tranh. Trong bản tuyên ngôn đã được thông qua, đại hội kêu gọi công nhân lợi dụng tổ chức và lực lượng của giai cấp vô sản để tiến hành đấu tranh cách mạng chống lại nguy cơ chiến tranh, và tuyên bố «lấy chiến tranh chống chiến tranh». — *Tr. 100.*

22. Xem C. Mác: *Tư bản*, tiếng Nga, tập 1, 1935, tr. XXIII. — *Tr. 102*

23. Xem F. Ăng-ghen: *Lút-vích Phơ-bách và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức*, tiếng Nga, 1939, tr. 21. — *Tr. 105.*

24. Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 14. — *Tr. 105.*

25. C. Mác: *Luận cương về Phơ-bách* (xem F. Ăng-ghen: *Lút-vích Phơ-bách và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức*, tiếng Nga, 1939, Phụ lục). — *Tr. 106.*

26. V. I. Lê-nin: *chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản* (xem *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 22, tr. 233 - 378). — *Tr. 108.*

27. J. Sta-lin dẫn chứng các bài của V. I. Lê-nin viết vào năm 1905: *Đảng xã hội-dân chủ và chính phủ cách mạng lâm thời* (đoạn trích dẫn đã lấy ở bài này), *Chuyên chính dân chủ cách mạng của giai cấp vô sản và của nông dân* và *Bàn về chính phủ cách mạng lâm thời* (xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1965, tập 8, tr. 313 - 333, 334-346, 533 - 558). — *Tr. 115.*

28. C. Mác và F. Ăng ghen: *Lời kêu gọi đầu tiên của Ban chấp hành trung ương Đồng minh những người cộng sản* (xem C. Mác và F. Ăng-ghen: *Toàn tập*, tiếng Nga, 1931, tập 8 tr. 483). — *Tr. 119.*

29. Xem C. Mác và F. Ăng-ghen: *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*, tiếng Nga, 1939, tr. 10 và *Thư từ chọn lọc*, tiếng Nga, 1947, tr. 263. — *Tr. 131.*

30. Xem F. Ăng-ghen: *Vấn đề nông dân ở Pháp và ở Đức*, tiếng Nga, 1922, tr. 41 và 66 - 67. — *Tr. 148.*

31. Liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp toàn Nga — tồn tại từ tháng Tám 1921 đến tháng Sáu 1929. — *Tr. 151.*

32. Xem trước tác của Lê-nin: *Tác dụng của vàng hiện nay và sau khi chủ nghĩa xã hội hoàn toàn thắng lợi*, trong V. I. Lê-nin: *Tuyển tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, quyển II, phần 2, tr. 559. — *Tr. 184*.

33. Nghị quyết «Về sự thống nhất của đảng» do Lê-nin thảo ra và được thông qua tại đại hội X của Đảng cộng sản (b) Nga họp từ 8 đến 16 tháng Ba 1921 (xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 32, tr. 225 - 228, đồng thời cũng xem cả *Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội, hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương*, tiếng Nga, 1941, phần I, tr. 364 - 366). — *Tr. 200*.

34. Đại hội XIII Đảng cộng sản (b) Nga — đại hội đầu tiên của đảng bôn-sê-vích sau khi V. I. Lê-nin mất, họp từ 23 đến 31 tháng Năm 1924. J. Sta-lin lãnh đạo công việc của đại hội. Tham dự đại hội có 748 đại biểu có quyền biểu quyết, đại diện cho 735.881 đảng viên, trong số này có 241.591 đảng viên kết nạp khóa Lê-nin và 127.741 đảng viên dự bị trước khóa Lê-nin. Số đại biểu không có quyền biểu quyết là 416 người. Đại hội đã thảo luận báo cáo chính trị và báo cáo tổ chức của Ban Chấp hành trung ương, báo cáo của Ban Giám sát trung ương và của Ban Kiểm tra trung ương, báo cáo của đoàn đại biểu Đảng cộng sản (b) Nga trong Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản, các vấn đề tổ chức của đảng, các vấn đề nội thương và hợp tác xã, các vấn đề công tác ở nông thôn, công tác trong thanh niên, v.v..

Đại hội đã nhất trí lên án cương lĩnh hành động của phái đối lập Tơ-rốt-ski, xác định đó là khuynh hướng tiểu tư sản tách khỏi chủ nghĩa Mác, là sự xét lại chủ nghĩa Lê-nin, và đại hội đã phê chuẩn các nghị quyết của hội nghị đại biểu XIII của đảng «Về việc xây dựng đảng» và «Về những kết quả chung của cuộc tranh luận và về khuynh hướng tiểu tư sản trong đảng».

Đại hội đã nêu rõ ý nghĩa to lớn của đợt kết nạp đảng viên khóa Lê-nin và lưu ý đảng trong việc tăng cường công tác giáo dục những nguyên lý của chủ nghĩa Lê-nin cho các đảng viên trẻ của đảng. Đại hội giao trách nhiệm cho Viện V. I. Lê-nin chuẩn bị xuất bản một cách hoàn toàn khoa học và

hết sức chu đáo toàn bộ *Toàn tập* và *Tuyển tập* Lê-nin bằng tiếng của mọi dân tộc ở Liên-xô nhằm phục vụ quảng đại quần chúng công nhân. — *Tr. 207*

35. Ủy ban tương trợ xã hội của nông dân (ủy ban tương trợ của nông dân) được thành lập trực thuộc các Xô-viết nông thôn và các ủy ban hành chính xã, căn cứ theo sắc lệnh của Hội đồng dân ủy ngày 14 tháng Năm 1921 do V. I. Lê-nin ký. Các ủy ban này tồn tại cho đến năm 1933. Các ủy ban này đã được thành lập với mục đích cải thiện công tác tổ chức tương trợ xã hội cho nông dân và gia đình các chiến sĩ hồng quân, với mục đích phát triển tính chủ động và óc sáng kiến của quảng đại quần chúng nông dân. Điều lệ về các hội tương trợ nông dân do Ban Chấp hành trung ương toàn Nga và Hội đồng dân ủy nước cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga phê chuẩn hồi tháng Chín 1924, cũng đã trao cho các ủy ban tương trợ của nông dân nhiệm vụ giúp đỡ việc phát triển và củng cố các hình thức khác nhau về hợp tác xã trong dân cư nông thôn, và thu hút quần chúng bần nông và trung nông ở nông thôn vào hợp tác xã. — *Tr. 215.*

36. Ngày 23 tháng Năm 1924, thiếu niên tiền phong đã diễu hành tại Hồng trường ở Mạc-tư-khoa để chào mừng đại hội XIII Đảng cộng sản (b) Nga và đổi tên gọi tổ chức của thiếu niên tiền phong là «Đoàn thiếu niên cộng sản V. I. Lê-nin». Đoàn chủ tịch của đại hội XIII Đảng cộng sản (b) Nga đã duyệt cuộc diễu hành gồm gần 10 ngàn thiếu niên tiền phong. — *Tr. 215.*

37. Các công ty cổ phần (Quốc doanh, hợp doanh và hợp tác xã) do Bộ dân ủy Ngoại thương, Bộ dân ủy Nội thương và Bộ dân ủy Tài chính thành lập ở Liên-xô, được Hội đồng Lao động và Quốc phòng phê chuẩn. Mục đích của các tổ chức đó là thu hút tiền vốn, trong đó có cả tiền của các chủ xí nghiệp tư nhân, nhằm khôi phục thật hết sức nhanh chóng nền kinh tế quốc dân và phát triển sự trao đổi hàng hóa.

Các công ty hợp doanh, với tư cách là một trong những hình thức công ty cổ phần, đã thu hút tư bản nước ngoài để chuẩn bị sẵn ở trong nước những hàng hóa xuất khẩu, bán hàng đó ra nước ngoài và mua vào những vật phẩm cần thiết để khôi phục nền kinh tế quốc dân. Các công ty hợp doanh hoạt động dưới sự kiểm soát của Bộ dân ủy Ngoại thương. Các công ty cổ phần đã tồn tại trong thời kỳ đầu của chính sách kinh tế mới. — *Tr. 236.*

38. *Báo nông dân* — cơ quan của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô, một tờ báo có tính chất quần chúng dành cho nông thôn, xuất bản từ tháng Một 1923 đến tháng Hai 1939. — *Tr. 237.*

39. Các ủy ban bần cố nông đoàn kết những nông dân ít ruộng và không có ruộng ở U-cơ-ren, được thành lập nhằm mục đích bảo vệ những lợi ích của bần nông và trung nông. Thành lập năm 1920 và giải tán sau khi đã hoàn thành việc tập thể hóa toàn bộ vào năm 1933. Các ủy ban bần cố nông trong thời kỳ đầu (1920 - 1921), là những tổ chức chính trị góp phần củng cố chính quyền của các Xô-viết ở nông thôn. Từ ngày thi hành chính sách kinh tế mới, các ủy ban bần cố nông đã được tổ chức lại thành những tổ chức xã hội có tính chất sản xuất; nhiệm vụ cơ bản của các tổ chức ấy là thu hút nông dân vào các nông trang tập thể khác nhau. Các ủy ban bần cố nông là những người chấp hành tích cực chính sách của đảng và nhà nước ở nông thôn. — *Tr. 237.*

40. Những đơn vị bộ đội địa phương được thành lập theo sắc lệnh của Ban Chấp hành trung ương và Hội đồng dân ủy Liên-xô ngày 8 tháng Tám 1924, song song tồn tại với các đơn vị chính quy Hồng quân. Bộ đội địa phương đã được tổ chức dựa trên những nguyên tắc dân cảnh với mục đích tiến hành huấn luyện về quân sự cho những người lao động qua những kỳ hạn học tập ngắn ngày. — *Tr. 237.*

41. Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 33, tr. 231 - 291. — *Tr. 237.*

42. Đây muốn nói đến trước tác của V. I. Lê-nin *Bàn về thuế lương thực* (xem *Tuyển tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, quyển II, phần 2, tr. 486 - 524). — *Tr. 238.*

43. Đây muốn nói đến nghị quyết «Về những kết quả chung của cuộc tranh luận và về khuynh hướng tiểu tư sản trong đảng» đã được thông qua tại Hội nghị đại biểu XIII Đảng cộng sản (b) Nga ngày 18 tháng Giêng 1924 căn cứ theo báo cáo của J. V. Stalin «Về những nhiệm vụ trước mắt trong công tác xây dựng đảng» (xem *Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội, hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương*, tiếng Nga, 1941, phần I, tr. 540 - 545). — *Tr. 240.*

44. Chính sách công nhận Liên-xô của các nước tư bản chủ nghĩa được biểu thị bằng việc thiết lập các quan hệ ngoại giao với Liên-xô; tháng Hai 1924 có các nước Anh, Ý; Na-uy và Áo; tháng Ba có các nước Hy-lạp và Thụy-điển; tháng Sáu có nước Đan-mạch; tháng Mười có nước Pháp; tháng Giêng 1925 có nước Nhật và nhiều nước khác. — *Tr. 258.*

45. Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 33, tr. 231 - 291. — *Tr. 262.*

46. Xem *Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội, hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương*, tiếng Nga, 1941, phần I, tr. 566 - 568. — *Tr. 265.*

47. Xem *Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội, hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương*, tiếng Nga, 1941, phần 1, tr. 589 - 598. — *Tr. 265.*

48. Xem *Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội, hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương*, tiếng Nga, 1941, phần 1, tr. 582 - 588. — *Tr. 265.*

49. Cuộc cải cách tiền tệ là việc đổi những tiền giấy xô-viết bị mất giá bằng đồng tséc-vô-ne-tsơ (trị giá 10 rúp) có sự đảm bảo ổn định bằng vàng; Chính phủ xô-viết đã hoàn thành cuộc cải cách tiền tệ trong năm 1924. — *Tr. 267.*

50. Xem *Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội, hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương*, tiếng Nga, 1941, phần 1, tr. 578 - 582. — *Tr. 268.*

51. Xem *Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội, hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương*, tiếng Nga, 1941, phần 1, tr. 307 - 311. — *Tr. 270.*

52. Đây muốn nói đến hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga họp ngày 2 tháng Sáu 1924, sau đại hội XIII của đảng. J. Sta-lin đã được bầu làm ủy viên Bộ chính trị, Ban tổ chức, Ban bí thư Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga và lại được bầu làm tổng bí thư Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga. Hội nghị

toàn thể đã thảo luận vấn đề đoàn đại biểu của Đảng cộng sản (b) Nga trong Ban chấp hành Quốc tế Cộng sản và tại đại hội V Quốc tế Cộng sản, vấn đề tiền lương, công nghiệp luyện kim, nạn hạn hán v.v.. Để nghiên cứu cặn kẽ các vấn đề công tác ở nông thôn, hội nghị đã thông qua quyết định thành lập một tiểu ban thường trực của hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga phụ trách công tác ở nông thôn. Theo ủy nhiệm của hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga, Bộ chính trị Ban Chấp hành trung ương đã thành lập tiểu ban gồm có: V. M. Mô-lô-tốp (chủ tịch), J. Sta-lin, M. I. Ca-li-nin, L. M. Ca-ga-nô-vi-tsơ, N. K. Cơ-rúp-sca-i-a, v.v.. Căn cứ theo quyết định của hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga họp vào tháng Chín 1924, tiểu ban đã được cải tổ thành Hội nghị về công tác ở nông thôn trực thuộc Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga. — *Tr. 270.*

53. Xem *Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội, hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương*, tiếng Nga, 1941, phần 1, tr. 610 - 617. — *Tr. 272.*

54. *Thông tín viên công nhân* — tạp chí ra hàng tháng, xuất bản từ tháng Giêng 1924 đến tháng Sáu 1941. Từ tháng Giêng 1925, tạp chí được phát hành với tên là *Thông tín viên công nông. — Tr. 281.*

55. Tiểu ban Ba-lan được thành lập tại đại hội V Quốc tế Cộng sản họp ở Mạc-tư-khoa từ 17 tháng Sáu đến 8 tháng Bảy 1924. Lúc đó J. Sta-lin là ủy viên của các tiểu ban quan trọng nhất của đại hội và là chủ tịch tiểu ban Ba-lan. Nghị quyết về vấn đề Ba-lan, do tiểu ban đó đề nghị, đã được nhất trí thông qua tại phiên họp đầu tiên của hội nghị mở rộng toàn thể Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản ngày 12 tháng Bảy 1924. — *Tr. 284.*

56. Nhóm Bơ-ran-đơ-le là nhóm hữu, cơ hội chủ nghĩa trong Đảng cộng sản Đức. Tiến hành hợp tác vô nguyên tắc với những phần tử lớp trên của Đảng xã hội - dân chủ Đức, phái Bơ-ran-đơ-le đã góp phần làm cho giai cấp công nhân Đức bị thất bại trong thời kỳ những sự biến cách mạng năm 1923. Đại hội V Quốc tế Cộng sản (1924) đã lên án đường lối đầu hàng của nhóm Bơ-ran-đơ-le. Theo quyết định của hội nghị toàn thể V mở rộng của Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản

ngày 4 tháng Tư 1925, nhóm Bơ-ran-đơ-le bị cấm không được can thiệp vào công việc của Đảng cộng sản Đức và không được tham gia công tác của Quốc tế Cộng sản. Năm 1929, Bơ-ran-đơ-le bị khai trừ khỏi hàng ngũ đảng cộng sản vì tội hoạt động bè phái. — *Tr. 287.*

57. Đây muốn nói đến bài thơ «Ti-a-ga» của Đ. Bết-nưi (xem Đ. Bết-nưi: *Toàn tập*, tiếng Nga, 1928, tập 9, tr. 86 - 93). — *Tr. 295.*

58. «Liên minh phái tả» ở Pháp là liên minh của những người cấp tiến và xã hội - cấp tiến đứng đầu là Ê-đu-a E-ri-ô, là người lên nắm chính quyền vào tháng Năm 1924. Chính phủ của «liên minh phái tả» dùng những lời nói rỗng tuếch «thiên tả» để giấu mình, còn trên thực tế thì đã tích cực giúp đỡ chủ nghĩa đế quốc Pháp trong chính sách đối nội và đối ngoại của nó. Chính phủ E-ri-ô nắm giữ chính quyền cho đến tháng Tư 1925. — *Tr. 301.*

59. Hội nghị Luân-đôn của khối Đồng minh họp từ 16 tháng Bảy đến 16 tháng Tám 1924. Tham dự hội nghị có các nước Anh. Pháp, Mỹ, v.v.. Hội nghị được triệu tập để thảo luận và giải quyết vấn đề bồi thường chiến tranh với nước Đức. — *Tr. 306.*

60. Chính phủ công nhân Xắc-xơ được thành lập ngày 11 tháng Mười 1923 do kết quả của phong trào cách mạng quần chúng phát triển rộng rãi trong toàn bộ nước Đức. Tham gia chính phủ đó có 5 đảng viên xã hội - dân chủ và 2 đảng viên cộng sản. Chính phủ do Xây-gơ-ne, đảng viên xã hội - dân chủ «cánh tả», lãnh đạo. Những đảng viên cộng sản tham gia chính phủ Xắc-xơ đã thực hành chính sách đầu hàng của nhóm lãnh đạo Bơ-ran-đơ-le trong Đảng cộng sản Đức và cùng với «cánh tả» đảng xã hội - dân chủ, họ đã phá hoại việc vũ trang cho giai cấp vô sản và sự phát triển của cách mạng ở Đức. Ngày 30 tháng Mười 1923, quân đội đế quốc đã giải tán chính phủ công nhân Xắc-xơ. — *Tr. 313.*

61. Nhóm Xu-va-rin là nhóm cơ hội chủ nghĩa trong Đảng cộng sản Pháp, do Xu-va-rin, một kẻ ủng hộ nhiệt liệt Tơ-rốt-ski, lãnh đạo. Ủng hộ phái đối lập Tơ-rốt-ski trong Đảng cộng sản (b) Nga, nhóm Xu-va-rin đã vu khống Đảng cộng sản Pháp và Quốc tế Cộng sản, vi phạm nghiêm trọng kỷ luật đảng. Năm 1924, hội nghị toàn thể mở rộng IV của Ban Chấp hành Quốc tế cộng sản đã thỏa mãn yêu sách của Đảng cộng sản Pháp đòi khai trừ Xu-va-rin ra khỏi Đảng cộng sản Pháp, và

đến năm 1926 thì hội nghị toàn thể mở rộng VII của Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản đã khai trừ y ra khỏi hàng ngũ Quốc tế cộng sản vì tội hoạt động tuyên truyền phản cách mạng. — *Tr. 313.*

62. Đại hội toàn thế giới V của Quốc tế Cộng sản họp ở Mạc-tư-khoa từ 17 tháng Sáu đến 8 tháng Bảy 1924. Tham dự đại hội có 510 đại biểu, đại diện cho 60 tổ chức của 49 nước.

Đại hội đã thảo luận các vấn đề hoạt động của Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản, về tình hình kinh tế thế giới, về tình hình kinh tế ở Liên-xô và cuộc tranh luận trong Đảng cộng sản (b) Nga, về chủ nghĩa phát xít, về sách lược trong phong trào công đoàn, về các chi bộ các đơn vị sản xuất, vấn đề đảng trong một số nước riêng biệt, vấn đề cương lĩnh, vấn đề dân tộc, vấn đề ruộng đất và những vấn đề khác nữa. J. V. Sta-lin là ủy viên đoàn chủ tịch đại hội và là ủy viên các tiểu ban quan trọng nhất của đại hội: các tiểu ban chính trị, cương lĩnh, đề dự thảo nghị quyết về chủ nghĩa Lê-nin, và là chủ tịch tiểu ban Ba-lan. Đại hội V Quốc tế Cộng sản đã nhất trí ủng hộ đảng bôn-sê-vích trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa Tơ-rốt-ski. Đại hội đã thông qua nghị quyết của hội nghị đại biểu XIII của đảng và của đại hội XIII Đảng cộng sản (b) Nga «Về những kết quả chung của cuộc tranh luận và về khuynh hướng tiểu tư sản trong đảng» và đã quyết định công bố nghị quyết đó với tính cách là nghị quyết của đại hội. Đại hội đã thông qua quyết định về việc củng cố các đảng cộng sản ở các nước tư bản chủ nghĩa, về việc bôn-sê-vích hóa các đảng đó và biến các đảng đó thành những đảng thực sự quần chúng, dựa vào các công đoàn. — *Tr. 314.*

63. Quốc tế công đoàn tức Quốc tế công đoàn đỏ, thành lập năm 1921 và tồn tại cho đến cuối năm 1937. Quốc tế công đoàn đã đoàn kết các công đoàn cách mạng lại và đứng trên lập trường của Quốc tế Cộng sản. — *Tr. 315.*

64. Hội liên hiệp công đoàn Am-stéc-đam (Quốc tế Am-stéc-đam) là Hội liên hiệp công đoàn quốc tế; thành lập vào tháng Bảy 1919 tại đại hội quốc tế ở Am-stéc-đam. Nó bao gồm các công đoàn cải lương ở một số nước Tây Âu và Mỹ; trong cương lĩnh và sách lược, nó đứng trên lập trường phản cách mạng, thù địch với chủ nghĩa cộng sản. Do việc thành lập Hội liên hiệp công đoàn toàn thế giới tại đại hội I các công đoàn toàn

thế giới (tháng Chín - tháng Mười 1945), Hội liên hiệp công đoàn Am-stéc-đam không còn tồn tại nữa. — *Tr. 315.*

65. Nhóm tả Lê-vi là một nhóm trong Đảng xã hội - dân chủ Đức. Tháng Mười 1923, khi chính phủ công nhân Xắc-xơ được thành lập, nhóm Lê-vi vì sợ mất ảnh hưởng trong quần chúng công nhân, nên đã tuyên bố sẵn sàng công tác chung với những người cộng sản, nhưng sự thực thì đã che giấu chính sách phản cách mạng của đảng xã hội - dân chủ và đã giúp giai cấp tư sản đàn áp phong trào cách mạng của giai cấp vô sản. — *Tr. 318.*

66. Hội nghị các bí thư chi bộ nông thôn, do Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga triệu tập, họp từ 21 đến 24 tháng Mười 1924. Tham dự hội nghị có 64 cán bộ từ các địa phương đến, trong đó có 4 đại biểu của các đảng ủy các tỉnh lớn và tỉnh nhỏ ở vùng trung tâm, 15 đại biểu của các đảng ủy khu và huyện, 17 đại biểu của các đảng ủy xã, 11 đại biểu của các chi bộ thôn, 11 đại biểu của các chi bộ thanh niên cộng sản và 4 đại biểu cho các cán bộ tổ chức phụ nữ nông dân xã. Hội nghị đã nghe báo cáo của V. M. Mô-lô-tốp: «Về những nhiệm vụ trước mắt của các chi bộ nông thôn», báo cáo của M. I. Ca-li-nin: «Điều lệ mới về các ủy ban tương trợ của nông dân», báo cáo của L. M. Ca-ga-nô-vi-tsơ: «Về bộ máy xô-viết cơ sở», báo cáo của N. K. Cơ-rúp-sca-i-a: «Công tác giáo dục chính trị ở nông thôn», các báo cáo của địa phương và các báo cáo khác. J. V. Sta-lin đã tham gia công việc của hội nghị và trong phiên họp ngày 22 tháng Mười, đã đọc diễn văn «Về những nhiệm vụ trước mắt của đảng ở nông thôn». — *Tr. 322.*

67. Đây muốn nói đến cuộc bạo động phản cách mạng ở Giê-oóc-gi vào cuối tháng Tám 1924, do bọn men-sê-vích và tư sản dân tộc chủ nghĩa Giê-oóc-gi tổ chức với sự giúp đỡ của các lãnh tụ Quốc tế II và bọn tay sai nước ngoài. Với sự giúp đỡ tích cực của công nhân và quần chúng nông dân lao động ở Giê-oóc-gi cuộc bạo động đã nhanh chóng bị dẹp tan. — *Tr. 328.*

68. Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 33, tr. 273. — *Tr. 333.*

69. Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga họp từ 25 đến 27 tháng Mười 1924. Hội nghị toàn thể đã thảo luận các vấn đề kinh tế và bản báo cáo của V.M. Mô-lô-tốp: «Những nhiệm vụ trước mắt trong công tác ở nông thôn». Hội nghị toàn thể đã thông qua nghị quyết «Về những nhiệm

vụ trước mắt trong công tác ở nông thôn», trong đó đề ra cho các tổ chức đảng những chỉ thị bổ sung nhằm phát triển thêm nghị quyết của đại hội XIII của đảng về công tác ở nông thôn. J. V. Sta-lin đã lãnh đạo công việc của hội nghị toàn thể và trong phiên họp ngày 26 tháng Mười đã đọc diễn văn «Về những nhiệm vụ của đảng ở nông thôn». — *Tr. 334.*

70. Ủy ban liên lạc «gồm có Tsê-khê-ít-dê, Stéc-lốp, Xu-kha-nốp, Phi-líp-pốp-ski, và Scô-bê-lép (về sau thêm Tséc-nốp và Txê-rê-tê-li), do Ban Chấp hành men-sê-vích xã hội chủ nghĩa - cách mạng của Xô-viết đại biểu công nhân và binh sĩ Pê-tơ-rô-gơ-rát thành lập ngày 7 tháng Ba 1917 để liên lạc với Chính phủ lâm thời, «gây ảnh hưởng» đối với chính phủ đó và «kiểm soát» hoạt động của chính phủ đó. Sự thực thì «ủy ban liên lạc» đã giúp Chính phủ lâm thời thực hiện chính sách của giai cấp tư sản và ngăn cản quần chúng công nhân tiến hành đấu tranh cách mạng tích cực nhằm chuyển toàn bộ chính quyền về tay các Xô-viết. «Ủy ban liên lạc» tồn tại cho đến tháng Năm 1917, khi các đại biểu men-sê-vích và xã hội chủ nghĩa - cách mạng tham gia trực tiếp vào Chính phủ lâm thời. — *Tr. 354.*

71. Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 24, tr. 11 - 19. — *Tr. 355.*

72. Hội nghị toàn thành Pê-tơ-rô-gơ-rát của Đảng công nhân xã hội - dân chủ (b) Nga họp từ 27 tháng Tư đến 5 tháng Năm (14-22 tháng Tư) 1917. Tham dự hội nghị có 57 đại biểu. Tham gia công tác hội nghị có V. I. Lê-nin và J. V. Sta-lin. V. I. Lê-nin đã đọc báo cáo về tình hình hiện tại, bản báo cáo đó đã lấy những luận cương tháng Tư của Người làm cơ sở. J. V. Sta-lin lúc đó là ủy viên tiểu ban dự thảo nghị quyết căn cứ theo báo cáo của V. I. Lê-nin. — *Tr. 355.*

73. Về hội nghị tháng Tư toàn Nga VII của những người bôn-sê-vích, xem *Lịch sử Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô. Giáo trình tóm tắt*, tiếng Nga, tr. 180 - 184. — *Tr. 355.*

74. Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 23, tr. 377 - 433. — *Tr. 356.*

75. Xem «Diễn văn của V. I. Lê-nin đọc ngày 24 (11) tháng Sáu 1917 trước ban chấp hành đảng bộ Pê-tơ-rô-gơ-rát Đảng công

nhân xã hội - dân chủ (b) Nga về việc bãi bỏ cuộc biểu tình» (*Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 25, tr. 86 - 88). — *Tr. 361.*

76. Đại hội các Xô-viết đại biểu công nhân và binh sĩ khu Bắc họp từ 24 đến 26 (11 đến 13) tháng Mười 1917 ở Pê-tơ-rô-gơ-rát dưới sự lãnh đạo của những người bôn-sê-vích. Tham dự đại hội có các đại biểu của Pê-tơ-rô-gơ-rát, Mạc-tư-khoa, Cơ-rôn-stát, Nốp-gô-rốt, Rê-vê-li-a, Hen-xin-pho, Vư-boóc-gơ và các thành phố khác, tất cả là 94 đại biểu trong đó có 51 đảng viên bôn-sê-vích. Đại hội đã thông qua nghị quyết về sự cần thiết phải chuyển ngay lập tức toàn bộ chính quyền vào tay các Xô-viết ở trung ương và ở địa phương; đại hội kêu gọi nông dân ủng hộ cuộc đấu tranh cho Chính quyền xô-viết, và chính bản thân các Xô-viết hãy hoạt động tích cực và thành lập các ủy ban quân sự cách mạng để tổ chức vũ trang bảo vệ cách mạng. Đại hội đã lập ra một ủy ban khu Bắc, ủy nhiệm cho ủy ban này chuẩn bị triệu tập đại hội II các Xô-viết toàn Nga và thống nhất hoạt động với tất cả các Xô-viết trong khu. — *Tr. 363.*

77. Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 26, tr. 213. — *Tr. 367.*

78. Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 26, tr. 216 - 217. — *Tr. 367.*

79. Cuốn sách của J. V. Sta-lin *Trên con đường tiến tới Cách mạng tháng Mười* được xuất bản hai lần vào tháng Giêng và tháng Năm 1925. Các bài báo và diễn văn in trong cuốn sách đó đã được xuất bản trong *Toàn tập* J. V. Sta-lin, tập 3. Lời tựa đã được tác giả hoàn thành vào tháng Chạp 1924 và chỉ đăng toàn văn trong cuốn *Trên con đường tiến tới Cách mạng tháng Mười*. Đại bộ phận lời tựa, dưới nhan đề chung «Cách mạng tháng Mười và sách lược của những người cộng sản Nga» được in trong tất cả các lần xuất bản cuốn *Những vấn đề chủ nghĩa Lê-nin* của J. V. Sta-lin, trừ những tuyển tập khác và những cuốn sách riêng. Một phần lời tựa là chú thích của tác giả cho bài «Phản đối chế độ liên bang» và đã được đăng trong J. V. Sta-lin: *Toàn tập*, tập 3. — *Tr. 381.*

80. Xem C. Mác và F. Ăng-ghen: *Thư từ chọn lọc*, tiếng Nga, 1947, tr. 262 - 264. — *Tr. 420.*

THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP

1924

4 tháng Giêng.	J. V. Sta-lin được hội nghị đại biểu Đảng cộng sản (b) Nga khu Pơ-re-sni-a đỏ cử làm đại biểu đi dự hội nghị đảng của tỉnh Mạc-tư-khoa.
9 tháng Giêng.	J. V. Sta-lin nói chuyện với phóng viên thông tấn xã Rô-sta về cuộc tranh luận về vấn đề tình hình nội bộ đảng.
14-15 tháng Giêng.	J. V. Sta-lin lãnh đạo công tác của hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga.
14 tháng Giêng.	Tại hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga, J. V. Sta-lin báo cáo về dự án nghị quyết thảo cho hội nghị đại biểu XIII của đảng «Về những nhiệm vụ trước mắt trong công tác xây dựng đảng».
15 tháng Giêng.	Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga phê chuẩn J. V. Sta-lin làm báo cáo viên tại hội nghị đại biểu XIII Đảng cộng sản (b) Nga về vấn đề «Về những nhiệm vụ trước mắt trong công tác xây dựng đảng».
16-18 tháng Giêng.	J. V. Sta-lin lãnh đạo công tác của hội nghị đại biểu XIII Đảng cộng sản (b) Nga.
16 tháng Giêng.	Hội nghị đại biểu XIII Đảng cộng sản (b) Nga bầu J. V. Sta-lin vào đoàn chủ tịch hội nghị.

17 tháng Giêng.	J. V. Sta-lin đọc báo cáo «Về những nhiệm vụ trước mắt trong công tác xây dựng đảng» tại hội nghị đại biểu XIII Đảng cộng sản (b) Nga.
18 tháng Giêng.	J. V. Sta-lin đọc lời kết luận về bản báo cáo «Về những nhiệm vụ trước mắt trong công tác xây dựng đảng» tại hội nghị đại biểu XIII Đảng cộng sản (b) Nga.
19 tháng Giêng.	Đại hội XI các Xô-viết toàn Nga bầu J. V. Sta-lin vào đoàn chủ tịch đại hội.
21 tháng Giêng	
6 giờ 50 phút tối.	V. I. Lê-nin mất (ở Goóc-ki).
9 giờ 30 phút tối.	J. V. Sta-lin cùng các ủy viên khác trong Bộ chính trị Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga đi Goóc-ki.
22 tháng Giêng.	J. Sta-lin sửa chữa lại nguyên bản lời kêu gọi của đại hội toàn Nga XI các Xô-viết «Gửi toàn thể nhân dân lao động Liên-xô» viết khi V. I. Lê-nin mất.
	Trong bức điện gửi Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản Bu-kha-ra, J. V.Sta-lin báo tin V. I. Lê-nin mất, kêu gọi giữ vững đường lối lê-nin-nít củng cố khối liên minh công nông và kêu gọi đoàn kết chặt chẽ xung quanh Chính quyền xô-viết.
23 tháng Giêng *9 giờ sáng.*	J. V. Sta-lin cùng với các ủy viên Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga đưa linh cữu V. I. Lê-nin ra khỏi căn nhà ở Goóc-ki.
1 giờ 30 phút - *2 giờ 45 phút trưa.*	J. V. Sta-lin cùng với các đại biểu đại hội các Xô-viết II toàn Liên-xô và các đại biểu đại hội XI các Xô-viết toàn Nga, các ủy viên Ban Chấp hành trung ương đảng và chính phủ, các công nhân, các đại biểu những tổ chức khác nhau, đưa linh cữu V. I. Lê-nin từ nhà ga Pa-vê-lê-txơ đến trụ sở công đoàn.
6 giờ 10 phút chiều.	J. V. Sta-lin túc trực bên linh cữu V. I. Lê-nin đặt tại hội trường Trụ sở công đoàn.

25 tháng Giêng.	Báo *Sự thật* số 20 đăng lời kêu gọi của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga do J. V. Sta-lin ký tên, gửi tất cả các tổ chức đảng, các thiết chế, các cơ quan báo chí đề nghị gìn giữ và chuyển đến Viện V. I. Lê-nin trực thuộc Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga tất cả các tài liệu về V. I. Lê-nin.
26 tháng Giêng 8 giờ 24 phút - 8 giờ 40 phút tối.	Tại phiên họp của đại hội II các Xô-viết toàn Liên-xô dành để truy điệu Lê-nin, J. V. Sta-lin đã đọc bài diễn văn *Truy điệu Lê-nin* và, nhân danh đảng bôn-sê-vích, nguyện giữ vững và thực hiện những lời di huấn của Lê-nin.
27 tháng Giêng 8 giờ sáng.	J. V. Sta-lin túc trực bên linh cữu V. I. Lê-nin đặt tại hội trường Trụ sở công đoàn.
8 giờ 30 phút sáng.	J. V. Sta-lin đứng ở phía đầu linh cữu Lê-nin đặt ở hội trường Trụ sở công đoàn.
9 giờ sáng.	J. V. Sta-lin cùng với đại biểu công nhân đưa linh cữu V. I. Lê-nin ra khỏi Trụ sở công đoàn.
4 giờ chiều.	Khi kết thúc lễ truy điệu tại Hồng trường, J. V. Sta-lin, V. M. Mô-lô-tốp, v.v. đã khiêng linh cữu V. I. Lê-nin từ trên đài và đưa vào lăng.
28 tháng Giêng.	J. V. Sta-lin đọc diễn văn tại cuộc họp mặt buổi tối với những học viên Trường quân chính Cơ-rem-lanh của Ban Chấp hành trung ương toàn Nga, để tưởng niệm V. I. Lê-nin.
29 tháng Giêng.	Tại phiên họp của đại hội XI các Xô-viết toàn Nga, J. V. Sta-lin được bầu làm ủy viên Ban Chấp hành trung ương toàn Nga.
25-31 tháng Giêng.	J. V. Sta-lin lãnh đạo công tác của hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga.

30 tháng Giêng.	J. V. Sta-lin được bầu làm ủy viên đoàn chủ tịch đại hội II các Xô-viết toàn Liên-xô.
2 tháng Hai.	Tại phiên họp của đại hội II các Xô-viết toàn Liên-xô, J. V. Sta-lin được bầu làm ủy viên Viện liên bang của Ban Chấp hành trung ương toàn Liên-xô.
	Tại phiên họp của kỳ họp thứ nhất của Ban Chấp hành trung ương toàn Liên-xô khóa II, J. V. Sta-lin được bầu làm ủy viên đoàn chủ tịch Ban Chấp hành trung ương toàn Liên-xô.
	Tại phiên họp của kỳ họp thứ nhất của Ban Chấp hành trung ương toàn Nga khóa XI, J. V. Sta-lin được bầu làm ủy viên đoàn chủ tịch Ban Chấp hành trung ương toàn Nga.
3 tháng Hai.	Tại phiên họp của hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga, J. V. Sta-lin đọc báo cáo của tiểu ban điều tra tình hình Hồng quân.
5, 12 tháng Ba.	Theo chỉ thị của J. V. Sta-lin, tiểu ban phụ trách làm cho tên tuổi I. Lê-nin đời đời bất diệt — đây là tiểu ban của Ban Chấp hành trung ương toàn Liên-xô — họp hội nghị với các nhà khoa học xuất sắc ở trong nước để bàn về vấn đề bảo tồn thi hài V. I. Lê-nin.
25 tháng Ba.	J. V. Sta-lin hoàn thành trước tác *Chương trình của hội nghị học tập về chủ nghĩa Lê-nin. Chương trình của hội nghị học tập về chủ nghĩa Lê-nin* được đăng trong tạp chí *Thanh niên đỏ* số 1 tháng Năm 1924.
27 tháng Ba.	Tại phiên họp của Bộ chính trị Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga, J. V. Sta-lin đọc báo cáo về nội thương và hợp tác xã tiêu thụ.
31 tháng Ba-2 tháng Tư.	J. V. Sta-lin lãnh đạo công tác của hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga.

1 tháng Tư. Tại phiên họp của hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga, J. V. Sta-lin đọc báo cáo về nội thương và hợp tác xã tiêu thụ.

2 tháng Tư. Tại phiên họp của hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga, J. V. Sta-lin đọc báo cáo của M. I. Ca-li-nin về công tác ở nông thôn.

3 tháng Tư. Báo *Sự thật* số 76 đăng thông báo của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga, do J. V. Sta-lin ký tên, về việc triệu tập đại hội thường kỳ XIII của Đảng cộng sản (b) Nga vào ngày 20 tháng Năm 1924.

J. V. Sta-lin đọc diễn văn tại hội nghị do Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga triệu tập bàn về công tác trong thanh niên.

Đầu tháng Tư. J. V. Sta-lin giảng bài *Về những nguyên lý của chủ nghĩa Lê-nin* tại trường Đại học Svéc-lốp.

28 tháng Tư. J. V. Sta-lin cùng với các đồng chí lão thành Ba-cu khác gửi lời chào mừng tổ chức Đảng cộng sản Ba-cu nhân lễ kỷ niệm 25 năm ngày thành lập tổ chức đó.

9 tháng Năm. Trong bức điện gửi Hội đồng quân sự cách mạng của Hạm đội Ban-tích, J. V. Sta-lin báo tin rằng vì phải chuẩn bị cho đại hội XIII sắp tới của đảng, nên không thể nhận lời đến dự ngày hội của hạm đội. Bức điện được đăng trên báo *Hạm đội Ban-tích đỏ* số 106 ngày 15 tháng Năm 1924.

11 tháng Năm. Hội nghị đại biểu XX của đảng bộ Lê-nin-gơ-rát bầu J. V. Sta-lin làm ủy viên Ban chấp hành đảng bộ tỉnh Lê-nin-gơ-rát và làm đại biểu đi dự đại hội XIII Đảng cộng sản (b) Nga.

15 tháng Năm. Đại hội III của các tổ chức cộng sản Nam Cáp-ca-dơ bầu J. V. Sta-lin làm đại biểu đi dự đại hội XIII Đảng cộng sản (b) Nga.

18 tháng Năm. Hội nghị đại biểu XII của đảng bộ tỉnh Mạc-tư-khoa bầu J. V. Sta-lin làm đại biểu đi dự đại hội XIII Đảng cộng sản (b) Nga.

23-31 tháng Năm. J. V. Sta-lin lãnh đạo công tác của đại hội XIII Đảng cộng sản (b) Nga là đại hội đầu tiên của đảng từ khi V. I. Lê-nin mất.

23 tháng Năm. J. V. Sta-lin cùng với các ủy viên đoàn chủ tịch đại hội XIII Đảng cộng sản (b) Nga duyệt cuộc diễu hành của thiếu niên tiền phong chào mừng đại hội XIII tại Hồng trường Mạc-tư-khoa.

J. V. Sta-lin tặng S. M. Ki-rốp cuốn *Về Lê-nin và chủ nghĩa Lê-nin* với dòng chữ đề: «Tặng người bạn của tôi và người anh em quý mến của tác giả. J. Sta-lin».

24 tháng Năm. J. V. Sta-lin đọc báo cáo tổ chức của Ban Chấp hành trung ương tại đại hội XIII Đảng cộng sản (b) Nga.

27 tháng Năm. J. V. Sta-lin đọc lời kết luận về bản báo cáo tổ chức của Ban Chấp hành trung ương tại đại hội XIII Đảng cộng sản (b) Nga.

29 tháng Năm. Tại đại hội XIII Đảng cộng sản (b) Nga, J. V. Sta-lin được bầu làm ủy viên tiểu ban công tác trong thanh niên.

31 tháng Năm. Tại phiên họp của đại hội XIII Đảng cộng sản (b) Nga, J. V. Sta-lin được bầu làm ủy viên Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga.

2 tháng Sáu. Tại hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga, J. V. Sta-lin được bầu làm ủy viên Bộ chính trị, Ban tổ chức, Ban bí thư và lại được bầu làm Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga.

4 tháng Sáu. Lời chào mừng gửi công nhân Ba-cu nhân việc tìm ra được một giếng dầu lửa mới,

	ở Xu-ra-khan, dưới ký tên J. V. Sta-lin và các ủy viên khác trong đoàn chủ tịch đại hội XIII Đảng cộng sản (b) Nga, đã được đăng trên báo *Công nhân Ba-cu* số 125.
12 tháng Sáu.	Bộ chính trị Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga phê chuẩn J. V. Sta-lin làm ủy viên tiểu ban công tác nông thôn của hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương.
17 tháng Sáu.	Tại lớp huấn luyện các bí thư huyện ủy, trực thuộc Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga, J. V. Sta-lin đọc báo cáo *Về những kết quả chung của đại hội XIII Đảng cộng sản (b) Nga.*
17 tháng Sáu - 8 tháng 7	J. V. Sta-lin tham gia công tác của đại hội V Quốc tế Cộng sản.
17 tháng Sáu.	J. V. Sta-lin được bầu làm ủy viên đoàn chủ tịch đại hội V Quốc tế Cộng sản.
19 tháng Sáu.	Đại hội V Quốc tế Cộng sản bầu J. V. Sta-lin làm ủy viên các tiểu ban của đại hội: tiểu ban dự thảo nghị quyết về chủ nghĩa Lê-nin, tiểu ban chính trị và tiểu ban cương lĩnh.
20 tháng Sáu.	Phiên họp của đại hội V Quốc tế Cộng sản đã phê chuẩn J. V. Sta-lin làm chủ tịch tiểu ban Ba-lan.
27 tháng Sáu.	Bộ chính trị Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga phê chuẩn J. V. Sta-lin làm ủy viên tiểu ban của Ban chấp hành trung ương về công tác trong công nhân và nông dân.
Tháng Sáu.	Tạp chí *Thông tin viên Công nhân* số 6 đã công bố cuộc nói chuyện của J. V. Sta-lin với các cộng tác viên của tạp chí về nhiệm vụ của những thông tín viên công nhân và nông dân.
1-3 tháng Bảy.	J. V. Sta-lin lãnh đạo các phiên họp tiểu ban Ba-lan của đại hội V Quốc tế Cộng sản.

3 tháng Bảy.	Tại phiên họp tiểu ban Ba-lan của đại hội V Quốc tế Cộng sản, J. V. Sta-lin đọc diễn văn *Về Đảng cộng sản Ba-lan.*
5 tháng Bảy.	J. V. Sta-lin cùng với các ủy viên khác trong đoàn chủ tịch đại hội V Quốc tế Cộng sản ký tên vào bản «Tuyên ngôn của Quốc tế Cộng sản gửi giai cấp vô sản thế giới»; bản tuyên ngôn đã được đại hội thông qua.
8 tháng Bảy.	J. V. Sta-lin được bầu làm ủy viên Ban chấp hành và ủy viên đoàn chủ tịch Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản.
15 tháng Bảy.	J. V. Sta-lin viết thư gửi Đê-mi-an Bết-nưi.
25 tháng Bảy.	Lời kêu gọi của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga, dưới ký tên J. V. Sta-lin, gửi tất cả các tổ chức đảng về những biện pháp đấu tranh chống hạn và chống những hậu quả của nạn hạn hán, — đã được đăng trên báo *Sự thật*, số 167.
28 tháng Bảy.	Tại phiên họp của Ban tổ chức Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga, J. V. Sta-lin phát biểu về báo cáo của tiểu ban của Ban tổ chức về công tác trong Hồng quân.
31 tháng Bảy.	Trong thư gửi Ma-nu-in-ski, J. V. Sta-lin viết lời nhận xét nghị quyết của đại hội V Quốc tế Cộng sản về vấn đề dân tộc ở Trung Âu và ở Ban-căng, về vấn đề phương Đông và vấn đề thuộc địa.
Tháng Bảy.	J. V. Sta-lin sửa chữa lại nguyên bản lời kêu gọi của Ban chấp hành Quốc tế Cộng sản «Gửi tất cả các tổ chức của Đảng cộng sản Ba-lan».
2 tháng Tám.	J. V. Sta-lin viết bài «Về I-a. M. Svéc-lốp».
4 tháng Tám.	Tại phiên họp của Ban tổ chức Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga,

	J. V. Sta-lin phát biểu về báo cáo của tiểu ban của Ban tổ chức về phong trào thiếu niên tiền phong.
11 tháng Tám.	Tại phiên họp của Ban tổ chức Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga, J. V. Sta-lin phát biểu về báo cáo của tiểu ban của Ban tổ chức về giáo dục đảng viên khóa Lê-nin.
16-20 tháng Tám.	J. V. Sta-lin lãnh đạo công tác của hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga.
12 tháng Chín.	J. V. Sta-lin hoàn thành bài *Về tình hình quốc tế.* Bài này được đăng ngày 20 tháng Chín trong báo *Sự thật* số 214 và trong tạp chí *Người bôn-sê-vích* số 11.
20 tháng Mười.	J.V. Sta-lin nói chuyện với các thông tín viên trẻ tuổi của tạp chí *Những người xây dựng trẻ tuổi.*
21-24 tháng Mười.	J. V. Sta-lin tham gia công tác của hội nghị các bí thư chi bộ nông thôn do Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga triệu tập.
22 tháng Mười.	J. V. Sta-lin đọc diễn văn *Về những nhiệm vụ trước mắt của đảng ở nông thôn* tại hội nghị các bí thư chi bộ nông thôn do Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga triệu tập.
25-27 tháng Mười.	J. V. Sta-lin lãnh đạo công tác của hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga.
26 tháng Mười.	J. V. Sta-lin đọc diễn văn *Về những nhiệm vụ trước mắt của đảng ở nông thôn* tại hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga.
Trước ngày 7 tháng Một.	J. V. Sta-lin tiếp đoàn đại biểu công nhân nhà máy «Đi-na-mô» đến mời Người tới dự phiên họp trọng thể của tập thể nhà

máy trong ngày lễ kỷ niệm lần thứ bảy cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại.

7 tháng Một. J. V. Sta-lin đọc diễn văn tại phiên họp trọng thể của tập thể nhà máy «Đi-na-mô», kỷ niệm lần thứ bảy Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại và khai mạc tấm bảng kỷ niệm ghi nhớ ngày V. I. Lê-nin tới thăm nhà máy vào năm 1921. J. V. Sta-lin đã ghi lưu niệm trên sổ vàng của nhà máy «Đi-na-mô».

15 tháng Một. J. V. Sta-lin viết lời chào mừng Đội kỵ binh đầu tiên nhân ngày kỷ niệm năm năm thành lập đội kỵ binh.

16 tháng Một. Theo ủy nhiệm của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga, J. V. Sta-lin viết thư gửi Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản Đức nhân cuộc bầu cử Quốc hội sắp tới; trong thư Người vạch trần vai trò phản trắc của Đảng xã hội-dân chủ phản cách mạng Đức.

17 tháng Một. Báo nông dân số 51 đã đăng lời chào mừng của J. V. Sta-lin gửi *Báo nông dân* nhân ngày kỷ niệm báo đó được một năm.

19 tháng Một. J. V. Sta-lin đọc diễn văn: *Chủ nghĩa Tơ-rốt-ski hay là chủ nghĩa Lê-nin?* tại hội nghị toàn thể đảng đoàn cộng sản trong Hội đồng trung ương các công đoàn toàn Nga.

20 tháng Một. Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga phê chuẩn J. V. Sta-lin làm ủy viên Hội đồng Viện V. I. Lê-nin trực thuộc Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga.

29 tháng Một. Nhân danh Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga, J. V. Sta-lin gửi thư cho Ban Chấp hành trung ương Đảng

cộng sản (b) U-cơ-ren nói về vấn đề đấu tranh chống chủ nghĩa Tơ-rốt-ski.

8 tháng Chạp. Tại phiên họp của Ban tổ chức Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga, J. V. Sta-lin phát biểu về báo cáo của tiểu ban giáo dục đảng viên khóa Lê-nin.

17 tháng Chạp. J. V. Sta-lin hoàn thành lời tựa cuốn *Trên con đường tiến tới Cách mạng tháng Mười.*

19 tháng Chạp. J. V. Sta-lin ký thông tri của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga gửi tất cả các tổ chức đảng về việc triệt để thực hiện quyết nghị của đại hội XIII Đảng cộng sản (b) Nga về vấn đề nội thương.

MỤC LỤC

In 5.200 cuốn tại Nhà máy in Tiến bộ Hà-nội. Khổ 13 × 19.
Xong ngày 10-10-1969. — Số Xuất bản: 49. — Số in: 1227.
Gửi lưu chiểu tháng 10-1969

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Phan-tiến-Tích

Phụ trách bản thảo:

Phạm-Thành

Đào-Giục

Trình bày: *Trịnh-Lễ*